The Firmament

Literary Journal

Thế Hữu Vǎn đàn April
2023

Chùa Một Cột - One Pillar Pagoda, Hanoi

https://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/thumb/9/90/One_Pillar_Pagoda_Hanoi.jpg/286px-One_Pillar_Pagoda_Hanoi.jpg

Marceline Desbordes-Valmore

https://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/thumb/0/0c/Marceline_Desbordes-Valmore.jpg/358px-Marceline_Desbordes-Valmore.jpg

Back to Contents

Contents

To the Reader. ... 5
Nguyễn Lê Hiếu. *Nói tiếng Việt, vài ý vụn-vặt góp thêm* ... 6
Đàm Duy Tạo. *Kim Vân Kiều Đính Giải (Còn tiếp)* ... 13
Gs Nguyễn Ngọc Hà. *Nhận xét về thơ "Say đi em" của Ts Vũ Hoàng Chương và bản dịch tiếng Pháp của Gs T. Le* ... 43
Đàm Trung Phán. *Đời Đi Dạy Học tại Canada- Hai - Chân Trời Mới* ... 48
Nguyễn Thị Mắt Nâu. *Bài Thơ Hồ Trường-Nguyễn Bá Trác-Nỗi Uất Hận Lưu Vong* ... 54
Nguyễn Giụ Hùng. *Thăng Long- Hà Nội Năm Xưa* ... 65
Thomas D. Le. *French Poetry: Part 2-Marceline Desbordes-Valmore* ... 76
Khuất Duy Tường. *Cảm Hoài Mỹ Nhân Ngư* ... 89
Nguyễn Văn Ưu. *A có Phải Thật Là A hay không?* ... 92
Nguyễn Lương Duyên. *Để Góp Thêm Thú Vị cho những Người Yêu Thích Lan-Phần 1/2* ... 108
TMCS, *Poetry in Translation. Đồng Đức Bốn - Chăn Trâu Đốt Lửa trên Đồng* ... 132
Vũ Thị Ngọc Thư. *Hạt Mưa Ký Ức...* ... 134
Dã Thảo. *Frédéric Chopin-Một Định Mệnh Siêu Phàm- Một Luồng Gió Lãng Mạn* ... 147
Sóng Việt Đàm Giang. *Tích Song Song Lệnh – Lưu Yêm* ... 153
Nguyễn-Lê-Hiếu. *Nguyễn-Mạnh-Tường và Hiệp-Sĩ Lanval* ... 155
Nguyễn Giụ Hùng. *Baltimore với Hải Cảng Inner Harbor* ... 160
Cao My Nhân. *Dư Âm Một Dòng Họ* ... 166
Tuệ Nga, *Mưa Hoa Nhiệm Mầu-Music Vĩnh Điện-Translation Vương Thanh* ... 170
Phan Khâm. *Vương Thanh Nhà Thơ Tâm Huyết* ... 173
Phương Hoa. *Chiếc Nanh Heo Rừng* ... 181
Gs Trương Thiệu Hùng. *Làm Đẹp cho Bài Viết #2* ... 191
Yên Sơn. *Sứ Mệnh Tinh Thần - Phần Một* ... 207
Nguyễn Cầm Xuyên. *Liêu Trai Chí Dị* ... 219
Nguyễn Ngọc Hà. *Ngôi Trường trên Đồi* ... 226
Thái Công Tụng. *Thế Giới Thực Vật qua Thi Ca Việt* ... 232
Linh Vang. *Một Thoáng Hương Xưa* ... 243
Thomas D. Le. *Vietnamese Poetry with Translation - Part 3 - Chế Lan Viên* ... 248
Phí Minh Tâm. *Thơ Đường Luật Tại Việt Nam* ... 251
Vương Thanh. *Giới Thiệu Các Thi, Nhạc, Nghệ Sĩ trong Vườn Tao Đàn Facebook của Vương Thanh* ... 266
VânLan *Thư Tràng An - Kính Gửi Thầy!* ... 271
Phương Hoa. *Giới Thiệu Sách Mới & Phỏng Vấn Nữ Sĩ Cao My Nhân Về Tập Thơ "Chim Bay Mỏi Cánh"* ... 275
Nguyễn Thị Mắt Nâu. *Mảnh Đời Xa Xứ* ... 281
Nguyễn Giụ Hùng. *Vô Thần* ... 284
Nguyễn Ngọc Hà. *Dạt Dào* ... 290
Nguyễn Thị Mắt Nâu. *Xuân của Đất Trời: Cao Hồ Cốt & Sâm, Nhung, Quế, Phụ* ... 292
Nguyễn Giụ Hùng. *Đon Nhà Đon Cửa* ... 298
Poetry Corner ... 304
- Hoàng Tâm Hilton. *Thất Thập Cảm Tác, v.v.* ... 304
- Nguyễn Thị Mắt Nâu. *Sỏi Đá Đùa Nhau* ... 307
- Dã Thảo. *Tâm Sự, Yêu Muộn*, v.v. ... 308
- Nguyễn Ngọc Hà. *Xao Xuyến Xuân Xưa* ... 311
- Lê Diễm Chi Huê. *Xuân Mộng, Đêm Quanh* ... 313
- Yên Sơn. *Tâm Sự Với Biển, Tôi Nói Với Tôi* ... 314
- Vân Lan Thanh Trà Tiên Tử. Haiku: *Four Seasons* ... 315
- Phạm Xuân Lương. *Hỉ Chúc Phạm Quân* ... 317
- Tâm Minh Ngô Tăng Giao. (tr). *The Land of Stories-Books, etc.* ... 318
- Võ Thị Như Mai. *Rằng, Tháng Tư, v.v.* ... 324
- Phạm Doanh, *Hình như Đời Mất Thăng Bằng, v.v.* ... 328
- Phan Khâm. *Tà Dương, v.v.* ... 330
- Hương Cau Cao Tân. (tr.). *Bà Huyện Thanh Quan-The Tale of Kieu (to be continued)* ... 335
- Cao My Nhân. *Ta Chờ Người Suốt Cả Chiều Sương, v.v.* ... 344
- Phương Hoa. *Thế Hữu Văn Đàn, Mối Tương Tư, v.v.* ... 347
- Vuong Thanh. *Thiên Nhai Vô Đề Ca* ... 348
- Kim Oanh. *Ha Thất Thủ, Tết Võ Vàng, v.v.* ... 349

Molière. *Tartuffe,* Act III-V (the End) ... 351
Thomas D. Le. *Letters from Vincennes: Time* (cont'd) ... 388
Thomas D. Le. *Critical Thinking: Propaganda* (cont'd) ... 414

To The Reader

Dear Friend and Reader,

Welcome to Springtime! As in Vivaldi's The Four Seasons? No, as in Vân Lan's The Four Seasons, celebrated with her Haiku and images she created with AI in a triple alliance between literature, art and technology. Her epistle from the Vietnamese North is sheer beauty. Nguyễn Lê Hiếu, doctor turned scholarly linguistic researcher, shares his perspective on Vietnamese, and relates an anecdote in a captivating biography in which the hero was teaching a poem in Norman French to Vietnamese students. In a penetrating review of the poem "Say đi Em" by Vũ Hoàng Chương, French professor Nguyễn Ngọc Hà confesses her intoxication with the poem and with the translation into French by English professor Thomas Le. She recalls with nostalgic tenderness the school on the hill where she taught, and entered into a lifetime "bondage" to a colleague, scientist Trương Thiệu Hùng, who shows you how to adorn your text with stunning images and letters. Aided by a photographic memory, Đàm Trung Phán fondly recalls his colleagues at college, whom he describes with scientific exactitude. Lead writer of the Southwest Nguyễn Thị Mắt Nâu tells a tragicstory of failed acculturation along with one about a decline of folk medicine. She also presents a famous resistance poem, which inspires generations. The iconic soup called "phở" earns an accolade from the erudite philologist NguyễnVăn Ưu. Orchid lovers will find a plethora of scientific details about this graceful flower researched in depth by forest expert Nguyễn Lương Duyên. The versatile writer-poet Sóng Việt Đàm Giang translates from Chinese a poem few even know existed while the irrepressible poet Phương Hoa introduces CMN's anthologies of exquisite beauty, and recounts a tragic love that transcends all barriers of race, culture, and war. With open arms Vương Thanh invites you to his flower garden, which tens of poets grace with their incomparable ornaments. And poet-editor Phan Khâm spares no words to eulogize Vương Thanh both for his poetry and his translations into English of the tale of Kiều among other poetry. Khuất Duy Tường's little mermaid is absolutely sure to win your heart. And Dã Thảo shows how she thinks Frédéric Chopin deserved the fame of a genius.

Polyglot artist-scholar TMCS translates into three languages a bucolic poem by a poet whose portrait he drew. Poet Cao Mỵ Nhân clarifies that her lineage does not include a famous poet of the nineteenth century that was condemned to death. Tough as nails, Yên Sơn embarked on a poignant mission of mercy to a family left behind in distress, a story that brings tears to your eyes. Vũ Thị Ngoc Thu's account of a journey from the North to the South finally to the land of liberty is an extraordinary tale of human resilience. Prolific and versatile, Nguyễn Giụ Hùng offers you the pleasure of travel, spring cleaning, and, surprise, philosophy of religion in one seating. With a vast knowledge of many disciplines, Thái Công Tụng discourses on the allusions to the plant kingdom in Vietnamese poetry. If you love the weird, the bizarre, the paranormal, follow Nguyễn Cẩm Xuyên, and when you want romance back again, let the magician of psychodrama Linh Vang finesse your way to this unexpected Gordian knot of love. Then if you really want to relax, let Phi Minh Tâm ease you into the fairyland of Tang poetry amid the Vietnamese parnassus. In his Vietnamese poetry section Thomas Le showcases the one and only poet of Chamland, and in his French poetry an unforgettable engaged feminist poet of undying love, suffering and tears.

Who can pass up our poetry corner? Foremost is Đàm Duy Tạo, who leads the pack with his unparalleled interpretation of the tale of Kiều. Hương Cau Cao Tân, with his able translation of Kiều, helps to push Kiều to the pinnacle of Vietnamese poetry. I value each poet: Hoàng Tâm and her optimism, Nguyễn Thị Mắt Nâu and her pessimism, Võ Thị Như Mai and her attachments to land, Dã Thảo and her elegies of endless love, Nguyễn Ngọc Hà and her vernal nostalgia, Yên Sơn and his reflexive regrets, Lê Diễm Chi Huệ and her metaphysical sadness, Phạm Xuân Lương and his personal concerns, Ngô Tằng Giao and his translation of thoughtful verse, Phạm Doanh and his philosophical musings, Phan Khâm and his love regrets, Cao Mỵ Nhân and her meditations, Phương Hoa and her empathy, Tuệ Nga and her cosmic love, Vương Thanh and his queries about life, and Kim Oanh and her tender feelings.

The hypocrite Tartuffe ends up missing his triumph by a hair's breadth to get his just deserts and shame.

Finally, Thomas Le is seeking to understand the truth of time by turning to the scientists, and mass society will remain for review.

This Year of the Cat marks the beginning of the sixteenth year of Firmament's existence. Read it and share it with pride because it's your creation. Continue to write and create; you'll enjoy it. ■

Thomas D. Le, Editor, April 2023

Comments and submissions/commentaires et communications: thomasle22@yahoo.com . To join/pour vous inscrire à Thế Hữu Văn Đàn, click: thehuuvandan+subscribe@googlegroups.com or firmament+subscribe@googlegroups.com

Link for download to all issues of Firmament: https://vietnampoetry.wordpress.com/firmament

Back to Contents

Nói tiếng Việt, vài ý vụn-vặt góp thêm

Nguyễn-Lê-Hiếu

Một nhà giáo phàn-nàn *rằng có một số người thường nói "Đi Khám Bác Sĩ" khi đi đến phòng mạch của bác sĩ để bác sĩ khám bệnh, chữa trị cho hết bệnh ! Thay vì nói "Đi Phòng Mạch Bác Sĩ" họ nói cho vắn tắt là " Đi Khám Bác Sĩ ". Nói riết thành quen, làm cho Tiếng Việt mất đi sự trong sáng. Quý vị nghĩ sao về câu nói " Đi Khám Bác Sĩ " khi muốn nói là đi đến Phòng Mạch Bác Sĩ?*

Một nhà giáo khác góp ý: *Đi khám bệnh, đi sửa xe, đi cắt tóc, v.v. có thể coi như không đúng về văn phạm, nhưng là kiểu nói ngắn gọn, nói ra ai cũng hiểu. Liệu có cần phải nói đi để bs khám bịnh, đi để thợ cắt tóc cắt tóc cho, đi ga-ra để chiếc xe được sửa không? Và bàn thêm xa hơn nữa, phải hiểu làm sao khi hỏi một người ngoại-quốc trong quán ăn người Việt: bọn "ăn đũa" hay "ăn nĩa"? có đúng văn-phạm và có khó hiểu không?*

Những câu hỏi này đặt vấn-đề liên-hệ giữa tiếng nói thông-thường và tiếng nói chuẩn, từ tiếng nói sang chữ viết hay giữa ngôn-ngữ và văn-phạm. Trước khi tìm giải-đáp và góp ý cho các câu hỏi mà nhà giáo yêu tiếng Việt trong sáng đề ra, thử phác-họa ra bức tranh hay hoàn-cảnh ngôn-ngữ nói chung.

Liên-hệ giữa ngôn-ngữ và văn-phạm

Tiếng nói có trước, chữ viết có sau. Tiếng nói dễ phần du-dì, nhiều khi nhanh, ngắn và gọn trong câu chuyện thường ngày; khác với lời phát-biểu trang-trọng hay quan-trọng trước đám đông, thường là tiếng nói chuẩn. Chữ viết lại còn coi trọng cái chuẩn hơn nữa vì bút-sa-gà-chết. Văn-phạm gồm các quy-tắc của ngôn-ngữ, được dùng khi nói chuyện thường ngày, được theo khá kỹ trong hoàn-cảnh bài tuyên-bố trang-trọng, và rất kỹ-lưỡng trong bài viết. Cái chuẩn trong lời nói đến tự-nhiên, đứa trẻ bắt chước cách nói của mẹ-cha, cũng như trước đó, cha-mẹ bắt chước lối nói của ông-bà tổ-tiên. Các nhà ngôn-ngữ-học, dựa vào cách nói và lối viết mà truy ra các quy-tắc rồi ghi xuống thành văn-phạm. Nói cách khác, ngôn-ngữ có trước, văn-phạm xuất-hiện, theo sau ngôn-ngữ. (*Thỉnh-thoảng cũng có trường-hợp đặc-biệt như quốc-tế-ngữ Esperanto thì một người hay một nhóm nhỏ cùng nhau thỏa-thuận một số quy-tắc trước cho một cách nói hoàn-toàn xây-dựng tân-tạo để người sau xử-dụng; trường-hợp hy-hữu này, quy-tắc đi trước ngôn-ngữ.)* (1)

Khung-cảnh ngôn-ngữ đầu thế-kỷ 20

Trong hai thế-kỷ 18 và 19, Âu-châu bung ra khống-chế toàn-cầu; các ngôn-ngữ do dân Âu-châu xử-dụng thường ngày được biến-chế và giảng-dạy hoặc sử-dụng như ngôn-ngữ hành-chánh và chính-trị chính-thức ở các thuộc-địa trên khắp năm châu. (2) Sang đầu thế-kỷ 20 thì các ngôn-ngữ Âu-châu coi

như là ngôn-ngữ chính của thế-giới tiến-bộ. Các ngôn-ngữ coi là thế-giới đó có gốc chung Ấn-âu (indo-européen) thông-dụng chính ở Âu-châu (ngoại trừ một vài khu-vực nhỏ như Hung-gia-lợi hay vùng Basque giữa Pháp và Y-pha-nho) và một phần trung-nam Á. Các ngôn-ngữ gốc Ấn-âu đó lại chia thành các nhóm nhỏ (gia-đình) theo khu-vực địa-lý và lớp dân: nhóm sla-vích, nhóm gốc Hy-lạp (grec), nhóm La-mã (romane), nhóm Đức (Germanic), nhóm Celtic, nhóm Iran, nhóm Ấn-độ…v.v. Dân tri-thức và hành-chánh ở các thuộc-địa thường thông-thạo tiếng của quốc-gia nắm quyền bảo-hộ.

Bỏ ra ngoài vấn-đề chính-trị hành-chánh, mà chỉ xét theo tiếng nói của đại-chúng—đa-số dân-chúng—thì bên ngoài khu-vực Ấn-âu, còn có các ngôn-ngữ của dân Phi-châu và dân Đông-á có nguồn-gốc và quy-luật ngôn-ngữ khác với các loại ngôn-ngữ Ấn-âu.

Tiếng Việt ta là một thổ-ngữ?

Tiếng Việt viết bằng chữ Nôm có quy-tắc cho các thể văn như thấy trong chương-trình học cũng như trong các khoa thi-cử. Thi hội thường có bốn vòng (có khi giảm còn ba) mà vòng hai thường là thảo viết các loại văn cung-đình như chế, chiếu, biểu, văn sách; và vòng ba phải viết hai thể-loại thơ và phú. Ngày xưa thi bằng chữ Hán, sau phần nào chuyển sang có khi thêm Nôm. (3) Quy-tắc cho các thể-văn thì có, nhưng văn-phạm thì không nhắc đến. Khi thành-lập chữ quốc-ngữ theo mẫu-tự la-tinh thì các nhà truyền-giáo chỉ nhằm vào việc nhái-âm nghe sao thì ghi như vậy. Tuy-nhiên, Alexandre de Rhodes cũng đã tóm-tắt cách nói—như một cuốn văn-phạm ngắn gọn, dựa vào—và so-sánh theo—văn-phạm La-tinh. (4)

Giữa thập-niên 1930-40, Thạc-sỹ văn-phạm Phạm-Duy-Khiêm từ Pháp trở về xứ-sở, muốn mang chuyên-môn của mình ra phục-vụ đất nước. Ông bèn nghiên-cứu tiếng Việt, thấy ta nói và viết quốc-ngữ hoàn-toàn khác các ngôn-ngữ bên Âu-châu. Có những mệnh-đề không có động-từ, các động-từ không chia theo ngôi người nói mà cũng không biến-đổi theo thời-gian nói, quá-khứ, hiện-tại hay tương-lai; lại không có sở-hữu tính-từ, không có thể sở-hữu như tiếng Anh; lại có nhiều tiếng đệm mà thạc-sỹ ít gặp trong ngôn-ngữ tây-phương mà chính mình không hiểu nghĩa rõ-rệt như thì-thì-mà-mà; các danh-từ không tính số-lượng nhiều hay ít. Thạc-sỹ bèn đưa một ý-kiến chuyên-môn trong ngành ngôn-ngữ-học: *Tiếng Việt là một thổ-ngữ*, không theo văn-phạm như những ngôn-ngữ quen-thuộc trên thế-giới. Nhận-định chuyên-môn này gây ngộ-nhận cho nên Phạm-Duy-Khiêm bị nhiều người chỉ-trích là Tây-hóa, quá phục Pháp mà chê-bai tiếng ta.

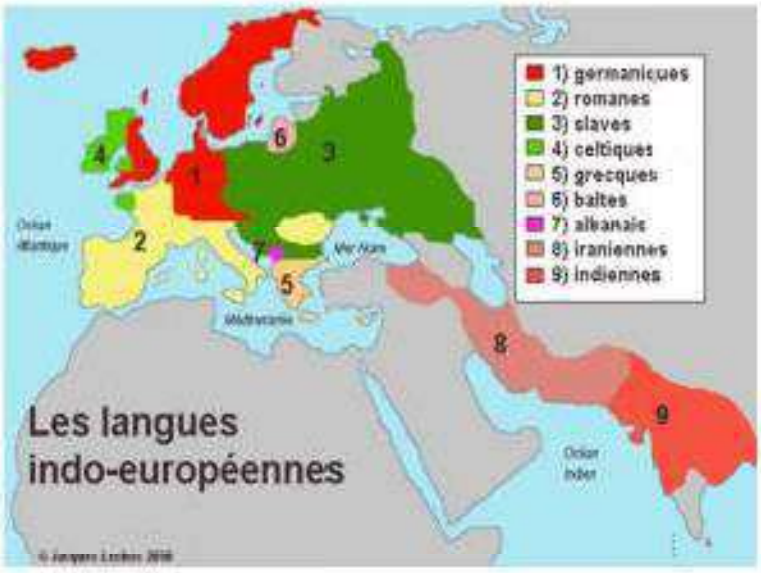

Nhận-định trên chuyên-chở bốn ý chính thì ở hoàn-cảnh của Phạm-Duy-Khiêm và vào thời-điểm đó, ba ý đầu đúng: a- tiếng ta chỉ dùng trong không-gian hạn-chế ở nước ta, ý-chính của từ "thổ-ngữ"; b- tiếng ta không thuộc đại-gia-đình ngôn-ngữ "thế-giới" Ấn-âu vào đầu thế-kỷ 20; mà c- tiếng ta không hề tiếp-xúc hay tương-tác với ngôn-ngữ Ấn-âu nên không áp-dụng những quy-tắc mà Phạm-Duy-Khiêm đã quá quen-thuộc. Còn cái ý thứ tư của Phạm-Duy-Khiêm thì "tốt", ông bắt tay với những nhà-giáo tiền-phong để nghiên-cứu văn-phạm cho tiếng ta (và chữ Quốc-ngữ).

Ý tốt nhưng kết-quả, theo nhận-xét ngày nay—sau gần một thế-kỷ—vẫn còn ngang-ngửa. Lý-do lại nằm chính ở cái bằng thạc-sỹ văn-phạm. Trên căn-bản lý-thuyết, bằng thạc-sỹ cho phép chuyên-viên sinh-hoạt trong giới-hạn *kiến-thức hiện-tại* cao nhất của ngành ngôn-ngữ Ấn-âu; nay lại tính áp-dụng cho một ngôn-ngữ mà đã được nhận-định là thổ-ngữ ngoài gia-đình Ấn-âu; đó là một trật hướng so-le về phương-pháp. Một trật-hướng phương-pháp căn-bản nữa là thông-thường, muốn tìm văn-phạm của ngôn-ngữ, theo nguyên-tắc ngôn-ngữ có trước, thì phải nghiên-cứu cho rõ-ràng cách nói rồi rút là các quy-tắc; ở đây, Phạm-Duy-Khiêm và các tác-giả Trần-Trọng-Kim và Bùi-Kỷ, lại tính áp-dụng văn- phạm Ấn-âu đè lên tiếng ta, rồi phiên-dịch các từ chuyên-ngành văn-phạm từ tiếng Pháp sang tiếng ta. Nói ví-von, phương-pháp của Phạm-Duy-Khiêm và đồng tác-giả hình-thức tréo-căng-ngỗng như trong câu chuyện Lọ-Lem, thay vì mang chân đi tìm mua giày cho vừa chân thì thac-sỹ và các đồng tác-giảlại mang giày đi đo chân; mà nếu giày chật thì đi tìm giầy khác chứ không thể gọt gót chân cho vừa giày. Ta cũng có tục-ngữ gần tương-tự: đặt cái cày trước con trâu. Vậy hãy tìm xem tiếng ta thuộc gia- đình ngôn-ngữ nào.

Ngôn-ngữ Việt và dòng Mon-Khmer

Sau này, môn ngôn-ngữ-học xếp tiếng ta ở ngoài nhánh Ấn-âu mà thuộc nhánh Mon-khmer. Đây là nhánh ngôn-ngữ chính của dân gốc Nam-Á miền cực Đông-nam (tên Miến là Môn, Mun, hay Talaing, hay Peguan); phát xuất từ nhóm dân Kamboja (gốc Miến-điện ngày nay), di nam và đông, dừng chân tại đông-nam Á, lúc đầu lập nước Phù-nam, cai-trị phương bắc là Chân-lạp; sau các-cân quyền-lực chính-trị lộn ngược nên Chân-lạp lại cai-trị Phù-nam, gọi chung là Chân-lạp, phần bắc đất liền là Lục-Chân-lạp, phần nam, Phù-nam cũ, thành Thủy-Chân-lạp. Dân xưng tên là Khmer. Vào

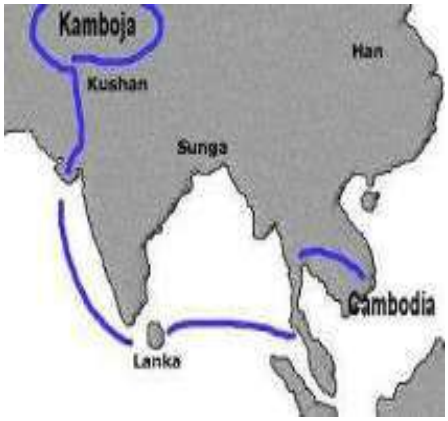

khoảng thế-kỷ 9 đến 12, vương-quốc (hay đế-quốc) Khmer trải rộng, bắc cai-trị khu Lào ngày nay, đông lấn-áp Chiêm-thành, tây chiếm phia đông của Xiêm, đông-nam xuống phần trên bán-đảo Mã-lai, nơi có những triều-đại hùng-mạnh liên-hệ mật-thiết với dân Khmer. Dân Khmer coi gốc-rễ dân và nước họ là Phù-nam và Chân-lạp. (Bình-Nguyên-Lộc cho rằng tiếng Việt bắt nguồn từ tiếng Mã-lai còn Nguyễn-Hy-Vọng làm tự-điển nhiều ngôn-ngữ trong vùng và suy ra là tiếng ta vay mượn nhiều từ của các dân các nước lân-cận,) (5) Dựa vào lịch-sử gần, nhất là sự hùng-mạnh của đế-quốc Khmer, các nhà ngôn-ngữ-học nói chung, cho rằng ngôn-ngữ vùng Đông-nam-Á có chung gốc Môn-Khmer.

Ở phía đông-bắc khu-vực ngôn-ngữ Môn-Khmer, có hai nhánh ngôn-ngữ khác, một gốc Thái-kadai, một gốc Hán-tạng. Trong khi tiếng Môn-Khmer nói chung đa-âm và đơn-thanh thì nhóm Thái-kadai lạiđơn-âm nhưng đa-thanh.

Nhóm Môn-Khmer phía đông giao-tiếp và tương-tác với nhóm Tai-kadai lập ra nhóm Việtic (tiền Việt-Mường), phần còn lại của Môn-Khmer nay thành nhóm Khmer. Nhóm Việtic giao-tiếp và tương-tác với nhóm Hán-tạng tạo ra tiếng Việt ở miền châu-thổ sông Hồng sông Mã; nhóm Việtic còn lại, ít chịu ảnh-hưởng Hán-tạng, thành tiếng Mường ở miền núi cao. Dân Việt lập xã-hội gồm làng xã; còn dân Mường (và các thiểu-số khác) rút lên miền cao, sinh-hoạt trong các động, các bản.

Trong bốn thế-kỷ gần đây, tiếng ta giao-tiếp và tương-tác với tiếng Âu-tây gốc Ấn-Âu nên tạo ra chữ viết theo mẫu-tự La-tinh nhưng cách nói thì vẫn là tiếng riêng-biệt, không theo văn-phạm Ấn-âu. Những điều dẫn trên đây chỉ là hiểu-biết lõm-bõm qua các bài phổ-biến tổng-quát không chuyên ngành trong xuốt thế-kỷ 20. Cuốn văn-phạm của Phạm-Duy-Khiêm và các đồng-tác-giả viết vào giữa thế-kỷ, lẽ-đĩ-nhiên, vào thời-điểm đó, không và chưa có những thông-tin này. (6)

Phương-pháp Lọ-Lem hay cái cầy trước con trâu

Phạm-Duy-Khiêm phân-tách tiếng Việt qua cái khuôn văn-phạm Pháp. Rồi dịch các từ Pháp sang tiếng Việt. Văn-phạm Pháp có từ nói hay tiếng viết thêm sau động-từ cho câu văn thành đầy-đủ, thành *complet* gọi là *complément*. Đào-Duy-Anh gọi là bổ-sung-từ hay bổ-túc-từ, tiếng làm cho câu văn thành đầy-đủ, trọn-vẹn. Phạm-Duy-Khiêm và đồng-tác-giả giải-thích là tiếng *đứng làm lọn nghĩa* và dịch là túc-từ. Túc theo Việt-Nam tự-điển của Khai-trí Tiến-đức, trong ngữ cảnh, có nghĩa là bổ-túc cho đầy-đủ —đủ ý hay đủ số—thường đi theo động-từ.

Khi nói về một danh-từ chỉ đồ-vật nào đó, muốn chỉ người sở-hữu cái danh-từ đó, tiếng Âu-tây có sở-hữu tính-từ *mon-ma-mes my-our-your-his-her*; trong tiếng Anh lại còn thêm thể sở-hữu, thêm ngoặc-đơn-phía-trên " ' "cộng với chữ s, thí-dụ *the student's book* hay *his book*. Tiếng ta không có phép sở-hữu đó (ngoại trừ trường-hợp hy-hữu trong Lục-vân-Tiên *Vợ Tiên là Trực chị dâu* mà gần đây có người đã bênh-vực cho rằng đờ sau hiểu lầm) [7] nên các tác-giả dựa theo văn-phạm âu-tây dùng tiếng de hay of, dịch ra là *của*. Điều 22 VNVP ghi *người ta thường đặt thêm tiếng giới-từ CỦA ...để chỉ rõ sự hệ-thuộc* (tr.23) Thí-dụ: áo *của* anh Giáp lắm hay mũ *của* anh Ất rớt xuống sàn. Theo văn-phạm Âu-tây

thì như vậy; nhưng thường thì dân ta nói áo anh Giáp lấm và mũ anh Ất rớt. Tưởng-tượng nếu một anh chàng tán bạn gái mà ngâm: áo *của anh* sứt chỉ đường tà, vợ *của anh* chưa có, mẹ già *cùa anh* chưa khâu…

Lại cũng theo văn-phạm ngôn-ngữ Ấn-âu, các tác-giả phân-biệt *trực-tiếp túc-từ đứng liền với tiếng nó làm cho lọn nghĩa* và *gián-tiến túc-từ đứng sau một tiếng giới-từ*. Thành ra có những thí-dụ (i) sách anh Sửu-→danh-từ trực-tiếp túc-từ; (ii) sách của anh Sửu-→ danh-từ gián-tiếp túc-từ; (iii) đưa tôi-→phó-phát trực-tiếp túc-từ và (iv) đưa cho tôi-→gián-tiếp túc-từ.

Những phân-biệt này quan-trọng cho ngôn-ngữ Âu-tây bởi vì chúng đa-âm, lại có những từ biến-thể theo giới-tính đực hay cái, theo lượng-số nhiều hay ít; các đại-danh-từ theo giới-tính và số-lượng của danh-từ chúng thay-thế, quy-tắc viết thay-đổi, các động-từ chia theo ngôi và theo thì. Tiếng ta trái lại, đơn-âm, ít biến, không thay-đổi; do đó, việc gò-bó theo văn-phạm thêm phần rắc-rối.

Cái tinh-tế trong tiếng ta

Từ khi học văn-phạm của Phạm-Duy-Khiêm và đồng tác-giả, một số chúng ta đánh mất cái tinh-tế tầm-ẩn của một số từ, mà một thí-dụ là hai từ *thì* và *mà*. Rất nhiều người chưa quên cảnh viết luận-văn lớp nhỏ, bị cô-giáo phê *văn lủng-củng, quá nhiều thì thì mà mà*, ngụ ý đó là hai từ dư thừa vô-nghĩa làm văn lủng-củng. Văn-phong mới dấy lên thời Tự-lực văn-đoàn muốn đề-cao sự trong sáng nên dùng câu ngắn-ngủi, các mệnh-đề gọn-gàng, bỏ qua liên-hệ giữa các ý, không còn để ý đến cái nghĩa của *thì thường dẫn ý sau đi hợp với ý trước và nghĩa của mà thường dẫn ý sau đi ngược với ý trước.* Hãy so- sánh hai câu sau*: Cô gái bước vào phòng; mọi người đứng dậy trầm-trộ khen; bà lão bước vô đã lâu, không ai để ý.* Nếu thêm hai từ thì và mà: *: Cô gái bước vào phòng* thì *mọi người đứng dậy trầm-trộ khen; bà lão bước vô đã lâu* mà *không ai để ý.* Câu văn trên ngắn gọn trình-bày sự-việc, câu văn dưới *thì mà* giải-thích sự khác-biệt. Người bỏ qua cái tiêu-chuẩn trong sáng ngắn gọn của văn thập-niên 30- 40 sẽ thưởng-thức cái tinh-tế ngôn-từ làm nổi bật sự so-sánh giữa hai việc xuất-hiện của cô gái bà bà già. Điều này, Pham-Duy-Khiêm và đồng tác-giả chưa hay không bàn đến.

Cách nói có chủ-đề của tiếng ta

Một chi-tiết về cách nói đặc-biệt của tiếng ta là phương-cách chủ-đề. Câu nói của ta theo cấu-trúc của một cuốn sách: nói đến chủ-đề đầu câu, rồi đến các bộ-phận nhỏ liên-tục theo sau như phần 1-2-3; mỗi phần lại có từng chương, đoạn, v.v. Theo ảnh-hưởng nhắm mục-đích trong sáng, một số người có học đổi sang lối nói có mệnh-đề, các mệnh-đề hoặc độc-lập hoặc theo khuôn-mẫu mệnh-đề chính và phụ; câu văn thành cắt-đoạn, ý rời-rạc vì thiếu *thì* và *mà*. Thí-dụ thấy rõ trong các sách dạy người Âu-tây nói tiếng ta. Mở đầu dạy tự giới-thiệu: *Tên tôi là John. Quê tôi ở Tennesse. Tôi sống ở Oklahoma. Tôi dạy-học. Tôi hiện còn độc-thân.* Mấy mệnh-đề độc-lập theo đúng văn-pham ngôn-ngữ Âu-tây: mỗi mệnh-đề một ý riêng-rẽ; ghép các mệnh-đề thành đoạn văn; gom các ý thành câu chuyện giới-thiệu. Theo Phạm-Duy-Khiêm và đồng tác-giả, phải nói tên tôi là John; tên là chủ từ, tôi là danh-tù túc-từ làmcho tên được lọn nghĩa, là: đông-từ; John: sự-vật túc-từ. Đẹp-dẽ, gọn-ghẽ, trong-sáng như văn mới.

Tuy-nhiên, người Việt thuần-túy, không học kỹ sách của Phạm-Duy-Khiêm, không nói tên tôi là John mà lại nói *tôi tên là John*. Bởi vì theo cách nói chủ-đề: ở đây chủ-đề giới-thiêu là tôi; theo sau nhiều ý như nhiều chương trong cuốn sách. Có nhiều ý về chủ-đề tôi (i) tên, (ii) chính-quán, (iii) trú-quán; (iv) nghề-nghiệp; (v) gia-cảnh…Câu giới-thiệu sẽ thành: *Tôi, tên John, chính-quán Tennessee, trú-quán Oklahoma, nghề dạy học, hiện độc-thân.*

Nếu thí-dụ về chủ-đề chưa thuyết-phục lắm thì xin trở lại với vụ danh-từ túc-từ chỉ sở-hữu: có khi trực-tiếp, có khi lại thành gián-tiếp đi theo giới-từ *của*. Đưa ra vài thí-dụ: người thư-ký nói với ông lao-công mới tuyển: "mũ ông chánh để trên tủ, mũ ông phó để bên bàn giấy, còn mũ tôi cứ để bên cạnh chỗ tôi ngồi." Trong đoạn này, chủ-đề ý chính là cái mũ. Lại dặn thêm: "cái bút *của* ông chủ, cái thước *của* ông chủ, tập hồ-sơ trên bàn *của* ông chủ, những đồ *của* ông chủ ông đừng đụng tới." Trong đoạn này, ý chính là những sở-hữu của ông chủ; thường dùng thêm giới-từ *của.*

Sở-khanh và Giáp

Thêm một thí-dụ khác: so-sánh hai câu:

Thí-dụ a	Thí-dụ b
Giáp mà gặp Sở-khanh thì Sở-khanh lãnh đủ đòn	Sở-Khanh mà gặp Giáp thì lãnh đủ đòn.
Đọc nhanh, thấy giống ý. Nhưng nếu đưa thêm vài thí-dụ tương-tự sẽ thấy hơi khác nhau vì cách nói chủ-đề	
Giáp mà gặp Hoạn-thư thì Hoạn-thư lãnh đủ đòn	Sở-Khanh mà gặp Ất thì lãnh đủ đòn.
Giáp mà gặp Mã-giám-sinh thì họ Mã lãnh đủ đòn	Sở-khanh mà gặp tớ thì lãnh đủ đòn

Trong những thí-dụ a, chủ-đề là Giáp và ý chính là sự nghiêm-khắc của Giáp; trong khi các thì-dụ bên cột b, chủ-đề là Sở-Khanh, ý chính là cái xấu của Sở-Khanh đáng trị.

Tóm-tắt

Chúng ta đã thấy các ngôn-ngữ Âu-tây gốc Ấn-âu khác với tiếng ta gốc Mon-khmer.

Chúng ta khá quen-thuộc với văn-phạm ngôn-ngữ Âu-tây cho nên đã có những cố-gắng đầy thiện-chí và đáng ngợi-khen để dùng khuôn-mẫu văn-phạm ngôn-ngữ Âu-tây hầu soi-sáng phương-cách ngôn-ngữ tiếng ta; cuốn Việt-Nam văn-phạm của nhóm Trần-Trọng-Kim, Bùi-Kỷ và Phạm-Duy-Khiêm cùng cộng-sự-viên là một tài-liệu nền còn cần được tiếp-tục phát-triển.

Chắc các chuyên-viên ngôn-ngữ và ngữ-pháp cũng như các người trân-quý tiếng Việt cũng đang tìm cách phân-tích ngôn-ngữ Việt; tuy-nhiên, những công-trình này hãy còn trong tay các chuyên-viên ngành, chưa được phổ-biến tổng-quát.

Kết-luận về mấy thắc-mắc khởi-đầu

Trở lại lý-do có bài này là vì hai câu hỏi lúc đầu: Nên nói *"Đi Phòng Mạch Bác Sĩ "* hay nói *vắn tắt là " Đi Khám Bác Sĩ "*? và câu hỏi "*ăn gì, đũa hay nỉa*?" có cho là nói đúng hay không?

Phòng-mạch bác-sỹ là trường-hợp túc-từ chỉ nơi chốn; khám bác-sỹ là trường-hợp túc-từ chỉ duyên-cớ. Có thể gom cả hai: đi phòng-mạch để khám bác-sỹ.

Ăn gì? Gì là sự-vật trực-tiếp túc-từ. (ăn cơm hay bánh mì?) Sau đó có thể thêm trường-hợp túc-từ (bằng) đũa hay nỉa (phương-tiện). Nói bằng đũa hay nỉa là dùng trường-hợp gián-tiếp túc-từ, nói tắt đũa hay nĩa (không có bằng thành trường-hợp trực-tiếp túc-từ). Ngắn, gọn, như lời nói bình-dân thông-thường, không khó hiểu. ■

Nguyễn Lê Hiếu

Ghi-chú

1- Quốc-tế-ngữ hay Esperanto là ngôn ngữ phụ trợ quốc tế được xây dựng rồi phổ-biến để sử dụng rộng rãi nhất từ đầu thế-kỷ thứ 20; lập ra quy-tắc để mọi người học và theo đó mà viết cho đúng quy-tắc đã xây-dựng. Căn-bản vẫn dựa vào ngôn-ngữ và văn-phạm Âu-tây, từ đa-âm với biến-âm do tiếp-vĩ-ngữ hay phụ-tố, (không có tiếp-đầu-ngữ) tạo ra. Khi xử-dụng quốc-tế-ngữ thì vải theo quy-tắcđã nhất-định rồi, không biến-đổi nữa.

2- Những ngôn-ngữ Âu-châu đôi khi đơn-giản-hóa cho dân bị-trị dễ học, sinh ra những loại tiếng creole, pidgin hay tiếng bồi! Có thời có đề-nghị dạy tiếng Pháp đơn-giản cho dân ta, nhưng nhóm Phạm-Quỳnh chống-đối việc này.

3- Hàn-Thuyên được coi như chính-thức dùng chữ nôm trong bài phú đuổi cá voi (thời Trần) Nguyễn-Giản-Thanh làm phú nôm Phụng-thành xuân-sắc-phú để tranh tài với Hứa-Tam-Tịnh, đoạt giải Trạng-nguyên (thời Lê).

4- Nguyễn Hoàng Trung *Ngữ pháp tiếng Việt của Đắc Lộ (1651) và những ảnh hưởng của nó trong việc miêu tả ngữ pháp tiếng Việt* trong Tạp-chí Phát-triển & KH&CN, tập 18, X5-2015.

5- Bình-Nguyên-Lộc: *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam* (Sài-gòn, 1971)
Nguyễn-Hy-Vọng: *Từ Điển Nguồn Gốc Tiếng Việt* (Hoa-kỳ, 2014)

6- Trần-Trọng-Kim, Bùi-Kỷ và Phạm-Duy-Khiêm: *Việt-Nam Văn-Phạm,* (Hà-nội, 1940)

7- Vợ Tiên là Trực chị dâu Câu này được coi gần giống như thể sở-hữu tiếng Anh, theo nguyên-tắc không có trong ngữ-pháp tiếng ta. Gần đây,có phong-trào cho rằng đúng ra là chực- chị-dâu nghĩa là chị-dâu trong tương-lai. Lời giảng có tính thuyết-phục không cao lắm. Xem Lê-Minh-Quốc*: Minh oan cho một câu thơ của cụ Đồ Chiểu - Công an Nhân dân.*

Back to Contents

KIM VÂN KIỀU ĐÍNH GIẢI

Hương Ngạn Đào Tử ĐÀM DUY TẠO
trước tác năm 1986

(Thứ nam) ĐÀM TRUNG PHÁP
hiệu đính, trình bầy, và phổ biến năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. TIỂU SỬ CỤ HƯƠNG NGẠN ĐÀO TỬ ĐÀM DUY TẠO
CHƯƠNG 2. MỤC ĐÍCH VÀ CÁCH THỨC CỦA SỰ ĐÍNH GIẢI
CHƯƠNG 3. CUỘC ĐỜI TÁC GIẢ TRUYỆN KIỀU
CHƯƠNG 4. CÂU 1 ĐẾN CÂU 6 & CÂU 7 ĐẾN CÂU 38
CHƯƠNG 5. CÂU 39 ĐẾN CÂU 132
CHƯƠNG 6, CÂU 133 ĐẾN CÂU 242
CHƯƠNG 7. CÂU 243 ĐẾN CÂU 362
CHƯƠNG 8. CÂU 363 ĐẾN CÂU 452
CHƯƠNG 9. CÂU 453 ĐẾN CÂU 568
CHƯƠNG 10. CÂU 569 ĐẾN CÂU 692
CHƯƠNG 11. CÂU 693 ĐẾN CÂU 804
CHƯƠNG 12. CÂU 805 ĐẾN CÂU 992
CHƯƠNG 13. CÂU 993 ĐẾN CÂU 1128
CHƯƠNG 14. CÂU 1129 ĐẾN CÂU 1226
CHƯƠNG 15. CÂU 1227 ĐẾN CÂU 1370
CHƯƠNG 16. CÂU 1371 ĐẾN CÂU 1472
CHƯƠNG 17. CÂU 1473 ĐẾN CÂU 1606
CHƯƠNG 18. CÂU 1607 ĐẾN CÂU 1704
CHƯƠNG 19. CÂU 1705 ĐẾN CÂU 1790
CHƯƠNG 20. CÂU 1791 ĐẾN CÂU 1938
CHƯƠNG 21. CÂU 1939 ĐẾN CÂU 2060
CHƯƠNG 22. CÂU 2061 ĐẾN CÂU 2164
CHƯƠNG 23. CÂU 2165 ĐẾN CÂU 2288
CHƯƠNG 24. CÂU 2289 ĐẾN CÂU 2438
CHƯƠNG 25. CÂU 2439 ĐẾN CÂU 2564
CHƯƠNG 26. CÂU 2565 ĐẾN CÂU 2736
CHƯƠNG 27. CÂU 2732 ĐẾN CÂU 2856
CHƯƠNG 28. CÂU 2857 ĐẾN CÂU 2972
CHƯƠNG 29. CÂU 2973 ĐẾN CÂU 3058
CHƯƠNG 30. CÂU 3059 ĐẾN CÂU 3130
CHƯƠNG 31. CÂU 3131 ĐẾN CÂU 3186
CHƯƠNG 32. CÂU 3187 ĐẾN CÂU 3240
CHƯƠNG 33. CÂU 3241 ĐẾN CÂU 3254
PHỤ LỤC I. NỘI DUNG "TRUYỆN THIỆU NỮ" SO VỚI NỘI DUNG "TRUYỆN KIỀU"
PHỤ LỤC II. MẤY VIỆC XẢY RA SAU KHI TRUYỆN KIỀU ĐƯỢC XUẤT BẢN

CHƯƠNG 16

CÂU 1371 ĐẾN CÂU 1472
"Nghiêm phụ phân ly, phủ quan tác hợp"

1371. Mượn điều trúc viện thừa lương, [1]
Rước về hãy tạm giấu nàng một nơi.
1373. Chiến hòa sắp sẵn hai bài,
Cậy tay thầy thợ mượn người dò la.
1375. Bắn tin đến mặt Tú bà, [2]
Thua cơ, mụ cũng cầu hòa, dám sao.
1377. Rõ ràng của dẫn tay trao, [3]
Hoàn lương một thiếp thân vào cửa công. [4, 5]
1379. Công tư đôi lẽ đều xong, [6]
Gót tiên phút đã thoát vòng trần ai.
1381. Một nhà sum họp trúc mai,
Càng sâu nghĩa bể càng dài tình sông.
1383. Hương càng đượm lửa càng nồng, [7]
Càng sôi vẻ ngọc càng lồng màu sen. [8, 9]
1385. Nửa năm hơi tiếng vừa quen, [10]
Sân ngô cành biếc đã chen lá vàng. [11]
1387. Giậu thu vừa nảy chồi sương, [12]
Xe bồ đã thấy xuân đường đến nơi.
1389. Phong lôi nổi trận bời bời, [13]
Nén lòng e ấp tính bài phân ly.
1391. Quyết ngay biện bạch một bề, [14]
Dạy cho má phấn lại về lầu xanh.
1393. Thấy lời nghiêm huấn rành rành, [15]
Đánh liều sinh mới lấy tình nài kêu.
1395. Rằng: "Con biết tội đã nhiều,
Dẫu rằng sấm sét búa rìu cũng cam. [16]
1397. Trót vì tay đã nhúng chàm, [17]
Dại rồi còn biết khôn làm sao đây.
1399. Cùng nhau vả tiếng một ngày, [18]
Ôm cầm ai nỡ dứt dây cho đành.
1401. Lượng trên quyết chẳng thương tình,
Bạc điên thôi có tiếc mình làm chi." [19]
1403. Thấy lời sắt đá tri tri, [20]
Sốt gan ông mới đơn quì cửa công.

1405. Đất bằng nổi sóng đùng đùng, [21]
Phủ đường sai lá phiếu hồng thôi tra. [22]
1407. Cùng nhau theo gót sai nha,
Song song vào trước sân hoa lạy quì. [23]
1409. Trông lên mặt sắt đen sì, [24]
Lập nghiêm trước đã ra uy nặng lời: [25]
1411. "Gã kia dại nết chơi bời,
Mà con người thế là người đong đưa.
1413. Tuồng chi hoa thải hương thừa,
Mượn màu son phấn đánh lừa con đen.
1415. Suy trong tình trạng nguyên đơn, [26]
Bề nào thì cũng chưa yên bề nào.
1417. Phép công chiếu án luận vào, [27]
Có hai đường, ý muốn sao mặc mình:
1419. Một là cứ phép gia hình, [28]
Hai là lại cứ lầu xanh phó về."
1421. Nàng rằng: "đã quyết một bề, [29]
Nhện này vương lấy tơ kia mấy lần. [30]
1423. Đục trong thân cũng là thân.
Yếu thơ vâng chịu trước sân lôi đình!"
1425. Dạy rằng: "Cứ phép gia hình!
Ba cây chập lại một cành mẫu đơn." [31]
1427. Phận đành chi dám kêu oan,
Đào hoen quện má liễu tan tác mày. [32]
1429. Một sân lầm cát đã đầy, [33]
Gương lờ nước thủy, mai gầy vóc sương. [34]
1431. Nghĩ tình chàng Thúc mà thương,
Nẻo xa trông thấy, lòng càng xót xa.
1433. Khóc rằng: "Oan khốc vì ta! [35]
Có nghe lời trước, chí đà lụy sau.
1435. Cạn lòng chẳng biết nghĩ sâu, [36]
Để ai trăng tủi hoa sầu vì ai?"
1437. Phủ đường nghe thoảng vào tai, [37]
Động lòng lại gạn đến lời riêng tây.
1439. Sụt sùi chàng mới thưa ngay, [38]
Đầu đuôi kể lại sự ngày cầu thân: [39]
1441. "Nàng đà tính hết xa gần,
Từ xưa nàng đã biết thân có rày.
1443. Tại tôi hứng lấy một tay,
Để nàng cho đến nỗi này vì tôi."
1445. Nghe lời nói cũng thương lời,

Dẹp uy mới dạy cho bài giải vi. [40]
1447. Rằng: "Như hẳn có thế thì,
Trăng hoa song cũng thị phi biết điều."
1449. Sinh rằng: "Chút phận bọt bèo,
Theo đòi vả cũng ít nhiều bút nghiên." [41]
1451. Cười rằng: "Đã thế thì nên!
Mộc già hãy thử một thiên trình nghề." [42]
1453. Nàng vâng cất bút tay đề,
Tiên hoa trình trước án phê xem tường. [43]
1455. Khen rằng: "Giá đáng Thịnh Đường! [44]
Tài này, sắc ấy, nghìn vàng chưa cân!
1457. Thật là tài tử giai nhân,
Châu Trần còn có Châu Trần nào hơn? [45]
1459. Thôi đừng rước dữ cưu hờn, [46]
Làm chi lỡ nhịp cho đàn ngang cung.
1461. Đã đưa đến trước cửa công,
Ngoài thì là lý, song trong là tình.
1463. Dâu con trong đạo gia đình,
Thôi thì dẹp nỗi bất bình là xong."
1465. Kíp truyền sắm sửa lễ công,
Kiệu hoa cất gió đuốc hồng điểm sao. [47]
1467. Bày hàng cổ xúy xôn xao, [48]
Song song đưa tới trướng đào sánh đôi.
1469. Thương vì hạnh trọng vì tài,
Thúc ông thôi cũng dẹp lời phong ba.
1471. Huệ lan sực nức một nhà, [49]
Từng cay đắng, lại mặn mà hơn xưa.

<u>Đính chính và xác định</u>

Câu 1388 – *Xe bồ đã thấy xuân đường đến nơi* – Xe bồ chữ hán là bồ xa [蒲 車], cái xe vành bánh quấn lá cỏ bồ để người già đi cho êm. Sử ký nói: Khi đi tế Phong Thiên (tế Trời Đất) người xưa làm xe bồ để đi khỏi nát đá của Đất, nát cây cỏ của Trời. Sau vua Hán Tuyên Đế dùng xe bồ để tiễn thày học là Sớ Quang và Sớ Thụ về hưu. Từ đó xe bồ hay dùng để chở người già đi xa. Chữ "xe bồ" đặt vào câu này rất đúng để nói Thúc ông đi từ Vô Tích về Lâm Truy. Trong cuốn truyện Thúy Kiều, ông Trần Trọng Kim bác bỏ cuốn in "xe bồ" và theo cuốn in "Gối yên đã thấy …" Ông nói dân không được phép dùng xe bồ, và giải nghĩa chữ "gối yên" là "cái gối dựa vào cái yên ngựa của các ông già ngày xưa." Tôi không biết ông Kim thấy cái phép cấm dân dùng xe bồ ấy ở đâu, và cái gối dựa ấy đặt chỗ nào trên yên ngựa? Và Thúc ông già rồi, sức đâu ngồi trên lưng ngựa hàng tháng từ Vô Tích về Lâm Truy? Đi xe là phải rồi.

Câu 1390 – *Nén lòng e ấp tính bài phân ly* – Tác giả dùng nhóm chữ "nén lòng e ấp" là có ý nói Thúc ông vẫn có chút lòng thương Kiều, trước còn dùng dằng không nỡ đuổi, sau vì giận Thúc Sinh phá nhiều của quá, mới đành nén lòng mà bắt Thúc phải đuổi Kiều. Và vì có chút lòng thương ấy mà sau này không kêu nài gì, khi quan cho Thúc, Kiều đoàn tụ. Duy chữ "nén" nôm cũng viết y như chữ "nặng" nôm [堃] (= [石] thạch 'đá' bên chữ [曩] nẵng 'nặng / nén'), nhưng chữ nặng thì hay dùng, chữ nén ít dùng nên hết thấy các bản Kiều quốc ngữ đều dịch câu này là "Nặng lòng e ấp…" và mỗi bản giảng nghĩa một cách gượng ghịu khác nhau. Ông Trần Trọng Kim thì giảng e ấp là sợ hãi, và "Nặng lòng e ấp…" là nói Thúc ông vì nỗi con đã có vợ rồi mà lại chơi bời lấy người giang hồ, vậy ông mới tính bài bắt phải bỏ ra. Giảng vậy thật sai nghĩa chữ e ấp, gần như vô lý: ông sợ ai mà nặng cái sợ thế, sợ ông thông gia quan to kiện chăng ? Ông Nguyễn Khắc Hiếu thì nói ông không hiểu chữ "e ấp" ở đây nghĩa là gì, đành bỏ không giải thích. Tôi rất phục ông Hiếu về điểm này, không biết thì đành chịu, chứ không dám giảng gượng như người khác.

Câu 1402 – *Bạc, điên thôi có tiếc mình làm chi!* – Hai chữ "bạc điên" trong câu này chữ Hán là [泊] bạc là 'bến sông' và [巔] điên là 'đỉnh núi cao.' Nhà văn hay dùng chữ "bạc điên" để nói sự tự tử vì tình. Bạc = ra bến nhảy xuống sông; điên = lên ngọn núi nhảy xuống đất. Các bản nôm có bản chỉ giải nghĩa chữ "bạc" là nhảy xuống bến sông mà chết, còn chữ điên thì in lầm ra [顛] 'điên đảo' mà không giải nghĩa là gì. Còn các bản quốc ngữ thì phần nhiều dịch là "bạc đen" và giảng là bội bạc điên đảo, không giữ trọn vẹn lời hứa hẹn, vì phải bỏ nàng thì mang tiếng bội bạc điên đảo, thà chết cho xong đời.

Câu 1404 – *Sốt gan ông mới đơn quỳ cửa công* – Chữ "đơn quỳ" câu này, có bản in là "cáo quỳ" [告跪], lại có bản in là "thân quỳ" [申 跪]. Xét ra đều có nghĩa giống nhau là làm đơn đưa lên quan mà kiện. Nhưng để là "cáo quỳ" thì đọc nghe không êm tai, mà nghĩa cũng không trôi chảy. Nếu để là "thân quỳ" thì nghĩa khó hiểu cho người không quen thạo chữ trong việc quan. Chỉ có chữ "đơn quỳ" vừa thông dụng, vừa dễ đọc, mà lại vừa đúng với chữ "tình trạng nguyên đơn" ở câu 1415 dưới.

Câu 1414, 1415, 1416 – *Mượn màu son phấn đánh lừa con đen / Suy trong tình trạng nguyên đơn / Bề nào thì cũng chưa yên bề nào* – Theo quyển vần thơ Bạch Hương Từ Phổ [白 香 詞 譜], thì các chữ thuộc về vần [元] nguyên, [寒] hàn, [刪]san, [先] tiên, [文] văn, [真] chân, [魂] hồn, [單] đan / đơn, đều thông dụng vần với nhau. Bởi vậy chữ 'đàn' có thể đọc là 'đờn,' chữ 'phiên' có thể đọc là 'phen,' và chữ 'yên' có thể đọc là 'an.' Vậy thì ba chữ "đen, đơn, yên" trong ba câu này đều vẫn có vần với nhau. Ông Trần Kim Trọng vì không biết, cho là chữ "đơn" mất vần với chữ "yên" nên đổi bừa "nguyên đơn" ra "bên nguyên", thành ra câu Kiều này hình như vô nghĩa, và mất cả vẻ hay đẹp. Suy trong tình trạng nguyên đơn là suy xét tình trạng kẻ ở trong đơn, chứ không phải tình trạng của người đưa đơn.

Câu 1429 – *Một sân lầm cát đã đầy* – Tôi suy nghĩ mãi mà vẫn không hiểu thật nghĩa là thế nào. Hoặc giả nguyên là: "Mặt thân lầm cát dã đầy" [冖 身 淋 吉 也 E], vì các cụ trước thường đọc chữ [身] thân là 'sân' và hai chữ 'dã đầy' [也 E] lầm ra 'đã đầy' [旬旰]. Chữ "mặt" liền ý với nhóm chữ "gương lờ nước thủy", chữ "thân" liền ý với nhóm chữ "mai gầy vóc sương" ở câu dưới.

Câu 1455 – *Giá đáng Thịnh Đường* ở câu này, có bản in là "Giá lợp Thịnh Đường," tôi cho là quá đáng, vậy xin theo những bản in là "Giá đáng Thịnh Đường."

Chú giải và dẫn điển

[1] *Trúc viện thừa lương* [竹 院 乘 凉] = đi hóng mát ở nơi nhà chơi vui, chung quanh có tre tốt mát mẻ.

[2] *Bắn tin* = đưa tin cho biết một cách mau lẹ kín đáo.

[3] *Của dẫn* = đưa tiền trả tận nhà mụ Tú.

[4] *Hoàn lương* [還 良] = cho gái thanh lâu được về lấy chồng thành người tử tế. Luật lệ Tàu xưa đòi hỏi gái thanh lâu phải có giấy quan cho phép mới được hoàn lương.

[5] *Thân* = đưa lên trình quan để xin phép.

[6] *Công, tư đôi lẽ – Công* = giấy phép quan phê cho được hoàn lương. *Tư* = hai bên trao nhận tiền chuộc cho nhau.

[7] *Hương đượm lửa nồng* – Nghĩa đen = hương cháy êm chậm thơm ngát, lửa cháy rõ sáng. Nghĩa bóng = cuộc tình duyên càng đằm thắm, do chữ "hương hỏa" là tình vợ chồng.

[8] *Xôi vẻ ngọc* = vẻ đẹp phát hiện tưng bừng ra ngoài.

[9] *Lồng màu sen* = sắc mặt đẹp như hoa sen lộng lẫy nổi lên. Hai câu lục bát này ý nói tình duyên càng nồng đậm, sắc đẹp càng lộng lẫy.

[10] *Hơi tiếng vừa quen* = vợ chồng đã "quen hơi bén tiếng" nhau rồi.

[11] *Sân ngô cành bích* – Trong thơ Đỗ Phủ có câu [碧 梧 棲 老 鳳 凰 枝 = bích ngô thê lão phượng hoàng chi = cây ngô đồng cành màu bích xưa chim phượng hoàng đậu nay đã già sạm].
Các bản Kiều quốc ngữ bây giờ đều in chữ "cành bích" ở câu này là "cành biếc" e sai nghĩa. "Cành bích" do "bích ngô" [碧 梧] dịch ra. Cành cây ngô đồng mùa xuân non thì da vỏ mầu lục và nhẵn bóng,mùa thu thì màu dở lục dở xanh sạm đục hết mầu nhẵn bóng, có vẻ già cứng. Còn "biếc" là mầu là xanh đẹp có vẻ rực rỡ lóng lánh. "Sân ngô cành bích đã chen lá vàng" nghĩa là "Cảnh sân mùa thu những cành ngô đồng màu bích đã đầy những lá vàng sắp rụng." Bởi vậy phải nói "cành bích" mới đúng. Tác giả đặt chữ "cành bích" lấy ý là "cành ngọc" để đối với "lá vàng."

[12] *Giậu thu, chồi sương – Giậu thu* do chữ thu ly [秋 離] dịch ra. "Ly" là hàng rào thấp để ngăn các luống hoa cúc trong vườn cho khỏi đổ. Về mùa thu các hoa đều tàn, chỉ có cúc thường vẫn nẩy những chồi non (cũng gọi là "chồi sương"). Thơ Tô Đông Pha có câu "Cúc tàn do hữu ngạo sương chi" [菊 残 犹 有 傲 霜 枝] có nghĩa là "cúc tuy tàn nhưng hãy còn những chồi coi thường khí sương lạnh." Chữ "chồi sương" lấy điển ở câu thơ này.

[13] *Phong lôi* = gió bão, sấm sét. Câu này nghĩa là cơn giận nổi lên "ầm ầm như gió bão sấm sét."
[14] *Biện bạch* = nói rõ ràng hẳn hoi ra như vậy.

[15] *Nghiêm huấn* = lời dạy bảo nghiêm khắc của cha.

[16] *Sấm sét, búa rìu – Sấm sét* = chịu tội với trời. *Búa rìu* = chịu tội với người, với luật pháp.

[17] *Tay đã nhúng chàm* – Người thợ nhuộm khi đã nhúng tay vào nước chàm để nhuộm vải thì khó rửa được tay sạch hết màu xanh. Vì thế, ta vẫn nói "chớ nhúng tay vào chàm" để tỏ ý khuyên người chớ làm việc dại như đùa với gái, vì một khi quen đi khó chừa được nữa.

[18] *Tiếng một ngày* – Tục ngữ ta có câu "Vợ chồng một ngày nên nghĩa." Vì vậy, *Cùng nhau vả tiếng một ngày / ôm cầm ai nỡ dứt dây cho đành* nghĩa là "vả lại vợ chồng đã trót lấy nhau rồi, thì dẫu một ngày cũng đã nên nghĩa với nhau rồi, sao lại nỡ dứt duyên mà bỏ nhau được."

[19] *Bạc, điên – Bạc* = bến sông. *Điên* = đỉnh núi. *Bạc điên* = tự tử bằng cách hoặc ra bến mà nhảy xuống sông, hoặc lên núi mà lao đầu xuống đất.

[20] *Tri tri* = trơ trơ một mực, nhất định không nghe lời bắt bỏ Kiều.

[21] *Đất bằng nổi sóng* – Dịch từ câu chữ Hán "Bình địa ba đào" [平 地 波 濤].

[22] *Phiếu hồng, thôi tra – Phiếu hồng* = giấy quan đưa cho dân đóng nhiều dấu đỏ, tỏ ý khẩn cấp. *Thôi tra* [催 查] = thúc giục đến cửa quan để tra xét.

[23] *Sân hoa* = sân trước tòa án phủ. Đời xưa dinh quan phủ, huyện hay trồng hoa đào nên gọi là "đào viện" [桃 院].

[24] *Mặt sắt đen sì* – Ông Bao Chửng đời Tống là Giám sát Ngự sử, là chức vụ thay vua đi xét xử các việc hình án khó khăn oan ức. Ông xử án rất nghiêm minh, ai cũng sợ. Vì mặt ông đen và lạnh lùng ít cười, nên người ta gọi ông là Thiết diện Ngự sử (Ngự sử mặt đen và lạnh như sắt). Tác giả mượn điển này để tả vẻ oai nghiêm của quan phủ.
[25] *Lập nghiêm* = tỏ vẻ oai nghiêm cho dân kính sợ.

[26] *Nguyên đơn* [原 單] = đơn kiện của bên nguyên. Trong sự thua kiện nhau có bên nguyên đơn và bên bị cáo, gọi tắt là bên nguyên và bên bị. Bên nguyên là bên bắt đầu đưa đơn khởi việc kiện, bên bị là người bị kiện.

[27] *Chiếu án luận vào* = theo tội án định ở trong luật mà định tội.

[28] *Cứ pháp gia hình* [據 法 加 刑] = cứ theo phép làm tội định ở trong luật mà xử tội.

[29] *Đã quyết một bề* = (Kiều nói) đã nhất định một bề là bỏ lầu xanh mà lấy Thúc Sinh, dù phải làm tội đau đớn thế nào cũng chịu.

[30] *Nhện này vương lấy tơ kia mấy lần* – Câu này ý nói đã quyết một bề dứt bỏ lầu xanh mà lấy Thúc Sinh, thì nhất quyết không về lầu xanh nữa, và cũng quyết một tình lấy Thúc Sinh, không lấy ai nữa. Ca dao có câu "Làm thân con nhện mấy lần giăng tơ" nghĩa là thân người con gái đã lấy ai thì lấy hẳn một người, chứ có phải là con nhện đâu mà dứt lưới tơ này lại đi giăng lưới tơ khác.

[31] *Ba cây* = do chữ tam mộc [三 木] dịch ra. "Tam mộc" là ba thứ đồ gỗ để gông cùm tội nhân, đó là nữu [杻] = cùm tay; già [枷] = gông cổ; chất [桎] = cùm chân. Câu Kiều này nghĩa là đem Kiều ra làm tội bằng cả ba thứ gông cổ, còng tay, cùm chân. "Cành mẫu đơn" hàm ý là thân Kiều như hoa mẫu đơn.

<u>Phụ chú</u>:

Trong cuộc xử tội này, truyện không nói ra là Kiều bị đánh, nhưng đọc mấy câu theo sau thì biết là bị đánh rất đau. Đời nhà Minh nghiêm cấm kỹ nữ quyến rũ lừa gạt khách chơi để phá hoại gia đình khách, và cũng nghiêm cấm các quan không được ăn nằm với kỹ nữ. Xem trong Tình sử có mấy kỹ nữ phạm cấm, bị gông cùm đánh đòn đến chết. Cũng trong truyện Tình sử, có một ông Tri huyện bị tố cáo là tư tình với một kỹ nữ. Quan trên bắt người kỹ nữ này để điều tra, nhưng nàng nhất định nói là ông tri huyện bị vu oan, dù bị tra đánh chết đi sống lại mấy lần, có khi bị đánh đến 300 roi mà nàng vẫn trối là không có dính dáng gì với ông ta cả. Kết cục nàng được thả và ông huyện vô can. Ông huyện cảm ân tình nặng ấy, lập mưu bỏ quan mang nàng đi trốn thật xa và trở thành vợ chồng, ăn ở với nhau 20 năm không ai biết. Gặp lúc ân xá, họ mới về quê ở suốt đời bên nhau.

[32] *Hoen quện – Hoen* = lấm bẩn nhem nhuốc; *quện* = nhăn nhó ủ tái. Câu này có nghĩa là "má đào của nàng thì nhem nhuốc ủ tái; mày liễu của nàng thì nhăn nhó xác xơ."

[33] *Một sân lầm cát đã đầy* - Câu này có lẽ vì sao đi khắc lại mãi sai dần thành ra vô nghĩa. Có bản đổi hẳn là "Một thân quần quại bùn lầy." (Xem lời phỏng đoán mà đính chính câu 1429 này ở trên là "Mặt thân lầm cát dã đầy").

[34] *Gương lờ nước thủy, mai gầy vóc sương – Gương lờ nước thủy* = khuôn mặt trong sáng như gương của nàng, vì đau đớn quá mà lờ đục đi như cái gương hết cả vẻ trong sáng của thủy ngân ở mặt sau

chiếu lại. *Mai gầy vóc sương* = hình hài trong sạch như sương tuyết của nàng, vì đau đớn quá trông gày teo đi như cành mai.

[35] *Oan khốc* = bị đánh oan, đau đớn độc dữ.

[36] *Cạn lòng* = lòng nông nổi, không biết nghĩ lẽ sâu xa.

[37] *Phủ Đường* = quan Tri phủ. Trong các đơn từ dân đưa lên quan Tri phủ vẫn viết "Bản phủ phủ đường đại nhân [本俯俯堂大人].

[38] *Thưa ngay* = do câu chữ Hán thường dùng trong giấy tờ việc quan "Cứ thật tường khai" [據寔詳開] = khai rõ theo đúng sự thật. (Chớ lầm ra nghĩa là vội vàng kể lại ngay lập tức).

[39] *Cầu thân* [求親] = sự bàn định tỏ ý xin lấy nhau.

[40] *Giải vi* [解圍] = cởi mở vòng vây ra, nghĩa bóng là gỡ ra cho khỏi tội.
[41] *Theo đòi* đây tức là *theo đòi* việc bút nghiên, nghĩa là có đi học tử tế.

[42] *Mộc già* [木枷] = cái gông làm bằng gỗ cứng. Quan phủ bảo Kiều làm một bài thơ vịnh cái gông.

[43] *Án phê* = bàn giấy quan ngồi phê phán xét xử việc quan.

[44] *Thịnh Đường* – Thơ đời nhà Đường (618 - 908) là thơ hay nhất nước Tàu. Người ta chia thơ đời Đường ra làm ba thời kỳ, thời kỳ giữa hay nhất gọi là Thịnh Đường.

[45] *Chu Trần* – Ở tỉnh Sơn Đông bên Tàu có thôn *Chu Trần*. Trước kia hai họ Chu [朱] và Trần [陳] đời đời trai gái lấy nhau ; sau này người ta dùng *Chu Trần* để gọi đôi vợ chồng.

[46] *Rước dữ cưu hờn* = bỗng dưng mua chuốc lấy sự giận dữ nhau, gây ra sự hờn dỗi nhau.

[47] *Kiệu hoa cất gió, đuốc hồng điểm sao* = nghi lễ đưa dâu. *Cất gió* = rước một cách vui vẻ, phơi phới trước gió. *Điểm sao* = rước về ban đêm, đèn đuốc lấp lánh lẫn với sao trên trời.

[48] *Cổ xúy* [鼓吹] – *Cổ* = đánh các thứ trống. *Xuý* = thổi kèn sáo và gẩy đàn. Đây nói có phường bát âm rước dâu, tả cách quan sửa soạn lễ cưới rất trang trọng.

[49] *Huệ lan* [蕙蘭] – Văn chương dùng chữ hoa *huệ*, hoa *lan* để nói đến đàn bà con gái có hiền đức, lịch sự đáng quý.

<u>Diễn ra văn xuôi</u>

Câu 1371, 1372 = Sau khi bàn định và quyết thề đêm hôm đó, Thúc Sinh mới mượn cớ đi hóng mát ở nơi nhà giữa cảnh tre xanh mát mẻ, rồi đem nàng giấu biệt một nơi, và nghĩ cách để lấy được nàng.
Câu 1373, 1374 = Chàng nghĩ sẵn ra hai cách : (1) là "chiến", nghĩa là nếu Tú Bà nhất định không cho chuộc Kiều ra khỏi lầu xanh, vừa đưa đơn kiện mụ về tội "mãi lương vi sương" [買良為娼] (mua con gái nhà lương thiện về bắt làm đĩ), vừa nhờ hiệp sĩ đánh mụ ; (2) là "hòa", nghĩa là nếu mụ biết điều cho chuộc, thì đem tiền lại chuộc theo giá mua, và bắt mụ phải nộp đơn xin cho Kiều được hoàn lương. Lập định hai cách ấy rồi, chàng mới tìm người làm thày làm thợ giúp chàng trong cuộc chiến và mượn người đi dò la xem tình ý Tú Bà thế nào.

Câu 1375, 1376 = Rồi chàng đưa tin đến tận mặt Tú Bà, kể rõ cho biết hai cuộc chiến hay hòa đó và hỏi mụ thuận theo đường nào. Mụ thấy thế mình thua kém, nếu để bị kiện thì vừa mắc tội vạ, vừa bị nguy đến tính mạng, nên đành xin hòa để lấy tiền chuộc, không dám lôi thôi gì nữa.

Câu 1377, 1378 = Khi đã thu xếp xong với nhau rồi, một bên thì mang tiền chuộc vốn đến trả phần mình ; một bên thì nhận tiền, và làm đơn nộp quan xin cho Kiều được hoàn lương và lấy Thúc Sinh.

Câu 1379, 1380 = Thế là hai lẽ công là hình sự và tư là dân sự đều xong xuôi cả, và Kiều bước chân ra khỏi vòng bụi đục.

Câu 1381, 1382 = Từ khi chàng và nàng về sum họp với nhau một nhà, tình sâu như bể càng sâu thêm, nghĩa dài như sông càng dài thêm.

Câu 1383, 1384 = Duyên hương lửa vợ chồng càng thêm thơm đượm, thêm nồng thắm, và vẻ trong đẹp như ngọc như ngà của Kiều càng tỏa ra ngoài, mầu hồng hào như hoa sen càng lộng lẫy tưng bừng.

Câu 1385 đến 1387 = Hai người ở với nhau được chừng nửa năm, đương độ thật quen hơi bén tiếng, thì đã đến cuối thu. Mấy cây ngô đồng ở trước sân đã phơi những cành màu bích đã có những lá vàng chen nhau ; dẫy cúc ở bên giậu thu đã tàn lại nẩy mấy chồi ngạo nghễ như coi thường khí lạnh sương thu.

Câu 1388 đến 1390 = Vừa đúng dạo cuối thu buồn đó, thì một hôm chiếc xe bọc cỏ bồ của Thúc ông đi từ Vô Tích lên đã đến nơi dừng bánh ở trước nhà Lâm Truy. Thấy Thúc Sinh lấy Kiều về, ông nổi giận dữ đùng đùng như trời nổi cơn gió bão sấm sét. Lúc mới ông còn chút lòng thương hại, nhưng rồi ông nén lòng e ấp dùng dằng ấy đi, mà tính đến truyện bắt Thúc, Kiều phải lìa bỏ nhau.

Câu 1391, 1392 = Ông quyết tâm ra lệnh rõ ràng là Kiều phải về lầu xanh.

Câu 1393, 1394 = Thấy lời cha dạy nghiêm ngặt như vậy, Sinh mới đánh nước bài liều thân bầy tỏ sự tình mà quỳ lạy kêu van xin ông nghĩ lại mà thương cho.

Câu 1395, 1396 = Sinh nói : Thưa cha, con biết tội con nhiều lắm, dẫu trời đem sấm sét đánh tan thây, dẫu cha đem búa rìu chém mất đầu, con cũng xin chịu vì đáng tội lắm.

Câu 1397, 1398 = Nhưng sự đã trót rồi, nhỡ tay đã giúng vào thùng chàm rồi, rửa sao sạch được nữa, con đã trót dại rồi không thể nào trở lại được nữa.

Câu 1399, 1400 = Vả lại tục ngữ có câu "Cùng qua một chuyến đò với nhau là nên nghĩa bạn bè, cùng ở một ngày với nhau là nên nghĩa vợ chồng." Nay chúng con đã thành vợ chồng yêu mến nhau rồi, nỡ lòng nào dứt tình bỏ nhau được, như đương ôm đàn mà gảy ai lại nỡ dứt dây cho đành.

Câu 1401, 1402 = Nay nếu cha không thương xót mà nhất định bắt phải lìa bỏ nhau, thì con xin thất hiếu mà tự tử vì tình, hoặc ra bến nhảy xuống sông, hoặc lên đỉnh núi nhảy xuống đất, vì còn tiếc gìđến thân này nữa.

Câu 1403, 1404 = Thấy lời Sinh trơ trơ như sắt đá, nhất định không bỏ Kiều, Thúc ông tức bực quá, bèn làm đơn cáo quan nhờ pháp luật bắt phải bỏ cuộc tự ý kết hôn trái phép này.

Câu 1405, 1406 = Thế là đất bằng bỗng nổi sóng gió. Tòa án phủ sai lính mang tờ trát đóng dấu đỏ về bắt Thúc và Kiều phải cùng lên tòa án để quan phủ xét xử.
Câu 1407, 1408 = Hai người cùng nhau theo sai nha lên tòa, khúm núm vào trước sân tòa mà quỳ lạy.

Câu 1409, 1410 = Ngước mắt trông lên họ thấy mặt quan phủ đen như sắt, có vẻ mặt một ông quan án nghiêm khắc như Bao Công thuở xưa. Ngài bắt đầu nghiêm trang ra oai mà nặng lời quở trách Thúc Sinh :

Câu 1411, 1412 = Cái gã kia sao mà quá dại dột, chơi bời được đến như vậy ? Ta trông con người mặt mũi khá như thế mà sao lại ăn ở ra người đong đưa tráo trở, mê gái mà dám bỏ cả lời cha dạy như thế ?

Câu 1413, 1414 = Rồi ngài quở Kiều : Ra gì cái của hương thải hoa thừa, cái của chỉ đáng vứt đi này ? Nó chỉ điểm tô son phấn cho đẹp để quyến rủ lừa gạt làm hư hại lũ trai trẻ đầu đen bụng dại đó thôi.

Câu 1415, 1416 = Cứ theo tình trạng kể ở trong đơn nguyên đơn mà suy xét, thì sự kết hôn này bề ngoài đối với luật pháp, bề trong đối với lễ giáo, đều chửa bề nào được yên thỏa cả, thế mà đã dám lấy nhau, đoàn tụ với nhau, thật là có tội, vậy bắt buộc phải ly dị.

Câu 1417, 1418 = Rồi quan bảo Kiều : Cứ chiếu theo pháp luật mà xử, thì ta bảo cho con kia biết là có hai điều này cho tùy ý phạm nhân muốn nhận điều nào thì nói cho quan biết để xử :

Câu 1419, 1420 = Một là cứ theo luật pháp mà xử tội ; hai là muốn tránh tội, thì lại xin về lầu xanh, quan sẽ tha cho về.

Câu 1421, 1422 = Kiều thưa : Chúng tôi đã quyết chí một bề là bỏ chốn ô nhục ấy, thì còn trở lại vào đó làm gì nữa. Ôi, cái thân phận con nhện này còn vương lấy mối tơ ở đó mấy lần nữa đây ?

Câu 1423, 1424 = Thân tôi đây tuy gặp cảnh ngộ không may, đã phải sa vào vòng đục bẩn ấy, nhưng dù đục dù trong cũng vẫn là tấm thân con người. Nếu lượng trên không xét rõ mà lượng thứ cho, thì chúng tôi xin đành chịu tội để giữ lấy giá người. Vậy thân này dù yếu đuối cũng xin chịu hết mọi nỗi cực hình ở trước sân sấm sét nhà trời này.
Câu 1425, 1426 = Quan liền truyền cho thuộc hạ : Vậy cứ theo hình phạt ở luật pháp ra mà xử tội phạm nhân này đi ! Rồi quan truyền đem Kiều ra sân, dùng ba thứ hình cụ bằng gỗ mà đóng gông vào cổ, đóng cùm hai tay và đóng cùm hai chân lại mà làm tội.

Câu 1427, 1428 = Kiều tuy bị làm tội oan, nhưng biết thân phận mình hèn mọn, kêu cũng chẳng được, nên đành yên lặng chịu đau đớn chẳng kêu van gì cả. Chỉ thấy vì đau quá mà đôi má đào thì hoen ố tái sạm, đôi mày liễu thì nhăn nhó tan tác.

Câu 1429, 1430 = Nàng đau quá quần quại rẫy rụa làm bụi cát phủ mù một góc sân ; khuôn mặt sáng như gương của nàng lờ đục đi, hết cả màu sáng đẹp thủy ngân ánh ra ngoài ; hình vóc ẻo lả trắng như sương tuyết của nàng gầy gò đi, trông khẳng khiu như cành mai.

Câu 1431, 1432 = Nghĩ tình chàng Thúc bấy giờ thật đáng thương. Chàng đứng xa trông thấy Kiều đau đớn quá mà mình không cứu được, nên lòng chàng lại càng xót xa hơn.

Câu 1433, 1434 = Rồi bỗng chàng òa ra khóc và nói : Nàng bị đau đớn oan khổ quá như thế, thật là chỉ vì ta thôi. Nếu trước kia ta nghe lời nàng, thì bây giờ có đâu nàng phải đau khổ thế này !

Câu 1435, 1436 = Chỉ vì bụng ta nông cạn, không biết nghĩ sâu xa, để nàng phải trăng tủi hoa sầu thế này, thật là tại ta chứ còn tại ai nữa ?

Câu 1437, 1438 = Quan phủ thoáng nghe thấy lời chàng khóc than như thế thì động lòng thương, và cho gọi chàng lại gạn hỏi những lời trước kia Kiều đã nói riêng với chàng như thế nào.

Câu 1439, 1440 = Chàng được quan hỏi, liền vừa khóc vừa cứ thật tình mà kể quan nghe rõ hết đầu đuôi những câu truyện từ khi chàng ngỏ ý muốn lấy nàng, và những lẽ khó khăn nàng kể trong việc hônnhân trái phép này.

Câu 1441, 1442 = Rồi chàng tiếp lời : Thật quả nàng đã tính hết mọi lẽ gần xa, và từ xưa nàng đã biết trước rằng nàng sẽ gặp những tội tình như thế này rồi !

Câu 1443, 1444 = Nhưng chỉ vì tôi giơ tay ra đảm đương hứng lấy một mình, khuyên nàng cứ chắc cậy ở tôi, không phải lo ngại gì. Bây giờ nàng phải chịu tội đau đớn thế này thật là tại tôi.

Câu 1445, 1446 = Quan phủ nghe chàng kể những lời lẽ nàng nói trước sau, thì có lòng thương tình cho nàng vì những lời nàng nói đó. Quan không ra oai như trước nữa và ngỏ lời có ý gỡ tội cho nàng.

Câu 1447, 1448 = Ngài nói : Nếu quả thật nàng đã nói như thế thì tuy nàng là gái trăng hoa, nhưng cũng là người biết mọi điều phải trái đó !

Câu 1449, 1450 = Thúc Sinh thấy quan đã hồi tâm có lòng thương nàng, liền thừa cơ lại trình thêm cho quan biết rằng : Nàng cũng là người có theo đòi đôi chút nghề bút nghiên, biết làm văn thơ nữa.

Câu 1451, 1452 = Thấy nói nàng biết làm thơ, quan cười nói : Thế thì hay lắm. Vậy ta cho thử làm một bài thơ vịnh cái gông gỗ này để ta xem tài thơ ra sao. Quan sai tháo gông cùm và ban giấy bút cho nàng.

Câu 1453, 1454 = Kiều vâng lời, bái lĩnh bút giấy, rồi lanh lẹ đưa tay viết xong ngay bài thơ, và kính cẩn dâng trình tờ hoa tiên có thơ đề ấy lên bàn giấy quan phủ.

Câu 1455, 1456 = Quan thấy tài nàng lanh lẹ đã có ý khen. Khi cầm thơ xem thì thấy chữ rất tốt thơ rất hay, ngài khen rằng : Giá trị tài thơ của nàng thật không kém gì các thi sĩ thời Thịnh Đường ngày xưa. Tài thơ nàng như thế này, sắc đẹp nàng như thế kia, thì dẫu nghìn vàng cũng chưa xứng đáng !

Câu 1457, 1458 = Đôi này thật là tài tử sánh với giai nhân, chẳng có đôi Chu Trần nào đẹp hơn đôi Chu Trần này !
Câu 1459, 1460 = Rồi quan tiếp lời khuyên Thúc ông rằng : Thôi ông đừng rước dữ mua hờn vào mình nữa làm gì kẻo làm lỡ dịp mất cái cung đàn đương réo rắt giọng hay này đi !

Câu 1461, 1462 = Ông đã đem việc này đến cửa công nhờ phân xử hộ, thì bề ngoài cố nhiên phải xử theo lý, nhưng bề trong vẫn phải xử theo tình thì mới thật ổn thỏa.

Câu 1463, 1464 = Đạo làm cha mẹ ở trong gia đình, đối với dâu con ta nên dẹp hết nỗi bất bình đi là xong hết. Vậy xin ông đừng chấp trách chúng nó nữa để cho cửa nhà được êm vui !

Câu 1465, 1466 = Khuyên Thúc ông xong rồi, quan phủ mới truyền sửa lễ cưới công để kết duyên cho Kiều và Thúc. Khi làm lễ cưới xong rồi thì ngài cho rước dâu rể ngồi cao phơi phới trước gió trên chiếc kiệu hoa, và đuốc hồng lấp lánh điểm thêm sao đêm đó.

Câu 1467, 1468 = Hai bên trước kiệu có hai hàng bát âm đàn sáo vui vẻ, réo rắt nhộn nhịp đưa dâu rể về nhà đoàn tụ với nhau.

Câu 1469, 1470 = Thúc ông sau đó thấy Kiều đã nết na lễ phép lại có tài văn học, nên có lòng thương quý và không tức giận gì nữa.

Câu 1471, 1472 = Vì nàng hiền đức làm cho cảnh nhà được vui êm thơm nức như hoa lan hoa huệ, Thúc ông lúc mới khinh ghét nàng bao nhiêu, nay lại càng quý trọng thân yêu nàng bấy nhiêu.

Những câu hay chữ có ý móc nối hoặc mỉa mai than thở

Đoạn Truyện Kiều này có thể gọi là đoạn chứng thực những lời lẽ Kiều nói với Thúc Sinh khi chàng ngỏ lời muốn lấy nàng là đúng, không phải lời nói viển vông.

Câu "Nén lòng e ấp tính bài phân ly" đúng với câu Kiều nói "Lòng trên trông xuống biết lòng có thương." Câu "Dạy cho má phấn lại về lầu xanh" của Thúc ông và câu "Hai là lại cứ lầu xanh phó về" của quan phủ đúng với câu Kiều nói "Lầu xanh lại phó ra phường lầu xanh."

Câu quan phủ nói "Bề nào thì cũng chưa yên bề nào" đúng với câu Kiều nói "Chút e bên thú bên tòng dễ đâu."

Câu "Song song vào trước sân hoa lạy quỳ" và mấy câu quan phủ nặng lời "Gã kia dại nết chơi bời / Mà con người thế ra người đong đưa / Tuồng chi hương thải hoa thừa / Mượn màu son phấn đánh lừa con đen" đúng với câu Kiều nói "Lại càng dơ dáng dại hình / Đành thân phận thiếp ngại danh giá chàng."

Hai câu tả cảnh cuối thu "Sân ngô cành bích đã chen lá vàng / Giậu thu vừa nẩy giò sương" đặt vào giữa hai tự sự "Nửa năm hơi tiếng vừa quen" và "Xe bồ đã thấy xuân đường đến nơi" là có ý dùng cảnhtrời sinh làm điềm báo trước cho ta biết những sự rủi may sẽ xẩy ra cho Kiều sau khi Thúc ông đến nơi.Câu "Sân ngô cành bích đã chen là vàng" báo trước điềm Kiều sẽ bị kiện bị tội suy tàn như cây mùathu trơ những cành bích lá vàng. Câu "Giậu thu vừa nẩy giò sương" báo trước điềm Kiều sẽ được quan trọng đãi, làm phép cưới công, như giậu cúc đã tàn lại nẩy giò sương.

Trong Truyện Kiều, tác giả rất dè dặt khi nói đến cái dở của các quan và của người trên, thường chỉ nói họ qua một vài câu có can hệ đến sự dở ấy cho ta nghĩ mà đoán lấy. Về đoạn tả cảnh tàn phá nhà họ Vương thì chỉ tả sự tham tàn của bọn sai nha, còn sự tham nhũng của các quan thì chỉ nói qua ở câu "Tính bài lót đó luồn đây." Về đoạn tả tổng đốc họ Hồ hư hỏng tệ bạc với Kiều thì chỉ nói qua loa "Hồ Công đến lúc rạng ngày tỉnh ra" và "Sự này biết tính sao đây ?"

Câu "Tài này sắc ấy nghìn vàng chưa cân" của quan phủ thật đã ngầm ý là dịu được lòng tiếc của của Thúc ông. Câu "Thương vì nết trọng vì tài" ứng với hai câu quan Phủ nói "Trăng hoa song cũng thị phi biết điều" và "giá đáng Thịnh Đường."

Về sự thay đổi của quan phủ từ uy xuống đến gia ân trong vụ sự kiện này, tác giả kể rất có thứ tự : (1) Lúc mới thì lập nghiêm ra oai nặng lời quở trách và lạnh lùng dạy : "Cứ phép gia hình," chẳng chút thương tình, dù Kiều nói những câu nghĩa lý thật đáng để ý. (2) Rồi động lòng thương, khi thoảng nghe Thúc Sinh than khóc, mà gọi lại gạn hỏi. (3) Rồi dẹp uy và giải vi khi nghe Thúc Sinh kể lại những lời

biết điều của Kiều. (4) Rồi tươi cười khi nghe Thúc nói nàng có học thức, biết làm thơ. (5) Rồi khen thưởng khi thấy nàng chữ tốt văn hay. (6) Rồi kết cuộc làm ơn hậu thưởng sửa lễ cưới công.

Tả thái độ quan phủ đối với Kiều cũng dần dần từ nghiêm khắc xuống khoan hòa, xuống khen thưởng : (1) Lúc mới thì quá khinh quá ghét hình như không muốn nhìn mặt, không muốn gọi tên, chỉ mắng bâng quơ "Tuồng chi hương thải hoa thừa," rồi truyền cứ phép gia hình, không hề thương tình chút nào. (2) Rồi hòa dịu cho là "biết điều thị phi" mà liệu bài giải vi. (3) Rồi tươi cười mà ra thơ làm thử. (4) Rồi hết lời khen thưởng văn tài. (5) Sau cùng khuyên Thúc ông bao dung và cho sửa lễ cưới công long trọng.

CHƯƠNG 17

CÂU 1473 ĐẾN CÂU 1606
"Xa xôi lo phận, thầm lặng lừa chồng"

1473. Mảng vui rượu sớm cờ trưa,
Đào đà phai thắm, sen vừa nẩy xanh. [1]
1475. Trướng hồ vắng vẻ đêm thanh, [2]
E tình nàng mới bày tình riêng chung: [3]
1477. "Phận bồ từ vẹn chữ tòng, [4]
Đổi thay nhạn yến đã hòng đầy niên. [5, 6]
1479. Tin nhà ngày một vắng tin,
Mặn tình cát lũy, lạt tình tao khang. [7]
1481. Nghĩ ra thật cũng nên dường, [8]
Tăm hơi ai dễ giữ giàng cho ta? [9]
1483. Trộm nghe kẻ lớn trong nhà, [10]
Ở vào khuôn phép nói ra mối giường. [11]
1485. E thay những dạ phi thường,
Dễ dò rốn bể, khôn lường đáy sông! [12]
1487. Mà ta suốt một năm ròng,
Thế nào cũng chẳng giấu xong được nào
1489. Bấy chầy chưa tỏ tiêu hao, [13]
Hoặc là trong có làm sao chăng là?
1491. Xin chàng kíp liệu lại nhà,
Trước người đẹp ý, sau ta biết tình. [14]
1493. Đêm ngày giữ mức giấu quanh,
Rày lần mai lữa như hình chưa thông."
1495. Nghe lời khuyên nhủ thong dong,
Đành lòng sinh mới quyết lòng hồi trang. [15]
1497. Sáng ra gửi đến xuân đường,
Thúc ông cũng vội giục chàng ninh gia. [16]
1499. Tiễn đưa một chén quan hà, [17]
Xuân đình thoắt đã đổi ra cao đình. [18]
1501. Sông Tần một giải xanh xanh, [19]
Lôi thôi bờ liễu mấy cành Dương quan.
1503. Cầm tay dài ngắn thở than,
Chia phôi ngừng chén hợp tan nghẹn lời.
1505. Nàng rằng: "Non nước xa khơi,
Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm.
1507. Dễ mà bọc rẻ giấu kim, [20]

Làm chi bưng mắt bắt chim khó lòng! [21]
1509. Đôi ta chút nghĩa đèo bòng,
Đến nhà trước liệu nói sòng cho minh. [22]
1511. Dù khi sóng gió bất tình, [23]
Lớn ra oai lớn, tôi đành phận tôi.
1513. Hơn điều giấu ngược giấu xuôi.
Lại mang những việc tày trời về sau.
1515. Thương nhau, xin nhớ lời nhau,
Năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy.
1517. Chén đưa nhớ bữa hôm nay,
Chén mừng xin đợi bữa này năm sau!
1519. Người lên ngựa, kẻ chia bào, [24]
Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san. [25]
1521. Dặm hồng bụi cuốn chinh an, [26]
Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh. [27]
1523. Người về chiếc bóng năm canh, [28]
Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi.
1525. Vầng trăng ai xẻ làm đôi, [29]
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.
1527. Kể chi những nỗi dọc đường,
Buồn trong này nỗi chủ trương ở nhà:
1529. Vốn dòng họ Hoạn danh gia, [30]
Con quan Lại bộ tên là Hoạn thư.
1531. Duyên đằng thuận nẻo gió đưa, [31]
Cùng chàng kết tóc xe tơ những ngày.
1533. Ở ăn thì nết cũng hay,
Nói điều giảm buộc thì tay cũng già.
1535. Từ nghe vườn mới thêm hoa,
Miệng người đã lắm, tin nhà thì không.
1537. Lửa tâm càng dập càng nồng,
Trách người đen bạc, ra lòng trăng hoa: [32]
1539. Ví bằng thú thật cùng ta,
Cũng dong kẻ dưới mới là lượng trên.
1541. Dại chi chẳng giữ lấy nền,
Hay chi mà rước tiếng ghen vào mình?
1543. Lại còn bưng bít giấu quanh,
Làm chi những thói trẻ ranh nực cười!
1545. Tính rằng "Cách mặt khuất lời,
Giấu ta ta cũng liệu bài giấu cho!
1547. Lo gì việc ấy mà lo,
Kiến trong miệng chén có bò đi đâu? [33]

1549. Làm cho nhìn chẳng được nhau,
Làm cho đầy đọa cất đầu chẳng lên!
1551. Làm cho trông thấy nhãn tiền, [34]
Cho người thăm ván bán thuyền biết tay.” [35]
1553. Nỗi lòng kín, chẳng ai hay,
Ngoài tai để mặc gió bay mé ngoài.
1555. Tuần sau bỗng thấy hai người,
Mách tin, ý cũng liệu bài tâng công.
1557. Tiểu thư nổi giận đùng đùng:
“Gớm tay thêu dệt ra lòng trêu ngươi!
1559. Chồng tao nào phải như ai,
Điều này hẳn miệng những người thị phi!”
1561. Vội vàng xuống lệnh ra uy,
Đứa thì vả miệng, đứa thì bẻ răng.
1563. Trong ngoài kín mít như bưng.
Nào ai còn dám nói năng một lời!
1565. Buồng đào khuya sớm thảnh thơi,
Ra vào một mực nói cười như không.
1567. Đêm ngày lòng những dặn lòng, [36]
Sinh đà về đến lầu hồng xuống yên.
1569. Lời tan hợp, nỗi hàn huyên, [37]
Chữ tình càng mặn chữ duyên càng nồng.
1571. Tẩy trần vui chén thong dong, [38]
Nỗi lòng ai ở trong lòng mà ra. [39]
1573. Chàng về xem ý tứ nhà,
Sự mình cũng rắp lân la giãi bày.
1575. Mấy phen cười nói tỉnh say,
Tóc tơ bất động mảy may sự tình.
1577. Nghĩ đà bưng kín miệng bình, [40]
Nào ai có khảo, mà mình đã xưng? [41]
1579. Những là e ấp dùng dằng,
Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi. [42]
1581. Có khi vui miệng mua cười,
Tiểu thư lại giở những lời đâu đâu.
1583. Rằng: “Trong ngọc đá vàng thau, [43]
Mười phần ta đã tin nhau cả mười.
1585. Khen cho những chuyện dông dài,
Bướm ong lại đặt những lời nọ kia.
1587. Thiếp dù vụng chẳng hay suy,
Đã dơ bụng nghĩ, lại bia miệng cười!”
1589. Thấy lời thủng thỉnh như chơi,

Thuận lời chàng cũng nói xuôi đỡ đòn. [44]
1591. Những là cười phấn cợt son,
Đèn khuya chung bóng, trăng tròn sánh vai.
1593. Thú quê thuần hức bén mùi, [45]
Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô. [46]
1595. Chạnh niềm nhớ cảnh giang hồ,
Một màu quan tái, mấy mùa gió trăng. [47]
1597. Tình riêng chưa dám rỉ răng,
Tiểu thư trước đã liệu chừng nhủ qua:
1599. "Cách năm, mây bạc xa xa, [48]
Lâm Truy cũng phải tính mà thần hôn." [49]
1601. Được lời như cởi tấc son,
Vó câu thẳng ruổi nước non quê người.
1603. Long lanh đáy nước in trời, [50]
Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng. [51]
1605. Roi câu vừa gióng dặm trường, [52]
Xe hương nàng cũng thuận đường quy ninh. [53, 54]

Đính chính và xác định

Câu 1493 – *Đêm ngày giữ mực giấu quanh* – Có bản in là "Ví bằng giữ mực giấu quanh." Xét thấy chữ "đêm ngày" xác đáng hơn chữ "ví bằng." Chữ "đêm ngày" vừa liền nghĩa với mấy chữ"nay lần mai lữa" ở câu sau, lại vừa có nghĩa ý là lo ngày lo đêm, không lúc nào yên tâm. Còn chữ "ví bằng" kém phần ý sâu, sát nghĩa như thế.

Câu 1502 – *Lôi thôi bờ liễu mấy cành Dương Quan* – Chữ "lôi thôi" nôm viết là [雷 傕], phần nhiều các bản quốc ngữ phiên âm là "loi thoi" thế là lầm, vì loi thoi là hình dẫy liễu lẻ thẻ cao thấp không đều, được trông thấy từ đằng xa xa. Còn đây là tả cảnh liễu ở nơi tiễn biệt như ở Dương Quan, nó có những cành rủ xuống dài lôi thôi ngay trước mặt, đối với người đi như cótình lưu luyến giữ lại khi gió ngược, như có ý thân mến tiễn theo khi gió xuôi, làm cho người đi thêm lòng nhớ tiếc lôi thôi mãi. Chữ "lôi thôi" có ý nghĩa sâu đẹp như thế, sao lại đổi ra "loithoi" cho thành ra vô vị, lạc nghĩa?

Câu 1507 – *Dễ mà bọc rẻ giấu kim* – Câu này lấy ý ở câu tục ngữ "giấu kim bọc rẻ có ngày thò ra" và nghĩa rất giản dị rõ ràng là: không thể giấu được mãi mà không lộ truyện. Nhưng vì những quyển Kiều phường bản trước in câu này quá nhòe, chính tôi đã được thấy 4 chữ giữa câu này ởvài quyển đó, gần như bốn hình vuông đen hai bên có mấy nét thò ra. Các nhà xuất bản Kiều nôm sau nhận không ra, mới ức đoán, mỗi người viết rõ lại một cách và giải nghĩa một cach gượngghịu. Các nhà xuất bản truyện Kiều quốc ngữ lại cứ theo các bản Kiều nôm này mà dịch mà giải,ý nghĩa thật quanh co, gượng ép vô lý. Thí dụ như bản Kiều của hai ông Kim, Kỷ in câu này là"Dễ lòe yếm thắm trôn kim", và giải nghĩa rằng: "Lòe được yếm thắm, khó lòe được trôn kim",nghĩa là cái yếm thắm tuy rằng đỏ, nhưng có khi vô ý không trông thấy, cái trôn kim tuy nhỏ,nhưng nhìn kỹ thì thế nào cũng thấy. Thậm chí lại có nhà xuất bản Kiều nôm biết "Dễ lòe yếmthắm trôn kim" là vô nghĩa, lại ức đoán mà đổi lại một cách lời thô, nghĩa lạc hơn, là "Dễ mà ép

xẩm luồn kim"! Ông cụ huyện Hoàng Mộng Lệ (người làng Phù Lưu, tỉnh Bắc Ninh) là người khảo cứu truyện Kiều rất công phu trong 50 năm có bảo tôi rằng, cụ đã được đọc câu này ở trong một quyển truyện Kiều rất cổ viết câu này là: "Dễ mà bọc rẻ giấu kim." Tôi rất phục câu cụ huyện họ Hoàng khảo cứu được đó là rất đúng, vừa rõ nghĩa lý, vừa hợp tình trạng.

Câu 1534 – *Nói điều giàm buộc thì tay cũng già* – Chữ "giàm" nghĩa đen là lấy cái rọ con đan bằng tre gọi là cái giàm mà bịt vào mõm trâu bò cho nó khỏi vơ lúa, nghĩa bóng là tìm lời chèn lấn không cho người ta nói, như bịt miệng người ta lại. Hai câu lục bát nêu ra cái "hiểm độc đáo để" của Hoạn Thư – kể bên ngoài thì cách ăn ở đối với chồng rất hay, rất có lễ độ, nhưng tâm trí rất thâm hiểm khôn ngoan, khi truyện trò thì khéo tìm lời lẽ chèn lấn, như bịt miệng chồng lại không cho chồng nói. Chữ "buộc" thì nghĩa là khéo dùng mưu mẹo, làm như trói buộc tay chồnglại không cho làm được việc gì ngoài ý định của nàng. Chữ "giàm" có bản nôm viết rất đúng là [緘] (giàm là buộc), nhưng lại có bản đổi một cách vô ý thức thành [ƒ] (giàng); về sau các bản quốc ngữ theo đó mà dịch là "giàng buộc" và giảng nghĩa một cách vu vơ như lạc đề, chẳng ăn nhằm gì với truyện Hoạn Thư bịt miệng buộc tay chàng Thúc ở đoạn sau; thí dụ như Hoạn Thư không cho Thúc Sinh có dịp để dám thưa truyện đã lấy Kiều, nó làm khổ nhục Kiều mà ThúcSinh đành khóc thầm mà bó tay không dám binh vực. Bản Kiều của hai ông Kim, Kỷ cũng in là "ràng buộc" và giải nghĩa rằng: "Nói những điều thắt vào lý sự thật giỏi." Lời giải rõ thật vu vơoan cho Hoạn Thư, suốt truyện nàng đối với chồng bề ngoài vẫn có vẻ yêu kính, chẳng hề "lý sự"với chồng câu nào.

Chú giải và dẫn điển

[1] *Đào phai thắm, sen nẩy xanh* – Hoa đào nở về xuân. Đào phai thắm tức là hết mùa xuân. Sen nở hoa về mùa hè. Sen bắt đầu nẩy lá xanh tức là sang mùa hè.

[2] *Trướng hồ* = bức màn che cửa bằng vải mỏng phất hồ cho đỡ gió mà buồng vẫn sáng.

[3] *E tình* = lo ngại cho tình hình của mình.

[4] *Phận bồ* – bồ liễu [蒲 柳] = loài cây yếu chịu gió rét, về mùa đông rụng lá trước cây khác. Bởi vậy văn sĩ dùng chữ bồ liễu với hàm ý đàn bà con gái. "Phận bồ" là lời Kiều nói khiêm nhường mình là phận đàn bà hèn. "Vẹn chữ tòng" = lấy chồng, theo chồng.

[5] *Đổi thay nhạn yến* – nhạn = vịt trời. Giữa mùa thu thì nhạn đến yến đi – yến = chim én, giữa mùa xuân thì yến đến, nhạn đi. Chữ Hán có câu "nhạn yến đại phi" [雁 燕 代 飛] có nghĩa "chimnhạn chim yến thay nhau mà bay" để nói hết mùa nọ đến mùa kia.

[6] *Đã hòng đầy niên* = đã sắp được đầy một năm.

[7] *Cát lũy* [葛 藟] = hai thứ cây dây leo: cây sắn dây và cây lá bạc thau hay quấn leo ở gốc cây to. Kinh Thi có thơ "Cát lũy" để khen bà Hậu Phi có độ lượng bao dung các vợ lẽ "nam hữu cù mộc, cát lũy luy chi" [南 有 樛 木, 葛 藟 累 之] = "đất nam có cây to, dây cát dây lũy quấn vào cây đó." Người sau dùng "cát lũy" để chỉ vợ lẽ, và "cù mộc để chỉ vợ cả. "Tao khang" [糟 糠] nghĩa đen là bã rượu và tấm cám, đồ ăn nuôi lợn, nghĩa bóng là vợ lấy từ lúc còn nghèo phải ăn tao khang. Vua Hán Quang Vũ có bà công chúa là chị vua hoá chồng, muốn lấy ông Tống Hoằng. Vua để bà chị đứng khuất ở trong màn, và gọi ông Tống Hoằng lại hỏi "Ta nghe như có câu tục ngữ nói 'giầu đổi bạn, sang đổi vợ', có phải không?" Ông thưa "Thần không nghe thấy câu ấy, thần chỉ nghe thấy câu "bần tiện chi giao bất khả vong, tao khang chi thê bất khả hạ

đường" [貧便之交不可忘, 糟糠之妻不可下堂] = "bạn cũ lúc nghèo hèn không được quên, vợ cũ lúc còn ăn cám bã với mình, không được đuổi xuống dưới thềm (nghĩa là bỏ)." Vua ngoảnh lại bảo bà chị "Việc không xong rồi!"

[8] *Nên dường* = đáng ngại, đáng để ý mà lo.

[9] *Tăm hơi* nghĩa bóng là tin tức, hơi tiếng. Nghĩa đen thì tăm là những bọt cá làm nổi lên trên mặt nước, người đi câu vẫn tìm chỗ nước nào có nhiều tăm xủi lên thì thả câu. Hơi là những mùi con vật để lại ở lối nó đi hay chỗ nó ở. Ta vẫn dùng chó để tìm hơi vật săn, như cầy cáo, chimchóc.

[10] *Kẻ lớn* đây tức là vợ cả và tức là Hoạn Thư.

[11] *Ở vào khuôn phép* = ăn ở phải đúng vào trật tự trong lễ phép, trên dưới rõ ràng.

Nói ra mối giường = nói ra những oai quyền khuôn phép đâu vào đấy cho người dưới phải theo, như cầm cái dây giường lưới mà kéo thì cả các mắt lưới phải cùng đi.

[12] *Rốn bể, đáy sông* – Rốn bể = chỗ sâu nhất của bể; đáy sông = chỗ sâu nhất của sông. Người ta ví lòng người hiểm sâu khó dò, khó đo được cũng như khó dò được rốn bể, khó đo được đáy sông. Câu này đặt theo đại ý câu tục ngữ "Sông sâu còn có kẻ dò / lòng người hồ dễ ai đo chocùng."

[13] *Tiêu hao* = những tin tức báo cho biết mọi sự biến chuyển rủi may, hay dở sẽ xẩy ra thế nào.

[14] *Đẹp ý* = làm cho vui lòng vừa ý.

[15] *Hồi trang* [回裝] = sắp sửa các đồ hành trang để về.

[16] *Ninh gia* [寧家] = về thăm nhà ở quê quán.

[17] *Chén quan hà* – cuộc rượu tiễn biệt người đi xa. Vì cuộc rượu tiễn biệt này hay ở quán rượu gần cửa ải (quan) hay trên bến sông (hà), nên gọi là chén "quan hà" [關河].

[18] *Xuân đình, cao đình* = Xuân đình [春亭] là chỗ nhà chơi vui. Cao đình là nơi tiễn biệt. Gọi là Cao Đình vì quán này hay đặt ở chỗ giang cao [江皋] (chỗ bờ sông cong uốn).

[19] *Sông Tần một giải xanh xanh* – Câu này lấy điển ở câu hát cổ "Dao vọng Tần xuyên, can trường đoạn tuyệt [遙望秦川, 肝腸斷絶] = Xa trông sông Tần, gan ruột như đứt thành từng đoạn".

[20] *Bọc rẻ giấu kim* – Xem lời đính chính câu 1507 ở trên.

[21] *Bưng mắt bắt chim* – Đây là câu tục ngữ chê người ngu đần tự dối mình trước để dối người: muốn bắt con chim đang đậu, sợ nó trông thấy mình nó bay, lại bịt mắt mình lại, cho là mình không trông thấy nó thì nó cũng không trông thấy mình. Câu "bọc rẻ giấu kim" ở trên thì nói không thể giấu lâu được; câu này thì nói: người ta đã biết thừa đi rồi, lại còn tự dối mình coi như người ta không biết để giấu người ta.

[22] *Nói sòng* = nói công khai sự thật ở trước mặt mọi người cho ai cũng biết.

Sòng là phơi bày ra, như nói: *sòng* tiền ra coi; mua bán *sòng* phẳng.

[23] *Bất bình* = bất kỳ, ngoài sự mình tưởng đoán.

[24] *Chia bào – Bào* là vạt trước áo dài mặc ngoài. *Chia bào* là vợ chồng chia tay nhau khi tiễn biệt; chữ Hán là "phân mệ" [分袂] = chia vạt áo.

[25] *Rừng phong thu đã nhuộm màu quan sơn – Phong* là loài cây to lá hình bàn tay có ba hay năm mảnh, đến mùa thu thì lá màu đỏ đẹp, nhưng cuối thu thì tàn rụng rất buồn. Thơ Đỗ Phủ "Ngọc lộ điêu thương phong thụ lâm [玉露凋傷楓樹林] = "Giọt móc trong như ngọc làm điêu

tàn rừng cây phong.” Câu Kiều này lại dùng thêm điển ở một câu trong Tây Sương Ký “Thu lai thùy nhiễm phong lâm thúy [秋來誰染楓林翠] = Mùa thu đến, còn ai nhuộm được sắc rừng phong cho nó xanh trở lại?”

[26] *Dặm hồng* = đường đi bụi đỏ bốc lên bởi xe, ngựa.

[27] *Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh* – Câu này dùng điển ông Lưu Bị tiễn Từ Thứ ở Tam Quốc. Khi Từ Thứ phải bỏ ông Lưu Bị về với mẹ ở bên Ngụy, ông Bị tiễn Từ Thứ đi rồi đứng nhìn theo mãi đến lúc Thứ đi đã khuất mấy ngàn dâu xanh rồi vẫn chưa về, rồi giận mấyngàn dâu đó, sai người chẵn hết.

[28] *Chiếc bóng* = lẻ loi một mình lúc đêm khuya; trước kia có hai bóng ở trước đèn, bây giờ chỉ có một bóng mình.

[29] *Vừng trăng ai xẻ làm đôi* – Thơ cổ có câu vịnh cảnh trăng nửa vành hạ tuần “Thùy bả ngọc bôi phân lưỡng đoạn, bán trầm thủy để bán phù không” [誰把玉杯分兩斷, 半沈水底半浮空] = Ai đem cái chén ngọc này chia làm hai nửa, một nửa chìm ở đáy nước, một nửa nổi ở trên không?” Hai câu 1525, 1526 dùng ý hai câu thơ này mà đặt để tả cảnh tả tình nhớ nhau – Kiều trông trăng thì nghĩ trăng đương soi đường Thúc đi, Thúc trông trăng thì nghĩ trăng đương soi buồng Kiều lúc canh khuya.

[30] *Danh gia* = nhà dòng dõi quan sang, danh giá nổi tiếng.

[31] *Duyên đằng thuận nẻo gió đưa* = duyên tự giời, số giời dắt lại. Câu này lấy ý ở câu thơ “Thì lai phong tống Đằng Vương Các [時來風送滕王閣] = Lúc vận may đến thì gió đưa đến lầu gác Đằng Vương”. Để nói người đời lúc vận may đến, thì như gió đưa Vương Bột đến dự tiệc ở gác Đằng Vương, mà được nổi tiếng văn hay muôn đời. Sự tích như sau: Vương Bột được vuaĐường Cao Tôn nuôi làm bạn học với Thái Tử ở trong cung, sau vì làm bài hịch Đấu kê (gà trọi) có ý hùng dũng quá bị vua ghét đuổi ra ngoài cung. Bột buồn chán, bỏ quan đi thăm bố làm quanở Giao Chỉ. Một hôm thuyền gặp gió thuận thổi đi vùn vụt một đêm được 700 dặm đến HồngChâu, vừa gặp ngày tiệc Đô Đốc ở Hồng Châu là Diêm Bá Tự mở mừng lễ khánh thành việc sửachữa lại gác Đằng Vương, dự tiệc có hàng nghìn văn sĩ đủ mặt tài giỏi, mấy người rủ Bột cùngvào. Bột bấy giờ mới có chừng 20 tuổi, viên Đô Đốc cho ngồi ở chiếu cuối cùng đám tiệc. Lúcbữa tiệc đã bắt đầu, Diêm Đô Đốc đưa giấy bút xin các quan khách làm cho bài tựa “Đằng Vương Các” để làm kỷ niệm cho bữa tiệc to tát hiếm có này. Các quan khách không ai dám nhận, có ýnhường cho rể Đô Đốc là tay văn sĩ nổi tiếng. Khi đưa giấy bút đến Bột ở cuối cùng, thì Bột nhậnlàm ngay. Lúc đầu Diên Đô Đốc thấy Bột còn trẻ quá mà dám nhận làm, ông rất giận, định choviết mấy câu rồi thu giấy bút không khiến làm nữa. Nhưng khi ông xem mấy câu đầu Bột mới thảo, ông thấy hay, ông đã hơi phục, rồi Bột càng thảo, ông càng chịu là hay. Khi thấy Bột viếtđược mấy câu hay quá, ông sửng sốt than khen “thật thiên tài” rồi để yên cho Bột viết xong bài.Khi Bột viết xong, Diêm Đô Đốc khen nức nở, đưa quan khách coi để nhờ sửa lại, thì không aisửa lại được chữ nào. Thế là nhờ bài tựa này mà tiếng Bột nổi mãi đến bây giờ.

Lời chú thích trên này là tôi theo nhiều bản Kiều lưu hành mà kể như một truyện vui trong giới văn chương để cho độc giả biết một bậc văn tài siêu việt, mới 20 tuổi mà thảo trong chốc lát xong bài Đằng Vương Các Tự dài 843 chữ lưu truyền mãi đến nay là một bài tuyệt diệu. Nhưng thật ra là: lấy câu thơ “thì lai phong tống Đằng Vương các” mà giải thích câu Kiều “Duyên đằng thuận nẻo gió đưa” thì không xác đáng. Tôi thấy bài “Bạch đầu ngâm” của Lý Bạch có những câu này:

[菟 蒘 固 無 情] = Thỏ ty cố vô tình (Cây dây thỏ ty vốn trước nó không có tình ý gì cả)
[隨 風 任 顛 倒] = Tùy phong nhiệm điên đảo (Nó cứ ngả nghiêng theo gió đưa đi đâu thì đi)
[誰 使 女 蘿 枝] = Thùy sử nữ la chi (Ai sui khiến cành cây nữ la kia)
[而 來 強 縈 抱] = Nhi lai cưỡng oanh báo (Mà nó đến cố tình ôm cuốn lấy)
Lấy 4 câu này mà giải thích hai câu "Duyên đằng thuận nẻo gió đưa, cùng chàng kết tóc xe tơ những ngày" thì đúng hơn, được cả "duyên đằng gió đưa" câu trên, và "kết tóc xe tơ" câu dưới. Chữ đằng [藤] là dây leo lầm ra [滕] là nước Đằng.
[32] *Đen bạc* = con người bụng dạ điên đảo, bội bạc, đổi trắng thay đen.
[33] *Kiến bò miệng chén* hàm ý nói "điều không thể nào tránh thoát ra khỏi tay mình được" – như con kiến bị úp trong miệng cái chén thì còn chạy đi đâu được nữa, người ta mở ra bắt lúc nào chẳng được.
[34] *Trông thấy nhỡn tiền* = trông thấy ngay trước mắt.
[35] *Thăm ván bán thuyền* lấy ý ở câu tục ngữ "chưa thăm ván đã bán thuyền" và so sánh thật đúng – chàng Thúc lấy Kiều chưa thật chính thức đủ phép đối với gia đình, mà đã quên vợ cả.
[36] Lòng dặn lòng là Hoạn Thư lúc nào lòng cũng đinh ninh lại dặn nhủ mình rằng phải giữ cho kín đừng hở cho ai biết ý định lừa chồng của mình. Bản Kiều của hai ông Kim, Kỷ in "dặn" là "giận" thành ra câu này có nghĩa "lúc nào lòng nàng cũng giận lòng Thúc Sinh" là điều rất lầm.
[37] *Hàn huyên* = hỏi han, thăm hỏi sau một thời gian dài xa cách.
[38] *Tẩy trần* = bữa tiệc đón mừng người đi xa về. Nghĩa đen chữ "tẩy trần" [洗 塵] là rửa cho sạch bụi khi đi đường; nghĩa bóng là rửa cho hết sự mệt nhọc khi đi đường.
[39] *Nỗi lòng ai ở trong lòng mà ra* – Tục ngữ "Nào có trong lòng nhau ra đâu mà biết?" hàm ý "có vào được trong lòng nhau mà bới tìm được sự bí mật của nhau, thì lúc ra mới biết; còn như không ở trong lòng nhau mà ra, thì biết sao được lòng nhau thế nào?"
[40] *Nghĩ đà bưng kín miệng bình* = Thúc Sinh nghĩ rằng ta đã giấu kín được việc lấy Kiều, Hoạn Thư không biết chút tăm hơi nào, như bình rượu kia ta đã nút kín không bốc chút hơi nào ra ngoài, thì ta cứ giữ cho thật kín miệng như giữ kín miệng bình rượu." Hầu hết các bản Kiều nôm hay quốc ngữ dẫn điển câu này ở câu "thủ khẩu như bình" [守 口 如 瓶]; câu này thật ra là câu khuyên người ta chớ hay nói, phải giữ miệng cho kín cho im như miệng bình, khác với ý nghĩa ở tình trạng Thúc Sinh lúc này, đáng lẽ phải nói thì lại không nói.
[41] *Khảo* = tra hỏi.
[42] *Rút dây động rừng* lấy từ câu tục ngữ "chớ rút dây mà động rừng" có nghĩa đen là khi vào rừng chớ rút những dây leo mà hổ báo ra nguy hiểm lắm, và nghĩa bóng ở đây là sợ nói đếntruyện lấy Kiều, thì Hoạn Thư giận dữ lên nguy lắm.
[43] *Ngọc đá, vàng, thau* – Sách Nho có câu "Vũ phu loạn ngọc" [碔 砆 乱 玉] = Đá vũ phu đẹp lẫn với ngọc" thì ca dao ta có câu "Trách cha trách mẹ trách chàng / cầm cân chẳng biết rằng vàng hay thau / thật vàng chẳng phải thau đâu / đừng đem thử lửa mà đau lòng vàng." Ý câu Hoạn Thư nói này là "vợ chồng chúng ta đã tin nhau lắm rồi, chẳng còn chút ngờ lòng nhau làthật hay là giả dối nữa."
[44] *Nói xuôi đỡ đòn* = theo ý nàng mà nói xuôi một chiều đi cho xong lần, đỡ để nàng ngờ vực điều gì mà tra hỏi lôi thôi.

[45] *Thú quê thuần hức bén mùi – Thú quê* = sở thích có ở nơi quê nhà mình. *Thuần* [蒓] = thứ rau mọc dưới nước về mùa thu, nấu canh rất ngon. *Hức* = thứ cá ăn gỏi rất ngon. Câu này dùng điển tích Trương Hàn [張翰] đời Tấn. Hàn quê ở đất Ngô Trung vào làm quan ở Lạc Dương, thấy gió thu thổi, nhớ đến canh rau thuần, gỏi cá lô, bảo mọi người rằng: "Người ta sống trên đời quý nhất là được thích chí mình, hơi đâu làm quan xa để cầu tiếng hão huyền." Ý câu này nói Thúc Sinh thấy cảnh thu, thương nhớ đến Kiều.

[46] *Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô – Giếng vàng* do chữ "kim tỉnh" [金井] dịch ra. Xưa có cái giếng về mùa thu thì nước trong màu vàng, nên gọi là kim tỉnh. Văn sĩ đời sau hay dùng chữ kim tỉnh làm điển tả mùa thu. Cổ thi có câu "Ngô đồng nhất diệp lạc / thiên hạ cộng tri thu [梧桐一葉落, 天下共知秋] = Cây ngô đồng rụng một lá, người thiên hạ cùng biết là mùa thu đến." Câu Kiều này lấy điển ở câu thơ đó.

[47] *Quan tái – Quan* [關] = cửa ải. *Tái* [塞] chỗ bờ cõi xa. *Quan tái* = nơi cửa ải ở chỗ biên thùy xa xôi. Câu này nói cảnh đi đường nơi xa lạ, hết nơi lạ nọ đến nơi lạ kia.

[48] *Mây bạc* = mây trắng do chữ "bạch vân" [白雲] dịch ra, với hàm ý là nơi cha mẹ ở.

[49] *Thần hôn* [晨昏] = sớm tối thăm hỏi cha mẹ. Kinh Lễ dạy: Con nuôi cha mẹ già, sáng sớm dậy phải đến chào hỏi cha mẹ xem đêm ngủ có ngon giấc không, có mơ thấy sự vui buồn gì không. Tối đi ngủ phải đến chào hỏi cha mẹ xem ngày ăn có ngon không, có gặp sự gì phải buồn bực không?

[50] *Đáy nước in trời* tả cảnh đi đường trên bờ sông hồ, thấy bóng trời mây in ở dưới nước long lanh thật đẹp, và vì lòng chàng vui, nên cảnh càng đẹp.

[51] *Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng* tả cảnh đi đường: buổi sớm thì thấy khí sương mù kết thành bức mây thành màu biếc ở chân trời, buổi chiều thì thấy bóng nắng vàng chiếu xuống như phơi màu vàng ở sườn núi. Bản Kiều của hai ông Kim Kỷ giảng "non phơi bóng vàng" là "lá cây trên rừng trông vàng úa cả" thật là vu vơ.

[52] *Roi câu – Câu* [駒] = con ngựa non đẹp.

[53] *Xe hương* = xe lịch sự của đàn bà đi thời cổ. Đường Thi có câu "du bích hương xa bất tái phùng" [油壁香車不再逢] = "không gặp lại cái xe thơm ngoài sơn dầu bóng nữa."

[54] *Quy ninh* - Đàn bà đã lấy chồng, khi về thăm cha mẹ gọi là *quy ninh* (về thăm hỏi cha mẹ có được vui không).

<u>Diễn ra văn xuôi</u>

Câu 1473, 1474 = Chàng nàng mải vui những cuộc chơi phong nhã như uống rượu buổi sớm, đánh cờ buổi trưa, mà quên cả ngày tháng, rồi bỗng thấy đào mùa xuân đã tàn hết hoa, sen mùa hè nẩy lá non xanh rờn.

Câu 1475, 1476 = Một đêm nọ, nhân khi thong thả, trong buồng vắng vẻ, Kiều nghĩ đến nông nỗi đáng lo ngại cho mình, mới bày tỏ cho Sinh nghe mọi nỗi tâm tình hoặc đáng lo cho riêng nàng,hoặc đáng lo cho cả đôi.

Câu 1477, 1478 = Nàng nói : Từ khi phận gái này được nên duyên theo chàng về đây, bây giờ đã thắm thoắt hết xuân sang thu, gần đầy một năm rồi.

Câu 1479, 1480 = Thế mà tin tức ở quê nhà Vô Tích càng ngày càng bẵng đi, không thấy chút tin tức nào về việc chàng nặng tình với vợ lẽ quá và nhạt tình quá với người vợ cả tình nghĩa cũ càng như vậy ?
Câu 1481, 1482 = Cái sự tin tức vắng bẵng này nghĩ ra thật đáng nên để ý, vì việc đôi ta lấy nhau này, chắc không ai người ta giữ kín cho ta, thể nào vợ cả cũng biết, vậy mà sao lại im đi được như thế ?
Câu 1483, 1484 = Tôi nghe nói bà ấy không vừa, ăn ở thì nghiêm trang đúng vào khuôn phép lễ độ, mà nói năng thì lời lẽ đâu ra đấy, đúng thể thống trên ra trên, dưới ra dưới.
Câu 1485, 1486 = Tôi rất e sợ bụng dạ những hạng người phi thường đáo để ấy, vì tâm cơ họ hiểm sâu như rốn bể như đáy sông, không dễ mà dò xét, mà đoán chừng được.
Câu 1487, 1488 = Chúng ta lấy nhau đã ròng rã một năm giời rồi, chắc không thể nào giấu xong được.
Câu 1489, 1490 = Thế mà bấy lâu nay, bà ấy vẫn giữ kín không cho chúng mình biết chút phản ứng lành dữ thế nào. Hoặc giả trong sự lặng lẽ kín đáo đó, có sự cơ mưu bất trắc nào chăng ?
Câu 1491, 1492 = Vậy chàng nên liệu kíp về nhà ngay đi, trước để đẹp lòng bà cả, sau là để biết tình ý bà ấy thế nào.
Câu 1493, 1494 = Nếu cứ ngày đêm lúc nào cũng lo giấu quanh giấu quẩn, nay lần mai lữa mãi như bây giờ, thì hình như tình trạng này chẳng bao giờ được trôi chảy hả hê cả.
Câu 1495, 1496 = Sinh nghe lời nàng thong dong khuyên nhủ cũng đành tình xa nàng mà quyết lòng sắp sửa hành trang về thăm quê nhà.
Câu 1497, 1498 = Sáng hôm sau, chàng dậy sớm sang nói với cha, thì Thúc ông cũng vội giục chàng về thăm quê.
Câu 1499, 1500 = Sau một bữa tiệc tiễn nhau lúc sắp đi xa, thế là đương cảnh vui sum họp ở Xuân đình đã bước sang cảnh từ giã buồn nhớ ở Cao đình.
Câu 1501, 1502 = Ngắm cảnh bước đường sắp đi thật là quá buồn : nào là dưới sông thì nước chảy xanh xanh, nào là trên bờ đê thì những cành dẫy liễu lôi thôi, rũ xuống làm vướng vít lòngngười lúc chia rẽ nhau.
Câu 1503, 1504 = Chén rượu rót để mời tiễn nhau lúc chia rẽ nâng lên rồi lại dùng dằng ngừng lại, những lời muốn nói để từ giã nhau thì thổn thức nghẹn lại không nói ra được.
Câu 1505, 1506 = Nàng đinh ninh dặn kỹ chàng rằng : Chàng về rồi, thiếp ở nơi xa xôi cách biệt bao lần sông núi này, chàng nên nhớ rằng chàng phải làm thế nào cho tình thế đối với bà cả ở trong nhà bên đó có được êm ấm, thì tình thế của thiếp ở bên ngoài này mới được yên ổn êm ả.
Câu 1507, 1508 = Sự tình đôi ta thế nào trước sau cũng hở thôi. Tục ngữ có câu *Giẩu kim bọc rẻ có ngày thò ra* – cái kim nhỏ, bọc dẻ to, giấu kín thế mà còn có ngày hở ra, huống chi cái việc chúng mình lấy nhau nó to tát lộ liễu thế thì kín mãi thế nào được! Vậy xin chàng chớ giấu nữa, chớ như kẻ bưng mắt bắt chim, tưởng là mình không trông thấy chim, thì chim nó cũng không trông thấy mình. Chúng ta cũng chớ lầm tưởng coi như mình không biết truyện mình, thì người ta cũng không biết, để lừa dối người ta. Cái sự tự dối mình để dối người như thế thật khó lòng làm được lắm.
Câu 1509, 1510 = Vậy xin chàng khi về đến nhà, trước hết phải nói sòng ngay trước mặt cho bà ấy biết rõ ràng hẳn hoi truyện chàng lấy thiếp, không giấu giếm chút nào.

Câu 1511, 1512 = Dù cho bà ấy bất kỳ nổi sóng gió giận dữ, đem cái quyền vợ cả mà ra oai với thiếp thế nào nữa, thiếp cũng đành chịu cái phận lẽ mọn của thiếp là xong.
Câu 1513, 1514 = Còn hơn là điều cứ giấu ngược giấu xuôi mãi, để rồi mang lấy cái tai vạ to tầy trời về sau.
Câu 1515, 1516 = Chàng có thương nhau thì phải nhớ lời đinh ninh dặn dò của nhau. Một năm xa nhau tuy lâu, nhưng cũng chẳng lâu là bao nhiêu, rồi ta sẽ lại gặp nhau.
Câu 1517, 1518 = Xin chàng nhớ chén rượu tiễn chàng vào bữa hôm nay, và thiếp xin đợi nâng chén rượu đón mừng chàng vào bữa đúng hôm này sang năm.
Câu 1519, 1520 = Thế là một người thì co tay cương lên ngựa, một người thì buông vạt áo chồng ra mà nhìn theo. Cảnh rừng phong đỏ ửng sắp điêu tàn, mùa thu đã nhuộm một màu buồn cho những ngọn núi xa xăm mà nàng tưởng tượng chàng sẽ phải vượt qua.
Câu 1521, 1522 = Nàng trông theo thấy chàng đi đến đâu thì vó ngựa làm bay bụi đỏ ở đường đến đó. Nàng nhìn mãi cho đến lúc chàng đi khuất bóng vào ngàn dâu xanh.
Câu1523, 1524 = Thế là người thì về đêm đêm thức lẻ loi một mình suốt năm canh ; người thì ngày ngày đi một mình ở trên đường xa xôi muôn dặm.
Câu 1525, 1526 = Ôi ! Cái vầng trăng kia, ai sẻ nó ra làm đôi vậy, mà một nửa thì soi chiếc gối lẻ loi của người vợ, một nửa thì soi con đường xa thẳm của người chồng ?
Câu 1527, 1528 = Thôi hãy xếp lại, kể chi mãi cái nông nỗi của chàng ở dọc đường! Và này đây, hãy kể rõ nông nỗi của người vợ cả chủ trương mọi việc, trong buồng ở quê nhà Vô Tích.
Câu 1529, 1530 = Nàng là con gái một nhà danh giá họ Hoạn, con quan Lại Bộ, và tên là Hoạn Thư.
Câu 1531, 1532 = Thuận theo duyên trời sớm sủa đưa lại, nàng kết duyên cùng chàng từ lâu rồi.
Câu 1533, 1534 = Kể về đường ăn ở cư xử bề ngoài đối với chồng, thì tính nết nàng cũng hay, nói năng lễ độ, chiều chuộng ân cần, nhưng kể đến điều cơ mưu trong lòng nàng để giàm miệng và buộc tay chồng, thì nàng cũng già tay lắm. Khi trò chuyện thì khéo đón trước chặn sau, để cho chồng không nói được câu nào ngoài ý muốn nàng ; khi ghen tuông thì khéo dùng mưu cơ để giữ chồng, để như trói buộc tay chàng lại không dám bênh vực được chút nào tình địch của nàng.
Câu 1535, 1536 = Từ khi nàng mảng tin chồng lấy vợ lẽ, miệng người ta đồn đã nhiều, mà chẳng được tin tức gì ở nhà Lâm Truy gửi về nói đến việc này cả.
Câu 1537, 1538 = Nàng càng nén lòng nhịn đi, thì lại chỉ càng thêm tức giận, chẳng khác mớ lửa lòng càng dập đi, thì nó lại càng bùng to lên. Nàng trách chồng đã là kẻ bội bạc điên đảo, lại ra người trăng hoa hư hỏng.
Câu 1539, 1540 = Nàng nghĩ bụng : Ví thử hắn biết điều, cứ thú thực cùng ta hẳn hoi, thì làm gì ta chẳng biết lấy lượng rộng rãi mà bao dung kẻ dưới, cho xứng đáng là người trên.
Câu 1541, 1542 = Ta có dại gì mà chẳng giữ lấy nền nếp, đứng đắn, đàng hoàng, vì nào có hay dưng gì mà rước lấy tiếng ghen tuông vào mình cho người ta chê cười !
Câu 1543, 1544 = Nhưng mà anh ta không biết điều, lại cứ bưng bịt, giấu quẩn giấu quanh, giở những thói trẻ ranh ra mà đối đãi với ta, rõ thật là nực cười !
Câu 1545, 1546 = Được rồi ! Ta đã tính nhân cuộc cách mặt khuất lời này, hắn đã giấu ta, thì ta cũng tìm cách giấu lại cho coi !

Câu 1547, 1548 – Chà ! Lo gì việc ấy mà chả báo thù được nhau ! Rõ như con kiến đã úp ở trong miệng chén rồi, thì bò đi đâu cho thoát được nữa đây ?
Câu 1549, 1550 = Ta sẽ làm cho hai đứa gặp nhau mà chẳng dám nhìn nhau ! Ta sẽ làm cho cả hai đều nhục nhã đầy đọa, không sao cất đầu lên được !
Câu 1551, 1552 = Ta sẽ làm cho chúng trông thấy ngay trước mắt cái vạ về cuộc giấu bịt ta này. Và nhất là cho cái anh *mới thăm ván đã bán thuyền* này biết rõ tay ta !
Câu 1553, 1554 = Nàng quyết định lập tâm như thế, rồi nàng giữ kín mưu cơ, nông nỗi trong lòng nàng, không hở cho ai biết. Ai nói gì đến việc chồng lấy vợ lẽ này, nàng để ở ngoài tai hết, nhưgió qua ngoài mái tai vậy.
Câu 1555, 1556 = Mươi hôm sau bỗng có hai người đến mách truyện này với nàng, ý muốn tângcông lấy lòng nàng.
Câu 1557, 1558 = Nàng liền nổi giận đùng đùng mà quát : Gớm cho những quân thêu dệt ratruyện để trêu người này.
Câu 1559, 1560 = Chồng tao đứng đắn, chứ nào có phải như ai đâu ! Điều này rõ ràng là chúng bay bịa đặt ra để chê bai chồng tao đó !
Câu 1561, 1562 = Rồi nàng liền sai bọn người nhà đem hai người đó ra, người thì bị vả miệng, người thì bị bẻ răng.
Câu 1563, 1564 = Thế là từ đó mọi người trong ngoài giữ kín miệng như bưng, chẳng còn ai dám nói năng một lời nào về truyện chàng lấy giấu vợ lẽ nữa.
Câu 1565, 1566 = Và nàng thì khuya sớm lúc nào cũng một vẻ thảnh thơi ở buồng, khi ra khi vào gặp ai cũng một mực cười nói vui vẻ như không có chuyện gì bận tâm.
Câu 1567, 1568 = Trong khi tiểu thư ngày đêm lúc nào lòng cũng nhủ lòng là phải giữ cho kín nỗi lòng như thế, thì Thúc Sinh đã về đến nơi xuống ngựa ở trước cửa buồng.
Câu 1569, 1570 = Tiểu thư chào đón niềm nở, rồi nào là câu chuyện tỏ lòng nhớ nhung khi xa cách, vui mừng khi gặp mặt, nào là lời hỏi thăm chúc mừng sức khỏe, rõ thật là chữ tình càng thêm mặn mà, chữ duyên càng thêm nồng đậm. (Hai chữ "càng" ở câu này thật hay, tả được đủ nỗi giả dối trong lòng và vẻ giả dối ngoài mặt của tiểu thư để giữ kín cơ mưu lừa chồng, cho chàng trước càng muốn thú thật bao nhiêu, sau càng giấu kín bấy nhiêu).
Câu 1571, 1572 = Nàng ung dung đặt tiệc tẩy trần, và ngoài thì vẫn vui vẻ uống rượu với chàng, nhưng nỗi căm giận trong lòng nàng thì nào ai có ở trong đó ra đâu mà biết được !
Câu 1573, 1574 = Chàng về để xem ý tứ nàng ra sao, cũng nhiều lúc chàng muốn nhân dịp lân la bày tỏ sự tình của mình cho nàng biết rõ.
Câu 1575, 1576 = Nhưng thấy nàng khi tỉnh khi say trong bữa tiệc, cười cười nói nói, chẳng đụng chạm chút nào đến việc chàng muốn nói, để chàng không có dịp nào mà nói.
Câu 1577, 1578 = Chàng nghĩ bụng : Thế là quả nhiên việc này mình đã bưng bít được thật kín, nàng không biết chút tăm hơi nào cả cũng như bình rượu đã đóng nút thật kín, không bốc chút hơi nào ra ngoài. Nàng đã không tra khảo đến, thì tội gì mình lại tự nhiên xưng ra ?
Câu 1579, 1580 = Bởi chàng nghĩ thế, nên phần thì chàng e ấp dùng dằng mãi, rồi thôi đi không nói gì đến chuyện đó nữa ; phần thì chàng e ngại bỗng dưng nói ra sợ nàng nổi ghen giận dữ lên, có khác nào như rút dây làm động rừng cho hổ báo nó nhào ra thì thật nguy khốn tránh sao được !

(Thế là chàng đã mắc mưu "giấu ta, ta cũng liệu bài giấu cho" của Hoạn Thư, mà quên hẳn lời Kiều đinh ninh dặn dò "đến nhà trước vội nói sòng cho minh !").
Câu 1581, 1582 = Hoạn Thư đã không để cho Thúc Sinh có dịp nói về việc đã lấy Kiều; lại còn khéo dùng lời hể hả để chặn họng chàng trước cho chàng không dám nói nữa; nhân khi vui chuyện mua cười, nàng lại khéo giở những câu vui vu vơ như vô tình ra mà nói để giảm bịt miệng chàng : Hai vợ chồng ta ở với nhau thật là hết lòng thành thật, không còn ngờ nhau chút nào làvàng hay thau, ngọc hay đá nữa. Chúng ta đã tin nhau đủ mười phần mười như vậy.
Câu 1585, 1586 = Thế mà thật đáng khen cho những kẻ mồm miệng dông dài, dám đặt ra những chuyện bướm ong kia nọ để chê cười chàng là lẳng lơ mê gái, lấy vợ lẽ giấu ở Lâm Truy, phụ tìnhvới thiếp.
Câu 1587, 1588 = Thiếp tôi tuy vụng dại ngu dốt, chẳng biết suy nghĩ gì thật, nhưng thừa biết là chẳng khi nào chàng lại nỡ phụ thiếp như thế, nên thiếp chẳng thèm nghĩ gì đến chuyện ấy cho dơ bẩn cả lòng, và chỉ tổ cho người ta cười, làm mang tiếng cho cả hai vợ chồng.
Câu 1589, 1590 = Chàng thấy tiểu thư thủng thỉnh vui vẻ nói như chơi thế thôi, nên chàng cũng theo ý lời nàng mà nói đưa đẩy mấy lời cho xuôi đi một chiều để khỏi sinh ra chuyện gì lôi thôi mà mình phải chống đỡ.
Câu 1591, 1592 = Thế là vợ chồng một mực vui hòa, cười phấn cợt son với nhau – khi thì ngồi bên nhau mà ngắm trăng tròn ở trước hiên, khi thì chuyện vui với nhau chung bóng một ngọn đèn khuya trong buồng.
Câu 1593, 1594 = Mùa thu năm trước, chàng từ biệt Kiều về Vô Tích, thắm thoát đã lại đến mùa thu năm nay, một vài lá ngô đồng đã lác đác rụng, và nước giếng đã hóa màu thu trông vàngvàng. Chàng thấy mùa thu lại đến, chàng lại nhớ cảnh mùa thu êm đềm trước với Kiều ở LâmTruy cũng như Trương Hàn xưa kia thấy hơi thu đến lại nhớ canh rau thuần, gỏi cá hức là nhữngmón ăn đầy thú vị, đầy tình cảm ở nơi quê nhà.
Câu 1595, 1596 = Thấy thu lại đến, chàng còn nhớ đến cảnh xông pha bước giang hồ mùa này năm ngoái để về Vô Tích, và những tiếc mấy mùa cảnh đẹp gió mát trăng thanh năm nay, chàng đã phải vui gượng với Hoạn Thư, nhưng lòng lúc nào cũng vẫn một niềm nhớ buồn bơ vơ như bị đày đọa ở nơi quan ải.
Câu 1597, 1598 = Tình riêng nhớ nhưng muốn đi Lâm Truy đó, chàng chưa dám hé môi ra nói với ai, thì Hoạn Thư đã biết trước và đè chừng dò hỏi mà bảo chàng rằng :
Câu 1599, 1600 = Chàng về đây đã xa cách nơi cha ở đằng đẵng một năm trời rồi, thì nên liệu đi Lâm Truy mà sớm tối chăm nom cha già cho phải đạo.
Câu 1601, 1602 = Được lời nàng bảo, chàng vui mừng hớn hở, như được cởi mở tấc lòng ra, và liền lên ngựa xông pha nơi quê người ra đi ngay.
Câu 1603, 1604 = Cảnh đi đường hồi này, chàng cảm thấy rất đẹp – nơi thì thấy nước trong long lanh, bóng trời mây in xuống đáy nước sông hồ ; nơi thì thấy khói mây buổi sớm như xây nên bức thành phẳng biếc ở trước mắt; nơi thì thấy ánh nắng buổi chiều chiếu xuống làm cho núinon như vàng phơi một lượt.
Câu 1605, 1606 = Chàng vừa lên ngựa quất roi ra đi nơi đường dài, thì nàng cũng lên chiếc xe thơm đẹp của đàn bà, thẳng đường về thăm cha mẹ nàng.

Các câu hay chữ có ý móc nối hoặc châm biếm

- Kiều lo ngại sao mà "Tin nhà ngày một vắng tin" móc nối với câu Hoạn Thư nói "Giấu ta, ta cũng liệu bài giấu cho" và câu vì Hoạn Thư ra oai bịt miệng mà "Trong ngoài kín mít như bưng /nào ai còn dám nói năng một lời."
- Câu Kiều đinh ninh dặn Thúc Sinh " Đôi ta chút nghĩa đèo bồng / đến nhà trước phải nói sòng cho minh / dù khi sóng gió bất bình / lớn ra oai lớn, tôi đành phận tôi" móc nối với những câu "Nghĩ là bưng kín miệng bình / nào ai đã khảo mà mình lại xưng / những là e ấp dùng dằng / rút dây sợ nữa động rừng thì sao ?"
- Câu Kiều lo "E thay những dạ phi thường / dễ dò rốn bể khôn lường đáy sông" móc nối thậtđúng với mưu sâu thâm độc của Hoạn Thư "Làm cho nhìn chẳng được nhau / làm cho đày đọa cất đầu chẳng lên / làm cho trông thấy nhãn tiền / cho người thăm ván bán thuyền biết tay !"
- Câu "Mặn tình cát lũy nhạt tình tào khang" để tả lòng Kiều tử tế với chồng – chỉ lo chồng mang tiếng phụ bạc – đối ngược lại với câu "Chữ tình càng mặn chữ duyên càng nồng" để tả lòng điên đảo giả dối của Hoạn Thư chỉ tìm cách lừa chồng sa vào cạm bẫy ghen tuông của mình.
- Câu "Trạnh lòng nhớ cảnh giang hồ / một niềm quan tái mấy màu gió trăng" tả Thúc Sinh tuy ở gần Hoạn Thư – nhưng vẫn thờ ơ buồn nhớ như ở nơi quan tái – cùng một ý với câu tả cảnh Kiều ở lầu xanh "Thờ ơ gió trúc mưa mai / Ngẩn ngơ trăm mối dùi mài một thân."
- Tâm tính Thúy Kiều trái với tâm tính Hoạn Thư. Kiều thì thành thật, khôn biết đủ điều ; những lời Kiều khuyên bảo Thúc Sinh đều do lòng quý chồng, mong chàng ăn ở phải đạo, không chút cậy yêu ghen ngược. - Hoạn Thư thì điêu bạc, khôn ngoan đủ đường, những lời nàng nói vớiThúc Sinh đều giả dối, khinh chồng như trẻ con, và lừa chồng vào vòng khổ nhục, để hả lòng thù ghen.
- Khi Kiều lấy lòng thành khẩn khuyên Thúc về Vô Tích thì Thúc cảm tình Kiều mà phải "Đành lòng Sinh mới quyết lòng hồi trang" ; rồi trước khi ra đi lại có tiệc tiễn biệt đầy tình cảm nhớnhung tha thiết "Chia phôi ngừng chén, hợp tan nghẹn lời" ; và khi Thúc lên ngựa đi rồi, Kiều còn trông theo cho đến khi khuất bóng. - Khi Hoạn Thư đem lòng quỷ quyệt lấy lời hiếu nghĩakhinh bạc mà giục Thúc đi Lâm Truy thì Thúc "Được lời như cởi tấm son" và "Vó câu thẳng ruổinước non quê người" ngay, Hoạn Thư cũng chẳng bầy tiệc tiễn ; và khi chàng đi rồi, thì nàngcũng lên xe về bàn với mẹ thi hành cuộc rẽ thúy chia loan.
- Cảnh đi đường về Vô Tích thì đầy buồn nhớ "Vừng trăng ai xẻ làm đôi / nửa in đáy nước nửa soi dặm trường" - Cảnh đi đường lúc về Lâm Truy, thì vì chàng vui nên thấy nước non đều tươi đẹp "Long lanh đáy nước in trời / thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng." ■

(Còn tiếp)

Đàm Duy Tạo

Back to Contents

Một vài nhận xét về bài thơ "Say đi em" của Thi sĩ Vũ Hoàng Chương và bản dịch sang tiếng Pháp “Soûle-toi, ma choute” của Giáo sư Thomas Le

GS Nguyễn Ngọc Hà

Say đi em

Một trong những nét đặc trưng của bài thơ "Say đi em", theo chủ trương của lối “Thơ Mới”, là ở chỗ màu sắc, âm thanh, ánh sáng, cảm xúc và động tác như quyện vào nhau để tạo nên một bầu không khí trữ tình, huyền hoặc hư ảo, đồng thời cũng rất gợi cảm, phù hợp với cảm giác mơ hồ và bất định của người sầu tình muốn tìm an ủi bên hơi men.

Bốn câu mở đầu mang âm hưởng lãng mạn với những màu sắc và hình ảnh trữ tình thường được tìm thấy ở các vũ trường (“Khúc nhạc hồng, Điệu kèn biếc, phấn hương, gió sương”). Điệp âm đầucủa "gờn gợn” và "phai phai" ("Âm ba gờn gợn nhỏ, Ánh sáng phai phai dần") cho thấy nhận thức của người say bắt đầu mờ nhạt, dẫn đến hiện tượng nhìn thấy bóng hình của người đẹp tronggương như bị biến dạng khác thường (“bốn tường gương điên đảo bóng giai nhân”). "Chập chờn như biển gió" tiêu biểu cho cách so sánh mang tố chất lãng mạn thanh thoát kết hợp với thiên nhiên, trong khi "lưng mềm não nuột dáng tơ" mang âm hưởng gợi cảm rõ rệt. Bên cạnh đó, "xứ Mê Ly / trời Phóng Đãng" nhận chìm hồn người trong cảm giác đê mê hưởng thụ, dẫn đến tình trạng buông thả mất tự chủ, tượng trưng cho lối sống bê tha trụy lạc. Tác giả không ngần ngại dùng hình ảnh táo bạo của "điên rồ xác thịt" để diễn tả cảm xúc cực mạnh của con người vì bị ảnh hưởng tác hại của "ma men". Những động tác gợi cảm trong khi khiêu vũ cũng được mô tả khá chitiết và cụ thể với hai vế tương ứng nhau để nói lên sự phối hợp nhịp nhàng của đôi nam nữ trong cuộc vui, lả lướt bước theo điệu nhạc, hầu quên hết khổ đau và phiền muộn. Các động từ liên tiếp “lùi, tiến, riết, ngả” cho thấy nhịp điệu dồn dập và cuồng say dưới ánh đèn màu (“Lùi đôi vai, tiến đôi chân, Riết đôi tay, ngả đôi thân ”).

Tác giả đưa người đọc bước vào một cảnh giới vừa lãng mạn gợi cảm, vừa hiện thực, vừa hư ảo gần như siêu thực (surrealism) phản ánh tình trạng nửa tỉnh nửa mê của người say đến mức hết biết. Chính tác giả cũng mơ hồ cảm thấy "Có ai ghì *hư ảnh* sát kề môi". Nhà thơ Vũ hoàng Chương đã tận dụng nhiều lối hành văn: Câu ngắn xen lẫn với câu dài (“Hàng chân lả lướt / Khôngbiết nữa màu xanh hay sắc đỏ”), câu chấm than (“Hãy thêm say, còn đó rượu chờ ta! Say điem! . . . quên, quên hết!”), lặp lại ý, nhắc lại câu (“Say đi em! Say đi em! / Đất trời nghiêng ngửa, Đất trời nghiêng ngửa / thành Sầu chưa sụp đổ, Thành Sầu không sụp đổ”). Những lối hành văn đadạng kể trên, cùng với những biện pháp tu từ (rhetoric) như ẩn dụ / metaphor (“xứ Mê Ly, trời Phóng Đãng, Sắc ngả màu trôi, Thành Sầu”) dựng lên khung cảnh hoạt động của vũ trường, làm sống lại không khí vừa huyền ảo vừa hiện thực, và khơi dậy ở lòng người nhiều tâm sự ngổn ngang, đôi lúc có tính cách vẩn đục với những từ có sức mạnh tuyệt đối (“Đê mê, điên đảo, điênrồ, rã rời, Có ai ghì hư ảnh sát kề môi, Trong men cháy giác quan vừa bén lửa, xứ Mê Ly, trời Phóng Đãng, điên rồ xác thịt”). Vũ trường vốn là một nơi rất phức tạp, mượn rượu và nhạc để tác động lên cảm giác và cảm xúc thầm kín của con người.

Chữ "*xưa*" được cố ý lập lại ba lần (desired repetition), kết hợp với các tính từ "tươi, ngọt" đối lập với "héo" nhằm mục đích truyền tải nỗi đau chua xót dày vò người trong cuộc, vì sự tương phản phũ phàng giữa những ngày êm ái xa xưa và tình cảnh buồn đau hiện tại ("Hoa *xưa* tươi, trăng *xưa* ngọt, gối *xưa* kề, tình này sao héo"). Câu hỏi "tình nay sao héo" càng khiến người đọc cảm nhận sâu sắc nỗi đau khổ ngỡ ngàng, không cam tâm của tác giả. Có chỗ chữ "*chưa*" lại được nhắc đi nhắc lại bảy lần để khẳng định tình trạng còn sáng suốt và tỉnh táo của đương sự vào thời điểm đó, cũng như làm phản đề cho tình hình thác loạn sau này ("Hãy thêm say, còn đó rượu chờ ta! *Chưa* cuối xứ Mê Ly, *chưa* cùng trời Phóng Đãng, Say cho lơi lả ánh đèn, Cho cung bậc ngả nghiêng, điền rồ xác thịt, Rượu, rượu nữa"). Thật ra lúc đầu nhà thơ vẫn còn ý thức được "chân còn dẻo, bước vẫn du dương, bước chân còn nhịp". Dần về sau, ông quyết định lao mình trọn vẹn vào cuộc say, mượn rượu để giải sầu: Hình thức lặp lại kết hợp với những câu cảm thán (exclamative sentences) tăng thêm sức mạnh và tính cách quyết liệt của lời nói ("Say đi em!/ Say đi em! / Rượu,rượu nữa, và quên, quên hết!").

Tác giả dùng phép nhân cách hóa để giúp người đọc dễ nhập tâm và cảm nhận rõ ràng tâm trạng của người say ("Hồn ngả, Lòng nghiêng, Nghê thường lẳng lơ, Ánh đèn tha thướt, lơi lả ánh đèn").Cảm giác lúc mơ hồ, lúc gần như hỗn loạn, và tâm trạng chao đảo của người say tăng dần về sau ("cung bậc ngả nghiêng, điên rồ xác thịt, Ta quá say rồi, Sắc ngả màu trôi, Đất trời nghiêng ngửa").

Có lúc tác giả dùng ngôn từ, cách hành văn rất bình thường, rất tự nhiên để người đọc có cảm tưởng như cảnh tượng đang thật sự xảy ra trước mắt. Biện pháp này giúp độc giả càng gần gũi và đồng cảm với tác giả hơn ("Không biết nữa, màu xanh hay sắc đỏ / Rượu, rượu nữa, Say không còn biết chi đời"). Cách diễn tả càng đơn giản, càng hồn nhiên bao nhiêu, thì càng đi sâu vào lòng người bấy nhiêu, vì chất giọng rất thật, không màu mè của tác giả. Những câu chấm than có tác dụng giúp cảm xúc dâng cao ("Hãy thêm say, còn đó rượu chờ ta!, quên quên hết! thành Sầukhông sụp đổ, em ơi!"). "Sầu" được viết hoa để nói lên mức độ bi thảm của tâm trạng người say: Rượu bao nhiêu, hay cuộc vui thác loạn nào cũng đành bó tay, không thể hạ gục thành trì kiên cố của nỗi sầu tình! Tác giả cảm nhận được tất cả nỗi đau khổ tuyệt vọng khi cuối cùng nhận biết rằng rượu không có tác dụng. Lúc ông khuyên người tình uống say ("Say đi em!"), trong tiềm thứcông cũng tự nhủ lòng nên tìm đến với rượu để quên nỗi bất hạnh của đời mình. Nhưng rồi vôvọng!

Hai tiếng "em ơi!" tự phát, thốt ra tự đáy lòng, rất tự nhiên, được lặp lại ở sau cùng như một tiếng kêu gào thống thiết, tuyệt vọng, và hòa nhập với tinh thần của bài thơ để kết thúc bằng một nốt nhạc bi quan, thương cảm.

Hình ảnh bức thành mang ý nghĩa chính xác vì thường không có sức mạnh nào dễ đạp đổ hay xô ngã nó, chỉ có thể nhất thời làm lung lay hay rung chuyển. Hơn nữa "tâm bịnh" thì không thể dùng thuốc hay phương pháp thông thương để trị dứt, may ra chỉ phần nào giúp ích tạm thời. Trong khi đó, đối với Charles Beaudelaire, nhà thơ người Pháp ở thế kỷ 19, người ủng hộ phong trào Thơ Mới thời bấy giờ, ngoài rượu ra ông tin rằng thi phú cũng thật sự giúp con người giải sầu nhờ những nét đẹp phong phú, đa dạng và sức mạnh tiềm tàng của từ ngữ: "Enivrez-vous sans trêve!" /Bạn hãy không ngừng *say* đi! Trong trường hợp này "*say*" bao gồm cả "say rượu" lẫn "say thơ". ■

Gs. Nguyễn Ngọc Hà

Vài nét đáng chú ý về bài dịch sang tiếng Pháp "Soûle-toi, ma choute" của Giáo sư Thomas Le từ bài thơ "Say đi em" của Thi sĩ Vũ Hoàng Chương

Soûle-toi, ma choute

Mới đọc lướt qua bài dịch của Giáo sư Thomas Le, đã thấy "choáng váng" với những lời lẽ vừa mượt mà vừa cuồng nhiệt, đong đầy cảm xúc mãnh liệt qua màu sắc, hương hoa, âm thanh, ánh sáng và động tác của người bị ảnh hưởng bởi chất cồn, và đồng thời mang âm hưởng liên quan đếncảm giác của con người trong tình trạng say túy lúy.

Người dịch chọn chữ rất chính xác và tinh tường để phân tích và mô tả tâm trạng cũng như tình trạng của tác giả.

Chúng tôi đặc biệt tâm đắc với cách dùng chữ vừa xác thực, vừa gợi hình gợi cảm của Giáo sư Thomas Le:

- "Les sons doux ondulent" giúp người đọc hình dung được những âm thanh dịu dàng di chuyển trong không gian như những đợt sóng nhấp nhô. Cũng như "Le parquet glissant qui ondoit" cho thấy hình ảnh của sàn nhảy dao động dưới chân người khiêu vũ theo điệu nhạc lả lướt, cuồng say. "Les yeux brouillés" có ý nói về đôi mắt nhìn chung quanh như qua màn sương mờ ảo, "nos pas vacillants" tả những bước đi chệnh choạng, và "la lampe séduisante" hướng sự chú ý của độc giả đến ánh đèn quyến rũ ở vũ trường. Bầu không khí mê đắm của những chốn ăn chơi thường khiến xác thịt như điên đảo (la chair s'affole). Ngay căn phòng cũng nghiêng ngả (la salle chancelante)và đầu gối của người khiêu vũ cũng chệnh choạng (genoux titubants).

Ngoài ra Giáo sư Thomas Le cũng đã bén nhạy nhận thức được chiều sâu của động từ "khát" (hồn khát): Vừa thèm khát rượu, vừa như chạy theo niềm khát khao ao ước chìm trong quên lãng, nên ông đã dịch một cách rất tinh xảo "khát" bằng "soupirer après". Cũng như động từ "tituber" (genoux titubants) chính xác hơn là động từ flageoler (như jambes flageolantes), vì "tituber" ngầm hiểu có cử động, hàm ý muốn nói điệu bước loạng choạng sắp ngã của người quá say, trong khi "flageoler" chỉ trạng thái yếu ớt đến mức gần như mềm nhũn. Người dịch đã chọn đúng tính từ đi đôi với danh từ trong ngữ cảnh thích hợp.

Nhờ nắm vững các sắc thái tinh tế của Pháp ngữ, Giáo sư Thomas Le đã dựng lại không gian mơ hồ lãng mạn và hết sức gợi cảm của người say rượu sầu tình, đồng thời vẫn giữ được tinh thần và hồn của bài thơ gốc. Điều này được coi là một điểm son hiếm có trong lãnh vực dịch thuật. Ông đãnhuần nhuyễn sử dụng tiếng Pháp để phân tích tâm trạng và tình trạng nửa tỉnh nửa mê của nhà thơ họ Vũ.

Riêng tựa đề của bài thơ "Soûle-toi, ma choute" cũng đã phản ánh ý nghĩa khá đặc biệt và ý nhị của nhà thơ Vũ hoàng Chương: Lời khuyên và thuyết phục đầy trìu mến cho thấy tác giả muốn đồng hóa mình với người tình và nỗi đau vì tình. Đọc xong bài thơ "Say đi em" của tác giả Vũ hoàng Chương và bài dịch sang tiếng Pháp "Soûle-toi, ma choute" của dịch giả Thomas Le, độcgiả thật sự không tránh khỏi bị "say thơ" và "say chữ"!

Xin thành thật chúc mừng cho một bài dịch rất “đạt”, rất "tới bến"! ■

Gs. Nguyễn Ngọc Hà

Say Đi Em	**Soûle-toi, ma choute**
Khúc nhạc hồng êm ái Điệu kèn biếc quay cuồng Một trời phấn hương Đôi người gió sương Đầu xanh lận đận, cùng xót thương càng nhớ thương Hoa xưa tươi, trăng xưa ngọt, gối xưa kề, tình nay sao héo Hồn ngả lâu rồi nhưng chân còn dẻo, Lòng trót nghiêng mà bước vẫn du dương, Lòng nghiêng tràn hết yêu đương Bước chân còn nhịp. Nghê thường lẳng lơ. Ánh đèn tha thướt Lưng mềm, não nuột dáng tơ Hàng chân lả lướt Đê mê hồn gửi cánh tay hờ. Âm ba gờn gợn nhỏ, Ánh sáng phai phai dần Bốn tường gương điên đảo bóng giai nhân Lui đôi vai, tiến đôi chân, Riết đôi tay, ngả đôi thân, Sàn gỗ trơn chập chờn như biển gió Không biết nữa màu xanh hay sắc đỏ, Hãy thêm say, còn đó rượu chờ ta ! Cổ chưa khô, đầu chưa nặng, mắt chưa hoa Tay mềm mại, bước còn chưa chuếnh choáng. Chưa cuối xứ Mê Ly, chưa cùng trời Phóng Đãng Còn chưa say, hồn khát vẫn thèm men.	A la musique rose et tendre, Au son bleu de la clarinette tourbillonné Dans le monde de poudre et de parfum Deux âmes tracassées En leur jeunesse tourmentée, leur mutuelle affection causant autant de peines. Jadis leurs fleurs furent fraîches, leur lune douce, leurs oreillers proches. Mais ce jour leur amour s'est évanoui. Mon âme s'effondre depuis longtemps, mais mes jambes sont encore flexibles. A mon coeur renversé mes pas retiennent leur souplesse. De mon intérieur bouleversé tout l'amour s'est échappé. Pourtant mes pas s'accordent au rythme séduisant des couleurs de l'arc-en-ciel. Sous la lumière rêveuse Le torse souple, onctueusement soyeux, Les jambes élégantes, En extase l'âme repose sur un bras indifférent. Les sons doux ondulent légèrement Tandis que la lumière s'affaiblit graduellement. Les miroirs des quatre murs reflètent l'image perturbée de la belle. Les épaules reculent, les jambes avancent. Les bras se pressent et les corps s'inclinent Sur le parquet glissant qui ondoit comme la mer au vent. On ne sait plus si c'est bleu ou si c'est rouge. Enivrons-nous plus encore, le vin nous attend !

Say đi em ! Say đi em ! Say cho lơi lả ánh đèn Cho cung bực ngả nghiêng, điên rồ xác thịt. Rượu, rượu nữa, và quên, quên hết ! Ta quá say rồi Sắc ngả màu trôi Gian phòng không đứng vững Có ai ghì hư ảnh sát kề môi. Chân rã rời Quay cuồng chi được nũa Gối mỏi gần rơi Trong men cháy, giác quan vừa bén lửa Say không còn biết chi đời Nhưng em ơi, Đất trời nghiêng ngửa Mà trước mắt thành Sầu chưa sụp đổ; Đất trời nghiêng ngửa Thành Sầu không sụp đổ, em ơi ! *Vũ Hoàng Chương*	Nous ne sentons ni la gorge sèche, ni la tête lourde, ni les yeux brouillés. Nos bras sont encore souples, nos pas nullement vacillants. On n'a pas atteint le bout de l'Euphorie, ni la limite de la Débauche Pas assez ivre, mon âme soupire après du vin encore Enivre-toi, enivre-toi ma choute ! Si ivre sous la lampe séduisante Que la gamme se renverse, que la chair s'affole. Encore du vin, encore du vin, et oublions, oublions tout ! Je suis ivre mort Le coloris m'a quitté Dans la salle chancelante. Qui m'a écrasé l'illusion aux lèvres ? Mes jambes épuisées Incapables de pirouetter Et les genoux titubants Sous l'ivresse brûlante qui enflamme mes sens; Tellement ivre que tout rien n'a plus de sens. Mais ma belle, Bien que le monde soit bouleversé Devant moi la muraille de la tristesse ne s'est pas effondrée. Que le monde chancelle La muraille de la tristesse ne s'est pas écroulée, ma belle ! Traduit par Thomas D. Le, 6 mai 2004

Back to Contents

ĐỜI ĐI DẠY HỌC TẠI CANADA - HAI: CHÂN TRỜI MỚI

GS Đàm Trung Phán

(Tất cả các tên người trong bài viết này là do người viết đặt ra nhưng họ đều là người thật. Phần lớn đã qua đời khi bài viết này được đăng tại đây).

Sau khi đã dạy được 2 năm và sống sót trong nghề đi dậy tại Centennial College, tôi cảm thấy nhẹ nhõm vô cùng vì có cảm tưởng như mình giống như một cái cây đã bám rễ: có công ăn việc làm, cócon đầu lòng, có bằng hành nghề kỹ sư tại Canada để "thủ thân"…

Trong năm 1973, tôi phải tự viết ra chương trình dạy môn học mới: Asphalts & Asphaltic Concretes (Nhựa đường, Bê tông nhựa đường). Tôi đã làm quen với các môn: Soil Testings (Thử đất đá), Cements & Concretes (Thử Xi măng và Bê tông), Metals (Thử Thép, Nhôm, Đồng), Field Surveying (Đođường, tôi phụ giúp ông Tom Transit phần lý thuyết và thực tập), Statics (Tĩnh Lực học, tôi phụ giúp ông Sharad Kali phần lý thuyết và làm bài tập trong lớp -Tutorial -), Applied Mechanics (Cơ học ứng dụng, phụ giúp ông Kali phần lý thuyết và Tutorial). Tôi rất thích làm việc với hai ông này vì cả hai vị này làm việc rất quy củ: hai ông đều soạn bài rất kỹ; họ viết đề thi cho 2 kỳ Term tests và Final exam cũng như các bài Assignments trong giờ Tutorial (dạy kèm và sinh viên phải nộp bài cho chúng tôi để chấm điểm). Nhiệm vụ của tôi là phải chấm các assignments và các bài thi cho 2 môn này.

Thật là vui khi đi thực tập môn Field Surveying với ông Tom Transit. Mỗi buổi thực tập, chúng tôi chỉ có thể coi 6 nhóm sinh viên mà thôi vì nhà trường không có đủ dụng cụ (chúng tôi luôn luôn phải có thêm 2 cái Transits (máy đo góc) và 2 cái Levels (máy đọc chiều cao) để phòng hờ có đủ máy cho sinh viên mượn khi máy của học trò bị hỏng. Thường thì, nếu ông Transit trông nom 3 nhóm tại phía Bắc của Campus, tôi ở phía Nam của campus để đỡ phải đi bộ "hộc hơi" xung quang campus. Môn này chỉ dạy được trong niên khóa Mùa Thu mà thôi. Thích nhất là khi lá mùa Thu đang đổi màu, chỉ se lạnh đôichút, tôi đi bộ tứ tung chạy theo sinh viên để chỉ dẫn cách sử dụng máy đo và cách sắp đặt làm sao cho đỡ mất thì giờ. Khi tôi còn đi học tại Đại Học New South Wales bên Úc hồi đầu thập niên 1960, tôi đã có cơ hội thực tập ngay tại khuôn viên (campus) của UNSW và nhất là khi đi thực tập trong mùa Hè năm thứ Hai và thứ Ba trong nội địa Úc châu … Một chút gì để nhớ, để thương… Khi nào trời lành lạnh, ghé vào cafeteria mua một ly cà phê vừa ấm bụng vừa vui khi đi bộ trong khuôn viên của college,rồi vừa chạy theo sinh viên đo đường. Nếu có hứng, bèn lấy giấy bút ghi chép vài vần thơ để cố nhớ lạitiếng Việt vì tôi đã sống xa nhà hơn 10 năm trời!

Tôi còn cảm thấy vui hơn nữa để học hỏi vì hai ông này già hơn tôi chùng 10 tuổi và có rất nhiều kinh nghiệm trong nghề nghiệp nữa. Ông Tom Transit đã từng có công ty về đo đất nhưng ông lại thích đi dạy học hơn vì ông có cả 2 tháng trời được nghỉ trong mùa hè. Ông còn có thì giờ để "chơi với các puzzles" của ông và đọc thêm sách về môn ảo thuật (magics) nữa.

Ông Sharad Kali đã từng dạy nghành Công Chánh tại một trường Công Chánh dành riêng cho các sĩ quan bên Ấn Độ. Các sinh viên sĩ quan của ông thường gọi ông bằng "Sir" làm ông đôi khi muốn… "theo mây"! Nhờ có 2 ông này, tôi đỡ phải vất vả về vụ soạn bài. Không những vậy, tôi còn học được nhiều điều quý báu về cách dạy học từ hai bậc đàn anh này nữa.

Năm 1974, Civil Department của chúng tôi gặp nhiều biến chuyển bất ngờ ngoài việc tôi phải "khai chương môn Nhựa Đường" và Department của chúng tôi có rất nhiều liên quan mật thiết với Trường

Kiến Trúc (Architecture Department): các Giáo Sư Công Chánh chúng tôi dạy môn Field Surveying và Statics trong mùa Thu, môn Applied Mechanics, Structural Design (Kiến Tạo Công Chánh)… cho sinh viên theo học nghành Kiến Trúc. Số sinh viên nhập học nghành Công Chánh thường thay đổi từ 30 đến 50 sinh viên trong năm Thứ Nhất. Trong khi đó, trường Kiến Trúc có gấp đôi số sinh viên Công Chánh… Nhờ vậy mà các giáo sư trong trường Công Chánh có khá nhiều học trò để dạy, tránh được cáinạn… "ngồi chơi xơi nước". Không những vậy, ông Chairman John McKnight còn được College cho phép mướn thêm bà Margo Kenny để dạy các môn Structures cho tất cả các sinh viên trường Kiến Trúclẫn trường Công Chánh.

Khi tôi mới đi dạy, Giáo Sư Trưởng Phòng của Architecture Department (Trường Kiến Trúc) là Kiến Trúc Sư Chuck Cobourne, hơn tôi vài tuổi, trẻ hơn ông Chairman John McKnight rất nhiều. Hai ông Chairs này khác nhau như mặt trăng và mặt trời vậy. Ông McKnight chỉ giỏi về nghề nghiệp, trong khi đó ông Cobourne không những là một kiến trúc sư có tài mà ông còn đẹp trai, quen biết lớn trong nghành Kiến Trúc tại các công-tư sở và rất là "popular" (dễ mến) đối với các sinh viên của ông.

Cuối tháng tư năm 1974, College sát nhập hai ngành Công Chánh và ngành Kiến Trúc thành một nhóm (cluster) dưới sự chỉ đạo của một "Super Chair": Kiến Trúc Sư Chuck Cobourne.

Trong phân khoa Kỹ Thuật của chúng tôi còn có vài "Super Chairs" khác nữa. Mục tiêu của "Super Chairs" thay vì "Chairs" là để cho College giảm phần chi tiêu về lương lậu để trả cho các Chairs, dựa theo chỉ thị của Bộ Đại Học và Đại Học Cộng Đồng (Ministry of Colleges and Universities).

Tuy nhiên, mỗi "department" phải có một "department head" được mệnh danh là "Co-ordinator" (Giáo Sư Trưởng Phòng). Nhiệm vụ chính của "Co-ordinator" vẫn là dạy học để không xa rời với sinh viên. Nhưng người Co-ordinator còn phải trông nom công việc hành chính thường nhật của department, nhất là phần "program curriculum" (thay đổi chương trình học), đi họp thường xuyên, gặp gỡ sinh viên… "Super Chair" Chuck Cobourne làm việc với Co-ordinator George Sand của trường Công Chánh và Co-ordinator Don Smith của trường Kiến Trúc.

Người viết cảm thấy thú vị vì được cùng làm việc với nhiều đồng sự hơn, nhất là cái tầm nhìn của "Super Chair" Chuck Cobourne có phần "thoáng" và hiện đại hơn ông Chair John McKnight rất nhiều. Tuy nhiên, Co-ordinator George Sand của Civil Tech Department đã tỏ ra chẳng vui mấy vì ông ta rất muốn sẽ được College giao cho ông ta chức vụ "Super Chair" thay vì ông Chuck Cobourne. Lý do là vìông George Sand nhiều tuổi hơn và đã gia nhập College sớm hơn ông Cobourne…nhưng mà ông lại không có khả năng, hợm hĩnh và không "popular"... Ông George Sand bắt đầu đổi tính và lơ là việc dạyhọc.

Ông John McKnight đã trở thành "Progress Campus Construction Supervisor" để trông coi việc xây cất cái Campus mới của Centennial College. Trên phương diện thực tế, đây là một quyết định không sai vì ông McKnight đã từng trông nom việc xây cất rất nhiều các công xưởng tại Bắc Mỹ và Nam Mỹ trước khi ông gia nhập Centennial College. Tuy nhiên, trên phương diện chức vụ, đây là một việc "bị giáng chức" (demoted) cho ông McKnight.

Ông phải dọn sang một campus khác và ông dọn đi lúc nào tôi không hề biết. Tuy nhiên, ông hay liên lạc với tôi trong năm 1975 khi ông muốn tôi cho ông biết trường Công Chánh muốn có các phòng ốc ra sao tại Progress Campus. Lúc này, người viết rất cảm kích khi ông cho biết các phòng thí nghiệm của trường Công Chánh chúng tôi được khang trang và rộng rãi để Ban Giảng Huấn của Department chúng

tôi có thể dùng Phòng Thí Nghiệm Vật Dụng Xây Cất (Construction Materials Laboratory) vừa dùng để làm phòng thí nghiệm, vừa là nơi chúng tôi chỉ dẫn cách dùng các dụng cụ cho môn Địa Chánh nữa những hôm trời mưa hay tuyết rơi. Sau khi tôi đã nộp cho ông McKnight các bản vẽ với các chi tiết cần thiết trong các phòng thí nghiệm về Vật liệu, về Thủy Lực Học (Hydraulics), về Cơ Học Ứng Dụng (Applied Mechanics), phòng Vẽ Kỹ Thuật (Drafting Room), phòng chứa dụng cụ Địa Chánh (Surveying Storage), ông gọi điện thoại mời tôi đến văn phòng ông để đôi bên đối chất với nhau. Chínhông đã chỉ dẫn cho tôi biết trong các phòng thí nghiệm cần có thêm những thứ gì khác nữa. Một kinh nghiệm quý báu mà tôi trân quý vô cùng. Ông thực sự là một "mentor" của tôi.

Công việc xây cất mất khoảng 2 năm. Trong thời gian này, lâu lâu tôi có cơ hội lái xe từ Warden Wood Campus đến Progress Campus để theo dõi tiến trình xây cất phòng ốc của Civil Tech Dept. Trong thời gian này, tôi chỉ có thể liên lạc với người phụ tá của ông McKnight mà thôi.

Tất cả các đồng sự chúng tôi trong Civil Department không hề biết ông John McKnight đã về hưu lúc nào. Đặc biệt là không ai có tin tức gì về ông sau khi ông về hưu… Đầu thập niên 1980, khi tôi gặp ông cựu Khoa Trưởng đầu tiên của Phân Khoa Kỹ Thuật, tôi hỏi ông về tin tức ông McKnight. Ông Khoa Trưởng nói với tôi: "Anh à, ở tuổi trên 80 của tôi, tôi không dám gọi điện thoại hỏi thăm các bạn bè đồng trang lứa của tôi. Nếu tôi hỏi thăm, lỡ mà bên đầu dây bên kia cho tôi biết bạn tôi đã qua đời, thì tôi biết trả lời ra sao, anh ơi!"

Bây giờ, tôi cũng đã 80, đã có nhiều bạn bè đã qua đời, tôi mới thật hiểu câu nói của ông Khoa Trưởng đầu tiên của chúng tôi.Tôi chỉ ước ao có dịp để nói chuyện với ông McKnight và cho ông biết tôi đã về hưu và rất trân quý nghành dạy học của mình.

Bắt đầu từ năm 1974, College của chúng tôi đã sát nhập (amalgated) 2 departments vào với nhau. Thí dụ như Civil với Architecture, Chemical với Microbiology, Electrical với Mechanical… Mục đích là đễỡ tốn công quỹ nhà trường và đồng thời các giáo sư có thể được dậy trong cả 2 departments… Vì lýdo đó, người viết đã có dịp dạy các môn như Statics, Applied Mechanics, Soil Testings, Cements &Concretes, Asphalts &Asphaltic Concretes cho sinh viên của "Civil-Architectural Cluster".

Architecture Department năm nào cũng có nhiều sinh viên năm thứ Nhất. Vì lẽ đó, "Civil-Architectural Cluster" của chúng tôi đã mướn thêm Giáo Sư Margo Kenny. Bà gốc người Hung Gia Lợi, trốn thoát khỏi Budapest năm 1956 và sau đó theo học ngành Kỹ Sư Công Chánh tại University of Toronto. Bà đã từng làm việc với chức vụ của một Structural Engineer cho một hãng "Consulting Engineering Firm" trước khi đi dạy. Khi biết tôi là người gốc Việt Nam, bà thường hay nói chuyện với tôi, nhất là câu chuyện về người tỵ nạn.

Trong thời kỳ này, người viết phải dạy tại 2 campus khác nhau: Warden Woods campus và Astonbee campus.Các sinh viên của Architecture Department phải sang học môn Field Surveying (Thực Tập Địa Chánh) của chúng tôi tại Warden Wood vì tại nơi này, campus có đất rộng và bộ ba T. Transit, R. Chan, P. Dam đã bỏ công sức ra đóng các cọc gỗ/thép trên sân cỏ đẻ có rất nhiều các "workstations" cho sinh viên. Ông Tom Transit là "course leader" và dạy phần lý thuyết trong khi đó tất cả bộ ba chúng tôi "chạy vòng ngoài" để dạy phần thực tập ngoài trời. Ông Tom Transit đã sắp đặt cái "Surveying Store" rất kỹ lưỡng. Ông đã cho xây 10 cái tủ gỗ cao đến trần nhà. Trong mỗi cái tủ, ông để các máy đo góc (transits), máy đo chiều cao (levels), các cọc gỗ, các "Tripods" ((tripod có cái để bằng kim loại và 3cái chân bằng gỗ cho đỡ cóng các ngón tay trong cuối mùa thu, mùa đông để giữ cho Transits và Levelsthẳng đứng khi được sử dụng)), các Level rods (để đo chiều cao)... Có nghĩa là bộ ba chúng tôi có thể

coi một lúc 6 nhóm sinh viên khác nhau đang thực tập tại 6 nơi khác nhau trong Campus. Nhiều khi còn có thêm 1, 2 nhóm sinh viên khác đến thực tập để họ còn theo kịp các nhóm khác… Luôn luônphải có một ông Thầy ở gần cái nhà kho (Surveying storage) để cho mượn hay thu nhận các dụng cụ. Khi nào không thấy còn sinh viên ở trong nhà kho, "giáo sư giữ kho" khóa hết tất cả các tủ, và nhất là cái cửa chính để vào nhà kho. Vị giáo sư này bèn ra ngoài sân để giúp sinh viên tại cái "workstation" gần nhà kho nhất.

Chúng tôi quan tâm nhất về việc các máy đo bị kẻ ăn trộm lấy mất. Sau đó là phần các máy đo bị sinh viên làm hỏng. Những dụng cụ nào bị hư hại, ông Transit để chúng trong một cái tủ riêng biệt rồi chính ông phải lo toan việc sửa chữa. Vì ông là một người "magician", đầu óc rất sáng suốt cho nên việc mất đồ đã không hề bị xảy ra. Bộ ba chúng tôi càng ngày càng thân nhau hơn. Sau giờ dạy, chúng tôi thường hay đi uống cà phê với nhau. Trong những năm tháng về sau, chúng tôi thường rủ nhau đi ăn Lunch, thử rất nhiều món ăn của các nước khác nhau. Dĩ nhiên là trong đó còn có món phở, gỏi cuốn Viêt Nam.

Ông Sharad Kali và PeeDee cùng dạy môn Statics (Fall Semester) với Applied Mechanics (Winter Semester) cho sinh viên của Architecture Dept tại Ashtonbee Campus. Ông luôn luôn "trụ trì" phần "main lecture" (giảng bài trong một lớp có khoảng 50-60 sinh viên). Điều này rất tiện lợi cho chúng tôi vì ông đã dạy 2 môn này từ mấy năm trước khi tôi "nhập" cuộc tại Centennial College. Ngoài ra ông đã từng dạy 2 môn này khi ông còn dạy học tại Ấn Độ. Hồi đó ngân quỹ trong trường còn khá, cho nên, mỗi sinh viên của Architecture Dept hay Civil Dept. được dạy 2 tiếng về "lecture" và 2 tiếng về "Tutorial" (làm bài tập trong một lớp ít sinh viên hơn). PeeDee được nhà trường sắp đặt cho "ngồi chơixơi nước" trong khi ông Sharad Kali giảng bài để cho tôi biết mình phải dạy những gì trong giờ Tutorial. Tuy nhiên, trong 2 kỳ Term Tests và kỳ Final Exam, hai anh em chúng tôi cho sinh viên thi vào giờ "common lecture" để không bị lộ đề thi. Vả lại, trong giờ thi, chúng tôi phải luôn luôn để ý đếnsinh viên để tránh cái vụ "cọp dê". Chúng tôi chia phiên nhau: khi ông Kali đứng gần bảng đen,PeeDee đứng cuối lớp. Chúng tôi không đứng yên mà đi đi lại lại để kiểm soát sinh viên
.
Giờ thực tập (Tutorial), chúng tôi có trùng giờ với nhau nhưng ở trong 2 lớp khác nhau để tránh cái vụ "overload" trong lớp học, nhất là cái vụ chấm phần "tutorial assignments" và bài thi. Cũng may là sau đó, nhà trường cho phép ông Kali và PeeDee thuê sinh viên mỗi tuần chấm phần "Tutorial assignments" dùm chúng tôi. Ông Kali lo phần viết Solutions và Marking scheme (bài giải với phần cho điểm từng câu hỏi cho phần Term Test và Final Exams). PeeDee lo việc "edit"/"checking" trước khi ông Kali gửi bài đi in tại văn phòng in ngay tại campus của College.

Ông Kali và PeeDee thường hay đi uống cà phê hay ăn trưa với nhau, sau khi chúng tôi dạy xong phần "Lecture" ra phần "Tutorial".

Tôi rất may mắn có một đồng sự lớp đàn anh có nhiều kinh nghiệm dạy học. Nhờ vậy mà không những tôi đỡ mất thì giờ mà còn học hỏi được nhiều kinh nghiệm về dạy những môn nghành Công Chánh liên quan đến Toán học, nhất là các "bí kíp" làm sao cho sinh viên dễ học những môn này.

Thời kỳ "hai trường/department dưới cùng một mái nhà/cluster" này là thời kỳ rất vui, và ít tốn kém. Ngoài ra, chúng tôi cảm thấy thoải mái hơn vì ông "Super Chair" Chuck Cobourne cởi mở hơn, quen biết nhiều hơn trong giới Công-Kỹ-Nghệ, "chịu chơi" hơn và sẵn sàng cho phép các giáo sư chúng tôi có nhiều cơ hội để giao dịch với giới Công-Kỹ-Nghệ bên ngoài (mục đích chính là để chúng tôi có thêm kinh nghiệm trong môi trường kỹ nghệ). Mỗi năm, đích thân ông "Super Chair" và sinh viên đã

đứng ra tổ chức "Christmas Party" tại ngay trong cái "Students' Cafeteria" (phòng ăn rộng lớn của sinh viên) và được phép uống bia trong lúc ăn uống. Mỗi Giáo Sư và các bà thư ký đều được một chai rượu mang về.

Hai Giáo Sư trong Architecture Dept. đã được phép vừa đi dạy, vừa đi làm cho công ty của chính họ. Chính ông "Super Chair" cũng đã từng đi làm cho công ty này khi ông ta còn là một "faculty" (giáo sư nhưng bây giờ ông là một Admin, bận rộn với phần hành chánh).

Ông Chuck Cobourne đã là "cha đẻ" của bộ môn (Option) mới mệnh danh là "Building Practice" ; bộ môn chính là "Architectural Technician" (2 năm) và "Architectural Technology" (3 năm).

Đặc biệt là sinh viên của bộ môn "Building Practice" ngoài các môn như Statics; Applied Mechanics; Strutural Design; Field Surveying còn học thêm các môn như Soil Testings & Cements and Concretes; Asphalts & Asphaltic Concretes của trường Công Chánh chúng tôi.

Môn "Asphalts & Asphaltic Concretes" rất được các công ty xây cất để ý tới vì Centennial College là một Community College duy nhất có môn học này.

Nhờ 3 môn học rất thực tiễn này mà không những trường Công Chánh mà trường Kiến Trúc đã thu nhận được thêm nhiều sinh viên.

Trong số các sinh viên Công Chánh và sinh viên bộ môn "Building Practice", sau khi đã ra trường họ đã kiếm được việc làm dễ dàng hơn các sinh viên kỹ sư của đại học. Lý do chính yếu là vì các Đại Học Cộng Đồng đã được đào tạo để cho các Cán sự chuyên nghiệp sẵn sàng sắn tay áo làm việc ngay khi đi làm, trong khi đó các Kỹ sư được đào tạo chuyên về lý thuyết. Nền kỹ nghệ của Canada lại cần rất nhiều các chuyên viên được đào tạo với tay nghề vững chắc.

Giữa thập niên 1970, người viết đã may mắn có cơ hội dạy khá nhiều các sinh viên của bộ môn "Building Practice". Đặc biệt là họ rất năng nổ, hoạt bát và vui vẻ.

Nhớ nhất là anh chàng John Ford cao hơn 6 feet. Rất năng nổ, học rất giỏi và vui vẻ. Sau khi anh chàng học xong chương trình 3 năm của "Building Practice Technology", anh chàng theo học tại Đại Học Ryerson. Anh chàng đã chọn Thesis về "Concrete Technology" và được Đại Học Ryerson cho phép nhận Phan Dam, P.Eng., làm supervisor về Thesis (đề án khi ra trường) cho anh chàng. Sau khi John Ford đã ra trường, anh chàng làm việc trong hãng xây cất của thân phụ. John Ford đã nhiều lần mời tôi làm việc bán thời gian (part time) với công ty gia đình của John Ford. Suy đi, tính lại, tôi phải khước từvì công việc trong College của tôi khá bận, con còn nhỏ, vợ cũng đi làm và nhất là thời buổi sau năm 1975, tôi còn phải bận lo cho thân phụ và em trai út mới sang tỵ nạn tại Canada.

Tôi đã qua thời kỳ "probation", đã cảm thấy rất yêu nghề dạy học, đã sẵn sàng nhận dạy các môn mới… Tôi không còn thấy tiếc là mình không muốn còn "bay nhảy" như một Kỹ sư bên ngoài nữa. Ngược lại, trong nghề đi dạy về Kỹ Thuật, người viết cảm thấy mình có cơ hội để học hỏi rất nhiều điều tổng quát trong nghành Kỹ sư liên quan đến Điện Lực, Máy Móc, Kiến Trúc, Xây Cất… Vì vậy mà Giáo Út có nhiều cơ hội để đọc sách, nhất là có cả một nhóm gồm có các bà, các cô trong thư viện nhà trường sẵn sàng giúp người viết đi kiếm các sách giáo khoa, các journals, thuê (book) các phim ảnh… Họ là những người phụ tá, những người bạn rất chân tình và dễ thương…
Cánh cửa đang mở để cho Giáo Út bắt đầu cuộc đời đi dạy đầy thú vị trong những năm về sau.

Xin hẹn gặp lại quý vị trong bài tiếp. ■

Đàm Trung Phán

GS Công Chánh hồi hưu
Toronto, Canada
Tết Quý Mão, Jan.15, 2023

Back to Contents

BÀI THƠ HỒ TRƯỜNG - NGUYỄN BÁ TRÁC
Nỗi Uất Hận Lưu Vong

Nguyễn Thị Mắt Nâu

Sức mạnh thơ văn thật diệu kỳ
Hào khí trong như ngọc lưu ly
Mênh mang khí phách người thi sỹ
Lướt gió tung mây chẳng sợ gì.

Và quả là như thế. Sức mạnh của thơ văn thật kỳ diệu. Ví như bài Hịch Tướng sỹ của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, đã nung nấu ý chí ba quân tướng sỹ, quyết đánh đuổi quân Nguyên.

Hay là bài "Nam Quốc Sơn Hà" của Lý Thường Kiệt, đã cổ võ tinh thần binh sỹ trên dòng sông Như Nguyệt, đã đánh lui quân Tống, lấy lại non sông "***Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư/ Tuyệt nhiên định phận tại thiên thư***", hịch này được coi như bản tuyên bố độc lập của nước VN.

Hay như áng thi văn của Hàn Thuyên dưới thời Trần Nhân Tông năm 1282 cũng vậy, làm bài văn tế vứt xuống dòng sông, đuổi con ngạc ngư đi mất.

Thơ văn trác tuyệt, khí thế hào hùng
Sơn hà mệnh nước ấy của chung
Gặp khi quốc biến cùng gìn giữ
Bảo vệ giang sơn thỏa tấc lòng.

Người ta bảo sức mạnh của ngòi bút có khi hơn cả một đoàn quân dũng mãnh "*Chỉ ngang ngọn giáo vào ngàn hang beo*".

Hay là uy thế của "*Thề vung gươm tiến ra sa trường"*.

Những áng thơ đã từng làm nức lòng kẻ hào kiệt. Cái điều này được thốt ra từ miệng kẻ thất phu, thì người ta bảo đó là NGÔNG. Nhưng người xưa có câu "*Quốc gia hưng vong/ Thất phu hữu trách"* Có nghĩa là ai ai cũng phải có trách nhiệm khi đất nước lâm nguy.

Trong hội nghị Diên Hồng âm thanh dõng dạc hô lên ***"****Toàn dân nghe chăng sơn hà nguy biến/ Hận thù đằng đẵng nên hòa hay chiến****!!?*** Và các bô lão đồng loạt hô to trong Hội nghi Diên Hồng "*Quyết Chiến*". Đó là khí thế dũng mãnh và lòng yêu nước dâng cao trong lòng cả sĩ phu lẫn thất phu.

Trong các tuồng tích cổ, hình ảnh tráng sĩ kiêu hùng lặng lẽ mài guơm dưới trăng, hay vung guơm hào sảng thốt lên mà rằng *Anh hùng tử khí hùng nào tử* - Là hình ảnh tráng sĩ hiên ngang, uỡn ngực, biểu lộ ý chí không bao giờ chịu khuất phục dù đứng trước lằn tên mũi đạn và cả trước cái chết. Xem cái chết tựa nhẹ lông hồng.

"*Gieo thái sơn nhẹ tựa hồng mao/ Giã nhà đeo bức chiến bào/ Thét roi Cầu vị ào ào gió thu****"***.

Than ôi thế sự đổi dời. Ngày nay có phải vì đời sống của thế kỷ hiện đại có quá nhiều phương tiện và tiện nghi hưởng thụ, mà chí khí đã hao mòn, hay vì quen hưởng thụ, mà đôi khi chỉ cần một miếng đỉnh chung, hoặc chỉ là lời phủ dụ lợi danh, dù chỉ là danh tiếng hão huyền, cũng đủ làm ý chí nam nhi thời văn minh nghiêng ngả, vong quốc, vong thân, vong bản, và dễ dàng gục ngã trước những hứa hẹn vinh hoa hư ảo. Lòng người lắm trớ trêu: Đói thì thèm ăn. No thì thèm danh.

Tiện nghi vật chất với bạc tiền
Lòng người xoay chuyển hoá đảo điên
Vinh hoa phủ dụ người tham tiếng
Mờ cả lương tri trước bạc tiền
Một miếng đỉnh chung là quay quắt
Khuất phục uơn hèn trước tổ tiên
Quên cả giang sơn, quên nòi giống
Mờ cả lương tri sống uơn hèn.

Vậy thì, Ai bảo là ngông thì cứ bảo. Nhưng bài thơ Hồ Trường, một thi phẩm nổi tiếng của danh sỹ Nguyễn Bá Trác, được sáng tác vào đầu thập niên 20. Là bài thơ tác giả đã muợn rượu, để ngất ngưởng nói lên tâm sự uất hận của chính mình và của nhiều người khác cùng có chung tâm trạng và hoàn cảnh.

Bài thơ ra đời lúc tác giả lưu lạc ở Trung Hoa, đang đi tìm ý hướng cứu nước, lại vừa khi đứng trước hoàn cảnh trớ trêu giữa bản thân và đất nước. Đúng lúc như thế, người chí sĩ đã bắt gặp bài Nam Phương ca khúc, sao mà phù hợp với hoàn cảnh và tâm trạng bi thương đến vậy mà thành ra ý thơ.

Bài thơ Hồ Trường và Nam Phương ca khúc, cho đến nay, đã có ít nhất năm bản in, các bản in không giống nhau. Nhưng vẫn giữ được hào khí trong thơ.

Và người ta bảo bài thơ Hồ Trường nổi tiếng này, được lưu truyền tính tới nay đã trên 88 năm. Để trong những buổi hội họp, nhiều hội đoàn đã đem ra diễn ngâm, khiến nhiều người Việt tị nạn xúc động buồn đau xé ruột. Thậm chí còn có người phẫn kích, la hét và vớ lấy cây gậy của người già, vờ giả làm gươm và ngông nghênh quay cuồng như tráng sĩ nước Yên sắp lên yên ngựa đi thích khách vua Tần.

Uất hận lưu vong nổi sóng cuồng
Của người kiếm khách ở bốn phương
Ngông nghênh khí phách anh hùng tử
Thịnh nộ uy hùng vọng cố hương.

Người ta bảo NGÔNG là một phong thái quyến rũ trong cuộc sống, và nhất là trong văn học. Nó khẳng định cá tính sắc xảo, độc đáo, qua phong thái ngông cuồng mang tính kiêu hùng bất chấp.

Nguyễn Bỉnh Khiêm là Trạng, vẫn muốn mình ngông hơn nữa, để tự nhận biết mình là ngông mà cười sảng khoái lên rằng "*Lão ngông tự tiếu thái sơ cuồng",* nghĩa là "*Tuổi già, tự cười mình cuồng ngông"*. Hoặc trong câu*: "Bàng nhân mạc tiếu cuồng si khách*",nghĩa là: *"Người bên cạnh chớ cười khách cuồng s*i".Ngông chính là thái độ bất mãn của kẻ có tài không được thu dụng và sử dụng.

Tâm lý Ngông, là muốn vượt thực tế, để thỏa mãn một nhu cầu giải thoát. Nguyễn Công Trứ cũng ngông nghênh. Một chút rượu vào, là phẫn chí để từ hàng đại tướng xuống làm ông lính trơn. Ông ngang tàng đem ví cái đít con bò cái, với cái miệng của thế gian qua câu thơ *"Xuống ngựa lên xe lọ*

tưởng nhàn/ Lợm mùi giáng tước với thăng quan/ Điền viên đạp đít con bò cái/ Sẵn tấm mo cày bưng miệng thế gian".

Trong văn học cận đại, người ngông nhất có lẽ vẫn là ông Tản Đà. Khi rượu vào, ông đã biến cái ngông của ông thành phong cách văn ch ương *"Thơ lưng chất nặng tay buồn rỗi/ Bán áo mà mua giấy viết cuồng".* Tản Đà còn nổi giận khi bị người đời khinh khi, ông ngông nghênh đến độ viết thư đi hỏi con gái của Ngọc Hoàng làm vợ, đến nỗi Trời sai Nam Tào xuống điều tra xem xem lý lịch hư thực thế nào : *"Nam tào tra sổ xét vừa xong/ Sổ đệ trình lên Thượng đế trông/ Bẩm, quả có tên Nguyễn Khắc Hiếu/ Đày xuống hạ giới vì tội Ngông".* Rồi ông ngang nhiên tung tăng đem rao bán hết Giấc Mộng Lớn, đến Giấc Mộng Con.

Ông Tú Xương thì ngông kiểu khác, thế này mới khiếp chứ *"Lúc túng toan lên bán cả trời/ Trời cười thằng bé nó hay chơi".*

Còn cái ngông của bài thơ Hồ Trường được thể hiện trong hình tượng, trong thân thế sự nghiệp của tác giả và trong cả điệu thơ. Nó ngông cuồng như hình ảnh của một Lý Bạch, ngất nga ngất ngưởng nhảy ùm xuống nước ôm trăng chết đuối. Cũng như Lưu Linh, đã say khướt say nhè, lột bỏ cả quần áo, trần truồng mà la toáng lên rằng *"Trời đất là nhà/ Nhà là quần áo/ Sao các người chui hết vào quần áo của ta* **".**

Và tác giả của bài thơ Hồ Trường là ai?

Là Nguyễn Bá Trác, bút hiệu Tiêu Đẩu, sinh năm Tân tỵ 1881, làng Bảo An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (cùng quê với nhạc sỹ Lê Trọng Nguyễn). Miền đất nhiều tự hào vì mang lại niềm tự hào cho quê hương, phát sinh nhiều tài hoa văn học. Thuở nhỏ Bá Trác học ở Quảng Nam.

Cái đất Quảng Nam lắm người tài
Người tài nhưng cũng khổ trần ai
Mênh mang xứ khổ sinh hào kiệt
Địa linh nhân kiệt lắm nhân tài.

Năm 1906, Bá Trác thi đỗ cử nhân, khoa Bính Ngọ ở Huế. Hưởng ứng lời kêu gọi của các nhà ái quốc trong phong trào Đông Du. Ông ra Hà Nội học tiếng Pháp. Và năm 1908, ông sang Nhật du học. Nhưng cũng năm ấy dưới sức ép của Pháp, chính phủ Nhật giải tán phong trào Đông Du. Ông phải sang TQ, rồi trở về Hà Nội VN.

Năm 1914, làm ở phòng báo chí, phủ toàn quyền Đông Dương, và làm chủ bút phần Hán văn, cho tờ Cộng Thị cho đến năm 1916. Ông đã từng theo cụ Phan Bội Châu, cụ Phan Chu Trinh và Kỳ ngoại hầu Cường Để chống Pháp.

Ngày 10/7/1907, Pháp Nhật ký hiệp ước thương mại. Nhật vay 300 triệu quan Pháp, để có nhiều quyền lợi khác, và trục xuất các thanh niên Việt Nam đi theo phong tào Đông Du buộc phải về nước. Rồi cũng ngay năm ấy, chính phủ Nhật giải tán phong trào Đông Du.

Biết ông có tài, năm 1916 Pháp cho ông làm nhà biên khảo ở phòng báo chí Phủ Toàn Quyền Đông Dương. Với mục đích kêu gọi thanh niên trí thức Việt Nam hợp tác với Pháp.

Phủ dụ thanh niên chống quốc gia
Lênh đênh hải ngoại sống xa nhà
Long đong hết Nhật rồi Trung Quốc
Trở về Hà Nội với xót xa
Chống Pháp Đông Du quay cuồng mãi
Trí thức Việt Nam nhiều bôn ba.

Năm 1917, dưới sự bảo trợ của trùm mật thám đông dương Louis Marty. Phạm Quỳnh sáng lập tờ Nam Phong tạp chí, Nguyễn Bá Trác đảm nhận làm chủ bút phần Hán Văn.

Sau khi thôi việc ở báo Nam Phong, ông vào Huế làm Tá Lý Bộ Học, qua các chức vụ: Tuần Vũ Quảng Ngãi, Thị Lang Bộ Binh, Tổng Đốc Thanh Hóa, Tổng đốc Bình Định.

Tháng 8/1945, thì Việt Minh nắm chính quyền, đem ra xử bắn công khai ở Quy Nhơn, Bình Định.

Ngoài nhiều bài viết trên tờ Nam Phong tạp chí từ 1917 đến 1932. Nguyễn Bá Trác biên soạn khá nhiều tác phẩm như:

1 Cổ Học Viện Thư Tịch, gồm 11 quyển, soạn cùng Nguyễn Tiên Khiêm.
2 Hoàng Việt Giáp Tí niên biểu (1925).
3 Bàn về học thuật nước Tầu 1918.
4 Hạn Mạn Du Ký 1920 và 1921. Đông Kinh Ấn Quán, Hà Nội in lại.
5 Bàn về Hán học 1920.
6 Hương Giang mộng 1920.
7 Ngã An Nam Dân tộc Nam Tiến Chí 1921.
8 Mấy lời chung cáo của các nhà nho 1921.
9 Nguyễn Bá Học Tiên Sinh Chi Lược Sử Cập Kỳ Di Ngôn (1921).
10 Du Thanh Hoà ký (1921).
11 Hán học Văn học Khảo lược (1932).

Tuy ông biên soạn nhiều như vậy, nhưng tuyển tập được nhiều người biết tới là Hạn Mạn Du Ký (Đi chơi phiếm). Một thiên ký sự bằng chữ Hán gồm 14 chương, về sau ông dịch sang Việt văn rồi cho đăng trên báo Nam Phong tạp chí từ số 38 đến số 43 vào năm 1920.

Bài thơ Hồ Trường đã đăng trên Nam Phong Tạp Chí năm 1920. Một bài thơ mà trước đây những thanh thiếu niên có lòng yêu nước, đã ngâm diễn để chia sẻ nỗi lòng sầu hận về thế thái nhân tình, về tình thế nhiễu nhương trong thời lòng dân xôn xao với hiện tình đất nước.

Ngày xưa Quốc gia lâm nguy, thất phu hữu trách. Ngày nay Quốc gia lâm nguy, sĩ phu dường như còn đâu đó còn lơ mơ chưa thấy hết trách nhiệm của mình. Nếu có như vậy, âu có lẽ cũng là cái khác biệt của người thời xưa với người đời nay vậy !!

Nguyên nhân sáng tác ở những lời mở đầu, Nguyễn Bá Trác cho biết như sau: *"Tôi về nước đã 5 năm nay. Kể từ năm bước chân đi 1908, đến khi trở về Saigon giữa tháng 8/1914. Tính đốt ngón tay, một dạo phiếm du, thoáng chốc đã sáu năm có lẻ. Loanh quanh trong nước một năm. Tạm trọ ở Xiêm La mười ngày làm khách. Qua Nhật Bản một tháng. Rồi lại sang Trung Hoa. Bao nhiêu thương nhớ, qua tỉnh lớn như Ba Thục miền tây, U Uyên đất bắc, Quế Việt cõi nam... đều là chỗ mà mình đã lưu lại*

ít nhiều dấu xe dấu ngựa. Nay, chỉ là đem những đường lối phong cảnh đã đi qua trên đất khách, chép nhặt vài nơi thế thôi. Còn những chuyện chi chi thì không nói đến"

Đất khách soi mòn gót lãng du
Nhật Bản Xiêm La bước mịt mù
Ngày tháng phiêu du nơi Trung Quốc
Uất hận lưu vong sầu âm u
Khao khát dừng chân về đất nước
Xứ sở xa khơi khói mịt mù.

Khi đề cập đến tác phẩm này, nhà nghiên cứu văn học Phạm Thế Ngũ đã viết rằng: "*Câu Việt văn khá mạch lạc, đôi chỗ đăng đối du dương. Những tình tiết ly kỳ của cuộc phiêu lưu trên đất lạ, đã đem lại cho sự việc nhiều điều hấp dẫn. Nhất là với các nhà nho của nước ta thời ấy, cũng từng mơ cái mộng Đông Du. Nếu không phát tiết, thì trí não cũng chứa đầy những kỷ niệm về danh nhân, và danh lam thắng cảnh Trung Hoa".*

Ngày xưa rõ ràng Trung Hoa là thần tượng của các cụ nhà mình. Cả nữ giới cũng vậy. Cho nên đọc Hạn Mạn Du Ký thật là thú vị.

Bà Tương Phố cũng từng gối đầu trên Nam Phong tạp chí kê ở đầu giường để đọc du ký của ông Quỳnh (tức Phạm Quỳnh), và ông Trác (Nguyễn Bá Trác), để mộng du đất Pháp, đất Tàu.

Ông Dương Quảng Hàm khi làm sách Quốc Văn Trích Diễ**m** 1925, dành hẳn cho thiên du ký của Nguyễn Bá Trác hai bài trích dẫn. Đó là bài Đường Đi Hương Cảng và Điếu Kim Lăng.....đủ thấy đọc giả đương thời yêu thích thưởng thức văn chương đến dường nào

Một thuở thời nào rất hiếm hoi
Đọc giả hân hoan cất dành coi
Ngày nay thừa thãi không còn quý
Vương vãi cho nên hóa thành giòi.

Và trong tập quốc văn này có khúc ca phương Nam do ông dịch, giúp ông thêm nổi danh.

Sau đây là bản phiên âm Hán Việt trích từ Nam Phong tạp chí của Dương Bá Trạc do nhà biên khảo Phạm Hoàng Quân sao chép lại:

"*Trượng phu sanh bất năng phi can chiết hạm vị thế phù cương thường/ Tiêu dao tứ hải, hồ vị hồ thử hương/ Hối đầu nam vọng mạc vô cực /hề/ thiên vân nhất sắc đồ thương thương/ Lập công bất thành, học bất tựu, thiết tráng hữu cơ thời, hề, toại thị bách niên thân thế khu âm dương/ Phủ chưởng cuồng ca vấn tư thế/ Mang mang thiên địa, an đắc tri nhất tri kỷ hề, thí lai đối chước hữu dư thương* Còn nữa nhưng tạm dịch nghĩa của đoạn này cái đã: *Kẻ trượng phu, sống mà không vạch gan, bẻ cột, lo giềng mối cho đời/ Rong chơi 4 biển, quê hương ở nơi đâu/ Quay đầu trông về Nam, mịt mù vậy hỉ?/ Trời mây nổi màu xanh ngắt/ Lập công chẳng được, học không xong/ Trai trẻ có bao lâu/ Ngồi ngó trăm năm đuổi cuộc sớm chiều/ Ta quăng chén rượu đầy vào mưa núi tây một trận sao lênh láng/ Ta quăng chén rượu đầy đuổi theo gió bắc, gió bắc tung cát lăn đá bay nơi khác/ Ta quăng chén rượu đầy vào mây mù trời nam, trong mây mù có người há miệng điềm nhiên say tràn/ Trời đất dọc ngang đều mất hết, sao ta không say, chí ta thời ta làm/ Từ xưa nam nhi đuổi theo tang bồng/ Cớ gì sụt sùi sầu cố*

hương//**.** Khí phách nam nhi chí ở 4 phương *"Tang bồng hồ thỉ nam nhi trái/Cái công danh là cái nợ nần"* **....**Nhưng rồi hầu như ai cũng thích mang nợ vào thân. Để thi hào Nguyễn Du lại thì thầm mà bảo *"Đã mang lấy nghiệp vào thân/ Cũng đừng trách lẫn trời gần hay xa".*

Nam nhi bốn bể là nhà
Cũng như con bướm la đà ngoài sân
Giang tay trời đất hóa gần
Rồi như cánh bướm phù vân là đà

HồTrường (nghĩa đen chỉ là chiếc nậm rượu) được trích từ phiên bản HánViệt trong tuyển tập Hạn Mạn Du Ký (còn nghĩa bóng là ký sự của cuộc đi chơi phiếm) được phát hành vào năm 1920 do dịch giả Dương Bá Trạc chuyển dịch, đăng trên Nam Phong tạp chí số 41. Mà cho đến ngày nay, bài thơ này đã làm tốn không biết bao nhiêu giấy mực của các văn nhân, thi sỹ, của các học giả, và cả các nhà nghiên cứu lịch sử văn học, để mà diễn bàn và khảo cứu về nguyên bản của bài thơ. Cái tên Hồ Trường,cũng là do người đọc đã trích chữ trong lời ca mà gọi, chứ không phải do Nguyễn Bá Trác đặt ra. Bài này nằm ở chương 10 tập Hạn Mạn Du Ký.

Trong chương 10 này, tác giả cho biết đó là ở thời điểm khoảng năm 1912, câu chuyện kể rằng, khi ông lưu lạc đến Thượng Hải, ông gặp người đồng hương cùng chí hướng, người này có giọng hát thật hay (giọng Quảng Đông).

Thế rồi vào đêm nọ, hai người đi uống rượu, khi rượu đã ngà ngà. Người khách Nguyên Quân ấy, đứng dậy mà hát, sau này khúc hát ấy được gọi là Nam Phương Ca Khúc.

Vô tình ở bàn bên cạnh, có võ quan họ Lưu, người Trực Lệ, nghe hát, chạy sang hỏi bài hát ấy điệu gì, và được Nguyên Quân trả lời rằng "*Ấy là 1 điệu hát đặc biệt ở phương nam*". Người họ Lưu mới sảng khoái thốt lên: *"Ồ. Nghe tiếng bi mà tráng, nhiều hơi khảng khái. Nam Phương mà có điệu háthay đến thế hay sao*?" Và người họ Lưu kia, xin được chép ra giấy lời ca ấy để giữ mà xem.

Câu chuyện trong quán rượu với tâm sự khảng khái qua lời ca, sảng khái qua chung rượu, của người bi sỹ tha hương, khiến chúng ta mang mang hình dung hình ảnh trong các truyện kiếm hiệp của Kim Dung, đã một thời làm say đắm lòng người trước 75.

Ta tráng sỹ hề đường xa mờ bụi
Chí khí quật cường ngang dọc xá ngại chi
Nhìn quê hương xa cách nỗi sầu bi
Mang chí cả dấn thân vì sông núi
Chí nam nhi là non sông ngóng đợi
Trường giang kia dậy sóng ầm ầm
Ta mơ ngày thấy lại ánh quang vinh
Trời cao xanh quên nỗi bất bình
Ta sẽ hát trong ánh trăng huyền diệu.

Khi giới thiệu bản dịch Nam Phương ca khúc, Phạm Thế Ngũ đã viết: Trong Hạn Mạn Du Ký, đặc biệt nhất là có một bài ca dao do chính người bạn là tác giả đã gặp ở Thượng Hải, cũng cùng trong cảnh đào vong vì quốc sự, nên thường hay nghêu ngao hát những khúc ca muợn chén tiêu sầu nơi lữ

điếm. Bài ca ấy khiến độc giả thời đó, nhất là những người thuộc lớp người cách mạng, ai cũng ưa thích và học thuộc để ngâm nga.

Và sau đây là bản phiên âm Hán Việt trích từ Nam Phong tạp chí số 41 năm 1920. Bản dịch của Dương Bá Trạc do nhà biên khảo, Phạm Hoàng Quân sao chép, Nguyễn Bá Trác dịch từ bài Nam Phương ca khúc: ***"Trượng phu không hay xé gan bẻ cột phù cương thường/ Hà tất tiêu dao bốn bể, luân lạc tha phương/ Trời nam nghìn dặm thẳm/ mây nước một màu sương/ Học không thành/ Danh chẳng lập, trai trẻ bao lâu mà đầu bạc/ Vỗ tay mà hát, nghiêng đầu mà hỏi, trời đất mang mang, ai là tri kỷ, lại đây cùng ta cạn một hồ trường/ Hồ trường! Hồ Trường! ta biết rót về đâu/ Rót về đông phương, nước bể đông chảy xiết sinh cuồng loạn/ Rót về tây phương, mưa tây sơn từng trận chứa chan/ Rót về bắc phương, ngọn bắc phong vì vụt, đá chạy cát dương/ Rót về nam phương,trời nam mù mịt, có người quá chén như điên như cuồng / Nào ai tỉnh, nào ai say, chí ta ta biết,lòng ta ta hay/ Nam nhi sự nghiệp nơi hồ thỉ, hà tất cùng sầu đối cỏ cây.***

Theo ông Vũ Ngọc Phan trong cuốn nhà văn hiện đại, thì đến nay vẫn có lầm lẫn giữa Tiêu Đẩu Nguyễn Bá Trác và Tuyết Huy Dương Bá Trạc (Dương Bá Trạc là bào huynh của giáo sư Dương Quảng Hàm) cũng là nhà văn có tác phẩm ấn hành khoảng giữa thập niên 20 và cũng viết trên tờ Nam Phong Tạp Chí.

Rắc rối linh tinh cái bản quyền
Trùng tên khác dấu lại truy nguyên
An Nam tên chữ là như vậy
Rắc rối nhưng rồi vẫn y nguyên

Bài thơ Hồ Trường đang lưu hành hiện nay là nghe trau chuốt nhất, và được nhiều người ưa chuộng, đó là bản trong cuốn băng cassette do chính ái nữ của tác giả thực hiện, qua giọng ngâm của Lệ Ba và Tôn Thất Hanh ở Canada phổ biến. Trong cuốn băng đó có lời của ái nữ nhắn nhủ hai con là: "Bài thơ Hồ Trường là bài thơ chí khí của ông ngoại, nhưng đó cũng là chí khí muôn đời của thanh niên". Khi soạn Việt Nam Thi Văn Hợp Tuyển, Dương Quảng Hàm có trích một bài nữa trong Hạn Mạn Du Ký của Nguyễn Bá Trác, đó là tập "Quanh Đường Vượt Ra Khơi" do nhà xuất bản Trung tâm Học liệu Saigon, ấn bản lần thứ mười vào năm 1968.

Chí khí can trường vượt biển khơi
Trường giang sóng vỗ ngời ngời biển xanh
Nam nhi chí cả tan tành
Tung mây lướt gió trời xanh nắng vàng.

Qua bài thơ Hồ Trường, chúng ta thấy lời thơ lập đi lập lại, nhắc nhiều đến người phương nam. Người phương nam ở đây là chỉ người miền Lĩnh Nam Trung Quốc. Còn chữ "Chiết hạm" trong lời thơ có nghĩa là "Bẻ cột".

Điển tích "Bẻ Cột" xuất phát từ sách Hán Thư, truyện Chu Vân thời Hán Thành Đế như sau: Chu Vân tâu vua đòi giết An Xương Hầu Trương Vũ, vua nổi giận giết Chu Vân. Khi bị bắt lôi đi, Chu Vânuất ức bám tay vào cột điện, đến nỗi cung cột điện bị cong vòng vặn gãy. Thế mà khi cho sửa sang lại cung điện, ông vua đã ra lệnh giữ nguyên dạng phần cột bị gãy, nhằm mục đích giữ lại hình ảnh đó, để biểu dương 1 lời nói ngay thẳng và thẳng thắn. Và đời về sau đã dùng chữ "chiết hạm" để chỉ hành vi dũng cảm trong việc dám dùng lời lẽ can gián vua.

Chơi với vua như là chơi với cọp
Chẳng biết lúc nào cọp quào cấu nhe răng
Có lúc hiền lại có lúc hung hăng
Tâm sinh biến động lăng xăng khó lường.

Còn chữ cương thuờng thì ai cũng biết là do chữ tam cương (vua tôi, cha con, chồng vợ). Và ngũ thuờng (là: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) ghép lại.

Chúng ta chưa có Hàn Lâm Viện nên từ ngữ tiếng Việt không biết lấy đâu làm chuẩn. Nên tuỳ địa phương, nương theo thông thường mà xử dụng.

Chữ Nôm, chữ Hán, chữ quốc ngữ, chữ La Tinh, đã phát sinh nhiều lầm lẫn, ví dụ như lúc đầu là "Thoi vật ông vải" từ lúc nào biến thành "ma vật ông vải".. rồi cứ thế thành "thành văn" của đại chúng.

Dù thế nào bài thơ Hồ Trường đã tạo được cái hào hùng khí phách trong văn thơ giữa cánh đồng văn chương ủy mị than mây khóc gió của một thời lãng mạn chỉ viết tràn ra những lời rỗng tuếch ủ ê vô bổ, ví như lời trong bài Hành Phương Nam của Nguyễn Bính "*Người ơi buồn lắm mà không khóc/ Mà vẫn cười qua chén rượu đầy/ Kinh Kha quán lạnh sầu nghiêng chén/ Ta với nhà nguơi cả tiếng cuời/ Dằn chén hắt cao đầu cỏ dại/ Hát rằng phương nam ta với người".*

Ngày nay, có người vẫn phân vân Nguyễn Bá Trác có phải là tác giả của bài Hồ Trường không?

Nhưng mặc kệ, sau 1975, trên bàn nhậu sơ sài của những người thất chí, và của ai say sưa đâu đó, vẫn xuất hiện bài thơ mang tên Hồ Trường, dù bài thơ đựơc ngâm lên với đủ chất giọng. Lời thơ kiêu bạc, pha lẫn hùng tráng, lại bi ai, khiến những ai thất cơ lỡ vận cũng một phen ngậm ngùi nghĩ đến phận mình. Ví dụ lớp người buông tay súng về quê làm ruộng. Những sĩ quan mãn hạn tù trở về đạp xích lô, ba bánh ...vv... Nghe bài thơ Hồ Trường, cũng cảm khái và thấy gần gũi với mình sao sao đó. Họ biết đến tên Nguyễn Bá Trác, nhưng thân thế người tác giả này thì không biết gì mấy. Nhưng nhữnglời thơ chí khí và hùng tráng: *Hồ Trương, Hồ Trường Ta biết rót về đâu / Chí ta ta biết lòng ta ta hay/ Nam nhi sự nghiệp ở hồ thỉ / Hà tất cùng sầu đối cỏ cây.* Tâm can kẻ nam nhi lại bừng bừng rúng động,điên cuồng. Để hết chén này đến chén khác. Ruợu rót vào lòng. Ruợu chảy ra môi, cho tan nỗi nhục nhằn bi thiết. Tan nỗi buồn lưu vong vất vưởng.

Chí khí nam nhi đến lạ lùng
Lạnh lùng như gió thổi qua song
Thoáng đâu chùng nhão mềm như lụa
Ấm áp tột cùng trong long đong
Thê lương đứt quãng tơ chùng nhão
Nắn phím buông dây khẽ động lòng

Nhà thơ Vũ Hoàng Chương từng bi thiết kêu lên "*Lũ chúng ta dầu thai lầm thế kỷ/ Một đôi người u uất nỗi chơ vơ/ Đời phiêu bạt không dung hồn giản dị/ Thuyền thuyền ơi, xin ghé bến hoang sơ/ Men đã ngấm bọn ta chờ tắt nắng/ Treo buồm cao, cùng cất tiếng hò khoan/ Gió đã thổi nhịp trăng chiều hiu hắt/ Thuyền ơi thuyền theo gió hãy cho ngoan"*

Thi nhân, chí sỹ, hào sảng hơi men. Ngất ngưởng trong hồn thơ, đau thương hiện tình đất nước, u hoài kiếp sống tha hương... tất cả là chí khí.

Người xưa chí khí vun cao
Ngất nga ngất ngưởng tự hào trào dâng
Tình yêu tổ quốc xa gần
Tha hương viễn xứ bâng khuâng đáy lòng
Yêu người yêu cả non sông
Quyết không tha hóa, chờ mong một ngày.

Chờ mong một ngày quê hương đẹp tươi trở lại để cùng chung tay đắp xây nền văn hóa, như câu chuyện yêu văn hóa của một nhà văn hóa. Đó là chủ nhân nhà sách Khai Trí trên đường Lê Lợi của Saigon truớc 1975.

Ông Nguyễn Hùng Trương, mà người Saigon thời đó quen gọi ông là ông Khai Trí . Một người quảng bác, ít nói về bản thân mình, nên ít người biết ông là tấm guơng sống động. Từ 2 bàn tay trắng mà thành nhà kinh doanh ngành sách lớn nhất và uy tín nhất miền nam truớc 1975.

Ông Nguyễn Hùng Trương sinh 1926 tại Thủ Đức. Mất 11/3/2005. Sau 2 tuần nằm bệnh viện.Thọ 80 tuổi. Thân thế như sau: Thuở nhỏ ông thuờng nhịn ăn sáng, dành 2 đồng xu mẹ cho để mua báo đọc. Ông học truờng Pétrus Ký Saigon, và đuợc sắm một cái xe đạp cũ để cuối tuần đạp về nhà (Saigon Thủ Đức 12 cây số). Sách báo ông mua hầu hết là sách báo nuớc ngoài. Đầu năm 1940, ông đã lập đuợc 1 tủ sách có giá trị. Bạn bè thấy ông có nhiều sách báo, nên hay nhờ ông mua giúp. Có lần có 5 người bạn nhờ mua sách, ông mua hẳn 10 cuốn để đuợc huởng qui định 30% hoa hồng của quán sách cho. Số sách dư lại, ông ký gửi ở quán sách, 3 hôm sau chủ quán hỏi loại sách đó còn không, thì đem tới tiếp, vì số sách gửi đã bán hết.

Ham đọc sách từ khi còn trẻ
Ý tưởng nhiều mới mẻ trẻ trung
Kiến thức du nhập thung dung
Tiết kiệm để dùng vào việc kinh doanh.

Từ sự việc nho nhỏ đó, từ khi còn là học trò, ông nảy ra ý định mua sách báo nuớc ngoài về gửi nhà sách bán. Sách ông chọn là sách có giá trị và quý hiếm. Lúc đầu mua ít, sau bán chạy, ông mua tăng lên tới vài chục cuốn.

Nhờ tiết kiệm, năm 1952, ông Khai Trí đủ vốn mở hiệu sách nho nhỏ ở số 62 đuờng Bonard (Lê Lợi), đó chính là nhà sách Khai Trí, mà ngày nay gọi là nhà sách Saigon.

Đây là nhà sách đầu tiên ở Việt Nam bán theo kiểu tự chọn, khách có thể đứng đọc tại chỗ hàng giờ mà không phải mua. Các nữ nhân viên ăn mặc đồng phục, vui vẻ ân cần, đứng rải rác quan sát trông nom lịch sự kín đáo.

Vào thời ấy, đó là cách phục vụ khá mới mẻ, văn minh và đuợc khách hàng ủng hộ. Nhờ vậy nhà sách đuợc mở rộng thêm hai căn liền kề nhau với nhiều tầng lầu.

Phục vụ khách hàng khá văn minh

Đầu tư suy nghĩ của riêng mình
Mở mang khai trí là khai mở
Con đường Lê Lợi càng thêm xinh
Khai phóng tư duy về văn hóa
Nhờ thế Saigon càng văn minh.

Nhà sách Khai Trí còn phụ trách cả việc xuất bản với những đầu sách được chọn kỹ càng và phong phú. Một thú chơi nữa của ông Hùng Tương là sưu tầm sách báo. Chỉ riêng tờ Le Monde bằng Pháp ngữ, ông đã có từ số đầu tiên cho tới số báo 30/4/1975. Ông cùng nhà văn Nhật Tiến chủ trương tờ báo thiếu nhi và soạn giả của nhiều sách giá trị. Trong 10 năm, từ 1993-2003, ông biên soạn 15 cuốn sách:

-Thơ tình VN.
-Thế Giới chọn lọc.
-Quê em mến yêu.
-Làm con nên nhớ.
-Chánh tả cho người miền nam.
-Huế mến yêu.
-Những bài thơ hay trong văn chương VN.

Nhà văn Nguyễn Thụy Long, (tác giả cuốn Loan Mắt Nhung, cuốn tiểu thuyết mà sau này giới nghiên cứu miền bắc sau 1975, hết lời ca ngợi) có bài viết có nhan đề "Vĩnh biệt ông Khai Trí", trong đó nhắc đến cảnh buồn thương của ông sau 75.

Văn hóa khác miền nên khác nhau
Nhân sinh vì thế bị đổi màu
Nhưng văn là đẹp là trong sán
Vì thế phải cùng nhau nâng cao
Oan oan tương báo chiều hiu quạnh
Sự nghiệp tiêu tan gió nghẹn ngào.

Ông Khai Trí qua đời vì sức già lực kiệt. Sau nhiều năm cố gắng xin lại tiệm sách đã bị tịch thu trong đợt bài trừ văn hoá 1976. Nhiều tác phẩm bị đốt. Nhiều văn nghệ sĩ bị bắt. Ông Khai Trí cũng bị coi là tội phạm vì kinh doanh văn hóa.

Ngày nay nhà sách Khai Trí của ông mang tên Phahasa giữa thành phố Saigon hoa lệ

Thế thái nhân tình cuộc đắng cay
Nhân sinh phù phiếm giữa ban ngày
Lý tưởng tiêu tan mang hờn tủi
Nước mắt nhạt nhòe trong mi cay
Xót thương một kiếp người tích cực
Thấp thoáng mộng chiều như mây bay
Đam mê sách báo đời mơ ảo
Thời thể xoay vần bỗng trắng tay.

Trong khung cảnh của một buổi chiều bâng khuâng nơi hải ngoại**,** khi dừng chân ở góc đường nào đó**, c**húng ta thử hình dung hình ảnh một người đàn ông đứng lặng câm, nhìn đăm đăm vào cửa tiệm

sách Khai Trí. Đấy là người đàn ông đam mê sách báo. Cả một đời ham mê, và đóng góp tích cực cho nền văn hóa của một xã hội, tạm gọi là vàng son ngày cũ.

Cái bóng âm thầm lặng lẽ ấy, chắp tay sau lưng đứng nhìn đăm đăm vào cửa tiệm sách báo của chính mình... nay trở thành quá vãng. Rồi vài người bước đến gật đầu chào, khe khẽ hỏi:

"Tiệm sách ra sao rồi? "

Cái bóng xiêu vẹo ấy cười rất nhạt, thở ra rất nhẹ và chép miệng thật mơ hồ:

"Chắc phải đến năm 3000 thì may ra".

Ồ, ông ơi.

Sao ông không cố đợi người ta
Hoàn trả ông trong kiếp sa bà
Chưa chi đã vội sang bên kia thế giới
Lủi thủi than phiền với hồn ma
Cảm thương chủ sách nhà Khai Trí
Xin kính dâng người một vòng hoa
Tưởng niệm vong linh người quá cố
Mong ông vĩnh viễn được an hòa
Một chút nhớ nhung con đường cũ
Lê Lợi hôm xưa về cùng ta
Lệ đâng nước mắt chan hòa
Ép dòng dư lệ nhạt nhòa cố nhân
Văn chương văn học ân cần
Nam nhi nhỏ lệ thế nhân vẫy chào
Hồ trường một thuở bay cao
Lưu vong u uất lệ trào bờ mi
Cao xanh thăm thẳm còn ghi
Rượu kia rót chén sầu bi ngàn trùng.

"Hồ trường Hồ trường ta biết rót về đâu
Nào ai tỉnh nào ai say
Chí ta ta biết lòng ta ta hay
Nam nhi sự nghiệp nơi hồ thỉ
Hà tất cùng sầu với cỏ cây". ■

Nguyễn Thị Mắt Nâu

Back to Contents

THĂNG LONG-HÀ NỘI NĂM XƯA

NGUYỄN GIỤ HÙNG

***Lời mở đầu**:*

-Nội dung câu chuyện được ghi lại theo ký ức của một người xa quê lâu năm nhớ về "những năm tháng ấy" tại quê nhà vào giai đoạn đầu thập niên 1950, trước hiệp định Geneve 1954 ở miền Bắc nước ta.

-Tiếp theo bài "Một Buổi Sáng Mùa Đông" đã đăng trên Firmanent số 4 (Jan. 2023).

Hà Nội của tôi đẹp lắm, đẹp hơn hẳn lên vì Hà Nội có Thi. Thi và Hà Nội như quyện vào nhau. Tôi có Thi để tôi đưa nàng đi thăm viếng những danh lam thắng cảnh và kể cho nàng nghe về những cái hay cái đẹp của văn hóa thủ đô văn vật này cùng với những thăng trầm trong chiều dài lịch sử nghìn năm của Thăng Long-Hà Nội. Hà Nội, đối với tôi, nó mang một hình ảnh của một con người phong nhã nhưng trưởng thành trong từng trải để đứng hiên ngang mãi mãi trong trời đất. Nó mang cái vẻ hiên ngang của tiền nhân trong công cuộc dựng nước và giữ nước trước những cuộc xâm lăng của quân thù phương Bắc. Những vết tích oai hùng đó còn in đậm, ghi dấu trên từng thước đất của Hà Nội ngày nay.Không phải Hà Nội chỉ có di tích lịch sử không thôi mà nó còn mang cả nhưng *di tích văn hóa* đặc thù từ nghìn xưa, một nền văn hóa nhân bản lấy con người làm gốc.

Trong những ngày đi chơi bên nhau, tôi cố lợi dụng sự gần gũi ấy để giải thích cho Thi biết thêm về Hà Nội. Tôi say sưa kể cho Thi biết cái tên thủ đô Hà Nội không phải là cái tên duy nhất của nó, cũng không phải Hà Nội chỉ là sự đổi tên đơn thuần từ thủ đô Thăng Long có cách đây đúng một nghìn năm, mà Hà Nội là cái tên cuối cùng của một *chuỗi dài thay đổi tên* qua nhiều triều đại và qua nhiều biến cố lịch sử khác nhau.

Giải thích cho Thi nghe về những thay đổi tên của Hà Nội quả thật không dễ dàng gì với cái tuổi mười lăm, mười sáu của nàng, cái tuổi còn thích nghe chuyện cổ tích hơn là thích nghe những biến cố lịch sử. Tuy nàng có thể thích thú đấy, nhưng đôi khi tôi tưởng như thật khó khăn với những cái tên địa danh hay ngày tháng trong lịch sử mà nàng cần phải nhớ.

Tôi đã kể cho nàng nghe về những chuỗi tên của Hà Nội được thay đổi từ trước và sau khi mảnh đất này trở thành kinh đô Thăng Long được thành hình vào năm 1010.

Vào thời kỳ nghìn năm Bắc thuộc, đất Hà Nội ngày nay, lúc đó mới chỉ mang những địa danh mà những cơ quan cai trị đầu não của kẻ đô hộ đặt ra, và những tên ấy được thay đổi qua nhiều triều đại thống trị khác nhau của người Tàu phương Bắc.

Vào đời Đông Hán, giặc gọi nó là *huyện Long Biên*. Huyện Long Biên nằm cả hai bên phía bắc và

phía nam sông Hồng. Vào đời nhà Tống, năm 454, Hiếu Vũ Đế cho di chuyển cơ quan cai trị sở tại của chúng sang bờ phía nam của Long Biên, tức sang bên bờ phía nam sông Hồng để lập thành *huyện Tống Bình* cho gần nơi phát triển thương nghiệp của dân ta lúc đó được gọi là Kẻ Chợ, tức khu 36 phố phường của Hà Nội ngày nay.

Vào năm 545, vua Lý Nam Đế, sau khi khởi nghĩa đuổi quân Tầu về nước, lên ngôi vua, đóng đô ở Long Biên và đã cho xây thành ở cửa sông Tô Lịch, một trong hai chi nhánh của sông Hồng là sông Tô Lịch và sông Kim Ngưu chạy bao bọc phía tây và phía nam của huyện Tống Bình. Có lẽ đây là thành lũy đầu tiên được vua Lý Nam Đế cho xây dựng để chống lại quân nhà Lương thuộc nội thành Hà Nội ngày nay.

Sang tới đời nhà Đường cai trị nước ta, vào năm 767, thái thú Trương Bá Nghi cho xây đắp *thành La* ở vị trí mới cách sông Tô Lịch khoảng 200 thước. Vào năm 824, Lý Nguyên Gia cho di chuyển cơ quan trị phủ sang bờ phía bắc của sông Hồng, nhưng chỉ một năm sau vua nhà Đường bắt Lý Nguyên Gia phải di chuyển trở lại phủ thành Tống Bình bên bờ phía nam sông Hồng như cũ và mở rộng thêm thành La cho sát thêm vào Kẻ Chợ. Đến năm 866, Cao Biền cho đắp thêm thành vòng ngoài của thành La với quy mô rất rộng bao phủ cả khu kinh tế Kẻ Chợ và được đổi tên thành *thành Đại La*. Một vài đoạn của vòng ngoài của thành Đại La vẫn còn tồn tại tới ngày nay.

Vào thời kỳ tự chủ, mở đầu thời kỳ này bằng chiến thắng oanh liệt trên sông Bạch Đằng vào năm 938 của vua Ngô Quyền. Vua Ngô Quyền đóng đô ở *Cổ Loa*, kinh đô cũ đời vua An Dương Vương xây dựng nên vào thế kỷ thứ ba trước Công nguyên, cách Hà Nội ngày nay khoảng 12 cây số, thuộc huyện Đông Anh. Sau đó, những chuyện can qua nội bộ trong nước xảy ra đã đưa tới nạn 12 sứ quân. Và để rồi, tới năm 968 vua Đinh Tiên Hoàng Đế thống nhất đất nước, lấy quốc hiệu là Đại Cồ Việt, lập nên nền tự chủ tự cường tự sánh mình ngang hàng với Đại Hán, Đại Đường, Đại Tống bên Tầu. Nhà Đinh đóng đô ở *Hoa Lư* và truyền ngôi được 12 năm. Hết nhà Đinh thì tới nhà Tiền Lê (Lê Đại Hành) rồi sang tới nhà Lý, kinh đô vẫn ở Hoa lư.

Chiếu dời đô của vua Lý Thái Tổ

Vừa lên ngôi vua, năm 1010 *vua Lý Thái Tổ* nhận thấy đất Hoa lư chật hẹp, núi non hiểm trở, chỉ có lợi cho phòng thủ chứ không phải là đất có thể phát triển kinh tế và xây dựng đất nước lâu dài nên ngài quyết định dời đô về thành Đại La, ở đây đã có sẵn một nền kinh tế phồn thịnh kể cả nội thương lẫn ngoại thương vào thời bấy giờ. Và hơn nữa, vào thời Lý Công Uẩn, nền tự chủ nước ta đã vững mạnh sau chiến thắng nhà Tống của vua Lê Đại Hành. Khi dời đô về thành Đại La năm 1010, theo truyền thuyết, vua Lý Thái Tổ thấy một con rồng từ thành Đại La bay vụt lên trời nên Ngài liền đổi tên thành Đại La thành kinh đô Thăng Long. *Tên Thăng Long có bắt đầu từ đó*.

Cái nhìn xa "nghìn năm" của vua Lý Thái Tổ đã là yếu tố quan trọng để đưa đất nước ta đến chỗ phát triển cực thịnh về mọi mặt cả về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa và tôn giáo trong suốt hơn 200 năm cai trị của nhà Lý (1010-1225), mà tiêu biểu nhất là đã mở đầu cho sức mạnh quân sự thời đó bằng cuộc đánh chiếm Ung Châu, Khâm Châu, Liêm Châu (tức Quảng Đông, Quảng Tây ngày nay bên Tầu, bấy giờ thuộc nhà Tống) vào năm 1076 của danh tướng Lý Thường Kiệt. Dân ta có câu "*Nực cười châu chấu đá xe, Tưởng rằng chấu ngã ai dè xe nghiêng*", ý nói về trận chiến oanh liệt này. Cái nhìn xa

"nghìn năm" ấy cũng đã đóng góp vào sự tồn hưng oai hùng của con cháu nghìn năm sau. Thăng Long đã được dự phần vào những đại thắng quân Nguyên dưới đời nhà Trần và đại thắng quân Thanh dưới đời Tây Sơn với Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ.

Vào đời nhà Trần (1225-1400) Thăng Long vẫn là kinh đô của nước Đại Việt ta. Khi Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần lập nên nhà Hồ vào năm 1400, nhà Hồ đổi quốc hiệu là Đại Ngu và dời đô vào thành mới ở Yên Tôn thuộc Thanh Hóa. Nhà Hồ dời vào kinh đô mới đặt tên là Tây Đô còn Thăng Long được đổi tên là *Đông Đô*.

Vào năm 1406, nhà Minh nhân lấy cớ đem quân sang nước ta để trừng phạt nhà Hồ đã soán ngôi nhà Trần với thâm ý xâm chiếm nước ta. Dưới thời gian quân Minh chiếm đóng nước ta, chúng đã đổi tên thành Đông Đô thành *Đông Quan*.

Tháng 4 năm 1428 vua Lê Lợi đánh đuổi quân Minh ra khỏi bờ cõi rồi lên ngôi, vua Lê Thái Tổ đã khôi phục lại quốc hiệu là Đại Việt và cho đổi tên từ Đông Quan dưới thời quân Minh chiếm đóng thành *Đông Kinh*.

Năm 1527, nhà Mạc chiếm ngôi nhà Lê đã đổi tên *Đông Kinh* thành *Thăng Long* trở lại. Và tiếp theo đó, sau khi đánh tan nhà Mạc, thời gian vua Lê - chúa Trịnh kinh đô vẫn được giữ tên là Thăng Long.

Sang đời nhà Nguyễn, vua Gia Long dời đô vào Huế nhưng vẫn giữ tên Thăng Long cho tới đời vua Minh Mạng thứ 12 (1831) cải tổ lại guồng máy hành chính đã chia nước ta ra làm 29 tỉnh và ThăngLong thuộc tỉnh Hà Nội. *Tên thành phố Hà Nội bắt đầu có từ ngày đó.*

Tóm lại, kể từ thời gian đất nước có nền tự chủ, sau bao cuộc bể dâu, Thăng Long đã được đổi tên nhiều lần từ *Thăng Long* (nhà Lý, nhà Trần), *Đông Đô* (nhà Hồ), *Đông Quan* (thời quân Minh chiếm đóng), *Đông Kinh* (nhà hậu Lê), *Thăng Long* (từ nhà Mạc tới thời Lê-Trịnh) rồi *Hà Nội* (nhà Nguyễn).

Di tích của thành Thăng Long đã được xây dựng và sửa đổi theo mỗi triều đại. Dưới đời nhà Nguyễn, vua Gia Long dời đô vào Huế đã cho phá hủy toàn bộ Hoàng thành cũ và cho xây lại mới thành Hà Nội với quy mô nhỏ hơn. Năm 1835 vua Minh Mạng đã cho hạ thấp bức tường thành xuống còn 3 mét, thành ngoài cũng bị thu hẹp lại về phía tây và bắc, hai mặt còn lại vẫn giữ nguyên. ThànhHà Nội dưới thời nhà Nguyễn có 16 cửa ô, riêng phía đông có 11 cửa ô.

Thành Hà Nội Thành Hà Nội thời nhà Nguyễn

Trong những thế kỷ trước, Hà Nội còn là vùng đất trũng có nhiều hồ và sông rạch, còn có nơi phải di chuyển bằng thuyền. Hà Nội được bao bọc bởi sông Hồng ở phía đông với nền thương mại sầm uất trên bến dưới thuyền. Phía eây có sông Tô Lịch và phía nam có sông Kim Ngưu.

Sông Tây Lịch ngày xưa là con sông đẹp của kinh đô, nó lấy nước từ sông Hồng. Nhưng nay, nhiều đoạn sông đã bị lấp đi hay thu nhỏ lại chỉ còn bé như con rạch chết với nước tù đọng.

Ngoài sông ngòi, Hà Nội còn có nhiều hồ mà hai hồ nổi tiếng vì giá trị di tích lịch sử và thắng cảnh là hồ Hoàn Kiếm và Hồ Tây. Hồ Hoàn Kiếm có đền Ngọc Sơn với cầu Thê Húc. Một biểu tượng

tinh thần hiếu học, trọng kẻ sĩ là Tháp Bút và Đài Nghiên đã được tiến sĩ Phương Đình Nguyễn Văn Siêu cho xây dựng chung với quần thể đền Ngọc Sơn năm 1865.

Hồ Hoàn Kiếm với đền Ngọc sơn và cầu Thê húc

Còn Hồ Tây, tự bản thân nó đã mang nhiều truyền thuyết lý thú, mà ngay cả một thắng cảnh tọa lạc ven bờ Hồ Tây là đền Phủ Tây Hồ cũng mang một truyền thuyết thơ mộng đầy huyền bí. Theo truyền thuyết thì ngay tại nơi Phủ Tây Hồ này, bà chúa Liễu Hạnh đã gặp trạng Bùng Phùng Khắc Khoan cùng cử nhân Lý và tú tài Ngô đã từng diễn ra cuộc xướng họa của những trai tài gái sắc trên lầu thơ. Sau này dân chúng lập đền thờ bà chúa Liễu Hạnh ở đây, khói hương nghi ngút quanh năm.

Ngoài những hồ trên, Hà Nội còn có hồ Thuyền Quang (hồ Ha Le, thời Tây), hồ Bảy Mẫu, hồ Trúc Bạch và một số hồ nhỏ khác nữa.

Hà Nội không phải chỉ có thắng cảnh và di tích lịch sử oai hùng của dân tộc không thôi mà nó còn là *cái nôi tâm linh, văn hóa, văn học* bản địa của cả nước qua những đình, đền, chùa và miếu.

Đứng về mặt tâm linh, ngay từ ngày vua Lý Thái Tổ bắt đầu dời đô về đây, ngài đã cho lập *Tứ Trấn* để thờ bốn vị thần linh để mong những vị thần này giúp đỡ ngài bảo vệ ở bốn phương đông, tây, nam, bắc của thành Thăng Long.

Phía bắc có thần *Trấn Vũ* tức đền *Quán Thánh* bây giờ. Đền được coi như thắng cảnh nổi tiếng ngày nay của thủ đô với bức tượng đồng Trấn Vũ có chiều cao 3.96 mét nặng 4 tấn do dân làng Ngũ Xáđúc. Nơi đây có những cây muỗm trồng từ thời Lý, Trần còn tồn tại tới ngày nay.

Đền Quán thánh

Tượng Trấn vũ

Phía nam có đền *Cao Sơn*. Ngài là vị tướng đời Hùng Vương thứ 18, đánh đuổi giặc phương Bắc, khi chết ngài được lập đền thờ ở đây. Đến khi vua Lý Thái Tổ dời đô, đền này được sát nhập vào Thăng Long. Trong đền thờ có ba chữ đại tự "Trấn Nam Vương" nói lên cái chức vụ của vị thánh này.

Đền Cao sơn

Phía tây có đền *Thủ Lệ* thờ thái tử Hoằng Chân con vua Lý Thánh Tông, hay còn gọi là đền *Voi Phục* vì có hai con voi phục ngoài cổng đền. Thái tử cũng được phong là Linh Lang Đại Vương vì có công cùng Lý Thường Kiệt diệt giặc Tống. Bên cạnh đền có hồ Linh Lang. Cổng đền có hai câu đối: *Thiên Nam cổ tích địa. Thượng Đẳng tối linh từ.* (Ý nói, ở cõi trời Nam, đây là nơi cổ tích, đền thờ của thần Thượng đẳng tối linh). Đền Thủ Lệ gần sát với sở thú bây giờ.

Đền Thủ lệ hay đền Voi phục

Phía đông có đền *Bạch Mã*, thờ thần Bạch Mã. Đền Bạch Mã tọa lạc ở ngay trung tâm thành phố, nằm giữa ngã tư phố Hàng Buồm và phố Hàng Giày. Ngay cổng vào đền có hàng đại tự "*Bạch Mã Tối Linh Từ.*" Trong đền có câu đối: *Hiển thánh thần uy nhất dạ linh phong đằng phạm mã. Huy hoàng hỏa tức thiên thu vượng khí trấn Thăng long*. (Ý nói, uy linh của thần rất hiển hách, chỉ một đêm thôi, và một ngọn gió thiêng, ngồi trên con ngựa quý để chỉ vẽ cho vua Lý Công Uẩn về cách xây dựng thành Thăng Long). Vào đời nhà Trần, Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải ghé đây có đề bài thơ và ĐứcTrần Hưng Đạo trước khi đi đánh giặc Nguyên cũng ghé đến đền này để cầu xin Thần phù hộ và có đề thơ mà nay còn lưu giữ lại được trong đền. Đền Bạch Mã còn có bộ kiệu "bát cống" tám người khiêng, sơn son thếp vàng. Kiệu này là công trình chạm trổ rất mỹ thuật và công phu được coi là báu vật về nghệ thuật chạm trổ của cả nước.

Đền Bạch mã

Nhắc đến đền Bạch Mã làm tôi lại không quên được một kỷ niệm vui vui.

Hai anh em chúng tôi, sau khi đi chơi phố cổ, ghé lại hàng quà ngay trên vỉa hè bên đền Bạch mã để nghỉ chân. Trên vỉa hè Hà Nội thường có những quán hàng "dã chiến" như thế này, bày bán vài thứ quàlặt vặt như vài nải chuối, hũ kẹo vừng, kẹo bột, vài phong bánh khảo, vài chiếc oản, một hai cái điếu cày và dăm phong thuốc lá lẻ. Chủ yếu của quán là nồi nước chè xanh hoặc chè vối to. Và khách hàng

của quán cũng chủ yếu là những người lao động như bác kéo xe tay, bác xích lô đạp, mấy bà bán hàng rong ghé vội qua hàng uống bát chè nóng hay ăn vài quả chuối, vài viên kẹo rồi lại tất tả đi ngay. Quán hàng tuy nhỏ bé, hàng bày bán chỉ vừa đủ trên một chiếc bàn nhỏ, thêm vài chiếc ghế thấp lè tè, ấy thế mà lợi tức của nó cũng đủ nuôi ăn một gia đình trung bình vài ba người. Sau khi chúng tôi ăn xong cái bánh gai, đứng lên toan đi thì bà bán hàng dúi vào tay Thi một cái *kẹo bột*. Một bà đang ngồi uống nước buột miệng khen Thi:

- Con gái nhà ai mà xinh thế, da mặt cứ trắng hồng lên thôi!

Câu khen đó làm Thi lúng túng, ấp úng chào hai bà và cám ơn bà hàng về chiếc kẹo bột bà vừa mới cho. Kẹo bột là loại kẹo làm bằng bột ngào đường, to bằng ngón tay cái, chỉ cần cắn nhẹ cũng đủ làm nó vỡ làm đôi.

Đi được một quãng xa, mặt nàng vẫn còn hí hửng với lời khen vừa rồi. Thi nhìn tôi mỉm cười hỏi nhỏ như sợ người đi đường nghe thấy:

- Em đẹp thật hả?

- Ừ, đẹp.

Nàng hỏi tiếp:

- Thế em đẹp giống ai?

Tôi ưỡn ngực chỉ vào tôi nói đùa:

- Đẹp giống anh.

Thi phá lên cười rồi "véo" vào cánh tay tôi:

- Thế thì em trông xấu lắm rồi!

Tôi cũng cười theo.

Đứng về mặt văn hóa, một biểu tượng rất rõ nét về văn hóa của Hà Nội, ấy chính là *Văn Miếu*. Văn Miếu được xây dựng từ đầu đời nhà Lý, năm 1070, dưới đời vua Lý Thánh Tông.

Văn Miếu

Khuê Văn Các-(người viết đang quay phim)

Những dấu vết của Văn Miếu dưới thời Lý, Trần thì nay không còn nữa. Toàn bộ kiến trúc mà ta thấy ngày nay được xây dựng vào đời cuối nhà Lê thuộc thế kỷ 18. Kiến trúc sau cùng đóng góp vào Văn Miếu là cổng *Khuê Văn Các* được xây dựng dưới thời vua Minh Mạng nhà Nguyễn vào năm 1812.Đây là kiến trúc mới nhưng đẹp và rất hài hòa với kiến trúc tổng thể của Văn Miếu. Nó được xây như một phương đình hình vuông, 8 mái, có đại tự "Khuê Văn Các" ở phía dưới. Cổng Khuê Văn Các nàylà đối tượng của những nhà họa sĩ hay nhiếp ảnh và nó cũng như chùa Một Cột là hình ảnh biểu tượng của thủ đô Hà Nội ngày nay.

Nếu ta tính từ ngoài cổng vào, ta sẽ thấy cổng vào ngoài cùng gọi là *Cung Văn Miếu Môn*, tiến vào trong qua cửa Đại Trung, qua Khuê Văn Các rồi vào tới hồ nước mang tên *Dương Quang Tỉnh* (giếng phản chiếu ánh sáng trời).

Hai bên hồ Dương Quang Tỉnh là hai hàng bia tiến sĩ, mỗi bia được đặt trên lưng một con rùa lớn bằng đá. Gồm tất cả 1306 tiến sĩ đời Lê (1428-1788). Có 82 tấm bia để trên lưng của 82 con rùa lớn mà đặc biệt hình dáng của chúng không con nào giống con nào. Trên tấm bia tiến sĩ đầu tiên ghi lại danh sách các vị tiến sĩ năm Đại Bảo (1442), trong đó có tiến sĩ đệ tam giáp Ngô Sĩ Liên, tác giả bộ *Đại Việt Sử ký Toàn thư*. Tấm bia tiến sĩ đời Cảnh Hưng (1775), có một hàng chữ bị đục bỏ đi, tên ông nghè cũng bị đục nhưng vẫn còn đọc được, đó là Ngô Thời Nhậm, vị tiến sĩ của nhà Lê nhưng theo nhà Tây Sơn làm tới Tả Thị Lang đời vua Quang Trung.

Qua Dương Quang Tỉnh, tới cổng *Đại Thành* có 3 đại tự "Đại Thành Môn." Bên phải có hàng tiểu chú "*Lý Thánh Tông, Thần vũ nhị niên, Canh tuất (1007)*", tấm biển này đã được khắc lại từ đời vua Đồng Khánh thứ 3 (1888).

Qua Đại Thành Môn là một sân lớn làm mở rộng tầm nhìn. Hai bên sân lớn là hai dẫy nhà *Tả, Hữu*. Dẫy nhà bên Hữu thờ ngài Chu Văn An, một người thầy kính yêu của cả dân tộc.

Trước mặt, phía cuối sân là nhà *Đại Bái*, một kiến trúc đẹp và bề thế, hiếm quý của nhà Lê, xây dựng vào thế kỷ thứ 18. Trong toà *Hậu Cung* của Văn Miếu, gian chính giữa thờ Đức Khổng Tử có ghi là "*Vạn Thế Sư Biểu*" tức người thày muôn đời. Hai bên ngài Khổng Tử có thờ "tứ phối" tức bốn vị đại nho là Nhan Hồi, Tăng Tử (Tăng Sâm), Tử Tư và Mạnh Tử. Với Văn miếu, ta thấy đạo Khổng đã ăn sâu vào lòng dân tộc ta từ bao đời.

Khu *Quốc Tử Giám* là tập thể kiến trúc sau cùng của Văn Miếu là nơi đào tạo nhân tài qua nhiều triều đại. Sau bị chiến tranh tàn phá toàn bộ khu vực này.

Sự hiện diện của đạo Nho (Khổng giáo) ở nước ta đã có mặt từ lâu nhưng chỉ phát triển mạnh từ đời Hậu Lê trở về sau này. Vào thời Lý, Trần, Phật giáo ở nước ta được đưa lên hàng *quốc giáo* và pháttriển mạnh bậc nhất trong toàn nước từ vua quan đến dân chúng. Nhiều chùa chiền đã được xây dựng ở Thăng Long, mà cao điểm phát triển Phật giáo Đại thừa của nước ta phải kể là, sau khi thắng quân Nguyên, vua Trần Nhân Tông đã truyền ngôi cho con rồi từ bỏ triều đình lên núi Yên Tử tu hành lập nên *phái tu thiền Trúc Lâm* còn tồn tại tới ngày nay.

Chùa, đền ở Hà Nội thì nhiều lắm, nhưng tiêu biểu nhất thì phải kể là chùa Một Cột, chùa Trấn Quốc và chùa Láng . . . gò Đống Đa, đền Đồng Cổ.

Chùa Một Cột - Ngôi chùa này theo truyền thuyết được cho là có từ đời nhà Đường, dưới thời Cao Biền sang trấn ở xứ ta. Cao Biền đã cho xây thạch trụ, ở trên có tòa thờ Phật. Nhà Lý định đô ở Thăng Long, cứ theo nếp cũ mà làm chùa Một Cột. Nhưng theo sử chính thống của ta thì ngôi chùa này được xây vào đời vua Lý Thái Tông (1049) và được tu tạo nhiều lần. Lần tu tạo quan trọng nhất là dưới triều Lý Nhân Tông, giữa hồ vuông có dựng một cột đá, trên cột đá có chạm đóa hoa sen nghìn cánh và trên đóa hoa sen nghìn cánh đó đã dựng một ngôi chùa, có tô tượng vàng tức Phật Quán Thế Âm Bồ Tát để thờ.

Ngôi chùa này ban đầu nằm ở phía ngoài cửa Tây của Thăng Long và mục đích là để cầu thọ cho vua Lý Thánh Tông cho nên mới mang tên "*Thiên Hưu Tự*."

Chùa Một Cột (chụp năm 1922)

Trong tấm bia Thiên Phù dựng năm 1121 có ghi, ở bên trong là hồ vuông, bên ngoài là hồ tròn. Giữa hồ vuông và hồ tròn có bắc cái cầu để băng qua. Phía trước chùa, trước cửa phía công viên có xâyhai toà tháp. Qua thời gian, chùa này bị hư hại nhiều [(1)].

Chùa Trấn Quốc - Chùa Trấn Quốc là một thắng cảnh nổi tiếng của Hà thành. Ban đầu chùa được xây dựng ở ngoài bãi bờ sông Hồng thuộc phường Yên Phụ từ đời Tiền Lý Nam Đế, thế kỷ thứ 6, gọi là chùa *Khai Quốc*. Sợ bờ sông vỡ lở, chùa bị lở xuống sông nên sau khi xây nội đê đã di chuyển chùa vào bên Hồ Tây, ở chỗ đảo Kim Ngưu. Đến năm 1624, bắt đầu xây đê tức đường Cổ Ngư ngày nay, đã làm con đường ranh giới giữa chùa và bản phường Yên Phụ. Tới năm 1628 mới trùng tu và sửa chữa hành lang.

Đời Lý, đời Trần tên chùa vẫn được giữ nguyên tên Khai Quốc, qua đời nhà Lê đổi tên chùa là *Trấn Quốc*. Đến đời cuối Lê tức thời vua Lê - chúa Trịnh thì chùa bị đổi tên thành *Trấn Bắc*. Chúa Trịnh Sâm là tay ăn chơi hưởng lạc đã biến chùa này thành hành cung hưởng lạc cùng cung nữ ở đây. Bà Huyện Thanh Quan đã có câu thơ:

Trấn Bắc hành cung cỏ dãi dầu,
Chạnh lòng cố quốc nghĩ mà đau.

Khi nhà Trịnh suy, chùa lại được khôi phục và *đổi lại thành tên Trấn Quốc như cũ* và giữ tên đó cho tới ngày nay.

Vào đời nhà Lý, chùa Khai Quốc (Trấn Quốc ngày nay), là một trung tâm thiền phái rất lớn. Đức Thái hậu Ỷ Lan đã mở tiệc chay ở chùa để hội với các sư và đặc biệt quốc sư Thông Biện đã giảng cho Thái hậu Ỷ Lan và các đồng đạo biết về lai lịch Phật giáo Việt nam. Nếu không có những bài giảng này thì lịch sử Phật giáo nước ta còn mơ hồ. Ngoài ra chùa Trấn Quốc còn có cái chuông được đúc vào đời vua Tây Sơn, niên hiệu Bảo Hưng, nay vẫn còn.

Chùa Láng - Chùa Láng được tiêu biểu cho sự hoà đồng tam giáo, Phật giáo, Nho giáo và Lão giáo. Chùa Láng được xây dựng từ đời nhà Lý. Trên cổng chùa có đại tự "*Chiêu Thiền Môn*" tức cửa chùa Chiêu Thiền, dân ta gọi nôm na là chùa Láng vì chùa tọa lạc tại làng Láng. Trước cổng chùa là sông Tô Lịch và chùa quay về hướng tây tức là hướng về Tây Trúc (Ấn Độ). Ngôi chùa này được xây dựng theo kiểu tiền Phật, hậu Thần.

Chùa Láng

Vào đời nhà Lý, sư trụ trì là ngài Từ Đạo Hạnh. Nhưng hậu thân của ngài Từ Đạo Hạnh lại là vua Lý Thần Tông nên chùa Láng vừa thờ Phật, vừa thờ Thần (sư trụ trì Từ Đạo Hạnh) lại cùng thờ cả vua (Lý Thần Tông), mà thờ vua thì phải có 3 tam quan. Và cũng vì lý do đó nên chùa Láng có nhiều tam quan hơn những chùa khác vì có thờ vua nên chiều sâu của chùa cũng rất là sâu.

Chùa có nhiều cây muỗm trồng dọc theo lối vào chùa. Vào đời Lý Trần, được nhà vua cho khuyến khích trồng cây trong kinh đô. Riêng nhà Trần cho trồng 500 cây muỗm tại những nơi thắng cảnh và chùa chiền nên niên đại của những cây muỗm ở đây phải hơn 500 năm. Qua cửa tam quan thứ ba của chùa, ta thấy ngay trong sân chùa có tòa nhà bát giác được xây dựng vào thời nhà Lê.

Theo các nhà nghiên cứu dịch học, tòa nhà bát giác này mang ý nghĩa tượng trưng cho 8 quẻ trong kinh dịch của nhà Nho tức *càn, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài*. Tòa nhà bát giác có hai mái, mỗi mái 8 cạnh nên nhân lên thì tương ứng với 64 quẻ, tương ứng với tâm thức Nho giáo của người Việt ta.

Ngoài ra, trong chùa còn được trang trí long, ly, quy, phượng, cũng có tính chất "tứ linh" của Nho giáo và thêm vào đó là những hình ảnh xuất thế của Lão Trang thuộc đạo Lão qua những bức tranh sơn thủy.

Nói tóm lại, chùa Láng là một hình ảnh nổi bật tinh thần hòa đồng tam giáo Phật, Nho, Lão của người xưa và nó cũng chứng tỏ tinh thần khoan dung về tôn giáo chứ không có tinh thần độc tôn về tôn giáo như một số dân tộc khác. Tinh thần này cũng phù hợp tinh thần nhân bản của người Việt mà tinh thần nhân bản ấy được thể hiện rất rõ ràng qua *Gò Đống Đa*.

Gò Đống Đa - Vào năm Kỷ Dậu (1789), Thăng Long đắm chìm trong trận chiến giữa vua Quang Trung và 29 vạn binh của quân Mãn Thanh, mà trận chiến chính yếu và quyết định được diễn ra ở khu gò Đống đa này. Người tướng lãnh chỉ huy trận đánh là Đô đốc Đông Lĩnh Hầu Đặng Tiến Phong. Sau trận chiến oanh liệt của quân ta, quân Mãn Thanh chết rất nhiều phải chôn tập thể thành những gò rải rác, gò chính là gò Đống Đa to lớn như ta thấy ngày nay. Trên đỉnh gò Đống Đa có miếu Trung Liệt để thờ những chiến binh ta đã hy sinh tử tiết cho dân tộc trong trận chiến.

Gần gò Đống Đa, băng qua con đường cái phía trước, đó cũng là quan lộ cũ để vào cửa ngõ phía nam của thành Thăng Long tức *Ô Chợ Dừa*, ta thấy một ngôi chùa tên là *Đồng Quang Tự*. Đây là bãi chiến trường diễn ra rất ác liệt và quân của hai bên cùng tổn hại rất nhiều. Và chính bãi chiến trường này, sau đó đã trờ thành bãi tha ma chôn xác của quân ta và cả xác giặc thù.

Sau khi chiến thắng, ta cho lập một cái am gọi là *Am Chúng Sinh* để chiêu hồn các chiến sĩ của ta lẫn của địch đã chết trong trận chiến mùa Xuân năm Kỷ Dậu. Công việc này đã chứng tỏ tinh thần nhân bản của dân tộc ta, khi đã chiến thắng rồi thì không còn phân biệt ta hay địch mà được đối xử như nhau. *Cách đối xử của người xưa thật cao cả thay*. Sau này chùa Đồng Quang được xây dựng lên đểthờ Phật nhưng vẫn giữ Am bên hông chùa để thờ những vong linh các chiến sĩ năm xưa. Trong Am, ngày nay người ta cũng thờ cả vua Quang Trung.

Gò Đống Đa

Ngoài những di tích tiêu biểu kể trên, Hà Nội còn mang một nét văn hóa vô cùng độc đáo, đó là *đền Đồng Cổ* mà hiện nay rất ít người lưu tâm đến. Đền Đồng Cổ, thoạt tiên được lập ở Thanh Hóa để thờ trống đồng, một biểu tượng văn hóa thời vua Hùng Vương, thời kỳ rực sáng của nền văn minh đồ đồng Đông Sơn mà theo các nhà khảo cổ thì đất nước ta là cái nôi của nền văn minh ấy.

Vào đời nhà Lý, đền Đồng Cổ được chuyển ra Thăng Long và lập nên *hội Thề* năm 1028. Con cháu nhà Lý hàng năm tụ tập về đây để cùng nhau thề trung thành với dòng họ Lý và nước Đại Việt. Đây là một vết son của nền văn hóa Lạc Việt, lấy nhân nghĩa, trung tín làm nền tảng.

Đền Đồng cổ

Kể về Hà Nội tôi không thể không đọc cho Thi nghe bài thơ "*Thăng Long Thành Hoài Cổ*" nổi tiếng của Bà Huyện Thanh Quan được viết dưới triều vua Lê chúa Trịnh, thời kỳ nhiễu nhương của đất nước. Bà người làng Nghi Tàm bên Hồ Tây.

Tạo hóa gây chi cuộc hí trường,
Đến nay thấm thoắt mấy tinh sương.
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,
Ngõ cũ lâu đài bóng tịch dương.
Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt,
Nước còn cau mặt với tang thương.
Nghìn năm gương cũ soi kim cổ,
Cảnh đấy, người đây luống đoạn trường.

Thi ơi,

Anh đã đưa em đi thăm biết bao nhiêu thắng cảnh, di tích lịch sử của Thăng Long - Hà Nội để em hiểu và thấy được biết bao nhiêu công lao kể cả trí tuệ lẫn mồ hôi, xương máu để xây dựng, bảo vệ và phát triển thủ đô Thăng Long - Hà Nội nói riêng, và cho đất nước chúng ta nói chung. Thấy được cái công lao to lớn của người đi trước thì ta mới thấy được bổn phận và trách nhiệm của chúng ta và của những thế hệ mai sau.

Một ngàn năm xây dựng thủ đô Hà Nội không phải là thời gian quá dài so với chiều dài 4000 năm lịch sử của dân tộc. Nó cũng không phải là quá ngắn đối với những công lao xây dựng, phát triển, bảo vệ nó của tiền nhân, cùng với những giai đoạn thăng trầm mà nó đã có thể tự hào hay chịu đựng tủihờn. Hà Nội luôn là trái tim của dân tộc ta. Nó có biết bao nhiêu biểu tượng thể hiện cho nền văn hóa độc lập, tự cường, tự chủ và luôn vươn mình lên cùng thế giới năm châu.

[Qua những di tích biểu tượng ấy, ta thấy được *đức tin tâm linh* của dân ta, liên kết *trời-người-đất* qua những đền thờ Tứ Trấn; tinh thần *trung tín* với vua với nước qua đền thờ Đồng Cổ; *tinh thần nhân bản* qua Am chúng sinh ở khu gò Đống Đa; tinh thần *yêu chuộng văn học* và *trọng kẻ sĩ* qua nhà Văn Miếu hay Tháp Bút – Đài Nghiên của quần thể đền Ngọc Sơn bên bờ hồ Hoàn Kiếm; tinh thần *mở rộng tư tưởng* để đón nhận những học thuyết nhân bản của Phật giáo, Nho giáo, Lão giáo thể hiện qua những chùa chiền, và hơn nữa chúng ta còn *biết vận dụng sự hòa hợp nhiều học thuyết* để tạo nên cái riêng cho mình qua biểu tượng chùa Láng; tinh thần *sáng tạo độc đáo qua kiến trúc* của chùa Một Cột; tinh thần *yêu chuộng huyền thoại* của cõi tiên và *tinh thần trọng nữ* qua đền Phủ Tây Hồ. Ngoài ra tinh thần văn hóa đặc thù của dân tộc ta còn được thể hiện qua sự thờ phượng, tỏ lòng *không quên công ơn*

những người có công với dân với nước được thể hiện rải rác khắp thủ đô Hà Nội như đền thờ bà Thái hậu Ỷ Lan tức đền thờ Bà Tấm, đền thờ Hai Bà Trưng, đền thờ Lý Thường Kiệt có công đánh giặc Tống, đền Lý Quốc Sư thờ thiền sư Lý Minh Không; đền Kim Mai thờ Thái sư Trần Khắc Chân, đền thờ Chu Văn An thờ người thầy khả kính, dâng sớ trảm nịnh thần, vua không nghe, từ quan về nhà dậy học... vân vân][(2)]

Thăng Long-Hà Nội là di sản lịch sử, văn hóa của người xưa để lại cho chúng ta. Chúng ta phải gìn giữ lấy và phát huy nó cho được sáng ngời thêm lên để có thể đem đến niềm tự hào cho thế hệ mai sau. ■

Nguyễn Giụ Hùng

Chú thích:

Tháng tư, năm 1955, khi quân Pháp rút khỏi thành phố Hà Nội đã đặt mìn phá sập toàn bộ chùa này. Sau đó, dựa trên kiến trúc cũ, chùa đã được xây dựng lại như ngày nay.

[ ] Mượn ý của giáo sư Nguyễn Nhã cho lời kết luận.

Tài liệu tham khảo:

- Bách Thần Hà Nội của Nguyễn Minh Ngọ
- Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim.
- Tài liệu về Hà Nội của hai giáo sư Trần Quốc Vượng và Nguyễn Nhã.
- Hình minh họa: nguồn từ trên NET.

Mời nghe

Em Ơi Hà Nội Phố
https://www.youtube.com/watch?v=FTYOG71XaKY

Hoa sữa
https://www.youtube.com/watch?v=LpC1iMD0fno

Nhớ Tuổi Thơ Hà Nội
https://www.youtube.com/watch?v=iXO5aHu2O6w

Back to Contents

French Poetry - Part 2 - Marceline Desbordes-Valmore

by
Thomas D Le

Marceline Desbordes-Valmore (1786-1859)

Life

One of the most gifted poetesses of the Romantic period, Mme Marceline Desbordes-Valmore found in her poetry a solace from a life buffeted by misfortunes.

Born in the northern French town of Douai on 20 June 1786, in the midst of a textile-dependent economy in crisis, Marceline-Félicité-Joseph was the youngest daughter of Antoine-Felix Desbordes, a painter of armories and church ornaments and Catherine-Cécile Lucas both descendants of Swiss immigrants. The Revolution ruined the family fortune, forcing the barely adolescent Marceline and her mother to take a trip to Guadeloupe in search of relief with a successful cousin. Marceline was chosen from among her parents' four children to accompany her mother. To earn the fare for the trip, Marcelinehad to join a theater in Lille, then in Rochefort and Bordeaux, learning the cruelty of life along the way.Finally, in 1801, three years after leaving Douai, they began the perilous journey during a time when England and France were at war on the seas.

When they arrived, Guadeloupe was convulsed by a violent revolt of the slaves against the French colons. The cousin, having lost his property and his wife during the uprising, had fled (Pougin 45)[1]. Shortly afterwards her mother died of yellow fever. Thanks to the compassion of strangers, she was finally returned at Dunkirk, now sixteen, destitute, and with her physical safety barely intact. Back to Douai, she plunged headlong into a career of acting and singing first in Rouen, then at the Opéra Comique (in 1805), where she gained the protection of the famed composer Grétry, with whom she maintained a steady correspondence after she left Paris. In 1813 she appeared in Paris again, this timeat l'Odéon. It is in this town that she met in 1808 Henri de Latouche, her first true love, which lasts thirty years according to one account, whose identity she never revealed, except as "Olivier" in her poems. From this union a child was born who did not survive.

Though very successful as an actress, Desbordes-Valmore left the Opéra Comique to return to the theater in Rouen, and from there in 1815 she left for a role of Rosine in Rossini's *Barber of Séville* at the Théâtre de la Monnaie in Brussels. Here she married in 1817 a second-rate actor, Prosper Lanchantin also called Valmore, from whom she had two daughters and a son. The first legitimate childdied within a few weeks. Of the next three children, two girls and one boy, the first-born, Ines, died during adolescence; Ondine died as a young woman, after she herself had seen her own daughter die in childhood. Only Hippolyte survived both his parents; he served twenty years in the army, seven of which in captivity by the Spaniards and then by the English.

In spite of the numerous personal tragedies Desbordes-Valmore started to write, prolifically, as a girl, a sister, a friend, a woman, and a mother, producing 25,000 verses, thousands of pages of prose, more than 3,000 letters not intended for publication. Written sometimes out of pecuniary necessity, sometimes for her own therapeutic purposes, the healing or palliating of a love life rent by heartaches,

sometimes as a weapon with which to defend the weak against the powerful, her poetry easily retains the values and qualities which move her contemporaries and the modern reader to appreciate her as a significant voice among the Romantics.

For twenty years, she and her husband would travel from city to city to earn a living, which hovered on the brink of indigence, until she finally gave up the theater in 1832 to devote full time to literature. Marceline Desbordes-Valmore died in Paris on 28 February 1859, at last finding peace from a tormented and painful life.

Works in prose and poetry

Her collections of *Élégies, Marie et Romances* (1819), *Élégies et Romances nouvelles* (New Elegies and Romances, 1825), *Poésies* (1830), *Les Pleurs* (Tears, 1833), *Pauvres Fleurs* (Poor Flowers, 1839), *Bouquets et Prières* (Bouquets and Prayers, 1843) charmed the habitués of the salons of her days. She also wrote children's and family-oriented books: *Contes en vers pour les Enfants* (Tales in Verse for Children, 1840), *Contes en prose* (1840), *Livre des Mères et des Enfants* (Book for Mothers and Children, 1840), *Anges de la Famille* (1849), *Jeunes Têtes et Jeunes Coeurs* (Young Heads and Young Hearts, 1855). Among posthumous works are *Poésies inédites* (Unpublished Poems, 1860), *Poésies de l'Enfance* (Poems of Childhood, 1868), *Contes et Scènes de la Vie de Famille* (Tales and Scenes of Family Life, 1865), *Poésies en Patois* (1896). The novels include *Une Raillerie de l'Amour* (The Mocking of Love, 1833) *L'Atelier d'un Peintre* (The Workshop of a Painter, 1833) *Violette* (1839), and the novellas *Salon de Lady Betty* (1836), *Domenica* (1843), *Huit Femmes* (Eight Wives, 1845)

Recognition

Her poetry, very much a spontaneous and lyrical effusion of a tender heart touching upon the elegiac and the epic, brims with female emotions and anxieties of love, the joys of motherhood, socialconcerns, political concerns, and religious fervor. Her personal lyricism evinces beauty, sincerity, and spontaneity that reach a sublime intensity. Woven with a soft texture, her verse delights the ear with theeuphonious sounds that herald the musicality of Verlaine. The musicality of her verse must have benefited from the sense of musical rhythm she developed as a singer. Her style and rhythm, the odd number of syllables in verse (she introduced the eleven-syllable verse before Verlaine), her melancholy,her doleful passion, her pains and miseries form an amalgam that is strikingly original and modern.

Detractors were outnumbered by admirers, among whom great men of letters such as Lamartine, Béranger, Alfred de Vigny, Victor Hugo, Rimbaud, Verlaine, even Baudelaire. As if in recognition of a kindred soul, André Breton says of her, "Desbordes-Valmore is surrealist in love." Finding in her a soulmate for her love pains and politics, Louis Aragon, too, joins the encomium and is largely responsible for thrusting Desbordes-Valmore, who incorporates in her verse the major movements of the 19th century, into the modern consciousness. Her inspirations encompass the elegiac elements of a Lamartine and Alfred de Musset, the epic of a Victor Hugo, the symbolist of a Stéphane Mallarmé and Baudelaire, even the sociopolitical, and the humanist, not to mention the not-so-hidden feminist.

Obscurity

Partly due to her lack of an academic background and any intellectual orientation, she is an independent, free-thinker who ranges across a wide spectrum of themes, anything that touches her

heart, her conscience, her sensibility as a woman, a sister, a friend, a wife, a mother, a struggling artist who experienced first-hand the inequities and deceptions of life.

Considered a minor poet partly because of her status as a woman writer (She even wrote, "Women, I know, should not write; however, I write."), Desbordes-Valmore fell into neglect. It is modernity that has elicited a new burst of interest among modern critics. Her ability to deal with personal sufferings, an unfortunate love (with Henri de Latouche? with Dr. Alibert of the Opéra Comique?), loss of her children and friends, and an existence vitiated by near-poverty strikes the modern reader as admirable strength and fortitude. Although this renewed interest was fueled in no small part by feminist criticism, Desbordes-Valmore's works proffers fertile ground for investigating other themes such as those abounding in the social and political arenas. Her poems capture the essence of love with tenderness and precision; the distresses and dreams of a woman in search of identity; the compassion for and defense of the children, the poor, the poor children, the women, the prisoners; in short, the downtrodden and vulnerable. Another dimension of this long-suffering soul is her spirituality. In spite of all the trials and vicissitudes she never loses faith in God[2].

Rehabilitation

Charles Baudelaire, the eminent critic Sainte-Beuve, Paul Verlaine, Alexandre Dumas, Théodore de Banville, among a host of others, wrote critically of Desbordes-Valmore, paying tribute to her exquisite poetry and to "the modern Sappho," as the great Paganini called her, who was "born for love, suffering, and poetry," as Arthur Pougin (7) put it in *La Jeunesse de Mme Desbordes-Valmore* (The Youth of Mrs. Desbordes-Valmore). Pougin characterizes Desbordes-Valmore thus, "If Marceline has so far arranged her rhymes, if she has tried to express her feelings and sensations in verses more or less sonorous, more or less harmonious, it is the sole torture of her heart that draws from it the accents of a vibrant, pathetic, ardent poetry, always impregnated with intense emotions, which were later to elicit admiration and earn her an imperishable reputation." (Pougin 82)

In his *Les Poètes maudits*[3] (The Accursed Poets), Verlaine reviews six poets, including himself as Pauvre Lelian (anagram of Paul Verlaine), whom he calls *Poètes absolus*, absolute in imagination, absolute in expression. There is no definition, just an assertion, of the term *maudit*. After dwelling at length on the merits of Desbordes-Valmore's verse with copious examples, Verlaine concludes, with hyperbolic flourish, "being powerless to further dissect such an angel." (76) Then in a memorablefinale, "And, pedant as is our pitiable *métier*, we must proclaim with a loud and intelligible voice that Marceline Desbordes-Valmore is simply -- along with George Sand, who is so different, so hard, yetnot without charming graces, great sense, and of proud and rather masculine disposition -- the only woman of genius and talent of this century and of all centuries alongside Sappho, perhaps, and St. Theresa." (76)

If by "poète maudit" is meant a poet of talent, who has difficulty fitting in, and is thus forced to live on the fringe by circumstances, rejecting the values of or being rejected by society, and sometimes engaging in asocial, provoking, dangerous, or self-destructive behavior (such as drug and alcohol abuse), possibly paying the price of early death for it or receiving only belated or incommensurate recognition, then Desbordes-Valmore does not exactly fit the mold. Yet, this romantic notion, pushed toan extreme, has a curious appeal, and by its measure some of Desbordes-Valmore's admirers, namely Baudelaire, Verlaine, Rimbaud, certainly would qualify. If to the designation is attached such

descriptive terms as incomprehensible, hermetic, misunderstood, over the top, then one could add Stéphane Mallarmé for his impenetrable poems (Jules Renard calls *Mallarmé, intraduisible, même en français*, untranslatable, even in French), Lautréamont for his potentially blasphemous depiction of evil, Lautréamont, who died young at 24.

August Dorchain (1909, p. v), in the preface to his work, stated that Marceline Desbordes-Valmore is the greatest of inspired French poet. For almost a century generation after generation of French greats recognized her genius, including "Victor Hugo, Lamartine, Alfred de Vigny, Sainte-Beuve, Alexandre Dumas, Béranger, Balzac, Michelet, Barbier, Brizeux, Baudelaire, Théodore de Banville, Paul Verlaine." (p. v). Baudelaire proffered praise of her as woman, nothing but woman and always woman with the love and emotion that makes her either cat woman or lioness as she fulfilled her duties as daughter, wife, or mother. When it comes giving expression to a female heart, she is peerless. Few mentioned she was an engaged poet when she saw injustice and human cruelty, and her life was a studyof unhappiness and pain.

Ironically, while Lamartine lauded Desbordes-Valmore's art as a poet, it is the success of his *Meditations* that contributed to confining her to obscurity and neglect in spite of the accolades of so many prominent male writers from diverse artistic persuasions. Moreover, the French cultural climateof the nineteenth century regarded women writers as no longer women, as "*hommes manqués"* (missed men). Even Desbordes-Valmore conceded in one of her poems that women should not write, but she writes anyway. From 1879 on women took to writing in droves ("ouvrières des lettres" female workers,not women, of letters.

To get a glimpse at how women writers were regarded in Europe, in the time of Pope, who lived in the seventeenth century, England coined the term *bas bleus* (blue stockings) as a stigma against them. They fared differently in different countries. In France the women of the Hotel de Rambouillet, according to d'Aurevilly, were not the bas-bleus. Aristocrats with names such as Marquise de Rambouillet, Mme de Sevigné, Mme de La Fayette, Mademoiselle de Scudéry, they presided over a *salon littéraire* where the influential men in letters and politics such as Corneille, Racine, Bossuet, Malherbe, La Rochefoucauld, and Richelieu were frequent attendees. They represented the flower of French of literature, taste and wit. The circle of the Rambouillet habitués appropriated for themselves the word *précieux,* embodying elegance and decorum in taste and language. Most men were contemptuous of such presumption. They were lambasted by Molière in *Les Précieuses ridicules.*

In spite of masculine superciliousness and prejudice, Marceline Desbordes-Valmore kept on writing in many genres, children's books, elegies, lyric poetry, tales, letters, even engaged prose. She was impelled to write not by pride but by love and a sense of despair at the inequities of life without regard to her lack of formal training or syntax or taste or the weakness of laments, groan and moan and tears, fashionable of the time, which Jeanine Moulin in her critical biography of Marceline Desbordes- Valmore did not hesitate to point out.

But like a sun, the works of Desbordes-Valmore cannot be eclipsed forever. ■

TDL

7 July 2007, updated 20 March 2023

Notes

Desbordes-Valmore's two most famous poems are highlighted here, *Les Roses de Saadi,* which was to set to music by Jacques de Fontenailles in 1912 published by Rouart Lerolle & Cie in Paris, and *Les Séparés*, which was set to music by Julien Leclerc in his album "Julien" published in 1997.

[1]Pougin, Arthur. *La Jeunesse de Mme Desbordes-Valmore*. Paris:Calman-Levy, 1898.

[2]*Le Poème d'une vie*. Le site officiel de Marceline Desbordes-Valmore. 7 Jul 2007 http://www.desbordes-valmore.net/poeme.html. This site no longer exists in 2023.

[3]Verlaine, Paul. *Les Poètes maudits.* Paris: Léon Vanier, 1888.

Bibliography

Bibliothèque national de France BnF. (2021, mars 17), *Marceline Desbordes-Valmore | Autrices oubliées de l'histoire littéraire #3*. [Video] YouTube. Retrieved March 5, 2023 from https://www.youtube.com/watch?v=jaezofHEW78

d'Aurevilly, J.B. (1878). *Les Bas-bleus.* [eBook edition]. Société générale de librairie catholique, Retrieved March 12, 2023 from https://archive.org/details/lesbasbleus00barbuoft/mode/1up

Descaves, L. (1910). *La Vie douloureuse de Marceline Desbordes-Valmore.* [eBook edition]. Edition d'art et de litterature. Retrieved March 3, 2023 from https://fr.wikisource.org/wiki/La_Vie_douloureuse_de_Marceline_Desbordes_Valmore/Texte_entier

Dorchain, A. (1909), *Les Chefs-d'oeuvre lyriques de Marceline Desbordes-Valmore.* [eBook edition]. A. Perche. Retrieved March 11. 2023 from https://gallica.bnf.fr/ark:/12148/bpt6k4220002n.r=Le%20Po%C3%A8me%20d%27une%20vie%20Marceline%20Desbordes-Valmore?rk=236052;4

Gulistan (book). (2023, March 13). In *Wikipedia*. Retrieved March 14, 2023 from https://en.wikipedia.org/wiki/Gulistan_(book)

Hartley, J.C. (2019). *Beyond Orientalism : when Marceline Desbordes-Valmore carried Saʿdi's Roses to France.* Iranian Studies, 67 (10). pp. 6858-6867. doi:10.1080/00210862.2019.1626223 ISSN 0021-0862. Official URL: https://doi.org/10.1080/00210862.2019.1626223

Retrieved March 3, 2023 from wrap.warwick.ac.uk/118206/

Le Semaphore. (2017, janvier 11). *Marceline Desbordes-Valmore (1786-1859) : Une vie, une œuvre (1995 / France Culture*). [Video]. YouTube. Retrieved March 5, 2023 from https://www.youtube.com/watch?v=nmIEqZLpg-g

Lollie, F. (1909). *Oeuvres choisies de Marceline Desbordes-Valmore*. [eBook edition]. Librairie Ch. Delagrave. Paris. Retrieved March 11, 2023 from https://gallica.bnf.fr/ark:/12148/bpt6k42230171.r=Le%20Po%C3%A8me%20d%27une%20vie%20Marceline%20Desbordes-Valmore?rk=321890;0

Marceline Desbordes-Valmore. (2022, December 31). In *Wikipedia*. Retrieved March 3, 2023 from https://en.wikipedia.org/wiki/Marceline_Desbordes-Valmore

Pougin, A. (1898). *La jeunesse de Mme Desbordes-Valmore*. [eBook edition] Retrieved March 3, 2023 from https://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/9/9b/Pougin_- _La_Jeunesse_de_mme_ Desbordes-Valmore.djvu

Saadi Shirazi. (2023, February 28). In *Wikipedia*. Retrieved 14, 2023 from https://en.wikipedia.org/wiki/Saadi_Shirazi

Société des Etudes Marceline Desbordes-Valmore. (n.d.). Retrieved 14, 2023 from https://www.societedesetudesmarcelinedesbordesvalmore.fr/?page_id=21

Les Roses de Saadi

Shekh Muslihu'd-Din Sadi (Saddi), born in Shiraz (1210-1291-2?), was a Persian (Iranian) writer of poetry and prose in the thirteenth century celebrated for two of his works, the Bustan (the Orchard) and the Gulistan (the Rose Garden). Both are greatly influential in the West, since the seventeenth century when the West was seriously engaged with the Orient, especially Iran, the "other" that is, beyond exoticism, fascinating, seductive thanks to mysticism, thoughts, and the poetic language of the Persian poet Saaddi.

The Bustan was completed in prose in 1257, and the Gulestan in verse was completed in 1258. The Bustan "... consists of stories aptly illustrating the standard virtues recommended to Muslims (justice, liberality, modesty, contentment) and reflections on the behavior of dervishes and their ecstatic practices ." (Saadi Shirazi, 2023, Bustan and Gulistan Section, para. 1).

The Gulistan (Golestan), the more famous of the two, and concerned with issues of ethics, love, education, wisdom, conduct of life, began when a friend gathered up flowers from a garden, which wilted by the time they reached town, prompting Saadi to remark on the difference between the short lives of flowers and the longer life of a garden. (Gulistan (book), 2023, Reasons for composition Section, para. 1ff).

Marceline Desbordes-Valmore was influenced by the Persian poet before writing the Roses of Saadi, adding to the evanescence of roses the sensual perfume they left behind on her body, which she offered to her lover tonight.

Les Roses de Saadi

Marceline Desbordes-Valmore

J'ai voulu ce matin te rapporter des roses ;
Mais j'en avais tant pris dans mes ceintures closes
Que les noeuds trop serrés n'ont pu les contenir.

Les noeuds ont éclaté. Les roses envolées
Dans le vent, à la mer s'en sont toutes allées.
Elles ont suivi l'eau pour ne plus revenir.

La vague en a paru rouge et comme enflammée.
Ce soir, ma robe en est toute embaumée.
Respires-en sur moi l'odorant souvenir.

Hoa Hồng Saadi

Sáng nay hái hoa hồng, anh yêu dấu!
Hoa quá nhiều giây áo buộc đứt hai
Theo gió cuốn nụ hồng lả tả bay

Sóng biển dạt hoa trôi không trở lại.
Sóng sắc đỏ màu hoa như lửa rực
Áo chiều nay em sực nức mùi hồng

Trên da thơm anh hãy thở hương nồng
Để mãi nhớ hương tình đầy kỷ niệm.

Traduit par Lý Lãng Nhân
4 août 2002

The Roses of Saadi

I wanted you to have roses this morn,
And stuffed a lot of them in my snug dress,
In my tight belt I could not all shoehorn.

The knots gave way, and threw them all around,
To wind and sea they were all gone forlorn
To flow with water, never will come round.

The waves were crimson red as if on fire.
This eve my dress is drenched in their fragrance,
Breathe it on me and to your heart's desire.

Translated by Thomas D. Le
12 August 2002

Les Séparés

Marceline Desbordes-Valmore

N'écris pas - Je suis triste, et je voudrais m'éteindre
Les beaux étés sans toi, c'est la nuit sans flambeau
J'ai refermé mes bras qui ne peuvent t'atteindre,
Et frapper à mon coeur, c'est frapper au tombeau
N'écris pas !

N'écris pas - N'apprenons qu'à mourir à nous-mêmes
Ne demande qu'à Dieu ... qu'à toi, si je t'aimais !
Au fond de ton silence écouter que tu m'aimes,
C'est entendre le ciel sans y monter jamais
N'écris pas !

N'écris pas - Je te crains; j'ai peur de ma mémoire;
Elle a gardé ta voix qui m'appelle souvent
Ne montre pas l'eau vive à qui ne peut la boire
Une chère écriture est un portrait vivant
N'écris pas !

N'écris pas ces mots doux que je n'ose plus lire :
Il semble que ta voix les répand sur mon coeur;
Et que je les vois brûler à travers ton sourire;
Il semble qu'un baiser les empreint sur mon coeur
N'écris pas !

Những Kẻ Xa Nhau	**Asunder**
Đừng viết nữa! Em buồn, em muốn chết	Do not write - I am sad and just wish to expire.
Hè đẹp xinh, anh vắng, chỉ đêm đen	Lovely summers without you are but a dark night.
Vòng tay em quàng lại chẳng tới anh,	I have closed up my arms, which can no more reach you,
Tay đấm ngực, như đấm mồ hoang lạnh	And to strike at my heart is to strike at the grave.
Đừng viết nữa!	Do not write!
Đừng viết nữa! Biết rằng cho đến chết	Do not write - Let us learn for ourselves how to die.
Ôi, hỡi Trời… hỡi anh biết, em yêu!	Ask only God... and to yourself if I loved you!
Dù vắng anh, em vẫn hiểu anh yêu	In your absence's depth to hear that you love me
Như cảm thấy trời cao chưa với tới	Is to hear heaven without ever getting there.
Đừng viết nữa!	Do not write!
Đừng viết nữa! Em sợ trong tiềm thức	Do not write - I fear you, and too my memory;
Giọng nói quen anh vẫn gọi tên em	It keeps the voice that calls often to me.
Suối nguồn kia đâu uống được hở anh!	Do not show one running water who cannot drink.
Cho nét chữ thành dáng người sống động	A dear handwritten word is like a live portrait.
Đừng viết nữa!	Do not write!

Đừng viết lời ngọt ngào không dám đọc Như tiếng anh vương vãi khắp tim em Lời anh như lửa bỏng, nụ cười êm Chiếc hôn đó đốt hằn tim em cháy Đừng viết nữa!	Do not write me sweet words I no longer dare read. It seems your voice spreads them upon my heart And that I see them searing through your smile, It seems a kiss imprints them on my heart. Do not write!
Traduit par Lý Lãng Nhân Madison, AL, 2 juillet, 2007	Translated by Thomas D. Le 30 June 2007

L'Amour

Marceline Desbordes-Valmore

Vous demandez si l'amour rend heureuse;
Il le promet, croyez-le, fût-ce un jour.
Ah! pour un jour d'existence amoureuse,
Qui ne mourrait? la vie est dans l'amour.

Quand je vivais tendre et craintive amante,
Avec ses feux je peignais ses douleurs:
Sur son portrait j'ai versé tant de pleurs,
Que cette image en paraît moins charmante.

Si le sourire, éclair inattendu,
Brille parfois au milieu de mes larmes,
C'était l'amour; c'était lui, mais sans armes;
C'était le ciel. . . qu'avec lui j'ai perdu.

Sans lui, le cœur est un foyer sans flamme;
Il brûle tout, ce doux empoisonneur.
J'ai dit bien vrai comme il déchire une âme:
Demandez-donc s'il donne le bonheur!

Vous le saurez: oui, quoi qu'il en puisse être,
De gré, de force, amour sera le maître;
Et, dans sa fièvre alors lente à guérir,
Vous souffrirez, ou vous ferez souffrir.

Dès qu'on l'a vu, son absence est affreuse;
Dès qu'il revient, on tremble nuit et jour;
Souvent enfin la mort est dans l'amour
Et cependant….oui, l'amour rend heureuse!

Tình Yêu	Love
Tình đem hạnh phúc tới không?	You asked if love makes one happy.
Tình mang lời hứa dù trong một ngày	His promise's yes, be it for a day.
Một ngày đã biết yêu ai	Ah, who wouldn't want to live one day for love
Dẫu ta có thác, cuộc đời đã yêu	Then die? For life does live in love.
Tình em tha thiết đã nhiều	As lover full of gentleness and fear,
Lửa tâm thiêu đốt một chiều đớn đau	With his fires I painted his suffering,
Hình ai em trút lệ sầu	On his portrait I shed so many tears
Đã nhòa nét mực sắc mầu cũng phai	That his image became much less charming.
Nụ cười ai lóe trên môi	If smile, that unexpected gleam,
Qua bao nước mắt còn ngời ánh sao	Broke out sometimes amid my tears,
Tình nghe sắc bén không dao	It was love, unarmed, it was him,
Một trời tôi đã lạc vào biệt tăm	And heaven with him disappears.
Tình không: tim vắng lửa hồng	Deprived of love, the heart's icy.
Êm như độc dược mà lòng cháy thiêu	Yet he burns all, and poisons all.
Hồn tôi rách nát đã nhiều	He sure knows how to rend a soul.
Xin ai đừng hỏi tình yêu nhiệm mầu?	Ask him if he makes one happy!
Người ơi, biết trước hay sau:	You'll know, whatever may occur,
Tình là chủ tể có cầu hay chăng	That love will win by force or grace;
Để trong cơn sốt lâu lành	And in the slow-healing fever he made
Ta gieo nỗi khổ, hay giành thương đau	You will suffer and make others suffer.
Tình xa khơi động mạch sầu	Once found, his absence is torture,
Tình về run rẫy giọt châu đêm ngày	And when he's back, one shakes every hour.
Nhiều khi tình chết trong tay	Often it's death that lives in love.
Thế mà hạnh phúc từ ngày yêu anh	And yet, love does make one happy.
Traduit par David Lý Lãng Nhân	Translated by Thomas D. Le
Madison, 13 July, 2007	13 July 2007

Finally, for many years Desbordes-Valmore was a performing artist. Many poems were set to music by various composers over the decades, sung, recorded in CD, broadcast, and discussed on Radio France. Here is one on The Roses of Saadi.

Les Roses de Saadi was set to music by Jacques de Fontenailles.

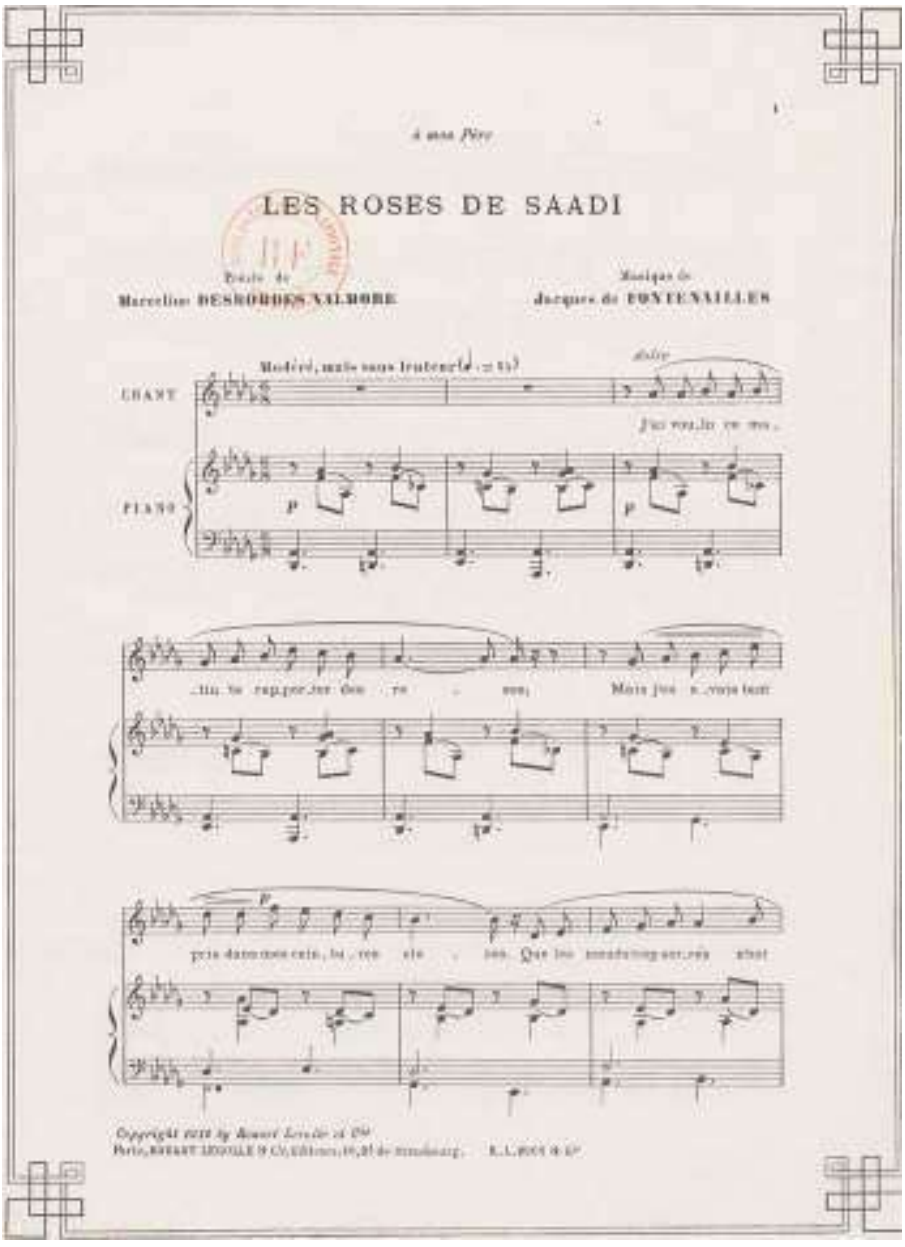

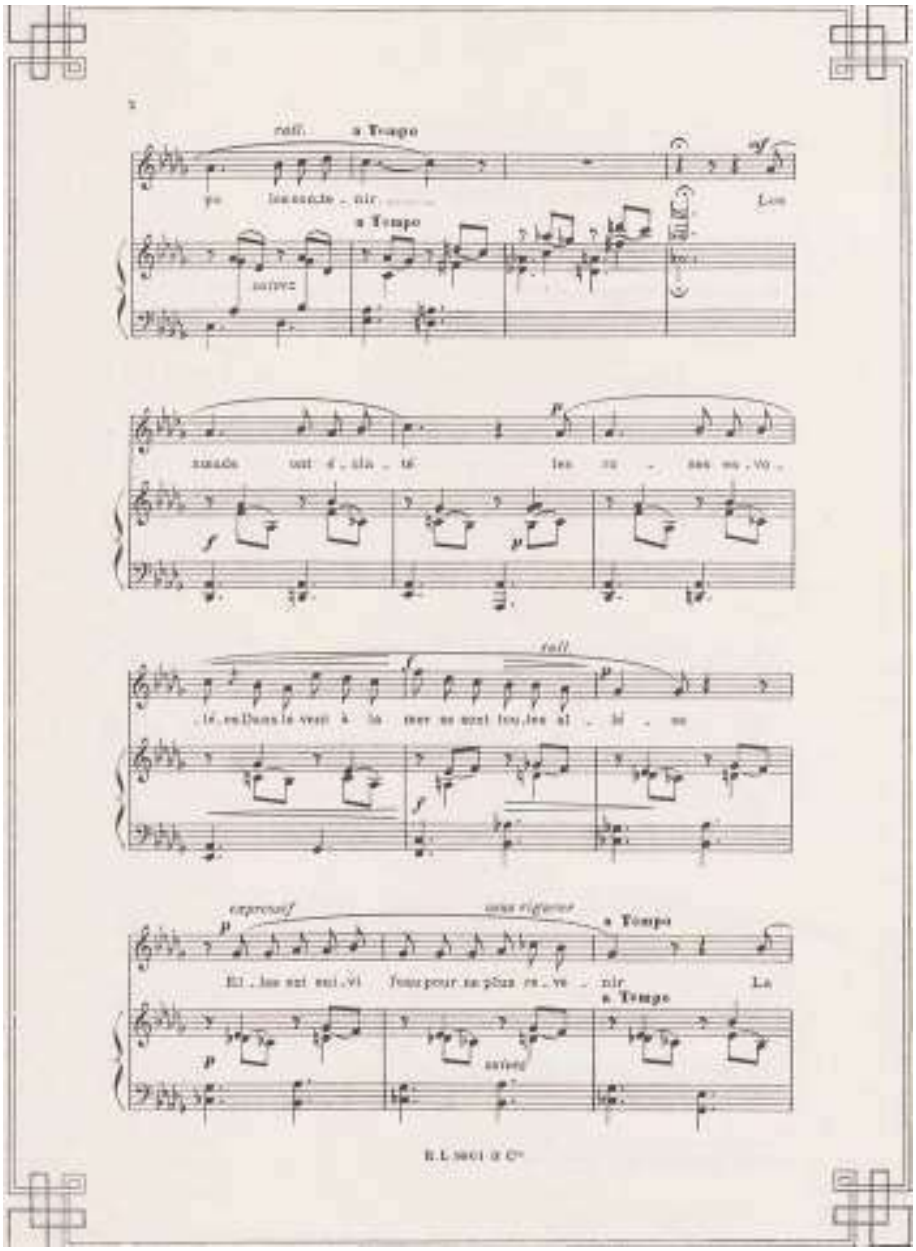
rall.
a Tempo
a Tempo
suivez
rall
expressif
sans rigueur
a Tempo
a Tempo
suivez

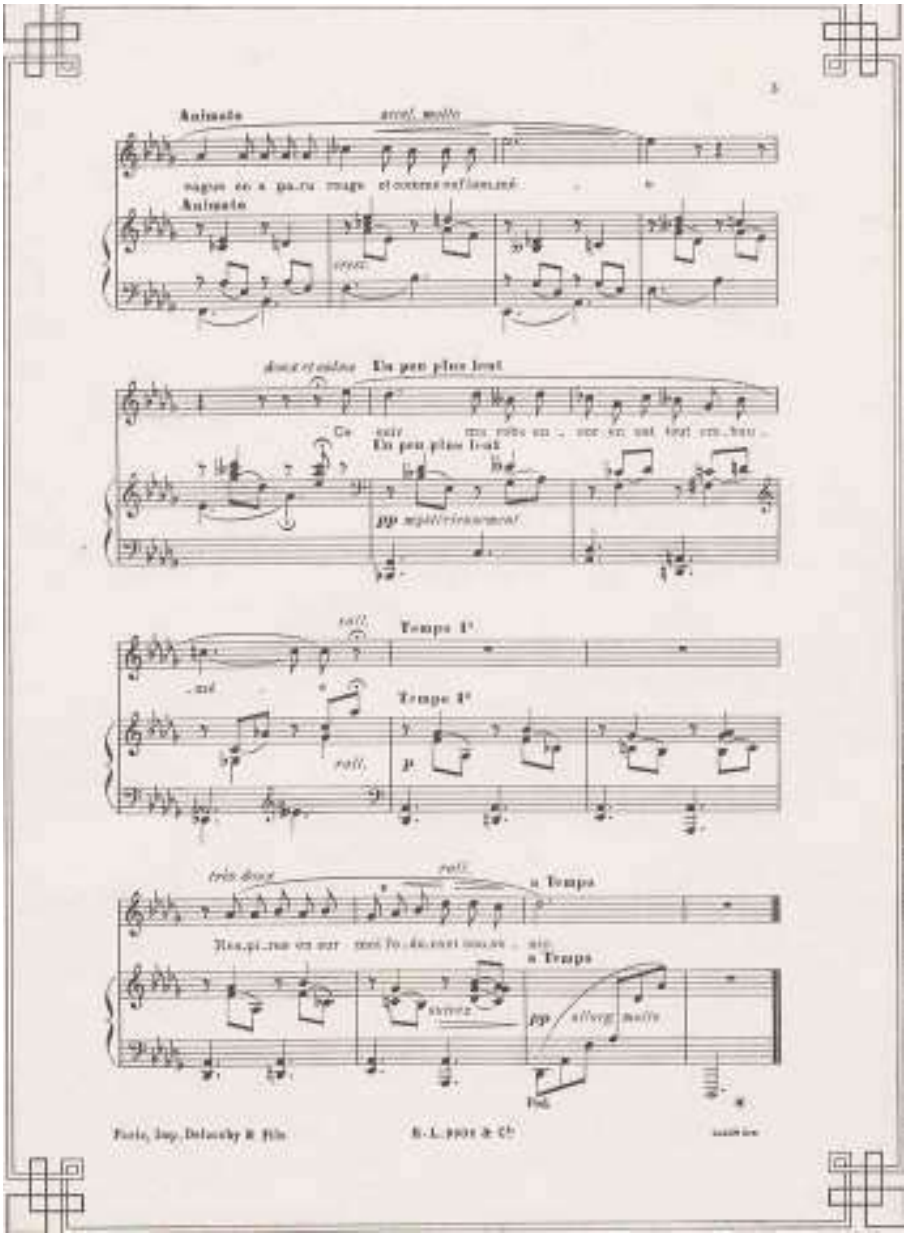

Back to Contents

“Cảm Hoài Mỹ Nhân Ngư”

Khuất Duy Tường

“Cảm Hoài Mỹ Nhân Ngư” là một bài thơ được cảm tác từ một cuộc du ngoạn xứ Đan Mạch vào năm 2019 với cộng đồng người Việt Paris, vào thời điểm chúng tôi đến chiêm ngưỡng Tượng Nàng Tiên Cá nổi tiếng (một biểu tượng văn hóa của đất nước Đan Mạch), xõa tóc u buồn ngồi trên tảng đá ởbến cảng Copenhagen tại Langelinie, lặng nhìn xuống vịnh Oresund.

Tượng nàng tiên cá Little Mermaid lạ một tuyệt phẩm điêu khắc để minh họa và lưu niệm truyện thần thoại The Little Mermaid của văn hào Đan Mạch Hans Christian Andersen.

Bức tượng được tài trợ bởi doanh nhân người Đan Mạch Carl Jacobsen (1842 - 1914 - người sáng lập hãng bia Carlsberg), thực hiện bởi nhà điêu khắc lừng danh Edvard Eriksen (1876 - 1959) và khánh thành ngày 23 08 1913.

Bức tượng Nàng tiên cá, biểu tượng văn hóa Đan Mạch đã vượt đại dương để dự Triển lãm Thế giới Thượng Hải từ 01/5 đến 31/10/2010.

https://www.youtube.com/watch?v=8bH3JZoQg74

The Little Mermaid Leaves For China EXPO

Tượng Mỹ nhân ngư ngồi xõa tóc cô đơn trên phiến đá, nét u buồn và lãng mạn, chỉ cao 1,25 m và nặng 175 kg, đã khiến tôi nhớ lại cốt chuyện thần thoại lâm ly của Andersen đã có lần đọc qua, nhưng lần này trở lại trong ký ức, vô cùng thấm thía trước bức tượng tuyệt vời này, một đối tượng « sống » mục sở thị, làm tôi muôn phần xúc động, gây cảm hứng viết bài thơ này, để biểu lộ niềm xót xa xuất phát tận đáy lòng và chia sẻ với những bạn đồng hành du ngoạn lúc bấy giờtrong khuôn khổ một chương trình văn nghệ.thi ca.

Các bạn có thể vào đường dẫn dưới đây để:

1/ đọc lại cốt chuyện thần thoại Nàng Tiên Cá này (Việt, Anh, Pháp ngữ) qua những đường dẫn dưới đây

https://truyencotich.top/doc-truyen/nang-tien-ca

http://coachcenglish.weebly.com/uploads/1/3/3/7/13371658/hcas_the_little_mermaid.pdf

https://eduscol.education.fr/document/28861/download

https://www.pdfdrive.com/fairy-tales-illustrated-barnes-noble-classics-d192009637.html

2/ xem video Theatre (một tài liệu đặc sắc)

The Little Mermaid #Shelley Duvall's Faerie Tale Theatre

https://www.youtube.com/watch?v=iMuBPz4O5Oc

La petite sirène 2018 (Film complet en Français)
https://www.youtube.com/watch?v=vSFppRWcxO8

3/ Xem phim hoạt hình truyện cổ tích Nàng tiên cá dành cho thiếu nhi

https://www.youtube.com/watch?v=hJ1P2xFfUyA

Nàng Tiên Cá Nhỏ Aria Phim | Truyện cổ tích Việt Nam | Phim hoạt hình cho trẻ em. ■

Khuất Duy Tường

Lyon, France

Back to Contents

A có phải thật là A hay không?

Nguyễn Văn Ưu

1. Ngôn ngữ của Hủ Tiếu và Phở

Theo hiểu biết thông thường, hương vị và chất liệu của bánh phở và bánh hủ tiếu khá giống nhau, mặc dù trong chữ nghĩa người ta thường nói bánh phở chứ ít khi nói bánh hủ tiếu. Cũng như chữ nghĩa hỗn hợp của phở và hủ tiếu thường khác nhau, và quan trọng nhất là phở ưa đi đôi với thịt bò, trong khi hủ tiếu thì thường thường lại không. Có thể kể chữ nghĩa hỗn hợp của phở, tức tên món ăn dùng đến (bánh) phở như nguyên liệu chính, gồm có: phở bò, phở tái, phở nạm, phở gà, phở gà chặt, phở sốt vang, phở đặc biệt, phở vò viên, phở chua, phở áp chảo, phở tái lăn, v.v.. Trong khi, những món ăn dùng hủ tiếu có thể kể như: hủ tiếu (thịt heo), hủ tiếu gà da dòn, hủ tiếu gà cá, hủ tiếu nam vang, hủ tiếumỹ tho, hủ tiếu khô, hủ tiếu bò kho, hủ tiếu đồ biển, hủ tiếu tôm thịt, hủ tiếu hoành thánh, hủ tiếu xào, v.v..

Muốn biết từ nguyên của phở, có lẽ phải tìm gốc gác của chữ hủ tiếu trước, và chữ nầy, nhất là chữ hủ và ngữ âm [hủ] thật ra rất phức tạp. Theo âm Quảng Đông, hủ tíu đọc là [gwo tiu] 粿條, còn được xem như bánh saa hor fan (sa hà phấn), cắt thành từng sợi. Tiếng Quảng saa hor fan viết bằng 沙河粉 mang nghĩa thường dùng là loại bánh làm hủ tiếu xuất phát từ thị trấn Saa Hor (Sa Hà / cát - sông) ở Quảng Đông, có lẽ giống như kiểu giải thích bánh giầy xuất phát từ Phủ Giầy (Nam Định), hoặc chợ Bà Chiểu là chợ do một bà tên Chiểu thiết lập. Âm tiếng Việt của 粿條 [kue tiâu] (âm Phúc Kiến), tức củ tiếu / hủ tiếu, là quả điều, quả điêu, hay quả thiêu, cũng không mở thêm ra được một chìa khóa nào khác về ngữ nghĩa. Trong khi trên ngữ âm, rất khó móc nối chữ hủ trong hủ tíu, tức kway teow (粿條) tiếng Triều Châu, với âm quan thoại 粿 [guo] hoặc Phúc Kiến [kue] hay Triều Châu [kway] và Quảng Đông [gwo]. Những ngữ âm nầy, nhất là [kue] Phúc Kiến, gần với củ (củ tíu) hơn là hủ (hủ tiếu). Trong chữ saa hor fan (沙河粉 [sha he fen]), 沙 [saa] mang nghĩa cát mịn, 河 [hor], sông, và 粉 [fan], nghĩa bún hay miến, với các nghĩa khác là trắng, hay bột tán nhỏ, v.v.. Còn quả trong quả điêu (粿條), tức hủ tíu hay củ tiếu, mang nghĩa như bánh làm bằng bột gạo, và tíu (tiếu) 條 [tiao], có nghĩa là sợi nhỏ và dài. Như vậy, hủ tiếu có thể mang nghĩa khá đầy đủ nếu tra chữ Hán, từ các quyển tự điển, với, xin lập lại, hủ (粿) trong hủ tiếu, mang nghĩa bánh làm bằng bột gạo, và tiếu (條) nghĩa sợi nhỏ và dài. Nhưng bánh hủ tiếu saa hor fan giải thích bằng thứ bánh bột gạo rất mịn xuất phát từ thị trấn Sa Hà thì ngữ từ chỉ lộ ra được ngữ nghĩa qua chỗ xuất xứ của thức ăn, chứ không có chất cốt lõi của ngữ nghĩa.

Từ đồng âm cho chữ sa hà (沙河) trong 沙河粉 (saa ho fan), theo nguyên tắc ăn khớp, có thể là hai từ 紗 [saa] và 哈 [haa] phát âm theo tiếng Quảng Đông. Từ 紗 哈 [sa hà] mới nầy có phát âm y hệt như 沙河 [sa hà] cũ, dùng trong 沙河粉 [sa hà phấn] tức bánh hủ tiếu, tuy có khác chút ít trong các tiếng phía Bắc. Nếu đưa hai từ 紗 [saa] và 哈 [haa] nầy vào thay chỗ cho 沙 [saa] và 河 [hor] trong saa hor fan 沙河粉, tức bánh hủ tíu, âm mới sẽ là [saa haa fan] viết như 紗哈粉. Hai chữ sa hà (紗哈) ở đây mang nghĩa khác với sa hà (沙河) thường ghi trong sách báo, để chỉ bánh củ tiếu sa hà phấn (沙河粉). Từ 紗 [saa] mới nầy mang nghĩa thích hợp với bánh sa hà là lớp lụa mỏng và mịn, rất hợp với 哈 [haa], cũng mang nghĩa gần giống là vật uốn cong, hoặc đồ dệt bằng da thú, như dạ, nỉ, nhung. Có thể, bởi hai từ 紗 [saa] và 哈 [haa] mang nghĩa vật thể giông giống với nhau nên thường khi người ta vẫn dùng chỉ một từ thứ hai là 哈 [hà] để ghép với 粉 [phấn], thành ra 哈粉 [hor fan] ([haa fan]), dùng để chỉ bánh hủ tiếu (saa hor fan). Và nếu tra Wikipedia sẽ thấy từ 3 âm sar hor fun rất thường có thể gọi tắt là hor fun, đủ nghĩa với ngữ âm [hor] ứng với chữ 哈 [haa] có nghĩa như vật uốn cong, hoặc đồ dệt bằng da thú, như dạ, nỉ, nhung. Xin nhấn mạnh là chỉ dùng âm mà thôi, chứ khi viết lại viết với chữ 河 [hà]

mang nghĩa sông, 河粉 (hà phẩn). Như vậy điểm chính yếu là Bánh hủ tiếu trước khi cắt thành sợi sẽ có hình dáng giống như một xấp vải lụa hay nhung. Hình ảnh đính kèm cho thấy bánh hủ tíu hay trong dạng vừa mới làm, trước khi cắt nhỏ thành sợi trông rất giống một xấp vải trắng. Và quan trọng là bánh saa har fan có thể viết tắt là har fan mặc dù viết với chữ Hán 河粉 trên các bao bì, nhưng theo ngữ nghĩa thì nên viết 哈粉 [haa fan] hay [hor fun] (Quảng Đông) mới lột được ý nghĩa bánh trắng mịn như xấp vải nhung lụa trắng tinh (Hình 1 & 2).

Hình 1: Hủ tiếu chưa và đã thái sợi còn trong bao bì với tên 河粉 (hà phẩn)

Hình 2: Hủ tiếu chưa cắt trông giống xấp vải trắng mịn

Nếu triển khai ý niệm hủ tiếu trong dạng bánh vừa mới làm sa hà phẩn, chưa cắt thành sợi nhỏ, sang qua tới bánh phở sẽ thấy ngay bánh phở trước khi thái thành cọng, thành sợi, cũng giống y như bánh hủtíu, tức sa hà phẩn, hay hà phẩn, viết theo hai từ 哈粉, chứ không phải 河粉 như trên các bao bì. Nhìnvào chữ phở từ khía cạnh cận vị trong ngữ từ và ngữ nghĩa sẽ thấy phở không liên can trực tiếp đến thịtbò, thịt gà, hay thịt tái hoặc cả nước dùng, mà chỉ là bánh phở. Bởi từ phở đứng riêng ra khỏi phở bò, phở đặc biệt, phở gà, phở tái nạm, có thể hợp với những từ khác thành: phở sốt vang, phở áp chảo, phở

chua (dùng bao tứ và gan lợn), phở xào đồ biển, bánh phở, phở xào mềm, phở vò viên, v.v.. Tức phở có thể xem như tương đương với hủ tiếu, độc lập với bò hay gà, nhưng thường tránh thịt heo, tức hai chữ phở và thịt lợn không mang tính cận vị với nhau. Ngược lại, đôi khi có thể nghe chữ phở tiếu thay cho hủ tiếu. Món hủ tiếu bò kho, theo kiểu gọi Việt, người Hoa gọi là ngầu nạm phẩn (牛腩粉), hay theo tiếng Quảng Đông [ngau naam min] 牛腩麵 (ngầu nạm miến), tức phở thịt bò nạm, với thịt nạm thường dùng để chỉ thịt ở bụng (brisket), và như thế phở có thể xem như tương đương hay chiếm vị trí của 粉 [fen], tức phẩn hay phấn, và âm của phở có thể gần một thứ phát âm phương ngữ, như tiếng Wuxi1 ở Giang Tô, của từ 粉 đọc [feN] với âm cuối [N], nhẹ hơn [fen] quan thoại, và như thế rất gần âm [phở]. Nhưng kiểu đọ âm này cũng không thể đưa đến một thứ ngữ nghĩa trọn vẹn khi nói bánh phở (bánh phẩn), bởi bánh phở, trong ngữ nghĩa của từ phẩn, không có miêu tả của xấp vải nhung mịn như trong chữ sa hà phẩn hay hà phẩn, viết theo kiểu khác là 哈粉, phát âm như [hor fun] theo tiếng Quảng Đông. Dù vậy, rất có khả năng, theo mô hình ngôn ngữ cây và đất [1], âm [phở] giống âm [feN] (粉) theo giọng tiếng Ngô Việt, dùng với món hủ tiếu bò kho (ngầu nạm phẩn), có thể cho ra ngữ âm tiếng Việt [phở], với ngữ nghĩa chính là bánh phở, và những ngữ nghĩa hỗn hợp dùng để chỉ những món ăn dùng đến bánh phở là nguyên liệu chính.

Du khách đi tham quan các tỉnh miền Trung hay Tây Bắc nước Trung Hoa như Hồ Nam (Hunan), Thiễm Tây (Shaanxi), Hồ Bắc (Hubei), Cam Túc (Gansu), sẽ thấy người ta có thể gọi một thứ hủ tíu không phải làm bằng bột gạo là 肤 [fở], với phát âm rất giống phở tiếng Việt, nhất là phát âm tiếng Hẹ [fu]. Âm [phở] đó dùng để chỉ loại mỳ có thiết diện hình dẹp chứ không phải tròn và có màu sắc khôngphải màu trắng của bột gạo, gọi nguyên chữ là 膚麵 [fu mien]. Trước khi thái thành sợi, đó là một thứbánh phở trông giống như xấp da. Và da tiếng Hán gọi là [fu] 膚 (hoặc 肤), phát âm gần như y hệt vớiphở tiếng Việt, trên vài phương ngữ kể cả tiếng phổ thông. Âm tiếng Hẹ cho 膚 hay 肤 [fu] giống như feu tiếng Pháp thêm vào dấu hỏi [fẻu], tức gần như phở. Nhiều phương ngữ khác có âm [fu] hay [phu] giống y như phiên âm Hán Việt phu cho từ 膚 [fu] mang nghĩa da. Âm KUN tiếng Nhật (âm bản địa) của từ 膚 [fu] (da) nầy là はだ [hada] có [da] rất giống da, và da có lẽ cùng gốc với âm cuối [bya] củachữ [ə-yei-bya] tiếng Myanmar mang nghĩa da. Có nhiều từ trong tiếng Trung dùng để chỉ da: 皮 [pi], 膚 hay 肤 [fu] và 肌 [ji], thường xuất hiện từng cặp như 皮膚 [pi-fu] hay 肌膚 [ji-fu]. Đặc biệt âmtiếng Thai dùng để chỉ da là [piw] hay [phiu], rất giống [pi] 皮 (tức bì) hay [phu] 膚. Tiếng Pháp peau,tiếng Tây Ban Nha (Spanish) piel, cũng hao hao giống âm [pi] 皮. Cả hai chữ 膚 [fu] và 肌 [ji] ngoàinghĩa da còn mang nghĩa thịt. Để ý hội chứng 3T (Tam Thiên Tự) có thể đã cho biết và chỉ dẫn rằng từ "Hán Việt" chính thức và chuẩn để chỉ da là bì (皮 [pi]). Có thể vì lí do nầy tất cả tự điển chữ Nôm chotừ phở không thấy xứ dụng Hán tự 膚 (hoặc 肤) [fu], mang phát âm rất gần với [phở] trong nhiềuphương ngữ. Một lí do khác nữa là món phở theo nhiều tin liệu trên mạng chỉ xuất hiện vào cuối thế kỉ 19 hoặc đầu thế kỷ 20, đúng vào thời điểm bắt đầu việc xuống dốc của chữ Nôm, một thứ chữ viết chỉ có giới ê-lít mới thông thạo, dù rằng giới ê-lít nước Nam từ ngàn xưa ít khi để ý đến mối liên hệ giữa chữ nghĩa, nhất là chữ Nôm, và ẩm thực cũng như các món ăn, nhất là những món ăn dân dã.

Bánh phở với phở tức là 膚 [phu], mang nghĩa thứ bánh trông giống như xấp da (trừ đi màu sắc), tương ứng với xấp vải trắng, tượng hình cho bánh hủ tiếu. Thứ quan sát các chiều hướng khác nhau có thể đồng qui ở chỗ bánh phở chính là bánh trông giống xấp da mịn. Lối làm bánh phở từ việc thái thành từng sợi một xấp bánh cũng khá giống cách làm pasta tức mỳ Ý sau khi cán bột nhồi thành một tấm giống như tấm da. Cũng cần để ý là khi nói tới bánh phở hay hủ tíu, hoặc ngay cả mỳ, tiếng Hoathường muốn chỉ đó là [mien] 麵 (viết kiểu đơn giản: 面) mà tiếng Việt thường dịch là mì và miến, vớingữ nghĩa khác nhau. Trong tiếng Việt, Mì liên hệ đến chữ 麵 [mi] phát âm theo tiếng Triều Châu, mang nghĩa mì làm với trứng, và miến, mang nghĩa bún sợi nhỏ, thường làm bằng đậu, tức bún tàu. Chữ tàu ở đây là một âm của chữ đậu, giống như đậu phụ / tàu hũ. Để ý hũ trong tàu hũ chính là phụ

trong đậu phụ, và tương tự, theo biến chuyển giữa âm [h] và [ph] thì hủ trong hủ tiếu có thể ứng với phở. Nhưng khi dùng tiếng Hoa, phải hiểu mien (麵) dùng để chỉ chung cả mì, bún, hủ tiếu, phở, tứcgiống y như chữ noodle tiếng Anh. Người sành ăn mì, tức mien, thường phân biệt mì ở cách làm, và cóhai thứ chính. Một thứ là làm thành một xấp bánh rồi thái nhỏ, như kiểu bánh phở, bánh sa hà (hủ tiếu),hay ngay cả pasta, và cách thứ hai là làm thành một cuộn bột nhão rồi từ đó kéo ra, rồi kéo đi kéo lại, thành chùm sợi nhỏ trước khi trụn nấu trong nước sôi.

Hình 3: Hình ảnh một anh chef ở Xi'An đang làm kẹo kéo, kéo thành từng sợi.

Hình 4: Hình ảnh một chef đang làm phở kéo sợi ở Sydney. Giống kiểu kéo kẹo ra thành sợi (Hình 3), nhưng làm mì kéo sợi phải làm trên một mặt phẳng có trải bột.

Mì kéo sợi, tiếng Hoa gọi là 拉麵 [la mien], với [la] mang nghĩa chính là kéo. Tiếng Nhật gọi đó là ramen (らあめん), mì ramen, hoặc tiếng Hàn là [ramyeon] hay [lamyeon] (라면) với âm [l] (la) biến chuyển tự nhiên với âm [r] (ra), [la-mien] và [ramen]. Ramen hay ramyeon chỉ là tên gọi dựa theo la-mien (拉麵), chứ không phải cùng một cách làm. Một trong những thứ mien nổi tiếng ở nước Trung,

nhất là ở miền Bắc, là miến Lanzhou (Lanzhou la-mien), thường làm với thịt bò hay cừu, có mùi vị rất giống phở nhưng có thể cay nồng với gia vị như cumin và ớt. Để ý món mien này luôn luôn dùng mì kéo sợi, tức la-mien, chứ không dùng mien từ bánh da (phở) hay bánh sa hà (hủ tiếu). Nhớ, bánh hủ tíuluôn luôn có màu trắng bột gạo trong khi bánh da (phở) ở Trung Hoa thường không phải màu trắng. Luôn luôn vẫn có những bát mien không làm bằng la-mien (mì kéo sợi) nhưng làm với mien cắt từ những thứ bánh da (tức fu-mien (膚麵)) làm bằng những nguyên liệu khác với bột gạo dùng trong bánhsa hà (hủ tiếu), sha he fen. Cách đây khoảng 20 năm tại giữa Sydney CBD có một tiệm ăn khá hoành tráng có bán món phở cải tiến dùng la-mien (pull noodles), tức mì kéo sợi, làm tại chỗ. Thực khách đặt món phở này phải đợi ít lắm là 15 phút thì họ mới kéo xong sợi phở và cho vào nồi nước sôi để chuẩnbị cho bát phở. Một ý kiến khá độc sáng về ẩm thực nhưng tiếc không phải sáng kiến thương mại khả thi.

Thứ xem lại chữ hủ trong hủ tíu. Trong tiếng Việt, có vẻ chữ hủ nầy khó có liên hệ đến củ trong củ tiếu ráp vần theo phát âm [go diao] hay [kue diao] 粿條, tiếng Phúc Kiến, hay [gue dieu]/[kway teow] Triều Châu, [kwo tiau] hay [go tiau] Hẹ, [ku diau] Ngô, và [guo tiao] hoặc [hua tiao] Quan Thoại, và ngay cả tiếng Hán Việt [quả điêu] hay [quả điều] (mang liên hệ rất nhiều với âm tiếng Hẹ và Tiều) (xem [2][3]). Chữ hủ nầy tương ứng với âm [quả] 粿 (bánh bột gạo) phiên thiết từ chữ [quả] 果 (trái) có nghĩa chínhlà trái, trái cây. Có người ghi trên mạng là tiếng Việt có âm [hủ] tương đương với âm [quả]. Chuyệnnầy có lẽ bắt nguồn từ vị trí tương ứng giữa hủ tiếu và quả điều, cả hai đều viết 粿條 [guo tiao], và hủtương ứng với quả. Trong nhiều ngôn ngữ, chữ fruit (quả/trái) thường mang tính chùm ngữ nghĩa dính nghĩa với nhau qua mô phỏng trường. Những ngữ nghĩa của từ quả ưa tập trung ở mô phỏng trường chung quanh việc trồng cây ăn trái rất dễ dẫn đến nguyên nhân và hậu quả (nhân quả), v.v.. Chữ 粿[quả] tức hủ trong [hủ tiếu] (để ý thinh khác nhau giữa [tiếu] và [điều] (quả điều)) mang nghĩa chính là bánh làm bằng bột gạo, có âm tương đương trong các phương ngữ là [gu] hay [ku] đọc theo âm Việt là [củ], như củ tiếu (粿條), và dựa âm trên chữ quả đơn thuần 果 [guo] nghĩa trái cây. Chữ củ trong tiếngViệt, như củ dền, củ năng, củ đậu, củ sen, củ khoai, tương đương với root tiếng Anh rất có khả năng chính là chữ 果 [guo], phát âm theo các phương ngữ là [ku] hay [gu], tức một loại quả mọc tại rễ, haycủ là rễ cây ăn được. Chữ củ nầy cũng có thể cùng gốc với chữ 厚 [gao] phát âm tiếng Triều Châu, mang nghĩa tiếng Tiều là củ, có phát âm ON tiếng Nhật (phiên âm tiếng nước ngoài) là コウ [kō], cũnggần với củ.

Cần nhấn mạnh là âm [hủ] trong [hủ tiếu] (粿條) không có âm đầu [h] giống như vậy trong nhiều phương ngữ phía Bắc, ứng với từ 粿 [gwo] (quả), nhất là trong tiếng Ngô Việt ở khu Thượng Hải, Chiết Giang [2]. Nhưng ngược lại âm [hủ] có biến chuyển qua lại với [phụ] có âm đầu [ph] như: tàu hủ <=> đậu phụ (豆腐 hay 豆脯), và như vậy, hủ tiếu trong âm tố, có khả năng biến chuyển qua lại với phở tiếu. Chữ hủ tiếu viết theo 粿條 [guo tiao] không có âm tương ứng với [hủ] (粿) trong các tiếng ở khu vực Thượng Hải / Chiết Giang [2], có lẽ với lí do là những nơi nầy, vào ngày xưa, không có dùng hay biết đến thứ mì sợi dẹp làm băng bột gạo, gọi là hủ tiếu.

Chữ quả hay củ (粿) nầy, mang nghĩa thường dùng là noodle, tức mien, khác với một chữ khác thường dùng trong tiếng Triều Châu là 餜 [gue], mang nghĩa là bánh (thường dùng bột gạo), và nổi tiếng là món bánh xếp Triều Châu (Chaozhou fen guo 粉餜), dùng chữ 餜 [guo] nầy, thường có ở các tiệmYum-Cha hay Dim-Sum. Trong tiếng Hoa có nhiều chữ khác nhau dùng để chỉ bánh, trong đó có 餅[beng] đọc theo tiếng Quảng, rất gần với phát âm quốc ngữ bánh. Chữ 餅 [beng] (bánh) nầy đọc theo tiếng Phúc Kiến là [pía], chính là chữ pía trong bánh pía rất phổ thông bốn mùa, và rẻ hơn bánh trung thu. Chữ quả trong quả điều tức hủ tiếu mang nhiều dấu vết tiếng Tiều chỉ bánh, và như vậy hủ tiếu (củtiếu/quả tiếu) mang nghĩa cốt lõi là bánh cắt ra sợi ([tiếu]= [tiao] 條= sợi). Như vậy chữ tiếu sẽ tương

ứng với chữ mien trong fu mien (膚麵), mì làm từ bánh da, trong khi hủ tương đương với fu (膚), tức bánh da. Liên kết hủ tiếu (粿條) với hà phẩn (河粉 hay 哈粉), sẽ thấy hủ (粿) liên hệ với hà (哈), trong ngữ nghĩa lẫn ngữ âm qua trung gian của chữ fu (膚) tức phở. Tra các tự điển về phương ngữ có trên mạng, sẽ thấy âm [phu] tức phở của chữ 膚 [fu], có phát âm [hu] tức hủ trong các tiếng Triều Châu và Phúc Kiến. Cũng giống như đậu phụ (豆腐) tức [dau fu] tiếng Quảng, có phát âm [tao hu] (tàu hũ) theotiếng Tiều. Cũng ở lí do nầy, thi thoảng người ta có thể nghe phở tiếu thay vì hủ tiếu. Từ đó, có thể thấybánh phở tương đương với hà phẩn, và bánh hủ, trong khi hủ tiếu chính là bánh hủ hay bánh phỏ cắt thành từng cọng nhỏ,

Nếu bánh phở không cắt ra thành những cọng nhỏ và dẹp, mà lại cắt thành những ô vuông, chừng 2-3 phân (1 inch) thì sẽ có bánh đa, với âm chữ đa có thể biến chuyển qua lại với âm chữ da, theo kiểu qua lại giữa tiếng Mường và Việt, như đăm pa (Mường)= dăm ba (Việt), đầu chẩm (Mường)= dầu chẩm (Việt) [4], hoặc ngay trong tiếng Việt: cây đa = cây da. Món bánh đa tôm cua là một món ăn giống như bánh canh, tức có nước dùng. Trong khi chữ bánh đa có thể dùng như bánh tráng, và cả hai chữ đa và tráng, trong bánh đa / bánh tráng, đều mang nghĩa như trang mỏng, giống như trang giấy. Bánh đa thường đồng nghĩa với bánh tráng, với chữ đa có âm gần âm Triều Châu [dua] ứng với chữ 单 [dan] mang một nghĩa là sheet (tấm mỏng) giống như tráng (trang 张: sheet). Rất có khả năng, có nhiều nơiphải gọi bánh đa thay cho bánh tráng, để kị tên húy của Chúa Trịnh Tráng (1577-1657) ở Bắc Hà.

Tóm tắt, có 3 thứ ngữ âm mang liên hệ với âm [phở] tiếng Việt. Thứ nhất là âm [fen] (粉) trong ngầu nạm phẩn (牛腩粉), tức hủ tiếu bò kho, với [fen] (粉) phát âm theo giọng Wuxi với âm cuối [N] rất nhẹ, [feN], cho ra âm [fe] rất gần [phở]. Thứ hai là âm [fu] ứng với 膚麵 [fu mien] mang nghĩa mì làm từ bánh da, với 膚 [fu] mang nghĩa là da. Và thứ ba là biến chuyển qua lại giữa âm [hủ] trong hủ tiếu, với âm [phở] theo kiểu biến chuyển giữa âm [hủ] và [phụ], giữa tàu hủ và đậu phụ (豆腐). Cần để ý đậu phụ cũng có thể viết như 豆脯 [đậu phủ], với chữ 脯 [fu][pu] cho ra các âm [phủ][bô] tiếng Việt, và [phu][bo] hay [hu] tiếng Hẹ [2], nhưng mang ngữ nghĩa rất khác với 腐 [phụ] trong đậu phụ (豆腐), mang nghĩa lên men, thối nát, mục rữa, và như thế chữ 脯 [fu] viết cho [đậu phụ] 豆脯, chỉ viết cho ra âm, chứ không kèm theo ngữ nghĩa, như đậu phụ (豆腐). Giống như kiểu viết sa hà phẩn (沙河粉) với sa hà (沙河) chỉ cho ra âm, chứ không kèm ngữ nghĩa như sa hà viết như 紗哈 [sha ha], như trình bày ở trên.

2. Tính Hữu Cơ của Từ Nguyên

Những lí giải trình bày trong loạt bài nầy cố gắng dựa trên quan điểm của phi-song-thể, tức một mặt, nhìn vấn đề từ những chiều hướng ít đề cập trong sách vở, và mặt khác xem lại các thứ tiền đề, thông thường được nhập chung với định đề và nguyên lý, qua trung gian của các phương pháp khoa học, như lô-gích, thực nghiệm hay thống kê. Trong quan điểm của phi-song-thể về khoa học, việc chứng minh một tiền đề bằng lô-gích hay thực nghiệm một cách hoàn hảo vẫn không có nghĩa tiền đề đó là chân lý, để rồi từ đó rút ra những hệ luận cho sự thật dựa trên lô-gích thông thường, hay ngay cả thứ lô-gích toàn bích toàn hảo như toán học. Bởi thật ra, khi dùng lô-gich hay thực nghiệm để chứng minh một tiềnđề, thì vấn đề sẽ mang tính cốt lõi của tính luân hoàn (convoluted), lập lại những gì đã đề ra trong tiền đề, chứ không hề đặt nghi vấn trên tiền đề, và tìm ra giải đáp cho nghi vấn bằng tất cả các phương pháp khoa học. Nghi vấn, nếu có, vẫn hoàn là nghi vấn. Với lí do chính và dễ hiểu là từ đầu đến cuối, tính chính xác của tiền đề vẫn thường không có đụng tới, hoặc phân tích mỗ xẻ một cách nghiêm túc và chi li. Cũng bởi tiền đề thông thường nằm dưới dạng tiềm ẩn (implicit) chứ không phải minh sắc (explicit) trong tiến trình khoa học. Nói một cách khác, nếu dùng tam đoạn luận của Socrates làm thí dụ, thì tiền đề dùng trong tam đoạn luận nguyên thủy (Mọi người đều chết), là một tiền đề có thể đồng hóa với sự

thật bất biến ở mọi nơi và mọi thời. Tiền đề kiểu nầy rất hiếm có trong tiến trình khoa học. Như vậy, những phương pháp khoa học dù là thiết yếu cho tiến trình khoa học, đưa đến kết quả khoa học thường biết đến, vẫn không thể là một thứ trọng tài tối hậu cho chân lý. Trên thực tế, trọng tài tối hậu cho chân lí thường được tính chung định thay thế và che mờ. Nói nôm na, chung định thường dính với mô pháp (paradigm), nói về một kết quả khoa học, thường liên quan đến nguyên nhân / hậu quả tuy có thể khác với kỹ thuật tối tân, nếu xuất phát từ giới khoa học gia hoặc giáo sư đại học thường dễ được quần chúng chấp nhận. Xin được nhắc lại, paradigm gọi nôm na theo tiếng Việt là mô pháp, là ý niệm triết học về khoa học, được Thomas Kuhn (1922-1996) giới thiệu vào năm 1962 với quyển The Structure of Scientific Revolutions (Cấu trúc của những cuộc cách mạng khoa học) [10].

Nếu thứ khai triển rộng ra ý niệm paradigm của Kuhn, có thể sẽ dẫn đến việc cho paradigm chính là thể chế định ra lối làm việc của khoa học gia, giống như thể chế chính trị cho cộng đồng công dân trong quốc gia. Như vậy, bản chất của mô pháp tuy giống nhưng có thể khác với khoa học, nhất là khi xem mô pháp như một thứ thể chế, mô pháp sẽ có nhiều cơ hội hơn khoa học trong dính dáng đến quyền lợi và quyền lực. Trong khi, quan trọng nhất của khoa học hay tinh thần khoa học là nghi ngờ, và nghi ngờcó vẻ không phải là chú tâm của mô pháp. Trái lại, là một thể chế cho khoa học, mô pháp sẽ tích cực quảng bá cho tính tin cậy của khoa học, thường tạo nên tính chung định cho những gì liên hệ đến khoa học. Chung định có thể xem như tương đương với chữ arbiter tiếng Anh, nhưng không giống nghĩa chính của arbiter là trọng tài hay người phán xét. Đặc biệt, tính chung định, tức chấp nhận kết quả khoahọc như gần với chân lí, thông thường mang tính cách tạm thời. Tạm thời có thể kéo dài cả thế kỉ, thành ra chung định có thể hiểu như vĩnh cứu, giống y như chân lí. Tính tạm thời nầy sẽ biến mất theo với một cuộc cách mạng, thay đổi thể chế, như trình bày trong quyển sách của Thomas Kuhn [10]. Còn có thể kể ra những đặc tính khác của mô pháp hiểu như một thể chế. Đó là, với lí do mang tính chung định của thể chế, mô pháp sẽ mang khuynh hướng chú tâm đến kết quả, hoặc các phương pháp khoa học, trong đó có chuyện chú tâm đến khẳng ngôn của các nhà khoa học "nặng ký".

Một đặc tính nữa của mô pháp (paradigm) là xem khoa học nào cũng giống khoa học nào. Không để ý đến khác nhau quan trọng của nhiều ngành khoa học. Có ngành, như y tế, mỗi ngày có hằng tỷ kết quả thực nghiệm khác nhau, hoặc có ngành, như hóa học điều chế hay bào chế vắc-xin, một tí sai biệt về cân lượng sẽ cho ra kết quả khác nhau. Nói chung, mô pháp rất thường sẽ không để ý đến các tiền đề, bắt đầu cho tiến trình tìm tòi của khoa học, hay giới hạn của ngôn ngữ khoa học, mà ngôn ngữ khoa học có thể xem như gói ghém tất cả những thứ ngôn ngữ dùng cho lí luận, và những bước suy luận dẫn đến kết quả khoa học, hay môi trường và ngôn ngữ dùng để trình bày những kết quả nầy. Như vậy, có thể cho là, đối với khoa học từng ngành sẽ có một thứ ngôn ngữ riêng biệt. Chất cốt lõi hay kiến thức tạo nên bởi khoa học, do đó sẽ tùy thuộc vào tiền đề và ngôn ngữ dùng để đạt đến kiến thức, cũng như giới hạn của ngôn ngữ. Cả hai thứ, tiền đề và ngôn ngữ, rất ít khi được trình bày trong mô pháp, mà lại có vẻ như không có trong ngôn ngữ của mô pháp. Có thể thấy, nguyên ủy của chuyện nầy là triết họcvề khoa học của Tây Phương, ngay từ thời Aristotle qua tam đoạn luận, không đặt tiêu điểm nằm ở tiềnđề, và thông thường hiểu tiền đề như nguyên lí cơ bản, biết đến như chân lí không cần chứng minh.Mặt khác, có thể nói trong mô pháp, lằn ranh giới phân biệt tiền đề, nguyên lí, giả định, sự kiện thường có, sự kiện có lâu đời, mô hình được chọn, có vẻ rất mơ hồ hay không được chuẩn định chính xác.

Thứ xem thí dụ trong câu nói rừng sâu có nhiều thú dữ. Câu nầy có thể đổi thành đi lạc trong rừng sâu gặp nhiều nguy hiểm. Và cả hai câu nói nầy có thể là lời dặn dò của cha mẹ cho con cái, hay kiến thức do người lớn truyền lại cho người trẻ, vào thời xa xưa, sống bên cạnh một cánh rừng. Thay đổi thêm một tí, thành một tiền đề cho tam đoạn luận: Những người đi lạc vào rừng sâu sẽ gặp nhiều nguy hiểm, sẽ thấy tam đoạn luận là một thứ ngôn ngữ lập lại một lời khuyên, lấy ra từ một túi khôn, nhưng được

thiết lập, và diễn dịch bằng một thứ ngôn ngữ khác. Như một tiền đề, "Những người đi lạc vào rừng sâu sẽ gặp nhiều nguy hiểm" không chứa tính chân lí vĩnh cứu, và cũng tùy theo tình huống. Tỉ như có rất nhiều người cùng nhau đi vào rừng sâu mang theo súng ống và bẫy bắt thú, v.v..

Lấy một thí dụ khác về ngôn ngữ dùng trong luận thuật (discourse) về khoa học, xoay quanh một nghịch lí (paradox) khá nổi tiếng của Zeno, nhà hiền triết Hy Lạp ở Elea (Zeno of Elea, khoảng. 490– 430 TCN), xem Wikipedia. Nghịch lí nói về cuộc chạy đua giữa người hùng Achilles và con rùa. Achilles cho con rùa chạy trước chừng 100 mét, rồi mới bắt đầu đuổi theo. Khi Achilles chạy được 100mét rồi thì con rùa đã chạy thêm một khoảng nữa, và cứ như thế kéo dài mãi mãi, đưa đến kết luận là Achilles sẽ không bao giờ bắt kịp với con rùa. Bởi giữa con rùa và Achilles lúc nào cũng có một khoảng cách, mặc dù có thể cực ngắn. Nghịch lý nầy được dựng theo ngôn ngữ của triết học về lập luận, chung quanh kiến thức về bắt kịp giữa hai vật thể chuyển động với tốc độ khác nhau, trong cùng một lộ tuyến (lane). Định nghĩa bắt kịp dùng trong ngôn ngữ bao hàm ý nghĩa là khoảng cách giữa hai vật thể đó phải tiến về zero (0) khi vật thể chạy nhanh bắt kịp vật thể chạy chậm (trên cùng một lộ tuyến). Nhưng nếu dùng một thứ ngôn ngữ tự nhiên, liên hệ đến trực thức (a-priori knowledge), tức kiến thức có thể biết ngay, và xem khoảng cách giữa hai vật thể khác nhau đặt ở cạnh bên nhau, như một tảng đá lớn nằm đè trên mui chiếc ô tô, thì khoảng cách cự (gap, discontinuity) giữa hai vật thể, không bao giờ có thể bằng với zero (0), dù hai vật thể khác nhau đó có chạy đua với nhau, một nhanh một chậm, trên cùng một lộ tuyến (lane), hoặc khi cả hai đều ở trong trạng thái tĩnh và nằm yên, một trên một dưới, sát cạnh với nhau.

Để ý, một khi nhấn mạnh đến tiền đề hoặc giới hạn của ngôn ngữ, có thể thấy ý niệm của Thomas Kuhn về paradigm shift (chuyển đổi mô pháp) có thể không thực sự là paradigm shift một khi nhiềutiền đề xứ dụng vẫn còn y nguyên, chưa hề đụng tới. Cần ghi là theo [10], paradigm shift (chuyển đổi mô pháp), thường xảy ra khi có thay đổi lối nhìn của thế giới (world view), và lối nhìn của thế giới không có nhấn mạnh đến tính quyền lợi và quyền lực của paradigm, cũng như toàn bộ của ý niệm về paradigm shift (chuyển đổi mô pháp) hoàn toàn không có tiêu điểm đặt ở tiền đề. Nói về tiền đề thì có thể nói tiền đề là một bộ phận của ngôn ngữ, và cũng có thể nói, tên gọi một sự vật hay một hiện thể cũng là một thứ tiền đề.

Một trong những quan sát thực nghiệm xứ dụng thường xuyên ở đây là mối liên hệ giữa quốc ngữ, tức lingua franca, và phương ngữ, và giữa chữ viết và tiếng nói, và cả hai mối liên hệ này lại đan xen và tương quan mật thiết với nhau. Có khả năng là có mối tương quan, theo quan sát thực nghiệm, giữa phương ngữ với "huyết thống của bộ lạc" thời xa xưa, nhưng rất khó diễn dịch rằng có mối tương quan mật thiết giữa tiếng mẹ đẻ và huyết thống tức DNA của từng cá nhân có tiếng mẹ đẻ đó. Sẽ mơ hồ hơn đối với diễn dịch cho ra rằng quốc ngữ (lingua franca), tức tiếng nói chính thức của một quốc gia, có thể dính liền mật thiết với huyết thống của dân tộc trong quốc gia. Nói một cách nôm na, ngôn ngữ mặcdù trên bề mặt hay qua quan sát thực nghiệm có vẻ tương ứng với huyết thống hay DNA của dân tộc, theo như kiểu liên hệ giữa thổ ngữ và bộ lạc, nhưng trên thực tế là không, với lí do đơn giản thu thập từquan sát thực nghiệm là thông thường không có một DNA đơn thuần cho một dân tộc, mặc dù vẫn có thể có "DNA-xã-hội", giống như meme, cho một cộng đồng hay một dân tộc. Nhất là đối với nhiều thứtiếng mà đa phần người xứ dụng không hề biết đến dạng chữ viết hay những ngữ nghĩa ẩn tàng saulưng chữ viết, hoặc ngay cả ngữ âm "chính xác" hoặc chuẩn. Vấn đề trở nên phức tạp theo cấp số nhân với sự ra đời của chữ quốc ngữ tiếng Việt, viết theo mẫu tự Latin, mang nặng tính định đề, nói ngắngọn là đối với từ vựng gọi theo ráp vần chữ quốc ngữ, A là A, tức tên gọi thường mang tính trơ, trên cơbản rất giống chữ Nôm, thường xứ dụng như một hệ thống kí âm, chứ không tiết lộ nhiều về những ngữnghĩa có thể suy từ lối viết chữ. Tính trơ của từ vựng tương phản với tính hữu cơ, với từ vựng có thể

mang dấu ấn, hoặc âm vị hoặc ngữ nghĩa chung quanh, cho biết liên hệ với những từ vựng khác trong ý nghĩa tổng quát hay ý nghĩa liên hệ với ví phỏng, thuộc chính tiếng đó hay những tiếng khác lân cận và xa xa. Thông thường, ý nghĩa hữu cơ ưa đi kèm với ý nghĩa ban sơ và chuỗi trình tiến hóa thay đổi, giống như sự sống, hay động thái của sinh hữu.

Thật ra lằn ranh giới giữa trơ và hữu cơ cũng rất mơ hồ. Nhưng cũng có thể để ý, tính hữu cơ của từ vựng thật ra chỉ có thể khám phá và truy tầm trong thế kỉ 21 mà thôi, với đủ thứ tin liệu có trên internet,chứ hầu hết những lí thuyết lớn về ngôn ngữ ngày trước vẫn dựa vào tính trơ của từ vựng, ứng với chữ arbitrary tiếng Anh. Có thể nói, các lí thuyết về ngôn ngữ phương Tây đều dựa trên tiền đề về arbitrary nầy. Điển hình là lí thuyết của Ferdinand de Saussure [11] đại khái cho rằng ngôn ngữ là một hệ thống bao gồm những dấu hiệu, âm thanh hay chữ viết, với dấu hiệu được xem như ngữ từ (signifier) tương ứng với ngữ nghĩa (signified), và hai thứ nầy liên hệ nhau qua tính trơ hay định để (arbitrary) [11]. Nói đơn giản, A là A, cái bàn là cái bàn, mà người xưa đã đặt ra tên, hay gọi như vậy. Nhưng, tiền đề arbitrary nầy mang tương phản rất mạnh với những khám phá thuộc ngành từ nguyên học (etymology), Đông cũng như Tây, kể cả giả thuyết về từ vay mượn, và do đó, có khả năng, cần thêm vào, hoặc thay chữ arbitrary (tính trơ) bằng vị trí mặc nhận (default position) là tính trơ.

Trở lại chuyện ranh giới mơ hồ giữa tính trơ và tính hữu cơ của từ vựng. Thí dụ như khi tìm từ nguyên của chữ diplomat (nhà ngoại giao) bằng cách tra các tự điển về từ nguyên học (etymology) có trên mạng, sẽ thấy từ nguyên học sẽ cho chữ nầy liên hệ đến rất nhiều chữ khác từ các tiếng như Latin, tiếngPháp, v.v.. Tất cả những từ gốc nầy cũng như chữ diplomat đều mang tính trơ, tức diplomat là chữ tiếngAnh dùng để gọi nhà ngoại giao, sứ thần, đại sứ, v.v., tức A là A. Nhưng khi xem lại tính chất hữu cơ của nhà ngoại giao là người nầy phải có chứng thư của chính quyền gửi đi làm đại diện tại nước khác thì nhà ngoại giao có một đặc tính thiết yếu, không có không được, là phải có trong người một chứng thư hay ủy nhiệm thư. Rất khổ là chữ ủy nhiệm thư ngày nay gọi là letter of credence hay letter of credentials, thường do đại sứ trình lên nguyên thủ của quốc gia bạn khi đến đó nhậm chức. Chữ letterof credence chắc hẳn ngày xưa phải gọi là diploma mới biến chuyển ra diplomat (nhà ngoại giao). Diploma có nghĩa chính là chứng tứ, chỉ một thứ giấy mà nhà ngoại giao (diplomat) phải có, và nghĩa thường dùng ngày nay là văn bằng hay chứng chỉ về học vấn hay huấn nghiệp, thường trên cấp trung học nhưng khác với cứ nhân. Tóm tắt, diplomat mang tính trơ khi chỉ hiểu là nhà ngoại giao với từ nguyên giống ngữ âm của từ tương đương trong tiếng nước khác. Cùng mang nghĩa nhà ngoại giao, nhưng sẽ mang tính hữu cơ khi móc nối diplomat với diploma. Lấy một thí dụ khác là chữ capitulate mang nghĩa là đầu hàng giống như surrender. Thật ra đầu hàng là một chữ trong tiếng Việt, nhưng làhai chữ miêu tả hai động tác khác nhau, nhưng trong cùng một bản thể, trong tiếng nước Trung: Đầu(投) là ném, quăng, vứt, bỏ (đầu phiếu= bỏ phiếu), còn Hàng (降) là xuống thấp, cúi xuống (cúi đầu),và …đầu hàng. Có thể xem đầu tương đương với surrender (se rendre, tiếng Pháp), và hàng với capitulate liên hệ với caput nghĩa cái đầu, tiếng Latin. Hành động đầu hàng có vẻ như luôn luôn bao gồm hai động tác chính, thứ nhất là vứt bỏ vũ khí (surrender, đầu), và thứ hai, là cúi đầu (capitulate, hàng). Tại sao phải cúi đầu? Câu trả lời có thể tìm thấy trong phim The guns of Navaronne (1961) khi đại tá Andrea Stavros (Anthony Quinn) trá hàng, không cúi đầu và không giơ hai tay lên, mà còn giả bộbị động kinh, thình lình cướp súng quân Đức, và trở ngược thế cờ trong giây phút. Tìm ra từ nguyên vếy của capitulate là cúi đầu sẽ cho capitulate mang tính hữu cơ, khác với kết quả của từ nguyên học (etymology) cho rằng từ capitulate, mang tính trơ, có ngữ âm gần với nhiều từ tiếng Latin, nhưng không mang ý trực tiếp là cúi đầu. Kiểu tìm từ nguyên dựa vào ý nghĩa ban sơ, thường rất rộng, của từ vựng trình bày ở đây, thường chú tâm đến ngữ nghĩa trong động thái của sinh hữu chứ không phải trên từ vựng, hoặc dựa vào nhóm ngôn ngữ. Để ý là, một khi chuyện tìm từ nguyên có kèm theo tính hữu

cơ, thì dùng ngôn ngữ nào để đối chiếu cũng được. Bởi ngôn ngữ của động thái trong sinh hữu phải giống nhau, Đông cũng như Tây, Bắc cũng như Nam.

Lấy thêm một thí dụ nữa về truy tầm từ nguyên hữu cơ, là chuyện đặt ra từ vựng chỉ 4 hướng chính, Đông Tây Nam Bắc, được trình bày khá đầy đủ trong [13][14]. Tóm tắt có hai thứ qui ước chính dùng để đặt ra tên gọi bốn hướng Đông Tây Nam Bắc, tức có hai thứ động thái sinh hữu khai triển ra thành tên gọi, dùng ngôn ngữ khác nhau, cho Đông Tây Nam Bắc. Cách thứ nhất có ở Âu Châu và Đông Á nhìn vào hướng mặt trời vào giữa trưa và cho đó là hướng Nam. Sau lưng hay dưới gót chân sẽ làhướng Bắc, tay trái là hướng Đông và tay phải, hướng Tây. Kiểu thứ hai, bao gồm động thái khởi đầu cho ngôn ngữ. là nhìn về hướng mặt trời mọc và gọi đó là hướng Đông, tay phải sẽ là hướng Nam, tay trái hướng Bắc, và sau lưng là hướng Tây. Đó là động thái ngôn ngữ ở Nam Á, tiêu biểu bằng tiếng Bengali, xem [13]. Hướng Đông cũng đồng nghĩa với bình minh, mặt trời, trong khi hướng Tây có thể đồng nghĩa với hạ xuống, chìm xuống, biến mất, theo chuyển động mặt trời. Theo từ nguyên học kiểu hữu cơ, sẽ thấy ngữ âm tiếng Việt và tiếng Quảng Đông chỉ hướng Bắc, rất giống âm của chữ tiếng Anhchỉ cái lưng là back. Trong khi, ngữ từ chỉ hướng Nam tiếng Spanish (Tây Ban Nha) là Sur có âm giốngnhư chữ sur tiếng Pháp, nghĩa ở trên, hoặc gần âm sol (mặt trời). Miêu tả hướng Nam tức là hướng của mặt trời ở trên cao, tức vào giữa trưa khi nhìn từ Bắc Bán Cầu. Giống y như chữ Nam tiếng Việt ứng với âm [năm] chỉ giờ thứ 5, tức giờ Ngọ, có mặt trời ở trên cao. Chữ Nam tiếng Việt khi nối với chữ năm sẽ mang tính hữu cơ, trong khi Nam trong tiếng Hoa là 南 [nan], theo từ nguyên [15] chữ viết lại có nghĩa như cái chuông, vẫn mang tính trơ mặc dù đã có tìm ra từ gốc mang ngữ nghĩa như cáichuông. Khi tra các tự điển trực tuyến ngày nay, sẽ thấy chữ 南 [nan] (nam) còn có một âm nữa là [na], rất hợp với hai âm nôm na, trong Nôm na là cha mách qué, với âm Nôm ứng với Nam và Nồm trong chữ gió Nồm, tức gió thổi từ hướng Nam. Như vậy, kể đến động thái sinh hữu sinh ra từ gọi hướng Nam và Bắc, trong thí dụ nầy, cái sinh ra từ ngữ chỉ hướng Nam và Bắc không phải là từ vựng từnhững nền văn minh khác hay xưa hơn hoặc lân cận, mà là động thái sinh hữu, giống nhau và phổ quát (universal), Đông cũng như Tây.

Những chữ như dù, ô, chồng, chàng, dượng, dôn, v.v. thường xem như mang hai tính chất, thứ nhất là thuần Nôm, và thứ hai, là tính trơ (A là A). Với tin liệu ngày nay từ internet, có thể thấy cây dù gọi là 雨傘 [yu san], với chữ đầu 雨 [vũ], mang nghĩa mưa, có phát âm Ôn Châu2 là [wu] rất gần [vũ], phát âm các tiếng Quan Thoại, Ngô Việt, Quảng Đông là [yu] rất gần [dù], và phát âm các tiếng Mân Việt (Phúc Kiến), Triều Châu là [ôu] rất gần [ô] (xem [2]). Như vậy dù hay ô khi hiểu theo A là A, là tên gọitheo tính trơ, nhưng khi hiểu đó là từ du nhập theo đường hỗn ngữ / nhập ngữ (Pidgin - Creole) từ chữ vũ (雨 - mưa), thì dù / ô sẽ mang tính hữu cơ. Pidgin – Creole hiểu theo nghĩa dùng ở đây sẽ bao gồmnhững từ du nhập vào từ bản địa rồi biến đổi theo cú pháp địa phương trong vòng 1-2 thế hệ, xem phía sau. Còn những chữ như chồng, chàng, dượng, dôn rất thường, được xem là những từ thuần Nôm,mang luôn tính trơ. Nhưng khi xem chữ 丈 [zhang] hay 夫 [fu] hoặc từ 2 âm 丈夫 [zhang fu] (trượngphu), tất cà mang nghĩa chồng, và chữ 姑丈 [gu zoeng] (Quảng), nghĩa dượng (chồng của cô), và phốihợp với âm các phương ngữ, sẽ thấy âm [chồng] gần [chong] Hẹ, [chàng] gần [zhang] Nam Kinh/ QuanThoại, [dượng] gần với [zoeng] Nam Quảng Đông (Vi Đầu), và [dôn] gần [dzan] Thượng Hải/Ngô Việt, hoặc [tiong] Triều Châu [2], tất cả viết bằng chữ 丈 [zhang] mang nghĩa chồng. Để ý, cấu trúc liênhệ ngôn ngữ trình bày ở đây hoàn toàn tương phản với lối phân biệt từ vựng giữa Hán Việt và Thuần Việt, dựa trên ráp vần (orthography) của quốc ngữ, của ngành Hán Nôm.

Từ vựng mang tính Pidgin – Creole, tạm gọi là hỗn ngữ / nhập ngữ, có thể hiểu như tiếng vay mượn qua thương mại buôn bán với thương gia nước khác, vào lúc ban đầu. Nhưng về sau những thứ từ nầy hội nhập vào tiếng bản địa rất trơn tru. Tiếng Pidgin cũng giống như tiếng Tây bồi vào thế kỉ 19, có chữ

bồi có lẽ xuất xứ từ chữ boy tiếng Anh, và cũng có thể cùng gốc với chữ bồi 陪 [poi] Hẹ, mang nghĩa người phụ tá. Về sau, tiếng "Tây bồi" nầy hội nhập và trở thành tiếng bản địa, thường gọi là tiếng Creole. Từ vựng thuộc kiểu hỗn ngữ / nhập ngữ rất giống như từ vay mượn, nhưng khác ở chỗ hoàn toàn đồng hóa với ngữ âm và cú pháp bản địa, thường rất khó nhận ra, sau chừng 1-2 thế hệ [12][13]. Lấy thí dụ chữ Chợ Bà Chiểu và Lăng Ông Bà Chiểu. Theo lí giải thông thường dựa vào tính trơ, chợ Bà Chiểu là do một bà tên Chiểu lập nên ở nơi đó. Nhưng theo kiểu hữu cơ, phải viết rõ ràng là Lăng Ông Bà Chiểu, tức lăng của Ông (tả quân) Lê Văn Duyệt (1763-1832), tổng trấn Gia Định. Nếu viết lạithành Lăng của Ông Bà-Chiểu sẽ thấy ngay Bà-Chiểu là phiên âm viết theo quốc ngữ của một chức tước hay phẩm hàm vua ban cho ông Lê. Tức Bà Chiểu không phải là Bà Chiểu theo ngữ nghĩa trơ dựa theo kiểu đánh vần của quốc ngữ. Do đó Bà-Chiểu viết theo tiếng Hán rất có thể là 州伯, mang nghĩatổng trấn một khu vực hay tỉnh trưởng, đọc [zhou bo] theo phiên âm (pinyin) Quan thoại, hay [zau baa] Quảng Đông, rất gần với [Châu Bá]. Chữ 州伯 [zhou bo] nầy ứng với âm [ziu bêh] Triều Châu, hay[ziu bak] Hẹ (Hakka). Âm Hẹ [ziu bak] rất gần với Chiểu Bà, tức Bà Chiểu viết ngược lại theo Hán tự, với âm "Hán Việt" là Châu Bá gần [zau baa] tiếng Quảng Đông. Âm [zau baa] nầy ứng với âm [ziu bêh] tiếng Tiều, hay [ziu bak] tiếng Hẹ, và những âm nầy gần với [chiểu bà] âm Nôm, hoán chuyểnsang cú pháp tiếng Nôm thành [bà chiểu] tức Bà Chiểu. Châu Bá (州伯) sẽ được hiểu là làm Bá mộtChâu, và khi sát nhập và đồng hóa với tiếng Nôm của người nước Nam, Châu Bá sẽ trở thành Bà Chiểuhoàn toàn ăn khớp với chữ lăng Ông Bà Chiểu, với Ông Bà Chiểu mang nghĩa Ông Bá của Châu, Ông Tổng Trấn một "Châu" lớn, có khi gọi là Phó Vương hay Tả Quân (viceroy). Kiểu đọc ngược đọc xuôi như tin tưởng có nơi đọc là tưởng tin, yêu dấu / dấu yêu, nội thành / thành nội, giàu sang / sang giàu, công thành / thành công, khổ đau / đau khổ, lí luận / luận lí, hữu ái / ái hữu (Để ý, một số từ khi đọc ngược đọc xuôi có thể mang ngữ nghĩa hơi khác nhau.). Tóm tắt là Lăng Ông Bà Chiểu mang nghĩa Lăng Ông Tổng Trấn. Ngữ từ Bà Chiểu mang ngữ nghĩa là Tổng Trấn chứ không phải một bà tên Chiểu.

Nên để ý một định luật rất hữu dụng khi nghiên cứu tiếng Việt và các phương ngữ bên Trung Hoa xưa, hoặc một ngôn ngữ khác. Đó là tương đương hay hoán chuyển qua lại giữa âm [au] và [iu]. Như chữ [hiu-hiu] trong tiếng Việt có nghĩa là gió thoảng (breeze) tương đương với [hau-hau] trong tiếng đảo Rapa Nui tức Easter Island. Tiếng Việt yêu cầu (Quảng: [yiu kau] 要求) tương ứng với [iâu kiu] tiếng Tiều (Triều Châu), và [yâu kiu] Hẹ. Ca sĩ kiêm tài tử điện ảnh Andy Lau (Lau Tak-Wah) có tên gọi theo quan thoại là Liu De Hua, và âm [Lau] hay [Liu] tương ứng với kí âm a-b-c tiếng Việt là Lưu có âm nằm ở giữa [liu] và [lau], đọc đàng nào người nghe cũng hiểu. Tiếng Nôm yêu (love) mang nghĩa gần nhất với âm [you] Quan thoại cho chữ 友 (hữu) trong 友爱 (hữu ái, ưu ái). Nhưng 友 [you] mang phátâm [iu], tức yêu, trong các tiếng Triều Châu / Phúc Kiến và [yäu] tiếng Quảng Đông phía nam. Nhập hai lối phát âm này, [iu] và [yäu], thành từ kép sẽ có yêu dấu hay dấu yêu trong tiếng Việt. Qua lại giữaâm [au] và [iu] có thể thấy qua chữ cáo từ có phát âm tương đương là kiểu từ. Tương tự, chữ cầu (bridge) và kiều (橋) mang phát âm ứng với [kiau] (Hẹ) và [kiu] (Phúc Kiến/ Quảng Đông), ngoài phânloại Nôm và Hán Việt theo kiểu xưa. Biến chuyển [au]-[iu] cũng giải lý được hai chữ sương siu âm quốc ngữ phiên thiết từ chữ Nôm có thể biến thành [sương sâu] hay [thương sâu], tức sầu thương. Rất nhiều từ viết ra chữ quốc ngữ mang một thinh (tức âm các dấu hỏi, ngã, sắc, huyền, nặng, bằng) nhưng lại tương đương với những thinh trái ngược nhau trong tiếng khu vực khác, hay giữa các phương ngữ khác, trong một xứ, hoặc giữa các xứ khác nhau. Thí dụ như từ yêu trong yêu cầu có thể đọc yếu ngay trong tiếng Việt và 3 thinh khác nhau trong quan-thoại ([yào], [yão] và [yăo], 要).

Khó khăn chính trong phân tích ngôn ngữ để mở rộng kiến thức về ngôn ngữ, xin phép nhắc lại, là tiền đề và ngôn ngữ dùng cho khoa học về ngôn ngữ, với chữ ngôn ngữ dính liền với mô pháp. Những chữ nầy rất ít khi được quan sát tỉ mỉ trong tiến trình khoa học, và thông thường, như đã trình bày ở trên, rất

khó phân biệt tiến đề với nguyên lí hoặc giả định, hay sự kiện thường có, sự kiện có lâu đời, và mô hình được chọn. Quan trọng nhất là có thể xếp tên gọi hoặc định nghĩa của một cá thể hay định thể vào một thứ tiền đề mà ảnh hưởng của tên gọi hoặc định nghĩa có thể dẫn đến nghịch lí hay mâu thuẫn trong luận thuật (discourse) của khoa học.

Thí dụ về tiền đề là theo khoa vật lí Newton, thì vật rơi tự do, sẽ theo luật sức hút trọng trường, viết ra là F=mg, trong đó m là chất khối, còn g là một hằng số, và F là sức kéo xuống mặt đất. Theo công thứcnầy, sức kéo của một vật rơi sẽ "cố định" từ lúc rơi cho đến khi xuống tới mặt đất. Tức một chiếc máy điện toán rơi từ lầu 21 của một tòa nhà cao tầng sẽ có sức kéo xuống mặt đất giống y như sức kéo chiếcmáy nầy khi rơi từ lầu 2 của cùng tòa nhà, cả hai sức đều là F=mg. Và sức kéo nầy cũng là lực va chạmvào mặt đất khi rơi tới mặt đất. Nói cách khác, theo định luật Newton về rơi tự do, sức hút, sức kéo, trọng lượng, và sức va chạm mặt đất sẽ tính ra y như nhau F=mg. Nhưng cũng theo luật Newton, mặc dù sức kéo xuống đất trên một vật rơi tự do giống nhau vào mọi lúc, vận tốc rơi sẽ mang tỉ lệ thuận với thời gian, tức lúc mới rơi vận tốc bé, nhưng càng rơi thì vận tốc sẽ càng to..Sinh ra nghịch lí giữa ý niệm về lực kéo và vận tốc, là sức va chạm vào mặt đất khi vật rơi đến mặt đất sẽ giống như nhau, dù rơi từ những độ cao khác nhau, có những vận tốc khi chạm đến mặt đất khác nhau, và sức va chạm sẽ bằng trọng lượng vật rơi, F=mg.

Nghịch lí nầy được thanh thỏa bằng cách tính sức va chạm theo ý niệm của động năng hay trớn (momentum), nhưng tính theo trớn, cuối cùng sức va chạm sẽ qui về công thức F=mV, tức sức va chạm có tỉ lệ thuận với vận tốc của vật rơi vào lúc chạm mặt đất, cũng như tùy thuộc vào chất khối của vật rơi, chứ không phải là một thứ lực bất biến tính theo F=mg bằng công thức Newton. Dù cho sức va chạm tính theo F=mV, tức tính theo vận tốc, sẽ khác nhau với độ cao ban đầu của vật rơi, nhưng đơn vịđo lường của F=mV sẽ khác với đơn vị của lực va chạm tính theo công thức F=mg. Một nghịch lí nữa của vật lí Newton là lực đẩy hay lực kéo được định nghĩa như F=ma, trong đó a là mức độ tăng vận tốcthường gọi là gia tốc (acceleration), phải cực lớn cho một tảng thiên thạch bay ngang quả đất, mớitránh được sức hút trọng trường. Khi lực đẩy F cực to thì độ tăng vận tốc a phải cực to với lí do F=ma, mà trên thực tế, rất khó thấy một tác lực nào trên thiên thạch có thể đột ngột tăng lên, làm mức gia tăngvận tốc a trở nên to khủng, mới có thể vượt thoát được sức hút của quả đất. Cần nhắc lại là a là mức độgia tăng vận tốc chứ không phải là gia tăng vận tốc, thí dụ như khi mỗi phút chạy nhanh lên 10 km/giờ thì a bằng với 10 km/giờ/phút, chứ không phải a bằng với 10 km/giờ, nghĩa là cứ mỗi phút vận tốc sẽ gia tăng thêm 10 km/g. Khi thiên thạch đang bay ngừng gia tăng vận tốc (a=0), hay đang bay đều, thì không cón tác lực nào trên vật thể hết (a=0 => F=ma=0), và vật thể sẽ tiếp tục chuyển động với mộtvận tốc cố định, tức chuyển động đều. Nghịch lí ở chỗ, khi thiên thạch bay ngang quả đất và vượt khỏi sức hút quả đất, người ta thường không tính đến việc tìm ra lực to hơn để đối chọi với sức hút quả đất, mà làm những con tính tìm ra vận tốc thoát ly (escape velocity) giống như vận tốc thoát ly của hỏa tiễn bắn lên vũ trụ. Có nghĩa định nghĩa về sức kéo hoặc sức đẩy F=ma phải được gác sang một bên, bởi đòihỏi một lực cực to tùy vào gia tốc a (F=ma) sẽ trở nên bất khả thi.

Trong câu chuyện ngôn ngữ, chữ như dinh tê hay về tề rất phổ biến vào thời chiến tranh thứ 2, xưa nay vẫn là một từ khó hiểu về mặt từ nguyên. Có người cho đó là phiên âm từ tiếng Tây rentrer tức đi vào, đi về, trở về (nhà). Giống như phở có liên hệ đến món ăn Pháp pot au feu. Nhưng nếu nhìn vấn đề theo kiểu hỗn ngữ trước và sau khi quốc ngữ ra đời. Hỗn ngữ vẫn có sau quốc ngữ, là vì quốc ngữ chỉ là mộthệ thống kí âm, đúng, gần đúng, hoặc có cải biên, trên một số ngữ âm rất thông dụng, nên có khả năng quốc ngữ là một thứ ngôn ngữ mới, giống như một chiếc áo mới khoác bên ngoài, nhập chung với những ngôn ngữ sẵn có, đa phần dựa vào tiếng nói. Chất tính cốt lõi của kí âm dựa trên mẫu tự Latin là cho ra trở lại ngữ nghĩa dựa trên ráp vần của ngữ từ, dựa trên một hệ thống ngữ âm tạo dựng trên nền

tảng mơ hồ với rất ít chứng liệu cụ thể. Một hệ thống kí âm, dùng làm quốc ngữ, do người Tây phương tạo dựng, và người bản địa theo Tây học tiếp tục phát triển, có lẽ chỉ vạch ra một con đường duy nhất để nghiên cứu về nó, là quan sát ngữ âm dựa trên lối ráp vần của từ vựng hay ngữ từ và ngữ âm, tức rất dễ mang tính luân hoàn (convoluted). Còn nhiều vấn đề khác về quốc ngữ tiếng Việt có thể nhận xét qua phi-song-thể, trong đó quan trọng nhất là định nghĩa và vai trò của phương ngữ hay thổ ngữ tức dialect, theo nghĩa ban đầu, dựa trên tiếng Hy Lạp dialektos (xem [9]) mang nghĩa đơn thuần là ngôn ngữ của một xứ, mà ngày nay thay thế bằng chữ language. Theo với lối nhìn phi-song-thể không nên phân biệt dialect (thổ ngữ) và language (ngôn ngữ/ tiếng), trước khi hiểu rõ về chúng cũng như mối liênhệ giữa thứ nầy với thứ kia. Theo thiển ý, chữ ngôn ngữ hoặc tiếng có thể được dùng để chỉ cả ngôn ngữ lẫn phương ngữ và/hoặc thổ ngữ.

Cũng theo kiểu lí luận nầy, việc sắp xếp và phân loại trong các ngành nghiên cứu, trong trường hợp chưa có kiến thức nhiều hoặc đầy đủ về đối tượng, có vẻ dễ lâm vào tình huống giống như đặt lưỡi cày trước mũi trâu hay để cổ xe trước con ngựa. Kiểu nói ví nầy có thể được suy diễn thêm bằng cách xem cái đi trước cái đi sau như một cấu trúc. Nếu cấu trúc đó mang tính độc thể, tức A luôn luôn xuất hiện trước B, thì cấu trúc đó có thể xem như một chân lý, thí dụ như buổi trưa luôn luôn đi sau mặt trời mọc,hay sáng sớm. Triển khai thêm một tí, sẽ thấy tiền đề, nếu có khả năng, cần phải dựa trên thứ chân lý hết sức đơn giản kiểu này. Nói một cách khác, tiến trình khoa học (process) hoặc mô pháp khoa học (paradigm) có thể tự nó là một tiền đề, và vẫn có thể kiểm chứng tiền đề bằng cách tìm xem có cái đi trước cái đi sau ẩn nấp trong tiền đề đó hay không. Trong trường hợp ngôn ngữ, tiếng nói luôn luôn đi trước chữ viết, ngôn ngữ địa phương đi trước hỗn ngữ và quốc ngữ, theo mô hình cây và đất, mặc dù dần dà về sau có thể khó phân biệt cái đi trước cái đi sau, như tiến trình quả trứng và con gà.

Tiêu biểu trong chuyện hỗn ngữ trước và sau khi quốc ngữ ra đời còn phải kể những cụm từ như đắt bỏ mẹ, mắc thấy mồ, giỏi quá ta, ngã ba chú Ía, ngã ba ông Tạ, Thủ Dầu Một, lăng Ông Bà Chiểu, sướng thấy mẹ, v.v.. Phân tích theo tính hữu cơ của những chữ nầy thường đòi hỏi phân tích theo nhiều chiều hướng khác nhau, trong đó có ngữ âm gần giống, ngữ nghĩa gần giống, dùng theo mô hình cây và đất [1], mà nếu theo đường hướng đơn giản, như kiểu phân biệt song thể Hán Việt và Thuần Nôm, dùng với mô hình cây và cành, có lẽ sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Thứ xem đắt bỏ mẹ và mắc thấy mồ, và hai cụm từ rất "bình dân" này có thể xem như tương đương nhau. Đắt bỏ mẹ hoặc mắc thấy mồ, mang nghĩa đơn giản là rất đắt hay đắt ơi là đắt, đắt thật đắt. Chữ thấy mồ, thấy mẹ, bỏ mẹ phải xem là tương đương ý nghĩa với rất, hết sức, cực, và đây là điểm mấu chốt trong việc truy tầm từ nguyên hữu cơ của lối nói trong dã ngữ. Tiến trình truy tìm từ nguyên dùng ở đây sẽ tạm gác sang một bên đòi hỏi phát âmchuẩn với ngữ tả chuẩn, và nâng tầm quan trọng của ngữ âm gần giống với ngữ nghĩa gần giống, ngữ nghĩa bao trùm và ngữ nghĩa ví phỏng, xuyên qua nhiều ngôn ngữ khác nhau, gần và xa về địa lí và sử kí. Có thể thấy ngay đắt ứng với mắc, thấy với bỏ, và mẹ với mồ. Cả hai chữ đắt và mắc thường được tạm xem như thuần Nôm. Tuy vậy có rất nhiều ngôn ngữ ở Á Châu, có từ vựng với hàm ý mắc/đắt mang một âm [mah] hay [mat] giống như mắc: [mah-raG] tiếng Kharia (Munda) [6], [qim-mat] tiếng Uzbek/Tajik (Trung Á), [mah-al] tiếng Tagalog (Phi-Líp-Pin), [ma-han-ga] tiếng Hindi (Ấn), và [măt dêh] tiếng Bahnar [7] bao gồm hai âm: [măt], giống mắc và [dêh] giống đắt. Đắt thường dùng như đắt đỏ và âm [đỏ] rất gần âm [dor] tiếng Santali (Munda) [8] mang nghĩa mắc (expensive, dear). Tiếng Môn trong lớp hạ tầng Mon-Khmer của tiếng Việt xưa có ngữ âm [dɛŋ] gần với đắt mang nghĩa đắttiền, hiếm quý, và chữ [mòt] (giống mắc) mang nghĩa đá quý, đá mắc tiền [15]. Chữ mắc (giá cao) cũngcó thể cùng gốc với 物 [mat] tiếng Quảng Đông, viết bên trái với chữ 山 [shan] (núi) chỉ cao (giá). Đắttrong giá đắt cũng có nghĩa là cao, cao vút, và cao vút trong tiếng Thái chính là [duaat] gần giống với âm của đắt, Trong nghĩa cao vút tiếng Hoa cũng có từ 突 (HV: đột) đọc theo giọng Quảng Đông là [dat]
[5] rất gần với đắt. Còn mắc (đắt) cũng có thể cùng gốc với âm Quảng [mut] cho chữ 末 [mo], mang

nghĩa cuối cùng (rất cao). Để ý một từ thường tưởng là thuần Nôm khác là rất (rất mực, very), thật ra có âm tương đương tiếng Quảng Đông là [zat] (郅), mà Hán Việt ưa viết là chí (chí lý), hay chất, phỏng theo âm quan thoại [zhi], hay âm Nam Quảng Đông [zak], cho cùng từ 郅 [zhi] mang nghĩa very, extremely.

Hai chữ bỏ mẹ và thấy mồ, mang ý nghĩa của lối nói ta thán, hay theo lối bình dân là văng tục, với nghĩa nôm na là chết mẹ, và nghĩa "chuẩn" là thật sự, thật là (đắt thật đắt). Hai chữ thấy (trong thấy mồ), và bỏ (bỏ mẹ) liên hệ với nhau qua nghĩa thường dùng của thấy tức dòm, ngó, xem, nhìn. Chữthấy tiếng Việt cũng có thể vừa là "thuần Nôm", bởi khi phát âm [thấy] thì người nước ngoài dù biết nhiều ngôn ngữ trong vùng, vẫn không thể chối rằng [thấy] là âm thuần Việt, và cũng có thể tương ứngvới chữ 睇, âm Hán Việt thê hay đệ, nhưng âm Hẹ và Quảng là [thai] rất gần với thấy. Thấy mang nghĩalà nhìn thấy, tức không nhất thiết là nhìn thẳng, hay xem thẳng vào một vật gì. Tiếng Chàm tương đương với thấy là [boh], cũng giống tiếng Bahnar ['bôh], có nghĩa là thấy (to see), đồng nghĩa với bỏ trong đắt bỏ mẹ, hoặc bỏ đứng ở vị trí của thấy trong mắc thấy mẹ (mồ), sướng thấy mẹ.

Như vậy thấy và bỏ thay chỗ cho nhau chỉ qua ý nghĩa bề mặt của thấy, tức nhìn thấy. Nhưng chữ thấy trong thấy mồ hay thấy mẹ lại mang nghĩa chết theo kiểu nói ta thán, văng tục, tức thấy mồ hay bỏ mẹ đồng nghĩa với chết mẹ. Và chữ phát âm gần với [thấy] mang nghĩa chết là [thei] trong tiếng Burmese (Myanmar), nghĩa chết. Trong ý nghĩa ta thán hay văng tục [thấy] cũng có thể ứng với [tho:h] tiếng Thái, một thứ từ chứi thề như kiểu bloody, damn tiếng Anh hay merde tiếng Pháp, [rɔɔk mae] (bloody mother) tiếng Khmer, và [rɔɔk mae], mang một nghĩa đen rất gần với (tìm) thấy mẹ. Chữ bỏ trong bỏ mẹ, với nghĩa chết cũng có thể cùng gốc với tứ [po-a] tiếng Mon, cũng mang nghĩa là tứ vong. Gần hơnnữa là chữ 仆直 [pu zhi] với nghĩa ngã ra chết (drop dead), có âm tiếng Wuxi ở Giang Tô là [boh jeh],có [boh] ứng với bỏ và [jeh] với chết. Còn mẹ và mồ đều có thể cùng gốc với từ mẫu 母 [mou], có phát âm Tô Châu (Suzhou) là [mo] rất gần với mồ, mà tự điển thường ghi là mô (母)

Nếu thấy trong thấy mồ, là kí âm quốc ngữ cho chữ thei tiếng Myanmar mang nghĩa chết, thì từ thấy chỉ là một thứ ngữ âm chứ không phải ngữ từ trọn vẹn. Cũng giống y như bỏ trong bỏ mẹ len vào cụm từ đắt bỏ mẹ qua trung gian của liên hệ giữa hai ngữ từ thấy và bỏ với ngữ nghĩa chung là thấy, nhìn thấy, ngó thấy. Chữ chết tiếng Việt một lượt mang cùng gốc với nhóm Mon-Khmer, như [chɒ̯ə̯t], [kəcɛ̯t], [chət], cũng như tiếng Hán chiết (折), âm Hán-Việt rất giống âm [ziet] tiếng Hẹ, và chết có âmgiống [ceh] tiếng Ngô ở Giang Tô. Thông thường, 折 [ziet] ưa dùng để chỉ chết yểu 夭折 [jiu zit](Quảng Đông).

Câu chuyện sướng bỏ mẹ, mắc thấy mồ sẽ không dừng ở chỗ nầy, bởi bỏ mẹ và thấy mồ còn là âm tương đương với những ngữ âm khác mà khoa học ngôn ngữ, đặc biệt ngành Hán Nôm học với những tiền đề cố hữu, dựa sát vào ráp vần quốc ngữ, đã vô tình che lấp những ngữ nghĩa nghe âm thì hiểu ngay, trước thời có quốc ngữ. Chú trọng đến âm chữ thấy, sẽ thấy âm nầy rất gần âm [thâi] trong tiếng Hẹ ứng với chữ 太 [thái], mang nghĩa là rất, thái quá, cực (extremely, very). Ở trên cũng thấy âm [thấy]rất gần [thei] tiếng Myanmar, mang nghĩa là chết. Những từ điển Anh-Trung có trên mạng còn cho biết ngữ âm dùng cho chết cũng là ngữ âm mang nghĩa là rất, cực, như 死 [sǐ] hay [sei] Quảng (giống[thei]), hay 要命 [yao ming], cùng một lúc mang nghĩa chết, yểu mệnh và cực, rất. Theo đó có thể thấynhững ngữ âm [mo] (Triều Châu) hay [meh] (Ngô Việt) ứng với chữ 沒 [mo] [2], mang nghĩa chết, dùng luôn cho ngữ âm với ngữ nghĩa là cực, rất. Giống y như âm [bỏ] mang nghĩa chết, trong các tiếng Mon và Vô Tích ở Giang Tô (xem phía trên).

Dùng kiểu tìm từ nguyên nầy để xem qua chữ sặc gạch trong những cách dùng như nghèo sặc gạch, chống sặc gạch, đánh cho sặc gạch. Cần ghi ngay là ý nghĩa của sặc gạch trong nghèo sặc gạch khác với ý trong đánh cho sặc gạch, mặc dù sặc gạch thường xem như từ thuần Nôm, với lí do đơn giản là không thấy ghi trong các tự điển Hán Việt. Nghèo sặc gạch có nghĩa như nghèo thật nghèo, nghèo rớt mồng tơi (sẽ bàn tới cụm từ nầy trong dịp khá), rất nghèo; trong khi đánh cho sặc gạch là đánh cho tơi bời, đánh cho tơi tả, đánh cho "chết", đánh mệt nghỉ. Với nghĩa như cực, rất, ngữ âm [sặc] (trong sặc gạch) rất gần với âm [saat] tiếng Quảng ứng với 煞 hay 殺 [sha] mang nhiều nghĩa như hung thần, giết, và rất, cực, thậm (extremely), trong khi âm [gạch] ứng với âm [gak] Nam Quảng Đông, [gêg] Triều Châu, của chữ 極 [ji] mà tiếng Việt đọc là cực (nghĩa cực, rất), gần âm [kit] Hẹ [2]. Sặc gạch trong đánh cho sặc gạch, mang nghĩa tơi bời, tơi tả, có âm [sặc] gần với âm Thượng Hải [saq] cũng ứng với chữ 杀 [sha], với chừng 10 nghĩa khác nhau, trong đó có tơi bời, tơi tả. Còn âm [gạch] gần âm [gak] Nam Quảng Đông / Hẹ, cho hai từ 击 [jī][jí], 革 [gé] [jí] [jǐ], mang nghĩa như đánh đập, đánh cho tiêu luôn.

Tóm tắt, toàn thể bài viết đưa ra những lí giải khá mới mẻ về từ vựng tiếng Việt, xưa nay thường hiểu là một trong hai thứ, thuần Nôm và Hán Việt, theo sát mô hình cây và cành cũng như ngôn ngữ của song thể (dualism). Mô hình dùng ở đây là mô hình ngôn ngữ cây và đất, dựa vào hiểu biết theo phi song thể (non-dualism). Nói đơn giản, phi song thể không phải là song thể mà đồng thời cũng là song thể. Tức không dựa hẳn vào cái nầy hoặc cái kia, mà có thể có gốc từ nhiều thứ, ở những nơi khác nhauvà những thời đại khác nhau. Điểm chính yếu trong lối nhìn phi song thể là bắt đầu lại từ đầu, cố gắng xem xem từ ngữ nào đó có liên hệ với những từ ngữ ở nơi khác, qua những ngữ âm gần giống nhau, nhưng không dựa vào lối ráp chữ cho ra âm (orthography) dùng mẫu tự a-b-c. Một trong những điểm quan trọng của đường hướng theo phi song thể cũng là không chấp nhận những tiền đề cố hữu của các khoa về ngôn ngữ xưa nay, minh sắc hay tiềm ẩn, trong đó có tiền đề một dân tộc một ngôn ngữ. ■

Sydney, Tháng 2, 2023 (Hiệu đính và sửa đổi từ bản tháng 8, 2018)

Nguyễn Văn Đu

THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Ưu (2022) Thứ tìm nghĩa gốc của vài từ ngữ quen thuộc. Firmament, Volume 14, No 4, January 2022, pp 64-74
2. http://cn.voicedic.com
3. Từ Điển Hán Việt Trích Dẫn: http://www.vietnamtudien.org/hanviet/
4. Nguyễn Văn Khang (editor), Bùi Chỉ, Hoàng Văn Hành (2002) Từ Điển Mường-Việt {Mường-Vietnamese Dictionary}. Published by Văn Hoá Dân Tộc – Hà Nội.
5. CantoDict Project: http://www.cantonese.sheik.co.uk/scripts/wordsearch.php?level=0
6. Austroasiatic Languages: Munda (Eastern India) and Mon-Khmer (NE India, mainland SE Asia, Malaysia, Nicobars) Site maintained by Patricia Donegan and David Stampe: http://www.ling.hawaii.edu/austroasiatic/
7. SEAlang Mon-Khmer Languages Project: http://sealang.net/monkhmer/dictionary/

8. SEAlang Munda Languages Project: http://www.sealang.net/munda/dictionary/
9. Online Etymology Dictionary: http://www.etymonline.com
10. Thomas S. Kuhn (1970) The Structure of Scientific Revolutions (2nd Edition). International Encyclopedia of Unified Science (Vol.2 No. 2). The University of Chicago Press.
11. Beata Stawarska (2015) Saussure's Philosophy of Language as Phenomenology: Undoing the Doctrine of the Course in General Linguistics. Oxford University Press. 286pp
12. Danièle Moyal-Sharrock (2016) Universal Grammar: Wittgenstein versus Chomsky. IN: A Companion to Wittgenstein on Education: Pedagogical Investigations. Eds, M. A. Peters & J. Stickney (Springer, 2016), pp. 573-600.
13. Nguyễn Văn Ưu (2022) Ngôn ngữ và Ngôn ngữ. 56pp. (Dạng bản thảo): https://www.dropbox.com/s/71oukdu8pih2fx2/23-nom-na.pdf?dl=0
14. Nguyễn Văn Ưu (2023) Tết Ta và Tiết Nguyên Đan. Firmament, Vol. 15, No 4, January 2023, pp. 163-180
15. SEAlang Library Mon: http://sealang.net/mon/dictionary.htm

Back to Contents

Để Góp Thêm Thú Vị cho Những Người Yêu Thích Lan

Phần 1/2

Nguyễn Lương Duyên

Từ bao thế kỷ, hình dáng và hương sắc của hoa lan đã làm con người khắp nơi kinh ngạc và say mê. Họ **Lan, Orchidaceae**, là một họ lớn nhất trong giới thực vật. Với khoảng trên dưới 29,000 loài hiện hữu trong tự nhiên, chiếm đến 8% số loài thực vật có mạch. Chúng được phân xếp loại trong khoảng 850 chi, dựa trên phân tích tiến hoá phân tử suy diễn từ phân-giải trình-tự DNA kết hợp với kiến thức hình thái học trong phân loại. Họ Lan có mặt hầu như khắp thế giới, ngoại trừ châu Nam cực và sa mạc. Họ Lan thích ứng với hầu hết các quần hệ sinh thái trên cạn của trái đất, từ rừng mưa ẩm nhiệt đới đến các trảng cây bụi ven biển, từ đài nguyên đến bán sa mạc, ở vùng núi cao lạnh lẽo Andes và Himalayas, từ rừng ngập nước đến các phế tích, có thể thấy lan cả trong vườn cây quanh nhà. Trong thiên nhiên, đa số các loài lan mọc ở vùng nhiệt đới.

- **Nét rất riêng của hoa lan**

Trong giới thực vật hoa lan được xem là một thành công ngoạn mục của tiến hoá. Về mặt đa dạng chủng loại, họ Lan phong phú hơn các họ Cúc (Astrraceae), họ Cỏ/Tre (Poaceae), họ Hồng (Rosaceae), họ Đậu (Fabaceae). Thêm nữa, kể từ khi thành công lai tạo lan đầu tiên năm 1856 ở Anh, đến nay con số các loài lan lai tạo được ghi nhận cả 100,000. Với số loài lớn như vậy, hình dạng hoa cũng phong phú khi giống như cái chậu, khi như chiếc hài, chiếc nón, hay có dạng của loài chim, loài ong. Hoa lan thường có sọc và đốm đẹp, nhưng cũng có loài đầy lông và u nần xấu xí. Màu sắc của hoa lan cũng đủ màu, ngoại trừ màu đen thật, dù đôi khi màu tối đến mức tưởng là đen. Hương hoa lan cũng đủ mùi từ dễ chịu đến thật hôi, từ mùi dầu dừa đến long não, đến trứng ung, từ thoangthoảng đến nồng nặc.

Các hoa lan đều có 3 lá đài nằm phía ngoài, một lá đài lưng và hai lá đài bên. Lan còn có 3 lá tràng nằm phía trong, lá tràng giữa, gọi là **môi**, thường có dạng rất khác với những cánh hoa khác. Môi có chức năng dẫn dụ và làm nơi đáp cho côn trùng thụ phấn. Trong đa số các loài lan, khi còn là nụ môi nằm phía trên và khi nở thì hoa xoay 180º, và môi là cánh tràng hoa nằm thấp nhất, mặt môi hướng lên trên. Với các hoa khác, đài thường có màu xanh lục của lá, tràng có màu sắc. Với lan thì tràng và đài trông giống nhau.

Dù vô cùng đa dạng nhưng tất cả hoa lan đều có một đặc điểm rất riêng không có trong bất cứ hoa nào khác: sự hoà lẫn hai bộ phận nhị (hùng/tiểu nhuỵ cho ra phấn hoa) và nhuỵ cái (chứa noãn) vào cùng một bộ phận gọi là **trụ,** nhô ra từ trung tâm hoa.

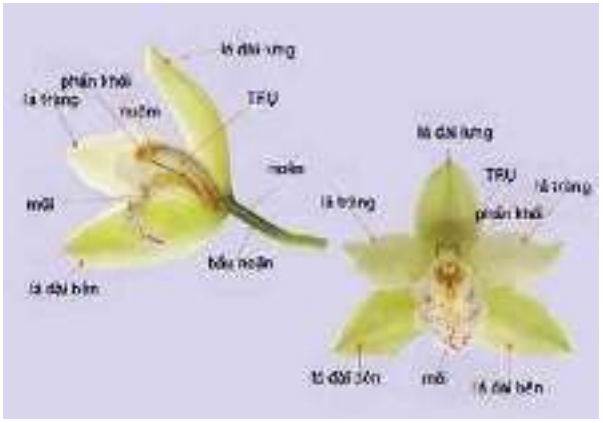

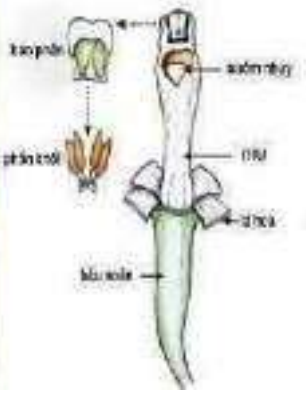

Hoa lan có ba nhị và ba nhuỵ. Hai nuốm của nhuỵ cái hoà nhập với một nhị đực và nuốm thứ ba được biến đổi thành một bộ phận nhỏ gọi là mỏ hay nắp, có mục đích ngăn sự tự thụ phấn ở đại đa số các loài lan. Ở hầu hết các loài lan, chỉ có **một** nhị là khả thụ, cho ra **phấn khối** với độ kết dính nhiều hay ít. Một phấn khối chứa hàng ngàn đến hàng trăm ngàn hạt phấn, và tuỳ loài một hoa có hai, bốn, sáu hoặc tám phấn khối. Bầu noãn hoa lan đóng thấp so với các thành phần khác của hoa và chứa từ vài trăm ngàn đến cả triệu noãn. Sau khi phấn khối được đặt vào mặt nuốm, một ống phấn sẽ mọc dài ra đưa hạt phấn thụ tinh cho các noãn. Một hạt phấn thụ tinh cho noãn để trở thành phôi. Hạt phấn thứ nhì kết hợp với nhân cực trong túi phôi đểtạo nên phôi/nội nhũ. Nhưng với họ Lan, việc tạo thành phôi nhũ bị ngưng rất sớm hay không xảy ra, vì vậy hạt lan chỉ gồm có phôi và vỏ hạt mà thôi. Và có hàng trăm ngàn tới triệu hạt lan nhỏ như bụi nhuyễn được chứa trong một nang (trái lan), thường bị gọi sai là quả đậu lan. Kích thước của hạt lan vào khoảng 470-510 microndài, 80-129 micron ngang, trọng lượng khoảng 6 mcg. Hạt lan không có phôi nhũđể cung cấp dưỡng chất và năng lượng cho phôi trong giai đoạn chưa thiết lập quang hợp, nên giai đoạn này hạt lan phải tiếp nhận các carbohydrate, khoáng chất từ những khuẩn ty của những dòng khuẩn thích hợp trong thiên nhiên, đa số là một

Rhizoctonia. Điều này chỉ được khám phá từ những năm đầu thế kỷ 20, và đã tạo nên những tiến bộ lớn trong công việc lai tạo và nuôi cấy lan trong phòng thí nghiệm, vẫn còn tiếp diễn đến nay. Các cố gắng nuôi lan từ hạt bằng môi trường nhân tạo không cần các chiết xuất từ khuẩn tuy có tiến triển nhưng còn chưa hoàn chỉnh với mọi loài lan.

Một trái lan (đậu lan)

Một đặc sắc khác của hoa lan là sự chuyên hoá của một cánh tràng hoa thành môi. Kích thước, hình dạng, màu sắc, mùi thơm của môi thích ứng cao trong việc dẫn dụ một loài côn trùng riêng cho loài. Môi vô cùng đa dạng, từ lớn tới nhỏ, từ rực rỡ bắt mắt tới tầm thường, có loài môi hẹp và thẳng, hay dạng như gáo nước; rìa môi trơn tới có dạng cầu kỳ. Mùi hoa lan thường phát xuất từ các tuyến rải trên mặt hay tập trung ở đáy môi, hay ở các lông nhỏ.

Phát hoa của lan thường gồm các hoa có cuống, sắp xếp không phân nhánh, mọc cách gọi là chùm. Một số ít loài hoa không có cuống, đính thẳng vào trục chính gọi là gié. Một số hoa xếp phân nhánh thành tán hay chùm tụ tán. Một số loài hoa mọc cô độc. Trong tự nhiên sau khi nở, hoa Lan có thể tồn tại từ 6 đến 12 tuần tuỳ loài. Thời gian thu hoạch hạt từ 4 đến 8 tháng sau khi thụ phấn.

Có hai dạng sinh trưởng của lan là đơn trục và hợp trục. **Lan hợp trục**, như ở Lan Hoàng hậu Cattleya spp, có một thân nằm ngang gọi là căn hành, lần lượt nẩy sinh chồi mới. Rễ cũng sẽ phát sinh từ căn hành. Các chồi cho ra thân sẽ dừng tăng trưởng chiều cao khi mọc hoa. Lan hợp trục có một giả thân hành (giả củ) trông giống như chồi hoa, nhưng đó là cơ quan trữ nước. Lá mới mọc từ những giả củ này và lan sinh trưởng theo chiều ngang. Lan có thể không cần tưới nước một thờigian dài. Đa số các lan có dạng tăng trưởng hợp trục. **Lan đơn trục**, như ở Lan Thanh nga (Huệ đà), Vanda spp, không có căn hành, thân đứng thẳng hay thòng, và thân tiếp tục ra lá mới mọc đối nhau khi tăng trưởng. Lan đơn trục không có giả củ, nước chứa trong lá dầy và rễ, vì vậy khi khôcần tưới.

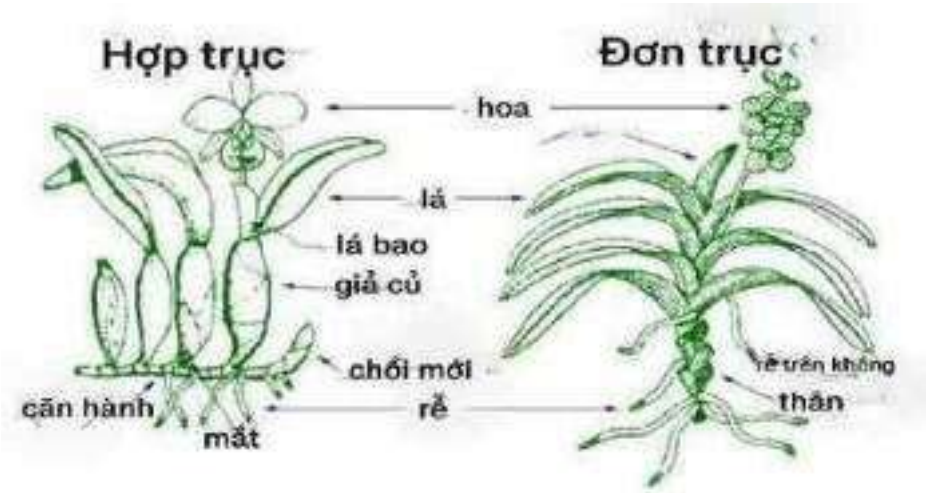

Lan Hoàng hậu, Cattleya
Hợp trục

Lan Huệ dã, Vanda
Đơn trục

Lan có hai môi trường sinh trưởng, phụ sinh (biểu sinh) và đất. **Địa lan** là những loài mà đời sống của chúng cắm rễ trong đất. **Phong lan** là những loài mà đời sống của chúng trải qua trên những cây khác. Ngoài ra còn có Thạch lan (một dạng biểu sinh) mà đời sống dựa trên lớp mặt đá bị phonghoá. Rễ phong lan thường có một lớp biểu mô rất xốp và dày, gồm nhiều lớp tế bào chết, có khả năng bắt giữ nước.

Lan chính yếu thuộc về nhóm thực vật thân thảo, dù có vài loài mang ít nhiều tính chất của dây leo hay cây bụi. Sự đa dạng của Lan làm chúng ta kinh ngạc, nhất là khi biết những dạng vô cùng đặc biệt. Lan có loài Thanh tuyền/Hoàng diệp lệ, Grammatophyllum speciosum, ở Việt nam thấy có ở Phú Quốc, thông thường cao trên dưới 3-4 m, cá biệt có cây cao đến 7.6 m như sách kỷ lục Guinness ghi nhận. Lan có những loài có hoa tí hon, như vài Teagueia, Pleurothallis mà đường kính chỉ 2 mm. Nhưng lạ nhất là loài Campylocentrum insulare (Brazil) và Lepanthes oscarrofrigoi (Guatemala) hoa chỉ có 0.5 mm, chỉ nhận ra khi khảo sát hiển vi và dễ lầm là một vi nấm! Hoa của loài Brassia thì lớn đến 40 cm, đo từ mũi của các lá hoa.

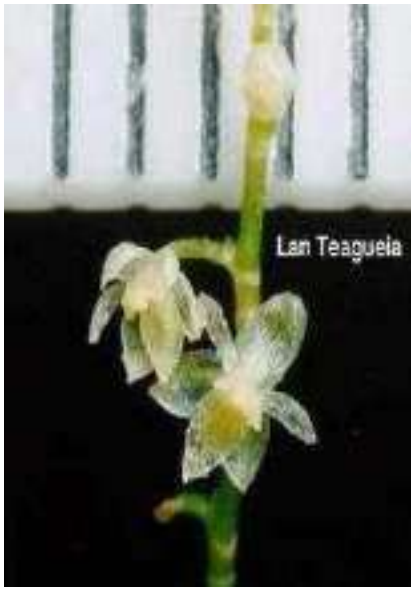

Một trường hợp hoa lan ngoại lệ đặc sắc khác thấy ở chi lan Cycnoches, còn gọi là Lan Thiên nga hiện diện ở Trung và Nam châu Mỹ. Chi này có hoa đực và hoa cái riêng, mọc trên hai cây riêng biệt (biệt chu) hay mọc cùng trên một cây (đồng chu). Và độc đáo là cường độ ánh sáng và nhiệt độ ảnh hưởng đến phái tính của hoa, phơi sáng nhiều và nhiệt độ cao đưa đến hoa đực, ngược lại sẽ cho ra hoa cái.

Hầu hết các lan là loài tự dưỡng. Phong lan thuộc dạng phụ sinh (biểu sinh), mượn cây chủ như một giá thể để làm chỗ sinh trưởng, không làm hại cây chủ. Tuy nhiên vẫn có một số ít loài lan có dạng sinh trưởng ký sinh, chỉ có rễ như Lan ma, Dendrophylax hay không có diệp lục tố, như Corallorhiza.

Ngoài ra có một dạng sinh trưởng rất hiếm và lạ lùng là lan sinh trưởng ngầm dưới mặt đất, chỉ tìm thấy ở miền Tây châu Úc: lan Rhizanthella. Cây lan trải qua vòng đời hoàn toàn dưới đất, kể cả khi ra hoa cũng cách mặt đất vài cm hay chỉ nhô lên rất ít. Giống lan này không lá, không quang hợp, sống ký sinh vào các khuẩn ty của một nấm sống cộng sinh ở rễ các cây bụi. Phát hoa của loài Rhizanthella garneri là một hoa đầu mọc vừa ló khỏi mặt đất, với đất cát và bã thực vật lẫn vào. Hoa được che phủ bởi một số lá bắc rộng xếp chồng lên nhau. Hoa xếp xoắn ốc, hướng vào tâm, không có cuống hoa. Tràng và đài đính nhau ở đáy, làm thành một vòm che trên môi và trụ. Môi khác với các lá hoa về hình dạng, kích thước, màu sắc, và không có mật hoa. Trụ ngắn và có lông. Thời gian trổ hoa tuỳ loài, trái là một quả mọng không tự khai, chứa khoảng 50-100 hạt.

2. Phân loại và Tiến hoá của họ Lan

Họ Lan là một họ lớn lao về số lượng chủng loài, đa dạng, đủ phương thức sinh trưởng, phương cách chăm sóc nuôi trồng, nên việc phân loại họ này cũng gây nhiều bối rối. Tuỳ mục đích có nhiều cách phân loại lan.

Dựa trên môi trường sinh trưởng và sự thích ứng có địa lan, phong lan, thạch lan. Những địa lan tuỳ loài có khi phải cần đất có tính chất giống như trong tự nhiên hoặc có thể thích nghi với loại đất khác. Phong lan sống biểu sinh trên một cây khác và thạch lan sống trên đá, và chúng thích ứng với môi trường sống bằng cách tạo nên những lớp tế bào bảo vệ dầy, các lớp sáp, và cơ quan trữ nước. Đa số các lan nhiệt đới nuôi trồng là phong lan. Rễ trên không của phong lan dễ bị hư thối khi bịúng nước (do môi trường yếm khí) nên cần môi trường thoát nước dễ, cần cẩn thận xen kẽ khi tưới, khi để khô. Lan cũng có vài loài thuỷ sinh, sống nơi đầm lầy hay trong nước. Lan Spiranthes là lan thuỷ sinh được ưa chuộng.

Lan cũng phân loại dựa trên cách sinh trưởng. Lan đơn trục như Hồ điệp (Phalaenopsis), Thanh nga/Huệ đà (Vanda), hay Va ni (Vanilla). Lan hợp trục có thân hành giả như lan Hoàng hậu (Cattleya), Oncidium, hay Đoàn kiếm (Cymbidium)…, không có thân hành giả như Vệ nữ hài (Cypripedium), Tiểu long (Dracula).

Lan cũng có khi phân loại dựa trên đặc tính, như kích cỡ nhỏ có Cần diệp (Bulbophyllum), hay lớn có Diệp lệ (Grammatophyllum); dựa trên thích ứng với nhiệt độ của môi trường để phát triển, để vào miên trạng trước khi ra hoa…như loài ưa nóng cần nhiệt độ 30-32 có Vanda, Phalaenopsis; loài ưa ấm cần khoảng 25C có Cattleya, Oncidium; ưa dịu khoảng 20C có Cambria; ưa mát khoảng 15C có Lycasta; ưa lạnh khoảng 10C có Dracula, Ida…Vài lan cần một thời gian miên trạng để có thể ra hoa, cần miên trạng mát như nhiều Dendrobium (Hoàng thảo, Hồng câu, Dã hạc, Phi điệp, Thuỷ tiên hường, Móng rùa..) và Coelogyne (Thanh đạm), cần miên trạng ấm và khô như Cattleya (Hoàng hậu), hay không cần miên trạng như Hồ điệp (Phalaenopsis), Vanda.

Lan cũng có khi phân loại "dễ tính" nghĩa là thích hợp với biên độ rộng các điều kiện sinh trưởng như Phalaenopsis, vài Dendrobium, Bạch cạp (Bletilla), Lan hài, Vệ hài, Vân hài (Paphiopedilum spp), hay "khó tính" đòi hỏi những điều kiện nuôi trồng đặc biệt như Tiểu long (Dracula) không chịu nóng và tưới nước không thích hợp, một vài Cattleya không ra hoa nếu không có quang kỳ thích hợp. Nuôi trồng lan khó tính thường cần nhà kính.

Nhưng mang tính hữu ích và khoa học là phân loại họ Lan do các nhà thực vật học đề xuất. Trước đây, các nhà phân loại thực vật dựa trên đặc tính hình thái của hoa, phấn khối, nuốm, bao phấn, lá, màu sắc, cách thức sinh trưởng…chia họ lan thành 6 họ phụ. Đến trước năm 2007, không một hoá thạch nào của lan được tìm thấy, nên dựa vào sinh học phân tử, phân tích bộ gene của DNA- vòng của lục lạp của các loài lan hiện hữu để phân loại theo tiến hoá và ước tính thời điểm phát sinh họ Lan là cách nay khoảng 45 triệu năm. Năm 2007, một hoá thạch hổ phách tìm thấy ở Cộng hoà Dominican, thuộc thế Miocene cách nay 15-20 triệu năm, có chứa phấn khối đặc trưng họ Lan đính vào cánh một con ong. Năm 2017 một hoá thạch khác có phấn khối lan và côn trùng, tuổi ước tính 50 triệu năm (thời điểm họ lan phân hoá đa dạng cao) cũng tìm thấy ở vùng Baltic. Công việc xác định và so sánh trình tự di truyền phân tử cũng có nhiều tiến bộ trong kỹ thuật phân-giải trình-tự DNA ở những vị trí gen đặc biệt, ở những ribosome của nhân tế bào, ở các mitochondria, hay các gene có tính sao chép thấp, như những mốc chỉ dấu để thiết lập quan hệ tiến hoá, cho phép chuẩn định thời điểm phát sinh họ Lan là khoảng thế Creta muộn, cách nay 76-84 triệu năm, sớm hơn nhiều so với trước đây đã nghĩ. Thêm nữa, thời điểm đa dạng hoá vô cùng nhanh chóng của họ Lan xảy ra **sau** biến cố đại tuyệt chủng K/T cách nay độ 65 triệu năm, và ở vào thời kỳ trái đất lạnh đi, không phải nóng lên, cách nay 31-38 triệu năm. Một vài nghiên cứu gần đây cho là thời điểm phát sinh họ Lan khoảng 112 triệu năm trước và hai họ phụ tiến bộ nhất Orchidoideae và Epidendroideaetách nhau ở cuối kỷ Creta; và sự phân hoá xảy ra với tốc độ cao.

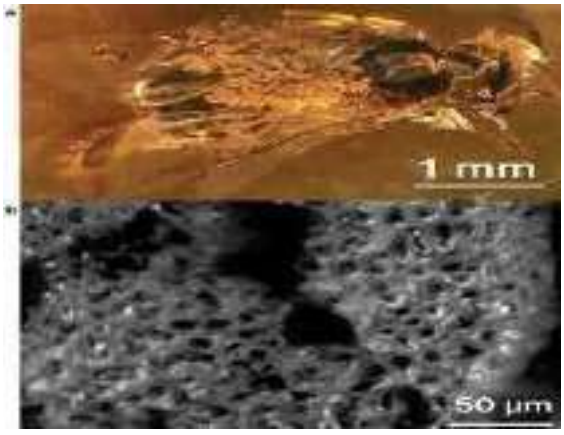

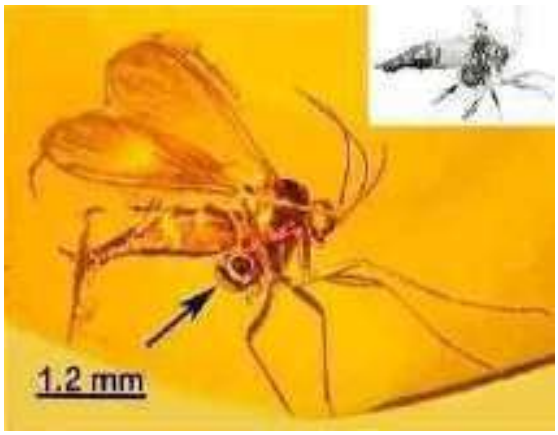

Mặc dù việc phân loại dựa trên hình thái vẫn còn hữu ích, nhưng đôi khi một vài tính chất giống nhau lại hiện diện trên các loài không liên hệ nhau thì dễ gây lúng túng. So sánh DNA cho thấy rất hữu dụng khi các nhà khoa học dùng trong việc thiết lập liên hệ giữa các nhóm. Các nhà khoa học của Vườn Thực Vật Kew đã chọn phương tiện này để sắp xếp phân loại và xây dựng cây tiến hoá họ Lan. Các công trình phân-giải các trình-tự gene-dấu-mốc của DNA các lạp thể và nhân tế bào của các tông, phân tông, chi họ Lan, đưa đến cây phát sinh khả dĩ như sau:

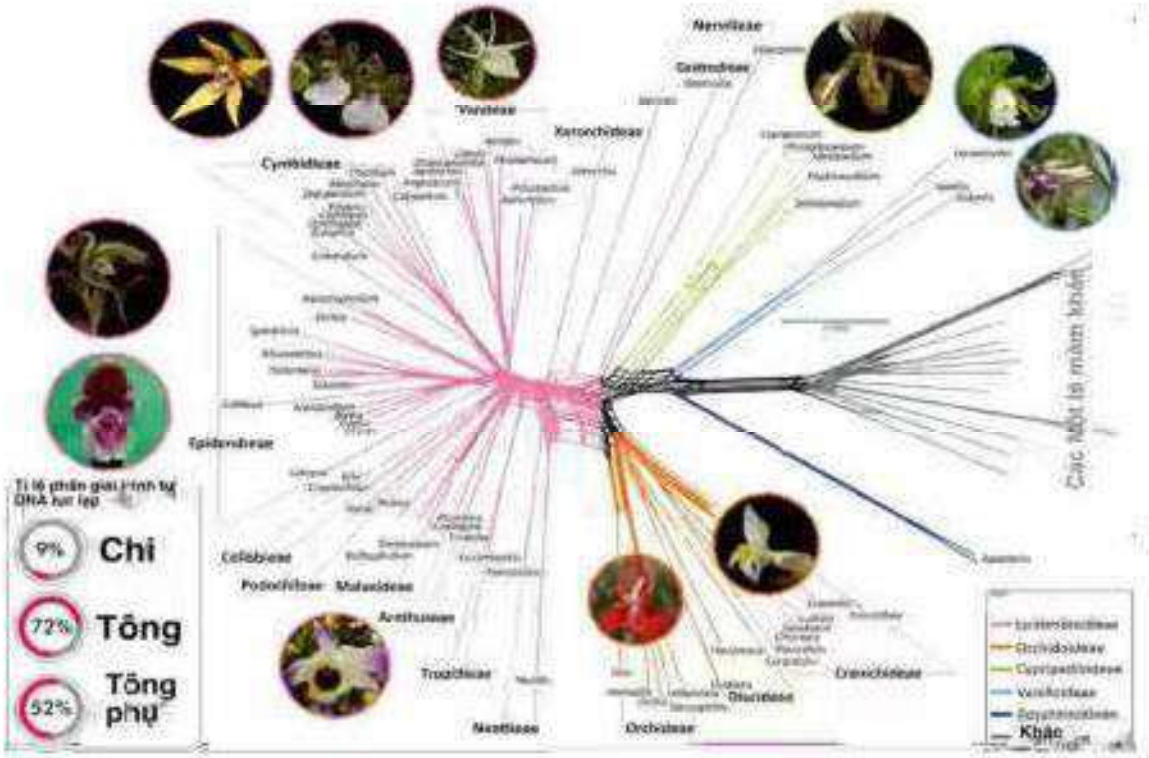

Có nhiều chỉ dấu cho thấy tất cả lan hiện tại phát xuất từ tổ tiên chung với loài Hypoxis (Hạ trâm), họ Hypoxidaceae. Hạ trâm có 6 cánh hoa không khác biệt, 3 lá đài vòng ngoài, 3 lá tràng nằm trong; 6 nhị đực cũng chia thành 2 vòng. Chính sự giảm thiểu số nhị và sự kết hợp hoà lẫn giữa nhị và nhuỵ là biến đổi chính đưa đến sự thành hình và tiến hoá của họ Lan. 99% số loài lan (thuộc 3 họ phụ tiến bộ) đều chỉ có **một** nhị khả thụ, và đây là đặc tính tiêu biểu chỉ thấy ở họ Lan mà thôi.

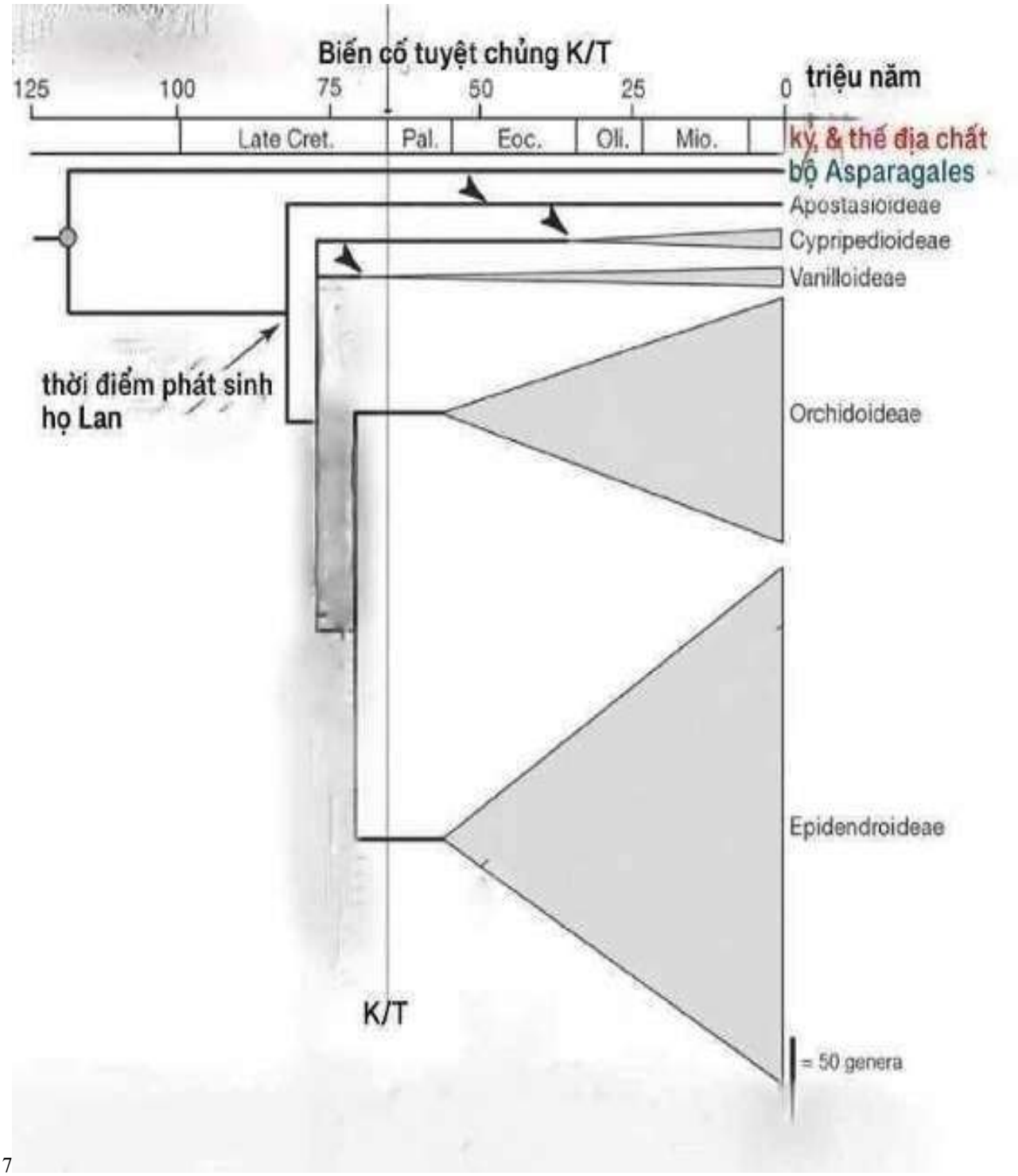
Biến cố tuyệt chủng K/T
125
100
75
50
25
0
triệu năm
Late Cret.
Pal.
Eoc.
Oli.
Mio.
kỷ, & thế địa chất
bộ Asparagales
Apostasioideae
Cypripedioideae
Vanilloideae
thời điểm phát sinh
họ Lan
Orchidoideae
Epidendroideae
K/T
= 50 genera

7

Hiện tại có 5 họ phụ (phân họ) của Lan được công nhận rộng rãi. Các họ phụ được chia nhỏ hơn thành tông, dưới tông là các tông phụ. Theo Dressler và cộng sự (1993), có 22 tông và 70 tông phụ, dựa chủ yếu trên hình thái của lan, vẫn có giá trị như khung chuẩn. Các phương cách chia tông họ Lan vẫn còn chưa thống nhất giữa những nhà thực vật trong hiện tại, đang tiếp tục được sắp xếp lại dựa trên các khám phá mới về phân tích di truyền phân tử.

i. Họ phụ **Apostasioideae,** hay **Cổ lan/Giả lan,** các Cổ lan thường được coi là nhóm sơ khai nhất. Họ phụ này có 16 loài xếp trong 2 hoặc 3 chi, và không có loài nào được nuôi trồng. Tất cả là địa lan chỉ phân bố trong khu vực châu Á, bắc châu Úc, và các đảo lân cận. Hoa đều đặn và tương tự như hoa Hạ trâm.

ii. Họ phụ **Cipripedioideae,** hay **Lan hài,** các Lan hài vẫn còn 2 nhị ở hoa. Họ phụ này có 5 chi với khoảng 150 loài, phân bố rộng khắp vùng nhiệt đới của Á-Âu, Bắc và Nam Mỹ châu. Nhị đực giữa bất thụ và biến đổi thành một nắp rộng che đỉnh trụ, ngăn sự tự thụ phấn; và hai nhị khả thụ nằm dấu sau nắp. Môi hình túi như một cái bẫy côn trùng thụ phấn, thành bên trong trơn và có lông ở giữa có tác dụng như một cái thang dẫn đến ngõ thoát ở cuống hoa.

iii. Họ phụ **Vanilloideae,** hay **Va ni,** là một nhóm nhỏ với khoảng 200 loài phân bổ trong 16 chi. Đa số loài phân bố vùng nhiệt đới. Hoa của họ phụ này chỉ có một đầu bao phấn nằm trên trụ. Chi Vanilla được biết nhiều gồm khoảng 70 loài dây leo.

iv. Họ phụ **Orchidoideae,** hay **Hà biện**, đa phần là địa lan với căn hành mập, gồm hầu hết các loài lan ở châu Âu và Địa trung hải. vùng ôn đới bắc và nam châu Mỹ, địa lan châu Phi và Madagascar, và vùng ôn đới châu Úc. Hoa chỉ có một bao phấn khả thụ nằm trên trụ hoa. Phấn khối có thể tách thành mảng hay hạt. Họ phụ chia ra 6 tông với khoảng 62 chi, 3630 loài.

Họ phụ **Epidendroideae,** hay **Lan biểu sinh,** là nhóm **lớn nhất**, gồm chính yếu là các phong lan phụ sinh, phân bố hầu như khắp thế giới. Các loài lan rực rỡ của vùng nhiệt đới được ưa chuộng, được nuôi trồng đều thuộc nhóm này như lan Hoàng hậu Cattleya, Hồ điệp Phalaenopsis, Huệ đà Vanda, Oncidium…Hoa của họ phụ này cũng chỉ có **một** bao phấn hoà trong trụ, có phấn khối kết dính. Cách thức sinh trưởng đơn trục hoặc hợp trục với thân hành giả. Họ phụ này chứa khoảng 20,000 loài, xếp trong khoảng 500 chi. Với số lượng quá lớn và đặc tính quá phức tạp, họ phụ này lại được chia xuống thành nhiều tông, tông phụ. Có **hai nhóm tông**, nhóm tông **bậc thấp** (cổ hơn, ước tính có khoảng 10,000 loài phân bổ trong khoảng 100 chi) với các loài phân hoá sớm hơn trong quá trình tiến hoá, còn chia sẻ nhiều tính chất với Orchidoideae. Nhóm tông **bậc cao**, trước đây là họ phụ Vandoideae, gồm khoảng 5,000 loài phân bổ trong khoảng 300 chi. Nhóm tông bậc cao phân bố chủ yếu ở vùng nhiệt đới. Cũng nên biết là liên hệ giữa các tông của họ phụ này chưa được thiết lập rõ ràng và vẫn còn được nghiên cứu trong hiện tại.

Một cách tổng quát, các loài lan ôn đới là các địa lan, và lan vùng rừng nhiệt đới ẩm có khoảng 80% là phong lan. Tất cả các loài lan trong giai đoạn đầu đời đều phải phụ thuộc vào khuẩn để nảy mầm và hấp thu dưỡng chất. Một điểm đặc sắc là các loài lan đã thủ đắc một sự đa dạng hoá các hoa một cách vô cùng phong phú.

Kể từ thời Darwin, các nhà khoa học đã ngạc nhiên trước sự tiến hoá và đa dạng hoá của họ Lan trên toàn thế giới, nhất là sự thích ứng của họ này với sự thụ phấn nhờ côn trùng. Hoa lan hấp dẫn côn trùng, đa số thuộc bộ cánh vẩy (bướm và ngài) và ong hoa lan Euglossa, bằng sự kết hợp tuyệt hảo giữa màu sắc rực rỡ, mùi thơm, mật hoa, hình dạng và cả chất dẫn dụ phái tính pheromone. Mộtsố nhiều loài lan đã chuyên hoá hoa để chỉ thuận lợi cho một vài loài côn trùng. Tốc độ thúc đẩy sự tiến hoá và phân hoá họ Lan còn có liên quan khá rõ đến những yếu tố như sự tiến hoá của phấn khối, dạng sinh trưởng biểu sinh, tiến trình quang hợp CAM (quang hợp 2 bước của những loài thựcvật vùng khô hạn để chống thoát nước, ban đêm các khí khổng ở lá mở ra để nhận khí carbonic và chứa chúng trong các không bào dưới dạng malate, ban ngày khí khổng đóng lại, CO_2 được chuyển đến lục lạp để thực hiện quang hợp), sự phân bố ở vùng nhiệt đới, sự thụ phấn bởi những côn trùng đặc trưng cho loài, cùng với cách thức dẫn dụ côn trùng.

- **Phân bố họ Lan trên thế giới**

Lan phân bố khắp nơi, khắp mọi môi trường, nhưng phong phú nhất về sự đa dạng và số lượng tập trung vùng rừng mưa nhiệt đới, nhiều nhất là khu vực Trung và Nam châu Mỹ. Lan có thể ra hoa ở vành đai bắc cực như một số lan hài Cypripedium, hay trổ hoa ở đầm lầy cực Nam bán cầu như Corybas. Có vài chi lan có mặt khắp nơi như Vanilla, Bulbophyllum, Habenaria. Lan cũng có nhiều loài đặc hữu cho một khu vực, cao nhất là châu Úc với 88% các địa lan không tìm thấy nơi khác.

Theo Dressler ước tính có khoảng 7,500 loài ở vùng Nam Mỹ, châu Á nhiệt đới có khoảng 6,800 loài, châu Phi nhiệt đới có khoảng 3,100 loài, châu Úc khoảng 900 loài. Hiện tại, số loài mới vẫn được tìm thấy khá thường xuyên ở khắp nơi. Chi lan Hoàng thảo, Dendrobium, và chi lan Lọng, Bulbophyllum, có nhiều loài nhất khoảng 1,500 loài cho mỗi chi.

Trong vùng nhiệt đới, sự phong phú của lan tuỳ theo cao độ, khá nghèo nàn dưới thấp, và phong phú trong khoảng cao độ 1,000-2,000 m. Nhiều khi trên một cây chủ có nhiều loài lan cùng mọc, cá biệt đếm được 47 loài trên cùng 1 cây ở Venezuela.

Trong khoảng vài mươi năm trờ lại, nhiều loài Lan có nguy cơ biến mất do mất môi trường sinh trưởng vì nhu cầu phá rừng làm nông nghiệp, và do các nhà sưu tập săn lùng quá độ. Một số loài lan chỉ còn dưới 50 cây trong tự nhiên, ba loài có số cá thể ít nhất được ghi nhận là Kim hài Việt nam,

Paphiopedilum vietnamense, một địa lan chỉ còn độ 33 cây ở Thái nguyên, lan đầm rêu Hawaii, Peristylus holochila còn 28 cây, và Zeuxine rolphiana ở đảo Andaman Ấn độ còn 18.

Phần dưới đây trong mục này dựa trên hai tài liệu, Orchids Around the World của Oregon Orchid Society và chương 5 của quyển Orchids, Regional Accounts, IUCN.

Các nhà khoa học thực vật chia sự phân bố của họ Lan trên trái đất thành 17 khu vực sinh thái, dựa trên sự tương tự về khí hậu, địa lý, các dạng sinh trưởng cùng các chi thực vật ưu thế hoặc đặc sắc.

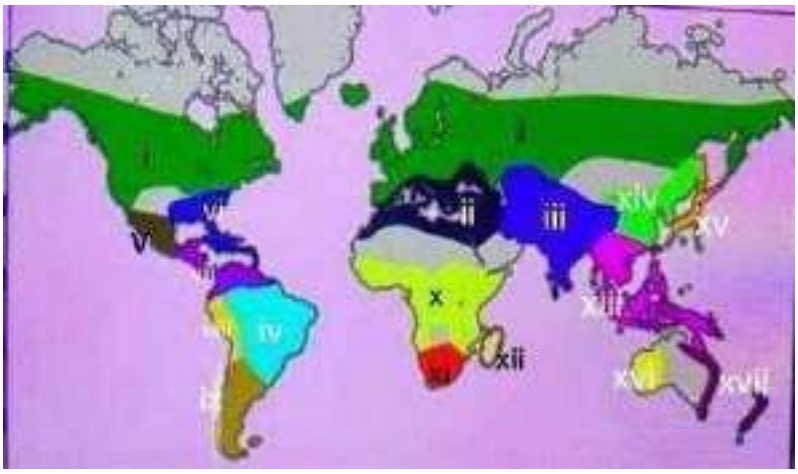

i. Khu vực **Rừng ôn đới Bắc bán cầu,** khi nghĩ đến Lan ít người quan tâm đến khu vực này, nhưng đây thật sự là khu vực của địa lan, với sự đa dạng chủng loài rất lớn. Rất nhiều chi địa lan phân bố khắp Bắc châu Mỹ, châu Âu, và châu Á. Thường các loài là đặc sắc cho từng vùng vì địa lan đòi hỏi những điều kiện sinh trưởng rất riêng biệt, đôi khi sống cộng sinh với các khuẩn hay cây chủ của địa phương. Những loài nầy rất khó gây trồng.

Các chi tiêu biểu có Cypripedium, Listera, Corallorhiza, Goodyera, Spiranthes, Plantanthera, Calypso.

Ý thức bảo vệ thiên nhiên khu vực này rất cao.

ii. Khu vực **Địa trung hải**, được coi là á nhiệt đới khí hậu có phân mùa nhẹ, dạng sinh trưởng họ Lan đại đa số là địa lan. Cao độ khu vực từ biển đến núi cao và tuỳ cao độ sự khác biệt mùa cũng thay đổi. Nơi mùa đông có tuyết phủ thường trực, lan chịu một mùa đông lạnh và khô dài tiếp theo là mùa xuân rất ẩm, rồi đến hạ thu nóng và khô. Biến đổi này rất khó bắt chước để di thực nuôi trồng lan của khu vực.

Các chi tiêu biểu: Orchis, Ophrys, Cypripedium, Seripias, , Epipactis, Dactylorhiza, Spiranthes.

Các quốc gia trong vùng rất quan tâm đến công việc phục hồi và bảo tồn thiên nhiên sau một thời gian dài không chú ý trong quá khứ.

iii. Khu vực **Nam Á châu,** cũng gọi là Tiểu lục địa Ấn độ, có cao độ từ mực nước biển đến tới đỉnh núi cao nhất thế giới. Vùng đất từ Ấn độ dương đến cao nguyên Tây tạng có khí hậu giống như vùng đất từ bình nguyên Brazil đến dãy Andes ở Nam bán cầu. Thảm thực vật cả hai nơilà rừng thường xanh, mưa ẩm nhiệt đới. Lan sinh trưởng vùng này chịu sự thay đổi mùa rõ rệt, đông, hạ, gió mùa, giao mùa. Nhưng một phần lớn khu vực Nam Á thuộc về nhiệt đới, có cả những vùng khô hạn sa mạc. Phong lan lẫn địa lan sinh trưởng tốt đẹp trong khu vực.

Những chi tiêu biểu: Acanthephippium, Coelogyne, Arundina, Paphiopedilum, Cymbidium, Phaius, Dendrobium, Renanthera, Pleione, Bulbophyllum.

Vài hình ảnh lan được ưa thích:

Việc đốt phá rừng làm nông nghiệp, việc khai thác lâm sản đã làm giảm mức phong phú loài lan khu vực này. Rất nhiều loài có nguy cơ tuyệt chủng (một thí dụ là loài Paphiopedilum druryi phổ biến trước đây ở miền Nam Ấn độ, nay trở thành rất hiếm). Hệ thống quản trị nhà nước phức tạp cũng làm cho những luật lệ bảo tồn thiên nhiên ít được tôn trọng.

iv. Khu vực **Lưu Vực Amazon,** trải dài từ sườn Tây dãy núi Andes đến bờ biển Đại tây dương, là lưu vực lớn nhất thế giới với rừng mưa nhiệt đới nóng, ẩm, dày kín thực vật lớn nhất trái đất, thường được coi là lá phổi của hành tinh. Cần lưu ý là đa số các loài lan trong khu vực này hiện diện phía Đại tây dương, trên những vùng khô hơn. Xa hơn về phía Nam cách xa xích đạo, những biến đổi theo mùa như độ dài ngày-đêm ảnh hưởng đến sự trổ hoa mạnh hơn sự xen kẽ thời kỳ khô-ẩm.

Các chi lan chính: Cattleya, Laelia, Catesetum, Huntleya, Oncidium, Brassavola, Miltonia, Bifrenaria, Sophronitis, Cochleanthes, Stanhopea, Zygopetalum.

Dù có diện tích bao la, dù được cộng đồng thế giới quan tâm bảo vệ, dù chính phủ liên quan có nhiều luật lệ quản trị, rừng Amazon vẫn bị phá huỷ với tốc độ nhanh đáng báo động, nhất là ở Brazil. Công tác bảo vệ đặt trọng tâm trên điều kiện môi trường sống của thổ dân, của thú hoang dã,của cây rừng hơn là chú trọng đến lan. Với những loài lan có một vùng sống tương đối hẹp và kén chọn ổ sinh thái, chúng rất dễ bị tuyệt chủng.

v. Khu vực **Mexico,** lan phân bố từ biển đến độ cao 5,500 m. Đa số lan của khu vực là phong lan. Loài lan nổi tiếng của khu vực này là Va ni, Vanilla planifolia, một lan dây leo, cho ra hương vị va ni trong công nghiệp thực phẩm từ sự lên men trái (đậu lan). Nhiều loài lan khu vực này có thân hành giả lớn chứa nước, giúp cây chịu đựng khô hạn trong thời gian khá dài. Lan mọc vùng khô hạn trong khu vực này có nhu cầu ánh sáng cao.

Các chi tiêu biểu: Laelia, Vanilla, Brassia, Brassavola, Barkeria.

Lan thiên nhiên khu vực này (khoảng hơn 1,200 loài) có nguy cơ sụt giảm trầm trọng do sự khai thác quá độ và do khai thác rừng làm mất môi trường sinh sống. Laelia gouldiana, một loài lan chưng bày được ưa thích, hầu như biến mất trong tự nhiên.

vi. Khu vực **Caribe và Đông Nam Hoa kỳ,** có phân mùa rõ nét và ẩm độ tương đối cao quanh năm. Khu vực có đủ phong lan, địa lan, chủng loại phong phú, nhất là trong nội địa Hoa kỳ vì khu vực sinh trưởng này rất đa dạng về địa chất địa mạo từ rừng ngập mặn, rừng khô cao độ thấp, vùng đá vôi karst, vùng mẫu thạch là khoáng vật serpentin, rừng thông, rừng mưa, rừng ẩm cây thấpvùng núi cao.

Các chi lan tiêu biểu: Phong lan có Encyclia, Tolumnia, Schomburgkia, Polyrrhiza, Broughtonia; Địa lan có Plantanthera, Calopogon, Spiranthes.

Đây là khu vực có những luật lệ bảo tồn thiên nhiên tốt. Nhưng vẫn có vài loài mà sự sống bị đe doạ do nhu cầu mở đất nông nghiệp, thí dụ như một loài lan nhỏ Lepanthes caritensis, chỉ còn khoảng dưới 200 cây, phụ sinh trên 8 cây chủ hay loài Broughtonia cubensis biến mất ngoài thiên nhiên.

vii. Khu vực **Trung Mỹ vá Bắc Nam Mỹ,** kéo dài từ Nam Mexico xuống tới xích đạo. Giữa eo đất Trung Mỹ là núi cao, đồng bằng nằm phía Đại tây dương. Khí hậu rất cực đoan do chịu ảnh hưởng của hai đại dương hai bên núi. Vùng núi khô, trong khi bình nguyên nóng và âm. Vùng nhiệt đới ngang xích đạo, thảm thực vật gồm rừng ngập mặn ở bờ biển phía đông, đến rừng mưa nhiệt đới, rừng gió mùa khô, thảo nguyên, bán sa mạc, đến rừng ôn đới lá kim trên núi cao đầu dãy Andes.

Các chi lan tiêu biểu: khu vực rất phong phú chủng loại, nhiều loài được phổ biến trong giới sưu tầm: Elleanthus, Habenaria, Oncidium, Scaphyglottis, Pleurothallis, Lepanthes, Epidendrum, Cranichis, Maxillaria, Catasetum, Cattleya, Phragmepedium, Schomburgkia.

Khu vực miền núi hiểm trở, ít đường giao thông, đi lại khó khăn, thưa dân…nên thiên nhiên các nơi này chưa bị xáo trộn nhiều bởi sinh hoạt con người. Nhưng các loài lan khu vực này rất nhạy với sự thay đổi môi trường sinh trưởng, thường đưa đến sự giảm sút đa dạng chủng loài khá nhanh chóng.

viii. Khu vực **Dãy Núi Andes**, đặc biệt sườn phía Đông là một hệ sinh thái độc đáo, cho thấy một sự đa dạng lớn lao các loài lan. Hệ thống khí ẩm di chuyển về hướng Tây xuyên qua lưu vực Amazon bị ngăn lại bởi bức tường thành núi cao đến cả 6,000 m này. Khối khí ẩm ướt sương mù này được đẩy lên cao và là nguồn cung cấp nước chính, là cái nôi cho rừng ẩm do mây thành hình. Đây chính là khu vực sinh trưởng của các loài lan ưa mát và ẩm, nhiệt độ trong khoảng 10- 25C, ánh sáng tán xạ.

Các chi tiêu biểu: Masdevallia, Dracula, Pleurothallis, Phragmipedium, Miltoniopsis, Bollea, Maxillaria, Stelis, Kefersteinia, Chondrorhyncha, Lepanthes, Pescatoria.

Rất nhiều tổ chức, quỹ nghiên cứu địa phương và quốc tế hợp tác để bảo tồn sinh thái khu vực đặc sắc này, kể cả việc bảo vệ các loài lan, được dành cho một dãy rừng rộng lớn để sinh tồn.

ix. Khu vực Patagonia, là cực Nam của Nam châu Mỹ. Đây là khu vực gió lạnh và dữ dội, quét qua vùng bình nguyên thấp, do điều kiện địa hình và khí hậu khắc nghiệt của vùng phía Nam dãy Andes. Các loài lan khu vực này là địa lan, thích nghi với điều kiện giá lạnh. Việc gây trồng địa lan rất khó vì chúng phụ thuộc vào thổ nhưỡng đặc trưng của vùng và cả những biến đổi cực đoan theo mùa của khí hậu; là những điều kiện rất khó rập theo.

Các chi tiêu biểu: Codonorchis, Gavilea, Chloraea, Isabelia.

Nguy cơ lớn nhất cho môi trường khu vực này là chăn thả súc vật. Thực vật tự nhiên của khu vực này bị tổn hại với tốc độ báo động. Rất nhiều nổ lực đang thực hiện để cải thiện tình trạng này.

x. Khu vực **Trung Châu Phi** bao gồm nhiều vùng sinh thái khác nhau. Khu vực này Bắc giáp sa mạc Sahara bao la, phía Nam là sa mạc Kalahari. Vùng trung tâm khu vực Trung châu Phi là rừng nhiệt đới phong phú, với đường xích đạo gần như chia đôi khu vực. Vùng phía Tây có hai mùa ẩm và khô thay nhau rõ nét. ■

(Còn tiếp)

Nguyễn Lương Duyên

Back to Contents

Poetry in Translation
TMCS

ĐÔI NÉT VỀ ĐỒNG ĐỨC BỐN.

Nhà thơ Đồng Đức Bốn (30/3/1948 - 14/2/2006) sinh ra trong một gia đình lao động nghèo ở ngoại ô Hải Phòng. Ông bắt đầu sáng tác thơ vào cuối những năm 1980. Đồng Đức Bốn mất ngày 14 tháng 2 năm 2006 tại nhà riêng ở thôn Song Mai, xã An hồng, huyện An Hải, Thành phố Hải Phòng khi ông 58 tuổi bởi bệnh ung thư phổi. Đồng Đức Bốn có nhiều đóng góp quan trọng trong thể loại thơ lục bát. Thơ lục bát của ông có cách ngắt nhịp, dùng từ khá độc đáo, rất giàu hình ảnh với tứ thơsâu lắng.

Chân dung Đồng Đức Bổn do TMCS vẽ

CHĂN TRÂU ĐỐT LỬA
Đồng Đức Bốn

Chăn trâu đốt lứa trên đồng
Rạ rơm thì ít, gió đông thì nhiều
Mải mê đuổi một con diều
Củ khoai nướng để cả chiều thành tro.

Grazing the buffalo and making a fire
Translated by TMCS

I grazed my buffalo and made a fire in the field.
There were only a few little straws to burn, but a lot of cold wind to shield.
All afternoon, I chased after the soaring kite,
Leaving my baked sweet potatoes burnt to a blight.

GARDER LE BUFLE ET FAIRE DU FEU
Version française de TMCS

Je fais paître mon buffle et je fais du feu dans les champs.
Il n'y a qu'un peu de paille, mais beaucoup de vent froid
Tout l'après-midi, j'étais occupé à courir après le cerf-volant
donc toutes mes patates douces cuites dans la paille
ont été réduites en cendres.

NHIÊN HOẢ-MỤC NGƯU
TMCS dịch Hán Việt:

Mục ngưu nhiên hoả ư điền dã
Quá thặng hàn phong, đạo thảo khan
Hạ ngọ phong tranh toàn lực cản
Nhi vong khảo thự hoả thiêu tàn.

Nghĩa:

ĐỐT LỬA- CHĂN TRÂU

Chăn trâu đốt lứa trên cánh đồng
Gió lạnh quá thừa, thiếu rơm rạ.
Buổi chiều ra sức đuổi theo con diều,
mà quên củ khoai nướng, lứa thiêu rụi.

燃火牧牛

同德本詩- 相梅居士儒版

牧牛燃火於田野
過剩寒風稻草慳
下午風箏全力趕
而忘烤薯火燒殘 ■

Back to Contents

Hạt Mưa Ký Ức

Vũ Thị Ngọc Thư

" ... Nụ đã nghe rất nhiều câu chuyện mà người thân trong gia đình bồi hồi xao xuyến nhắc về mùa thu cây bàng lá đỏ có hương cốm thoảng theo gánh cô hàngđong đưa qua phố; Nỗi nhớ chiều hồ Gươm sương phủ bạc trắng bốn bờ, hiu hắt tiếng sâm cầm ngơ ngác gọi bầy ..."

Lúc thật bé, mọi người trong nhà và các cô bên nhà ông nội đều gọi nó là Nụ. Nụ chỉ còn nhớ ngày còn lẫm chẫm đi lại trên khoảng sân gạch nâu đỏ bên trong khung cửa sắt cao màu xanh ở cổng nhà, lúc nào cũng nghe văng vẳng tiếng u già gọi *cô Nụ ơi* hay *em Nụ đâu rồi.* Giọng u ấm áp, luôn thấp thoáng ẩn hiện nụ cười đen nhánh, và đôi mắt hiền hòa dưới chéo khăn mỏ quạ màu quả trám khô. Nụ thích lắm tiếng u già gọi nó như thế, nhất là những khi hai u cháu chơi ú òa phải trốn, tìm nhau. Âm vang tiếng gọi của u vừa yêu chiều, vừa dịu dàng, vừa quý mến như đặt Nụ vào một vị thứ nào đó quantrọng trong gia đình. Nghe là lạ, nhưng dễ chịu, khác với tiếng Nụ ngắn gọn, cụt ngủn, mọi người khác vẫn luôn dùng để gọi nó; Đôi khi tiếng gọi dứt khoát của họ còn làm Nụ hơi bất ngờ, giật mình, và sợ hãi nữa. Tiếng gọi từ tốn của u già nặng đầy ý quan tâm bảo bọc, tình quyến luyến và còn như thầm chuyển mọi an nhiên, từ ái đến che chở Nụ. Nhiều năm qua, Nụ vẫn bâng khuâng tự hỏi tại sao " *cô Nụ ơi"* hay *"em Nụ đâu rồi"* cứ còn mãi trong tâm tưởng, và mỗi lần vọng về đều đem lại nhiều ngọt ngào, dịu êm như thế?

Phố Ngõ Trạm, Hà Nội

Trong trí nhớ, Hà Nội của Nụ là ngôi nhà với khoảng sân trước khá rộng, có bờ tường gạch bao quanh và khung cổng cao luôn được đóng kín bằng hai cánh cửa sắt màu xanh lá sấu. Ký ức ấy có u già, quanh năm chít khăn mỏ quạ thâm đen, và bao giờ quần áo cũng chỉ một mầu tối bạc như bị ám khói. U già vừa là vú nuôi của Nụ và cũng là một người bà con rất xa trong họ. Thỉnh thoảng Nụ còn ngờ ngợ thấy bóng dáng u dùng cọng lá đu đủ thổi bóng xà bông cho Nụ đuổi bắt quanh gốc sung khá to ở góc sân. Những bọt bong bóng trong veo, to nhỏ nhiều cỡ, lóng lánh bay vòng theo những đốm nắng trưa vàng mơ. Nụ nhớ thân cây sung có vài vết trầy, dấu khấc đã nám nâu, vàhơi nứt nẻ phần gần gốc, nhưng luôn chi chít các chùm quả mọng tròn, lung linh khác mầu nhau, như khoe độ chín của từng quả trên các nhánh. Những

Phố Hà Nội. Hoa sĩ: Bùi Xuân Phái

khi chiều chuộng hay nựng nịu dỗ dành Nụ, u già bầy sung vào mấy chiếc giỏ mây nhỏ để Nụ chơi. Mỗi giỏ một mầu quả, xanh rêu non, đỏ ánh cam, vàng thanh trà, và tím bồ quân; Những quả sung no nắng hoàng hôn, rực rỡ mầu sắc của một cõi vàng xưa. Bao năm qua, hình ảnh hiền hòa ngộ nghĩnh ấy vẫn thỉnh thoảng trở lại, nhưng chỉ lãng đãng trong tiềm thức của Nụ thôi, mờ nhạt như không thật. Tất cả đều lơ lửng chơi vơi, nhưng quẩn quanh không rời, không phải từ tưởng tượng hay ảo giác, và cũng chưa bao giờ thay đổi hay tan mất hẳn. Hà Nội vẫn lặng lẽ trở về với Nụ như vậy. Đôi lần không gian ấy còn mơ hồ quyện hương bồ kết rất nhẹ hay phảng phất mùi vỏ trầu dịu quen từ vai chiếc áo bôngcủa u già, nơi Nụ nhiều lần áp mặt gắt ngủ trong tiếng ru "*à à ơi, à à ời ... cái cò, cái vạc, cái nông ... sao mày dẫm lúa nhà ông hỡi cò?*" Tiếng à ơi mênh mang chấp chới chao liệng mãi trong giấc ngủ của Nụ.

Nhưng cũng có đôi lần Nụ đã ngờ ngợ nhớ lại một buổi sáng ảm đạm, mưa lấp lửng khắp nền gạch sân nhà. Cả gia đình dắt díu nhau vội vã lên xe. Bà ngoại bồngNụ, bố một tay xách chiếc va li nhỏ, tay kia dắt anh Cường, mẹ địu em bé và đeo một giỏ nan đựng mấy cái bánh giò, chai nước lọc, yếm tã em bé, không biết đã được u già chuẩn bị sẵn từ bao giờ. Phố vắng không một bóng người, nhà nào cũng đóng cửa, đường sũng ướt, ít xe qualại. Nụ nhớ mãi khi chỉ còn lại một mình trong sân, u già mếu máo sụt sùi dấu mặt trong chéo khăn trùm tóc. Cuối cùng, u chạy ra ngoài cổng, rũ rượi khuỵu xuống vừa khóc, vừa vẫy tay khi xe lăn bánh rời đi. Nụ váng vất, tức tửi giãy giụa trong tay bà. Phố lui dần lại, mưa nặng hạt, mờ mịt, không còn nhìn thấy u già nữa.

Ký ức sau đó là hai chiếc máy bay rất to, ướt đầm đìa dưới màn mưa phủ tràn sân bay, nơi mà sau này Nụ nghe bà kể là phi trường Gia Lâm. Rồi hình ảnh la liệt người nằm, ngồi chen chúc nhau trên sàn máy bay quanh chiếc khăn nhỏ bà trải cho mấy anh em Nụ ngồi. Máy bay dằn xóc chòng chành, có khi như đột ngột vọt lên cao, rồi lại bất ngờ hạ thấp thật nhanh. Mọi người trên sàn mất thăng bằng, ngả nghiêng chúi đổ vào nhau nhiều lần, ồn ào tiếng trẻ em kêu khóc suốt chuyến bay. Tất cả những hình ảnh lộn xộn, thất thường, đảo điên này là Hà Nội còn lại trong ký ức của Nụ. Cũng có thể, khúc đoạn dĩvãng nhỏ nhoi đó đã được phong phú thêm theo những mẩu chuyện bà ngoại kể mà Nụ còn nhớ được, hoặc từ những tấm ảnh ố vàng trong quyển album gia đình. Tâm trí Nụ toàn các đoạn phim mù mờ, hình ảnh nhập nhằng, gián đoạn, không đầu đuôi như vậy suốt những năm còn ở Sài Gòn.

Hà Nội đấy, bố kể, Nụ được sinh ra ở nhà hộ sinh trên phố Hàng Bún, một nhà thương khang trang có bên ngoài đẹp như biệt thự, tọa lạc giữa khu nhà yên tĩnh thuộc trung tâm thủ đô. Bấy giờ, đoạn đường với hai hàng cây bàng gần nhà thương đang giữa mùa lá đỏ, mây trời biêng biếc, lá khô lác đác quanh các gốc bàng rêu phong. Phố xôn xao sắc thu. Và Hà Nội còn có u già yêu dấu đã vò võ bón mớm

chăm chút Nụ bao đêm ngày. Hà Nội vừa thân quen, gần gũi và cũng vừa rất xa lạ, khó hiểu. Hà Nội mờ nhạt, thầm lặng, thao thiết đợi mong, và bàng bạc thôi thúc nhớ nhung. Lần nào hồi tưởng lại, Nụ cũng rưng rưng *vẩn vơ sợ một lúc nào phần ký ức mong manh đó sẽ không trở về nữa.*

Gia đình Nụ, Tết Giáp Ngọ,tháng 2-1954

Nụ rời Hà Nội khi được 3 tuổi, còn quá nhỏ để biết hay nhớ thời gia đình từng sống êm đềm, khá giả ở đấy. Theo lời kể của bà ngoại, bố mẹ đã có ba căn nhà gạch mái ngói, loanh quanh khu gần hồ Gươm. Khoảng sân có u già chít khăn mỏ quạ hay luẩn quẩn trong tâm trí Nụ là phần trước căn nhà mà gia đình cư ngụ trên phố Ngõ Trạm, gần chợ Hàng Da của Hà Nội ba mươi sáu phố thuở xa xưa. Hai căn nhà còn lại được dùng làm cơ sở của một trường tư dậy Pháp Văn do bố Nụ, chú Thụy và bác Liễn, haingười bạn của bố, cùng đảm nhiệm. Sau này được đọc một số tác phẩm nhắc đến Hà Nội của các nhà văn trong Tự Lực Văn Đoàn, Nụ đã nghĩ có thể nhà ở Ngõ Trạm thuộc khu trung lưu của Hà Nội ngày xưa vì có khoảng sân trưng bầy mấy chậu cây quý, có bụi hồng trà quanh năm dịu thơm, có cây phong thủy cành cong dáng nghiêng đặc thù, và một hòn đá to có vân ẩn hình bóng núi,
… đẹp êm đềm như một vườn cảnh nhỏ sau bờ tường rào. Trên vòm cổng còn thấp thoáng giàn dạ yến thảo quanh năm lác đác hoa tím rũ dịu dàng. Phong cách bài trí trong sân có nét ngưng đọng của thời gian, giống như một vườn non bộ nhỏ của những căn nhà khang trang trong phố, mà các truyện đã kể, và nhà Nụ cũng có cửa sắt mở ra bờ hè rộng, quanh năm rì rào bóng mát cây xanh. Cũng không ít lần, Nụ đã bâng khuâng tự hỏi không hiểu nhà Nụ ngày ấy có phảng phất sắc thái cổ phong, xa vắng như của nhiều ngôi nhà ở phố đã nhuốm mầu thời gian, trĩu nặng các hoài niệm? Hay là một nếp nhà mái xám hoặc ngói đỏ, hiu hắt trong khu phố ảm đạm màu sương mù, được diễn tả trong các tranh vẽ phố xưa sâu lắng của họa sĩ Bùi Xuân Phái[1]? Nhưng hẳn là phải thuộc khu thi vị, trữ tình vì Hoàng Anh Tuấn, người vô cùng yêu Hà Nội, đã không quên nhắc Ngõ Trạm, nơi đọng mãi ký ức mối tình ngọt ngào thơ dại của nhà thơ:

Anh nắn nót một trường thi lãng mạn
Thơ thuở bé khắc ghi tình Ngõ Trạm". ưa

(Trích từ “Bài Thơ Hà Nội”, Hoàng Anh Tuấn)

Nụ cũng không thể hiểu tại sao đã luôn nghĩ ngợi, thương nhớ Hà Nội dù không thật sự biết gì về nơi chốn ấy ngoài vài địa danh, hình ảnh chắp nối hay tự tưởng tượng dựa theo các câu chuyện hồi tưởng lại tháng ngày bình yên hạnh phúc cũ của những người lớn trong gia đình.

Giã từ Hà Nội, cuộc sống của gia đình Nụ đã rất long đong, vất vả trong nhiều tháng đầu tiên ở Sài Gòn.

Trại Tam Cư ở Trường Pétrus Ký, Sài Gòn

Gần cuối tháng 8 năm 1954, gia đình Nụ đến trại tạm cư trong khuôn viên của Lycée Pétrus Ký, tên trường vừa lạ vừa khó phát âm nhưng bố đã trìu mến nhắc đến rất nhiều lần trong những năm cả gia đình còn ở Sài Gòn.

Những hình ảnh tiếp theo trong trí nhớ là một khoảng sân trung tâm rất rộng, nhiều thảm cỏ xanh, nắng trưa rực rỡ, bầu trời bông bênh những dải mây trắng, và hàng cây hoàng điệp xào xạc tiếng lá trong khuôn viên trường Pétrus Ký. Trên bốn vuông cỏ rộng giữa sân, hàng hàng lều vải giống nhau được dựng san sát kín mọi chỗ trống. Gia đình Nụ được chia cho một cái lều ở góc ngoài gần sát lối đi tráng xi măng. Lều hơi thấp nên anh em Nụ thường chỉ được ngồi hay nằm mỗi khi về ăn cơm hay chia nhau chỗ ngủ trên chiếc chiếu choán gần kín diện tích mặt cỏ ở dưới lều. Gia đình ông bà nội cũng ở một nhà lều như vậy, khoảng gần giữa sân, nơi có tượng cụ Trương Vĩnh Ký[2]; Bà ngoại gọi là tượng cụ bác học và dậy Nụ phải khoanh tay cúi chào cụ mỗi khi đi đâu qua vùng trung tâm sân trường.

Trại Tạm Cư ở Sài Gòn, Tháng 7 1954. Hình từ Internet

Từ đó, ngày ngày cô Hiên, tay dẫn Nụ tay cắp rổ, xếp hàng chờ ở gần cổng trường để nhận thực phẩm tương trợ của chính phủ hay các tổ chức nhân đạo. Nắng trưa ong ong, đông người, ngột ngạt nhưng mọi người đều kiên nhẫn chờ nhận gạo, muối, cá khô để có phần ăn qua ngày. Nhà ông nội đông các cô, chú nên ngoài cô Hiên, cả cô Loan cũngphải phụ xếp hàng như thế. Thỉnh thoảng, Nụ được các bác chia gạo dúi cho chiếc kẹo dừa thơm béo ngậy, ngậmvào là tan lịm thật nhan trên lưỡi, nhưng vị bùi ngọt mê mẩn của dừa ngào đường thốt nốt cứ theo Nụ cả ngày. Bao buổi chiều, lũn cũn theo các cô đi hứng nước, Nụ chỉ bê được một lon guigoz nước vơi vơi, vậy mà về đến lều cũng luôn lướt thướt ướt. Nhiều hôm ở ngay chỗ vòi nước, nếu thấy Nụ quá nhem nhuốc, cô Hiên còn xối nước tắm rửa Nụ sạch sẽ trước khi dẫn về lều.

Thỉnh thoảng có hôm trời đổ mưa rào, anh em Nụ phải ở trong lều, nhưng luôn đùa chơi quanh quẩn ngay lối vào, cùng nhau đếm những hạt bong bóng nước rơi vỡ trên mặt cỏ; Và đôi lần còn từ từ thả từng chiếc thuyền, làm bằng các mảnh báo cũ gói đồ ăn, cho trôi theo 2, 3 rãnh nước đục mầu từ lều ra góc đường xi măng hơi dốc xuống một cái mương nhỏ. Những chiếc thuyền giấy lạc loài trôi như mấy

cô cháu, anh em Nụ. Những lúc ấy, cô Út luôn ôm Nụ thì thầm *lậy trời xin mưa mau tạnh* để đến tối chiếc chiếu ngủ không bị ướt.

Khi trời chập choạng tối, các ánh lửa yếu ớt từ những ngọn nến nhỏ, đặt gần cửa các nhà lều, theo nhau nhập nhòa sáng lên. Riêng nhà Nụ, sau bữa cơm chiều, mấy cô cháu luôn tụ họp quanh ngọn nến leo lét, cười nói ríu rít. Anh Cường bắt chước cô Út uốn vặn hai bàn tay, rồi dang lên cao hay quơ múa gần ngọn nến để tạo bóng chim chao, hạc lượn trên bầu trời là vách lều đối diện chỗ đặt nến. Nhà ấm dần trong những tiếng cười nói trong trẻo, vui nhộn. Cô Hiên dậy Nụ đếm bóng của những con chim đang xoãi bay theo bầy. Nụ đã đếm được chim bà, chim bố, chim mẹ, chim con, nhưng còn thiếu chim u già. Nụ lại tủi thân, nước mắt dân dấn, nhưng không dám khóc.

Thấm thoát đã đến mùa Trung Thu. Nụ mang máng nhớ có lần đã được u già dẫn ra đầu ngã ba gần nhà, nơi có tiệm trưng hàng Tết đón trăng, xem đèn kéo quân lập lòe ánh nến, đèn chú thỏ xanh, đèn ông sao vàng, đèn cá chép đỏ, và những chiếc mặt nạ nhiều mầu bằng giấy bồi được sơn, ghép dầycộm. Góc phố tưng bừng nhiều loại đèn căng giấy bóng kính trong suốt, lung linh ánh nến, rực rỡ mầu sắc trên các khung tre được vót uốn thành hình hoa quả hay muông thú ngộ nghĩnh. Phố đông ngườiqua lại, tiếng chào hỏi nhau rộn ràng. Hương bánh đậu xanh nướng thơm lừng cả mấy đoạn đường lân cận. Rồi trên đường về, Nụ thiếp ngủ trên vai u già, mơ mơ màng màng trong tiếng u rủ rê vỗ về "*Em Nụ đánh đu với khướu để cùng lên thăm ông giăng nhé…" và* giọng ru ngọt ngào ngân nga:

Ông giẳng, ông giăng….
xuống chơi với tôi.
có bầu có bạn,
Có váng cơm sôi.
Có nồi cơm nếp,
Có nệp bánh chưng.
Có lưng hũ rượu,
Có khướu đánh đu. …" [3]

Nụ lơ mơ, khướu cũng biết đánh đu, … mây trời lao chao theo nhịp đu quay vòng lên vòng xuống, rồi hình như Nụ đã được đặt nằm trong chiếc giường nhỏ của nó trên gác nhà, nơi có khung cửa sổ gần sát một tán sung lớn, vài chiếc lá đang lòa xòa lấp loáng ánh trăng. Nụ thiếp vào giấc ngủ, bênh bông trong tiếng hát của trẻ con rước đèn ngoài phố.

Nụ đã ngẩng đầu hoang mang tìm trăng nhiều lần hôm Trung Thu ở trại, nhưng bầu trời chỉ luôn mờ bạc trong màn mưa. Từ lúc sáng, các lều có trẻ em đều được phát một, hai con tò he xanh đỏ. Nụ nhận được một em lợn mũm mĩm, mầu ngà, đầu có cài nơ đỏ tím, mũi to háu ăn, miệng em luôn cười thật tươi với mọi người. Anh Cường được cái trống bỏi có cán mầu đỏ. Suốt buổi anh quay lắc trống liên hồi. Tiếng trống tạch tạch đục trầm làm không gian trong lều gần gũi, quen thuộc hơn. Đôi khi tiếng ồnnhư có vang cả những âm thanh lộn xộn của các món đồ chơi mà anh em Nụ thường bầy hàng cả ngày khi còn ở nhà. Nụ vẫn nhớ anh Cường hay cột dây kéo chiếc xe gỗ nhỏ, loại chở hàng từ quê lên phố, chạy vòng gốc sung, miệng ồn ào giả tiếng còi xe ti toe vang động khắp sân. Có khi cũng vẫn kéo chiếc

xe ấy, nhưng anh lại kêu leng keng như tiếng tầu điện qua phố bờ hồ. Nhưng lâu lắm rồi không còn nghe tiếng u già gọi hai anh em nữa. Nụ nhớ u lắm.

Đêm Trung Thu trời mưa rả rich. Ánh nến mờ sáng nhập nhòa khắp các lều trong trại. Văng vẳng tiếng kêu tạch tạch của trống bỏi xen trong tiếng hát hò hồn nhiên của trẻ con. Lều nhà Nụ ấm cúng, vui nhộn đặc biệt hơn mọi ngày vì các cô và anh em Nụ được xúm xít nghe bố giảng giải cách làm trống bỏi và kể chuyện về nơi đầu tiên làm những chiếc trống tí hon này. Bố kể ngày xưa người làng BáoĐáp [4] làm trống bỏi từ đất sét, nan tre, và giấy bồi tỉ mỉ như thế nào. Các công đoạn như nhào nặn đấtsét, hong nắng, chẻ vót tre, căng bọc mặt trống, cột gắn dùi, tra cán đều đòi hỏi sự tẩn mẩn, khéo tay, kiên nhẫn, vì mọi bộ phận của trống đều nhỏ và rất mong manh dễ vỡ, dễ rách… nên làm một cái trốngkiểu thủ công tốn khá nhiều công và thời giờ. Trẻ em lắc trống bỏi để chào mừng chị Hằng và chú Cuộinhập cuộc rong chơi rước đèn, nghêu ngao hát hò mùa lễ. Điều thú vị với cả nhóm là làng làm trống, Báo Đáp, thuộc vùng kề cận đoạn đê tả sông Đào của tỉnh Nam Định, khá gần bến Đò Quan, quê quán của u già. Bố còn nói âm thanh trống bỏi làm từ làng này luôn đặc trưng có điệu tạch tạch ròn, lộp cộp rã. Khi quay trống liên tục nhanh đều thì tiếng vang rền vui như của đàn ve hợp ca khoe giọng mùa hạ. Lúc quay chậm nhẹ từ từ thì trống kêu đanh, nghẹn như tiếng ếch nhái than thở trong những đêm mưa phải lây lất ngoài bờ ruộng. Không biết thỉnh thoảng những tiếng kêu lộp cộp nghẹn, đứt quãng trong đêm Trung Thu buồn bã ấy có hoàn toàn từ các chiếc trống bỏi trong trại hay còn lẫn cả tiếng than vắn,thở dài của bọn ễnh ương, chão chuộc nhớ bờ, nhớ quê đang long đong lưu lạc trong màn mưa rỉ rả ngoài các mương chảy quanh khuôn viên trường.

Tò He Thú Vật

Trống Bỏi

Tò He Kèn

Đồ Chơi Mùa Trung Thu. Hình từ Internet

Qua Trung Thu, Sài Gòn mưa nhiều hơn. Những trận mưa buổi chiều luôn bất chợt ào đổ nặng hạt rồi cũng quang tạnh thật nhanh, nhưng luôn đủ làm các nhà lều bị ẩm ướt nhớp nháp, và đời sống chui rúc chật chội trong trại thêm vất vả khó khăn. Nước uống thiếu thốn, nhà nào cũng phải xếp hàng chờ các xe camion đến phân phát nước đã được lóng phèn, mỗi ngày một lần. Các phương tiện vệ sinh vô cùng giới hạn. Và, vì cũng gần đến ngày khai giảng năm học mới nên người tạm trú trong trường được khuyến khích xuất trại nếu đã tìm được nơi định cư; hoặc phải ghi danh để chính phủ sắp xếp phân tán đưa đến các khu định cư lâu dài dành cho người di cư.

Thời gian này, các gia chủ hay người đại diện của mỗi nhà lều thường được chở đi tham quan để có khái niệm thêm về sự sinh hoạt của cộng đồng xã hội bên ngoài trại. Một số người còn được phép ra

ngoài tìm nơi tự túc định cư nếu bầy tỏ ý nguyện muốn xuất trại để xoay sở mưu sinh, không cần sự giúp đỡ hay hỗ trợ thêm của chính phủ. Những chuyến đi này thường chỉ loanh quanh các nơi trong thành phố hay vùng ngoại ô lân cận Sài Gòn. Ông nội và bố Nụ ngày nào cũng bận rộn, ráo riết tìm nhà, nên chỉ sau hơn hai tháng ở trại, mỗi người đều mua được một căn phố trên đường Phan Đình Phùng ở quận 3 Sài Gòn. Nhà ông Nội cách nhà Nụ khoảng vài trăm mét, nhưng phải băng qua lối ngõ chính dẫn vào chợ Bàn Cờ và đường Nguyễn Thiện Thuật.

Đường Phan Đình Phùng - Quận 3, Sài Gòn

Giữa tháng 10 năm 1954 gia đình Nụ xuất trại tạm cư, dọn đến căn nhà mái ngói hai tầng ở gần cuối đường Phan Đình Phùng. Mặt sau nhà chênh vênh ngay đầu một ngã ba, nơi giao điểm của hai đường hẻm lớn; Cả hai đều đủ rộng để xe camion thỉnh thoảng chạy từ đường Nguyễn Thiện Thuật vào khu xưởng đúc kim loại tọa lạc ngay góc bên kia nhà Nụ. Con hẻm đối diện, trổ gần thẳng góc vào mặt sau nhà Nụ, khá sâu nhưng bề ngang hẹp dần khi đến chỗ tụ họp của các gian hàng bình dân bán đồ ăn điểm tâm, rải rác kín hai bên hẻm. Hàng ngày, từ rất sớm, tụ điểm này đã nhộn nhịp các gánh xôi, quầybánh mì, thùng cháo huyết, nồi bánh canh, nhưng hoành tráng nhất là một sạp cơm tấm với 5, 6 cái đòncho khách ngồi vừa ăn vừa chuyện trò rôm rả, vui nhộn. Khu hàng quà ở ngay đầu lối dẫn vào xóm nhànhỏ lô nhô nhiều mái tôn, mái lá, chen chúc lộn xộn trong các ngõ chạy theo hình bàn cờ ngang dọc phức tạp. Con hẻm còn lại của ngã ba nằm song song với mặt sau nhà Nụ có lối bên trái chạy qua chùa Linh Chưởng; quãng duy nhất luôn tĩnh lặng, không xô bồ như khu có hàng bán, người mua trong xóm;Cổng sân trước chánh điện của chùa mở ra phần vỉa hè cuối đường Phan Đình Phùng, đoạn phố vắng gần giáp với đường Lý thái Tổ. Nhưng ngã bên phải của con hẻm này lại dẫn về khu tụ tập nhiều xe bán quà đêm như các loại chè: bông cau, sâm bửu lượng, hay các món đỉm sấm, xíu mại, bò vò viên, …nổi tiếng của đường Nguyễn Thiện Thuật; Khu này ban đêm luôn sáng choang ánh đèn manchon và dập dìu khách ăn hàng qua lại nên khá ồn ào, đông đúc. Loanh quanh ngoài mặt đường còn có một tiệmăn Tàu, tiệm thuốc Bắc, xe phở lưu động, và tiệm tạp hóa Nam Hòa lớn nhất của khu chợ Bàn Cờ. Tất cả các tiệm đều rải rác gần lối đường thông từ Nguyễn Thiện Thuật vào chợ Bàn Cờ lên gần góc đườngcó chùa Kỳ Viên. Có lần Nụ nghe bố nói khu hàng ăn này tựa tựa như một con đường trên Phố Khách, gần bến tầu chính của thành phố Nam Định, nơi cũng có các tửu điếm Tàu ồn ào và nhiều cửa tiệm nhộn nhịp của người Hoa buôn bán làm ăn tại phố biển, quê của bố ở ngoài Bắc.

Phần lớn hàng xóm quanh nhà Nụ ở ngoài mặt phố Phan Đình Phùng đều là người Sài Gòn. Họ đã định cư nhiều năm quanh khu chợ và thuộc đủ thành phần những người có công ăn việc làm trong xã hội. Bà hàng xóm sát vách nhà Nụ có sạp hàng buôn bán bát đĩa sứ ở ngoài chợ, gia đình ông giáo viên già ở bên kia đường số lẻ, ở gần chùa có chị em cô ký làm ở kho bạc, cạnh đó là gia đình ông thầu khoán, rồiđến chú cảnh sát giao thông, gần tới đường Nguyễn Thiện Thuật có ông nhà văn kiêm ký giả làm báo, cách nhà Nụ ba căn là chú Bảy chủ tiệm vẽ mẫu quảng cáo cho rạp hát. Mọi người đều chân chỉ làmăn, cần mẫn như những con ong, cái kiến ngày đêm miệt mài chí thú vun đắp cho cuộc sống gia đình hiền hòa của họ. Ngay từ những ngày mới dọn đến, gia đình Nụ đã cảm nhận được sự xuề xòa, giản dị, thân thiện, tốt bụng, và thật lòng của bà con miền Nam trong xóm khi họ sốt sắng đón nhận, chào hỏi, hướng dẫn các gia đình di cư giúp mau chóng hội nhập thành người cùng tổ, cùng phường với họ.

Quan hệ xã hội cởi mở, bản chất dễ thích nghi, phong cách hào hiệp, và tình thân gắn kết của hàng xóm miền Nam những năm đó rất chân thành.

Theo nhận định của nhiều gia đình di cư, họ hàng hay bạn bè của bố mẹ Nụ, thì đa số hàng xóm người miền Nam đều giàu lòng tương trợ, tận tâm giúp đỡ, và ấm áp hòa đồng. Những tố chất cao đẹp của người Sài Gòn tương đối hiếm khi hiển lộ ở đa số người thuộc các vùng miền khác của đất nước. Kết luận này không chỉ giới hạn ở thời điểm có cuộc di cư năm 1954 mà còn dựa trên những giao tiếp, quan hệ cá nhân mà nhiều người Bắc trung niên, như bố và các chú của Nụ, từng đã có với bạn đồng môn ở trường học, với các đồng nghiệp nơi sở làm, hay từ bạn đồng ngũ thời tổng động viên chống Pháp.

Suốt bao năm ở khu Bàn Cờ, gia đình Nụ chưa bao giờ chứng kiến chuyện xích mích, cãi cọ nào đáng kể của hàng xóm láng giềng. Thỉnh thoảng có vài người nóng nẩy hơi cao giọng to tiếng vài câu, nhưng cũng chỉ thoáng ồn ào một lúc, rồi lại tự giác giảng hòa bằng cách rủ nhau ăn nhậu, đùa giỡn, ca hò vọng cổ rất thân tình, vui vẻ. Phần đông người quanh xóm đều ân cần, tử tế, ít chấp nhất, câu nệ nêncác gia đình nhập cư không có mặc cảm bị bỏ rơi hay phân biệt. Dần dà bố mẹ Nụ cũng hội nhập hòa đồng hơn, để ý quan tâm hỏi thăm bà con chung quanh mỗi khi gặp nhau đâu đó trong khu phố hay bất cứ nơi nào, và luôn tích cực quyên góp khi nhà ai trong xóm cần giúp đỡ việc ma chay giỗ chạp hay một gia đình nào đó không may bị vướng vào các tình cảnh khó khăn.

Nhà Nụ chỉ cách chùa Linh Chưởng mấy chục thước nên ngày nào cũng được nghe tiếng ngân vọng thanh thoát của các hồi chuông mai và chuông hôm gọi lễ hay khởi động giờ tụng niệm ở chùa. Các hồi chuông này được bà vải già đều đặn thỉnh rất đúng giờ. Chuông mai ngân vào lúc trời còn chập choạng chưa sáng hẳn và chuông hôm đổ khi trời nhá nhem gần tối. Tiếng chuông vang chậm rãi trong không gian bao giờ cũng như mang lời thỉnh cầu sự bình yên, tốt lành cho mọi sinh hoạt trong cuộc sống của tất cả cư dân trong xóm. Tác dụng tâm linh mơ hồ đó giúp mọi người gần gũi với nhau, dần dà nảy nở phát triển tinh thần đoàn kết, che chở, đùm bọc hàng xóm láng giềng, rất thân tình. Tiếng chuông chùa cũng góp phần tích cực trong sinh hoạt cuộc sống của cư dân quanh vùng. Hồi chuông mai đầu ngày đánh thức trẻ em học lớp buổi sáng dậy chuẩn bị đi học nên hiếm trò nào bị trễ giờ đến trường. Và cả hai hồi chuông như đều đặn nhắc nhở người lao động buôn bán hay nhân viên công sở hành xử theo đúng các khung giờ thuận tiện cho công việc làm ăn hàng ngày của họ. Ở chùa, ngoài việc tu học, cầu nguyện hàng ngày, và cúng kiến trong các dịp lễ hội, hai sư cô và bà vải còn cần cù chăm bón khuvườn cây nhỏ ở sân sau, nên quanh năm chùa có hoa tươi và trái cây vườn như mận, ổi, thị, chuối để dâng cúng Phật. Trái cây sau khi hạ từ bàn thờ luôn được sư cô xếp vào chiếc khay lớn đặt trên thềm gạch rộng cạnh lối vào chánh điện để làm lộc chùa cho trẻ con quanh xóm và khách vãng lai đến cúng viếng. Nhờ có ngôi chùa, khu xóm cũng bớt xô bồ, ồn ào liên tục ngày nọ qua ngày kia. Có vẻ cuộc sống của cư dân hơi chậm lại trong ngày rằm hay mùng một khi cả hai hồi chuông chùa đều như đã được thỉnh để tiếng ngân lâu hơn và vang xa hơn thường ngày. Vào hai ngày đặc biệt của tuần trăng, hẻm chợ bừng sắc vàng vạn thọ, dịu thơm hương huệ hương nhài, nhẹ nhàng thoảng bay các vòng khói trầm thanh thoát, không gian như yên bình hơn, và kẻ bán người mua cũng có vẻ xởi lởi, dễ dàng thỏa thuận giá cả với nhau hơn. Âm vang tiếng mõ sau buổi tụng cuối ngày cũng mênh mang lắng đọnghơn, giúp cư dân thoải mái ngơi nghỉ sau những ngày dài chạy vạy, bộn bề, vất vả bao lo toan.

Cuộc sống gia đình Nụ ổn định dần. Sinh hoạt trong nhà vẫn thuần nề nếp hay thói quen của người miền Bắc. Ông bà luôn mặc áo dài tươm tất mỗi khi ra khỏi nhà, dù đôi khi chỉ đi một đoạn ngắn trên đường đến thăm con cháu. Ông đội khăn đống đen, bà vấn đầu bằng khăn nhung mầu sẫm. Áo dài của bà được may bằng vải gấm hay lụa nội hóa nền nã, chỉ mầu nâu hoặc mầu đen, nhưng luôn điểm các hoa văn nổi mang chữ phước, lộc, thọ truyền thống. Ngay cả cô Út lúc đó chỉ độ 13, 14 tuổi cũng mặc áo dài, kẹp tóc gọn gàng mỗi khi ra chợ Bàn Cờ mua hàng lặt vặt cho bà nội. Gia đình thường xuyên sửa soạn những món ăn Bắc quen thuộc như cà pháo muối xổi, rau muống luộc chấm tương hay xàotỏi, canh đậu phụ thuôn cà chua, canh riêu cua đồng, hến kho tương với lá gừng tươi, cá thu hun khói kho riềng, ốc bươu nấu giả ba ba, thịt lợn khìa húng lìu, thịt bò kho gừng, gà kho thảo quả và các vị thuốc bắc. Khi giao tiếp với hàng xóm, bạn bè mới, đồng nghiệp thì cách nói chuyện, lối phát âm, từ ngữ dùng, giọng điệu, và cung cách cũng vẫn giữ nguyên nét thanh lịch, phép tắc đặc thù của thời còn sinh hoạt với người quen hay bạn bè ở Hà Nội.

Mơ hồ như mọi người đều lẳng lặng cố gắng tránh thay đổi bất cứ thứ gì từng thân quen, gắn bó với quê cũ vẫn còn đọng lại trong tâm tưởng. Có lẽ, họ day dứt bất an với ý nghĩ thay đổi là chối bỏ, ly khai quê quán và ruồng rẫy, đoạn tuyệt những người thân còn ở lại. Và sâu thẳm trong tâm hồn, họ luôn vơ vẩn buồn bã chìm trong mặc cảm tội lỗi phản bội cha ông, tổ tiên khi đành đoạn dứt áo bỏ quê ra đi.

Mênh Mang Nỗi Nhớ Niềm Đau

Tuy cuộc sống đã ổn định và luôn bận rộn, nhưng dường như tất cả người lớn đều trải qua những khoảnh khắc bâng khuâng nhớ nhung Hà Nội tha thiết. Nụ đã nghe rất nhiều câu chuyện mà gia đình bồi hồi xao xuyến nhắc về mùa thu cây bàng lá đỏ có hương cốm thoảng theo gánh cô hàng đong đưa qua phố; Nỗi nhớ chiều hồ Gươm sương phủ bạc trắng bốn bờ, hiu hắt tiếng sâm cầm ngơ ngác gọi bầy; Hình ảnh đền Ngọc Sơn thấp thoáng bên cội đa vài trăm tuổi lúc nào cũng như lặng lẽ chờ đợi hoàng hôn ngả chếch nhịp cầu Thê Húc; Chuyến tầu điện chỉ hai hay ba toa xe mầu đỏ kéonhau leng keng vòng khu bờ hồ thả hay đón khách lên lên, xuống xuống; Con ngõ nhỏ ở phố Thụy Khuê thơm ngát hương ngâu, hương hoàng lannơi cô Út, cô Loan, cô Hiên bầy hàng chơi; Những đoạn phố với hàng cây cơm nguội muôn thuở có tiếng lá reo như chào đón tà áo các cô của Nụ trên đường họ đi học; Bao hồi còi da diết nỗi bâng khuâng chia lìa khi đoàn tầu xe lửa rẽ vào ga Hàng Cỏ, đoạn gần Ngõ Trạm, vào lúc chập choạng tối hai, ba lần trong tuần; Và cả ngôi nhà có khoảng sân với cây sung trĩu bao nhánh quả hàm tiếu sắc mầu thu Hà Nội. Nụ cũng nhớ những biểu cảm thờ thẫn, buồn bã, đau đớn trên gương mặt của ông bà, bố mẹ khi hồi tưởng

Đền Ngọc Sơn và Cầu Thê Húc (Hình: Báo Xây Dựng)

những đêm Hà Nội đẫm máu và nước mắt thời đạn bom chiến tranh chống Pháp và tiếng nghẹn nấc ai oán của họ khi nhắc tên những người thân đã mất thảm thương vì loạn lạc. Những năm ấy, nhiều lần Nụ đã nhìn thấy những giọt nước mắt lặng lẽ rơi, rồi cũng lặng lẽ được tự lau khô, nhưng chừng như nỗi nhớ, niềm đau vẫn mênh mang day dứt dày vò, chưa bao giờ hoàn toàn nguôi ngoai lắng đọng hẳn.

Cuộc di cư vào Nam đã để lại nỗi đau phải chia lìa, dứt bỏ người thân, bạn bè; Sự hụt hẫng đoạn tuyệt quê cũ, vườn xưa; Và những mất mát đáng kể về tài sản cho gia đình ông nội và bố mẹ Nụ. Tuy đau buồn vì phải buông bỏ tất cả ruộng vườn, đất hương hỏa, nhà từ đường để đi nhưng gia đình Nụ còn may mắn vì đem được một phần nhỏ vốn liếng vào Sài Gòn; Và nhờ đó, mà cả gia đình cũng đỡ vất vả khó khăn khi bắt đầu cuộc sống mới. Nhưng những gia đình bất hạnh hơn đã phải chịu nhiều hậu quả thảm thương của việc chia cắt đất nước. Biến cố đau đớn này đã, trong một mức độ nào đó, tàn nhẫn gây ra thảm cảnh vợ chồng kẻ Bắc, người Nam dang dở bẽ bàng; làm xơ xác thêm bao gia đình chỉ sống nương tựa vào hoa mầu thu hoạch trên đất đai của họ, và làm đứt đoạn cuộc đời chân chỉ bình yêncủa một hay vài người xấu số trong các gia đình từng rất nề nếp, mẫu mực, danh giá trong xã hội.

Một số thân nhân của gia đình Nụ đã cay đắng hứng chịu những tàn hoại phũ phàng của cuộc phân ly trong bi thương thầm lặng. Thoạt đầu, cũng mang tâm trạng của phần đông người di cư, những nạn nhân này rất buồn khổ, hoảng loạn vì phải trải qua quá nhiều tổn thương, mất mát. Nhưng khác với đa số đã mạnh mẽ vượt qua khó khăn để vươn dậy, họ lại triền miên bị mắc cạn trong những vũng sầu, biển đau mênh mông vô tận, không còn khả năng ngoi lên làm lại cuộc đời ở vùng đất phương Nam mới lạ và khác biệt.

Trong sáu dòng bà con tộc họ gia đình cùng di cư, đến hai dòng có người bị lâm vào tình cảnh thương tâm như vậy. Vào miền Nam được vài tháng, và đã xuất trại lên vùng định cư được phân đất để làm ăn, thì có vài bác, chỉ vừa vào tuổi trung niên, bỗng bị nghễnh ngãng, nhớ quên thất thường, ăn nói ngây ngô như trẻ con. Tình cảnh này là một bất ngờ chua xót vì tiền sử dòng họ chưa từng có ai bị bất cứ vấnđề gì về tâm trí. Quá đau đớn, gia đình những thân nhân này đã không thể hoàn toàn tập trung gầy dựngviệc làm ăn. Họ sợ hãi, mất tinh thần vì ngoài áp lực căng thẳng của cuộc sống mới, họ còn phải chịu đựng những bất an, đau buồn, lo nghĩ về bệnh tình của người thân. Càng ngày gia đình họ càng bị đẩy sâu vào tình cảnh khó khăn, sa sút, khốn đốn hơn. Điều thảm thương, bi đát nhất là gia đình còn cố gắng làm mọi cách để giữ người bệnh ở bên họ. Họ sợ mất mát, sợ chia lìa, và sợ cả tai tiếng, nên đã u mê mất sáng suốt, khư khư giấu diếm người bệnh ở nhà, khước bỏ mọi khuyên nhủ chữa trị hợp lý theoy học. Dần dà, người bệnh càng lúc càng bị nặng hơn, càng đòi hỏi nhiều sự quan tâm; và người thân phải bỏ bê việc làm ăn, lơi là luôn việc chăm sóc hướng dẫn bầy con, em dại cũng trạc tuổi các cô cháuNụ. Có lẽ, điều an ủi duy nhất cho các gia đình bà con bất hạnh này là mấy người bệnh đều không dữ dằn hay bạo động khi ở trạng thái mất tự chủ, nên công việc chăm sóc, lo liệu cho họ ở nhà cũng phần nào đỡ phức tạp. Tuy nhiên, những biểu cảm ngây dại, hành động vô ý thức thường xuyên của người bệnh đã tạo nhiều đau đớn, sợ hãi, gây những tổn thương tâm lý sâu nặng cho con, em đáng thương củaho.

Nụ nhớ đã rất nhiều lần nghe bà ngoại và bố mẹ ngậm ngùi xót thương nhắc đến tình cảnh của những thân nhân bạc phước này. Hơn nửa kiếp đời ngắn ngủi, họ từng vô cùng cô đơn, u sầu trong cuộc sống

héo hắt, câm nín, chịu đựng, đầy mặc cảm vì nỗi đau gia đình có người bị khủng hoảng tâm trí. Họ sống với nỗi đau như hình và bóng, không có đường thoát. Cay đắng, tủi hổ chất chồng đã đẩy họ dần vào tình trạng kiệt quệ tàn hoại, chìm sâu trong khổ đau. Có gia đình còn bị dập vùi thê thảm đến nỗi con cái hư hỏng, nhà mất, nợ nần, bệnh tật; không còn cơ hội trở lại cuộc sống từng phẳng lặng, hạnh phúc, khá giả, có danh phận tử tế, có người đã từng một thời mũ mão cân đai huy hoàng ở ngoài Bắc. Mấy ai hiểu được mức độ hủy hoại thê thảm của bản

Nhánh Sung Trên Phố Hà Nội. Hình từ Internet

hiệp định Genève năm 1954 trên bao thân phận mong manh của những người dân tội nghiệp thời đó.

Cuộc sống gia đình Nụ được may mắn bình thản trôi, không phải đương đầu với biến cố lớn lao nào trong suốt những năm Nụ còn được ở Sài Gòn; nhưng cũng có những đổi thay chừng mực, và gia đình đã cùng nhau suôn sẻ vượt qua, thích nghi, hòa nhập tốt vào cuộc sống cởi mở, nhâ bản, tự do ở Sài Gòn, Tuy thế, sâu thẳm trong tâm hồn ông, bà, bố, mẹ, các cô, các chú của Nụ, Hà Nội và quê nhà NamĐịnh vẫn luôn còn đó, dù chỉ là các hoài mong vô vọng. Mọi người vẫn nhắc đến Hà Nội, phố cũ, cảnh xưa, láng giềng ngày nào, vẫn da diết những tiếc nhớ, vẫn chăm chỉ gửi đi và mòn mỏi mong chờ những tờ bưu thiếp chỉ từ Bắc vào Nam, hay ngược lại, nhưng luôn phải chu du vòng qua Pháp và vài quốc gia trung gian xa lạ, vì thế trung bình khoảng nửa năm sau ngày gửi mới may mắn đến được tay người nhận. Những giọt nước mắt long lanh trĩu nặng u buồn. Những tờ bưu thiếp nhỏ hơn bàn tay người lớn, nhàu nát, cũ kỹ, nhòe chữ, lắm dấu bưu điện chồng chéo; Và nội dung chỉ vài ba dòng dè dặtbáo hỷ, báo tang, thăm hỏi qua loa mà Nụ đã đọc cho bà ngoại nghe nhiều đến thuộc lòng cả ngày, tháng được viết từ quê cũ xa xôi. Có lẽ nào mỗi lần nghe Nụ đọc lại các tờ bưu thiếp cũ, bà ngoại đã ngộ ra, hình dung, hay cảm nhận thêm đôi ba chi tiết thầm kín ẩn sâu đằng sau dòng chữ sáo vu vơ câu xã giao thăm hỏi? Chừng như, đắm chìm trong suy tư, dằn vặt, và lặng lẽ tan nát chịu đựng những nỗi đau không có cách giải bầy là tâm trạng bi thảm, chán chường thường xuyên của những người mà Nụ vô cùng yêu thương.

Dù ngày ngày phải chịu đựng bao khó khăn, mệt mỏi để bươn chải vượt qua mọi phức tạp, lo toan của cuộc sống tất bật ở Sài Gòn, nhưng cứ vào khoảng cuối năm thì những người lớn trong gia đình lại dành nhiều thời giờ buồn bã, ngậm ngùi, nôn nao nhắc về mùa Đông ở phương Bắc. Nhất là vào những ngày sát Tết thì tâm trạng của mọi người càng bồn chồn bất an hay thao thiết đợi mong như chờ một thứ gì đó hay ai đó, mơ hồ, rất lạ. Cả nhà bầy biện gói bánh chưng, nấu cỗ Tết mà dường như tâm tư ai cũng ngơ ngẩn theo những ngọn gió không tên lang thang tìm không gian mùa đông đã vời vợi xa cách.

Chút nắng vàng thu se nhẹ,
Chiều nay,cũng bỏ ta rồi.

Làm sao về được mùa đông?
Chiều thu - cây cầu... đã gãy.
Lá vàng chìm bến thời gian,
Đàn cá - im lìm - không quẫy.
(Trích từ "Không Đề Gửi Mùa Đông" của Thảo Phương) [5]

Có lẽ những lời tâm tình xót xa của nhà thơ đã diễn tả phần nào tâm trạng khắc khoải, hoài niệm, lạc loài, nhớ quê của những người thân trong gia đình Nụ. ■

Vũ Thị Ngọc Thủy
(Tháng 8, 2022)

Chú Thích

[1] Bùi Xuân Phái (01/09/1920 – 24/06/1988) là một họa sĩ nổi tiếng với những bức tranh vẽ về Phố Cổ Hà Nội. Tiểu sử của ông được đăng trên: https://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%B9i_Xu%C3%A2n_Ph%C3%A1

[2] Tượng bán thân của cụ bác học danh tiếng Pétrus Trương Vĩnh Ký, đúc vào thập niên 1930, được đặt ở trung tâm sân trường để vinh danh, tưởng nhớ cụ. Vào thời gian trường được dùng làm trại tạm cư cho những người di cư năm 1954, tượng cụ được một số cư dân trong trại tôn kính như một biểu tượng tâm linh. Một số thông tin về vị học giả tài ba Trương Vĩnh Ký được đăng trên: http://vanviet.info/nghien-cuu-phe-binh/mot-cng-trnh-c-nghia-ve-truong-vinh-k-tap-ky-yeu-trien-lm-v-hoi-thao-ve-petrus-truong-vinh-k/

[3] Bài đồng dao của trẻ em, thường được hát lúc đi rước đèn vào dịp Trung Thu ở các miền quê ngoài Bắc, trích từ: https://cadao.me/dong-dao/ong-trang-ong-trang-2/

Ông trẳng ông trăng
Xuống chơi với tôi, có bầu có bạn
Có oản cơm xôi, có nồi cơm nếp
Có nệp bánh chưng, có lưng hũ rượu
Có chiếu bám đu, thằng cù xí xoại
Bắt trai bỏ giỏ, cái đỏ ăm em
Đi xem đánh cá, đem rá vo gạo
Có gáo múc nước, có lược chải đầu
Có trâu cầy ruộng, có muống thả ao
Ông sao trên trời

[4] Làng Báo Đáp thuộc xã Hồng Quan, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định là một làng chuyên làm đèn ngôi sao, đèn kéo quân, các đồ chơi mùa Trung Thu, và hoa bằng lụa nội hóa. Những năm gần đây nghề làm trống bỏi cũng đang mai một dần ở ngôi làng đầu tiên làm những chiếc trống ngộ nghĩnh này.

[5] Bài thơ "Không Đề Gửi Mùa Đông" của cố thi sĩ Thảo Phương hiện hữu trên Internet dưới 2 phiên bản:

Phiên bản thứ nhất:

Dường như ai đi ngang cửa,
Hay là ngọn gió mải chơi?
Chút nắng vàng thu se nhẹ,
Chiều nay, cũng bỏ ta rồi.

Làm sao về được mùa đông?
Chiều thu - cây cầu.. đã gãy.
Lá vàng chìm bến thời gian,
Đàn cá - im lìm - không quẫy.

Ừ, thôi... mình ra khép cửa,
Vờ như mùa đông đang về!

Phiên bản thứ hai, được nhạc sĩ Phú Quang phổ thành ca khúc "Nỗi Nhớ Mùa Đông":

Dường như ai đi ngang cửa
Gió mùa đông bắc se lòng
Chút lá thu vàng đã rụng
Chiều nay cũng bỏ ta đi

Nằm nghe xôn xao tiếng đời
Mà ngỡ ai đó nói cười
Bỗng nhớ cánh buồm xưa ấy
Giờ đây cũng bỏ ta đi

Làm sao về được mùa đông
Dòng sông đôi bờ cát trắng
Làm sao về được mùa đông
Để nghe chuông chiều xa vắng
Thôi đành ru lòng mình vậy
Vờ như mùa đông đã về.

Back to Contents

Frédéric Chopin

Một Định Mệnh Siêu Phàm- Một Luồng Gió Lãng Mạn

Dã Thảo

Nhiều người đã viết về Frédéric CHOPIN, viết rất hay, soạn rất đầy đủ, chi tiết, bài nầy của Dã Thảo chỉ là *« những hạt bụi bên đường nhè nhẹ rơi bên cạnh cuộc đời của một bậc anh tài, đã một thời mang đến nguồn cảm hứng lãng mạn vào nghệ thuật của dương cầm và âm nhạc ở thế kỷ 19, cũng như một ít lượm lặt góp phần thêm hương hoa cho một mối tình bất hủ CHOPIN/GEORGE SAND, để mãi mãi về sau, văn học sẽ còn luôn luôn nhắc tới…* » Ở đây, Dã Thảo không có tham vọng làm một chuyện sưu tầm về Chopin, nhưng hãy cứ xem như là một chuyện kể….kể về Sand, về Chopin, hai thiên tài, vĩnh viễn liên kết với nhau bởi một thứ tình yêu gần như hoang tưởng.

Frédéric Chopin, một công tử bột, thích làm đỏm, tình tứ, giàu lòng yêu nước, giống như Frantz Liszt, một người bạn của ông, siêu sao của thế kỷ 19, Chopin đã chào đời 200 năm trước tại BALAN, đã cách mạng hóa nghệ thuật của dương cầm và đã bổ sung vào đó thêm một phần linh hồn cốt lõi cho âm nhạc…Người nghệ sĩ Balan, bạn của Delacroix, Liszt, Hugo, tuy sống một phần lớn đời mình trên đất Pháp, nhưng vẫn gắn bó sâu sắc với quê hương của chính mình.

« Chip Chip » đưa cặp mắt nhìn vào khoảng không vô định, bàn tay dài lướt nhẹ lên bàn phím, trong khi đó một nếp nhăn âu lo như chắn ngang lên vầng trán rộng. Frédéric Chopin đang thả hồn về Balan. Từ khi ẩn náu ở Nohant, giáp giới với La Châtre, thuộc vùng Berry, chàng như tự trang bị bấy nhiêu nốt móc và nốt trắng của mình tương đương với những đạn đại bác để chống đối lại người Nga đang chiếm đóng quê hương của chàng. Ở phòng kế bên, nghiêng mình lên tráp bút mực, George Sand lắng nghe sự ra đời của một điệu nhạc mới, làm nền tảng cho điệu vũ dân tộc Balan (các bản polonaises của Chopin), như chứa đựng cả một sự ham muốn cuồng nhiệt về tự do.. Chính người đàn bà nầy đã đặt cái biệt danh Chip Chip cho người bạn tình của mình, hầu làm dịu bớt tính bi kịch của không khí, đôi khi rất nặng nề ngột ngạt đang bao quanh người nhạc sĩ tài hoa đa cảm, mà trong đó, mỗi sáng tạo như bềnh bồng phất phới về nơi bờ cõi của hai nền văn hóa. Lúc ấy, chàng cũng đang chống chọi mỗi ngày với bịnh lao phổi đã cướp chàng đi vài năm sau đó….

Trở lại về cuộc đời của Frédéric Chopin. Sự xuất hiện của một thiên tài trong cõi tạm nầy lắm khi chỉ dính dáng với rất ít việc. Năm 1795, Nicolas Chopin, một chàng trai trẻ thuộc vùng Lorraine, cư ngụ ở Balan từ tám năm qua, đang chuẩn bị leo lên xe ngựa để trở về Pháp sau khi bị thương trong một cuộc nổi loạn bất thành ở Varsovie, để chống đối lại đội quân của Nga đang chiếm đóng thành phố. Nhưng rủi thay, một cơn bịnh phổi đột ngột buộc ông phải ở lại. Từ đó, ông trở thành giáo sư riêng cho những gia đình quý tộc bản xứ.

Năm 1806, Nicolas Chopin thành hôn với một cô gái Balan, Justyna, và từ hôn nhân ấy, ngày hai mươi hai tháng hai năm 1810 được sinh ra ở Zelazowa Wola, một lãnh địa của Varsovie, đứa con thứ hai trong bốn người con, đó là Fryderjk Franciszek, được mọi người biết nhiều hơn dưới tên riêng là Frédéric, và kể từ ngày ấy, truyền thuyết bắt đầu….

Lên năm, cậu bé Frédéric lặp lại theo bản năng những giai điệu mà mẹ cậu đã diễn tấu trên cây đàn dương cầm gia tộc. Lúc bảy tuổi, Frédéric soạn tác phẩm đầu tiên : *« một điệu vũ dân tộc Ba*

Lan » nốt gam thứ, (polonaise en sol mineur). Cậu chơi đàn cho quận công Constantin, anh của sa hoàng Nicolas 1er. Hoàng đế như bị mê hoặc, lắng nghe cậu bé suốt nhiều giờ và còn bắt đội vệ binh hoàng gia diễn hành theo nhạc âm, một điệu hành quân, sáng tác bởi Frédéric. Với nửa thế kỷ khoảng cách, người ta đã so sánh Frédéric với Mozart. Nhưng Nicolas Chopin, với đầu ócvững vàng, sáng suốt, cố bảo vệ tối đa con mình khỏi những sự tán tỉnh quá trớn.

Khi mười chín tuổi, Frédéric Chopin đã trở thành một thanh niên có ngoại hình thanh lịch, lại ham thích kịch nghệ và sử học, sẵn trời phú cho óc hài hước châm chọc một cách chua cay và cũng là một nhạc công dương cầm điêu luyện, thế mà từ tuổi ấu thơ, Frédéric đã có một thể tạng yếu ớt, khiến cha mẹ cậu phải gửi cậu đi hè về gia đình bên ngoại ở đồng quê, trong vùng Mazovie, vài dặm cách Varsovie để nghỉ ngơi. *Nơi ấy, cậu quan tâm đến nhạc điệu mazurkas, nguồn gốc từ Balan, một điệu nhảy với âm nhạc nhịp nhàng cuả tỉnh lỵ, mà Frédéric đã làm saymê mọi người qua những sáng tác của cậu.*

Năm 1830, ở Vienne cũng như ở Varsovie, thiên hạ chen chúc nhau đến dự những buổi hoà tấu của Frédéric. *Đến tháng ba năm ấy, ở sân khấu quốc gia, cậu đã trình diễn bài « Fantaisie sur des airs polonais »* trước mặt tám trăm công chúng đầy nhiệt tình. Josef Elsner, thầy của Chopin,đã khóc vì vui sướng, các báo chí đều nhất trí bảo *« đây là tên dị giáo của dương cầm ». (Voilà, dit-elle, le Paganini du piano).*

Nhưng những đám mây nặng nề chồng chất lên bầu trời Varsovie. Sự căng thẳng giữa những người Balan chủ trương giành độc lập và những người Nga đang chiếm đóng đất nước, càng lúc càng mạnh mẽ hơn. Chopin là một người yêu nước. Khi Nga Hoàng Nicolas 1er đến Varsovie tháng tư năm 1830, cậu không chịu chơi nhạc trước sự hiện diện của Nga Hoàng và còn tệ hại hơn, Chopin còn từ chối tước vị *« nhà dương cầm của Hoàng Đế »,* một vị trí được nhiều người ao ước. Những sự lựa chọn đó kết hợp với sự nổi loạn đang ầm ỉ cháy, bắt buộc Chopin tự xử lý cho mình bằng con đường lưu vong. Nhưng rồi cậu lưỡng lự *: « hình như nếu tôi rời Varsovie,tôi sẽ chẳng còn bao giờ nhìn lại căn nhà nầy nữa* », cậu đã viết như thế, *« tôi nghĩ là tôi sẽ bỏ xác ở nơi xa* ». Và ngày hai tháng mười một năm 1830, chiếc xe ngựa đã mang Chopin đi về Áo Quốc cùng với những tác phẩm của mình.

Cuộc khởi nghĩa Balan nổ bùng vào tháng mười hai . Chopin vì nóng lòng muốn đầu quân đi đánh người Nga nên có ý định quay trở về, nhưng cha mẹ ông can gián và giải thích : *« sứ mạngcủa con là phụng sự tổ quốc bằng ngã âm nhạc ».* Ở Vienne, Frédéric không cảm thấy thỏai mái.Nước Áo đã chọn lựa chính sách thân Nga, còn quần chúng thì thích những điệu valses của Strauss hơn những điệu mazurkas của Chopin (nguồn gốc từ Balan). Hơn nữa, chàng thanh niênnầy còn mắc phải bịnh hoa liễu sau một sự tăng tịu bất cẩn. Tất cả những thứ ấy khiến chàng lấyquyết định ra đi. Đó là cuộc hành trình về Paris, được mệnh danh là thành phố hải đăng của những nhà dương cầm, qua ngã Đức Quốc.

Ở Stuttgart, Chopin nhận được hung tin về sự hàng ước của Balan. Chàng như suy sụp, không còn tin tức của gia đình. *« Cha, Mẹ, con cái, tất cả những gì thân yêu nhất của tôi, các người ở đâu ? Hay là đã chết ? » (Père, mère, enfants, tout ce qui m'est le plus cher, où êtes vous ? Morts, peut-être ?).* Chopin than van trong tập nhật ký của mình. Thật sự ra, mọi người trong giađình chàng đều an ổn, nhưng sự kiềm chế của quân Nga chẳng có rủ lòng thương tí nào. Tám chục nghìn người Balan buộc phải đi làm những công việc khổ sai ở Sibérie. Những ngày bi đát ấy đã gợi cảm hứng cho Frédéric qua hai tác phẩm nổi tiếng nhất, *đó là khúc luyện gọi là*

Révolutionnaire (tạm dịch là khúc luyện Cách mạng) và Prélude N° 24 (khúc dạo đầu của nhạc số 24), hai bài nầy hoà hợp cả bạo lực và tuyệt vọng, để kết thành sự tuyệt đỉnh của cái hay.

Tới Paris vào cuối tháng chín, Chopin cư ngụ trong một căn phòng khiêm tốn ở tầng thứ năm của số 27 Boulevard Poissonnière. *"Paris là tất cả những gì người ta muốn có", (Paris c'est tout ce que l'on veut).* Chopin kêu lên một cách hân hoan. Điều cần biết là ở thủ đô nầy, sự giàu sang phú quý và sự túng thiếu sát cánh liên tục bên nhau, nhưng người ta vẫn cười, vẫn đùa vui. Người ta có thể vừa quát tháo, vừa phản kháng, và như thế, dân Pháp, như cũng đã oán giận vua Louis Philippe của họ đã không trợ lực ủng hộ Balan và Chopin rất mến chuộng *"cái tiếng nói hăm dọa của một dân tộc đang nổi dậy" (la voix menaçante du people soulevé).*

Trang bị với bao nhiêu văn thư gửi gấm , Chopin đã đến Câu Lạc Bộ có uy tín của những người Balan nhập cư, và liên kết nhanh chóng với những đại nhạc công dương cầm của thời ấy như Kalkbrenner và nhất là Franz Liszt, người thanh niên đầy năng khiếu, gốc Hung Gia Lợi, mà sau nầy đồng thời vừa là người bạn thiết và cũng là đối thủ của Chopin. Một buổi hoà tấu trong những phòng khách hoà nhạc Pleyel vào năm 1832, đã khai khẩn cho Chopin những ân huệ và chiếu cố của giới báo chí. Cùng vào năm ấy, chàng đã làm cho giai cấp đại trưởng giả của Paris thán phục, nhân một buổi tiếp tân nơi nhà Nam Tước James de Rothschild. Từ đó, chàng trở thành người giáo sư dương cầm được ưa chuộng và tìm kiếm nhất thủ đô. Với hai mươi quan vàng một giờ dạy học, Chopin bắt đầu một cuộc sống sung túc của một công tử bột và ông đã tậnhưởng nó một cách trọn vẹn.

Chopin được mời mọc cùng khắp và cũng không để bị lợi dụng. Ông đã viết cho một người bạn vào tháng giêng 1833 những gì người ta đã nghĩ và nói với ông. "*Tiếc thay, anh sẽ có một khả năng trội hơn nếu như anh được khán thính giả ở Toà Đại Sứ Anh hoặc Áo Quốc thưởng thức ngón đàn của anh. Anh sẽ chơi giỏi hơn nếu như Công Chúa của Vaudémont bảo trợ cho anh". (Tu as un talent plus grand si tu as été entendu à l'Ambassade d'Angleterre ou à celle d'Autriche. Tu joues beaucoup mieux si la princesse de Vaudémont t'a protégé).*

Năm ấy, Frédéric Chopin được hai mươi ba tuổi. Trán cao và cái nhìn nóng bỏng, ăn mặc với mốt mới nhất, chàng đã phải trả rất đắt cho cái túi thủng của mình. Chopin đã làm mê hồn các cô gái trẻ qua tiếng nói có pha lẫn chút âm điệu nhẹ nhàng của giọng slave của ông, cũng như qua những ngón chơi kỳ tình trên phím đàn. *Franz Liszt đã phải thốt lên một cách thán phục"Chopin làm cho dương cầm hát" hoặc có thể nói một cách khác là "cây dương cầm đang hát với Chopin" (Chopin fait chanter le piano)*. Chàng vẫn không ngưng tiếp tục sáng tác vì hiểu được rằng tác phẩm của mình phải hoàn toàn đồng nhất hóa với khí cụ, và đó chính là ma lực tácđộng nhiều nhất nơi thính giả. Và Chopin đã tự mình sáng chế một kiểu chơi mới mẻ mà những nhà dương cầm cho đến ngày nay vẫn còn áp dụng. *Liszt vẫn nói rằng : "Tôi phải cho bốn năm sống của tôi để có thể trở thành tác giả của khúc luyện số 3" ! (J'aurais donné quatre ans de mavie pour être l'auteur de l'Etude N° 3) !*

Năm 1836, Chopin viết thư về cho cha mẹ ở Balan và khoe rằng : « Con đã làm quen với một danh nhân, bà Dudevant, mà ai cũng biết dưới cái tên George Sand ». (J'ai fait connaissance d'une grande célébrité, Madame Dudevant, connue sous le nom de George Sand) . Thật sự ra, mọi chuyện lúc đầu cũng không diễn tiến một cách tốt đẹp giữa hai nhân vật nầy. Sand vừa mới ly thân với chồng, Nam Tước Casimir Dudevant mà bà đã có hai con. Người đàn bà tự do ba mươi bốn tuổi ấy là một tiểu thuyết gia được thừa nhận bởi những bạn bè như Balzac, Delacroix,Hugo, Musset. Thoạt tiên, Chopin đã có một cảm giác rất khó chịu vơi những quần aó kiểu nam

giới mà Sand thường mặc, và chàng hay viết một cách bất thiện ý, tự hỏi xem bà ấy có đúng là một nữ nhân hay không, nhưng hai năm sau đó, Chopin đã để cho sự đam mê xâm chiếm với người đàn bà Nohant. Eugène Delacroix đã từng vẽ hai người chung với nhau tại xưởng làm việcở đường Rue des Marais-Saint Germain. Dưới họa pháp của bậc thầy, Sand, điếu thuốc kẹp ở giữa những ngón tay, đang thả hồn nghe chăm chú tiếng dương cầm của Chopin.

Sự mơ mộng vô cùng lãng mạn tay đôi đó đã không cho hậu thế thưởng thức một cách trọn vẹn một chuyện tình đã trở thành như huyền thoại. Năm 1874, một bàn tay vô danh đã tách đôi cặp tình nhân bằng cách cắt ra làm hai mảnh bức họa vải kia. George Sand ngày nay nằm trong bảo tàng viện ở Copenhague, còn Frédéric Chopin thì ở Louvre. Từ đó, Sand đã vưà là tình nhân, bạn thiết, chị em gái và là mẹ của nhà soạn nhạc mà tình trạng sức khỏe rất mỏng manh. Hai người đãsống chung muà hè 1838 tại Paris, rồi thì nhà nữ sĩ bắt buộc phải dắt đứa con trai của mình là Maurice về một xứ nào đó có khí hậu nóng như Baléares, bèn đề nghị với Chopin đi cùng với nàng để chung sống qua muà đông.

Khởi đầu nơi nghỉ ấy rất là quyến rũ với Chopin, hằng ngày tắm mình dưới nắng hanh vàng của vùng Palma de Majorque, rồi thì những trận mưa như thác lũ nổ bùng lên. Chàng ốm nặng và khạc ra máu. Bịnh lao phổi được chẩn đoán. Bị trục xuất ra khỏi vùng Palma bởi sợ bị truyền nhiễm, Sand , các con nàng và Chopin tìm nơi ẩn náu trong một tu viện xưa cũ ở Valldemossa, được xây cất theo triền núi. Dù đã bị suy yếu, Frédéric vẫn làm việc không ngừng tay một cách say mê. Chàng đã hoàn tất trên cây dương cầm của tu viện một loạt hai mươi bốn khúc nhạc dạo đầu *(série des Vingt-Quatre Préludes),* như những khúc nhạc ngắn, diễn tả cả một khuôn thước những cảm xúc đã đi qua đời mình trong giai đoạn ấy. Nhưng sức khỏe của Chopin không cảitiến được và Sand đành mang « ba đức con » của mình trở lại Pháp.

Về đây, Chopin phát hiện một cách thích thú một nơi ở tuyệt vời của George Sand tại Nohant, trong vùng Berry. *« Một vùng đồng quê thanh bình, đẹp đẽ, có chim họa mi, sơn ca líu lo cả ngày… ». (Joli campagne, rossignols, alouettes….)* Chàng đã viết như thế. Tất nhiên đang bị cô đơn dày vò vì xa cách với những người thân của mình từ rất lâu, bỗng dưng chàng đã tìm lạiđược một mái ấm gia đình với những trẻ con chạy nhảy cùng khắp, và những bạn hữu được mời mọc tập hợp trong những buổi tối để cùng nhau cười đùa, chơi đóng kịch hay đàn hát. Chopin tự cảm thấy rất thoải mái như chính đang sống ở tại nhà của mình.

Thêm một lần nữa, Chopin lại tiếp tục sáng tác những thể nhạc điệu mazurkas, quay cuồng hào hứng, gợi lại những lần nghỉ hè của tuổi ấu thơ của mình ở Mazovie, và như thế, cũng làm dịu đi trong khoảng thời gian nầy nỗi buồn xa xứ Balan. Nhưng đến tháng mười, chàng trở về Paris để tìm lại những học sinh và những giáo trình của mình. Đàng nào cũng phải tiếp tục một cuộc sống vui và đầy đủ, phong phú…. Nghĩ như thế, Chopin đã đảm đương cái nhiệm vụ giáo sư của mình một cách rất tâm thành, thích thú : với sự kiên nhẫn, chàng sửa chưã cho đúng những sai lầm của bàn tay trên phím đàn, uốn nắn những khuyết điểm trong cách đặt tay để chơi, dạy đi dạy lại cho học sinh những phương pháp để tiến triển.

Ngày hai mươi sáu tháng tư năm 1841, George Sand tổ chức cho Chopin một buổi trình diễn hoà nhạc ở những phòng khách thính Pleyel. Đấy là một sự thành công rực rỡ, một thắng lợi huy hoàng cho Chopin, mặc dù lòng vẫn cảm thấy một chút lo sợ làm nghẹn thở, mỗi khi nhà soạn nhạc phải chơi trong một thính phòng lớn như thế. *« Anh ấy thường khiếp sợ vì bao nhiêu chuyện, nên tôi đề nghị anh ấy nên chơi đàn trong một phòng không cần nến và cũng không có thính giả, trên một chiếc dương cầm câm lặng », (Il est effrayé de tant de choses que je lui*

propose de jouer sans chandelles et sans auditeurs, sur un piano muet), George Sand nói một cách châm biếm.

Rồi muà hè trở lại, mọi người đều về Nohant. Nơi ấy, xa các học sinh và cuộc sống kích động của Paris, Chopin có thể soạn nhạc một cách nhàn nhã, thảnh thơi, viết lại mỗi động tác cho đến hoàn hảo. *« ba hàng gạch xoá trên bốn, đó mới đích thực, đơn thuần là Chip Chip». (Trois lignes raturées sur quatre, voilà du vrai, du pur Chip Chip),* Georges Sand đã viết như thế. Ban ngày, chàng tự giam mình trong phòng ngủ, nhưng đêm về, vào giờ cơm tối, Frédéric có thể, mặc dù với sức khỏe bấp bênh, trở lại thành một diễn viên hài của những năm tháng trung học : Với một cái nhăn mặt, chàng đã có thể biến dạng thành một con người hào hoa phong nhã Anh quốc, hiền lành nhu nhược, đang đương đầu với văn ngữ Pháp văn, làm cho những người bạn thường được mời mọc như Delacroix, Hugo hay Balzac có được những trận cười thích thú.

Đến năm 1846, mọi chuyện đều thay đổi. Những sự va chạm xuất hiện đột ngột giữa cặp nầy. George Sand mệt mỏi để tiếp tục chơi cái trò vưà là y tá, vưà là hộ lý trông coi bệnh nhân, và cũng vưà là người bạn tâm tình. Sand sợ hãi bị gắn bó và giam hãm như tù binh đến trọn đời với một người đàn ông đau yếu, bệnh hoạn, cho dù hắn ta có là nhân tài lỗi lạc xuất chúng !

Là một nữ văn sĩ, trước tiên Sand đã mô tả tình trạng nầy qua những nhân vật trong tiểu thuyết *« Lucrezia Floriani »* của nàng. Quyển sách của muà hè 1846 ấy, đã báo trước điểm cuối cùng của mối diễm tình thơ ngây, vô tội vạ nầy. Chopin trả lời lại bằng một *bài « Polonaise-Fantaisie »* (một điệu nhạc làm nền cho điệu vũ dân tộc Balan), với cả một tâm sự phiền muộn, sầu não rất lớn. Sự chia tay đã tác động vào năm sau đó, với một cớ hết sức nhỏ nhoi, để che giấu lý do thật sự, đó là hôn nhân của Solange, con gái của Sand với điêu khắc gia Clésinger. Nhà văn sĩ giận con gái của mình và Chopin thì bảo vệ cho cô ấy. Chỉ có chừng ấy nguyên do. Thế là chàng nhận được bức thư tuyệt giao của Sand vào tháng tám năm 1847 với một câu sau cùng : *« Hãy thỉnh thoảng cho em tin tức của anh, ngoài ra, những chuyện còn lại chẳng cần phải nhắc tới ». (Donnez-moi quelquefois de vos nouvelles. Il est inutile de revenir sur* le *reste).* Như thế, hai người chỉ gặp lại nhau một lần vào năm 1848, khi Chopin, vì còn giữ mối quan hệ tốt đẹp với Solange, đã báo tin cho George Sand sự chào đời của đứa cháu ngoại của nàng.

Muà hè 1848, Chopin đi dạy học ở Luân Đôn, nơi đó, khói từ bụi than đá đã hành hạ những lá phổi của chàng. Vẫn mơ mộng đến một cuộc đời mới, nhưng vốn không ảo tưởng, chàng vẫn nói : *« Giá như ta không còn khạc ra máu mỗi ngày….* » *(Si seulement je ne crachais pas le sangtous les jours…)* Ở Anh Quốc hay ở Ecosse, Chopin, dù sức khoẻ đã suy kiệt, nhưng vẫn tự trói buộc mình với những lớp học, những buổi dạ tiệc và những buổi độc tấu không ngừng. Trở lại Paris, chàng không còn sức để sáng tác nữa. Tháng sáu 1849, người ta đã phát hiện ra cái chặng đường cuối cùng của bệnh lao phổi của chàng nhạc sĩ tài hoa nầy. Và niềm hân hoan to lớn cuối đời của Chopin là còn nhìn lại được khuôn mặt thân yêu của người chị của mình, bà Ludwika, đã từ Balan nhanh chân chạy tới thăm cậu em thân yêu.

Frédéric Chopin lịm dần và ra đi vào ngày mười bảy tháng mười năm 1849. Ở nghĩa trang Père Lachaise, nơi chàng an nghỉ, tấm bia trang trí trên nấm mộ đã có chứa đựng một ít bụi đất Balan. Con tim của nhà thiên tài đã từng một thời cách mạng hóa nghệ thuật dương cầm, được mang trả về Balan theo ý nguyện của chàng. Trái tim ấy đã được dấu kín trong những bức tường của giáo đường Sainte Croix ở Varsovie. Một đời người phù du đã đi qua, còn chăng, đấy là vô số những tác phẩm nghệ thuật để lại cho hậu thế, đã đưa Chopin về xếp hạng bên cạnh Mozart, Bach hay Beethoven. Và còn những lời của Sand đã gợi lại một cách tài tình cái âm hưởng về âm nhạc khi

Chopin dạo đàn ở Nohant *: « Và rồi nốt nhạc xanh vang âm, thế là chúng ta, trong cái màu da trời thuỷ tinh của màn đêm. Những áng mây nhẹ nhàng bùng lên ôm lấy tất cả những hình dạng độc đáo nhất, chúng lấp đầy bầu trời, chúng đã giục giã kéo tới ôm quanh chị Hằng khi chị ném trở lại những vầng trăng rộng màu trắng sữa, làm sống lại cái màu sắc như đã lừ đừ thiếp đi. Anh và em, chúng ta đã mơ ước một đêm hè và chúng ta chờ đợi chim họa mi. » (Et puis la note bleue résonne et nous voilà dans l'azur de la nuit transparente. Des nuages légers prennent toutes les formes de la fantaisie ; ils remplissent le ciel ; ils viennent se presser autour de la lune qui leur jette de grands disques d'opale et réveille la couleur endormie. Nous rêvons d'une nuit d'été : nous attendons le rossignol).* ■

Dã Thảo */ Paris ngày 14/11/2010*

Back to Contents

Tích Song Song Lệnh – Lưu Yểm
惜雙雙令 - 劉弇

Sóng Việt Đàm Giang Dịch

風外橘花香暗度。 Phong ngoại quất hoa hương ám độ,
飛絮綰、殘春歸去。 Phi nhứ oản, Tàn xuân quy khứ.
醞造黃梅雨。 Uấn tạo hoàng mai vũ.
冷煙曉佔橫塘路。 Lãnh yên hiểu chiếm Hoành Đường lộ.

翠屏人在天低處。 Thúy bình nhân tại thiên đê xứ.
驚夢斷、行雲無據。 Kinh mộng đoạn, hành vân vô cứ.
此恨憑誰訴。 Thử hận bằng thùy tố.
恁情卻倩危弦語。 Nhẫm tình khước thính nguy huyền ngữ.

Chú Thích

Tích song song lệnh: tên từ bài, gồm 52 chữ, đoạn trước và đoạn sau đều có 4 câu và 4 trắc vận. Cách luật:

B T T B B T T vận
X X T, X B X T vận
T T B B T vận
T B T T B B T vận
T B B T B B T vận
X T T, B B X T vận
T T B B T vận
T B T T B B T vận

Dịch Nghĩa

Bài từ theo điệu Tích song song.
Gió từ bên ngoài thổi ẩn theo mùi hoa quít.
Cành liễu bay cuốn vào nhau. Xuân tàn đi mất.

Tạo thành những trận mưa lúc quả mơ chín vàng.
Khói lạnh buổi sáng bao phủ khu Hoành Đường lộ.

Kìa dẫy núi xanh xanh, người tại nơi chân trời.
Chợt tỉnh mộng, nghĩ đến tình cảm của tình nhân vô định.
Mối hận này biết thổ lộ với ai,
Tình tự này chỉ còn biết gửi gấm vào tiếng đàn (cho vơi nỗi sầu).

***

Buồn nhớ cố nhân.
Ngoài gió, quất hoa hương quấn quýt
Liễu quằn quại, Xuân đà mất hút
Vũ tạo mơ vàng đến
Lạnh tanh khói tỏa khu đường trút.

Núi, trời xanh ngát người xa xứ
Dứt mộng ngó mây, mây chẳng thứ
Biết ngỏ ai sầu hận
Mượn đàn gửi gấm tình vô ngữ. ■

SVĐG

25 tháng Hai 2023.

Back to Contents

Một truyện-thơ, một vụ xử án, một giai-thoại

Nguyễn-Mạnh-Tường và hiệp-sĩ Lanval

Nguyễn-Lê-Hiếu

Khoảng 1941-42, vì bất-bình với một viên thanh-tra, Nguyễn-Mạnh-Tường đã từ-chức giáo-sư để chuyển sang nghề luật-sư, hồi đó còn gọi là trạng-sư. Vốn là sau khi Pháp thua ở Âu-châu, thống-chế Pétain đầu-hàng Đức, Nhật đã vào Đông-dương từ năm 1941 và làm chủ thực-sự tuy còn để Pháp giữ vai trò thừa-hành trung-gian áp-dụng và thực-hiện lệnh của Nhật xỉa xuống. Theo Nguyễn-Mạnh- Tường kể trong cuốn *Un Excommunié* (1) rằng mình không ủng-hộ và phục-vụ trong chương-trình cổ- võ bán gạo cho Nhật nên bị Pháp-Nhật tìm cách trả thù. (2) Chúng cử một tên thanh-tra cấp bằng Thạc- sỹ đến lớp. Nguyễn-Mạnh-Tường phản-kháng rồi từ-chức. Về chuyện này, trong gia-đình kể thêm chi- tiết là viên thanh-tra đến lớp và quấy-nhiễu bằng cách ngắt lời giảng-dạy, phê-bình huyên-thuyên khiếnthầy Tường bực mình nói sẵng: *Bài văn này khó; khó giảng dạy cho trình-độ thạc-sỹ; và chỉ có qua trình-độ tiến-sỹ "đôi" mới trình-bày mạch-lạc hết ý được*. (3) Tên thanh-tra giận-dữ và Tường từ-chức, dời ngành giáo-dục chuyển sang ngành luật-sư. Một lần nhắc lại chuyện đó, Nguyễn-Mạnh-Tường cho thêm chi-tiết: *Đó là bài Lanval một bài "lai" (truyện thơ) của Marie de France*.

Marie là một phụ-nữ sống ở triều-đình Anh vào thế-kỷ 12; tiếng phụ sau tên de France không phải chỉ cả nước Pháp như ngày nay mà hiểu là người gốc vùng Ile de France nghĩa là ở quanh vùng Ba-lê bây giờ. Nhưng cũng có nguồn tin cho tiếng Pháp chỉ gốc vùng Bretagne, mỏm tây-bắc nước Pháp, nơi gốc ngôn-ngữ Celtic còn lưu-truyền mạnh trong dân-gian. (4) Thời đó, tiếng Pháp cổ còn gọi là roman nặng dấu ngôn-ngữ cổ, nên tác-phẩm của Marie khó giảng. Thí-dụ như một lần tự giới-thiệu, Marie viết:

Oëz, seignur, que dit Marie
Ki en son tens pas ne s'oblie

phải chuyển ngữ rộng ra thành

Xin quý ngài hãy nghe (lời) *Marie kể* (chuyện);
Đó là người (đã có chỗ đứng trên văn-đàn) *đương-thời không bị quên-lãng.*

Marie viết một số truyện thơ lấy đề-tài từ những chuyện kể trong dân-gian và như vậy đã cứu cho những câu chuyện đó khỏi bị mai-một; có thể so-sánh với Lĩnh-nam chích-quái của ta. Thể truyện thơ ngắn thời đó gọi là *lai.* (5) Câu chuyện kể một chàng hiệp-sĩ tên, được một tiên-nữ yêu nên không đàn- đúm với các hiệp-sĩ khác mà thường ngồi riêng xa-cách. Việc đó khiến hoàng-hậu để ý và muốn thu- phục Lanval làm kẻ yêu phục-vụ mình, theo tinh-thần ái-tình chay thanh-lịch ưu-tú amour courtois thờitrung-cổ Âu-châu. (6)

Lanval, mult vus honoré
e mult cheri e amé

Lanval hỡi, tôi rất kính-trọng chàng,
Rất thương quý và rất yêu mến (chàng).

Lanval khước-từ.

Ja pur vus ne pur vostre amur
Ne mesferai a mun seignur

Chẳng bao-giờ vì bà hay vì tình của bà
(mà) tôi làm điều xấu đối với ông chúa của tôi.

Lại còn nói người mình yêu và yêu mình đẹp tuyệt vời và đến kẻ hầu tầm-thường nhất của nàng còn hơn bà hoàng-hậu

une de celes ki la sert,
tute la plus povre meschine
valt mielz de vus, dame reine—

một trong những thị-tỳ
kẻ coi là tầm-thường nhất
củng còn hơn lệnh-bà, thưa hoàng-hậu

Hoàng-hậu mất mặt, bèn ỉ-eo với vua Arthur là Lanval làm hỗn với mình. Ở thời Trung-cổ, nhà vua chuyên-chế có toàn quyền và thông thường, có thể phạt—kể cả xử tử—kẻ phạm tội. Nhưng nhà vua không muốn mang tiếng là thiên-vị nên không trừng-phạt ngay mà họp triều-đình để họ xử vụ này. Đó là khái-niệm tránh cảnh quyền lợi xung-khắc:

Li reiz fu mult vers lui iriez.
Tuz ses humes a enveiez
pur dire dreit qu'il en deit faire
qu'um ne li ouisse a mal retraire

Nhà vua rất giận-dữ đối với hắn (Lanval).
Cho gọi tất cả mọi người (trong triều-đình) *tới*
để bàn xem phải làm gì (xử trí như thế nào)
để không ai có thể chê-tránh vua (là thiên-vị bất-công)

Trong khi chờ đợi, nhà vua đòi có thế chân hay ai bảo-lãnh thì Lanval mới được tự-do đi lại không bị bắt giam ngay. Đó là khái-niệm bảo-chứng, tại ngoại điềutra. Rồi đến ngày xử, nhà vua cho đọc lời khiếu-nại và bài-cãi *le claim e les respons* và đến lượt hội-đồng các hiệp-sĩ xử-lý. Họ bàn rằng phải để cho Lanval đưa chứng-cớ và lúc này, cần cho mời người mà Lanval cho là đẹp hơn cả hoàng-hậu. Đó làkhái-niệm nhân-chứng. Lúc đó, có hai thiếu-nữ xinh-đẹp vô-ngần bước vào nơi xử án; đẹp như chưa từng thấy. Nhưng Lanval bảo hai người không phải là người mình yêu. Hai thiếu-nữ tâu với vua: *Nữ- chúa tôi sẽ tới ngày mai*. Hôm sau, một thiếu-nữ tới, đẹp tuyệt-trần vì đó chính là nàng tiên. Cô ả nói:

"Artur, Jeo ai amé un tuen vassal,
Veez le ci! Ceo est Lanval! .....
Ceo saces tu Que la reine a tort eü.

Tâu vua Arthur, tôi yêu quý một bộ-tướng của ngài.
Hãy trông đấy! Chính là Lanval! ...
xin ngài hãy biết rõ rằng hoàng-hậu (là kẻ sai-trái) *có lỗi*....

N'i a un sul ki n'ait jugié
Que Lanval a tut desraisnié
Delivrez est par lur esguart

Không có một ai mà không phán xử
rằng Lanval đã có lý phải
Vậy là đồng ý thả (Lanval) *ra*

Một cựu môn-sinh nhớ lại Những tác-giả cũng như những tác-phẩm trong lớp hồi đó đều thuộc thời Trung-cổ, thời Phục-hưng, thế-kỷ thứ 16 (…) văn thì cổ, khó hiểu và nội-dung thì thiên nhiều về tư-tưởng triết-lý và đạo-đức. Một giáo-sư ngôn-ngữ, khi giảng bài, sẽ cho phiên-dịch sang tiếng đương-thời, tiếng Pháp ngày nay. Một giáo-sư khác có thể sẽ phân-tách tâm-lý nhân-vật hay là biểu-tượng tình yêu chay-thanh-lịch ưu-tú hay phong-tục yêu-đương thời Trung-cổ, bên Âu-châu, thời vua Arthur và các hiệp-sĩ Bàn-tròn.

Các tòa-án thời trung-cổ sơ-khai thường dựa vào tín-ngưỡng: ai mà nói sai để tay vào lửa thì sẽ bị bỏng, còn nếu như nói đúng thì sẽ chẳng hề-hấn gì (7); qua thời trung-đại tiếp sau và từ đó, dưới chính-thể vua chúa, tòa-án do chính nhà vua—hay người vua cử ra—phán xử tùy theo ý của người ngồi xử. Cho đến tận thế-kỷ thứ 18-19, dần-dần mới có các khái-niệm về buộc tội và có luật-sư cãi lý bênh-vực, khái-niệm vô-tư tránh thiên-vị cần rút lui nếu có quyền-lợi xung-đột, lại thêm khái-niệm tại-ngoại hậu-tra, có tiền thế-chân hay có bảo-lãnh; trong khi xử lại có cho nhân-chứng ra khai. Tất cả những khái niệm tân-tiến này, cho đến ngày nay, cũng chỉ áp-dụng ở một số xã-hội có dân chủ pháp-trị chứ nhiều nơi hãy còn chưa áp-dụng. Vậy mà Marie de France, sống ở thế-kỷ 12 đã đề ra những khái-niệm này ở triều-đình chuyên-chế bên Anh. Đến đây mới hiểu được câu nói của Nguyễn-Mạnh-Tường với viên thanh-tra thạc-sĩ: phải ở cấp tiến-sĩ mới nắm vững tinh-thần của truyện-thơ này; mà phải cả tiến-sĩ hai khoa văn-chương và luật mới lột hết được tinh-hoa của một câu chuyện đi trước thời-gian cả 7-8 thế- kỷ. Nguyễn-Mạnh-Tường đã khuất, mà không chắc người thanh-tra thạc-sỹ hãy còn. Số người thưởng- thức truyện thơ Lanval không chắc là nhiều lắm và người thầy giảng-dạy lột hết được tinh-hoa theo tiêu-chuẩn của thầy Tường chắc cũng không nhiều. ■

Ghi chú

1- *Un Excommunié, Hanoi 1954-1991 Procès d'un intellectual,* Quê Mẹ, Paris 1992.

2- Ủy-ban thóc-gạo Bắc-kỳ thành-lập "kho thóc Nghĩa-xương" nói là để phòng-ngừa cứu-tế nhưng thực-chất là để nuôi quân Nhật. Ký-giả Trịnh-My loan tin lập kho thóc Nghĩa-xương trên báo Tin Mới. Báo và ký-giả bị điều-tra rồi truy-tố ra tòa-án về tội tiết-lộ bí-mật quốc-gia. Nguyễn-Mạnh- Tường nhận bào-chữa cho báo và ký-giả gây thêm mâu-thuẫn với giới-chức Nhật-bản. Kiều-Mai- Sơn ghi lại *Năm 1945: Vụ án tờ báo Tin-Mới.*Cũng kể lại trong bài *Làm báo và Kiểm-duyệt báo thời xưa* do Tho Cao viết, nhân ngày báo-chi Việt-Nam 21-6.

3- Trong xuốt thế-kỷ 18-20, khái-niệm về văn-bằng thạc-sỹ và tiến-sỹ khác với hiện-nay ở nước nhà. Cả hai bằng cùng là cấp cao nhất của ngành nhưng đi theo hai hướng khác nhau: người thạc-sỹ nắm rõ hết kiến-thức hiện-tại trong ngành và mang ra giảng-dạy trong sinh-hoạt nghề-nghiệp chuyên-môn của mình. Người tiến-sỹ cũng nắm rõ hết kiến-thức hiện-tại trong ngành nhưng qua việc thực-hiện luận-án tiến-sỹ, đã biết kỹ-thuật nghiên-cứu, so-sánh, tìm-hiểu thêm để mở rộng và nâng cao kiến-thức hiện-tại. Nói tóm lại, thạc-sỹ quản-lý kiến-thức ngành trong hiện-tại trong khi tiến-sỹ

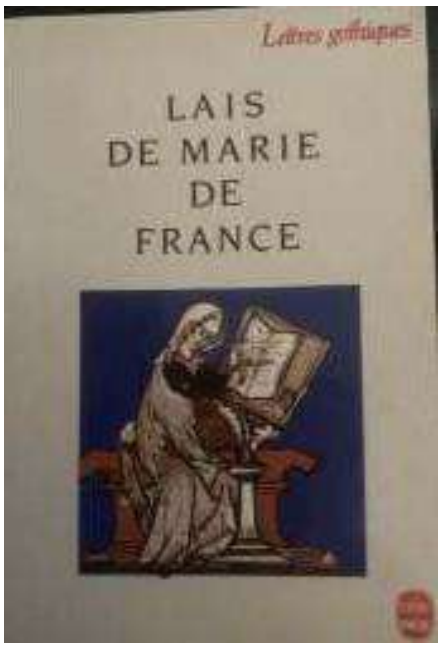

quản-lý kiến-thức rộng bên ngoài ngành và ở tương-lai. Ý của Nguyễn-Mạnh-Tường là sự hiểu-biết của viên thanh-tra chỉhạn-chế trong văn-tự của truyện-thơ nhưng mình mới có thể mang ra so-sánh bên ngoải, trong góc-độ tư-pháp luật-án, thời cổ-xưa, so-sanh thời tác-giả Marie và ngày nay.

4- Đa-số các ngôn-ngữ Âu-châu gốc Ấn-Âu (Iindo-europeen); lục-địa Âu-châu gồm tiếng Slavic ở phía đông, tiếng Đức ở giữa và tiếng Pháp-cổ Roman phía tây (Pháp, Tây-ban-nha, Ý). Tiếng gốc Celtic ở Ái-nhĩ-lan và vùng Bretagne tây-bắc Pháp.

5- Đào-Duy-Anh giảng *lai* là thể truyện thơ ngắn thời trung-cổ. Gốc celtic là một bài ca (laid) được hát theo tiếng đệm của thụ- cầm (harpe) vậy nguyên-thủy là một bài ca, có truyền-thống truyền-khẩu. Rồi Marie—và nhiều tác-giả ghi lại lời—thành truyện-thơ, cứu vớt được những tác-phẩm văn-học cổ; cho nên so-sánh với việc Trần-Thế-Pháp đi thu nhặt chuyện cổ-quái xứ Lĩnh-nam xưa.

6- Ái-tình lịch-thiệp ưu-tú—*amour courtois*—là khái-niệm tình yêu thời trung-cổ của giới hiệp-sĩ nhái theo tổ-chức xã-hội. Nữ-thần-tượng giữ vai trò của vua-chúa và hiệp-sĩ sẵn lòng phục-vụ hết mình. Để xứng-đáng với nữ thần-tượng, hiệp-sĩ phải lịch-thiệp từ cách trang-phục cho đến cách ăn-nói xử-thế, mở rộng kiến-thức trong khi phục-vụ, mỗi ngày thêm ưu-tú; ái-tình nặng về hình-thức tinh- thần hơn là da-thịt.

7- Đinh-Văn-Trấn: Nhớ lại một vài kỷ-niệm về G-S. Nguyễn-Mạnh-Tường, Minnesota ngày 20- 3-1990. Người viết là một cựu giáo-sư, sống ở Minnesota, Hoa-kỳ, kể lại kỷ-niệm nhân báo-chí hải-ngoại đăng tin GS NMT được phép đi Pháp. *Những tác-giả cũng như những tác-phẩm trong lớp hồi đó đều thuộc thời Trung-cổ, thời Phục-hưng, thế-kỷ thứ 16…Văn thì cổ, khó hiểu…Vậy mà thầy Tường đã gây được sự thích-thú…đủ biết là bài giảng được trình-bày rõ- ràng và dễ hiểu như thế nào!* Toàn bài báo được ghi lại trong cuốn 2 (Phần thứ hai) Hồi-ký về GS LS Nguyễn-Mạnh-Tường và gia-đình.

8- Một thí-dụ trong truyện *Tristan và Yseult.* Vua Marc nghi vợ mình Yseult ngoại-tình với Tristan, đưa vợ lến núi thần chịu sự thử-thách bằng lò lửa. Trên đường đi phải lội qua một nhánh sông bùn- lầy. Một người ăn-mày đi qua, xung-phong cõng Yseult qua sông. Người này chính là Tristan giả- dạng. Đến trước lò lửa, Yseult khấn: Tôi xin nói thật: *đời tôi chỉ đụng-chạm có hai người đàn ông, vua Mark chồng tôi và tên ăn-mày cõng tôi.* Rồi để tay lên lò lửa mà không bị bỏng vì đã nói đúng sự thực. Cuốn truyện được Vũ-Trọng-Phan dịch hai lần; lần đầu dịch là *Tiểu-nhiên và My-cơ*; lần sau thành *Trixt'ăng và I-dơ.*

Về bài thơ-ca Lanval, có thể xem ở trong cuốn *Lais de Marie de France,* Le Livre de Poche, bộ Lettres gothiques, 1990, do bà giáo-sư Laurence Harf-Lancner dịch, giới-thiệu và ghi-chú (tr.134-167).

Về nhân-vật Nguyễn-Mạnh-Tường (1909-1997): đỗ hai bằng tiến-sỹ Luật và Văn-chương ở Pháp lúc 22 tuổi, về nước dạy học rồi hành nghề luật-sư. Năm 1946, làm trưởng-ban Văn-hóa của phái-đoàn Việt-Nam trong hội-nghị trừ-bị Pháp-Việt ở Đà-lạt; năm 1953, dự hội-nghị Hòa-bình ở Vienna; năm 1955, dự hội-nghị Luật-gia Dân-chủ ở Brussels. Trong thời kháng-chiến chống Pháp, ông góp phần

xây-dựng Trường Dự-bị Đại-học ở Thanh-hóa; sau 1954, là Phó Giám-đốc Đại-học Sư-phạm, Giám- đốc Đại-học Luật, Phó Chủ-tịch hội Luật-gia, Thủ-lãnh Luật-sư-đoàn, thành-viên các Hội Thân-hữu Việt-Pháp, Việt-Liên-xô, Chủ-nhiệm Câu-lạc-bộ (trí-thức) Đoàn-kết…

Cuối năm 1956, ông có bài tham-luận *Qua sai-lầm của Cải-cách ruộng-đất, xây-dựng quan-điểm lãnh-đạo.* Hơn một năm trôi qua, đến tháng 2 năm 1958, Sở nghiên-cứu chính-trị của Bs Trần-Km-Tuyến bỗng phổ-biến bài tham-luận cho báo-chí ở Rangoon nhân dịp chủ-tịch Hồ-Chí-Minh viếng thăm Miến-điện; các ký-giả phỏng-vấn Hồ-Chí-Minh về chế-độ tàn-bạo khi cải-cách ruộng-đất. Sau đó, chế-độ trừng-phạt Nguyễn-Mạnh-Tường, trước đấu-tố ba phen, sau hạ-tầng công-tác, bắt đi làm lao- động dọn-dẹp ở Tòa-án…Ông kể lại câu chuyện cô-lập như là cuộc lữ-hành trong sa-mạc.

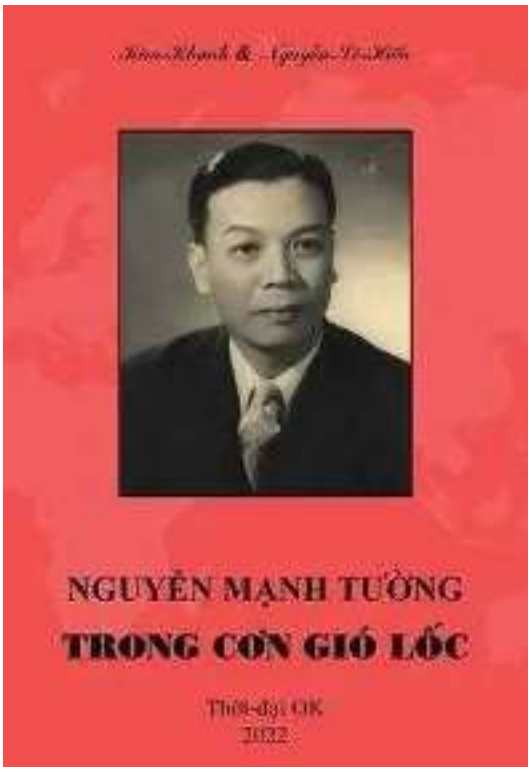

Xin giới-thiệu với các thân-hữu trên văn-đàn, cuốn tiểu-sử Nguyễn-Mạnh-Tường vừa xuất-bản cuối năm 2022 có thể đặt mua tại Barnes and Noble, dưới mã-số ISBN: 978-0-578-25951-2, giá $US30. Hay qua tác-giả: bshieuok@yahoo.com.

Back to Contents

CƯỠI NGỰA XEM HOA

BALTIMORE VỚI CẢNG INNER HARBOR

Du ký của NGUYỄN GIỤ HÙNG

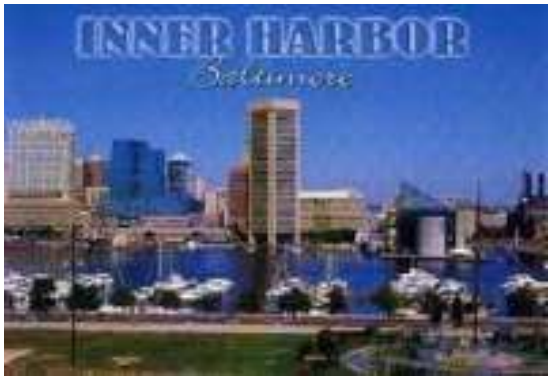

Chiều nay, chúng tôi rời Thủ đô Washington D.C. (Hoa Thịnh Đốn) để tiếp tục đi chơi vùng miền Đông Hoa Kỳ (East coast). Từ Washington D.C, chúng tôi lấy xa lộ 95 hướng Bắc (Highway 95 North) thẳng tiến về *thành phố Baltimore thuộc tiểu bang Maryland*. Thành phố này không xa Thủ đô là bao, chỉ cần hơn một tiếng lái xe.

Baltimore, nằm ngay trên bờ vịnh Chesapeake Bay thuộc bờ biển Đại Tây Dương, có dân số khoảng 700.000 người. Đó là thành phố, cũng là trung tâm công nghiệp và văn hóa lớn nhất của tiểu bang Maryland. Trong thời gian đầu lập quốc, Baltimore đã từng là một trong ba hải cảng lớn nhất của Hoa Kỳ và nó cũng đã từng đóng góp một phần vô cùng quan trọng trong ngành ngoại thương và phát triển kinh tế cho xứ sở này.

Lái xe qua phi trường Baltimore và hướng về bến ***cảng Inner Harbor*****,** chúng tôi chỉ mất thêm một thời gian ngắn nữa là đã tới nơi đấy.

Inner Harbor, một chiều thêu nắng. Quang cảnh ở đây vừa nhộn nhịp và cũng vừa thanh bình. Trên đường phố, tuy xe cộ qua lại thật đông đúc nhưng sự trật tự và tôn trọng luật lệ giao thông dành quyền ưu tiên cho người đi bộ đã tự tạo được cảm giác an toàn cho những du khách đang dạo chơi nơi này.

Dọc theo bờ vịnh là những quán ăn đông người. Tiếng nhạc nhẹ nhàng chứ không ồn ào từ những quán ăn ấy vọng ra. Sát ngay bờ vịnh là một con đường lát gạch rộng rãi và dài chừng hơn một cây số để mọi người có thể tản bộ hoặc ngồi trên ghế đá nhìn trời mây nước, nghe sóng biển vỗ rì rào. Ngườita cũng có thể ngồi nhâm nhi cốc cà phê ở quán nhỏ bên đường, hay dừng chân nghe một ban nhạc nhỏ (band) với vài ba nhạc công tài tử giúp vui du khách, hoặc đứng coi vài anh làm xiếc kiểu "mãi võ Sơn Đông" đang "làm trò" như ở quê nhà. Những bồn hoa mầu sặc sỡ đặt dọc theo lề đường gạch tô điểm cho vẻ đẹp của khu phố biển.

Chúng tôi đi lững thững trên con đường lát gạch ấy để hưởng lây cái vui của mọi người, cái thanh bình của cảnh vật và hít gió biển trong mát.

Sau khi tản bộ một vòng, chúng tôi xuống một chiếc "thuyền máy" được gọi là "*water taxi*", một phương tiện chuyên chở của thành phố. Mỗi chuyến thuyền máy có thể chở được khoảng 20 người.

Khi thuyền vừa rời bến, một khoảng trời mênh mông như được mở rộng ra. Tôi nhìn lên bầu trời cao, những đám mây bàng bạc lơ lửng bay trên ấy. Sóng nước bắt đầu đánh mạnh hơn ở hai bên hông thuyền làm thuyền hơi chòng chành trước khi lấy lại thăng bằng.

Nhìn trở lại thành phố, tôi thấy trọn vẹn hình ảnh của bến tầu, người đi kẻ lại với mọi sinh hoạt nhộn nhịp trên ấy. Thuyền đi dọc theo bờ vịnh, tôi có cơ hội để quan sát cảnh trí cũng như những kiến trúc của thành phố. Những cao ốc cổ xưa xen lẫn những cao ốc mới. Chúng tôi vừa nhận ra có một chiếc tầu "tiềm thủy đĩnh" (submarine) loại nhỏ, chắc đã không còn hoạt động, đậu trên bến đang đón du khách xuống xem.

"Bác" tài công già, râu ria rậm rạp, luôn vừa điều khiển chiếc thuyền vừa kể cho hành khách nghe về một vài câu chuyện liên quan tới thành phố Baltimore này như một hướng dẫn viên du lịch "dễ dãi", nghĩa là "bác" muốn nói thì nói, muốn ngưng thì ngưng, muốn chuyển đề tài bất cứ lúc nào cũng được, tuy nhiên lúc nào "bác" cũng tỏ ra hăng say với câu chuyện mình đang kể. Tôi nhìn "bác" cười duyên, "bác" gật đầu với tôi rồi cũng cười duyên lại. Đúng là hai cái cười thuộc loại cười để mà cười, cười chỉ để "hở mười cái răng" vô nghĩa. Tự nhiên tôi thấy có cảm tình với "bác" và tất nhiên là tôi sẽ không quên dúi vào tay "bác" tiền "tip" khi chúng tôi rời thuyền.

Từ trên thuyền tôi có dịp phóng tầm mắt quan sát những cảnh vật xung quanh. Một số nhà máy nằm sát ngay bở vịnh, tôi tin là chúng đã được xây dựng từ thời đầu lập quốc. Chúng đã đổ nát hay hư hỏng toàn bộ hoặc từng phần, đang đứng soi bóng im lìm trên sóng nước, lặng nhìn dòng thời gian cứlờ lững, bình thản trôi đi. Chúng như đang nhớ lại một thời oanh liệt đã qua, mà thời oanh liệt đó đang bị đẩy lùi sâu vào quá khứ xa xưa một cách hối hả bởi sự tiến bộ quá nhanh của nền công nghiệp tân tiến hiện đại ngày nay đang ào ạt tiến tới. Nhưng có cái hay là cái mới đã không phủ lấp hình ảnh của cái cũ, cái của quá khứ. Những ngôi nhà máy cũ kỹ kia, qua những hình ảnh kiến trúc đổ nát của nó, đãgợi nhớ lại cho hậu thế biết bao nhiêu những cảm nhận cũng như ý thức được: - về một giai đoạn lịchsử của thời lập quốc; - về sự thiết lập được một nền tảng kinh tế vững vàng trong khó khăn cho mộtdân tộc non trẻ lúc đó, tạo sức bật tiến lên trong tương lai. Và để rồi, chỉ cần khoảng 200 năm sau, dân tộc đó đã trở thành một cường quốc kinh tế hùng mạnh nhất thế giới.

Trên những kiến trúc gạch đỏ đổ nát ấy, thỉnh thoảng tôi vẫn còn thấy được bảng hiệu của cơ xưởng cũ cùng những năm xây dựng chúng. Tôi nghĩ những cơ xưởng này đã được chính quyền địa phương

bảo quản và giữ nguyên trạng để chúng được đánh giá như những chứng tích của thời đại mà chúng được xây dựng nên. Điều này làm tôi nhớ lại một số di tích cổ xưa trên đất nước ta, ngày nay đangđược "tô son trét phấn" để phục vụ cho ngành du lịch, đã biến chúng thành những anh "hề già". Sựkhác nhau này phải chăng đã phát xuất từ những khác biệt về ý thức, hiểu biết, lẫn tấm lòng thành kính dành cho người xưa? *Gìn giữ và phục hồi di tích cổ không có nghĩa là phải "hiện đại hóa", phá hủy từng phần hoặc toàn bộ cái nét đẹp văn hóa cổ xưa, làm mất đi cái giá trị lịch sử, kỹ thuật, mỹ thuật của thời đại chúng đã được xây dựng nên. Làm như thế nó còn mang tính cách* ***lường gạt*** *lịch sử nữa.*

Những con chim hải âu trắng bay lượn quanh thuyền xin ăn. Xa xa, một nhà máy đường cũ kỹ mang tên "Domino Sugar" vẫn còn đang hoạt động. Những đám khói tỏa trên ống khói gạch đỏ cao ngất của nhà máy đó làm tôi nhớ tới nhà máy nhiệt điện Chợ Quán năm nào, nơi tôi đã từng trải gần 10năm làm việc tại đó với bao nỗi nhớ thương. Nhà máy Nhiệt điện Chợ Quán có lịch sử trăm năm đó nay không còn nữa. Nó đã biến mất để nhường chỗ cho những cao ốc mọc lên thay thế. Một chút ngậmngùi. Người thì như thế này, mình thì như thế ấy.

Khoảng 30 phút trên thuyền, chúng tôi đổ bến trên một phần đất khác của thành phố cảng Baltimore. Trên bờ, ngay tại bến, có nhiều hàng ăn của người Á châu như Nhật, Tầu, Thái nhưng lại không có quán ăn của người Việt Nam. Tôi biết những món ăn Việt Nam, ngày nay đã trở nên quen thuộc đối với người dân địa phương ở nhiều thành phố lớn của Hoa Kỳ. Riêng nơi đây thì nó còn vắng bóng.

Một chiếc tầu buồm nhỏ đậu ngay bên bến mang tên "Murder Mystery Cruise", một tầu mang cờ hải tặc, có biển đề giá 45 đô-la cho một bữa ăn tối. Ăn một "dinner" trên một chiếc du thuyền chạy quanh trong vịnh thì quả thực giá này cũng thuộc loại "bình dân đại chúng".

Chúng tôi đi dạo chơi loanh quanh vài khu phố rồi trở lại bến "water taxi" để đi thuyền máy trở về bến Inner Harbor lúc ban đầu.

Trời đã ngả chiều tối, ánh đèn điện bên đường đã bắt đầu bật sáng. Sinh hoạt trên phố cũng đã thay đổi theo, có nơi đông lên, cũng có nơi vắng bớt người đi.

Lên bờ, chúng tôi băng qua đường để vào một khu siêu thị "Gallery Shopping Center" khang trang và đẹp đẽ ngay đấy. Khu siêu thị này là một tòa nhà bốn tầng. Cũng như mọi siêu thị tiêu biểu khác trên nước Mỹ, ở đây có rất nhiều gian hàng với danh hiệu nổi tiếng trên thế giới.

Lang thang trong siêu thị cả giờ đồng hồ nhưng chúng tôi chỉ xem chứ không mua sắm gì. Trước khi rời khỏi khu siêu thị chúng tôi không quên chụp vài tấm hình kỷ niệm bên cái hồ nước chạy dài ngay cửa vào. Hồ nước có nước phun và hoa tươi được trồng chung quanh làm tăng thêm vẻ tráng lệ, rực rỡ cho khu siêu thị này.

Chúng tôi tới khu ăn uống "Food court" không xa. Khu ăn uống này chiếm một diện tích lớn. Nơi đây thật ồn ào náo nhiệt. Các cửa hàng ăn được sáng rực bởi những đèn bảng hiệu hay quảng cáo. Kẻ ngồi ăn, kẻ đứng xếp hàng chờ đợi, người đi lại tìm hàng ăn hợp với khẩu vị của mình. Thôi thì đủ loại thức ăn "quốc tế".

Chúng tôi đến khu gian hàng ăn Á châu, lại nào là những hàng ăn Tầu, hàng ăn Nhật, hàng ăn Thái, có cả hàng ăn Mã Lai và Nam Dương nữa, nhưng sao vẫn chưa thấy hàng ăn Việt Nam làm chúng tôi hơi ngạc nhiên.

À đây rồi, có thế chứ, một tiệm Phở. Nhưng hỡi ôi! đây chỉ là một tiệm Phở của người Tầu chứ không phải của người Việt vì từ cách trưng bầy cửa hiệu cho tới người phục vụ bên trong nhà hàng đều mang sắc thái mà thực khách nhận biết ra ngay đó là "Phở Tầu" dù là trên bảng hiệu có chữ "Phở" rất to và rất Việt Nam. Chúng tôi tủm tỉm cười về cái cửa tiệm "phở mạo hóa" này.

Chúng tôi chọn một cửa hàng thức ăn biển "Sea Food" thuộc loại "ăn no mới về" hay "ăn bao bụng" (all you can eat). Cửa hàng đông quá, không đủ chỗ ngồi. Sau khi mua "vé", cô bán hàng trẻ và xinh đẹp người Mỹ đưa cho chúng tôi một cái "máy gọi" (beeper). Khi nào "máy gọi" bật sáng và rung lên là báo cho khách hàng biết đã có chỗ ngồi cho mình. Sau nửa tiếng chờ đợi, chúng tôi đã có chỗ ngồi. Những món ăn hải sản rất nhiều, thực khách được tự do lấy cho mình bất cứ món nào và bao nhiêu cũng được. Riêng món càng cua "king crab" thì có người phục vụ, mỗi lần thực khách chỉ được "serve" có 3 cái càng cua dài đặt trong một cái đĩa riêng. Muốn ăn thêm thì phải quay lại lấy lần thứhai. Người Mỹ họ ăn uống không phí phạm nên ít khi thấy họ để đồ ăn còn dư thừa trên đĩa. Họ chỉ lấy thức ăn cho vừa đủ ăn mà thôi. Giá cả phải chăng, 19,95 đô la cho một người. Với giá này thì thực khách không thể ăn "king crab" một cách thả dàn và phí phạm được.

Chúng tôi không có gì phải hối hả hay bận tâm tới thời gian. Chút nữa đây, chúng tôi sẽ rời khỏi nơi này để tới một thị trấn nào đó trên lộ trình, ghé vào thuê một phòng ngủ cho đêm nay. Ngày mai sẽ lại tiếp tục lên đường.

Sau khi rời khỏi khu ăn uống thì trời đã tối hẳn, chúng tôi trở ngược lại khu bến tầu tản bộ và cứ dọc theo bờ biển mà đi trên con đường lát gạch, nhìn trăng sao và nghe sóng biển vỗ bờ. Gió biển mát và thổi nhẹ làm chúng tôi có cảm giác thật khoan khoái. Có vài chỗ trên bến cảng, sóng vỗ vào bờ váchbê-tông đang nhẹ tung bọt lên trắng xoá. Xa xa, vài con thuyền với những ánh đèn leo lắt, ẩn hiện. Tôi ngồi trên ghế đá trầm ngâm nhớ về một biến cố lịch sử đã từng xảy ra ở nơi đây: *bài Quốc ca Hoa Kỳ ra đời*.

Khi đến thành phố Baltimore nằm bên vịnh Chesapeake Bay này, người ta không thể không nhớ tới một câu chuyện lịch sử khá lý thú trong thời kỳ lập quốc. Một cuộc chiến oai hùng và anh dũng của người Hoa Kỳ với quân Anh đã xảy ra nơi này làm rung động trái tim của luật sư Francis Scott Key được thể hiện bằng bài thơ "*Star Spangled Banner*" (Lá cờ ánh sao chói lọi) của ông. Qua bài thơ này, nó cũng đã từng làm rung động hàng triệu con tim công dân Hoa Kỳ, và để rồi, bài thơ ấy đã trở thành lời ca của bài Quốc ca Hoa Kỳ cho tới ngày hôm nay.

Để nhớ về biến cố lịch sử ấy, tôi cũng xin nhắc lại là vào mùa hè năm 1814, đoàn tầu chiến gồm 800 chiếc của Anh tiến vào vịnh Chesapeake Bay, so với 18 chiếc của Hoa Kỳ. Một nhóm chiến thuyềnAnh do Tướng Ross chỉ huy tiến thẳng vào Washington D.C. đốt cháy một số công thự chính quyền, rồinhóm binh sĩ này rút quân trở lại chiến thuyền của họ. Một số nhỏ binh lính bị thương người Anh đi lạcbị bỏ rơi lại đằng sau đơn vị. Một trong những nhóm bị lọt lại này, có một nhóm gồm ba thương binh đilạc đến thành phố Upper Marlboro, cách Thủ đô Washington khoảng mười lăm dặm. Trong khi đó, mộtchuyện đáng buồn cười xảy ra, tin tức sai lạc được loan truyền trong thành phố là quân Anh bị đánh bạiở Washington. Thế là cả thành phố Marlboro ăn mừng và liền bắt ngay ba anh chàng lính Anh bị thương này đang đi xin ăn bỏ vào tù. Người cầm đầu vụ này không ai khác hơn là bác sĩ William Beanes.

Khi quân Anh biết được sự kiện trên xảy ra, tức giận, liền bắt ngay bác sĩ Beanes nhốt trên chiến thuyền của họ.

Bác sĩ Beanes là người nổi tiếng và được nhiều người kính trọng nên một số bạn bè của ông vận động cho ông được trả tự do. Một trong số bạn bè vận động cho ông có Francis Scott Key, một luật sư nổi tiếng đang hành nghề ở Thủ đô Washington trong thời gian đó. Key được sự chấp thuận của Tổng thống Hoa Kỳ là Madison cho phép sang thương thảo với quân Anh để đòi trả tự do cho bác sĩ Beanes. Cùng đi với Key còn có John S. Skinner đặc trách về trao đổi tù binh của Hoa Kỳ (United States Agent for the Exchange of Prisoner).

Key và Skinner được tiếp đón tử tế trên chiến thuyền Anh, nhưng lại thất bại trong việc thương thảo để giải cứu Beanes. Người Anh cho rằng bác sĩ Beanes cần phải được trừng trị vì đã vi phạm luật chiến

tranh. Tuy nhiên, những báo cáo tiếp theo được gửi về Bộ chỉ huy của Anh đã chứng minh rằng những nhóm lính Anh bị thương khác, bị lọt lại phía sau, được người Hoa Kỳ đối xử tử tế. Với những báo cáo đó, cuối cùng Đô đốc Cockburn đồng ý thả bác sĩ Beanes (Đô đốc Cockburn: xin đọc bài "*Cưỡi Ngựa Xem Hoa - Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn*").

Trong mấy ngày thương thảo trên chiến thuyền *Royal Oak* của Đô đốc, Key và Skinner đã quen biết vài người sĩ quan trên chiến thuyền đó và được biết họ đang chuẩn bị tấn công *thành Fort McHenrycủa Hoa Kỳ, nằm ngay phía dưới thành phố Baltimore.* Để tránh kế hoạch bị tiết lộ nên quân Anh giữ ba người Hoa Kỳ trên tầu chiến, chưa cho họ xuống đất liền. Key, Skinner và Beanes cả ba được chuyển trở lại chiếc thuyền nhỏ mà họ đã dùng để đến đây và họ được canh giữ nghiêm ngặt. Cả ba người Hoa Kỳ này ngồi trên chiếc thuyền nhỏ của mình, họ có thể nhìn thấy thật rõ ràng lá cờ Hoa Kỳ đang bay phất phới trên thành Fort McHenry.

Đêm 13 tháng 9 năm 1814, cuộc tấn công bắt đầu. Trong đêm tối, mỗi khi những ánh sáng của súng đạn loé sáng lên, ba người vẫn có thể nhìn thấy lờ mờ lá cờ trên thành Fort McHenry còn phất phới bay. Cuộc tấn công kéo dài tới tờ mờ sáng. Ba người hồi hộp chờ đợi kết quả trận đánh đêm qua. Họ biết nếu ngọn cờ còn phất phới bay trên thành thì có nghĩa là thành còn đứng vững, và nếu lá cờ bị hạ xuống, nghĩa là thành đã thất thủ.

Ba người hồi hộp ... và hồi hộp chờ đợi.

Cả ba cùng reo lên vui mừng khi ánh sáng sớm ban mai vừa ló rạng thì họ nhận ra ngay lá cờ Hoa Kỳ to lớn vẫn còn phất phới bay trên thành Fort McHenry.

Quân Anh nhận thấy không thể hạ nổi thành nên đành rút lui và rời khỏi vịnh. Key viết ngay lời mở đầu cho bài thơ "Star Spangled Banner" của ông trên mặt trái của phong bì thư trong buổi sáng sớmhôm đó trên con đường trở lại bờ. Trong bài thơ, Key diễn tả lại tất cả những gì ông ta thấy với những cảm xúc khi ông nhìn thấy lá cờ Hoa Kỳ vẫn còn tung bay trên thành Fort McHenry vào sáng sớm tinh mơ hôm đó. Key đã hoàn tất bài thơ này khi về tới khách sạn ở Baltimore.

Ngày hôm sau, Key đưa bài thơ cho Chánh án Nicholson đọc. Nicholson quá xúc động khi đọc bài thơ này của Key nên ông đã vội vã cho in ra để truyền bá trong dân chúng. Bài thơ được phổ nhạc theo giai điệu một bài hát cổ của hội uống rượu người Anh là To Anacreon in Heaven, và được trình diễn lần đầu tiên tại Nhà hát Thành phố Baltimore. Bài hát nhanh chóng được truyền bá.

Vì quá phổ biến nên tới những năm đầu của thế kỷ 20, lời ca được thay đổi tới hàng chục bản khác nhau. Nhiều đến nỗi vào năm 1916, Tổng thống Woodrow Wilson phải yêu cầu Bộ Giáo dục Hoa Kỳ đưa ra một bản chính thức. Bài hát sau khi chuẩn hóa được trình diễn lần đầu tiên ở Carnegie Hall vào năm 1917.

Thật muộn màng bởi những tranh cãi, mãi đến năm 1931 bài hát mới chính thức trở thành bài Quốc ca Hoa Kỳ dưới một đạo luật của Quốc hội do Tổng thống Herbert Hoover ký.

Baltimore là một thành phố lớn từ thời lập quốc nên những sự kiện lịch sử trong thời gian ban đầu ấy của nó không phải ít. Nhưng cuộc hành trình "*cưỡi ngựa xem hoa*" của chúng tôi chỉ cho phép chúng tôi biết được có thế. Thôi thì cũng đành, tôi xin tự hẹn có dịp nào quay lại lần nữa để tìm hiểu thêm về nó.

Chúng tôi rời Baltimore với chút gì lưu luyến trong lòng. Và những ngày kế tiếp, chúng tôi biết cuộc hành trình đi thăm Miền đông Hoa Kỳ còn dài và còn nhiều điều thú vị đang chờ đón chúng tôi.

Trong lúc lái xe, tôi đưa một bàn tay nắm lấy bàn tay nhà tôi siết nhẹ như để gửi đến "nàng" một lời yêu thương. Tôi nhìn nàng mỉm cười. Nhà tôi cũng nhìn tôi mỉm cười đáp lại và không quên "dúi" vào miệng tôi một chiếc "kẹo chua", loại kẹo có vị quá chua làm "tài xế" phải tỉnh ngủ và phải tỉnh cả người.

Ánh đèn cảng Inner Harbor của thành phố Baltimore đang dần lùi về phía sau.

Tôi vẫy tay tạm biệt Inner Harbor. ■

Nguyễn Giô Hùng

Ghi chú:
Những dữ kiện lịch sử trong bài này được người viết sưu tầm, chọn lọc và dịch hoặc phỏng dịch từ những nguồn sử liệu Hoa Kỳ.

Back to Contents

Dư Âm Một Dòng Họ

Cao Mỵ Nhân

Quý vị độc giả yêu văn chương cụ Cao Bá Quát quá, lại thấy tôi họ Cao, nên có ý hỏi thêm, thật ra muốn thử xem chất vàng thau có lọt vào họ Cao dòng dõi Cao Chu Thần, ở làng Phú Thị, huyện Gia Lâm, tỉnh Hà Nội không?

Chao ôi, bây giờ chẳng những có hàng trăm quyển sách nói đầy đủ về vị quan triều Nguyễn, danh sĩ Cao Bá Quát, tự Chu Thần, hiệu Cúc Đường, sinh năm 1809, nhưng bây giờ lại đồ chừng tác giả"Tài tử đa cùng phú" này, sinh ước khoảng 1808 tới 1810.

Và qua đời năm 1855, nhưng bây giờ các sách sưu tầm trên lại in tuỳ thuộc người nhật tu là 1853 thì hơi sớm với nhiều dữ kiện ghi trong các bản tiểu sử, và 1865, thì có vẻ muộn hơn cũng trong các tư liệu đã phổ biến xưa nay.

Nên cứ theo bình thường ghi chép là cụ Cao Bá Quát với chuỗi đời ngắn ngủi ở dương gian (1809-1855), nếu như có thật chuyện bị tử hình cùng nạn tru di tam tộc, mà trước nhất là cùng 2 con trai: Cao Bá Phùng (sinh năm 1832) và Cao Bá Thông (sinh năm 1845) bị ảnh hưởng tận tuyệt.

Thì làm sao còn được quý vị hậu duệ tên tuổi như thi sĩ, kịch tác gia, Cao Bá Thao (1909-1994) bút hiệu Thao Thao , với hàng loạt tác phẩm nổi tiếng, như:

Dưới trăng (1935)
Bờ suối (1935)
Thuyền mơ (1936)
Duy tân (1936)
Ải Bắc (1942)
Trăng nước (1943)

Còn rất nhiều các tác phẩm văn suôi, biên khảo vv…

Nhưng phải kể tới 2 kịch thơ :
Quán Biên Thuỳ và Người Mù Dạo Trúc, đã gây nhiều ấn tượng ở Hà Nội và các tỉnh miền Bắc năm 1950.

Thủa đó, trước cuộc đi cư năm 1954, ba tôi có cho chị em chúng tôi đi coi 2 kịch nêu trên ở Hải phòng.

Thi sĩ Thao Thao Cao Bá Thao cũng bị ảnh hưởng của Nhân Văn Giai Phẩm do các văn nghệ sĩ Bắc Hà chống đối bạo quyền Cộng sản năm 1956, thi sĩ Thao Thao cũng bị tập trung cải tạo từ 1960 đến 1966.

Nay con trai thứ hai của thi sĩ Thao Thao Cao Bá Thao là nhà sử học Cao Bá Nghiệp ở Hà Nội, hẳn công trình nghiên cứu của giáo sư phải đặc biệt hơn về dòng họ .

Và như vậy, nhà sử học Cao Bá Nghiệp đã tìm ra nhiều chi tiết quanh việc tử của cố tổ Cao Bá Quát.

Thí dụ:người anh song sinh Cao Bá Đạt, đã tưởng Cao Bá Quát chết theo vận nạn tru di tam tộc (họ cha, họ mẹ và họ vợ), ông tự sát trên đường vô kinh, năm 1854 vv…hay là Cao thi sĩ thất lộc tại trận tiền, trong chuyện theo giặc Lê Duy Cự chống đối triều đình vua Tự Đức. ..chẳng hạn.

Vua Tự Đức (1829 – 1883) triều Nguyễn, là bậc đế vương văn chương hào sảng, rất trọng tài danh lỗi lạc của quý vị danh sĩ như Nguyễn Văn Siêu (1799- 1872), Cao Bá Quát (1809-1855).

Nhà vua đã không ngớt lời ca tụng 2 cặp bài trùng là nhị vị Siêu, Quát vừa nêu, và nhị vị hoàng thân là Miên Thẩm Tùng Thiện Vương (1819- 1870) và Miên Trinh Tuy Lý Vương (1820- 1897) :

Văn như Siêu, Quát vô tiền Hán
Thi đáo Tùng, Tuy thất thịnh Đường
(Vua Tự Đức)

Song, bậc danh tài Cao Bá Quát vẫn không thần phục nhà vua văn hoa chữ tốt này, vị vua trẻ hơn Cao Bá Quát tới 20 tuổi, và trẻ hơn Nguyễn Văn Siêu tới 30 tuổi, thì sự thực có thua sút lời hoa, ý gấm nhị vị tài danh Siêu, Quát cũng không là điều phải ngạc nhiên .

Huống hồ, bậc danh tài Nguyễn Văn Siêu, bạn thân nhất của Cao Bá Quát, lại từng là thầy dạy học cho anh em vua Tự Đức thủa niên thiếu, gồm :

Hoàng tử Nguyễn Phước Hồng Bảo

Hoàng tử Nguyễn Phước Hồng Nhậm, sau lên ngôi, là vua Tự Đức vậy .

Trong văn học sử, danh tài Cao Bá Quát, ngoài thân thiết với Nguyễn Văn Siêu ra, Cao Bá Quát có thân tình với nhị vị vương tôn Tùng Thiện Vương và Tuy Lý Vương .

Về những mâu thuẫn giữa Cao Bá Quát với vua Tự Đức, thì rất nhiều …phải cả một cuốn sách dày mới tạm chứa hết các giai thoại Cao Bá Quát bất phục vua Tự Đức về mặt văn chương .

Tôi thích đọc nhất giai thoại sau .

Đó là một buổi chầu, tất nhiên đầy đủ các quan văn võ triều đình . Vua Tự Đức phán rằng: Đêm qua, vua đã nằm mơ thấy 2 câu thơ tuyệt tác, đọc các khanh nghe:

Viên trung oanh chuyển khề khà ngữ
Dã ngoại đào hoa lấm tấm khai (vua Tự Đức)

Quý quan văn võ tấm tắc khen hay quá .

Thi sĩ lừng danh Cao Bá Quát cười, rồi xin tâu vua:

Muôn tâu thánh thượng, thần cũng đã may mắn được nghe qua rồi …

Vua Tự Đức nghĩ là 2 câu thơ của ngài, đã bao giờ xuất tứ đâu, sao Cao Bá Quát lại nói đã nghe đâu đó hè, nhà vua truyền Cao Bá Quát đọc xem .

Danh tài Cao Bá Quát liền khấu đầu, rồi ứng khẩu đọc ngay,

Thưa rằng:

Vô Đề

Bảo mã tây phương huếch hoác lai
Huênh hoang nhân tự thác đề hồi
Viên trung oanh chuyển khề khà ngữ
Dã ngoại đào hoa lấm tấm khai
Xuân nhật bất văn sương lộp bộp
Thu thiên chi kiến vũ bài nhài
Khù khờ thi tứ đa nhân thức
Khểnh khạng tương lai vấn tú tài …
(Cao Bá Quát)

Thưa quý vị, riêng bài thơ này cũng có mấy bản khác nhau, là những chữ thường gọi Hán nôm vv… mà tôi thì không chuyên học hỏi được nhiều, nên tôi chỉ muốn đưa ra những chữ bình thường dândã, để thấy được cái tài ứng đối mau chóng của nhà thơ lão luyện Cao Bá Quát:

Không đề

Ngựa quý từ phương tây "huếch hoác" lại
Người "huênh hoang" nhờ cậy dìu về
Trong vườn chim oanh "khề khà" hót
Ngoài đồng hoa đào "lấm tấm" nở
Ngày xuân chẳng nghe tiếng sương "lộp bộp"
Mùa thu chỉ thấy mưa "bài nhài"
Thi tứ "khù khờ" mà nhiều người biết
"Khệnh khạng" mang đến hỏi ông tú tài …

Đề cập tới thi tài xuất chúng của nhà thơ Cao Bá Quát, không thể nào không ngưỡng mộ khẩu khí một danh nhân, tiêu dao phong cốt mà khẳng khái vương giả.

Mặc dầu cụ xuất thân từ giai cấp trung lưu, nhưng vẫn đầy khí phách anh hùng mã thượng, thí dụ, Cụ ngạo mạn khi bị giam trong tù :

Một chiếc cùm lim chân có …đế
Ba vòng xích sắt bước thì …vương

Chao ôi, còn gì tột đỉnh hơn vương, hơn đế chứ, vậy mà chiếc cùm có chân, tức cái đế, và ba vòng xích trói chân, hễ bước đi thì vướng víu, khó khăn.

Đầu thập niên 80 thế kỷ vừa qua, thi sĩ kịch tác gia Cao Bá Thao, bút hiệu Thao Thao nêu trên, từ ngoài Bắc vô Saigon thăm thân nhân, bằng hữu thơ văn …

Khá đông quý cụ chơi thơ cổ điển như thi sĩ Bùi Khánh Đản, Trình Xuyên, Linh Điểu, Trác Ngọc, Thừa Phong …vv, chuẩn bị đón chào, vì quý cụ quen nhau ở Hà Nội từ trước 1954, hay biết tiếng thi sĩ Thao Thao lâu rồi.

Đã tổ chức mấy buổi hội thơ Đường luật tại các tư thất quý cụ miền Nam.

Thường những buổi hội thơ như thế, tôi hay được mời tới để làm xướng ngôn viên giới thiệu khách dự và điều khiển chương trình đọc, ngâm thơ các bài xướng, họa cùng các nghệ sĩ diễn ngâm vv…

Quý cụ Linh Điểu, Nguyễn Vạn An (nhà báo chuyên nghiệp) nhắn tôi tới gấp, để diện kiến thi sĩ Thao Thao Cao Bá Thao:

"Cô Cao Mỵ Nhân phải đến vì có anh Cao Bá Thao", quý cụ kêu nhau bằng anh (vì cùng thế hệ các cụ). Cụ Trình Xuyên và cụ Linh Điểu còn thêm câu:

"Cô phải đến để nhận …họ hàng chứ"

Tôi toát mồ hôi lạnh vì sợ, lâu nay quý cụ "Đường luật" ở Saigon cứ đùa giới thiệu tôi là cháu bao đời cụ cố Cao Bá Quát.

Trong lúc chỉ có ba tôi có thời làm ở phi trường Gia Lâm, và đã mất ngay khi cộng sản tràn vào miền Nam (1976), cũng ba tôi mới biết làng Phú Thị, huyện Gia Lâm ở đâu.

Tất nhiên tôi trốn luôn việc đi diện kiến thi sĩ Thao Thao Cao Bá Thao, cụ mới chính là cháu nội trực hệ danh tài Cao Bá Quát.

Quý cụ thi sĩ miền Nam cứ hỏi thăm tôi hoài việc không đi thăm nhà thơ Cao Bá Thao, lại nghĩ rằng tôi là sĩ quan chế độ cũ, mới ra tù cải tạo, ngại có điều bất trắc, vì thủa đó, các văn nghệ sĩ bị chiếucố nhiều lắm, có số bị bắt vì quần tam, tụ ngũ, hội hè thơ phú, đàn ca…

Bây giờ ở trong nước, và ngay tại quê hương cụ cố Cao Bá Quát, hậu duệ chính thống của đại danh thi sĩ Cao Bá Quát, đã có nhà sử học Cao Bá Nghiệp sưu tầm thiết lập lại gia phả chính thống Cao Tông, ít nhất có những phần khả tín.

Bởi vì thời gian kể từ khi thi sĩ Chu Thần Cao Bá Quát lâm nạn 1855 tới nay 2017, mới có 162 năm, chưa xa lắm với bất cứ dòng họ nào

Huống chi với cụ cố Cao Bá Quát danh tiếng vang lừng, xem như vừa cận đại thôi, làm sao quê hương bản quán quên lửng được, thành mang danh con cháu một dòng họ Cao nhánh khác, tôi cũng hãnh diện và cùng ngưỡng mộ tiền nhân, thiên tài xuất chúng từ giữa thế kỷ thứ 19 tới nay. ■

Cao Mỵ Nhân

Back to Contents

Mưa Hoa Nhiệm Mầu / Miraculous Flower Rain

Poem: Tuệ Nga, Music: Vinh Dien, Translation: Vuong Thanh

Mời Nghe Ngọc Quy Trình Bày

Mưa Hoa Nhiệm Mầu

Thời, Không! Thời, Không
Vắng Lặng! Vắng Lặng!
Phố thị quạnh quẽ. Im lìm.
Không một bóng người!

Trường, lớp vắng hoe.
Không tiếng trẻ cười.
Nào có ai ngờ. Ai ngờ!

Đại nạn qua đây. Có ai ngờ!
Dịch bệnh kinh hoàng. Có ai ngờ!
Phố chợ tan hoang.

Thế giới đảo chao.
Địa cầu rúng động.
Người người lầm than.
Lời nguyện cầu, lời nguyện cầu đã khan.
Ôi xót xa muộn phiền.
Cuộc sống triền miên đảo điên…lo âu bất hạnh.

Lạy Trời xin mưa rơi!
Xin mưa rơi xuống cõi đời nầy.
Mưa rơi xóa hết thương đau
Cho đời an bình.
Lạy Trời xin mưa mau
cho người nhận ra nhau.
Cho người còn thương nhau.

Lạy Trời xin mưa rơi.
Mưa rơi mau cho hồi sinh nhân loại
Cho cây lá trổ mầu.
Cho địa cầu an vui trở lại.
Mưa hoa nhiệm mầu cứu đời tăm tối.
Nhân gian chờ đợi lời kinh cao sâu.
Vút bay lên tầng trời hiển linh.

Mưa hoa nhiệm mầu.
Mưa hoa nhiệm mầu.
Tiếng kinh cầu lên cao,
cuốn trôi hận thù bao lâu.

Miraculous Flower Rain

Across Time and Space
So empty! Quiet!
City centers desolate. Silent!
Hardly a person in sight!

Schools without students
No sound of children laughing.
Who can imagine!
The great catastrophe had come here.
Who can imagine!
The terrible Covid disease!
Shopping centers devastated.

The world's trembling.
The Earth's shaking.
People everywhere miserable.
Prayers, prayers for Love and Peace
Alas! Lives turned upside-down,
lives anxious and unhappy.

Beg God to let the rain comes!
Let the rain falls onto this world
To wipe out all the sorrows and pains
To let the world be peaceful again.
Beg God to let the rain comes soon
to let people accept one another
to let people still love one another

Beg God to let the rain falls
Let the rain comes soon to rejuvenate humanity
To make the trees turn freshly green
To make the Earth Peaceful and Happy again.
O! Miraculous Flower Rain to save a dark world
People been waiting for the wise teachings and prayers
to reach the sacred place of God.

O! Miraculous Flower Rain.
O! Miraculous Flower Rain.
The prayers, rising to the sky,
wipe away long and bitter hatreds.

Đời an bình.
Thế giới đẹp như thơ.
Thế giới đẹp như mơ.
Tuệ Nga

Life becomes peaceful.
The World Beautiful like Poetry.
The World Beautiful like a Dream.
Translated by **VươngThanh**

MƯA HOA NHIỆM MẦU

Thơ : ***Tuệ Nga***
Nhạc : ***Vĩnh Điện***

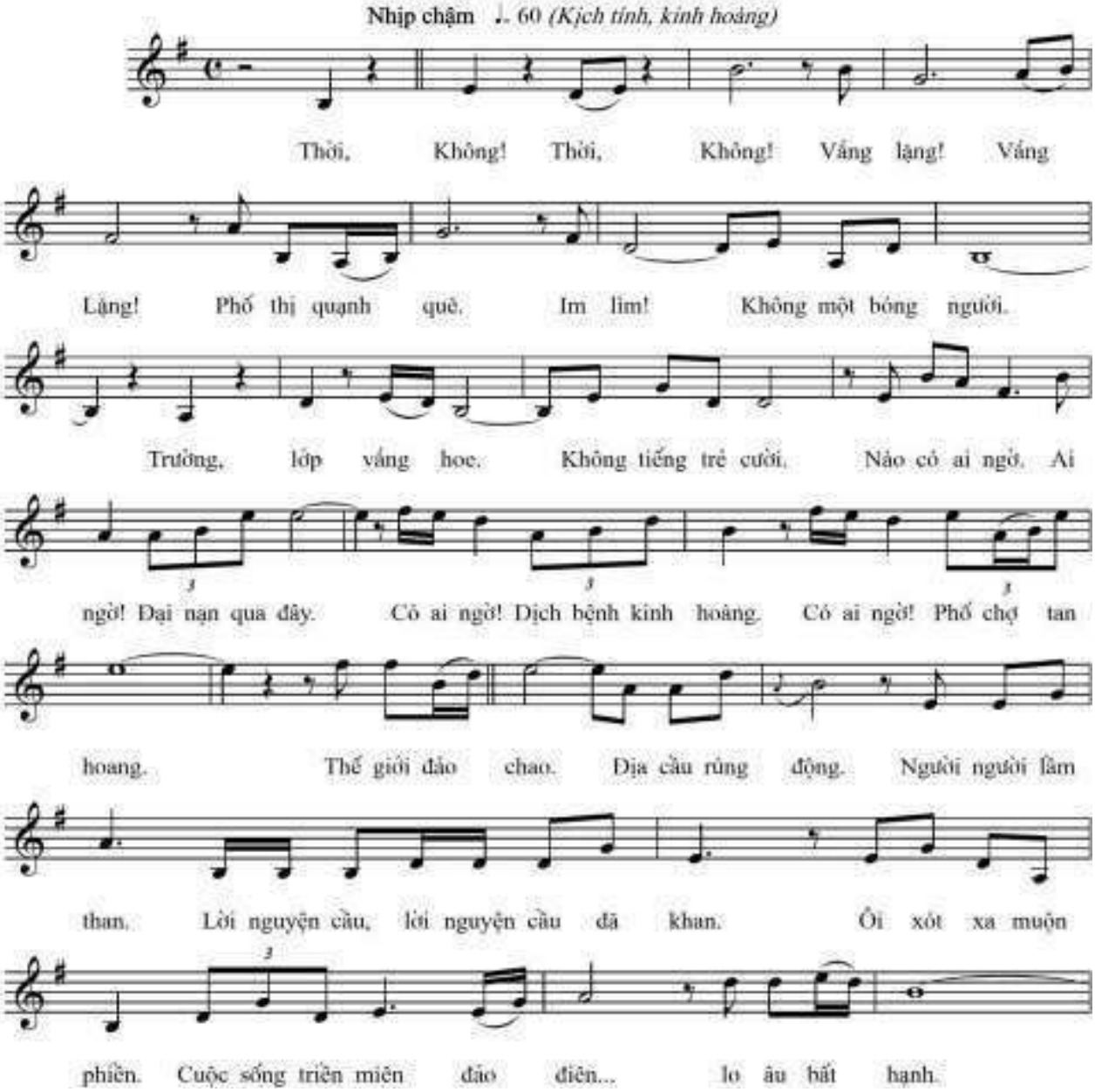

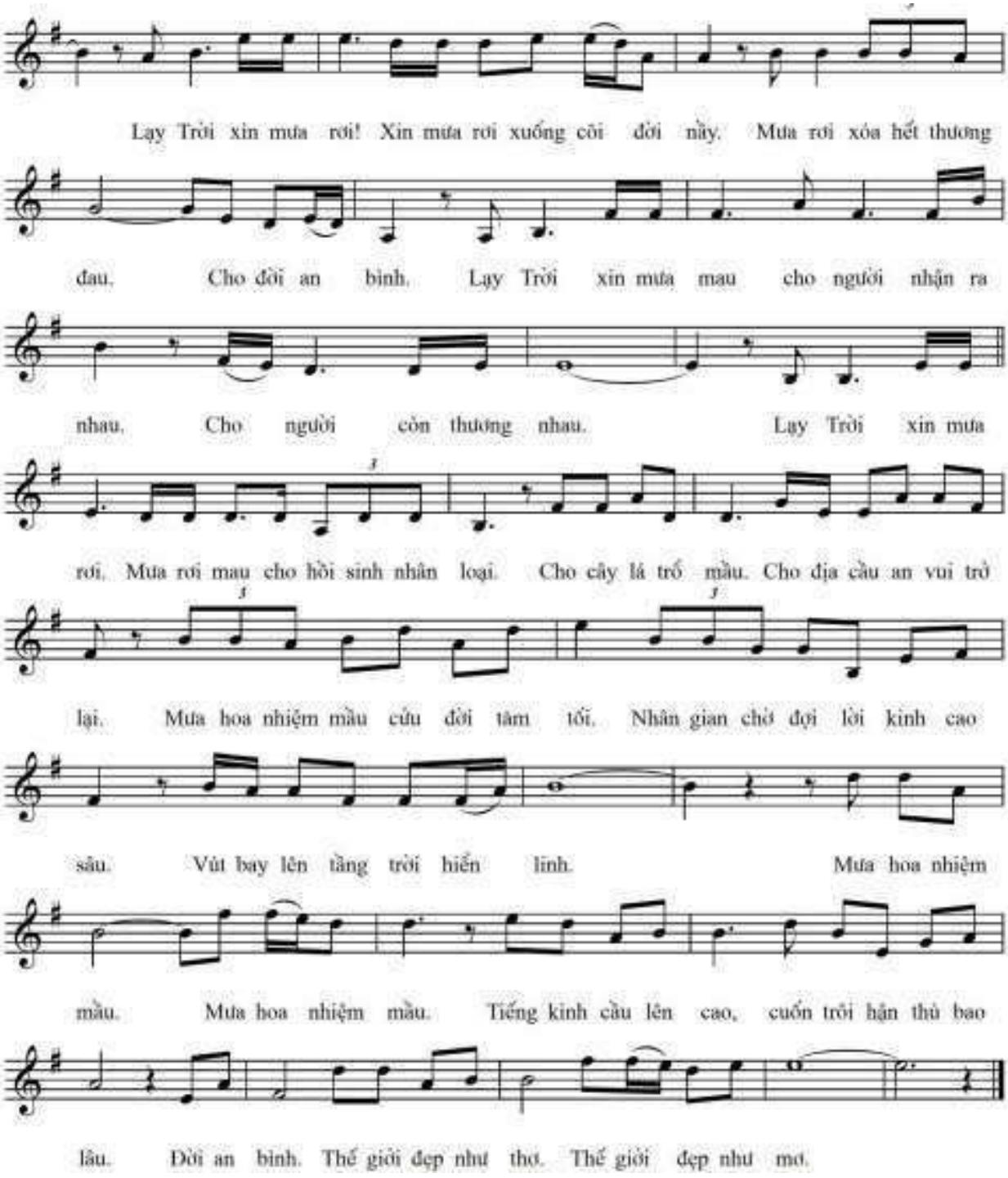

Back to Contents

Vương Thanh: nhà thơ tâm huyết

Poet-Editor Phan Khâm

Định ngồi vào computer viết vài dòng cảm nghĩ lại nhận được Phiên bản update Truyện Kiều 1.01 Vương Thanh ký tặng gửi lại.

Nhà thơ có tâm huyết dành nhiều thời gian tìm hiểu, nghiên cứu, sưu tra, dịch thuật cả một công trình nghệ thuật kết hợp thư họa, hội họa âm nhạc và thi ca tác phẩm Truyện Kiều và những áng thơ Kim cổ Đông Tây.

Đúng là nhà thơ dịch giả Vương Thanh không ngừng nghỉ ngày đêm trau chuốt công trình nghệ thuật tuyệt vời của mình. The Tale of Kiều phiên bản 1.01 dày 376 trang và phần sau truyện Kiều có hơn trăm trang thơ và nhạc của Vương Thanh và những tác giả khác. Đa số được dịch qua tiếng Anh.

Nhà thơ Vương Thanh giải thích:

"Quyển sách này rất đặc biệt trên phương diện trình bày và mục tiêu của dịch giả. Thơ Kiều được chia thành nhiều chương, mỗi chương được chia thành nhiều đoạn để đọc và tham khảo dễ dàng hơn. Mỗi trang chia thành hai cột, cột tiếng Anh và tiếng Việt để người đọc có thể đối chiếu và thưởng thức câu thơ nguyên tác được dịch qua tiếng Anh như thế nào. Quyển sách không chỉ dành cho độc giả tiếng Anh, mà cũng cho độc giả người Việt. Phần tiếng Việt cũng có ít nhiều chú thích để giải nghĩa từ ngữ khó hiểu và điển tích. Những ghi chú được đặt cùng trang với những câu thơ để tìm hiểu ý nghĩa dễ dàng. Bản tiếng Anh, thì những câu thơ dịch cũng nhiều khi bao gồm điển tích một cách tự nhiên để độc giả thưởng thức dễ dàng hơn."

"Each translation of Kiều is the translator's own interpretation of the classic. Being a bilingual poet, after having translated some hundreds of poems and songs by various authors to English, I felt the call of Kiều to take the greatest classic of Vietnamese poetry and literature and create a poetic translation to share the beauty of this Vietnamese classic with lovers of literature around the world. As a poet, I know that all worthy poets consider each word very carefully for meaning, sound, feel, lightness, heavi-ness, rhythm, rhyme, and so on. Thus, I prefer to translate as closely as possible to the poet's verse, outof respect for the poet's choice of words, with a balance towards rhythm and rhyme, and most impor- tantly, without any compromise on the meaning or naturalness of expression. There are many ways of saying the same thing, but it's how a great poet says it, that makes it remarkable and beautiful."

Xin trích dẫn một vài câu Kiều tiêu biểu Nhà thơ VT dịch sang tiếng Anh “Tale of Kieu”

“Cỏ non xanh tận chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa”
“Young grass stretched a fresh greenness to the far horizon.
On the pear branches, sprinkled a few white flowers.”

“Dưới cầu nước chảy trong veo
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha...”
“Under the bridge, the streamlet’s crystal clear water flowed.
By the bridge, willows swayed gracefully in the evening shadows...”

“*Người đâu gặp gỡ làm chi*
Trăm năm biết có duyên gì hay không?”
“Whence he came and to what end that we should meet each other?
In this life, will there be some chance for us to be together?”

“Tiếc thay một đóa trà mi!
Con ong đã tỏ đường đi lối về”
“How regrettable for the camellia flower!
The bee now know its ways in and out.”

“Dưới trăng quyên đã gọi hè
Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông”
“Beneath the moon, the cuckoos cried for summer.
On the wall, flames danced with pomegranates’ red flowers.”

Và hai câu lục bát kết Truyện Kiều.

“Lời quê chắp nhặt dông dài
Mua vui cũng được một vài trống canh.”
“Crude words, strung together, and long-winded.
Hopefully, it will give you a few pleasant hours in the long night.”

Hết phần Truyện Kiều Nhà thơ Vương Thanh còn trình bày thêm về các thể thơ thơ như Lục Bát, Song Thất Lục Bát, thơ Năm chữ (The Five-Word Poetry Form) The Seven-Word, Four-Line (Thất Ngôn Tứ Tuyệt) form: Thất Ngôn Bát cú (The Seven-Word Eight-Line Form). Thơ Tám chữ(The Eight-Word Poetry Form) Thất Ngôn Trường Thiên (The Seven-Word, Long Saga) và Thơ Tự Do (Totally Free-Form Poetry Form)

Nhà thơ Vương Thanh ghi lại bài thơ Qua Đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan mà chúng ta đã thuộc nằm lòng từ xa xưa và dịch sang Anh ngữ:

Crossing Ngang Pass” by Bà Huyện Thanh Quan

Bước tới đèo Ngang, bóng xế tà
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa
Lom khom dưới núi, tiều vài chú
Lác đác bên sông, chợ mấy nhà

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia
Dừng chân đứng lại, trời non nước
Một mảnh tình riêng, ta với ta

English translation:

As I walk toward the Ngang Pass, the sun had just set
Grasses and plants crowd the rocks, leaves mingle with flowers
Some wood-cutters, at the mountain's foot, bent down at work
A few shops lie scattered by the riverside
Longing for motherland, the "Quốc" bird cries out its heart
Longing for home, the "Gia" bird unceasingly cries for home
Stopping here, gazing at the mount'n, river, and sky
My heart's full of feelings, with only I and I ...

Nhà thơ Vương Thanh trích dẫn bài thơ rất dí dỏm của Cụ Nguyễn Khuyến

Tổng Vịnh Truyện Kiều

"Kiều nhi giấc mộng khéo như cười
Tỉnh dậy xuân xanh quá nửa rồi
Số kiếp bởi đâu mà lận đận ?
Sắc tài cho lắm cũng lôi thôi!
Cành hoa vườn thúy duyên còn bén
Giọt nước sông Tiền nợ chửa xuôi
Chẳng trách chàng Kim đeo đẳng mãi
Khăng khăng vớt lấy một phần đuôi".

"The dream of Thúy Kiều, clever like a smile
Waking up, her spring years had already half passed by
For what reason is her fate so turbulent?
Too much beauty and talent can be troublesome
The flower of Thúy Garden, its fragrance still appealingly fresh
The water of Chien-tang river did not wash off her love debt
No wonder Scholar Kim keeps pursuing her for so long
With unchanging determination to pick up the tail part of her song

Hãy nghe tác giả tự giới thiệu đôi nét về mình

"Tôi sinh ra trong thập niên 60 và qua Hoa Kỳ nhiều năm trước. Tuy làm việc trong kỹ thuật, nhưng thơ và văn chương luôn là sở thích của tôi từ thuở nhỏ. Để chia sẻ cái Đẹp và Lãng Mạn của dòng thơ nhạc Việt cho những người bạn Tây phương thưởng thức, tôi đã biên soạn và dịch vài trăm bài thơ nhạc của nhiều tác giả và cho in thành 2 cuốn sách với tựa đề dịch qua tiếng Việt là "Một Khu Vườn Thơ Nhạc Việt, Tập 1" năm 2019 và tập nhạc "40 Ca Khúc Chọn Lọc của Vĩnh Điện".

Khoảng một năm trước, tôi quyết định hoàn tất bản dịch truyện Kiều, mà tôi đã dịch vài trăm câu mấy năm trước rồi bỏ đó. Là một nhà thơ song ngữ, tôi hy vọng làm ra một bản dịch truyện Kiều đậm hương vị thơ để độc giả có thể ít nhiều thưởng thức vẻ đẹp của truyện Kiều, mà không luôn bị nhắcnhở rằng đây là một bản dịch vì câu thơ khó hiểu đòi hỏi phải xem chú thích liên tục ở cuối sách.

Nữ sĩ Tuệ Nga là thân mẫu, Nhà thơ Phượng Hồ là thân phụ của nhà thơ Vương Thanh, đúng là con nhà có truyền thống máu huyết văn chương:

Vương Giả Hương

Lác đác lá rơi vàng nẻo trúc
Mây pha hồng đỉnh nắng cao nguyên
Một phương trăng ngát hương vương giả
Mấy kiếp thơ sầu bước trích tiên
Chợp giấc kê vàng trời hải đảo
Vào trang hãn mặc, quán thanh duyên
Không thường say, tỉnh năm vài chữ
Vẳng khúc quỳnh hoa thập lục huyền

Phương Hồ

Bồng Sơn Mộng
Vương Thanh kính họa thơ củaThân phụ:

Mây trắng nhẹ trôi dòng thủy trúc
Bâng khuâng, chạnh nhớ mộng đào nguyên
Nằm ven bờ suối, mơ Lưu Nguyễn
Lạc chốn núi rừng, gặp Giáng Tiên
Sao nỡ chia tay cùng ngọc nữ
Để rồi ôm hận lỡ tơ duyên
Bồng sơn thăm thẳm mờ sương khói
Còn vọng trong tim khúc diệu huyền ...

Divine Fragrance
Translation of "Vương Giả Hương" by Vương Thanh

Autumn leaves falling, now and again,
on the byway lined with bamboos.
The clouds turn a reddish pink
with the sun in the high plains shining.
A horizon of ethereal, soft moonlight
emanates a fragrance of heavenly delight.
Some lifetimes of nostalgic poetry
from the wanderings of an exiled fairy.
Waking up from a dream of "Life's an Illusion",
feeling isolated like a deserted island.
Enter a club of pen and letters.
Now and then, having fun writing a few verses.
From somewhere the music of guzheng playing
an enchanting epiphyllum flower melody.

Bài thơ Lời Ru Mẹ Việt Nam của Nữ sĩ Tuệ Nga, bài thơ được Nhạc sĩ Vĩnh Điện phổ nhạc với tiếng hát ngọt ngào của Ca sĩ Quỳnh Lan, tôi đã nghe đi nghe lại nhiều lần rất thấm thía với lời thơ

“Giờ đây tiếng Mẹ trầm buồn
Hai miền u tối, một nguồn đau thương”

"À ơi", the sweet voice of gentle Mother.
Her lullaby warms even the mountains and rivers.
Mother’s love is beautiful and pure.
With fragrant hands, she opens thousands of history pages.
O Mother, O Mother Vietnam.
Your love’s in a thousand melodies of lullabies.
You teach your children to be just and compassionate,
to remember their roots and heroic ancestry.
Vietnam’s like a sad river branch with many twists and turns.
The moon dimmed, the water murky, the poor people, the bloodsheds...
Now, Mother’s voice is low, deep and sad.
The two abysmal dark regions, a single source of suffering.
Gentle Mother with shining virtue like a mirror.
Her Flower of Compassion grows in her children’s garden.
Mother sings a wonderful lullaby.
Mother sings a lullaby of Love of Flowers and People...”

À ơi! Lời ngọt Mẹ hiền,
Tiếng ru ấm cả ba miền núi non
Mẹ tươi lòng ngát như son
Tay thơm Mẹ mở ngàn trang sử vàng.
Mẹ ơi, Mẹ hiền ơi. Ơi Mẹ Việt Nam
Tình thiêng muôn sợi tơ (ơ) đàn Mẹ rung
Dạy con nghĩa núi, tình sông
Dạy con nhớ gốc, khơi dòng liệt oanh
Nhánh sông sầu mấy khúc quanh
Trăng mờ, nước tủi, dân lành máu tuôn
Giờ đây tiếng Mẹ trầm buồn
Hai miền u tối, một nguồn đau thương
Mẹ hiền đức sáng như gương
Hoa Nhân Ái nở trong vườn con tươi
Mẹ ru, Mẹ ru tiếng hát tuyệt vời
Mẹ ru, Mẹ ru, Mẹ ru tiếng hát Lòng Đời Ươm Hoa...

Nhà thơ Vương Thanh còn dịch sang Việt Ngữ những kiệt tác của các Thi bá Đời Đường như Tô Đông Pha, Lý Bạch, Lý Thương Ẩn v.v..

Thủy Điệu Ca Đầu-Trung Thu
Author: Tô Đông Pha, Translation by Vương Thanh

“Minh nguyệt kỷ thời hữu ?
Bả tửu vấn thanh thiên
Bất tri thiên thượng cung khuyết
Kim tịch thị hà niên ?

Ngã dục thừa phong quy khứ
Hựu khủng quỳnh lâu ngọc vũ
Cao xứ bất thắng hàn
Khởi vũ lộng thanh ảnh
Hà tự tại nhân gian
Chuyển chu các,
Đê ỷ hộ,
Chiếu vô miên.
Bất ưng hữu hận
Hà sự trường hướng biệt thời viên
Nhân hữu bi, hoan, ly, hợp
Nguyệt hữu âm, tình, viên, khuyết
Thử sự cổ nan toàn.
Đãn nguyện nhân trường cửu
Thiên lý cộng thiền quyên."

"Mấy khi lại có trăng thanh ?
Tay nâng chén rượu, hỏi cao xanh đôi lời
Đêm nay, cung điện trên trời
Là năm nào nhỉ, ai người biết chăng ?
Muốn theo gió tới cung đình
Lại e gác ngọc, lầu quỳnh
Chốn cao thẳm đó lạnh tanh cuộc đời !
Cùng bóng trăng nhảy múa chơi
Là đây cõi mộng hay nơi hồng trần
Trăng qua gác tía,
dòm song

Kìa ai thao thức đêm trường buồn đau
Xin đừng oán trách trời cao
"Trong giờ ly biệt, cớ sao trăng tròn ?"
Người có ly, hợp, vui, buồn
Trăng thì mờ, tỏ, khuyết, tròn, đầy vơi
Vẹn toàn, đâu có trên đời
Chỉ xin cầu nguyện ta, người sống lâu.
Dù cho muôn dặm xa nhau
Một vầng trăng ngọc cùng nhau bồi hồi..."

Bài thơ Đường luật đón chào Xuân của Nhà thơ Vương Thanh:

Mai Hồng

Mai hồng thắm nở một chiều sương
Tuyết giá nhưng lòng vẫn ngát Hương
Thanh khiết, nhẹ nhàng vơi tạp niệm
Dịu dàng rực rỡ đẹp văn chương
Mảnh mai đâu ngại trời băng giá
Kiều diễm nào thua đóa hải đường

Hẹn chúa xuân về mang nắng ấm
Cùng muôn hoa thắm lời yêu thương

Vương Thanh

Xin họa bài Mai Hồng của Nhà thơ Vương Thanh.

Chờ Xuân

Tay nắm tay nào ngại tuyết sương
Tới nơi nầy gió thoảng mùi hương
Ngâm nga dòng chữ ghi đầu sách
Ngắm nghía cánh hồng ép cuối chương
Rượu đỏ mắt cay ôi góc phố
Đèn vàng môi mặn hỡi con đường
Chờ Xuân đón Tết hoa đào nở
Xa cội mai già lắm xót thương.

Phan Khâm

Nhân đây để ghi dấu kỷ niệm thơ văn với Nhà thơ Vương Thanh, Chú gửi đến Vương Thanh nét chữ mộc mạc của Chú tặng Nhà thơ Vương Thanh ghi nhận công trình dịch thuật hiếm có của VT sau tác phẩm Truyện Kiều còn cả trăm trang nữa dịch thuật về âm nhạc thi ca.

Chúc Nhà thơ Vương Thanh vui khỏe,

VẠN SỰ CÁT TƯỜNG- TÂM HỒN ĐẠT ĐÀO SUỐI THƠ. ■

Phan Khâm

Back to Menu

Chiếc Nanh Heo Rừng

(*Trich trong TT Truyện Ngắn "Yêu Nhau Mấy Núi" XB 2020*)

Phương Hoa

Nó hình cong lưỡi liềm, dài chừng bảy phân tây, đầu mũi nhọn hoắt, đầu gốc vun vun dẹp được bọc bạc và chạm trổ dày đặc hoa văn, sáng trắng đồng màu với sợi dây chuyền. Toàn thân nó bóng loáng màu ngà, nhưng khoảng giữa có điểm những đường vân nâu sậm vắt ngang xeo xéo. Nó được đặt trên chiếc khăn trắng nằm cạnh hồ bơi, khăn của trung tâm thể dục, cùng với cái bình nước nhỏ màu xanh loại có gắn ống hút.

Đó là lần đầu tiên tôi nhìn thấy nó, trong lúc ngồi chờ xem có ai đó "get out" khỏi hồ bơi, để tôi...nhào vô. "Racquet & Health Club" là trung tâm thể dục rất lớn, tọa lạc tại một vùng gần ngoại ô thành phố, xung quanh có nhiều cây maple (cây phong) và những khóm hoa dạ lý. Trung tâm có đầy đủcác loại dụng cụ thể dục, nhiều sân Tennis, phòng tắm hơi, tắm nắng, bốn hồ bơi và hồ "Spa" đấm bóp nước nóng, nước lạnh, trong nhà và cả ngoài trời. Mỗi hồ bơi được chia ra bốn làn đôi có ngăn dây nổi,mỗi làn cũng được chia hai bằng một vạch sơn đen dưới đáy hồ, đủ chỗ cho hai người bơi chung.

– Nếu anh chị thấy trong làn chỉ có một người bơi, thì anh hoặc chị có thể vào bơi "share" với họ. Người quản lý đã nói trong ngày đầu chúng tôi đến ghi danh. Tuy đã gần cuối mùa hè, trời chớm sang thu, nhưng khí hậu vẫn còn oi bức, có ngày nhiệt độ đến trên chín chục nên hồ bơi là chỗ hấp dẫn nhiều người, đôi khi tôi phải chờ thật lâu để được ngâm mình trong hồ nước.

Bơi lội là sở thích của tôi, vì tôi từng sống và lớn lên ở thành phố biển Nha Trang từ thời tuổi ngọc. Cho đến bây giờ, mỗi lần nhào xuống biển hay hồ bơi là tôi như cá gặp nước, vùng vẫy lung tung, phải được một mình một cõi bơi tự do, bơi ào ào thì mới "đã" chứ bơi chung với ai đó cứ phải từ từ, len lén sợ nước văng làm phiền thiên hạ tôi thà là... ở nhà sướng hơn. Nhờ sau mấy tháng tập trung vào kiểu bơi sải vận động toàn thân, cái lưng đau của tôi đã được điều chỉnh rất nhiều nên tôi cố gắng lôi ông xã đến trung tâm hầu như mỗi ngày. Khi nào hồ bơi đông người, tôi ngồi trên dãy bờ tường thấpngăn giữa hồ bơi và hồ nước nóng Spa chờ có người ra trống chỗ để tôi vào bơi một mình cho thoải mái.

Do đó mà tôi mới có dịp nhìn thấy chiếc nanh heo. Ngày xưa trong thời kỳ chiến tranh, ở quê nhà tôi từng nghe nói có nhiều người qua tận bên Miên tìm mua nanh heo rừng về đeo. Trừ những tay anh chị giang hồ đeo nanh heo rừng để "làm oai" phần lớn người ta tin tưởng đeo nó sẽ mang lại may mắn, và nhất là giúp cho sự an toàn, bảo vệ tính mạng tránh khỏi tên bay đạn lạc.

Tôi nhớ khi còn nhỏ, trong làng tôi có một người làm nghề pháp sư tên Kỵ thường được người ta rước đi chữa bệnh tà, cúng đất, cúng cầu an cho gia đạo. Một lần ông ấy đến cúng đất cho người hàng xóm gần nhà tôi, ông có đeo chiếc nanh heo rừng trên cổ. Tôi và đám con nít xúm lại coi và sợ hãi tản đi khi thấy ông thầy "trợn mắt phùng mang" huơ nhang tứ tung làm phù phép, rồi dùng sơn đủ màu vẽ lên mấy tảng đá những "ông tướng" mặt mày dữ tợn rồi đem "trấn" ở bốn góc rào nhà ông hàng xóm. Từ đó mỗi lần đi học ngang qua chỗ mấy ông tướng ngồi, nếu không có ai đi cùng thì tôi nhắm mắt chạy thục mạng, cố vượt qua khỏi chỗ "các ngài" càng nhanh càng tốt.

Buổi tối hôm lễ cúng đất, mọi người đến ăn cỗ xúm lại ngồi quanh đàm đạo cùng ông thầy. Bọn con nít chúng tôi cũng lao nhao trong nhà bếp rập rình hóng chuyện. Ông thầy Kỵ đã tỏ ra rất tự hào vềchiếc nanh heo rừng mà ông cho là linh thiêng, đem lại cho ông nhiều quyền lực và "đạn bắn không trúng" của ông. Ông ta nói đó là chiếc nanh lấy từ con "Heo Rừng Rủ" rất quí hiếm, độc nhất vô nhị, vìnó là nanh "heo rừng thành tinh" và rụng tự nhiên mà người thầy Miên của ông đã "yểm bùa" vào trước khi tặng ông, chứ không phải được lấy từ heo rừng săn bắn. Ông còn kháo rằng nó đã cứu ông thoát chết nhiều lần, đạn bắn vào ông không bao giờ trúng, dù cà nông nổ gần kề cũng chả ăn thua.

Có phải thật sự chiếc nanh heo rừng đã "phò trì" cho ông ta hay chăng thì không ai dám chắc. Nhưng người ta thấy ông ấy sống an nhàn tự tại hành nghề và sau năm 1975 vẫn ung dung làm thầy phù thủy cho đến hết đời mà không một lần bị bắt bớ, dù cũng có nghe chính quyền mới nhiều lần đến "bố ráp" ông. Người ta đồn rằng "ông heo rừng" thành tinh đã che mắt "mấy ổng" để cứu ông thầy. Thuở ấy còn nhỏ nên tôi tin sái cổ những lời đồn về nanh heo rừng của thầy Kỵ.

Không ngờ bây giờ ở Mỹ mà cũng có người đeo nanh heo rừng. Tôi thích thú nghĩ thầm, rồi tò mò tần mần ngồi quan sát xem ai là chủ nhân của nó. Dưới hồ ngay chỗ để chiếc nanh heo, một tay bơi có mái tóc ngắn bạc trắng muối tiêu đang sải tay vun vút, lặn hụp nhịp nhàng làm nước văng tung tóe sang cả những làn bơi bên cạnh. Tôi căng mắt ra nhìn, cố đoán xem đó là nam hay nữ, nhưng không thể. Người ấy bơi liên tục không nghỉ tay, bơi giáp đến bên này là hụp ngay xuống để trở đầu, đạp tống vào thành hồ, vút một cái đã thấy cách bờ hồ xa lắc, y hệt một tay bơi Olympic. Chú ý nhìn một hồi, tôi cũng chỉ có thể thấy loáng thoáng được cái đầu tóc muối tiêu, hai cánh tay áo ngắn màu nâu nâu đỏ, đôikiếng lội (goggle) đen ngòm ngòm, và đôi chân nhái xanh màu mực vung vẩy giữa đám bọt nước trắng xóa.

Bỗng nhiên bên góc trái có một bà trèo lên khỏi hồ.

Tôi vội vàng đứng dậy, bước lại chỗ vòi nước lọc, uống vài ngụm rồi phóng ùm xuống hồ và bắt đầu bơi. Thường thì tôi bơi tính đủ mười "lap" tức là bơi qua lại hai chục vòng, sau đó ôm miếng xốp bơi nhẹ bằng chân, thư giãn trong vòng mười lăm phút nữa rồi qua hồ nước nóng Spa ngồi tựa vào thành hồ để cho nó đấm lưng. Nhưng hôm ấy dù cố gắng cách nào tôi cũng không thể tập trung đếmlap được vì mắt tôi cứ mãi dán vào cái làn bơi "nanh heo" ở cuối hồ. Người ta nói "đàn bà là chúa tò mò" quả không sai. Thật là kỳ cục. Không dưng tôi lại quan tâm, muốn biết mặt chủ nhân của chiếc nanh heo để làm gì nhỉ. Tôi cố gắng đến hụt hơi, bơi theo cùng chiều với "người bên ấy" nhưng không tài nào bắt kịp, chỉ qua được nửa đường thì người ta đã "lộn mèo" trở lại, liên tục không dừng lấy một lần. Tôi nhìn mà thầm phục cho sự dẻo dai của tay bơi.

"Ngược xuôi tơi tả" hết bơi lại rồi lại bơi qua, cho đến khi tôi đuổi kịp về nơi bắt đầu thì cũng là lúc "con rái" đó ngừng bơi, đứng lên chống hai tay và phóng ngược người ngồi vắt vẻo trên bờ hồ. Thì ra là một "lão bá bá." Ông ta gỡ cặp kiếng lội ra, chộp lấy chai nước nút lấy nút để như một đứa bé bú bình. Tôi cũng dừng lại, vừa thở vừa làm động tác lội bộ vừa nhìn sang chỗ ông ta.

Người này trông chưa già lắm, nhưng có lẽ cũng đã quá sáu mươi, mặc quần short hoa nâu màu lính, và cái mà tôi tưởng là "tay áo" lại là những hình xâm dày đặc trên hai cánh tay, từ vai chạy dài xuống đến khuỷu tay. Dáng người cao, gọn gàng, khuôn mặt xương xương, chóp mũi nho nhỏ đỏ hoevì lạnh, mắt sâu, hàm râu quai nón được gọt tỉa kỹ càng nhưng đã mọc ra lún phún làm khuôn mặt ông trông xanh kìn kịn và "ngầu" như tài tử cạo gội kiêm đạo diễn Mỹ Al Pacino.

Uống nước xong, ông ta chống hai tay lên bờ hồ thở dốc, làm như đã nhịn thở trong thời gian bơi liên tục vừa qua. Quần tắm hoa rừng, râu quai nón, tay chân mình mẩy đầy lông, những hình xâm rậm rạp, tất cả những thứ ấy gộp lại làm cho ông ta nhìn giống hệt một "bác" King Kong đang ngồi thư giãn trên cành cây sau một hồi "quần nhau" với đồng loại.

Được một lát, người đó rút đôi chân nhái bỏ sang bên cạnh, nhặt sợi dây chuyền nanh heo lên, tay kia lấy khăn lau tóc lau mặt xong thì đeo nó vào cổ. Bất chợt ông ta cầm lấy chiếc nanh heo đưa lên môi hôn một cái rất là trang trọng, giống như người ta hôn cây thánh giá, rồi đứng lên vơ vội chiếc khăn và mọi thứ, bước nhanh qua phía hồ nước nóng Spa. Tôi sững sờ nhìn theo. Chiếc nanh heo rừng chắc chắn có một ý nghĩa nào đó rất quan trọng đối với người này. Tôi bèn đặt tên cho ông ta là "người nanh heo" và bắt đầu theo dõi ông từ hôm ấy.

Tôi thấy ông ta hầu như mỗi ngày ở hồ bơi, lúc nào ông cũng đến vào khoảng 12 giờ trưa, lập lại những động tác quen thuộc, cởi bỏ sợi dây chuyền trên chiếc khăn, phóng xuống bơi một hơi, lên bờ, đeo nó vào và đi qua hồ nước nóng. Điều làm tôi ngạc nhiên là ông ta liên tục chạy qua chạy lại giữa hai hồ nước nóng và nước lạnh. Nước nóng thì quá nóng, còn hồ nước lạnh thì lạnh như đá, thế mà ôngta có vẻ như không thấy lạnh chút nào, nhúng xuống hồ Spa một lát thì trèo lên chạy sang hồ nước lạnhvà ngược lại.

Tôi có nghe người ta nói, ngâm mình vào hồ nước nóng sau đó nhúng sang hồ nước lạnh sẽ làm cho sức khỏe dẻo dai, da thịt săn chắc, nhưng chưa một lần dám thử. Nhìn ông ta, tôi chợt liên tưởng đến miếng sắt người thợ rèn ở làng tôi ngày xưa trui vào lửa cho đến đỏ lòe rồi đem nhúng vào nước kêu cái xèo và lập đi lập lại cho đến khi miếng sắt thật sự cứng đủ làm ra cái rựa. Hình như nhờ vậy màông ta trông khỏe mạnh rắn chắc và nhanh nhẹn so với những người Mỹ cùng độ tuổi ông mà tôi thường gặp, mập mạp phốp pháp, ngực lép bụng phình, đi đứng rủng rỉnh rung rinh, mắt mũi thì lờ đờ chậm chạp.

Ông ta nào biết đã bị tôi quan sát kỹ như một thám tử đang theo dõi người tình nghi. Nhiều lúc tôi cười thầm, rất may mà ông xã tôi không thích ra hồ bơi nên chỉ chăm lo rèn luyện mấy cái bắp thịt của ông ấy bằng cách kéo máy và chạy bộ trên Treadmill. Nếu không có lẽ ổng cũng "question" về cái vụ tôi cứ "mắt la mày lét" nhìn theo ông Mỹ đó. Nhiều lần tôi muốn lại bắt chuyện làm quen để hỏi về cái nanh heo, nhưng mỗi lần tôi gật đầu chào thì ông ta chỉ gật đầu chào lại, mặt mày lạnh tanh, khó đăm đăm như "người bị bón" nên tôi cũng ngán.

Dịp may đến với tôi một tuần sau đó, khi trung tâm tổ chức cuộc thi Tennis thường niên có ăn tối và hòa nhạc. Chúng tôi mua hai vé để sau khi tập thể dục xong sẽ ở lại chung vui, vì chàng xã nhà tôi cũng có máu Tennis đầy người. Đến quá trưa thì một dàn nhạc dã chiến được sắp xếp, chuẩn bị ở bãi đậu xe cạnh dãy sân Tennis. Tất cả các sân Tennis và lối đi ở đây đều được xịt sơn xanh, màu xanh củamạ giống như sân cỏ thật, nhìn rất mát mắt. Các cây dù lớn màu sắc sặc sỡ được dựng lên rải rác khắp nơi cùng với bàn ghế bày ra bên dưới, và mấy lò nướng "Barbecue" bự chảng nằm ngạo nghễ chênh vênh ở một góc sân đang bắt đầu ngùn ngụt nhả khói. Những làn khói thơm lừng mùi thịt nướng hấp dẫn người ta, làm cho ai hít vào cũng phải chảy nước miếng.

Khi tôi và ông xã ở hồ bơi ra thì khán giả đã ngồi kín hết các nơi có bóng mát bên ngoài sân Tennis, kể cả trên hai dãy ban công của trung tâm. Vì không còn chỗ trống, chúng tôi phải ra ngoài bãi đậu xe và chọn cái bàn dưới gốc một cây maple cho dễ nhìn vào sân Tennis và cũng khỏi mất công dời đi khi họ phục vụ bữa ăn chiều sau trận đấu.

Chúng tôi thích thú ngồi xem nhiều trận đấu ác liệt giữa các đội nhà với nhau, những tay vợt cây nhà lá vườn nhưng chơi hùng dũng chẳng kém gì anh em song sinh nhà Mike Bryan và Bob của Mỹ. Các đội nữ chơi cũng đẹp mắt vô cùng. Nhiều tiếng hét la và vỗ tay vang lên ầm ỹ, liên tục. Những người ngồi ngoài nắng cũng mãi mê xem và cổ vũ đến quên đi cái nóng bức.

– Xem mấy trận đấu này thiệt là đáng đồng tiền bát gạo! Ông nhà tôi thích quá kêu lên.

Các trận đấu vừa kết thúc thì nhạc bắt đầu trỗi lên, vui nhộn, rộn ràng, làm cho ai có máu nhảy đầm cũng phải ngứa ngáy nhịp chân hoặc bước đi lắc lư. Khán giả bây giờ đã trở thành thực khách, ra chọn bàn ngồi và bắt đầu đi lấy thức ăn. Mọi người đã đói nên vào sắp hàng thi nhau gắp kẹp vào đĩa của mình. Ngoài các món đặc sản của "chú Sam" như thịt nướng "Barbecue," bơ, phó mát, các loại rau trộn và trái cây, bữa tối còn hấp dẫn thực khách bằng nhiều món đậu hầm thịt và bánh bắp (tamales)của người Mễ. Tôi cũng đi chọn mấy món và đem lại bàn mình, vừa ngồi xuống thì có một người tay bưng đĩa thức ăn đầy vun, tay kia bưng ly nước "Brunch" cao nghều bước lại:

– Xin lỗi, tôi có thể ngồi ở đây không? Ông ta hỏi và chỉ vào chiếc ghế trống đối diện.

Tôi nhìn lên, bỗng thấy lòng mừng khôn tả. Người đó chính là "ông nanh heo". Tôi từng theo dõi, "săn lùng" ông ta cả tuần nay chờ cơ hội để làm quen, không ngờ bây giờ tự dưng đến đây...nộp mạng! Và điều làm cho tôi "vui hết biết" là ông ta mặc chiếc áo nhà binh loại áo vét sát cánh, quần short kaki, đội chiếc mũ lưỡi trai có hàng chữ "Vietnam Veteran." Chiếc nanh heo vẫn tòng teng trước ngực. Thì ra ông là một cựu chiến binh Việt Nam! Thảo nào. Bây giờ thì tôi đã có giải đáp cho xuất xứ của chiếc nanh heo ông đang mang trên cổ. Thích thật.

– Yes! Xin ông cứ tự nhiên. Tôi hào hứng nói với ông. Nhà tôi cũng vừa đem thức ăn lại.

Ông ta nói cám ơn rồi ngồi xuống. Cái đĩa của ông đầy thật là đầy, nhưng ngoài mấy miếng thịt nướng ra, còn lại toàn là các loại rau đầy màu sắc, xà lách xanh, cà nút đỏ, ớt bell vàng, nấm trắng, hột ô liu đen, những mảnh bánh mì sấy... và bên trên là một lớp "Dressing" màu sữa đục được tưới ngoằn ngoèo khéo léo thành những hoa văn lạ lùng, nhìn thật bắt mắt. Tay này quả là biết cách ăn uống, tôi thầm nghĩ. Thảo nào nhìn ông ta rất khỏe.

Trong tiếng nhạc vui rộn rã, tôi vừa ăn vừa ngầm quan sát người khách cùng bàn. Ông ta dùng nĩa trộn tất cả lại và bắt đầu nhai ngồm ngoàm, cắm cúi ăn không cần nhìn ai, ăn mạnh mẽ như "tằm ăn lên" chỉ thỉnh thoảng dừng lại uống vài ngụm nước và dùng khăn giấy thấm vào bộ ria mép. Đúng là ăn như...lính ăn! Sau một tiếng đồng hồ bơi liên tục như vậy chắc ông ta đói lắm.

Ông ăn một hơi cho đến khi sạch đĩa. Nhìn cái đĩa trống trơn của ông ta, tôi chợt nhớ có lần cô bạn Mỹ Jilly đã nói, người Mỹ họ không thích phung phí thức ăn, dù là đi ăn "Buffet" họ cũng chỉ ăn bao nhiêu thì lấy bấy nhiêu và ăn cho hết chứ không bao giờ lấy thật nhiều để rồi nửa ăn nửa bỏ. Tôi bỗng cảm thấy xấu hổ thầm khi nhớ lại những lần đi ăn "bao bụng" vì đói con mắt nên thấy thứ gì cũng muốn thử, lấy cho nhiều rồi nuốt không vô đã phải len lén đem vất bỏ. Lần này thì tôi nhất định phải ăn cho hết những gì có trong đĩa của mình.

Ăn xong, ông ta dừng lại lau miệng, đem vất đĩa muỗng vào thùng rác, đi lấy một đĩa bánh kem tráng miệng, và trở lại bàn cùng với ly nước trái cây. Nhiều người vẫn còn tiếp tục lấy thêm thức ăn nhưng chúng tôi đã xong và dọn dẹp, trên bàn bây giờ chỉ còn lại mấy ly nước. Ban nhạc chuyển sang chơi một khúc êm dịu. Sau bữa ăn trong buổi chiều hè, ngồi dưới bóng râm của những tàn cây maple,

nhâm nhi món nước trái cây hỗn hợp giữa âm thanh của bản hòa tấu êm dịu, thật làm mát lòng người. Bấy giờ thì "ông nanh heo" mới nhìn sang chúng tôi:

– Anh chị là "Chinese" hả?

Trời đất. Không biết ông ta "trông gà hóa cuốc" thế nào mà nghĩ chúng tôi là người Hoa.

– Không, chúng tôi là người Việt Nam. Nhà tôi trả lời.

Ông ta kêu lên:

– "Really!" – Vậy sao? Thế mà bữa giờ thấy chị hoài nhưng tôi cứ tưởng chị là người Hoa.

Vậy ra ông tưởng tôi người Tàu nên đã "làm mặt lạnh" với tôi. Tại sao vậy nhỉ, tôi đâu có chỗ nào nhìn giống con cháu "bác Mao." Tôi cười, chỉ vào chiếc mũ của ông:

– Ông là cựu chiến binh Việt Nam? Chiếc mũ của ông đã nói lên điều đó.

Ông ta gật đầu xác nhận:

– Mỗi lần tôi đội chiếc mũ này ra phố, nhiều thanh thiếu niên đã đến chào tôi và nói, "Cám ơn ông đã phục vụ cho nước Mỹ," nên tôi thích đội nó. Trao đổi thêm vài chuyện bâng quơ, ông hỏi chúng tôi có biết chỗ nào bán những loại "Herb plant," dược thảo, thì chỉ dùm. Ông cho biết ông không thích dùng các loại thuốc Tây "supplement" vì nó có nhiều phản ứng phụ. – Thuốc dược thảo bắt quá cũng chỉ là cây lá thiên nhiên, uống vào như mình ăn rau trái, nếu không lợi thì cũng chẳng hại gì. Ông nói.

Tôi thật ngạc nhiên. Không ngờ một người Mỹ lại cũng thích dùng dược thảo như người Á Châu. Tôi ghi cho ông địa chỉ và tên hiệu thuốc Bắc của một người Việt gốc Hoa mà tôi quen Sacramento, nói với ông ở đó họ có thầy xem mạch và hốt thuốc chữa bệnh nếu ông cần. Ông tỏ vẻ rất mừng, cám ơn rối rít, rồi tự giới thiệu ông tên Devin.

Trong khi chuyện trò, tôi để ý mấy hình xâm bên cánh tay trái của ông Devin. Giữa những hình lập thể kỳ dị là một hình trái tim màu xanh đậm, và chính giữa là chữ "THO" màu đỏ được viết rất kiểu cách, phải để ý kỹ mới đọc được. Sau khi tôi nói tên tôi và tên của ông xã, Devin hỏi:

– Anh chị ở vùng nào bên Việt Nam?

– Miền Trung. Nhà tôi nói.

Ông Devin cười, nét mặt dường như rạng rỡ hơn:

– Ồ, vậy ra là anh chị ở "Hue" ư? Ngày xưa tôi đã từng đóng quân ở Huế từ đầu năm 67 đến hết năm 68.

Nhà tôi chưa kịp trả lời thì tôi đã gật đầu để cho qua chuyện, không đính chính, lòng thầm "tính kế" để lái câu chuyện sang chiếc nanh heo rừng mà tôi đã một lần thấy ông trang trọng hôn lên nó, và cái tên "Tho" rất Việt Nam xâm trên cánh tay ông cũng gợi sự tò mò của tôi. Thấy tôi gật đầu, ông nhìn chúng tôi bằng một ánh mắt thân thiện lạ kỳ:

– Vậy thì khi sự kiện "TET 68," trận chiến Tết Mậu Thân, xảy ra anh chị có ở Huế không?

Ông ta hỏi chưa hết câu giọng bỗng chùng xuống nghe buồn não ruột.

Tết Mậu thân ư. Có người dân miền Nam Việt Nam nào mà quên được cái "Tết Con Khỉ" đẫm máu, thây phơi chật đất, máu chảy đầy chùa chiền, đền miếu, nhà thờ. Cái Tết mà tiếng pháo mừng Xuân hòa lẫn vào tiếng súng đánh nhau vang rền khắp nơi ấy. Tôi lắc đầu:

– Không. Khi ấy chúng tôi đang ở Nha Trang.

Rồi để rời khỏi sự hồi tưởng về cái quá khứ đớn đau trong một buổi chiều vui đẹp và an bình như thế này, tôi bèn lảng sang chuyện khác. Tôi chỉ vào sợi dây chuyền trên cổ ông ấy và hỏi:

– Đây là chiếc nanh heo rừng phải không? Đẹp quá! Ngày xưa bên Việt Nam nhiều người bạn của tôi cũng có mang những chiếc nanh heo như thế này. Ông làm sao có được nó vậy?

– Đúng rồi! Devin trả lời với vẻ mặt đầy xúc động. – Nó là chiếc nanh heo rừng do người vợ Việt Nam của tôi tặng. Nàng ở Huế, tên "Tho," ông chỉ vào chữ Tho trong hình xâm trên cánh tay: – Nghĩa là "Poem" đó. Nói xong, ông sờ vào chiếc nanh heo, tay mân mê, mắt nhìn xa xăm, vẻ mặt thần thờ như đang hồi tưởng về quá khứ.

– Ồ! Tôi kêu lên đầy thú vị. – Vậy ra bà nhà là người Việt Nam sao? Wow! Ông còn hiểu cả nghĩa tên của bà nữa. Đúng rồi! "Tho" nghĩa là "Poem" đó! Tôi lập lại lời ông rồi hỏi: – Ông có thể nào kể chúng tôi nghe về chuyện tình của hai người không? Bà tặng ông chiếc nanh heo này trong trường hợp nào? Bà đến Mỹ cùng lúc với ông hả? Lòng đầy thích thú, tôi hỏi một hơi không kịp thở.

– Cái bà này! Hỏi gì mà tía lia vậy, làm sao ông ấy trả lời kịp chứ!

Nhà tôi nói với vẻ bực mình. Tôi lờ đi. Dường như ông Devin bắt đầu có cảm tình với chúng tôi, và cảm thấy gần gũi hơn, khi biết chúng tôi là "đồng hương" với người vợ Việt Nam của ông. Vẻ lạnh lùng trên gương mặt ông bây giờ đã biến mất, cái vẻ lạnh lùng khép kín mà tôi thường bắt gặp mỗi khi nói chuyện với những cựu chiến binh Việt Nam ở Hoa Kỳ. Nếu không quen thân thì mỗi khi có ai hỏi về chuyện ngày xưa chiến đấu bên Việt Nam họ thường trả lời, "Tôi không muốn nhắc lại." Có lẽ đãlâu rồi Devin chưa hề có dịp để tâm sự với một ai về Việt Nam.

Nghe tôi hỏi vậy, ông lắc đầu buồn bã:

– "I wish!" Tôi ước gì được như thế! Tho, "Ton Nu Thuy Tho" (chẳng biết là Thụy Thơ hay Thùy Thơ...?) không phải vợ tôi bây giờ, mà là người vợ trong quá khứ của tôi. Chiếc nanh heo rừng này nàng đã tặng tôi khi chúng tôi vừa mới yêu nhau.

Lòng bồi hồi, tôi ngồi gần như nín thở đợi ông Devin kể tiếp, với linh cảm sẽ được nghe một câu chuyện tình lãng mạn, làm như thở mạnh sẽ khiến cho tan loãng đi những gì ông ấy sắp nói ra.

Trầm ngâm một lúc, rồi có lẽ vì sự xúc động bất ngờ khi gặp lại những đồng hương của người vợ cũ, hoặc vì tác động bởi bầu không khí êm đềm của buổi chiều hè, ông Devin bằng một giọng trầm trầm bắt đầu kể chúng tôi nghe về chuyện tình của ông và Thơ cô gái Huế, cùng xuất xứ của chiếc nanh heo rừng đã theo ông bốn mươi mấy năm qua...

Năm 1967, chàng lính trẻ Devin được điều sang Việt Nam trong chức vụ thiếu úy, là cố vấn quân sự cho quân đội Việt Nam Cộng Hòa, làm việc ở Huế. Qua giao dịch giấy tờ, Devin được anh bạn tên Tam, (hay Tâm?) Trung úy người Việt Nam giới thiệu làm quen với cô gái xinh đẹp tên Thơ, là người bà con của Tam, khi Devin đến Việt Nam được hơn bốn tháng. Thơ là thông dịch viên văn phòng, chuyên dịch văn kiện giấy tờ cho một căn cứ quân sự Mỹ thuộc tỉnh Thừa Thiên. Thường xuyên gặp gỡvà tiếp xúc mỗi lần Devin đến cùng Tam, dần dần nàng Thơ xứ Huế mộng mơ đã yêu anh chàng lính Mỹ đẹp trai hiền lành ấy.

Chuyện tình của hai người gặp phải rất nhiều sóng gió. Thơ là con gái của một gia đình quyền quý, có họ hàng với vua chúa ngày xưa. Khi biết chuyện hai người yêu nhau, gia đình nàng kịch liệt phản đối, nhất quyết ngăn cấm. Đã từ lâu, từ thời Pháp thuộc, người dân Huế luôn bảo thủ, gìn giữ nề nếp cổtruyền, không muốn con cái lấy vợ lấy chồng ngoại quốc. “Người Huế không thích người ngoại quốc hiện diện trên quê hương họ, Nhật, Pháp, Mỹ gì cũng thế. Cho đến khi sự kiện Tết 68 xảy ra, họ mới hiểu họ cần sự bảo vệ của chúng tôi, và rất đông người dân đã chạy ùa vào căn cứ Mạc-Vi (MACV Advisory) để nhờ giúp đỡ,” ông Devin nói.

Rồi ông kể tiếp, Thơ đã bị cha dọa đánh, mẹ rầy la, dòng họ thì mắng nhiếc, làng xóm xầm xì, vì có người yêu là một anh chàng “mắt xanh mũi lõ.” Nhưng tình yêu của Thơ đối với Devin vượt qua tất cả những lời đàm tiếu, kể cả sự khắt khe ngăn cấm của gia đình. Hai người vẫn cứ đến với nhau.

Điều này thì tôi biết. Cô bạn thân người Huế của tôi ngày xưa có lần nói, “Con gái Huế tụi tau nổi tiếng là lãng mạn và đa tình, khi đã yêu ai thì yêu hết mình, chết cũng không sợ mi nờ!”

Tuy nhiên Thơ và Devin không dám đi cùng nhau ra ngoài, họ thường hẹn hò ở những quán bar hay căng tin trong căn cứ quân sự. Hầu hết đều là do Tam giúp sắp xếp. Những khi Devin cùng đơn vị đi công tác, Thơ ở nhà thấp thỏm không yên, nàng vô cùng lo lắng cho sự an nguy của anh. Một lần Thơ tặng cho người yêu sợi dây chuyền có chiếc nanh heo rừng. Đây là món quà từ người bạn học ở Tây Nguyên tặng Thơ, vì tin rằng nó sẽ giúp nàng may mắn, tránh khỏi hiểm nguy trong thời chiến. Chiếc nanh heo thật lớn, Thơ là con gái không thể đeo nên đã đem cất kỹ. Tặng cho người yêu, nàng mong nó sẽ đem lại an toàn cho anh. Và Devin đeo nó từ đó đến giờ “không lúc nào rời,” ông lẩm bẩm,rồi đưa tay sờ lên chiếc nanh heo. Tôi kiên nhẫn ngồi im chờ đợi ông tiếp tục câu chuyện.

Cuối cùng, cặp tình nhân phải nhờ Trung úy Tam cầu cứu với cấp trên của anh, và họ cùng nhau đến nhà thuyết phục cha mẹ Thơ. Gia đình nàng nể mặt những vị sĩ quan ấy nên đồng ý trong miễn cưỡng cho hai người lấy nhau, với điều kiện không được tổ chức cưới hỏi quy mô “càng ít người biết càng tốt.” Vì vậy mà “đám cưới nhà binh” của họ diễn ra thật đơn giản, một ngày trước lễ Giáng Sinh năm 1967.

Khác với gia đình Thơ, cha mẹ Devin khi biết tin anh có người yêu và thấy hình anh đám cưới cùng cô gái Việt Nam xinh đẹp, họ rất vui mừng. Họ gửi quà mừng cho cặp vợ chồng mới và thúc giục anh lo sẵn giấy tờ để khi anh hết nhiệm vụ trở về Mỹ thì phải đem Thơ đi cùng. Hai người đã sống với nhau những tháng ngày rất hạnh phúc. Thơ nấu cho chồng các món đặc sản xứ Huế, tập Devin ăn thức ăn Việt Nam. Ông Devin nói “món ruột” do Thơ nấu mà ông rất thích là “Bun Bo Hue.” Cho đến bây giờ, mỗi khi được dịp đến những vùng có nhà hàng Việt Nam trên nước Mỹ, thế nào ông cũng đi tìm “ăn cho bằng được” một tô bún bò Huế.

Tôi ngồi nghe mà cảm động vô cùng. Trong lòng nôn nóng, muốn chen vào hỏi vài câu nhưng nhìn thấy vẻ trang nghiêm lẫn thần thờ của ông Devin nên không dám lên tiếng.

– Đến "Tết Monkey" năm 68, chưa đầy ba tháng sau khi chúng tôi đám cưới, ông Devin kể tiếp. – Hai ngày trước Tết, Thơ nói với tôi để cô ấy về quê cùng ăn Tết với gia đình, bốn ngày sau sẽ trở lại thành phố. Tối ba mươi Tết, tôi ở trong căn cứ Mạc-Vi một mình cũng buồn nên rủ hai thằng bạn, Mike và Jack, bày ra nhậu cho vui… Ông Devin nhớ lại, ba người thức rất khuya, vừa ăn uống vừa tán chuyện vừa nghe tiếng pháo mừng giao thừa của dân địa phương nổ râm rang bên thành phố. Khoảng hơn ba giờ sáng, thình lình căn cứ của ông bị tấn công. Bắt đầu là một loạt pháo kích nổ ầm ầm ngoài cổng căn cứ làm rung rinh cả tòa nhà. Devin và hai người bạn vội vã trang bị súng ống, đội mũ sắt vào rồi ra ngoài để xem xét tình hình.

Nói đến đây Devin bỗng dừng lại, hai bàn tay ông run run, nét mặt càng lộ vẻ căng thẳng khổ đau.

Biết câu chuyện đã đến hồi quan trọng, tôi hít thở một hơi dài cho bớt hồi hợp. Trời đã về chiều, vài cơn gió thổi qua lay động hàng cây maple. Những chiếc lá khô vội vã lìa cành bay là đà xuống đất, nằm rải rác trên sân Tennis và các lối đi, điểm những vệt nâu hình năm cánh trên nền sơn xanh, giống như những bàn tay vấy đất của đứa bé nghịch ngợm in dấu vào làm hoen ố bức tranh đồng cỏ thiên nhiên tuyệt tác. Mối tình đẹp của người đàn ông Mỹ ngồi trước mặt chúng tôi chắc cũng không khác, chắc là đã bị bàn tay nhớp nhúa của chiến tranh hủy hoại rồi, cho nên vẻ đau khổ mới hiện rõ trên mặt ông Devin như thế. Tự nhiên tôi cảm thấy ngột ngạt, cồn cào, dù bầu không khí lúc này đã phần nàodịu mát. Tôi ngồi bần thần, người toát mồ hôi, những lời kể của ông Devin gợi nhớ đêm Giao Thừanăm xưa. Hình ảnh cái đêm Giao Thừa Mậu Thân khủng khiếp ấy bỗng ào ạt hiện về.

Những ngày trước Tết, người ta nghe nói đã có lệnh "ngừng bắn để cho dân ăn Tết" giữa hai bên. Vậy mà sau đó người dân miền Nam phải ăn Tết trong cảnh máu lửa kinh hoàng. Ba giờ sáng Mồng Một Tết tôi và một người bạn từ Nha Trang ngồi xích lô ra bến xe miền Trung để về quê ăn Tết. Trên đường đi chúng tôi thấy xác pháo ngập đường Độc Lập, tiếng pháo vẫn còn "Tạch! Tạch! Đùng! Đùng!" và tiếng súng lớn mà chúng tôi cứ ngỡ là pháo đại cũng lẫn lộn vào "Ầm! Ầm!" vang khắp mọinơi. Chúng tôi nào biết thành phố đã bị tấn công, nên cứ mãi trầm trồ là chưa có năm nào tiếng pháo giao thừa lại nổ rầm rộ và kéo dài đến gần sáng như năm này. Từ đường Độc Lập chạy xuống hướng chợ Đầm để ra bến xe, dưới ánh đèn đường thỉnh thoảng có những vật hay đống gì đó đen đen nằm lùlù dọc theo hè phố. Khi ra đến đường Phan Bội Châu thì trời đã sáng dần, và chúng tôi hoảng hốt nhận ra những đống đen đó là những xác người bị bắn chết bỏ nằm rải rác trên lề đường. Ra đến bến xe thì gặp phải đánh nhau từ hướng núi sau lưng chợ Đầm, súng nổ bốn phương tám hướng. Chúng tôi hoảng quá hối xe quay đầu chạy bán sống bán chết về nhà.

Tuy sự chết chóc ở thành phố Nha Trang trong sự kiện Mậu Thân chưa lớn bằng nỗi khủng khiếp kinh hoàng của người dân Huế, như những gì nhà văn Nhã Ca đã đối diện ở Huế khoảng thời gian đó và tường thuật trong quyển hồi ký "Giải Khăn Sô Cho Huế" của bà, nhưng nó đã làm cho tôi gặp ác mộng hằng đêm sau ngày ấy. Đến tận bây giờ mỗi lần nhớ lại tôi vẫn không khỏi rùng mình.

– Anh chị biết không? Ông Devin cuối cùng lên tiếng sau đến hơn mấy phút im lặng. – Đêm ấy vì còn thức nên chúng tôi là những người ra ngoài sớm nhất, trong khi các phòng khác còn đang mang trang phục, vũ khí, và la hét nhốn nháo trong phòng. Chúng tôi cùng nhau bước về hướng trái, là nơi cónhững lô cốt chống đạn xây bằng bao cát, để chuẩn bị phòng thủ. Trời lúc này vẫn còn tối và lạnh lắm. Đi được mấy bước, thình lình tôi thấy một người con gái mặc áo dài tím xuất hiện dưới ánh đèn mờ mờngay trước mắt tôi. Cô ta đưa tay ra dấu ngăn tôi lại và hét lên, "Stop! Dừng lại! Đừng đi Devin!" Nói

xong rồi cô biến mất. Nhìn quanh nhìn quất cũng không thấy cô ta đâu, tôi giật mình chụp lấy tay thằng bạn Mike, "Cô ta là ai thế?" Tôi hỏi nó. Thằng bạn tôi ngơ ngác, rồi phì cười:

– Mày nói cái gì vậy Devin? Cô nào? Mới có mấy tiếng rốc kết mà mày đã hoảng loạn thế à?

Người cựu chiến binh nói, anh bạn kia tên Jack cũng cười nhạo ông, dù ông quả quyết đã chính mắt nhìn thấy rõ ràng cô gái đó dưới ánh đèn của căn cứ. Tuy chưa bao giờ tin là có ma, nhưng cô ta biến mất một cách nhanh chóng như thế cũng làm Devin cảm thấy rờn rợn, dựng tóc gáy. Và ông bỗng rùng mình trong đêm tối khi bước theo hai người bạn. Hiện tượng kỳ lạ đã làm cho ông phân tâm, quênđi sự lo lắng về mấy quả pháo kích.

– Chúng tôi tiếp tục bước. Ông Devin kể tiếp. – Khi đến gần một chiếc xe Jeep đang đậu thì cô gái áo dài tím lại hiện ra. Tôi dụi mắt thật mạnh để biết là mình không mơ ngủ. Lần này thì tôi thấy thật rõ ràng cô gái đang bay lơ lửng, vạt áo dài tím phất phơ bên trên đôi chân cụt lủn máu chảy ròng ròng, hai tay cô vung vẩy trước mặt tôi, và cô gào lên thảm thiết, "Đứng lại! Đừng đi!"

Ghê quá! Tôi kêu thầm. Vốn rất sợ ma nên khắp người tôi nổi da gà khi nghe Devin kể đến đó, dù khi ấy trời vẫn còn sáng và xung quanh rất đông người.

Devin bỗng lắc đầu thật mạnh, như xua đi những hình ảnh thảm thương mà ông vừa nhớ lại. Ông bưng ly nước lên hớp một ngụm rồi đặt mạnh chiếc ly xuống bàn, cố gắng nuốt một cách khó nhọc như người đang mắc nghẹn:

– Tôi hoảng quá, biết là mình gặp ma thật rồi. Không kịp suy nghĩ, tôi vội vàng chụp tay hai thằng bạn lôi ngược lại, vừa đúng lúc tiếng đạn rốc kết bay xé gió rít lên trên không, "Hú...ú...ú...ú..." và chúng tôi chỉ kịp nhào xuống nấp sau chiếc Jeep thì "Boooom!" Một tiếng nổ long trời lở đất ngay phíatrước. Chiếc xe Jeep ngã bật sang một bên, tôi bị hất tung lên rồi bắn ra xa, và sau đó không còn biết gì nữa.

– Trời đất ơi! Tôi và nhà tôi cùng kêu lên thảng thốt. – Rồi bạn ông và ông có bị thương không? Tôi vội vàng hỏi, mắt nhìn ông chằm chằm.

– Jack bị thương rất nặng, xém chút nữa thì nó đã đi chầu trời. Ông Devin nói cùng với một cái rùng mình. – Thằng Mike thì gãy chân và một cánh tay. Tụi nó được trạm y tế dã chiến trong căn cứ tậntình cứu chữa và cầm cự đến hơn hai mươi ngày mới được đưa đi bệnh viện. May mà không chết.Riêng tôi bị ngất xỉu một ngày đêm, nhưng như một phép lạ, tôi chỉ bị thương ở những phần mềm, vìtôi văng trúng cái thùng container bằng giấy cát tông và mấy cái bao cát gần đó.

– "Oh my God!" – Trời ơi! Như vậy là cô "Ma" mặc áo dài tím đó đã cứu các ông rồi!

Tôi kêu lên trong sự ngưỡng mộ. Ma người Việt mà cũng có lòng nhân từ, giúp cứu mạng cho mấy người lính Mỹ. Đây quả thật là chuyện ly kỳ hiếm có.

Ông Devin nghe tôi nói thế thì ngồi sững, hai tay ôm lấy đầu, mắt rưng rưng nhìn vào khoảng không trước mặt với vẻ đau đớn cùng cực. Được một lúc, ông bỏ tay ra và đột nhiên nói nho nhỏ, gần như là thì thầm:

– Cô ấy chính là Thơ, vợ tôi. Nàng đã bị giết trong đêm giao thừa đó, buổi tối, trước khi chúng tôi bị tấn công. Nàng hiện ra ở căn cứ để cứu tôi.

Tôi tròn mắt, không thể tin được những gì mình nghe:

– "My God!" Nhưng làm sao mà ông biết được chính xác như thế chứ?

Ông Devin thở dài:

– Mãi đến gần một tháng sau, đúng hơn là hai mươi tám ngày sau, sau khi quân đội Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa lấy lại được toàn bộ thành phố Huế, tôi mới liên lạc được với gia đình Thơ. Họ cho tôi biết, hôm tối ba mươi, chiếc xe lam chở vợ tôi và hai người bạn của cô ấy cùng nhiều người khác nữa, trên đường đi chùa về thì bị trúng một quả đạn súng cối của VC, mọi người trên xe đều chết hết. Và ông bỗng nấc lên: – Tối đó Thơ mặc chiếc áo dài màu tím và mảnh đạn đã cắt mất đôi chân củanàng...

Tôi cũng bật khóc, nước mắt tôi chảy dài trên mặt.

– Tôi thật là xin lỗi, Devin! Chuyện của ông quá thương tâm. Tôi nói. – Linh hồn cô ấy quả là linh thiêng, đã hiện về để cứu ông và mấy người bạn. Người tốt như cô ấy chắc bây giờ đang ở trên thiên đàng, xin ông cũng đừng buồn.

Hình như Devin không nghe những lời tôi nói. Ông ngồi im lặng thẫn thờ, tay mân mê chiếc nanh heo trên cổ. Chắc là ông đang hồi tưởng lại thời kỳ yêu đương nồng thắm với Thơ, thời kỳ yêu đương cách nay đã hơn bốn thập niên, nhưng nó vẫn còn sôi sục trong lòng người cựu chiến binh cho đến tận bây giờ. Tôi không biết chiếc nanh heo này có thật sự linh nghiệm hay chăng, nhưng tôi tin chắc một điều, là nó đã được hòa quyện vào trong đó tình yêu bất diệt của cô gái Huế. Và tình yêu ấy đã cứu mạng ông Devin.

Ba người chúng tôi cùng ngồi bất động thật lâu. Thời gian như ngừng trôi, đến lúc nhìn lại thì trời đà xâm xẩm tối. Đèn đường đã bật sáng, ban nhạc đã ngừng chơi tự lúc nào, thực khách lục tục đứng dậy ra về, và người ta bắt đầu xếp dù, thu dọn bàn ghế.

Khi vợ chồng tôi và ông Devin đứng lên, mọi người cũng đã về gần hết. Chúng tôi chào ông rồi băng qua khu vực bãi đậu, ra ngoài đường để lấy xe. Hàng cây maple vô tư phe phẩy xạc xào trước ngọn gió đêm mát rượi. Bầu trời hè buổi tối trong xanh không một gợn mây, rải rác những vì sao lấp lánh, và thoang thoảng đâu đây trong không khí mùi hương hoa dạ lý ngọt ngào.

Một buổi tối thật tỉnh lặng, thật yên bình. Nhưng tôi biết trong lòng người cựu chiến binh Devin đang dậy sóng.

Tôi thở dài, nhìn ông cúi đầu lầm lũi bước đi…■

Phương Hoa

Back to Menu

Làm Đẹp cho Bài Viết # 2
Các Kiểu Chữ Nghệ Thuật trong MS-Word

Gs. Trương Thiệu Hùng

Nội dung chính

1. Tạo mẫu tự đầu tiên của một đoạn văn viết bằng chữ lớn có font đặc biệt
2. Tạo các hàng chữ kiểu đặc biệt
   - 2.1. Các hàng chữ rỗng (trắng) ở giữa
   - 2.2. Các hàng chữ cong lên hay cong xuống
   - 2.3. Các hàng chữ *vừa* cong lên vừa cong xuống
   - 2.4. Các hàng chữ có đổ bóng trên/dưới, bên phải/trái
   - 2.5. Các hàng chữ viết theo chiều thẳng đứng
   - 2.6. Các hàng chữ tuân theo luật phối cảnh
3. Thay đổi diện mạo của hàng chữ
   - 3.1. Thay đổi màu sắc,
   - 3.2. Thay đổi mẫu nghệ thuật
   - 3.3. Thay đổi độ trong suốt
   - 3.4. Thay đổi bề cao, bề rộng và độ nghiêng của hàng chữ
4. Kết luận

--o0o—

Trong bài viết, đôi khi chúng ta muốn dùng các ký tự đặc biệt cho chữ đầu của mỗi đoạn văn, tạo những hàng chữ với các font khác nhau, cong lên, cong xuống, nghiêng phải, nghiêng trái, hay tạo những hàng chữ có đổ bóng bên trên/bên dưới qua phải hay qua trái. Ta cũng có thể thay đổi dạng của hàng chữ bằng cách thay đổi màu sắc, mẫu chữ nghệ thuật, độ trong suốt hay độ nghiêng của hàng chữ. Tất cả các công việc kể trên được làm với MS Word.

1. Tạo "mẫu tự đầu tiên" của một đoạn văn viết bằng chữ lớn có font đặc biệt

Một đoạn văn được viết bằng font Times New Roman (hay Calbri), ta muốn mẫu tự đầu tiên của đoạn văn được in ra *to* và *có font đặc biệt* như "Algerian", Adobe Garabon Pro, Adobe Hebrew, Floral, . . .
Trong đoạn có 5 dòng này ta muốn chữ "**M**" của chữ đầu tiên của "**M**ột" sẽ được viết to hơn các chữ thường khá nhiều và được dùng font ***ALGERIAN***.

Ta làm như sau: (Lưu ý: *Left click* được viết tắt là *Click*)

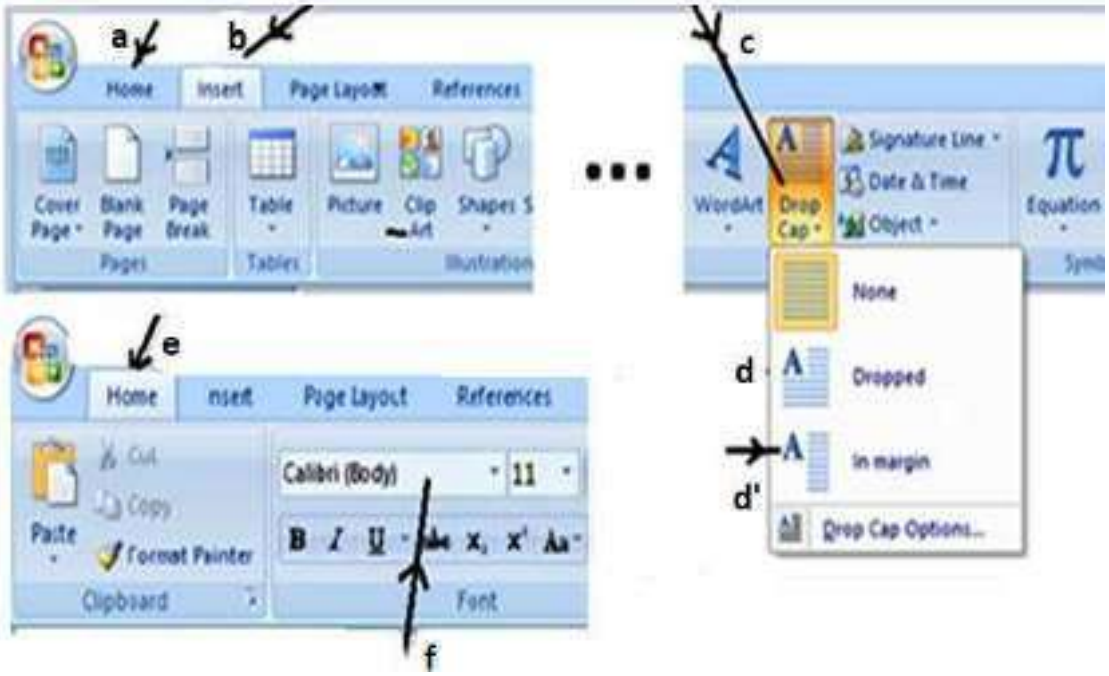

Bước 1: Hightlight vài chữ đầu tiên của đoạn văn.
Bước 2: Click insert (b)
Bước 3: Click Drop Cap (c)
Bước 4: Click ***Dropped*** (hay ***In Margin***) (d)
Bước 5: Click Home (e), đổi font thành ***ALGERIAN*** (f). Click ***OK***
Bước 6: Chữ đầu tiên của đoạn văn sẽ biến đổi, và có sự sắp đặt mới.

- Nếu ở bước 4 click lên Dropped và ở bước 5 dùng font Floral, ta được

ột đoạn văn đã được viết bằng font Times New Roman (hay Calbri), ta muốn mẫu tự đầu tiên của đoạn văn được in ra to và có font đặc biệt như "Algerian", Adobe Garabon Pro, Adobe Hebrew, Floral, . . .

Trong đoạn có 5 dòng này ta muốn ký tự M của chữ đầu tiên "Một" ALGERIAN. sẽ được viết to hơn các chữ thường rất nhiều và được dùng font

- Nếu ở bước 4 click lên In Margin và ở bước 5 dùng font Floral, ta được

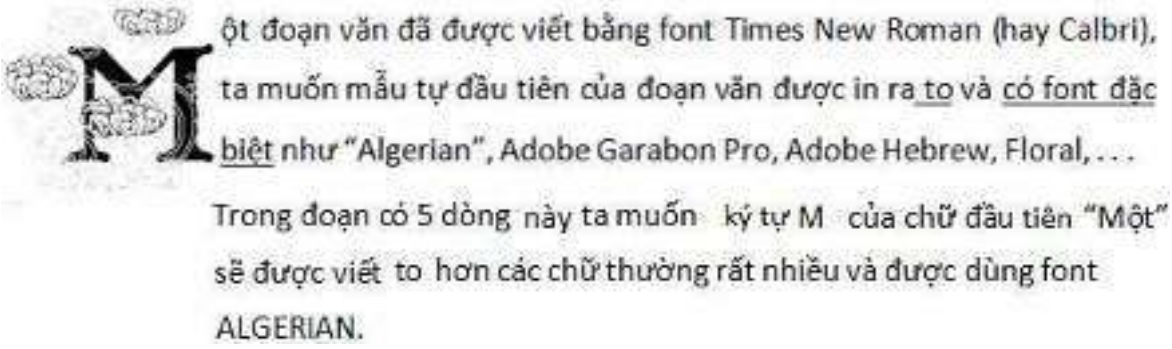

- Nếu ta sử dụng các fonts như Adobe Hebrew, Calisto MT, Floral, UVN Con thuy,… ta sẽ được chữ đầu tiên **M** có dạng như sau:.

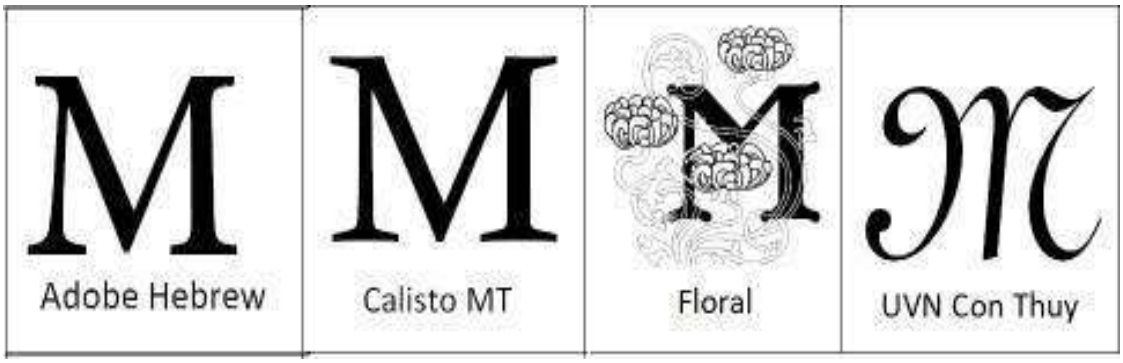

Thực tập:

Hãy tạo ký tự đầu tiên của bất cứ đoạn văn nào mà các bạn có bằng cách ở bước 3 click lên ***Dropped*** và ***In Margin*** và dùng font "***Floral***" cho đoạn văn của bạn.

2. Tạo các hàng kiểu chữ đặc biệt

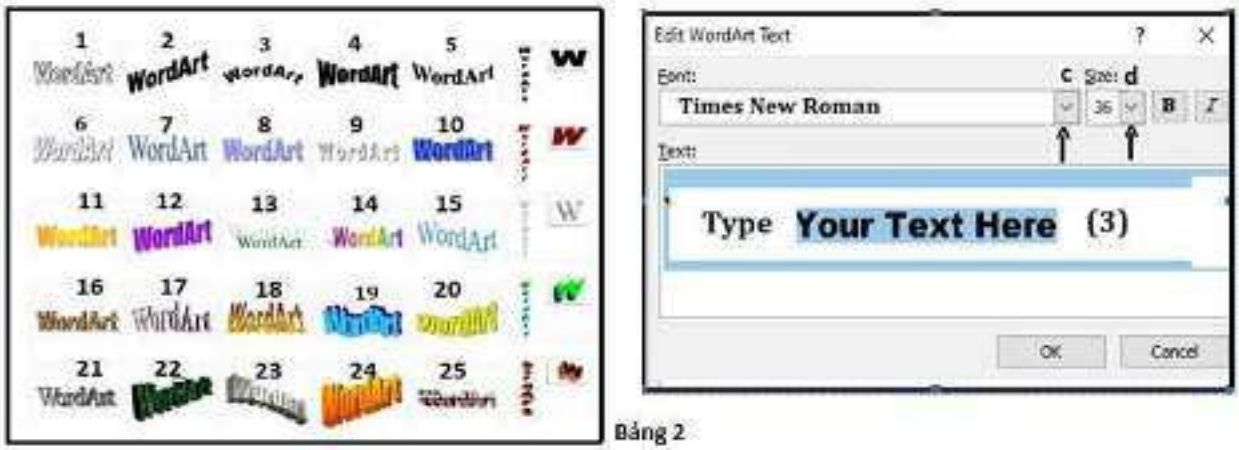

Bảng 2

2.1. Hàng chữ rỗng/trắng) ở giữa

Ta làm các bước sau:

Bước 1: Click (left click) lên chữ Insert (a), click lên WordArt (b)
Bước 2: Click trên WordArt **1** (hay 6) để chọn kiểu chữ cho hàng chữ.
Bước 4: Click mũi tên **v** (ở c) để chọn font là "Times New Roman".
Bước 5: Click mũi tên **v** (ở d) để chọn font size =36
Bước 6: Đánh hàng chữ Thế Hữu Văn Đàn vào chỗ "Type your Text here". Click OK.
Bước 7: Left click mouse trên các hình vuông nhỏ ■ (g, h, i, j) và di chuyển mouse để thay đổi bề rộng và bề dài của hàng chữ "Thế Hữu Văn Đàn"

(Ghi chú: Các số *ở sau* chữ Thế Hữu Văn Đàn là *vị trí của mẫu WordArt* trong bảng 2)

Thực tập:

Hãy tạo chữ rỗng/trắng ở giữa cho hàng chữ "THE FIRMAMENT",

2.2. Hàng chữ cong lên hay cong xuống

Thí dụ: Ta muốn làm hàng chữ "Thế Hữu Văn Đàn" ***cong lên hay cong xuống***, ta làm như sau:

Bước 1: Click (left click) lên chữ Insert (a).
Bước 2: click lên WordArt (b).
Bước 3: Click trên WordArt **1** (hay 6) để chọn kiểu chữ cong cho hàng chữ.
Bước 4: Click mũi tên **v** (c) để chọn font là "Times New Roman".
Bước 5: Click mũi tên lên **v** (d) để chọn font size =36
Bước 6: Đánh hàng chữ Thế Hữu Văn Đàn vào chỗ "Type your Text here". Click OK.
Bước 7: Left click mouse trên các hình vuông nhỏ ■ (g, h, I, j) và di chuyển mouse để thay đổi bề rộng và bề dài của hàng chữ Thế Hữu Văn Đàn.

Sau bước 6, ta được:

2.3. Hàng chữ vừa cong lên vừa cong xuống

Nếu ở bước 3 ta click lên WordArt **4** (hay 15, 19),…. Sau bước 6 ta sẽ được:

Dùng các con số được viết sau các hàng chữ "Thế hữu Văn Đàn" để chỉ rõ kết quả ta có được nếu ở "Bước 3" ta click trên WordArt của số đó.

Thực tập:

Với hàng chữ "THE FIRMAMENT", hãy làm cho hàng chữ này có thể:

a. Cong lên b. Cong xuống c. Vừa cong lên vừa cong xuống.

2.4. Hàng chữ có đổ bóng trên/dưới, bên phải/trái

Ta cũng làm các bước giống như trên

Bước 1: Click (left click) lên chữ Insert (a).

Bước 2: Click lên WordArt (b)

Bước 3: Click trên WordArt **6**, 8,… (hay 17, 21, …) để chọn kiểu chữ có bóng dưới/trên cho hàng chữ.

Bước 4: Click lên mũi tên **v** (c) để chọn font là "Times New Roman".

Bước 5: Click lên mũi **v** (d) để chọn font size =36

Bước 6: Đánh hàng chữ Thế Hữu Văn Đàn vào chỗ "Type your Text here". Click OK.

Bước 7: Left click mouse trên các hình vuông nhỏ ■ (g, h, i, j) và di chuyển mouse để thay đổi bề rộng và bề dài của hàng chữ Thế Hữu Văn Đàn.

Ta có 4 trường hợp xảy ra:

2.4.1. Bóng dưới bên *phải.*

Ở bước 3, nếu ta click lên WordArt 5, 8, 10, 12, 20, 24,…ta được bóng **dưới** bên ***phải.***

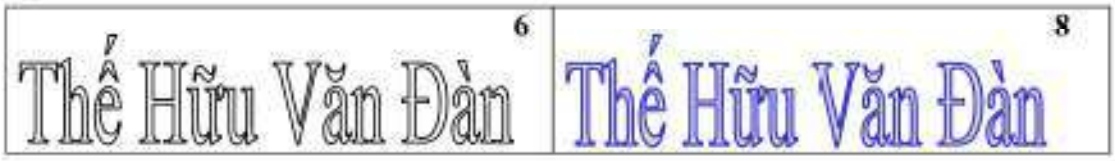

10	12
20	24

2.4.2. **Bóng dưới bên *trái.***

Ở bước 3, nếu ta click lên số *WordArt 23* ta được bóng **dưới** bên ***trái***.

23	

2.4.3. **Bóng trên bên *phải.***

Ở bước 3, nếu ta click lên số *WordArt 18*, ta được bóng **trên** bên *phải.*

18	

2.4.4. **Bóng trên bên *trái.***

Ở bước 3, nếu ta click lên số *WordArt 17, 21, 22…* , sau bước 6 ta được các dòng chữ với bóng ***trên*** bên *trái.*

21	17
22	

7777

Thực tập:

Với hàng chữ "THE FIRMAMENT", hay làm cho hàng chữ nay có:

a. Bóng trên bên trái
b. Bóng trên bên phải
c. Bóng dưới bên trái
d. Bóng dưới bên phải

2.5. Các hàng chữ viết theo chiều thẳng đứng

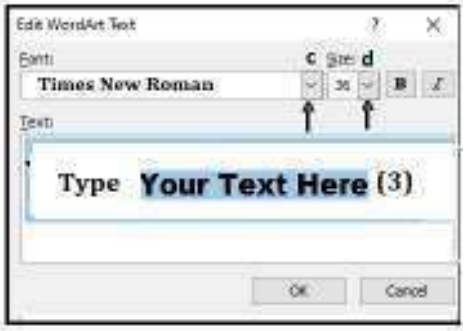

Ở bước 3, nếu ta click trên các *WordArt* ***26,*** *27, 28, 29, 30* và làm giống như trước, sau bước 6 các hàng chữ được *xếp theo chiều thẳng đứng*.

Thực tập:

Làm lại các công việc trên với hàng chữ mới "The Firmament".

2.6. Các hàng chữ tuân theo luật phối cảnh

Theo luật phối cảnh thì càng ở gần hình của vật càng lớn, nhưng càng đi *xa* ra (về phía trong của hình) thì hình sẽ *nhỏ* dần, các *khoảng cách cũng ngắn bớt.*

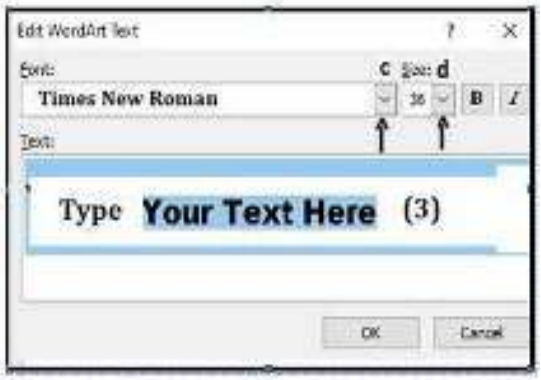

Bảng 2

Thí dụ:

Ở bước 3, nếu ta chọn WordArt 4, 22, 24 ta sẽ có hàng chữ tuân theo luật phối cảnh. Với dòng chữ Thế Hữu Văn Đàn, thì sau bước 6 ta được:

G: Điểm ở gần X: Điểm ở xa

3. Thay đổi diện mạo của hàng chữ

Ta có hình ban đầu của dòng chữ Firmament ở các phần trước:

Ta muốn thay đổi diện mạo của hàng chữ này**.**

hình 1

hình 2

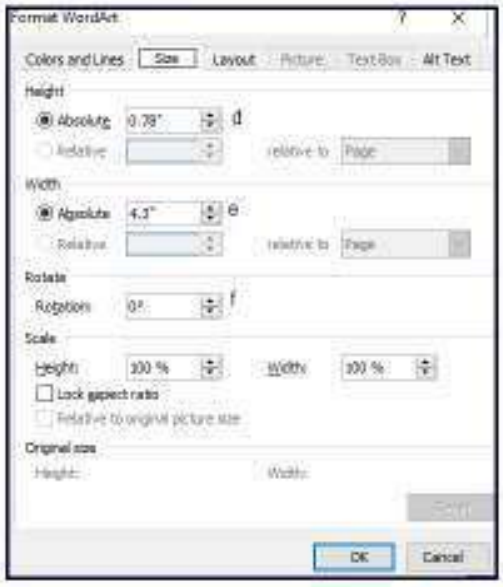

hình 3

- Right click lên hàng chữ Firmament ta được hình 1.

- Click Format WordArt ta có hình 2. (Nếu không, click Color and Lines sẽ được hình 2).
- Click Size, ta dược hình 3.

Ta có 6 nơi cần để ý:

(a) Thay đổi màu sắc (b) Thay đổi mẫu hình (c) Thay đổi độ trong suốt
(d) Thay đổi bề cao (e) Thay đổi bề rộng (f) Quay hàng chữ

3.1. Thay đổi màu sắc (color) và giữ nguyên mẫu hình và độ trong suốt

- Click "Fill effect" ở b, chọn (click) texture 6
- Click c: giữ độ trong suốt 30% (hay dùng một độ trong suốt khác cũng được)
- Click lên mũi nhọn (**v**) ở a để chọn màu sắc, ta sẽ được chữ Firmament bị thay đổi chút ít như sau:

Hình ban đầu

Màu sắc: Đỏ

Màu sắc: Da cam

Màu: Xanh lá cây

Màu sắc: Tím

3.2. Thay đổi mẫu hình (giữ cố định màu sắc và độ trong suốt)

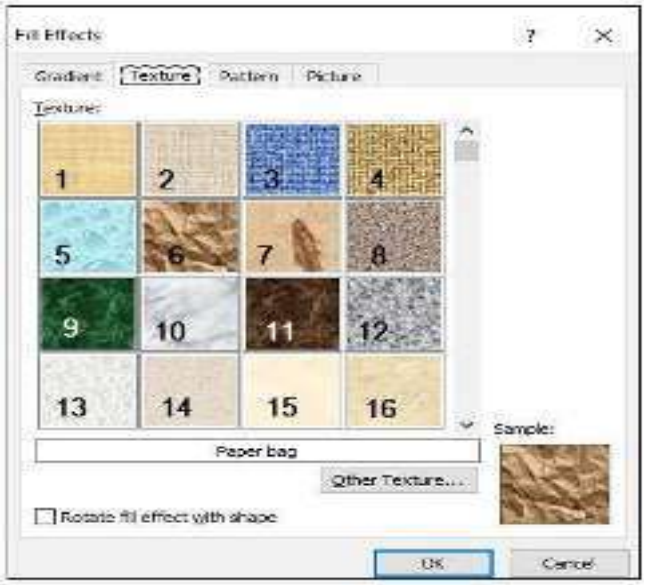

Hình ban đầu

Ta giữ cố định màu sắc=đỏ, độ trong suốt 30% và ***chỉ thay đổi mẫu hình:***

Mẫu hình 3

Mẫu hình 6

Mẫu hình 12

Mẫu hình 16

3.3. Thay đổi độ trong suốt (giữ cố định màu sắc và mẫu hình)

Chọn màu “Đỏ sẫm”, mẫu hình 4, và chỉ thay đổi các độ trong suốt cho hàng chữ:

Độ trong suốt 0%

Độ trong suốt 10%

Độ trong suốt 30%

Độ trong suốt 50%

Độ trong suốt 80%

Độ trong suốt 100%

Nhận xét:

Khi tăng độ trong suốt, ta thấy hàng chữ biến đổi đậm hơn và hàng chữ ngả sang màu hơi đen. Với ba yếu tố "màu sắc", mẫu hình" và độ trong suốt" có những ảnh hưởng đến hình dạng của hàng chữ Firmament. Phải thay đổi nhiều lần mới có thể tìm được sự hài hòa giữ ba yếu tố này để tạo ra hàng chữ đẹp.

3.4. Thay đổi bề cao, bề rộng và độ nghiêng của hàng chữ

Thí dụ: Ta đã làm được hàng chữ:

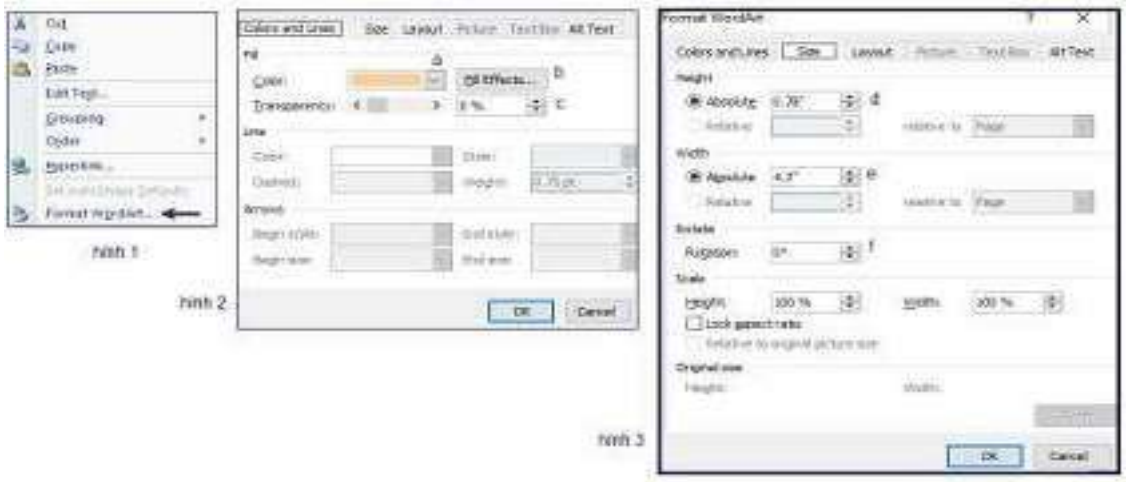

- Right click lên hàng chữ ta dược hình 1
- Click Format WordArt ta được hình 2.

-Click Size ta được hình 3.

3.4.1. Thay đổi bề cao của hàng chữ

- Click nhiều lần lên hình tam giác nhỏ ▲ ở (d) để tăng bề cao hàng chữ.
- Click nhiều lần lên hình tam giác nhỏ ▼ ở (d) để giảm bề cao hàng chữ.

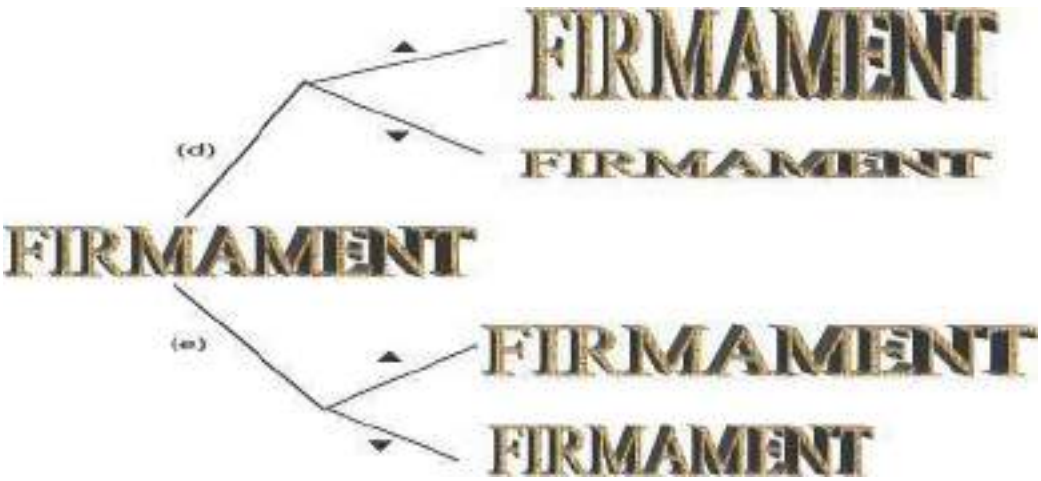

3.4.2. Thay đổi bề dài của hàng chữ

- Click nhiều lần lên hình tam giác nhỏ ▲ ở (e) để tăng bề dài hàng chữ.
- Click nhiều lần lên hình tam giác nhỏ ▼ ở (e) để giảm bề dài hàng chữ.

3.4.3. Thay đổi độ nghiêng của hàng chữ

Ta làm như sau:

- Right click lên hàng chữ Firmament

- Click Format WordArt
- Click Side

hình 1

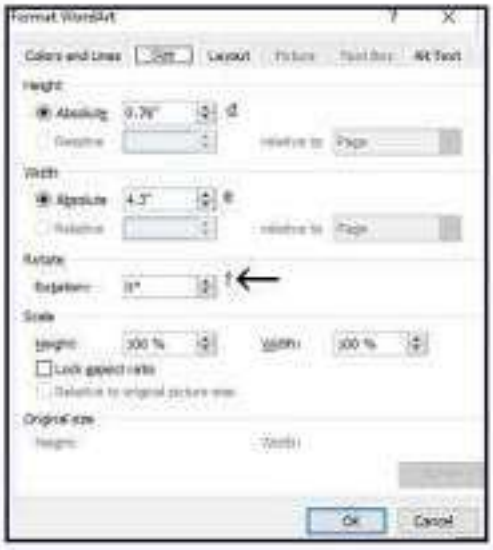

hình 3

Ta có hai trường hợp:

* **<u>Tâm quay ở O_1</u>** (ở phần góc cao nhất bên ***<u>trái</u>*** của hàng chữ)

Click nhiều lần lên hình tam giác nhỏ ▲ ở (f) để tăng "góc quay" với tâm quay O_1 nằm ở trên "góc cạnh cao bên trái" (top left corner) của hàng chữ.

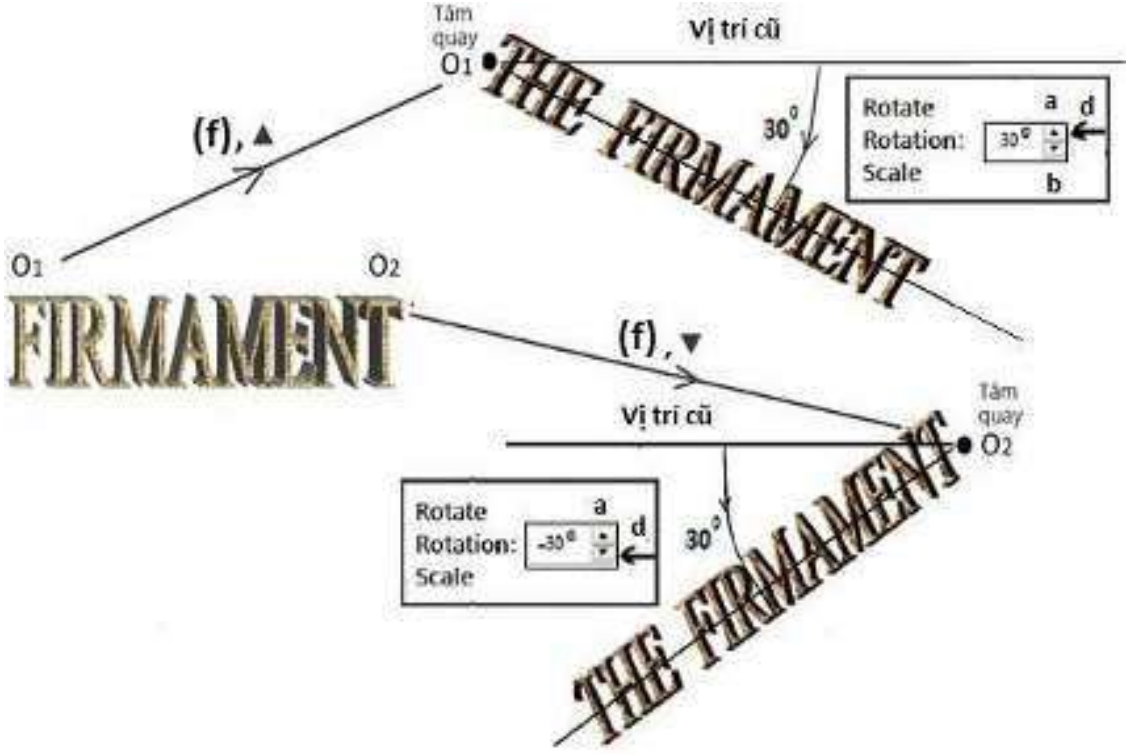

* **Tâm quay ở O_2** (ở phần góc cao nhất, bên ***trái*** của hàng chữ)
Click nhiều lần lên hình tam giác nhỏ ▼ ở (f) để tăng "góc quay âm" với tâm quay O_2 nằm ở trên "góc cạnh cao bên phải" (top right corner) của hàng chữ.

Nhận xét:
Trong cả hai trường hợp hàng chữ ***cùng*** *quay theo chiều kim đồng hồ* nhưng với *tâm quay O_1 và O_2 khác nhau*

4. Kết luận

Chúng ta đã lần lượt tạo "mẫu tự" đặc biệt ở đầu mỗi đoạn văn, tạo các hàng chữ cong lên, cong xuống hay vừa cong lên vừa cong xuống, tạo đổ bóng trên/dưới, ở bên phải/trái, và tạo hàng chữ trống/trắng ở giữa. Ta cũng có thể thay đổi dạng hình, màu sắc, độ trong suốt và độ nghiêng của hàng chữ. Các công việc biến đổi này, nếu khéo léo, sẽ làm cho hàng chữ trông ngoạn mục.

Rất mong Quý Vị cố gắng tập kỹ từng giai đoạn cho tới khi nhuần nhuyễn. Nếu thấy có gì trục trặc hay sơ sót, xin báo cho chúng tôi biết để sửa chữa. Xin cám ơn Quý Vị.
Thân chúc mọi người nhiều may mắn, tạo những Layout thật đẹp và vừa ý cho bài viết!

Gs. Trương thiệu Hùng

Back to Contents

Sứ Mệnh Tinh Thần

Phần Một

Yên Sơn

1.

Đang nín thở, nằm bẹp dí trong một góc tối tăm ở một nơi xa lạ để chạy trốn công an Việt cộng thì nghe tiếng dộng cửa ầm ầm. Tôi cố khom mình, nhích sâu thêm một chút vào bóng tối bỗng bị lọt thỏm… xuống sàn nhà, đau điếng! Mở bừng mắt, mồ hôi vã như tắm, tôi thở phào, vui mừng… khi biếtmình đang nằm trong phòng khách sạn vừa trải qua một giấc mơ kinh hoàng!

Chưa kịp hoàn hồn thì lại nghe tiếng gõ cửa. "Ai đó?" "cần dọn phòng không?" "Chưa cần". Đó là mẩu đối thoại với người bồi phòng ở ngoài hành lang. Tôi leo lên giường nằm xuống, cố ngủ thêm một chút nữa nhưng không tài nào chợp mắt được vì những tiếng ồn ào bên ngoài xông vào phòng rất khó chịu. Nhìn đồng hồ bàn thấy đã qua trưa! Tôi lại hoảng hốt bước như nhảy vào phòng tắm, làm vệ sinh rồi sắp xếp công việc phải làm hôm nay. Việc phải làm hôm nay cũng là lý do chính tôi về Quảng Ngãi lần này.

2.

Tôi đã rời xa Quảng Ngãi khá lâu; bây giờ về đây, thấy đâu đâu cũng đều xa lạ, nhưng trong tôi vẫn như bùi ngùi, luyến tiếc một thứ gì đó. Có lẽ tuổi xuân chăng chứ cảnh không cũ và người người đều xa lạ. Quảng Ngãi trong tâm thức của tôi là những hình ảnh thân thương, mộc mạc nhưng diệu kỳ vô cùng. Quảng Ngãi trong tôi là dòng sông Trà, sông Vệ mông mênh; là những con đò ngang mỏng manh; là những bờ xe nước kỳ vĩ; là những tiếng xe ngựa gõ lộp cộp trên đường đá; là những đêm trăng sáng, trời trong bạn bè kéo nhau ra bãi cát ngủ qua đêm. Quảng Ngãi trong tôi là an vui, thanh bình suốt thời tuổi thơ mầu nhiệm… Lòng tôi lâng lâng cảm xúc, bâng khuâng, rưng rức lạ lùng!

Ra khỏi khách sạn, trời nắng chói chang, tính tìm một anh xe ôm để đi đến chỗ cần đến. Vâng, đi về xóm nhỏ thì chỉ có đi xe ôm mới tiện tìm kiếm. Đang lớ ngớ giữa một chỗ xô bồ, phía trước khách sạn Trung Tâm trên đường Lê Lợi, Quảng Ngãi. Có lẽ đây là nơi tụ tập chờ khách của những người chạy xe ôm, xích lô đạp. Họ tụ năm tụ ba tán dóc, đánh cờ, binh xập xám, nói nói cười cười xen lẫn tiếng cãi cọ ồn ào cả một góc phố. Tôi nghĩ cần một tách cà phê trước khi đi. Bước vào quán cà phê bên đường ngồi xuống. Trong lòng xôn xao lạ. Biết là không gian này không phải là sự chọn lựa của tôi. Có bóng dáng của các em bé bán vé số dạo. Tiếng mời chào đủ các âm giọng ba miền đất nước. Đầu óc tôi mụ mị trong không gian hỗn tạp tiếng người, tiếng còi xe; trên tay ôm một chiếc bình sành nhỏ đựng trocốt của Huệ – một người học trò ngoan hiền- đưa về từ Mỹ.

Vừa ngồi vào bàn thì một đám nhóc bán vé số nhào tới mời chào. Tôi lắc đầu nói không mua mặc dù chúng nó năn nỉ dai dẳng. Tôi ngồi làm thinh, mặt mày nghiêm và buồn được một lúc thì chúng nó bỏ đi. Xong lại có thằng bé đánh giày trờ tới, "Chú đánh giày không chú?" "Trời đất, chú mang giàythể thao mà đánh nỗi gì?" "Giày thể thao thì đánh theo giày thể thao chú ơi." "Không đâu cháu, chú cần uống ly nước rồi đi công việc gấp."

Thằng bé vừa đi thì một bé gái rất nhỏ – có lẽ chừng 5-6 tuổi là cùng – sà đến bên tôi, "Chú mua giùm con ít vé số đi chú?" "Không, chú không mua đâu cháu." "Chú làm ơn giúp con; mua mấy tờ cũng được. Con cần bán rất nhiều vé số hôm nay vì mạ con đang bệnh, cần tiền mua thuốc!"

Tôi nghĩ tụi nhỏ bán vé số bao giờ cũng có những lý do bi đát để câu khách nên tôi chẳng quan tâm gì lắm. Chỉ khi nhìn kỹ con bé, thấy mặt mũi sáng sủa, xinh xắn nhưng gầy gò, chiếc áo bà ba có hai miếng vá ở khuỷu tay và vai, chân đi đôi dép mòn cả gót làm tôi chạnh lòng! Với số tuổi này đáng lẽ cháu ở nhà vui chơi sao lại tả tơi bán vé số! Nhìn quanh một lượt thấy lũ nhóc bán vé số đều không khác gì nhau mấy nhưng tự nhiên tôi có thiện cảm với con bé nầy. Không biết vì cái giọng Huế nhỏ nhẹdễ thương của nó có dự phần trong tình cảm bất chợt này không; đối với trẻ con, nhất là các bé gái bao giờ tôi cũng dành nhiều cảm tình hơn. Tôi dạy con nít hơn 40 năm qua nên tôi rất yêu mến trẻ con; thế nhưng, tuổi đời đã đi qua ngã sáu rồi, tôi vẫn chưa có cơ hội thực tập hai tiếng "ông cháu" mầu nhiệm.

– Chú không mua vé số nhưng chú có thể tặng cháu ít tiền ăn bánh mì được không? Miệng nói tay móc túi lấy ra một ít tiền lẻ đưa cho con bé.

Nó khoa tay từ chối và đi thụt lui vài bước:

– Dạ không được mô chú. Chú mua vé số thì con rất vui. Rất cám ơn chú nhưng con không xin tiền.

– …? Tôi bỡ ngỡ, chưa biết ứng xử sao.

– Mạ con dặn không được lấy tiền của người khác.

– Thì cháu có lấy của ai đâu, chú tự nguyện, kể như tiền chú mua vé số thôi mà?

– Chú mua vé số thì con bán. Còn không mua thì con không lấy mô. Chú mua giùm con một ít đi?

– Chú không thích vé số. Người ta nói trúng số xui lắm!

– Con mới nghe chú nói lần đầu. Chú không mua thì con đi nghe.

Con bé mới chừng ấy tuổi mà đối đáp như người lớn. Nó dợm bước đi, tôi vội vã nắm tay con bé giữ lại:

– Được rồi, được rồi! Chú mua.

Con bé nhoẻn miệng cười dễ thương hết sức:

– Chú mua mấy vé nì?

Thấy con bé cầm trên tay một xấp, tôi hỏi:

– Một tấm bao nhiêu tiền cháu?

– Dạ 10 ngàn!

– Phần cháu lời được bao nhiêu mỗi tấm

– Dạ tám trăm!

– Từ sáng tới giờ cháu bán được bao nhiêu?

– Dạ tệ lắm! Chắc chỉ khoảng hơn 10 tấm thôi!

Trong đầu tôi làm vội một con toán: 10 tấm được 8 ngàn, khoảng 40 xu Mỹ.

– Bán bao nhiêu mới đủ tiền thuốc cho mẹ cháu?

– Dạ không biết nơi, nhưng chắc cần bán nhiều lắm

– Cháu đếm thử cháu còn bao nhiêu tờ?

Con bé mở to đôi mắt có vẻ ngạc nhiên, quẹt ngón trỏ bé tý vào miệng, cắm cúi đếm một hồi rồi ngước lên nói:

– Dạ còn đúng 86 tờ.

– Nếu hết ngày mà cháu bán không hết thì làm sao?

– Cuối ngày phải trở lại đại lý để thanh toán. Số không bán được sẽ bị phạt 10%.

– Vậy làm sao? Bây giờ đã xế bóng?

– Có lẽ con phải bán tới khuya!

– Cuối ngày! Tới khuya!?

Như hiểu ý tôi nó nói liền:

– Dạ cuối ngày là lúc mình đem tới đại lý thanh toán. Con xin người ta tới 10 giờ đêm. Nếu hết sớm thì được về sớm. Chú mua giùm con 10 vé nghe?

– Nếu chú mua hết thì cháu về nhà với mẹ hay đi bán tiếp?

Con bé trố mắt như không tin những gì nó vừa nghe:

– Chú noái thiệt không?

– ….! – Tôi không nói gì, chờ đợi câu trả lời tiếp của nó.

– Rứa thì con sẽ về mua thuốc cho mạ trước rồi tính tiếp. Con bé nói như reo.

Tôi đưa tay đỡ tập vé số trên tay con bé, móc bóp đưa cho nó tờ 50 đô. Nó ngập ngừng một thoáng xong cầm tờ giấy bạc rồi móc cục tiền bó bằng dây thun trong túi đưa hết cho tôi và nói: "đây là tiền thối lại cho chú nè." "sao cháu chưa đếm mà đưa hết cho chú vậy?" "đó là tiền con bán 14 tấm vé số từ sáng giờ đó." Tôi đẩy tay nó, bảo giữ luôn không cần thối lại, nó không chịu; nó nhất định chỉ lấy đúngsố tiền vé số mà thôi, dù tôi có năn nỉ thêm cũng vô ích. Tôi thầm nghĩ, ở cái xã hội băng hoại, mục náttừ thượng tầng đến các anh công an đứng đường nầy sao còn có được những tâm hồn lương thiện, đoanhậu như thế! Ước gì những kẻ ăn trên ngồi trốc có được một chút liêm sỉ của con bé nầy thì đất nước mình, dân tộc mình đâu đến nỗi tang thương, khuất phục như hôm nay! Vừa cảm phục vừa thương con bé quá, muốn ôm nó vào lòng.

Vì thấy nó có vẻ ngập ngừng khi cầm tờ 50 đô nên để chắc ăn, tôi dắt nó qua tiệm vàng kế bên đổi ra tiền VN và đưa cho nó đúng con số nó muốn. Nó đếm lại lần nữa rồi ngước mắt lên nhìn tôi nhỏen miệng cười nói:

– Con đếm lại cho chắc chú không đưa hơn số tiền vé số.

Tôi cười méo vì thương tính nết ngay thẳng và hồn nhiên của con bé; tôi đưa tay xoa đầu tạm biệt con bé với nhiều lưu luyến, và cũng không quên chúc mẹ nó chóng lành bệnh.

3.

Tôi ngoắc một anh xe ôm. Hai anh cùng chạy tới hỏi tôi muốn đi đâu. Tôi nói tôi chỉ cần một anh cho tôi đi về địa chỉ nầy. Vì không biết hỏi anh nào nên tôi xòe số địa chỉ ghi trên tờ giấy ra giữa. Một anh nói 65 ngàn một chiều. Anh kia nói 45 ngàn… rồi hai anh cãi nhau, "đây chạy tới Mỹ Khê mà 45 ngàn, tính giựt khách người ta hay sao?" "Chỉ chạy tới Tịnh Khê mà đòi chặt người ta 65 ngàn!" "Anh có biết chỗ nầy gần bãi biển Mỹ Khê hay không?" "Nhưng chưa tới cầu Mỹ Khê, cũng không phải ra bãi tắm!"… Thấy hai người cãi nhau mãi mất thì giờ, tôi chọn anh bạn lấy 45 ngàn. Thật ra 65 hay 45 cũng chỉ thêm $1 USD mà thôi, đâu có bao nhiêu nhưng tôi theo anh 45 ngàn vì thấy anh ta có vẻ thật thà hơn nhiều.

Tôi leo lên xe ngồi sau gợi chuyện:

– Anh nghĩ bao lâu mình sẽ tới nơi?

– Dạ khoảng 45 phút là nhiều.

– Tôi không gấp lắm, anh chạy an toàn là tốt nhất.

– Dạ, vậy cứ đi đường chính theo Quốc lộ 24B là tốt nhất.

– Mình đi đường mới qua ngả Tam Thương phải không?

– Dạ, em sẽ chạy theo Lê Thánh Tôn, rẽ trái đường Đinh Tiên Hoàng, cũng là đường Bà Triệu, qua cầu mới, rẽ phải theo quốc lộ 24B về hướng Mỹ Khê.

– Anh cứ chạy đường nào nhanh và an toàn là được rồi.

– Mà anh tìm ai ở đó vậy?

– Một người quen.

– Em có thể biết tên không, may ra em biết?

– Anh ở vùng đó à?

– Dạ, nhà em ở gần chợ Tịnh Khê, không xa địa chỉ anh sắp tới.

– Anh biết ai tên Phạm Thị Phương Lan, một người đàn bà khoảng tuổi 30?

– Vậy thì xin lỗi, em không biết.

Anh xe ôm khoảng hơn 40 tuổi. Ăn nói lịch sự và có vẻ thành thật. Tôi cảm thấy yên tâm. Trên đường xe cộ tấp nập đủ loại. Anh vừa chạy vừa kể chuyện khi tôi hỏi để mà hỏi "anh có gia đình vợcon rồi chứ?" Có lẽ anh cũng đã biết tôi không phải là người ở đây nên "cạn mạch sầu" thao thao bất tuyệt. Anh kể chuyện anh sinh ra không có cha. Cha anh là lính Sư đoàn 2, chết trên đường chạy loạn tháng 3/1975. Vì là gia đình "ngụy quân" nên mẹ con anh bị chế độ mới ức hiếp đủ điều trong đời sốngcơ bản. Mười năm sau mẹ anh bạo bệnh mất và anh mồ côi cả cha lẫn mẹ từ đó. Anh ở với Nội được mấy năm, không làm gì được để giúp mà còn là gánh nặng cho một gia đình cũng tả tơi không kém.Sau đó anh tự bươn chãi để sống cho tới bây giờ. Ngày ngày chạy xe ôm mưu sinh, có một con trai đang học cấp một; có vợ buôn bán nhỏ ngoài chợ Tịnh Khê…

Tôi ngồi nghe anh kể chuyện với tiếng gió ào ào bên tai, nên chỉ nghe mà không góp chuyện. Trong lòng tôi đang bâng khuâng, hồi hộp nghĩ tới chuyện gặp gỡ sắp tới!

Xe chạy khoảng gần tiếng đồng hồ thì tới khu Trường Trung Học Cơ Sở Võ Bẩm nằm bên trái quốc lộ; đối diện bên kia lộ là trường Trung học Phổ Thông Sơn Mỹ. Anh tài xế nói với tôi sắp tới nơi rồi. Tôi giật mình vì khu nầy ở gần họ hàng nhà tôi. Nhìn đồng hồ thấy hơn 2 giờ chiều. Thấy vẫn còn sớm,hơn nữa tôi cũng cần thêm thời gian để ổn định tinh thần trước khi giáp mặt; tôi đề nghị ghé vào quán uống nước trước khi vào nhà. Tôi đã từng nhiều lần hồi hộp trước ngưỡng cửa sinh tử của cuộc đời, nhưng chỉ đơn thuần hồi hộp trước khi loạt đạn đầu tiên được bắn ra khỏi nòng súng. Còn sứ mệnh (mission) của tôi lần nầy coi bộ khó khăn hơn nhiều; ngoài sự hồi hộp, lòng tôi còn đầy thương cảm và bối rối. Dẫu đã có được tấm hình bỏ túi do người học trò đưa để dễ nhận diện – tấm hình chụp chung của hai người hơn hai năm trước – nhưng vẫn không hình dung được người ấy bây giờ ra sao, sẽ phản ứng ra sao trước một thực tế phũ phàng.

Ngồi uống nước độ hơn mười phút, chúng tôi chạy tới địa chỉ đã ghi. Tôi đưa tay gõ cửa một lúc lâu mới có một ông cụ ra mở cửa. Tôi hơi bỡ ngỡ:

– Thưa Bác cháu muốn hỏi thăm cô Phương Lan.

– Ồ! Cô ấy đã về ở trên thành phố tháng trước rồi. Mà anh là ai, quen biết ra sao với cô đó? – Thưa Bác, có người ở bên Mỹ nhờ cháu tìm giúp cho họ.

– Trông tướng tá chú chắc mới bên Mỹ về phải không?

– Dạ phải!

– Chờ con tui một chặp, nó về đưa chú địa chỉ của cô ấy. Khi dọn đi, cô có dặn con tui, nếu có người quen nào muốn tìm, nhất là người ở bên Mỹ, thì đưa địa chỉ cho họ.

Tôi sốt ruột quá, hỏi "bao lâu nữa con Bác mới về?" Ông cụ cười mỉm nói "chắc chặp nữa thôi, nó chạy qua trường mầm non đón con về liền, chắc không lâu nữa đâu." Nói xong mời chúng tôi vào nhà ngồi đợi. Cụ mời chúng tôi hai tách trà thơm.

Ngồi một lúc, tôi cứ thấp thỏm ngó mong. Anh tài xế biết tôi nóng ruột nên hỏi, "Anh có muốn đi một vòng trong lúc chờ đợi không, em không tính tiền thêm đâu?" "Thôi mình đợi đi anh!" Thật tình tôi cũng muốn chạy ra biển cho khuây khỏa nhưng trong lòng cứ nôn nao muốn lấy địa chỉ ngay để còn đi tìm. Thời gian cứ chậm chạp, chậm chạp!

Hơn 20 phút mới thấy một thiếu phụ dắt cháu nhỏ vào nhà. Bỡ ngỡ nhìn chúng tôi. Ông cụ nói liền, "Người ở Mỹ về muốn tìm chị Lan, Ba nói họ chờ con về đưa họ địa chỉ." Thiếu phụ quay qua hỏi tôi:

– Chắc ông là người muốn tìm chị Lan?

– Tôi tên Phong, ở Mỹ về, tìm giúp cho một người khác.

– Sao người đó không tự về tìm lấy?

– Có, nhưng không nói được!

Tôi chỉ chiếc bình sành trên tay. Thiếu phụ có vẻ tái mặt, lúng túng, lẳng lặng đi vào trong một lúc đem ra một tờ giấy có ghi địa chỉ đưa cho tôi.

– Xin chia buồn với ông. Có lẽ ba tôi đã cho ông biết chị Lan dọn về thành phố tháng rồi. Chị Lan ốm yếu không biết có chịu nổi sự đau buồn nầy không. Chúc ông may mắn.

Tôi cám ơn cô ta và nói lời từ giã với hai cha con. Hỏi anh xe ôm có muốn đưa tôi trở lại thành phố tìm tới địa chỉ nầy không. Anh trả lời là rất vui lòng và cũng sẽ lấy thêm 45 ngàn nữa thôi. Tôi nói không thành vấn đề, chỉ mong làm cho xong trách nhiệm hôm nay cho nhẹ mình.

4.

Về lại thành phố hơn 4 giờ chiều. Địa chỉ ở trong hẻm Ngô Quyền với hai cái xẹt (sur), khu chợ Quảng Ngãi, rất khó tìm. Anh xe ôm vừa chạy vừa hỏi thăm, cuối cùng cũng tới được. Địa chỉ là một căn nhà nhỏ trông gọn gàng, sạch sẽ. Tôi lại hồi hộp đưa tay gõ cửa, nghe tiếng trả lời của một cụ bà người Huế; rồi cửa xịch mở. Một bà cụ trông gầy gò ốm yếu, lưng lại còng, ngó tôi từ đầu tới chân:

– Cậu muốn tìm ai?

– Thưa Bác có phải cô Phương Lan ở đây không ạ?

– Cậu là ai mà biết tên con gái tui?

– Thưa Bác có người bên Mỹ nhờ cháu tìm giúp.

– Phải thằng Huệ nhờ cậu không?

– Dạ phải.

– Mời cậu vào nhà nói chuyện.

– Vâng cho cháu trả tiền xe cho họ về đã.

– Nếu anh muốn em ở quanh đây chờ anh cũng được. – Anh tài xế vội nói.

– Cám ơn anh, đây về khách sạn không xa lắm, hơn nữa không biết phải bao nhiêu lâu mới xong. Khi xong việc tôi sẽ gọi xe khác chắc không khó lắm đâu.

– Theo em thấy anh có thể đi bộ tới khách sạn cũng được.

Tôi đưa cho anh ta 200 ngàn VND mới đổi ở tiệm vàng hồi trưa. Anh ta gãi đầu lúng túng:

– Em tên Minh, mỗi ngày em đều loanh quanh trước khách sạn Trung Tâm và bến xe Quảng Ngãi. Anh cần đi đâu em sẽ hướng dẫn anh không sợ bị người ta lường gạt.

– Vâng, nếu cần tôi sẽ tìm anh.

Nhìn anh tài xế đi khuất, tôi theo bà cụ vào nhà. Căn phòng nhỏ trông rất tươm tất, vắn khéo nhưng có vẻ đạm bạc. Bà cụ mời tôi ngồi vào chiếc ghế duy nhất bên cạnh chiếc bàn con kê sát tường; tôi ý tứ đặt hũ tro cốt xuống chiếc bàn. Từ trưa đến giờ tôi ôm cứng trên tay, chỉ để xuống được 15 phút ở quán nước dưới Tịnh Khê. Bà cụ vén tấm màn ngăn làm phòng ngủ và ngồi trên cạnh giường.

– Mạ con hắn vừa ra chợ chắc cũng sắp về. Cậu ngồi đợi được chớ? Để tui lấy nước mời cậu.

– Dạ thưa Bác không cần đâu ạ, cháu vừa uống nước rồi.

Nói là nói vậy chứ tôi cũng đã khát nước, chỉ vì thấy nhà đơn chiếc quá và bà cụ cũng gầy gò trông tội nghiệp.

– Cậu mới về hay về lâu rồi? Hiện ở mô?

– Thưa Bác, cháu tên Phong, từ Saigon về Đà Nẵng xế trưa hôm qua, vậy mà mãi tới khuya xe mới về tới khách sạn Trung Tâm trên đường Lê Thánh Tôn gần đây.

– Dường như cậu ở bên Mỹ về?

– Sao Bác biết?

– Thì trông bộ dạng của cậu và nghe cậu nói thằng Huệ bên Mỹ nhờ cậu ra đây tìm em Lan.

– Dạ vâng ạ! Để Phương Lan về cháu sẽ kể hết đầu đuôi luôn ạ.

Tôi sốt ruột quá, đứng lên ngó mong ra cửa. Bà cụ nhận là mẹ của Phương Lan nhưng sao không nghe Huệ nhắc tới khi còn sống.

– Thưa Bác cho cháu để cái bình ở đây, cháu ra hẻm mua bao thuốc lá về liền.

– Được được, cậu cứ để đó tôi coai cho, không mất đi mô mà lo.

Tôi lang thang ra đầu hẻm, ngồi ngay quán cóc đầu con hẻm để ngó chừng; gọi ly cà phê đá và mua gói thuốc lá của một bà bán bên cạnh, phì phà chờ đợi. Tôi nghĩ ngồi ở đây, nếu mẹ con cô ấy về nhà nhất định phải đi qua con hẻm nầy, nên yên tâm ngồi chờ. Thế mà tôi đã hút hết hai điếu thuốc, uống hết ly cà phê mà vẫn không thấy tăm dạng của một cô gái khoảng 30 tuổi đi với đứa con nhỏ nào cả. Sựchờ đợi thật vô cùng khó chịu, thấy thời gian đi chậm như rùa. Tôi nghĩ tôi phải vô nhà kẻo bà cụtrông.

Tính đưa tay gõ cửa thì cửa xịch mở. Một thiếu phụ với suối tóc đen mượt, dài chấm lưng, gương mặt thanh tú, khả ái nhưng trông võ vàng, tiều tụy. Đôi mắt đỏ ngầu, dường như vừa mới khóc. Tôi lúng túng hẳn. Nàng cũng chưa kịp nói gì thì một con bé phía sau lưng vượt lên trước:

– Ủa chào chú!

Tôi kinh ngạc thấy con bé bán vé số khi trưa.

– Mạ ơi, đúng là chú ni là người mua hết vé số của con khi trưa mà con noái với mạ đó! – Con bé quay sang nói với mẹ nó.

– Chào anh. Anh Phong phải không? Tôi là Phương Lan, mẹ của cháu Lan Huệ! – Giọng nàng sũng nước mắt.

– ….

– Mời anh vào nhà đã.

– Con qua quán dì Tám mua cho mạ mấy chai nước ngọt; nhớ lấy ít nước đá.

– Dạ mạ!

– Không cần đi đâu cháu. -Tôi giữ vai ngăn con bé lại.

– Anh để cháu đi, nhà chẳng có gì.

Thấy không tiện ngăn cản thêm, tôi đành buông tay, theo nàng bước vào nhà. Thấy bà cụ vẫn ngồi trên giường mặt buồn dàu dàu, tôi gật đầu chào, nói với cụ cũng như nói với Phương Lan:

– Xin lỗi Bác, cháu đợi lâu sốt ruột quá nên ra ngoài đầu hẻm uống nước. Tưởng đâu Phương Lan về đường đó mà không thấy nên ngồi hơi lâu.

– Tôi tưởng cậu đi luôn rồi chớ!

– Dạ đâu có! Cháu về đây chỉ có một việc nầy thôi mà!

– Cậu ngồi xuống đi rồi nói chuyện.

Phương Lan đẩy chiếc ghế về phía tôi và ngồi chiếc đối diện. Chắc có lẽ chiếc ghế để trong bếp mới được mang ra. Tôi chưa biết mở lời cách nào thì nàng nói tiếp:

– Mạ con em đi đường trong nên anh không thấy là phải. Khi vô tới nhà, thấy trên bàn có cái bình sành nầy, bé Lan Huệ nói liền "sao giống cái bình của chú mua vé số của con khi trưa quá!"

– …

– Con bé về lúc trưa, khoe với em, "có một cái chú chắc ở đâu mới tới; tụi thằng Tèo, thằng Dũng bị chú từ chối mà chú lại mua của con, còn mua hết nữa chứ!" Rồi nó khoe là "chú nớ cố cho tiền con mà con nhớ lời dặn của mạ nên nhất định không lấy."

– Vâng, sự thực là vậy! Phương Lan dạy con hay quá! Chính vì sự thông minh và thực thà của nó mà tôi đã "phải lòng nó".

– Cám ơn anh, tuy gia đình em nghèo nhưng lúc mô em cũng nhắc con "nghèo cho sạch, rách cho thơm". Em đâu có muốn bắt con đi bán vé số, chỉ vì thời gian gần đây em bệnh triền miên không làm ăn chi được hết. Ba thế hệ tùy thuộc vào em mà sức em tàn, lực em kiệt! Cả tuần nay lại nằm liệt một chỗ, ăn uống khó khăn. Con bé thương mẹ, nhất định đòi cho nó đi bán vé số tạm thời. Cũng may, cháu được nhiều người thương, nhưng không vì vậy mà em để con phải khổ lâu. Chỉ vì đang mùa hè cháu nghỉ ở nhà không việc chi làm và chưa biết làm răng để thoát ra khỏi hoàn cảnh tối tăm ni. Khi trưa nó về lại mang theo một chị y tá chích dạo… cách đây vài tiếng đồng hồ, em mới ngồi dậy nỗi, rán cùng đi với cháu ra nhà thuốc tây mua thuốc theo lời dặn của cô y tá; cũng là cách cho đỡ quẩn trí, cuồng chân.

Nàng thao thao như để che giấu cảm xúc; như để cho tôi có thêm bình tĩnh. Ngồi nghe nàng nói mà lòng tôi xót xa, bối rối, vẫn chưa dám mở lời.

Cánh cửa xịch mở, con bé đã về cầm theo mấy lon nước ngọt và một cục nước đá nhỏ. Tôi nhìn con bé với tất cả trìu mến. Nó đi thẳng vào bếp, nghe tiếng nước chảy, tiếng chặt đá và tiếng ly tách lịch kịch. Tôi ngó vẩn vơ chung quanh phòng. Bà cụ vẫn ngồi yên kiên nhẫn nhai trầu. Tôi nhìn qua khung cửa sổ. Bên ngoài bóng chiều đã xuống thấp, tiếng rao hàng cũng thưa thớt dần. Tôi đưa mắt nhìn nàngnhưng không đủ can đảm nhìn lâu. Con bé đem cho bà một ly nước trước khi đặt hai ly trên bàn chúng tôi ngồi, xong tới ngồi bên cạnh giường gần bà ngó tôi… Tôi bảo con bé "chú không uống nước ngọt được, uống vào là sưng cuống họng, ho liền trong vòng 30 phút. Cháu cho chú tách nước lạnh rất tốt. Con bé ngó mẹ nó, thấy Phương Lan gật đầu, nó lại chạy xuống bếp đem lên cho tôi một ly đá lạnh.Tôi đưa ly nước ngọt cho nó, nó ngần ngừ nhìn mẹ và mẹ nó gật đầu ra dấu đồng ý.

Bỗng nhiên, nàng nhìn thẳng vào mắt tôi:

– Có phải anh mang cho chúng tôi một tin rất xấu không?

Tim tôi như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực; miệng tôi chát đắng, ấp úng không nói nên lời!

– Có phải đây là hũ tro cốt của Huệ?

– …!

Tôi nghẹn lời chưa kịp trả lời. Người thiếu phụ đang ngồi trước mặt tôi quá sức thông minh và thẳng thắn. Tôi bối rối nhìn bà cụ rồi nhìn con bé. Không gian vô cùng tĩnh mịch, thỉnh thoảng nghe tiếng rao hàng của những người bán rong đi ngang trước cửa. Lòng tôi chùng xuống, nghe nhịp tim đậpbồi hồi. Mọi người như rất chú tâm để nghe tôi xác nhận. Phương Lan vừa khóc vừa nói:

– Em đã sẵn sàng nghe anh xác nhận. Cả tháng ni em đã linh tính có điều bất thường, mặc dù đã hơn hai năm rồi không nghe tin tức chi của Huệ. Dù vậy, em vẫn nhất quyết không tin Huệ quên bỏ mạcon em.

– Vâng, Huệ không bao giờ quên bỏ mẹ con Phương Lan. Có quá nhiều đau thương đã xảy ra cho Huệ, nhưng nó nhất định không nói với ai, kể cả tôi. Tôi là thầy dạy võ của Huệ. Huệ đã đến học với tôi gần bốn năm. Tính Huệ hiền hòa ít nói nhưng siêng năng và vô cùng lễ phép. Những ngày lễ tết, Huệ thường đến nhà thăm và tặng quà cáp, đôi khi đi với Mẹ. Nhìn cách đối đáp với mẹ nó, tôi biếtHuệ là một người con chí hiếu. Dần dà tôi coi nó như một người thân và không lấy tiền học phí của nó nữa. Mỗi lần có tiệc vui trong gia đình đều có nó tham dự, vài lần đi chung với Mẹ nó. Dù vậy, khi tôi hỏi chuyện gia đình vợ con thì nó chỉ cười buồn mà không nói. Tôi biết Huệ chắc có điều gì khó nóinên tôi tôn trọng sự riêng tư không hề hỏi nữa. Mỗi lần đến tập xong rồi về. Lâu lâu tôi không thấy tới thì tôi gọi hỏi thăm. Rồi Huệ lại bất chợt xuất hiện, vẫn tập tành siêng năng, kỷ luật như thường.

Tôi ngưng lại, bưng ly uống một ngụm nước. Nước đá lạnh như làm cho tôi bình thản trở lại. Tôi thong thả đặt ly xuống bàn, hắng giọng tiếp:

– Cách đây khoảng hai năm, buổi chiều, lúc tôi đang dạy lớp thì nghe điện thoại của Huệ. Tôi bắt điện thoại để nghe tiếng nấc của Huệ, "Thầy ơi! Mẹ em mất rồi!" Tôi sửng sốt hỏi "Mẹ đau bệnh gì vậy?" "Dạ, Mẹ em bị ung thư buồng trứng!" "Mới phát giác hay lâu rồi?" "Dạ chữa trị cả năm rồi Thầy ạ!" "Mẹ đang được quàn ở đâu?" "Dạ nhà quàn Vĩnh Phước." "Có người thân nào ở đó với em không?" "Kính Thầy em là người duy nhất, em không có thân nhân, chỉ có hai mẹ con thôi!" Thế là tôi giao lớp cho học trò lớn, lái xe xuống ngay với Huệ vì tôi nghĩ Huệ đang cần tôi.

Phương Lan nấc nhẹ, nước mắt đầm đìa. Con bé lấy khăn tay đưa cho mẹ nó. Tôi cũng nghẹn ngào, khó khăn nói tiếp:

– Sau khi tang lễ hoàn tất, Huệ càng lúc càng vắng mặt ở trường. Tôi nghĩ có lẽ Huệ vì quá đau buồn nên hết muốn tập luyện. Lâu lâu không thấy thì tôi lại gọi hỏi thăm an ủi. Có lần tôi đề nghị "hay là em về ở chung với Thầy", Huệ nói nó không muốn bán căn nhà kỷ niệm của mẹ nó. Những khi tôi thắc mắc về sự tập tành không đều đặn của Huệ nó đều nói "thầy đừng lo nhiều cho em, khi nào khỏe em sẽ đi tập." Dù trong đầu tôi nghĩ "bây giờ chỉ có một thân một mình mà sao không khỏe?" nhưngtôi không nói ra điều đó. Bẵng đi một thời gian khá lâu tôi không nghe thấy gì ở Huệ nữa, tôi định tạo bất ngờ cho Huệ bằng cách ghé ngang nhà không báo trước. Tôi bàn với nhà tôi nhưng nhà tôi không bằng lòng. Nhà tôi nói "mình là người lớn, là cương vị thầy nữa, không nên làm như vậy dù thật lòng thương mến. Mỗi người có một cuộc sống riêng tư, đừng đặt người khác trước những ngỡ ngàng đáng ân hận…" Thế là tôi chỉ còn biết thương nhớ và đầy thắc mắc.

Tôi ngưng lại uống nước. Mọi người vẫn kiên nhẫn ngồi chờ. Tôi cố ngậm hớp nước lạnh thật lâu để dằn cơn xúc động trước khi nói tiếp:

– Cách đây hai tháng, Huệ gọi nói muốn gặp tôi gấp, có việc vô cùng hệ trọng cần nhờ. Tiếng nói nghe rất yếu ớt. Địa chỉ là nhà thương MD Anderson, khu Medical Center gần trung tâm phố Houston. Lòng tôi nghi nghi ngại ngại. MD Anderson là trung tâm ung bứu nổi tiếng thế giới cũng là nơi làmviệc của nhà tôi gần 20 năm qua. Buông điện thoại xong là tôi lái xe đi ngay. Vào đến nơi mới biết Huệđang nằm điều trị tại khu chăm sóc đặc biệt (intensive care unit). Trông Huệ tiều tụy quá mức làm tôi rất ngỡ ngàng. Hình ảnh chú học trò văn vẻ, mạnh khỏe, đẹp trai chỉ còn lại vài đường nét lu mờ trên người bệnh. Huệ bị ung thư ruột già thời kỳ chót; đã kinh qua hóa trị rồi xạ trị nhưng không thoát. Tôi bốc điện thoại gọi nhà tôi nhờ hỏi thăm vị Bác sĩ chuyên môn xem lại hồ sơ. Hóa ra, vị Bác sĩ chuyên môn nầy lại là cấp trên của nhà tôi và cũng là Bác sĩ đang chăm sóc cho Huệ. Ông ta nói với tôi rằng khi Huệ nhập viện thì đã quá trễ! Ông đã cố gắng hết sức nhưng không cứu được. Vì Huệ không cóthân nhân nên họ đang làm thủ tục chuyển Huệ qua hospice- nơi chăm sóc cho những bệnh nhân khôngcòn phương án trị liệu. Nói cách khác là nằm chờ chết!

Tôi phải dừng lại vì Phương Lan khóc nức nở thành tiếng. Nàng lẩm bẩm, "Huệ ơi! Thế mà em đã trách oan cho anh rồi!" Đột nhiên nàng tuột xuống khỏi ghế ngồi; tôi nhanh tay chụp được tay nàng giữ lại để khỏi va đầu vào bàn; đứng phắt dậy đỡ lưng nàng trước khi đụng đất. Con bé khóc thét lên gọi mẹ ơi mẹ hỡi. Bà cụ cũng vội vàng chạy xáp tới. Tôi vội vã bế xốc nàng đặt ngay ngắn trên giường, khuyên bà cụ và con bé bình tĩnh… Tôi dùng hai đầu ngón trỏ xoa bóp liên tục vào hai đại huyệt Nhĩ Môn và Thái Dương hai bên mặt nàng được một lúc thì nàng tỉnh dậy. Bà cụ lấy chai dầu xanh dưới gối xức vào hai bên thái dương cho nàng. Nàng tiếp tục khóc rấm rứt:

– Em xin lỗi, anh kể tiếp đi.

– Phương Lan tịnh dưỡng chút đi rồi tôi sẽ kể tiếp.

Bóng tối đã chiếm gần trọn căn phòng. Bà cụ bảo con bé thắp đèn lên. Con bé đứng dậy bưng chiếc đèn dầu ở góc phòng, quẹt diêm đốt. Ánh sáng lù mù trông căn phòng nghiêng ngả, thê lương hơn. Tôi bỗng sực nhớ từ sáng tới giờ chưa ăn gì. Tôi đề nghị đưa cả nhà đi ăn nhưng tất cả 3 người đồng loạt từ chối. Tôi nghĩ ngay ra một phương cách:

– Thưa Bác và cô Phương Lan, cả ngày nay bận rộn nên tôi chưa có gì trong bụng, nếu không ăn tối tôi sẽ không đủ sức nói chuyện thêm!

– Rất tiếc nhà em cũng chẳng có gì để mời anh. Phương Lan gượng ngồi dậy, con bé đỡ lưng mẹ nó.

– Thế thì thường ngày 3 người ăn uống ra sao?

– Dạ ăn cho qua ngày anh à. Lúc em không bệnh thì buôn bán vặt vãnh ngoài chợ mỗi ngày. Hai năm trước, em nhận được 10 ngàn đô la của Huệ gửi cho, kèm theo bức thư nói rằng "em cố gắng dùng

số tiền nầy buôn bán đỡ đần trong thời gian tới chờ anh làm thủ tục giấy tờ bão lãnh.” Thế rồi bặt tin luôn. Em có gửi thư và gọi điện thoại nhiều lần nhưng không thấy hồi âm. Em cay đắng nghĩ rằng, Huệ đã thí cho mạ con em 10 ngàn để rồi trốn biệt! Em cố nghĩ tốt cho Huệ nhưng càng ngày em càng thấy suy nghĩ Huệ đã bỏ mạ con em đúng hơn tất cả những lý do em bào chữa khác.

Kể tới đây lại khóc òa. Con bé lấy khăn ướt lau mặt cho mẹ nó. Được một lúc, nàng trấn tỉnh lại nói tiếp:

– Anh biết không, “tiền vào nhà khó như gió vào nhà trống”. buôn bán nhỏ để nuôi ba miệng ăn nên càng ngày vốn càng hao hụt. Vì thế, tháng trước khi con em nghỉ hè, em quyết định dọn về thành phố để xoay xở may ra khá hơn; ai ngờ lòng người lừa lọc, họ nhẫn tâm giựt mất lẽ sống của ba người chúng em khi em nộp tiền sang một cái sạp bán trái cây ngoài chợ Quảng Ngãi. Tuần sau em tới nhận sạp thì mới biết đó là trò lường gạt. Không tìm được thủ phạm, lại tiếc tiền và lo sợ không biết gia đìnhsẽ sinh sống ra sao nên kiệt sức quỵ dần, nằm liệt giường cả tuần nay. Đó là lý do em đành lòng để LanHuệ đi bán vé số tạm thời.

– Phương Lan nghỉ chút đi, đừng nói nữa. Bây giờ phải giải quyết buổi ăn tối trước đã. Chuyện đâu còn có đó. Thế nào cũng có con đường sáng cho Cụ và hai mẹ con Phương Lan. Tin tôi đi!

– Rứa thì anh tính răng em xin nghe theo. Nhưng người em yếu quá, em không thể ra ngoài được.

Tôi chưa biết nói sao, bà cụ đỡ lời:

– Huệ, mi chạy ra quán chú Tư nói chú cho người mang cho mình 4 phần cơm đặc biệt để đãi khách rồi mạ mi thanh toán sau.

– Cô với Bác nghỉ chút đi, cháu đi cùng với Lan Huệ.

Con bé ngó mẹ nó, thấy mẹ nó gật đầu:

– Con dẫn đường bác Phong đi đi.

Tôi nắm tay con bé, muốn truyền tất cả sự thương yêu của Ba nó qua trái tim ướt sũng của tôi. Với số tuổi nầy ở bên Mỹ sung sướng biết bao nhiêu, trong khi con bé nầy phải ngày ngày lê gót đi khắp phố phường bán vé số lo thuốc cho mẹ! Còn đau đớn nào bằng! Tôi trìu mến hỏi nó:

– Lan Huệ, cháu bao nhiêu tuổi rồi?

– Dạ con 7 tuổi!

– Cháu học lớp mấy?

– Con vừa xong lớp một ở dưới Tịnh khê. Đầu mùa hè mạ con dọn về đây; khai trường con sẽ ghi danh lớp hai.

– Nếu có Ông Tiên cho cháu một mơ ước bây giờ, cháu sẽ mơ ước điều gì?

– Ước cho mạ con khỏe mạnh và con có cha như lũ bạn trong lớp. Nó nói liền không cần suy nghĩ.

– Đã nói là chỉ có một thôi mà!

Nó cúi gằm xuống, bước đi theo tay kéo của tôi. Không biết nó tính toán cái gì trong cái đầu bé tí đó. Được một lát nó ngước lên nói:

– Ba con chết rồi, rứa cho con xin mạ khỏe mạnh như xưa.

Con bé nầy vừa thông minh vừa chí hiếu giống như ba mẹ nó. Tôi cũng chợt đau lòng thay cho nó. Nếu có điều kiện học hành đàng hoàng, chắc chắn nó sẽ nên người hữu dụng mai sau. Tôi tự nhủ thầm “chắc chắn cháu sẽ có tương lai tốt đẹp thôi”

Chúng tôi bước vào một tiệm ăn nhỏ xíu bên ngoài con hẻm. Con bé nhìn tôi, tôi nhìn nó:

– Bà và Mẹ cháu muốn ăn món gì?

– Khi nảy Bà nói mua 4 phần cơm đặc biệt đãi khách.

– Cháu muốn ăn gì khác không?

– Hủ tíu mì! Nhưng chỗ ni chỉ bán cơm thôi.

– Ở đâu bán hủ tíu mì?

– Ngoài đường lớn mới có.

– Xa không?

– Một con hẻm nữa là tới đường Ngô Quyền sẽ thấy tiệm liền hà!

– Rồi, chú cháu mình đi.

– Không được mô chú. Không mua cơm về nhà sẽ bị Bà và Mạ la chết.

– Chú chịu trách nhiệm cho. Hơn nữa mẹ cháu không được khỏe làm sao nuốt cơm cho trôi; Bà cũng già rồi, cơm khó nuốt lắm.

– Vậy thì về nhà chú nói là tại chú muốn ăn hủ tíu mì đó nghe.

– Được rồi, chú hứa.

Tôi đưa ngón tay ngoéo ngón tay bé tí của nó. Nhìn mặt cười rạng rỡ của nó tôi càng thương hơn. Tôi bỗng ước ao nó làm con, làm cháu gì của tôi cũng được, tôi sẽ lo lắng, thương yêu nó hết lòng để bù trừ những bất hạnh trong mấy năm qua.

Về đến nhà với 4 tô hủ tíu mì đựng trong hai cái gà-mèn, tôi nói liền:

– Tôi mua hủ tíu mì cho Bác và Phương Lan dễ ăn nha.

Nói xong kín đáo nhìn con bé nháy mắt, nó mỉm cười quay đi đồng lõa. Bà cụ và Phương Lan rán ăn một ít rồi ngừng. Riêng con bé ăn một cách ngon lành làm tôi muốn chảy nước mắt. Có lẽ lâu lắmnó chưa được ăn món ăn xa xỉ nầy.

Sau bữa ăn ngắn, thấy không tiện ở lâu, tôi đề nghị ngày mai tôi trở lại sớm để nói cho hết câu chuyện. Phương Lan dụ dự nhưng đồng ý. Có lẽ bất đắc dĩ chứ có cách nào hơn.

– Cháu xin chào Bác và mẹ con Phương Lan. Sáng mai mấy giờ tiện cho tôi trở lại?

– Giờ nào anh ngủ dậy thì tới cũng được ạ. Anh đang ở khách sạn nào?

– Khách sạn Trung Tâm trên đường Lê Lợi.

– Chỗ nớ cách đây không xa lắm.

– Nếu biết trước tôi đâu mất nửa ngày đi tìm!

Chợt để ý thấy hũ tro cốt của Huệ đã được đặt lên bàn thờ có nén hương đang cháy.

– Thưa Bác và cô Phương Lan, trước khi ra về, tôi muốn được thắp nhang cảm tạ trời đất và tạm an vị tro cốt của em Huệ.

– Cám ơn anh đã chu đáo!

Phương Lan vừa âm thầm khóc vừa bước tới trước bàn thờ, lấy một nén nhang run run đốt. Tôi nghĩ có lẽ nàng sẽ khóc suốt đêm nay. Tôi không biết an ủi cách nào, đành lặng lẽ cầm nén nhang từ tay nàng trao, đứng trước bàn khấn vái lớn cho mọi người cùng nghe.

– Huệ ơi! Cuối cùng thì em cũng đã về bên vợ con như ý nguyện. Thầy cảm tạ hương linh em đã giúp Thầy vượt qua nhiều thử thách để chu toàn lời hứa với em. Dĩ nhiên công việc chưa xong, hy vọng trong vài ngày nữa sẽ được. Em an nghỉ và ở bên vợ con phù trợ cho họ vượt qua tất cả nghịch cảnh do ông trời thử thách, sớm cho họ được bình an từ tinh thần đến vật chất. Thầy cũng đã hứa với em, Thầy sẽ để tâm tới bé Lan Huệ từ hôm nay. Bây giờ kể như đã xong phần quan trọng nhất, những việc khác chắc không có gì để lo. Ngày mai, Thầy sẽ trở lại đây để lo cho xong trách nhiệm em giao phó. Tạm biệt Huệ.

Tôi cắm nhang xong quay lại đã thấy Phương Lan mắt lệ đầm đìa, dang tay ôm chặt tôi, gục đầu trên vai khóc nức nở:

– Mạ con em đội ơn anh. Còn nhiều điều em nôn nóng muốn biết nhưng không còn thắp thỏm như mấy năm qua nữa. Huệ đã về với mạ con em dù chỉ là di cốt nhưng trong thâm tâm em cũng đã thấy mãn nguyện lắm rồi. Vô vàn cám tạ tấm chân tình anh đã dành cho chúng em, và đặc biệt cho mạ con em. Hẹn gặp anh sáng mai và chúc anh ngủ ngon đêm nay.

Tôi nghĩ phải có niềm cảm xúc sâu sắc lắm mới khiến một người con gái Việt Nam biểu lộ cử chỉ thân mật như vậy. Tôi quá bất ngờ nên đâm ra lúng túng, một tay buông thõng, một tay ngại ngùng đập nhẹ trên chiếc vai gầy run rẩy, thổn thức để nói lời an ủi. Nàng cố dằn cơn xúc động, buông tay, ngả nghiêng bước tới giường nằm vật xuống gối khóc vùi. Con bé giờ nầy cũng khóc theo mẹ và bà Cụ cứ lấy tay áo quẹt nước mắt. Tôi bối rối chôn chân tại chỗ. Tình cảnh rất khó lòng, đi không nỡ ở không được! Không quay mặt lại, Phương Lan nói trong nước mắt nhưng dứt khoát, “Anh đi về kẻo muộn, mai chúng em gặp lại anh.” Tạm biệt!

Tôi bước qua khuôn cửa, thuận tay khép lại, nghe nặng bước chân, tâm hồn chùng xuống thật thấp với tấm lòng đầy trắc ẩn và âu lo lẫn xót thương. Một gia đình nhỏ với 3 thế hệ toàn là đàn bà đứng trước một nghịch cảnh đớn đau. Tôi thấy mình bất lực quá trước đau thương to tát của 3 người đàn bà đáng thương nầy. ■

Hết phần Một

Yên Sơn

Back to Menu

LIÊU TRAI CHÍ DỊ:
CHUYỆN ĐỜI THƯỜNG TRONG CÕI MỘNG

(Kiến thức ngày nay số 673 ngày 20/ 4/2009)

Nguyễn Cẩm Xuyên

Truyện truyền kì trong dân gian xưa nay không hiếm; truyện mặc dù không thực nhưng sức hấp dẫn lại lớn nên vẫn hay được người đời sưu tập. Văn học cổ điển nước ta có nhiều tác phẩm như thế: *Lĩnh Nam chích quái* của Trần Thế Pháp, *Việt điện u linh tập* của Lý Tế Xuyên, *Truyền kì mạn lục* của Nguyễn Dữ… Riêng ở Trung Quốc: truyện truyền kì ma quái cũng nhiều, trong đó một tác phẩm vừa hấp dẫn người xem bởi nhiều tình tiết, vừa kì dị lại vừa phản ánh cuộc sống thực của xã hội Trung Hoa lúc bấy giờ là ***Liêu Trai chí dị***. Tác phẩm lúc mới hoàn thành gồm 8 quyển, có cả thảy 491 truyện, ước hơn 40 vạn chữ, sáng tác vào đầu đời nhà Thanh, được đánh giá là đỉnh cao của tiểu thuyết văn ngôn thời cổ đại. Truyện tập hợp các câu chuyện dân gian, phảng phất giống các truyện quái dị đời Lục triều, các truyện truyền kỳ đời Đường nhưng vẫn có một tính cách riêng khá độc đáo. Tác giả *Liêu Trai chí dị* là **Bồ Tùng Linh (**1640-1715), người tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc, tự là *Lưu Tiên* (留仙) lại có tự là *KiếmThần* (剑臣), biệt hiệu : *Liễu Tuyền cư sĩ* (柳泉居士), tự xưng là *Di Sử thị* (异史氏), người đời vẫngọi là *Liêu Trai tiên sinh* (聊斋先生). Bồ Tùng Linh là thầy giáo nghèo ở làng quê, học giỏi, 18 tuổi đãđỗ đầu huyện, phủ, tỉnh trong khoa thi *Đồng tử*, được bổ *Bác sĩ đệ tử viên* [(1)] nhưng sau đó thi mãi không đỗ đạt gì, đến năm 71 tuổi mới đỗ *Cống sinh* và chỉ 4 năm sau thì mất.

Sau khi Bồ Tùng Linh mất, vì nhà nghèo, *Liêu Trai chí dị* vẫn không thể ấn hành; mãi hơn 50 năm sau (năm *Càn Long* thứ 31; 1766) mới được khắc in và chỉ sau một thời gian, các bản dịch *Liêu Trai chí dị* đã xuất hiện ở hơn 20 nước. Đến nay tác phẩm được chuyển thể sang các loại nghệ thuật khác như: hí kịch, điện ảnh, phim truyền hình…Riêng ở ta, từ năm 1901 trên báo *Nông Cổ Mín Đàm, Liêu Trai chí dị* đã được dịch và đăng nhiều kì, sau đó các dịch giả như Đào Trinh Nhất, Tản Đà, Nguyễn Huệ Chi, Cao Xuân Huy, Nguyễn Văn Huyền, Hiếu Chân Nguyễn Hoạt, Vọng Chi NguyễnChí Viễn, Phạm Tú Châu, Đỗ Ngọc Toại, Nguyễn Đức Lân, Trần Thị Băng Thanh ... dịch lại, in thành sách.

Ngoài *Liêu trai chí dị*, Bồ Tùng Linh còn là tác giả của nhiều thơ, tiểu thuyết và truyện ngắn. Về tiểu thuyết, có *Liêu Trai văn tập* gồm 12 quyển. Về thơ có *Liêu Trai thi tập* gồm 6 quyển với hơn 1000 bài thơ, 170 bài từ, 14 vở ca khúc dân gian và 3 vở tạp kịch.

Xã hội phong kiến thời Mãn Thanh cũng như bao đời vua chúa đầy rẫy những tệ nạn, những thói tục vô lí, đầy rẫy những tên dốt nát, gian ác nhưng lại đỗ đạt và được cất nhắc làm quan khiến Bồ Tùng Linh chán nản. Thực tế cuộc sống ấy được tác giả cách điệu thành những câu chuyện ma quái, đưa *vào Liêu Trai chí dị*.

Đọc truyện, một người bạn đồng hương là Vương Sĩ Trinh [(2)] đã cảm khái viết *đề thi*:

Phiên âm:

Cô vọng ngôn chi, cô thính chi,
Đậu bằng qua giá, vũ như ti.
Liệu ưng yểm tác nhân gian ngữ,
Ái thính thu phần quỷ xướng thi. (3)

Bài thơ đề rất hay khiến hơn trăm năm nay ở ta đã có cả chục bản dịch quốc ngữ của nhiều dịch giả khác nhau, trong đó có lẽ bản dịch của Tản Đà là hay nhất:

Nói láo mà chơi, nghe láo chơi; (4)
Giàn dưa lún phún hạt mưa rơi.
Chuyện đời hắn chán không buồn nhắc,
Thơ thẩn nghe ma đọc mấy lời.

Bồ Tùng Linh họa lại:

"Chí dị" thư thành, cộng tiếu chi,
Bố bào tiêu sác, mấn như ty.
Thập niên phá đắc Hoàng-châu ý, (5)
Lãnh vũ, hàn đăng, dạ thoại thi

Dịch thơ:

"Chí dị" làm xong, cất tiếng cười,
Tóc mai trắng nõn, áo bào tơi.
Mười năm mới hiểu lời Tô tử.
Mưa lạnh, đèn tàn, kể láo chơi !

Cả hai bài thơ khái quát một thái độ, một hướng sáng tác. Dù rằng *" nói láo mà chơi, nghe láo chơi"* nhưng cả tập, mấy trăm truyện *Liêu Trai chí dị* lại không phải là như thế, mà lại mang một dụng ý nghiêm túc: phản ánh cuộc sống thực để răn đời. Nhân vật chính diện trong truyện có nhân cách đáng trọng; họ là những con người luôn nêu cao gương nhân nghĩa, trinh tiết…. có khi họ là kẻ hiền lương bị chà đạp, đày ải, có khi lại là người đã trải qua những cuộc đấu tranh cam go với thế tục, bọn tham quan ô lại, bọn du thủ du thực, những tên bạc ác bất nhân…: Nhân vật *Thành Danh* trong truyện *Dế chọi (Xúc chức), Phùng Tương Như* trong truyện *Hồng Ngọc, Tịch Phương Bình* trong truyện *Tịch Phương Bình, Hình Vân Phi* trong truyện *Thạch Thanh Hư*… khốn đốn với cả một xã hội từ triều đình trung ương đến quan lại địa phương vì thú vui riêng, vì tư lợi, cấu kết với nhau bức hại người dân. Xã hội không còn công lí, không còn chính nghĩa. Lời của *Nhị Lang thần* buộc tội *Diêm vương* : *"Ánh sáng đồng tiền bao trùm mặt đất..., hơi đồng tanh tưởi ngất trời làm cho trong thành không ngày nào không có những vụ chết oan…"* là của Bồ Tùng Linh tả cảnh dưới âm ti nhưng kì thực là để tả thảm trạng trầngian.

Bên cạnh mặt trái của xã hội, *Liêu Trai chí dị* miêu tả sống động một nước Trung Hoa xưa với những nét truyền thống quý báu qua mấy ngàn năm văn hóa đậm dấu ấn của *Tam giáo*. Trước hết Liêu Trai chí dị thể hiện ý thức truyền thống lâu đời nhất của người Trung Hoa: *Nho giáo*, đặc biệt nêu cao những hình mẫu đáng trọng với đủ *Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.*

Thực hiện đúng tôn chỉ của người viết văn theo quan niệm truyền thống *Văn dĩ tải đạo* nên tình cảm giữa người với người: *tình cha con, tình vợ chồng son sắt, tình bằng hữu, tình tri âm, tri kỉ*... được Bồ Tùng Linh nêu rất cao trong hầu hết các truyện và ngược lại, nhằm răn những kẻ bạc ác, truyện của Bồ Tùng Linh cũng dựng nên những nhân vật phản diện hung ác *bất nhân, bất tín, bất nghĩa* phải chịu kết cục rất thảm khốc.

Tư tưởng *Phật giáo* cùng với tư tưởng *Lão Trang* cũng thể hiện khá rõ trong *Liêu Trai chí dị* với những chi tiết chứng thực cho thuyết *luân hồi, nhân quả*…, những nhân vật là *sư tăng, đạo sĩ* hành tung kì dị, phong thái phiêu diêu thoát tục được trộn vào trong cõi đời thường, chung đụng với những phàm nhân đầy dục vọng, sân si (*Giang Thành*, *Bức họa trên tường, Lục Phán quan, Họa bì, Đạo sĩ núi Lao*…). Riêng truyện *Đạo sĩ núi Lao* đã dựng nên một hình mẫu tuyệt vời sống động của con ngườithế tục trong cõi thần tiên hư ảo:

“ Trong huyện có chàng họ Vương, vào hàng thứ bảy, là con nhà cố gia, tuổi trẻ mộ đạo.

Nghe nói núi Lao Sơn có nhiều tiên ở, liền quẩy tráp đi thăm. Trèo lên một ngọn núi thấy có đạo quán thật u nhã. Một vị đạo sĩ ngồi trên tấm bồ đoàn tóc trắng rủ xuống tận cổ, nhưng dáng vẻ thư thái, tinh thần trông thật sắc sảo.

Vương liền khấu đầu, bắt chuyện, thấy đạo lý rất huyền diệu, bèn xin thờ làm thầy.

Đạo sĩ nói:

- Chỉ sợ quen nhàn rỗi, không chịu nổi khó nhọc thôi.

Vương hứa là: "Được"

Học trò Đạo sĩ đông lắm, gần tối mới kéo hết về. Vương cùng họ cúi đầu làm lễ, rồi lưu lại trong quán. Sáng tinh sương, Đạo sĩ gọi Vương, đưa cho cái búa, bảo theo đám học trò đi hái củi. Vương kính cẩn vâng lời. Được hơn một tháng, tay chân phồng rộp thành chai, cực khổ không chịu nổi,Vương đã ngầm có bụng muốn về.

Một buổi chiều, trở về, thấy hai người khách đang cùng thầy uống rượu. Trời đã tối mà chưa thấy đèn lửa gì cả. Thầy bèn cắt một miếng giấy như hình cái gương, dán lên vách. Phút chốc, ánh trăng vằng vặc soi sáng khắp nhà, trông rõ từng sợi tơ, cái tóc. Đám học trò chạy quanh hầu hạ. Một người khách nói:

- Đêm này đẹp trời có thể vui chơi, nên cho ai nấy cùng vui; bèn lấy hồ rượu lên bàn, chia cho các học trò, lại dặn nên uống thật say. Vương nghĩ bụng: Bảy tám người một hồ rượu, làm sao cho đủ khắp được? Mỗi người đều đi tìm chén, bát , tranh nhau rồi uống trước, chỉ sợ rượu trong hồ hết mất. Thế mà rót hết lần này lượt khác, vẫn chẳng vơi đi chút nào. Bụng thầm lấy làm lạ. Giây lát, một vị khách nói:

- Đã làm ơn ban cho ánh sáng trăng, mà lại chỉ tịch mịch uống suông. Sao không gọi Hằng Nga xuống chơi? Đạo sĩ bèn lấy một chiếc đũa, vứt vào trong trăng. Bỗng thấy một người đẹp từ trong vùng ánh sáng bước ra: mới đầu chưa đầy một thước, xuống đến đất thì cao lớn như người thường, lưng thon nhỏ, cổ trắng muốt, phấp phới múa khúc Nghê Thường. Rồi ca rằng:

“Tiên tiên nào!
Về đây nao!
Giữ ta mãi chốn Quảng Hàn sao!”

Âm thanh trong trẻo, cao vút, nghe hay như tiếng tiêu, tiếng sáo. Ca xong, uốn lượn mà đứng lên, rồi nhảy lên mặt bàn, ngoảnh đi ngoảnh lại, đã biến trở lại thành chiếc đũa. Ba người cùng cười lớn. Lại một vị khách nói:

- Đêm nay vui quá, nhưng uống vẫn chưa đã. Có thể đãi rượu tiếp chúng tôi trên cung Nguyệt được chăng?

Ba người bèn rời chiếu tiệc bước vào dần trong trăng. Mọi người nhìn thấy rõ cả ba đang ngồi trong trăng uống rượu: râu, lông mày, đều trông thấy hết, như bóng hiện trong gương. Một chốc, ánh trăng mờ dần; đám học trò châm đèn mang đến thì một mình đạo sĩ còn ngồi đấy mà khách đã biến

đâu mất. Trên bàn thức nhắm hãy còn. Mà mặt trăng trên vách chỉ còn là miếng giấy tròn như tấm gương mà thôi.

Đạo sĩ hỏi:

- Mọi người đã uống đủ cả chưa?

Các học trò cùng thưa:

- Đủ cả.

- Đủ rồi thì nên đi ngủ sớm, đừng làm lỡ việc kiếm củi ngày mai.

Chúng học trò đều "vâng" mà lui ra.

Vương lòng thầm thích thú, hâm mộ, bụng muốn về lại tiêu tan.

Lại một tháng nữa, khổ không thể nào kham nổi, mà đạo sĩ tuyệt không truyền dạy cho một phép nào.

Sốt ruột không chờ được nữa, Vương bèn lên cáo từ rằng:

- Đệ tử này vượt mấy trăm dặm đường đến đây thụ nghiệp với thầy; dẫu chẳng học được cái thuật trường sinh bất tử, thì cũng mong thầy cho chút gì gọi là tấm lòng cầu học. Thế mà qua hai ba tháng, chỉ những sáng đi kiếm củi, tối lại trở về. Hồi còn ở nhà, đệ tử chưa bao giờ phải chịu khổ như thế.

Đạo sĩ cười bảo:

- Ta vẫn nói là anh không kham nổi khó nhọc, nay đã quả nhiên. Sáng mai, sẽ cho anh về:

Vương nói:

- Đệ tử làm lụng đã bao ngày, xin thầy dạy qua cho một thuật mọn, khỏi phụ công lao đệ tử lặn lội tới đây.

Đạo sĩ hỏi:

- Muốn học thuật gì?

Vương đáp:

- Thường thấy thầy đi đâu, tường vách không ngăn được. Chỉ xin một phép cũng đủ.

Đạo sĩ cười nhận lời. Bèn đem một bí quyết truyền cho, bảo miệng đọc mấy câu thần chú xong rồi hô: "Vào đi!". Vương đối diện với một bức tường mà không dám vào.

Đạo sĩ lại nói:

- Cứ vào thử đi!

Vương theo lời, thong thả tiến lại, đến tường thì bị vấp. Đạo Sĩ bảo:

- Cúi đầu, vào cho nhanh, đừng lần chần!

Vương quả quyết, đứng cách tường mấy bước, lao nhanh tới. Gặp tường, cảm thấy trống không có vật gì cả. Quay lại thì đã thấy mình ở bên kia tường rồi.Vương mừng quá, vào lạy tạ.

Đạo sĩ bảo:

- Về nhà nên giữ mình đứng đắn, không thế thì phép không nghiệm nữa đâu.

Nói rồi cấp lộ phí cho mà về.

Đến nhà, chàng khoe đã gặp tiên, tường vách dày đến đâu cũng không ngăn được mình.

Vợ không tin. Vương làm đúng như lời đạo sĩ đã dạy, đứng cách tường mấy bước, chạy ù vào. Đầu đụng phải tường cứng, bổng ngã lăn đùng. Vợ Vương đỡ dậy, nhìn xem, thấy trán đã sưng lên nhưmột quả trứng lớn. Vợ Vương đưa ngón tay lêu lêu, diễu cho.

Vương vừa thẹn vừa ức, chỉ biết chửi lão đạo sĩ bất lương mà thôi.”

LIÊU TRAI - LAO SƠN ĐẠO SĨ

(Tranh do *Triệu Hoành Bản, Vương Diệc Thu, Vương Thúc Huy, Tiền Tiếu Ngai, Uông Ngọc Sơn, Lưu Kế Dữu, Trương Lệnh Đào, Hồ Nhược Phật* liên hoàn họa).

Vương sinh chẳng qua chỉ là một con người nhiều dục vọng của đời thường. Việc Vương *mộ đạo* chẳng qua chỉ là lòng ham muốn có thuật lạ; ham muốn này cũng như các ảo vọng rất thường thấy, rất phổ biến của nhiều người trong thế tục. Vương không phải là người trì chí nên chẳng chịu nổi gian khổ, lại thiếu cẩn trọng, thích khoe mẽ, mới được thầy truyền cho chút phép thuật đã vội về khoe ngay với vợ…

Việc Vương *mộ đạo* cũng như những người hay mơ ước đạt được chân lí. *"Đạo"* được Bồ Tùng Linh nói ở đây là *con đường*, là *"Đạo"* trong *Đạo đức kinh* của Lão tử, là *chân lí vĩnh hằng* của vạn vật, là *"Đạo khả đạo phi thường đạo"* (6) . Cái đã gọi là chân lí thì không thể truyền đạt được mà chỉ cóthể *"ngộ"* … và kẻ phàm như Vương Sinh thì làm sao mà *"ngộ"* được.

Trong cõi đời có vô số những kẻ tầm thường vẫn mơ tưởng đạt đến chân lí và cuối cùng chỉ làm trò cười mà thôi. Việc Vương húc đầu vào tường, *"trán sưng lên như một quả trứng lớn"* lại bị vợ "*lêu lêu cho"* là một chi tiết biếm họa cho toàn cảnh.

Truyện của Liêu trai đều là bịa đặt nhưng tình tiết phong phú, linh hoạt, muôn màu, muôn vẻ chứng tỏ tác giả là người rất từng trải. Mỗi nhân vật trong từng truyện đều có tính cách riêng rất độc đáo và nhất quán. Nhân vật có khi là cây cỏ, thú vật, chim chóc hóa thân thành người và khi đã thành người lại có tính cách rất riêng. Tính cách này thường phục vụ cho một chủ đề nào đó của truyện; ví dụở truyện *"Chuyện lạ chim câu"(Cáp dị):* để ca ngợi tình tri âm, Bồ Tùng Linh đã cho chim câu biến hình thành thiếu niên:

Công tử Trương Công Lượng đất Châu Bình rất thích chim câu, cứ theo sách Kinh mà tìm. Cầu có được đủ các chủng loại. Có con nào, Trương chăm chút y như trẻ thơ: bị bệnh lạnh thì chữa bằng cỏ phấn, bệnh nóng thì cho ăn muối hạt. Chim câu thích ngủ, nhưng ngủ quá nhiều thì mắc bệnh bại liệt. Hồi ở Quảng Lăng, Trương mua một con "Dạ du" mười đồng vàng, mình rất nhỏ, chạy rấtnhanh, thả trên mặt đất nó cứ chạy loanh quanh không biết đến bao giờ, kỳ đến mệt lăn ra chết mới thôi, cho nên phải có người bắt giữ. Ban đêm Trương bỏ"Dạ du" vào trong đàn chim, nó chạy lung tung làm cho chim câu giật mình không ngủ được, để tránh cho chúng bệnh bại liệt. Kể thế, nhữngnhà nuôi chim đất Tề, đất Lỗ cũng kém tài. Mà công tử cũng lấy việc nuôi chim câu để tự khoe một chút.

Một đêm công tử đang ngồi ở thư phòng, bỗng một trang thiếu niên mặc áo trắng gõ cửa bước vào. Hai người không quen biết nhau, công tử hỏi, chàng ta đáp:

- Con người phiêu bạt, tên họ có gì đáng nói. Ở xa nghe tin đồn công tử nuôi bồ câu được lắm. Bình sinh tôi cũng ưa thích thứ ấy, xin được cho xem.

Trương liền đem hết ra, đủ cả năm sắc, rực rỡ như gấm mây. Chàng thiếu niên cười mà rằng:

- Lời đồn quả không ngoa, có thể nói công tử biết hết mọi sự trong nghề nuôi chim câu. Tôi cũng có mang theo một hai con, công tử có muốn xem không?

Trương mừng quá, theo người thiếu niên đi. Đêm ấy, ánh trăng mờ ảo, đồng không mông quạnh, đi thì đi nhưng trong lòng Trương đã thầm ngờ ngợ. Thiếu niên vừa chỉ vừa nói:

- Xin gắng đi chút nữa, nơi tôi ngụ không còn xa nữa.

Đi thêm mấy bước đã tới một ngôi nhà hai gian. Thiếu niên dắt tay đi vào. Trong nhà không có ánh đèn lửa. Thiếu niên đứng giữa sân, bắt chước tiếng chim câu gù. Bỗng có một đôi chim tầm cỡ như chim thường lông trắng tuyền bay ra ngang tầm mái hiên, vừa gù vừa chọi. Thiếu niên xua tay haicon nối cánh bay vào chuồng.

Thiếu niên lại chúm miệng gù cách khác. Lại có hai con khác bay ra - con lớn như con le, con bé bằng nắm tay - đậu xoè cánh như hai cánh bình phong, vừa gù vừa nhảy rất uyển chuyển, dường như để khơi dẫn. Con nhỏ vừa gù vừa bay lên xuống rồi đậu trên đầu con lớn đang vẫn giương cổ không động cựa cánh chấp chới như tiếng chim yến lạc vào đám lác. Tiếng kêu con nhỏ như tiếng trống bỏi, tiếng con lớn lại y như tiếng khánh, đan hoà nhau như một dàn nhạc. Rồi chim nhỏ bay lên, con lớn cứ lắc lư như chào gọi vậy.

Công tử nhìn quang cảnh ấy, cứ khen ngợi mãi không thôi. Tự chỉ thấy mình chỉ là ếch ngồi đáy giếng, đáng xấu hổ bèn vái chàng thiếu niên, xin cho chia sẻ niềm yêu thích. Thiếu niên không nghe, lại cố gắng xin, lúc ấy thiếu niên mới gù gọi đôi chim trắng ra, bắt lấy đưa cho Trương, nói:

- Nếu công tử không ghét bỏ, tôi xin biếu đôi này.

Trương nhận lấy, ngắm nghía: đôi mắt chim câu tròn như hạt hồ tiêu, phản chiếu ánh trăng lóng lánh màu hổ phách như trong suốt, mở đôi cánh ra da thịt nó mỏng tanh trong vắt như có thể nhìn rõ tim ruột. Trương rất lấy làm lạ, mà ý chưa cho là đủ, còn nài nỉ xin nữa. Thiếu niên miễn cưỡng bảo:

- Hãy còn hai đôi chim chưa đưa ra trình, nay không dám mời xem nữa.

Còn đang chuyện trò đàm đạo thì người nhà Trương đốt đuốc đi tìm chủ nhân. Trương vừa quay đi, chàng thiếu niên đã hoá thành chim câu trắng, to như con gà, bay vút lên trời, đi đâu không rõ. Nhà cửa vừa trước mắt biến đâu mất mà chỉ còn một ngôi mộ có hai cây bách trồng bên. Trương vội cùng gia nhân ôm đôi chim về. Về đến nhà, thử cho bay, chim vẫn thuần và lạ như trước. Tuy chưa phải là cực hay, song trên đời này cũng hiếm. Do vậy, Trương càng yêu quý… (7)

Đại khái truyện của Bồ Tùng Linh hư ảo như thế, đọc hết gần năm trăm truyện kì dị, mỗi truyện mỗi màu mỗi vẻ, đầy cả hỉ nộ ái ố của thế tục, vô vàn nhân vật, vô vàn những chi tiết diễm tình hư hư, thực thực, lắm ngoa ngôn và cũng lắm ngụ ngôn; *Liêu Trai chí dị* đúng là *ý tại ngôn ngoại*, là *tảng băng trôi trên biển đời*, bảy phần chìm ba phần nổi. Những gì Bồ Tùng Linh hư cấu chẳng qua chỉ là phương tiện để chuyển tải hảo ý răn đời, giáo huấn, cải tạo tư tưởng, tinh thần người Trung Quốc. Cũng như Kim Dung ở thế kỉ hai mươi về sau, Bồ Tùng Linh không ngại dùng ngoa ngôn làm phương

tiện, lấy những chi tiết vẽ vời siêu thực đưa người đọc vào chốn thần tiên, yêu ma, quỉ mị để hấp dẫn họ, khiến họ noi đức tốt, làm lành, tránh dữ. ■

Nguyễn Cẩm Xuyên

CHÚ THÍCH:

(1) Chức danh ban cho người học giỏi, được vào học ở *Thái học*.
(2) Vương Sĩ Trinh tức *Ngư Dương Lão Nhân*, tự là *Di Thượng*, hiệu *Nguyễn Đình*, đậu tiến sĩ, làm quan đến thượng thư, là nhà thơ và bình thơ rất nổi tiếng của Trung Quốc, là bạn đồng hương của Bồ Tùng Linh.
(3) Trong *Duy cơ bách khoa toàn thư* của Trung quốc: ở câu cuối, chữ 诗 được chú thêm : 时(thì). Nguyễn Huệ Chi cũng cho là đây là chữ *"thì"* (時) nhưng xem ra câu "*Ái thính thu phần quỷ xướng* ***thi*** *"* vẫn có hàm nghĩa hay hơn.
(4)&(5) Tương truyền Tô Đông Pha lúc ở *Hoàng châu*, mỗi sáng thường mời khách đến hoặc đi chơi cùng khách; tùy từng người mà bảo họ kể chuyện khôi hài, phóng đãng, không cần giữ lễ; người nào không có chuyện khôi hài thì ông yêu cầu kể chuyện ma quỷ. Có người nói là không có ma quỷ, thì ông bảo *"Cứ nói láo đi"*. Trong bài *đề thi* của Vương Sĩ Trinh và bài họa lại của Bồ Tùng Linh đã dùng tích này. Chữ *Hoàng châu ý* trong bài thơ họa của Bồ Tùng Linh cũng chính là nhắc lại tích trên.
(6) *"Đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh"* …: Câu đầu tiên, Chương I của *Lão tử Đạo Đức kinh*; nghĩa là : *Đạo* mà có thể truyền đạt được thì không phải là *Đạo* thường hằng; *Danh* mà có thể gọi tên được thì không phải là *Danh* thường hằng"…
(7) *Liêu trai chí dị,* Nguyễn Văn Huyền dịch; NXB Văn Học-2000.

Back to Contents

Là nhà giáo, lúc về hưu, ít hay nhiều chắc ai cũng nhớ về mái trường xưa với những kỷ niệm thân thương không bao giờ phai nhạt với thời gian. Năm mới học trò cũ đến thăm, câu chuyện trao đổi đưa chúng tôi trở lại mấy chục năm về trước với...

Ngôi Trường trên Dồi

Nguyễn Ngọc Hà

Đúng như vậy, trong trí nhớ của tôi trường Trung Học Kiểu Mẫu Thủ Đức có một vị trí đặc biệt so với các trường khác. Khi nhắc đến trường này, tôi luôn hình dung một ngôi trường khang trang và xinh xắn nằm giữa thiên nhiên, trên một mảnh đất khá cao ráo.

Lần đầu tiên (năm 1966), khi tôi lên trường gặp giáo sư Dương thiệu Tống, hiệu trưởng thời bấy giờ, để xin một chân dạy Pháp Văn, cuộc phỏng vấn đã kết thúc một cách thật bất ngờ và lý thú. Thoạt đầu giáo sư Tống khẳng định với tôi là, tuy tôi hội đủ điều kiện và quá trình đào tạo về Pháp Văn của tôi rấtđầy đủ và phong phú, không có chỗ nào chê được, nhưng hiện nay trường không có nhu cầu về môn Pháp Văn.

Theo lẽ, khi nghe phán "bản án tử hình" đó, tôi phải lịm người đi và bị choáng váng, rồi loạng choạng đứng lên, thất thểu bước ra khỏi phòng lập tức. Nhưng không hiểu sao lúc đó tôi bình tĩnh lạ thường, ngồi yên tại chỗ nhìn ra ngoài cửa sổ và buột miệng nói lên cảm tưởng của mình về vị trí độc đáo của ngôi trường: Từ phòng Hiệu Trưởng phóng tầm mắt nhìn ra, con đường mòn uốn khúc dẫn lên trường với các bụi cây rậm rạp bao quanh; cảnh trí thật là ngoạn mục làm tôi càng thấy tiếc nuối đã hụt mất

dịp may được dạy học giữa một khung cảnh thiên nhiên đầy cảm hứng. Trường này như “tọa lạc trên một ngọn đồi”, và bất chợt tôi dùng chữ "perché" của tiếng Pháp (perched / tiếng Anh), vì đột nhiên nghĩ đến hình ảnh của con chim đậu trên cành cao.

Nghĩ đến đây bỗng tôi trở về với hiện tại, và cảm thấy vừa bối rối vừa xấu hổ, vì đoán biết rằng nãy giờ thầy Hiệu Trưởng phải kiên nhẫn ngồi nghe tôi “lải nhải” chuyện không đâu, nên chắc hẳn là bực mình lắm. Đã “rớt đài” rồi thì liệu mà rút lui cho có trật tự, thật chẳng ra thể thống gì! Tôi bèn “xì-tốp” ở đây và lúng túng dợm đứng lên cáo từ với nụ cười gượng gạo, đồng thời tự trách thầm "Quê ơi là quê, thật mất mặt bầu cua, đúng là làm trò cười, từ nay xin chừa cái tật nói nhiều". Nhưng thật không ngờ câu chuyện bên lề của tôi đã xoay ngược thế cờ, ngoài sức tưởng tượng của tôi. Thầy Tống đưa tay ngăn tôi lại, ra hiệu cho tôi ngồi xuống: "Khoan, cô chờ một chút. Cám ơn cô đã mạnh dạn và thành thật chia sẻ nhận xét của cô về trường chúng tôi, nhất là sau khi biết rõ mình không có hy vọng được thâu nhận. Tôi có suy nghĩ lại và quyết định mở thêm lớp Pháp Văn. Vậy phải nhờ đến cô. Cô có thành ý và rất nhiệt tình nên tôi muốn tạo điều kiện cho cô có đất dụng võ”. (Thú thật đã gần 60 năm qua tôi không thể nhớ rõ từng lời nói của thầy Hiệu Trưởng ngày hôm đó, nhưng đại ý là như vậy).

Phải chăng đây là một sự ngẫu nhiên, hay do tôi có duyên với trường Kiểu Mẫu Thủ Đức? Vì cũng tại "Ngôi trường trên đồi" này, mà sau hơn hai năm “cầm cự”, tôi đã phải đầu hàng trước sức tấn công kiên trì của đối phương là giáo sư Trương thiệu Hùng (nguyên là đồng nghiệp của tôi), để đi đến quyết định ký giấy “chung thân”. Ở đời mấy ai học được chữ ngờ! Đáng lý "chàng Trương" nhà ta được về dạy ở trường Gia Long, nhưng vì không theo dõi giấy tờ, nên cuối cùng lại trôi dạt tới "Ngôi trườngtrên đồi" như đã có hẹn trước với ai.

Một đặc điểm nữa của "Ngôi trường trên đồi" là suốt bao nhiêu năm qua, với cái nhìn “bao dung”, trường đã chứng kiến nhiều cuộc tình thơ mộng, và thậm chí đã tác hợp cho nhiều cặp giáo sư cũngnhư học sinh, nên quan hệ đồng nghiệp cũng như đồng môn lại được thêm phần củng cố bởi quan hệ phu thê.

Trong đầu óc tôi, hai chữ “kiểu mẫu” và “gương mẫu” đi liền với nhau và luôn sát cánh bên nhau. Còn trong thâm tâm tôi thời gian dạy ở "Ngôi trường trên đồi" đó thường xuyên gợi lại một khung trời kỳ niệm, những kỷ niệm thân thương nhớ đời của những năm đầu, khi mới tập tễnh bước vào nghề.

Ở lại trường ăn trưa tạo điều kiện cho giáo sư trao đổi kinh nghiệm về giảng dạy và giúp cho học sinh có cơ hội học hỏi lẫn nhau. Quan hệ giữa giáo sư với nhau, giữa thầy cô với trò, giữa trò với trò thật là khắng khít và hồn nhiên qua những buổi sinh hoạt tập thể hay cắm trại ngoài trời. Mỗi giáo sư với học sinh của lớp mình chủ nhiệm đều quan tâm cho nhau từ việc trường đến việc nhà.

Viết đến đây tôi không thể không nhắc đến một kỷ niệm vui và cảm động mà các em học sinh đã dành cho tôi vào ngày lễ vu quy của tôi. Tôi còn nhớ rõ ràng sáng hôm đó học sinh lớp tôi chủ nhiệm kéo nhau đến nhà tôi thật sớm, dẫn đầu là hai em Ngô thị Xuân Hồng và Lê thị Kim Thu duyên dáng trong tay ôm bó hoa, bên cạnh là em Vũ phan Chương trịnh trọng với món quà cưới gói thật đẹp. Sau đó là gần mười em khác quần áo tươm tất, hàng ngũ chỉnh tề, tất cả đồng loạt hô to: “Chúng em chúc mừng

Cô". Tôi vừa ngạc nhiên vừa xúc động, không biết nói gì ngoài hai tiếng cảm ơn, rồi ôm chầm lấy các em vừa cười vừa khóc (chỉ mưa lác đác thôi!) vì vui sướng.

Sau này khi nhắc lại ngày vui đó, Má tôi mỉm cười thông cảm và thú thật: "Má thường trách con quá lo cho học trò mà bỏ quên con của mình, học trò ăn mấy chén cơm con cũng biết, còn con mình thì không có thời giờ để ý tỉ mỉ đến như vậy. Nhưng thật ra Má cũng hiểu là ở trường con còn có nhiều "đứa con tinh thần" vây quanh suốt ngày".

Lúc mới bước chân qua nước Mỹ, tôi bàng hoàng sửng sốt khi thấy mấy chiếc xe buýt vàng, giống y như xe chuyên chở học sinh của trường Kiểu Mẫu, chạy trên đường phố. Và trên xe các em nhỏ cũng thò đầu qua cửa sổ cười nói, vẫy tay lia lịa, làm tôi liên tưởng đến các em học sinh Kiểu Mẫu những năm về trước, mỗi buổi sáng trên đường đến "Ngôi trường trên đồi", với tiếng hát trẻ trung bay cao vút như chào đón một ngày mới với niềm tin và nhiều hứa hẹn.

Thời gian gần đây chúng tôi có dịp gặp lại các em học sinh Kiểu Mẫu từ tiểu bang này sang tiểu bang khác của nước Mỹ, hoặc từ các nước khác đến nước Mỹ. Ai nấy cũng đều có gia đình, có địa vị vững vàng trong xã hội, có em đã lên chức ông bà nội, ông bà ngoại, nhưng khi nói chuyện với thầy cô vẫn theo đúng khuôn phép đàng hoàng: "Thầy Thầy, Cô Cô, Em Em,... ". Đây là một ưu điểm hiếm thấy ở các học sinh nước ngoài cũng như ngay cả ở một số học sinh trong nước, nên chúng tôi luôn trân quý và tự hào về tác phong gương mẫu của các em học sinh Kiểu Mẫu. "Kiểu Mẫu" và "gương mẫu" quả thật có đi đôi với nhau!

Do đâu mà quan hệ thầy trò vẫn thắm thiết như xưa dù trải qua bao cuộc thăng trầm? Phải chăng truyền thống tốt đẹp này đã bắt nguồn từ "Ngôi trường trên đồi", nơi đã đào tạo những con người ưu tú, có thủy có chung? "Ngôi trường trên đồi" đã có công gieo mầm, vun xới và nuôi dưỡng tình cảm giữathầy trò, một thứ tình cảm thiêng liêng có khả năng vượt không gian và thời gian để mãi mãi tồn tại trong nền văn hóa Đông Phương và trong lòng của chúng ta. ■

Ghi chú:

Trường Trung Học Kiểu Mẫu Thủ Đức trực thuộc Đại Học Sư Phạm Sàigòn, và là một thí điểm áp dụng chương trình giáo dục tổng hợp: Ngoài những môn học truyền thống giống như các trường trung học phổ thông khác, trường này còn mở thêm các lớp như Công Kỹ Nghệ, Kinh Tế Gia Đình, Canh Nông, Doanh Thương để học sinh lựa chọn.

Gia đình "Kiểu Mẫu"

"Kiểu Mẫu" cùng chung một mái nhà
Gặp nhau sống lại chuỗi ngày qua
Thầy cô, trò cũ, bao thương mến
Kỷ niệm trường xưa mãi không quên
*

Giọng hát trẻ trung, xe lăn bánh
Chào cờ mỗi sáng xếp hàng nhanh
Ăn trưa chuyện trò vui cởi mở
Tháng ngày trôi nhẹ tựa như mơ
*

Giờ đây tứ xứ người "Kiểu Mẫu"
Vẫn tìm về nhau như lúc đầu
Vẫn đường đường tác phong gương mẫu
Dù thời gian cách biệt đã lâu
*

Như chim rủ nhau bay về tổ
Mỗi năm trò đến với thầy cô
Mãi mãi vinh danh trường Kiểu Mẫu
Ngàn năm vẫn đẹp một nhịp cầu

Sau đây xin ghi lại mấy câu thơ tượng trưng cho giá trị vĩnh cửu, vượt không gian và thời gian, của những kỷ niệm luôn sống mãi trong lòng người :

Le temps d'un sourire,
Le temps d'une larme,
Le temps les efface,
Mais "Toi", tu es là.

Xin tạm dịch như sau:

Khoảnh khắc một nụ cười,
Khoảnh khắc một ngấn lệ,
Thời gian xóa nhòa tất cả,
Nhưng "Kỷ niệm" vẫn còn đó.

Kèm theo lời nhắn gởi:

Notre profond attachement à la vieille école défie le temps et l'espace, car ces années représentent la meilleure part de notre existence: Généreuse, sincère, et riche en émotion.

Đại ý như sau:

Tình cảm gắn bó sâu xa của chúng ta đối với mái trường xưa vượt không gian và thời gian, vì những năm đó tượng trưng cho quãng đời đẹp nhất của chúng ta: Hào phóng, thành thật và giàu cảm xúc.

--o0o--

Vòng tay "Kiểu Mẫu"

Buổi cắm trại của học sinh trường THKMTĐ

"Kiểu Mẫu" từng vang bóng
Thầy giỏi học trò chăm
Vững tin trong cuộc sống
Thành tích tốt quanh năm
*
Nhớ hoài ngôi trường cũ
"Kiểu Mẫu", tên nhiệm mầu
Những khuôn mặt ưu tú
Mãi mãi còn in sâu
*
Ôi tự hào biết mấy

"Kiểu Mẫu" ở nước ngoài
Kỷ niệm xưa giữ lấy
Xây đắp một ngày mai
*
Không gian dù cách trở
Thời gian chắp cánh bay
"Kiểu Mẫu" mình muôn thuở
Thắt chặt một vòng tay
§
Truyền thống của trường Trung Học Kiểu Mẫu Thủ Đức là *đoàn kết* và *thương yêu*:

Ai ơi một thuở học cùng
Tuy rằng khác lớp nhưng chung một trường
Bao năm sát cánh yêu thương
Dù nay tứ xứ mười phương, một lòng. ■

Nguyễn Ngọc Hà

Back to Menu

Thế Giới Thực Vật qua Thi Ca Việt

Thái Công Tụng

Thực vật bao trùm mọi khía cạnh của đời sống loài người: **ta ăn** là nhờ cây lúa, **ta mặc** là nhờ cây bông vải, **ta ở** là nhờ cây rừng cho ta cột kèo, giường tủ, **ta thờ phụng** phải có hương hoa. Như vậy, cũng không lạ gì khi trong văn học thì chủ đề cây, hoa luôn luôn bàng bạc trong những vần thơ.

Văn học Việt, từ văn chương bác học đến văn chương dân gian đều chứa đựng những vần thơ có liên quan đến thực vật, từ cây cỏ đến hoa quả .Hãy đọc thơ Nguyễn Công Trứ:
*Kiếp sau xin chớ làm người, Làm **cây thông** đứng giữa trời mà reo.*

Tình yêu giữa Kim Trọng và nàng Kiều nẩy nở trong khung cảnh mộng mơ:

Dưới giòng nước chảy trong veo
*Bên cầu tơ **liễu** bóng chiều thướt tha*
hay: ***Hải đường** lả ngọn đông lân*
Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà

Với truyện **Bích Câu Kỳ Ngộ**, tác giả đề cập đến triết lý vô thường của Phật giáo qua câu:

Trời thu mây hợp mây tan
*Ngày xuân **hoa** nở hoa tàn mấy năm !*
Trong thế giới thực vật, riêng về nông nghiệp, có thể kể cây lương thực, cây cho sợi, rau cải…

1.Cây lương thực bao gồm các cây ngủ cốc, cây cho củ, cây đậu ăn hạt :

1.1. cây ngủ cốc như bắp, lúa miến, lúa mì, lúa mạch, lúa mạch đen (rye, tiếng Pháp là seigle), lúa đại mạch (barley, tiếng Pháp là orge), yến mạch (oat, tiếng Pháp là avoine), lúa ruộng . **Bắp** nguồn gốc Trung Mỹ du nhập vào Á Châu cũng là một cây lương thực chủ yếu. **Lúa miến** hay bo bo, hình thái như cây bắp, cây kê.

Lúa ruộng cũng có nhiều loài :
*Vụ chiêm em cấy **lúa di**,*
*Vụ mùa **lúa dé**, sớm thì **ba giăng***

Thú quê rau cá đã từng
Gạo thơm cơm trắng chi bằng ***tám xoan***

Các giống lúa trồng có hai loại chính: đó là lúa tẻ sản xuất ra gạo nấu cơm, bột gạo làm nhiều loại sản phẩm khác nhau như bún, bánh tráng, bánh cuốn.. và lúa nếp có hạt gạo dẽo dùng nấu xôi, gói bánh chưng, bánh tét, làm rượu nếp, cơm rượu v.v. .Ca dao cũng dùng lúa tẻ, lúa nếp để giải bày tâm tình trai gái :
Anh thưa với mẹ cùng cha
Nếp mà lộn tẻ, lựa ra hay đừng ?
Đò đưa đến bến đò ngừng
Anh thương em thuở trước, nửa chừng lại thôi !

Cây lúa có nhiều giai đoạn phát triển khác nhau như khi còn non thì gọi là cây mạ, rồi nhảy bụi, trổ đòng đòng, ra bông kết hạt :
Anh đi lúa chửa chia vè,
Anh về lúa đã đỗ hoe đầy đồng
Anh đi em chửa có chồng
Anh về em đã tay bồng tay mang

1.2. cây cho củ như : khoai lang (*Ipomea batatas*), khoai mì (*Manihot esculenta*), khoai sọ (*Colocasia antiquorum*) có tên khác là khoai môn, củ dùng làm thức ăn, cuống (dọc) có thể muối dưa, khoai nưa (*Amorphophallus rivieri*) cũng cùng họ Ráy (Araceae) như khoai sọ, có củ ăn hơi ngứa, khoai nước (*Colocasia esculenta*), còn gọi là môn nước, củ và cuống đều ăn được, khoai từ (*Dioscorea esculenta*) trồng phổ biến nhiều làng mạc.

1.3. cây họ Đậu như : đậu nành tức đậu tương *Glycine max* (họ Fabaceae), chứa nhiều protein, có thể biến chế ra đậu hủ, chạo, xì dầu; đậu cowpea *Vigna unguiculata* họ Fabaceae; đậu đen (*Vigna cylindrica*), thường sử dụng nấu chè, dễ tiêu, giải nhiệt; đậu Hà lan (*Pisum sativum*) quả non và hạt dùng để ăn, đậu ngự (*Phaseolus lunatus*), đậu ván (*Dolichos lablab*), đậu xanh green gram còn gọi là Mung bean (*Phaseolus aureus*), dùng làm giá trong chopsuey, đậu lùn haricot nain (*Phaseolusvulgaris*).. Vài vùng có đậu triều (*Cajanus indicus*).

Ngoài các cây lương thực, còn có **rau** .Nói về rau, câu ca dao sau đây kể ra :

Ai đâu mà chẳng biết ta
Ta ở Xóm Láng, vốn nhà trồng rau
Rau thơm, rau húng, rau mùi
Thì là, cải cúc*, đủ loài* ***hành*** *hoa*
Mồng tơi, mướp đắng, ớt cà
Bí đao đậu ván *vốn nhà trồng nên*

Về phương diện phân loại thực vật, rau có thể là **rau ăn lá** (leaf vegetable crops), **rau ản quả** (fruit vegetable crops), **rau ăn củ** (root vegetable crops)

-rau ăn lá như rau muống (*Ipomea aquatica*), rau dền, rau mồng tơi, rau đay, rau diếp (tên khác: rau xà lách) *Lactuca sativa* với nhiều giống (xà lách cuốn, xà lách giòn, rau xà lách xoăn ăn hơi đắng), cải bẹ (*Brassica campestris*),cải thìa (*Brassica sinensis*), cải bắp còn có tên bắp cải, bắp su

(*Brassica oleracea*), cải tần ô (*Chrysanthemum coronarium*, còn gọi cải cúc).. Mồng tơi (*Basella rubra*) vì là dây leo nên trồng trên hàng rào, quanh nhà :

Nhà nàng ở cạnh nhà tôi
Cách nhau một giậu ***mồng tơi*** *xanh rờn*
Hai người sống giữa cô đơn
Nàng như cũng có nỗi buồn như tôi
(thơ Nguyễn Bính)

Rau muống có mặt trong ao mọi làng mạc, nhất là tại miền Bắc và đã gặp trong ca dao:

Anh đi anh nhớ quê nhà
Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương

-rau ăn quả (ăn trái) : Trong suy nghĩ thông thường thì trái thường ngọt, ăn tráng miệng còn rau dùng trong bữa ăn nhưng về phương diện thực vật, trái là kết quả sự thụ phấn và trong trái có hột: quả (trái) cà chua *Lycopersicon esculentum*, quả (trái) ớt *Capsicum annuum*, quả (trái) dưaleo *Cucumis sativus*; quả (trái) dưa tây melon *Cucumis melo* (melon-concombre); Courgette Zucchini squash *Cucurbita pepo*; quả (trái) dưa hấu *Citrullus lanatus*; quả (trái) đậu bắp *Abelmoschus esculentus;* quả (trái) bí đỏ Courge poivrée *Cucurbita pepo* hoặc bí rợ *Cucurbita maxima* trồng ăn quả,ăn ngọn non, lấy hạt rang ăn.

Râu tôm nấu với ruột ***bầu***
Chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon

Cà *Solanum melongena*, cũng là một loại rau ăn quả :

Bồng em đi dạo vườn ***cà***
Trái non bỏ mắm, trái già làm dưa
Làm dưa ba bữa dưa chua
Để dành ăn cấy, khỏi mua tốn tiền

Mướp có nhiều loại như mướp hương (*Luffa acutangula*), mướp đắng (*Momordica charantia),* mướp ta (*Luffa cylindrica*) khi non để ăn, khi già cho xơ rửa bát. Bầu (*Lagenaria vulgaris*) trồng quanh vườn nhà, thả trên dàn leo ăn quả lúc còn non. Bí có thể là bí đao (*Benincasa cerifera*), trồng lấy quả ăn và làm mứt.

Trong bài thơ '***Bạn đến chơi nhà'*** của Nguyễn Khuyến có mô tả sơ qua về quang cảnh một khu vườn nhà miền Bắc như sau :

Ao sâu nước cả, khôn chài cá
Vườn rộng rào thưa khó đuổi gà
Cải *chửa ra hoa,* ***cà*** *chửa nụ*
Bầu *vừa rụng rốn,* ***mướp*** *đương hoa*

Cà và rau muống thông dụng nhất là tại miền Bắc và đã gặp trong ca dao:

Anh đi anh nhớ quê nhà
*Nhớ canh **rau muống**, nhớ **cà** dầm tương*

-rau ăn củ (root vegetable crops) như củ cà rốt, củ cải, củ ra đi, su hào, khoai tây,v.v.
Cây gia vị như gừng (*Zingiber officinale*), ớt (*Capsicum annuum*), tiêu (*Piper nigrum*), hành, tỏi, sả, ngò, húng quế, rau răm (*Polygonum odoratum)*, rau diếp cá, rau thơm tức húng Láng (*Menthaaquatica*), ngò om (*Limnophila aromatic)*

-Ai ơi chua ngọt đã từng
***Gừng** cay muối mặn xin đừng quên nhau*

*-**Ớt** nào là ớt chẳng cay*
Gái nào là gái chẳng hay ghen chồng

*-An tiêu nhớ **tỏi** bùi ngùi*
*Ngồi bên đám **hẹ** nhớ mùi **rau răm***

Hỡi người quân tử trăm năm
Quay tơ có nhớ mối tằm hay không ?

Cây cũng có mặt trong thơ, nhạc, ca dao .. từ cây khế, cây xoài, cây cau, cây nhãn v.v

C**ây ăn quả** như cam, quít, chanh, bưởi (*Citrus sp*.)

*Thân em như thể trái **chanh***
Lắt lẻo trên cành lắm kẻ ước mơ

Người con trai than thở xem cô thiếu nữ có chút tình với mình hay không qua câu *:*

*Đầu năm ăn quả **thanh yên***
*Cuối năm ăn **bưởi** cho nên đèo bòng*
*Vì **cam** cho **quýt** đèo bòng*
Vì ai nhan sắc cho lòng nhớ thương

Phật thủ (***Citrus medica*** var. ***sarcodactylis***) là giống cây ăn quả thuộc chi Cam chanh.Tên gọi của loài cây này xuất phát từ hình dáng của quả chia nhánh trông như bàn tay Phật.Cây phật thủ là loại cây thân gỗ nhỏ, cao từ 2 m đến 2,5 m, ra hoa kết quả quanh năm.Quả phật thủ dùng ăn tươi, làm mứt. Loại quả này thường có mặt trong mâm ngũ quả trên bàn thờ ngày Tết của người Việt.

Cây **Phật thủ** được ví như bàn tay Phật che chở, mang an lành, sung túc đến cho gia chủ. Vì quan niệm đó, nhiều người mua phật thủ về bày lên bàn thờ, với mong muốn được hưởng những điều tốt lành, khiến loại quả này khá được ưa chuộng.

Cây bưởi.Cây bưởi cũng có mặt trong ca dao:

*Trèo lên **cây bưởi** hái hoa*
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc
Em lấy chồng anh tiếc lắm thay

Cây khế.Cây khế gắn liền với ngôi nhà xưa, với vườn sau ao trước; đó là nơi trẻ em vui đùa, trèo hái mỗi ngày, là nơi chôn dấu bao kỷ niệm đẹp như nhà thơ Đinh Hùng đã tâm tư:

*Độ em còn trèo **cây khế***
Vin hái quả xanh bên tường
Có phải chúng mình còn bé
Cho nên đời rất thơm hương ?
(thơ *Đinh Hùng*)

Cây xoài. Xoài cũng gợi nhớ vườn nhà ở nông thôn:

*Quả **xoài** xưa mẹ thích*
Cứ gợi mãi trong con
Cái hương thơm chin nức
Cái quả bé tròn tròn
*Khi cây **xoài** trước ngõ*
Lấp ló trái vàng hoe
Đủ nhắc cho con nhớ
Mùa hạ đã gần về
(Thanh Nguyên)

Cây vải

*Mùa **vải** năm nay chừng đến muộn*
Chưa nghe tu hú giục xuân đi
Nóng lòng cây gạo lìa hoa đỏ
Trổ búp tơ xanh đón gió hè
(thơ Nguyễn Bính)

Cây kỹ nghệ. Nhiều loài cây cung cấp nguyên liệu cho các kỹ nghệ .

Vài ví dụ :

cây **cao su** (*Hevea brasiliensis)* cung cấp mủ cao su để làm lốp xe;
cây **trà** (*Thea sinensis*) làm trà xanh hay trà đen;

cây **mía** *(Saccharum officinarum),* sử dụng làm nguyên liệu để tạo ra đường;
cây **dừa dầu** (*Elaeis guineensis)* trồng rất nhiều bên Phi Châu, cho dầu ăn;
cây **cacao** (*Theobroma cacao*) cho quả chế biến thành bột chocolat;
cây **cà phê** *Coffea Arabica và Coffea canephora* có hạt chế biến làm bột cà phê :

Cây lấy sợi.Ví dụ cây bông vải (*Gossypium hirsutum*) nguồn gốc Ấn độ . Sợi bông vải là loại sợi mềm , mọc quấn quanh hạt. Loại sợi này chủ yếu được dùng để xe chỉ hay sợi và dệt thành áo quần. Ở Mỹ, trồng nhiều ở South Carolina . Ở Phi Châu, nhiều chỗ trồng bông vải ở Ai Cập, ở Mali v.v.

Cây cho thuốc (dược thảo).Trong thiên nhiên có vô vàn dược thảo. Xưa kia, ngành Đông Y chỉ dùng toàn thuốc nguồn gốc thực vật . Gừng, tỏi, artichaut, lá dâm bụt, rau thơm v.v. đều sử dụng trị các chứng đau . Ngày nay, vào trong tiệm thuốc Tây, và ngày nay, vào trong các tiệm thuốc tây cũng có thểbắt gặp nhiều thuốc chế biến, pha chế từ lá cây, rễ cây, vỏ cây, hoa của nhiều loại thực vật trị cảm cúm, đau xương, tiểu đường v.v . Trước kia, con người sử dụng nhiều các sản phẩm hoá học nhưng ngày nay, mới thấy hoá học đưa đến những phản ứng phụ gây nguy hại cho sức khoẻ nên càng ngày nhân loại chú trọng nhiều về sinh học (Bio): nào là **biocosmetics** với nhiều công ty mỹ phẩm ngày nay sử dụng các tinh dầu thực vật để làm phấn, son, nước hoa v.v, nào là **bioremediation**, sử dụng thực vậthoặc vi sinh vật để cải tạo môi trường bị ô nhiễm.

Trầu cau trong văn hoá Việt. Trong xã hội Việt, trầu và cau đã đi sâu vào văn hoá, từ truyện cổ tích ***Trầu Cau*** đến tục lệ cưới hỏi. Xưa kia, trong xã hội Việt, người ta thường ăn trầu để bắt đầu câu chuyện thù tạc . Miếng trầu là đầu câu chuyện :

Trầu *này trầu túi trầu khăn?*
Cùng trầu dải yếm anh ăn trầu nào.
Trầu này trầu quế trầu hồi,
Trầu loan, trầu phượng, trầu tôi, trầu mình.
Trầu này trầu tính trầu tình,
Trầu nhân trầu ngãi trầu mình lấy ta.

Người thiếu nữ than thở với chàng trai:

Ba đồng một mớ ***trầu*** *cay*
Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không?
Bây giờ em đã có chồng
Như chim vào lồng như cá cắn câu

Và nếu chàng trai ngoại tình, người vợ cũng dùng hình tượng cây **cau** để than thở :

Có vợ, anh đã có con
*Sao anh còn ước **cau** non trái mùa*

Các loài hoa. Các loài hoa có nhan nhãn trong các bài hát: *hoa ngọc lan, hoa ti gôn, hoa sim, hoa cúc v.v. :*

-hoa cúc trong nhạc Ngô Thụy Miên:

*Áo nàng vàng, anh thường yêu **hoa cúc***
Áo nàng xanh, anh mến lá sân trường

-hoa sim trong bài thơ của Hữu Loan:

Những chiều hành quân
*Tôi bước qua những đồi **hoa sim***
Những đồi hoa sim
Màu tím hoa sim, Tím cả chiều hoang biền biệt

-hoa quỳnh trong nhạc Trịnh Công Sơn:

*Ta mang cho em một đoá **quỳnh** / Quỳnh thơm hay môi em thơm/Em mang cho ta một chút tình / Mỉm cười khúc khích trên lưng*

-hoa phượng trong nhạc Nguyễn Văn Đông :

*Hoa **phượng** rơi đón mùa Thu tới /Màu lưu luyến nhớ quá Thu ơi / Ngàn **phượng** rơi bay vương tóc tôi / Xác tươi màu pháo vui tiễn em chiều năm ấy*

-hoa mai, hoa đào .Nếu như hoa đào là đặc sản của miền bắc vào ngày tết, thì hoa mai vàng lại là đặc sản của miền nam. Mai vàng thuộc họ hoàng mai, là một loại cây rừng. Mai đặc biệt ở chỗ là nó nở rộ vào đúng dịp Tết Nguyên Đán nên hầu như nhà nào cũng có hoa mai.

Hoa mai nở rộ vào mùng 1 Tết, gia đình sẽ an nên làm ra, phúc phần vượt trội

Ở miền quê, người ta thường trồng mai ở sân trước, đến Tết cắt vài cành đẹp nhất đem cắm vào lọ trên bàn thờ. Cây mai vàng khoe sắc giữa sân như sứ giả của mùa xuân, thông điệp của niềm vui, hạnh phúc đến cho mọi nhà nhân dịp năm mới. Sự rực rỡ của màu hoa mai đang nở rộ trong ba ngày Tết thêm lá non nẩy lộc tươi mát mới là điềm thịnh vượng, phát lộc, phát tài và nó còn bao hàm ý nghĩa của sự hạnh phúc hay sung túc cho gia đình nhân dịp đầu năm, khởi sự cho một chu kỳ mới của con người. Hoa mai mặc nhiên góp phần cho văn hóa xã hội thăng hoa giá trị tâm hồn chúng ta vậy. Nếu miền Nam chuộng hoa mai trong ngày Tết thì miền Bắc lại thường mua những **cành đào** để trang trí cho cănnhà vào những ngày đầu Xuân. Hoa đào không chỉ có tác dụng xua đuổi tà ma mà còn có thể mang đếnnguồn sinh khí mới, giúp mọi người trong nhà luôn khỏe mạnh và bình an trong năm mới.

– tam giác mạch (cây sarrasin)

Từ một loại cây hoa màu, tam giác mạch trở thành biểu tượng du lịch của cao nguyên đá Hà Giang. Trước khi trở thành "đặc sản" của núi rừng Tây Bắc, tam giác mạch là cây lương thực bên cạnh ngô và lúa. Đồng bào vùng cao dùng hạt tam giác mạch để làm bánh, nấu rượu, còn thân để làm thức ăn cho gia súc.

- **hoa dã quỳ .** Dạ quỳ hay cúc quỳ, sơn quỳ, hướng dương dại, hiếm có loại hoa nào lại có nhiều tên gọi đến vậy.Ở các tỉnh Tây Nguyên, thời điểm nhiệt độ xuống thấp, độ ẩm cao nên buổi sáng thường có sương mù bao phủ. Sắc vàng của dã quỳ như ánh nắng mang đến cảm giác ấm áp, chan hòa.

Những hàng dã quỳ in bóng xuống mặt nước.
Biển Hồ (Gia Lai) trở nên thơ mộng, trữ tình mà hoang dại

Cây muồng là giống cây chịu hạn tốt nên mọc dại hoặc được trồng rất nhiều từ Quảng Ninh đến các tỉnh Tây Nguyên và phía nam Đồng Nai. Tuy có mặt ở nhiều nơi nhưng vẻ đẹp của hoa muồng thực sự nổi bật tại Gia Lai. Trên những đồi chè, người dân chồng xen vài hàng chè lại tới 1 hàng muồng vừa để giữ đất, nước vừa che đi cái nắng, gió khắc nghiệt vùng cao nguyên để những tán chè bên dưới luôn xanh mướt.

Các thực vật vừa đề cập ở trên là các **thực vật hạt kín (**trước kia gọi là Hiển Hoa Bí Tử); gọi là hạt kín vì noãn được bao phủ khi thụ phấn, dẫn tới sự hình thành quả.Cũng có **thực vật hạt trần (**còn gọilà Hiển Hoa Khoả Tử) vì noãn không được bao phủ khi thụ phấn và các hạt không ở trong quả thực thụ. Thực vật hạt trần bao gồm những loài cây họ Tùng Bách (Conifères) **có lá xanh quanh năm** như cây thông (pin, pine, **Pinus**), cây lãnh sam (sapin, fir, **Abie**s), cây epinette (**Picea**):

Kiếp sau xin chớ làm người
*Làm cây **thông** đứng giữa trời mà reo.*

Cây épinette mọc rất nhiều ở miền Bắc Canada và có mặt liên tục từ Đông (Quebec, Newfoundland) sang Tây (British Columbia, Vancouver) và có hai loại trắng và đen ; đây là một tài nguyên rất lớn d ùng làm bột giấy.

Đời sống tình dục của thực vật.Nếu trong giới động vật, tính dục xem như rất đơn giản như đàn ông, đàn bà; con đực, con cái v.v. thì ở giới thực vật, tính dục phức tạp hơn vì có thể :

-có cây chỉ mang hoa đực, hoặc chỉ mang hoa cái trên **hai thân cây khác nhau** (dioique) .Ví dụ: cây bạch quả (*Ginkgo*), cây *Actinidia* cho trái kiwi, cây chà là, cây đu đủ.. Trồng các loại cây đơn tính này phải luôn luôn trồng cả cây đực lẫn cây cái trong một đám thì mới có quả.Cũng có thể là **hoa cái và hoa đực không cùng chin một lần** do đó hoa cái phải cần hoa đực từ các cây khác để thụ phấn.Ví dụ: cây hồ đào (walnut, noyer). Hiện tượng này trong thực vật học gọi là **biệt giao** (dichogamie).

– có cây hoa đực và hoa cái riêng nhưng cùng **trên một thân cây** (monoique). Ví dụ: cây bắp, cây lúa mì…– có cây trong đó mỗi hoa có cả nhị đực và nhị cái như cây hoa hồng, cây hướng dương . Đó là **cây lưỡng tính**.

Hoa đực có **nhị hoa** chứa đầy **phấn**; hoa cái có **nhụy hoa** chứa **trứng.** Nhờ **gió, ong bướm** mang phấn hoa đi rắc lên các đầu nhụy hoa có chất dính; hạt phấn nẩy mầm và bò tới buồng trứng; hạt phấn sẽ chạm phải quả trứng để từ đó tạo ra hạt giống.Đó là sự **thụ phấn chéo.**Có nhiều nhà vườn trồng cam, quít, bưởi gần nhau quá dễ có thụ phấn chéo nên cam không ra cam, bưởi không ra bưởi ; do đó không nên trồng chung bưởi xen với các loại cây có múi khác để tránh thụ phấn chéo.

Chúng ta đang ở Quebec, thấy mùa thu với lá nửa vàng nửa đỏ, sau đó từ đầu tháng 10 trở đi là lá bắt đầu rụng: *Thu đi cho lá vàng bay, lá rơi cho đám cưới về.*Lá rụng vào thu cũng là cảm xúc cho bao nhiêu nhạc sĩ, thi sĩ viết lên nhiều bài thơ, bài nhạc để đời :

Rừng thu *thay lá mưa bay buồn rầu*
Rừng đông *buốt giá mưa bay dạt dào*
Rừng thu *lá úa em vẫn chưa về*
Rừng đông *cuốn gió em đứng bơ vơ*

Kiếp người cũng được ví như mùa thu với những chữ quên lãng, chết, rất ngắn, nhạt phai trong bài **Nhìn những mùa thu đi** "*Nhìn những mùa thu đi, em nghe sầu lên trong nắng/ Và lá rụng ngoài song, nghe tên mình vào quên lãng/ Nghe tháng ngày chết trong thu vàng (...) Đã mấy lần thu sang / Công viên chiều qua rất ngắn / Chuyện chúng mình ngày xưa, anh ghi bằng nhiều thu vắng, đến thu này thì mộng nhạt phai*".

Thơ của Hoàng Ngọc Ẩn **Rừng lá thay chưa** cũng nói đến sự vô thường của kiếp người:

Anh đi rừng chưa thay lá
Anh về rừng lá thay chưa
Phố củ bây chừ xa lạ
Hắt hiu đợi gió giao mùa

Hô hấp và Quang hợp thực vật. Trong sinh quyển, các chất cacbon, nitơ và oxy rất nhiều . Những chất khác như photpho, calci và kali cũng có nhưng ít hơn. Các chất trên đều cần thiết cho đời sống. Mỗi chất đó trong hệ sinh thái được chuyển hoá từ vô cơ sang hữu cơ và trở lại vô cơ . Đời sống cũng phụ thuộc vào mặt trời. Trong quá trình **quang hợp,** nhờ ánh sáng mặt trời, lá cây hút khí cacbonic để tạo thành các chất đường và tinh bột :

$6CO_2 + 6H_2O$ + năng lượng mặt trời ————> $C_6H_{12}O_6 + 6O_2$

Chất glucose giúp cây có năng lượng cho sự **hô hấp** tế bào thực vật .

Còn **sự hô hấp là ngược lại với quang hợp** vì trong sự hô hấp, các khí khổng của lá hút oxy ở ngoài vào cơ thể, chuyển đường và tinh bột thành năng lượng và nhả khí cacbonic ra ngoài:

$C_6H_{12}O_6 + 6O_2$ ————> $6CO_2 + 6H_2O$ + năng lượng hoá học

Năng lượng sinh ra giúp cho các hoạt động của cây như hút dưỡng liệu, hút nước .. để giúp cây tăng trưởng, ra hoa, kết trái. Hai tiến trình quang hợp và hô hấp song song diễn ra vào ban ngày còn ban đêm thì chỉ có hô hấp, không có quang hợp. Do đó có 2 nhóm cây:

- nhóm cây ban ngày vừa quang hợp, vừa hô hấp ; ban đêm chỉ có hô hấp . Như vậy, hiệu suất quang hợp thường thấp vì phải bù trừ cho hô hấp. Đó là **nhóm cây C3.**

- nhóm cây ban ngày chỉ quang hợp còn hô hấp rất ít hoặc không hô hấp trong ánh sáng .Như vậy, hiệu suất quang hợp cao vì vậy năng suất chất khô /hecta cũng cao hơn . Đó là **nhóm cây C1.**

Ví dụ: bắp, mía.

Viết về thực vật, tác giả không quên nhắc đến cuộc **triển lãm Mosaiculture** năm 2013 tại vườn bách thảo Montreal. Mosaiculture là phép trồng bồn hoa ghép màu. Đây là một loại hình nghệ thuật cây kết

hợp **giữa khoa điêu khắc** với hình thù và cấu trúc, **giữa khoa hội hoạ** với nhiều sắc màu và **khoa hoa viên** với các loài thực vật có lá màu sắc. Mosaiculture khác với loại hình trồng cây rồi uốn tỉa.

Triển làm mang tính quốc tế này có chủ đề mang tính liên quan giữa môi trường thực vật và con người, được sự tham gia nhiều xứ từ Âu sang Á đến ngay cả vài xứ Phi châu cũng tham dự. Nhiều hình thể tượng trưng loài vật (con panda, chim, con gorila), con người trồng cây, người phụ nữ ôm con cò, con ong, con bướm,… đã được nhiều nghệ nhân chuyên ngành thiết kế xây dựng .Có đến 1 triệu người đi xem trong 3 tháng triển lãm . Thoạt tiên, họ làm khung sắt theo mẫu thiết kế, hàn lại cho chắc rồi để nhiều bao đất trong khung sắt . Sau đó, họ cấy các loài cây c ó nhiều màu như *Santolina, Alternanthera...* với lá chỗ xanh, chỗ nâu, chỗ đen, v.v…

Rừng cây như vậy đã giúp cho con người nhiều dịch vụ. Nhưng càng ngày rừng bị tàn phá do dân số đông, nảy sinh ra nhiều nhu cầu cho đời sống. Như là lời phán của Gandhi, ”*Trái đất cung ứng đầy đủ cho nhu cầu (need) của con người, nhưng không bao giờ đủ cho lòng tham (greed) của họ.*” ■

Thái Công Tụng

Back to Contents

Một Thoáng Hương Xưa

Linh Vang

Hai người học cùng ngành. Thể Quỳnh xinh đẹp, học giỏi, lại thêm thuở ấy trong trường, con gái Việt hiếm nên Thể Quỳnh được nhiều anh sinh viên đeo đuổi, chiều chuộng, cũng không ít người âm thầm ái mộ, say mê; trong khi ấy, Tân lại không có điểm gì nổi bật, ăn nói vụng về, vóc dáng gầy gầy với cặp kính nặng, nên tuy là bạn khá thân của Thể Quỳnh, yêu say đắm Thể Quỳnh mà không dám nói. Ngay cả trong những buổi văn nghệ có nhảy đầm của trường, Tân cũng không dám mời Thể Quỳnh nhảy, chỉ ngồi nhìn Thể Quỳnh nhảy với các bạn khác. Rồi có một dạo, Thể Quỳnh cặp với Hoành, là sinh viên Y Khoa, Tân lại lẽo đẽo theo sau họ.

Mấy năm trời đại học! Rồi ngày ra trường, Thể Quỳnh gặp Tân và nói: "Quỳnh có hai tin - một tin buồn và một tin vui - muốn nói cho Tân nghe nha."

Tân nghĩ nhanh trong đầu, tin vui là lâu nay Quỳnh cũng thích Tân nữa, và rồi hình dung Thể Quỳnh sẽ ôm choàng lấy Tân mà hôn tới tấp. Còn tin buồn? Quỳnh sẽ trả lời là, À, Quỳnh chỉ nói nói đùa vậy thôi, chứ làm gì có tin buồn. Tân thấy mình rất hạnh phúc trong giây phút đó.

Chỉ giây phút ngắn ngủi thôi, bởi vì không phải như Tân ao ước và thầm nghĩ, Thể Quỳnh lại thản nhiên nói như thế này:

"Quỳnh sẽ không ở đây nữa, sẽ phải xa gia đình và bạn bè; đó là tin buồn. Còn tin vui là Quỳnh sẽ đi lấy chồng đó."

Tân nghe mà tưởng như bầu trời vừa “sụp đổ”. Mắt hoa lên!

***

Thể Quỳnh lấy chồng giàu, đúng ra là gia đình nhà chồng giàu. Họ qua Mỹ năm 1975 và Josh, chồng nàng sinh đẻ ở đây. Cha mẹ của Josh có một tài sản đồ sộ từ một công việc làm ăn mà không ai ngờ được là làm nghề rửa xe cho mấy đại lý bán xe hơi, xe cũ hay mới đều để ở ngoài trời, trừ năm bảy chiếc quá đặc biệt được bày trong showroom, và mỗi sáng sớm tinh sương dù là ngày nắng ráo hay mưa lạnh hay tuyết rơi trắng xóa, xe đều cần được rửa sạch, lau chùi bóng loáng trước khi tiệm mở cửa cho khách hàng vào coi mua xe. Nhiều năm cần cù. Từ một người rửa xe, được trả 25 xu cho một chiếc, ông lên làm chủ, trúng thầu nhiều mối, ông không còn rửa xe nữa mà mướn nhiều người làm công việc ấy với giá rẻ mạt. Mới đầu ông còn sáng sáng ngồi nhà điều động nhân viên rửa xe chỗ này chỗ nọ, sau này ông mướn hẳn một người coi công việc ấy, ông chỉ ra quán cà phê Starbucks ngồi tán dóc với mấy ông bạn hay ra sân gôn chơi gôn với họ. Khi dư dả ông cũng đầu tư vào đất đai, cao ốc nhà cửa cho thuê; tiền đẻ ra tiền, của đẻ ra của. Bà vợ của ông ngày xưa xinh đẹp, nhiều anh chàng có chữ nghĩa bằng cấp đi hỏi, nhưng bà lại chịu ông, mà thiên hạ hay đùa kêu ông là "người cày có ruộng"vì ít học, cục mịch -nhưng ai ngờ sau này biết cách làm ăn, giàu có. Họ lấy nhau từ Việt Nam.

Nghe nói cha mẹ Josh là người Việt thành công nhất ở thành phố này. Tờ báo Mỹ địa phương cũng từng có bài viết khá dài về họ. Ngoài hình hai người, được đăng lên báo là cái dinh thự đặc biệt của họ, nằm trên một đồi cao nhìn xuống vịnh Puget Sound, ngoài cổng có hai con sư tử lớn bằng đá trắng ngồi hai bên, có lối xe lên đồi dẫn vào nhà, trồng hai bên những cây phượng Mỹ, loại phượngchịu được thời tiết xứ lạnh, cành lá rũ xuống đất. Loại phượng có hoa đỏ thấy ở Việt Nam, mà học trò mỗi khi nhìn phượng nở thường buồn bã khóc than vì phải xa bạn bè mấy tháng hè, thì nơi đây không trồng được. Đồng hương người Việt có tò mò đi ngắm nhà của họ thì cũng dễ tìm: cứ đến Stevens Hill, thấy nơi nào có hai hàng phượng Mỹ là trúng phóc. Không thấy nhà người Mỹ nào có trồng loại cây này.

Josh, cậu con trai duy nhất của họ, học chưa xong ở trường đại học cộng đồng cũng theo nghề của cha; nhưng anh ta chưa từng đi rửa xe khổ cực như cha anh. Anh đấu thầu ở những khu vực khác, đấu với giá rẻ nên dĩ nhiên là trúng, vì anh cũng sẽ mướn mấy người dân Mễ ở lậu với giá rẻ, làm không một anh Mỹ bản xứ nào cạnh tranh, trúng thầu nổi. Anh cũng có tiền, tất nhiên là chưa nhiều bằng cha mẹ anh, và anh lấy vợ còn ngon hơn là ngày xưa cha anh lấy mẹ anh, vì vợ anh không những chỉ đẹp mà còn có chữ - là cô cử nhân kế toán Thể Quỳnh.

Cứ tưởng sau khi tốt nghiệp, Thể Quỳnh sẽ mở văn phòng khai thuế, chỉ cần mướn thêm một cô một cậu có bằng CPA đứng tên là đủ (Thể Quỳnh thi rớt bằng này), nhưng rồi Thể Quỳnh cũng chỉ ở nhà chứ không muốn làm ăn gì cả. Josh có tiền, rồi sinh tật bồ bịch, rồi cùng nhân tình lập không chínhthức tổ ấm thứ hai; vợ chồng Thể Quỳnh lục đục, Thể Quỳnh làm đơn ly dị, hưởng một số tiền không nhỏ của Josh - mà một phần lớn là của cha mẹ Josh cho Josh. Cuộc hôn nhân chấm dứt sau 5 năm,trước khi có con như họ đã từng dự định.

Bây giờ, Thể Quỳnh trở về thành phố cũ, tìm đến Tân. Tân lại thay đổi vóc dáng quá nhiều. Quỳnh thấy Tân lúc này người nở nang nhờ tập tạ, hai cánh tay có chút bắp vừa đủ giúp Tân trông khỏe ra, cũng không còn mang cặp kính cận vì đã giải phẫu mắt, nên trông Tân đẹp trai hẳn lên, Quỳnh bèn có ý muốn cặp bồ với Tân. Thể Quỳnh chưa nói rõ với gia đình nàng là cô vừa ly dị chồng, sợ là một cái sốc mạnh cho cha mẹ, cô chỉ nói là cô về đây vì vừa nhận một công việc mới. Thể Quỳnh kể như vậy với Tân, và dùng tình bạn xin ở tạm nhà của Tân, lấy một phòng, vì thấy nhà rộng mà trong lúc lại không dám dọn về ở với cha mẹ; Tân nể tình bạn nên không nỡ từ chối, khi mà Tân vẫn chưa hiểu thâmý của Thể Quỳnh.

Tân đang có người yêu là Dung. Hai người yêu nhau được hai năm, định là đầu năm sau làm lễ đính hôn, rồi mùa hè làm đám cưới. Dung ra trường đại học với bằng cử nhân về Anh Văn, có nhiều chọn lựa trong công việc, nhưng lại chọn mở một tiệm sách báo, đủ thứ tiếng, ngoài Anh và Việt. Lợi nhuận từ tiệm sách vừa đủ cho nàng, đúng là "sống qua ngày", nhưng nàng yêu công việc này. Nàng hay đùa, sách ế thì em đọc sách cũng hạnh phúc rồi. Tân có lần lo âu cho nàng:

"Làm sao em cạnh tranh nổi với Amazon, mấy tiệm sách lớn của Mỹ còn đóng cửa kia đó, em à."

Nhưng lạ là Dung vẫn có một số khách trung thành đều đặn lui tới ủng hộ cái tiệm sách be bé của nàng. Có lẽ khách thích cái không khí ấm cúng của tiệm sách và cô chủ tiệm rất thân thiện, dễ thương? Chưa kể bình cà phê cô pha lúc nào cũng ngon, hơn... cả cà phê Starbucks, có khách đã nói như vậy. Khách cũng thích cái góc nhỏ trong tiệm làm chỗ ra mắt sách cho những tác giả nào có sách mới muốn chọn tiệm cô để gặp gỡ độc giả ái mộ họ. Và cũng nơi đây, hàng tuần có một Book Club của

các bà, các ông đã về hưu, rảnh rang, tới đọc một quyển sách nào đó và cùng bàn luận với nhau. Một bình cà phê, một đĩa bánh cookies...cho họ lai rai thưởng thức. À, thì ra vậy!

Tân vô tình nên đã không bàn trước với Dung chuyện Thể Quỳnh xin ở nhờ, và Dung cũng chưa biết Thể Quỳnh là ai. Hình như Thể Quỳnh vẫn còn sức lôi cuốn Tân như ngày xưa, vì Thể Dung nói gì, Tân cũng răm rắp nghe theo. Thể Quỳnh cũng không thắc mắc là Tân đã có người yêu chưa, và việc vô nhà Tân ở như vậy có khó coi lắm không, cho dù Tân có vợ hay có người yêu rồi. Thể Quỳnh cũng chẳng hỏi chi tiết, cứ như là sau năm năm thì mọi việc vẫn như cũ. Thể Quỳnh có biết ngày còn đihọc chung trường, chung ngành, Tân đã thầm yêu mình. Ngày đó, nhìn bề ngoài Tân không có sức lôi cuốn dù học hành rất giỏi, nhưng Thể Quỳnh cũng thi đâu đậu đó có kém gì Tân - vì có nhiều anh do theo đuổi Quỳnh nên khi Quỳnh cần gì là họ giúp đỡ ngay, cho dù có học khác ngành, họ cũng rán tìm hiểu để tìm cái đáp số cho câu hỏi của nàng. Thể Quỳnh được cho là hoa khôi của trường. Chắc chắn vậy rồi, con gái Việt thời đó hiếm hoi, Thể Quỳnh lại xinh xắn hơn các cô kia mà.

***

Một tiệm sách nho nhỏ, ấm cúng nằm ở góc đường số 5 và đường King. Mặt chính quay ra đường King, quanh cửa chính và cửa sổ đã trang trí đèn chớp chớp, lấp lánh những hình ngôi sao, hoa lá, trông đã có không khí của mùa lễ lộc. Cũng có một lô sách mới của một tác giả mà Tân yêu thích, được chưng bày. Tân mở cửa - có tiếng chuông báo là có khách. Mùi lavender nhè nhẹ tỏa hương. Hômnay tiệm có nhiều khách nên Tân đi quanh tiệm rồi mà cũng chưa thấy bóng dáng Dung đâu. Cô bé họcsinh làm bán thời gian, chỉ cuối tuần và những mùa lễ, nhận ra Tân, cho biết là cô chủ bận ở nhà kho - đang tìm một cuốn sách cũ mà có một ông khách quen vừa hỏi - và lễ phép hỏi Tân:

“Chú cần gì, cháu giúp được không?”
Tân lắc đầu, nói:
“Cảm ơn cháu.”

Tân dự tính sẽ cho Dung biết chuyện Thể Quỳnh đang ở nhờ nhà chàng, cũng sẽ giải thích Thể Quỳnh là ai. Tân không ngờ là vừa xin ở nhà Tân hôm trước thì Thể Quỳnh đã mang va-ly vào ngay hôm sau. Cũng bởi Tân tình thiệt khuyên Thể Dung là đàn bà con gái không nên ở khách sạn lâu, mà nên về nhà ở. Thể Dung lại nói lúc này về nhà cha mẹ nàng thì không được.

Nhưng gặp lúc tiệm đông khách, Tân thấy không tiện nói chuyện với Dung. Chàng đến cái kệ để bình cà phê cho khách, lấy một cái ly giấy, rót cà phê vào, đưa mắt về phía nhà kho, gặp lúc Dung trở lên, chàng nhìn Dung như có ý chào Dung để ra về, rồi bước ra khỏi tiệm.

Trời lắc rắc mưa phùn, mới vào đông mà đã lạnh tái tê.

***

Rồi việc này việc nọ, mãi một tuần sau Tân mới đề cập về Thể Quỳnh. Vừa nghe Tân kể chuyện Thể Quỳnh ở nhờ thì Dung lộ vẻ không bằng lòng, nhưng nàng chưa nói gì. Tân cũng áy náy, cảm thấy cần biện hộ cho chuyện chàng làm:

"Là bạn cùng lớp ngày trước, nên anh cũng khó chối từ."
"Em nghe anh nói là cổ ngại về nhà, nhưng còn những cô bạn học khác thì sao?"
"Thời đó chỉ có ba, bốn cô, mà chắc là Thể Quỳnh không liên lạc được. Anh đoán vậy."
"Thôi, tùy anh. Em...tin anh."

Lúc này, Dung không biết là Tân và Thể Quỳnh ngoài là bạn học cũ, như Tân đã cho biết, Tân còn là cây si cổ thụ của Thể Quỳnh.

***

Nhưng việc không đơn giản chút nào. Thể Quỳnh tỏ ra quá thân thiện qua cử chỉ và lời nói, làm Tân bắt đầu thấy luống cuống. Thể Quỳnh lại quá đẹp – nét đẹp của một người đã từng có chồng, chứ không phải nét đẹp khép nép của một cô sinh viên ngày trước– cái thuở mà Thể Quỳnh còn là một đóa hoa mới vừa hé nhụy. Đúng là...cứ tự nhiên coi như nhà của mình, Thể Quỳnh ăn mặc mỏng manh như chỗ không có...Tân.

Trong khi có Thể Quỳnh ở chung nhà thì Tân cố tình lánh mặt – lúc thì trốn trong phòng riêng, lúc khác thì tá túc nhà bạn. Dù là nhà của mình mà lại cảm thấy không tự nhiên. Nhưng Thể Dung cứ nhắn message nhờ Tân làm cái này cái nọ. Bóng đèn trong phòng bị cháy, cần thay. Dung không biết cách sử dụng cái máy giặt. Có tiện đường thì mua giùm Quỳnh cục xà bông hiệu Coast, Quỳnh quen dùng loại ấy. Tan sở, về ăn cơm tối với Quỳnh đi nha – Quỳnh sẽ làm món mì Ý ăn với salad – Quỳnh đợi. Cuối tuần, Tân thích món phở không, Quỳnh nấu cho ăn.

Thể Quỳnh tình cờ thấy những quyển nhật ký của Tân, trong mấy hộc tủ. Quỳnh tìm những quyển của thời hai người còn học chung ở W (University of Washington) đọc, tò mò đọc những dòng chữ Tân ghi những cảm nghĩ của chàng đối với Thể Quỳnh. Quỳnh càng hiểu rõ ngày đó Tân mê nàng đến cỡ nào, dù nàng cũng đã đoán được, vì Trời cho con gái có cái nhìn bén nhậy hơn con trai.

Một bữa Tân đã lấy cớ bận việc nên đã cùng với partner làm ăn ở lại văn phòng để giải quyết cho xong mớ thuế cho khách hàng, thì Thể Quỳnh gọi cho biết nhà bị cúp điện bất ngờ. Trong bóng tối,Thể Quỳnh đụng cái bàn làm rớt cái ly, Thể Quỳnh mò mẫm làm sao mà đạp lên mảnh ly vỡ, cứa chân chảy máu; thế là gọi cho Tân khóc lóc trong phôn, làm Tân đã phải vội vã chạy về. Vừa thấy Tân là Thể Quỳnh khóc òa lên, và khi Tân đến gần cúi nhìn vết thương như thế nào để băng bó thì ngay khiđó, Thể Quỳnh đã ôm choàng lấy Tân mà hôn lên môi lên mắt Tân tới tấp. Tân đê mê với những nụ hônngọt lịm ấy; rồi khi chợt tỉnh ra, Tân hốt hoảng, đẩy vội Thể Quỳnh ra, và nói nhanh, để Tân băng vết thương rồi sẽ đưa Quỳnh đi đến phòng cấp cứu. Quỳnh nói, Quỳnh thấy không cần đi đâu; Tân ở lạivới Quỳnh cho Quỳnh an tâm là được rồi. Quỳnh không sao đâu!

Tân băng vết thương cho Quỳnh rồi hối hả nói, Tân cần phải trở lại văn phòng làm việc. Thể Quỳnh hẳn phải thắc mắc, giờ này? Không chờ Quỳnh nói, Tân đi như bay, chạy nhanh ra khỏi nhà. Chính căn nhà do Tân làm chủ!

Đầu óc Tân lung tung ý nghĩ: Dung đã tin mình, nếu Dung...biết được?

Mình không thể để tình trạng này tiếp tục xảy ra nữa.

***

Ngày hôm sau, Tân không về nhà, mà gọi cho Thể Quỳnh là Quỳnh cần mướn một căn nhà khác để ở nếu không muốn về với bố mẹ của Quỳnh – hồi Thể Quỳnh mới về đây,Tân đã từng nghĩ là sẽ mời Thể Quỳnh làm chung với Tân ở văn phòng khai thuế! May mà chưa mời!

Tưởng Thể Quỳnh đã ra khỏi nhà mình, như Thể Quỳnh đã nói là sẽ để chìa khóa ở dưới cái thảm trước nhà. Hấp tấp, Tân dùng code mở cửa, bước vào. Hóa ra Thể Quỳnh còn ung dung ngồi uốngcà phê ở cái breakfast bar!

Thể Quỳnh lại vờ như không có vấn đề giữa hai người, còn đề nghị giúp vốn một trăm ngàn cho Tân để Tân mở thêm chi nhánh. Còn nói, Quỳnh có ý định đó lâu rồi mà chưa bàn với Tân. Tân nói ngay:

"Tân không thể dùng tiền của ai hết, tiền của Thể Quỳnh lại càng không nên - đây không phải là số tiền nhỏ. Tân không muốn dây nhợ với Thể Quỳnh, làm cho Dung hiểu lầm, buồn phiền."

"Có gì mà Tân sợ Thể Quỳnh đến như vậy. Bạn bè giúp nhau thôi mà, trong lúc Thể Quỳnh có sẵn tiền mà không làm gì. Với lại, có gì mà hiểu lầm chứ. Tân sợ Dung đến như vậy sao?"

"Chuyện gì cũng có giới hạn của nó. Trong lòng Tân, chỉ có Dung. Tân không muốn đánh mất Dung nếu mà Dung không tiếp tục để cho Tân rộng lượng mãi với tình bạn cũ như thế này. Xin lỗi, tính tình Dung hiền lành, ngay thẳng, không ...quanh co..."

"Nhưng Tân yêu Thể Quỳnh mà. Thể Quỳnh biết, vì có đọc nhật ký của Tân. Tân viết, không lúc nào là Tân không nghĩ tới Quỳnh."

"Không! Không! Chuyện xưa rồi! Hay…nếu có, chỉ là cái tình cảm nhất thời. Bây giờ, Tân không còn …nghĩ tới Thể Quỳnh nữa."

"Sao bao năm nay Tân không lập gia đình? Có phải vì mình không?"

Gia đình Tân lâu nay cũng đã hỏi chàng sao không lập gia đình? Và bạn bè cũng hỏi có phải vì Thể Quỳnh không?

***

Dung từ tốn nói:

"Em cũng lo lắng, hồi hộp lắm; nhưng em không dám có ý kiến gì vì hóa ra là em đã không tin anh hay sao? Cô ấy lại là bạn cũ, nếu em cấm anh, nói này nói nọ, hóa ra em quá nhỏ mọn, nhưng mà nghĩ lại, em có thể mất anh. Em tin anh, nhưng sao tin được người khác? Và cũng có thể có những chuyện xảy ra ngoài tầm tay của mình. Sau chuyện này, em sẽ không cho anh tử tế với ai nữa đâu. Em phải giữ anh thật chặt chứ!" Nói tới đây, mắt nhìn Tân, Dung cười.

Một giây sau, nàng nói tiếp, "Có chuyện gì thì phải hỏi em trước. Em bằng lòng, anh mới được làm đó nha!"

Phải hỏi em trước,...rồi anh mới được làm!

Tân cảm thấy mình rất hạnh phúc đã gặp được một người như Dung. Hiền lành, hiểu chuyện, nhưng không phải là ngây thơ, không biết chuyện. Không đắn đo, Tân hứa ngay, mà không ngờ là chàng sắp trao cả cuộc đời của mình cho Dung, ngay cả...sự "tự do" của mình sắp... mất hết mà chàng nào có hay! ■

Linh Vang

Back to Contents

Vietnamese Poetry with Translation - Part 3 - Chế Lan Viên

by

Thomas D.Le

Writing under the pen name of Chế Lan Viên, Phan Ngọc Hoan took this Cham-sounding name to wrap his pain of having lost his country to the French in poetry purporting to reflect the Chams' comparable pain under Vietnamese expansion.

Born on 20 October 1920 at Cam Lo in Quang Tri Province, Phan Ngọc Hoan was educated at the Qui Nhơn High School, where he obtained the Middle School Diploma in a competitive examination. He pursued a private teaching career after this accomplishment.

Chế Lan Viên began writing poetry when he was twelve or thirteen, and by seventeen, had published his first collection, which he named *Devastation*, and in whose preface he proclaimed the artistic manifesto of a poetry movement called "The Rebellious Poetry School."

In 1954 he became a leading figure of the Vietnamese Writers Association, and a Deputy to the National Assembly. He spent decades writing poetry, essays, fiction, and literary criticisms. After 1975he moved to Saigon, and took up residence in the Tan Binh District, where he died on 19 June 1989.

His literary legacy includes the poems *Điêu Tàn* (Devastation) (1937), a collection of prose pieces *Vàng Sao* (Gold Star) (1942), *Gửi Các Anh* (To My Friends) (1954), *Ánh Sáng Và Phù Sa* (Light and Alluvium) (1960), *Hoa Ngày Thường -- Chim Báo Bảo* (Everyday Flowers -- The Storm Herald) (1967), *Hoa Trên Đá* (Blossoms on the Rock) (1984).

Chế Lan Viên's fame derived from his anthology *Devastation*, one of the outstanding chefs-d'oeuvre of the pre-war era. These poems lead readers into the infernal, weird, macabre and mysterious world of spirits. From them emanate fantastic images immersed in painful groans, angry lamentations, pent-up hatred and unspeakable enmity deeply felt for a people subjected to extinction, expressed in veiled and discreet references to a patriotism that had no issue except through this artifice.

Ngủ Trong Sao - Sleep Among The Stars

The poem *Ngủ Trong Sao* (Sleep Among The Stars) stands out as a fanciful, whimsical musing of a poet in search of the mystery of love, one that only the fabled beauty of a Chiem fair maiden of a lost people could kindle in the heart of men. His journey began among the stars in the awe-inspiring universe, and found her for an ephemeral moment only to see her evaporate into the misty land that no longer was. Before fading, she let her tears fall on his cheeks, as if to signify that the bliss was ending. Then one night on the seaside as he was facing his own vulnerability and insignificance before the immensity of space and time, he found the fair maiden again, in her distant pained cry that came through loud and clear, beckoning and insistent, because she was still around.

On a symbolic level, the poet expressed the romance, the love of his land that came naturally to him in an idyllic setting where his land was still his. But this romance, this land was not to last as it was slowly being carried away by force of circumstance, just as his fatherland was being ravished and carried away by force of arms. He remembered the tears that were shed during the brief moments of

happiness when the land he loved was slipping from his grasp. As he was contemplating his powerlessness before great odds, a distant call was suddenly swelling in his ears. His land was calling him, beckoning to him. The land was in pain, but it was still alive.

This poem in the collection *Devastation* is one of the bright moments in which light, stars, the moon, the maiden evoke romance, sweetness and gentleness by her presence. But soon the Chiem girlvanishes to leave only her desperate calls from the depths of space. But as a subtext, the land still endures. ■

Updated 16 April 2023

TDL

Ngủ Trong Sao

Ta để xiêm lên mây, rồi nhẹ bước
Xuống dòng Ngân lòa chói ánh hào quang
Sao tán loạn đua bơi trên mặt nước,
Tiếng lao xao dội thấu đến cung Hằng.

Rồi trần truồng, ta nằm trên điện ngọc,
Hai tay cuồng vơ níu áo muôn tiên
Đầu gối lên hàng Thất tinh vừa mọc
Hồn giạt trôi về đến nước non Chiêm.

Ta gặp Nàng trên một vì sao nhỏ
Ta hôn Nàng trong bóng núi mây cao
Ta ôm Nàng trong những nguồn trăng đổ
Ta ghì Nàng trong những suối trăng sao.

Nàng không nói, không cười, không than thở
Theo ta về sao Đẩu ở chân trời
Trên má ta lệ Nàng đâu bỗng nhỏ
Ôm má ta, Nàng sẽ bảo đôi lời.

Nhưng mà trăng ! nhưng mà sao ! nhưng mà gió !
Ồn ào lên, tán loạn chạy quanh ta
Phút hỗn độn qua rồi. Trời ! Đau khổ !
Bóng Chiêm nương dần khuất dưới sương sa.

Đêm hôm nay ngồi đây trên bờ bể
Ta lặng đếm thứ bao nhiêu thế kỷ
Đã trôi trong một phút vội vàng qua
Ta lắng nghe những thế giới bao la
Tụ họp lại trong lòng muôn hột cát,
Dòng tư tưởng lần trôi trong Lầm Lạc
Hồn say sưa vào khắp cối Trời Mơ,

Sleep Among The Stars

Hanging my clothes to the clouds, I tiptoed away
To the Milky Way awash in brilliant light.
The scattered stars swam around on the waterway
Sending the commotion clear through to the Moon bright.

Lying naked I lazed around the jade palace
Feverishly grabbing the dresses of fairies,
Resting my knees on the fresh rising Pleiades.
To Chiemland far my soul flew back in ease.

I met the Maiden fair on a small star
And kissed her lips within the lofty clouds.
I grabbed her tight bathed in moonlit shower,
And held her fast behind the starlight shrouds.

Without a word, a smile, a teeny plaint
She followed me clear to the North Star yond.
Then sudden drops of tiny tears fell faint
On my wet cheeks, she whispered some words fond.

But O! the moon, the stars, and the wind too
Arose in great tumult around poor me.
When all quiet, my pain boundlessly grew,
The maid of Chiem fading in far misty.

Tonight I sit hither on the beach sand
To quietly count up the centuries
That flitted by just as a swift clock hand.
I listen to the vast universes
Curl up into the tiny grains of sand,

Ai kêu ta trong cùng thẳm Hư Vô ?
Ai réo gọi trong muôn sao, chới với ?
-- Nàng, nàng, nàng, thôi chính nàng đương mong đợi. ■

Chế Lan Viên

My thoughts enmeshed in great Missteps,
My soul ensnared in rapt immense Dreamland.
Who called me from the depths of Nothingness?
Who cried in pain among the myriad stars?
-- It's her, it's her, it's her, waiting from very far. ■

Translated by Thomas D. Le
13 August 2004, updated 16 April 2023.

Back to Contents

Thơ Đường Luật Tại Việt Nam

Phí Minh Tâm *hiệu chính ngày 14-12-2022*

Người Việt Nam đã biết làm thơ Đường luật (chỉ tất cả các thơ làm theo luật thơ Đường từ xưa đến nay) từ thời nhà Đường bên Tàu với nhiều sĩ tử Việt Nam tham gia thi cử làm quan. Tôi chưa tìm được bài thơ nào của người Việt Nam trong thi khố Toàn Đường Thi Trung Hoa.

Sau khi độc lập, người Việt tiếp tục sáng tác thơ Đường luật bằng chữ Hán, sau đó bằng chữ Nôm và ngày nay bằng chữ Việt. Nhiều thi sĩ làm thơ bằng chữ Hán rồi dịch ra chữ Nôm. Ngày nay cũng có người làm thơ Đường luật chữ Hán rồi dịch ra chữ Việt. Thơ Đường luật Việt Nam còn được gọi là thơ Hàn luật theo tên của Hàn Thuyên, được coi như là người Việt Nam đầu tiên làm thơ Đường luật bằng chữ Nôm. Dưới đây là một vài bài thơ Đường luật của thi nhân Việt Nam:

Lý Thường Kiệt (1019-1105)
Thiền Sư Lê, Lý, Trần (900-1490)

Thiền sư Pháp Thuận (925-990)
Thiền Sư Khuông Việt (933-1011)
Thiền Sư Vạn Hạnh (? -1025)
Thiền Sư Viên Chiếu (999-1090)
Lý Thái Tông (1000–1054)
Thiền Sư Huệ Sinh (? -1064)
Thiền Sư Đạo Hạnh (? -1117)
Thiền Sư Mãn Giác (1052-1096)
Thiền Sư Trí Huyền (1070-1130)
Thiền Sư Không Lộ (? -1119)
Thiền Sư Giác Hải (Thế kỷ 11-12)

Trần Thái Tông (1218 –1277)
Tuệ Trung Thượng Sỹ (1230 - 1291)
Trần Thánh Tông (1240–1290),
Trần Nhân Tông (1258–1308),
Pháp Loa Thiền Sư (1284 –1330),
Huyền Quang Thiền Sư (1254-1334)
Trần Thì Kiến (1260–1330?)
Trương Hán Siêu (?-1354),
Trần Quang Triều (1287 -1325)
Nguyễn Trung Ngạn (1289–1370)
Trần Nguyên Đán (1326? - 1390)

Hàn Thuyên (1229-?)
Lê Thánh Tôn (1442-1497)
Lê Quý Đôn (1726–1784)
Hồ Xuân Hương (1772 - 1822)
Bà Huyện Thanh Quan (1805-1848)
Nguyễn Khuyến (1835-1909)
Võ Phá (1936-2016)
Bài Thơ Phức Tạp
Phân Tích Thơ TNBC

Lý Thường Kiệt (1019-1105)

南國山河 - 李常傑南	**Nam Quốc Sơn Hà - *Lý Thường Kiệt***
國山河南帝居截	Nam quốc sơn hà nam đế cư
然定分在天書如	Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
何逆虜來侵犯汝	Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
等行看取敗虛	Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Dịch Thơ:

Non Sông Nước Nam
Nước Nam sông núi vua Nam ở
Phân định rành rành tại sách trời
Lũ giặc cớ sao đến chiếm phạm
Chúng bây sẽ bị bại tơi bời.

The South Land, mountains and rivers, is where the South Land king lives.
This has been clearly written in the book of heaven.
Why do the invaders dare to occupy it?
They will certainly be defeated bitterly.

Mười bài họa vận ***Nam Quốc Sơn Hà*** và dịch thơ của Võ Phá:

恭敬和韵	**CUNG KÍNH HỌA VẬN**
和韵其一	Họa vận, kỳ nhất
自古已來决奪居	Tự cổ dĩ lai quyết đoạt cư,
北方貪望滿遺書	Bắc phương tham vọng mãn di thư,
我鄉雖小而英勇	Ngã hương tuy tiểu nhi anh dũng,
意志倔強實不虛	Ý chí quật cường thực bất hư.
	Chiếm đất xưa nay quyết chẳng thôi,
	Bắc phương tham vọng sách truyền đời.
	Nước ta tuy nhỏ mà anh dũng,
	Ý chí quật cường chẳng chuyện chơi.
和韵其二	Họa vận, kỳ nhị
刻心內國與僑居	Khắc tâm nội quốc dữ kiều cư,
中國故情造僞書	Trung quốc cố tình tạo ngụy thư.
東海賊曹呼所有	Đông hải tặc tào hô sở hữu,
世間皆識是言虛	Thế gian giai thức thị ngôn hư.
	Trong ngoài đất nước khắc tâm tư,
	Trung quốc cố tình tạo ngụy thư.
	Đông hải giặc kia hô sở hữu.
	Thế gian đều biết đó gian từ.

和韵其三
餘四千年既立居
我們唯欲得安舒
幾時漢賊來侵掠
惡罪嬴升盡碧虛

Họa vận, kỳ tam
Dư tứ thiên niên ký lập cư,
Ngã môn duy dục đắc an thư.
Kỷ thời Hán tặc lai xâm lược,
Ác tội doanh thăng tận bích hư.

Bốn ngàn năm lẻ đã xây nhà,
Dân Việt chỉ mong sống hiếu hòa.
Giặc Hán bao lần sang đánh chiếm,
Chất chồng tội ác ngập thiên hà.

和韵其四
越族千年保衛居
產生雄傑與英雌
北方侵犯曾吞恨
歷史英雄不記虛

Họa vận, kỳ tứ
Việt tộc thiên niên bảo vệ cư,
Sản sinh hùng kiệt dữ anh thư.
Bắc phương xâm phạm tằng thôn hận.
Lịch sử anh hùng bất ký hư.

Dân Việt ngàn năm bảo vệ nhà,
Anh thư hào kiệt đã sinh ra,
Bắc phương xâm lược từng ôm hận,
Lịch sử oai hùng chẳng phải ngoa.

和韵其五
大禍北方造拮据
使民眾越失安居
欲詳♛債軍侵掠
歷史宜温識實虛

Họa vận, kỳ ngũ
Đại họa bắc phương tạo kiết cư,
Sử dân chúng Việt thất an thư.
Dục tường huyết trái quân xâm lược,
Lịch sử nghi ôn thức thực hư.

Đại họa bắc phương tạo đọa đày,
Khiến cho dân Việt khổ bao ngày.
Muốn tường nợ máu quân xâm lược.
Lịch sử đem ôn rõ đúng sai.

和韵其六
時時漢賊欲侵居
證據顯然在古書
壹决全民須警覺
若無自主化成虛

Họa vận, kỳ lục
Thời thời Hán tặc dục xâm cư,
Chứng cứ hiển nhiên tại cổ thư.
Nhất quyết toàn dân tu cảnh giác,
Nhược vô tự chủ hóa thành hư.

Muôn đời xâm lược Hán không chừa,
Chứng cớ rành rành tại sách xưa.
Nhất quyết toàn dân cần cảnh giác,
Nếu không mất nước khó ngăn ngừa.

和韵其七
國破當然及失居

Họa vận, kỳ thất
Quốc phá đương nhiên cập thất cư,

青年投筆與琴書
從軍救國爲天職
灾禍北方是不虛

Thanh niên đầu bút dữ cầm thư.
Tòng quân cứu quốc vi thiên chức,
Tai họa bắc phương thị bất hư.

Nước mất thì nhà cũng phải tan,
Thanh niên vứt bút sách cùng đàn.
Tòng quân cứu nước là thiên chức,
Tai họa bắc phương chuyện rõ ràng.

和韵其八漢
賊侵陵以奪居
竹林罄盡尚難書
陰謀統治無時絕
呼說弟兄是更虛

Họa vận, kỳ bát
Hán tặc xâm lăng dĩ đoạt cư,
Trúc lâm khánh tận thượng nan thư.
Âm mưu thống trị vô thời tuyệt.
Hô thuyết đệ huynh thị cánh hư.

Tội ác Hán quân chiếm cửa nhà,
Mực đâu cho xuể để ghi ra.
Âm mưu thống trị không hề dứt,
Hoang thuyết anh em thứ quỷ ma.

和韵其九
畫涂牛舌是何居
無益使時寄抗書
中國自尊爲大國
倚強律例化空虛

Họa vận, kỳ cửu
Họa đồ ngưu thiệt thị hà cư?
Vô ích sử thời ký kháng thư,
Trung quốc tự tôn vi đại quốc,
Ỷ cường luật lệ hóa không hư

Đường lưỡi bò kia giặc muốn gì?
Kháng thư đem gởi để làm chi.
BọnTàu ỷ nước mình là lớn,
Luật lệ đem ra chúng cứ lỳ.

和韵其十
江山錦繡屬南居
確定昔時在簿書
衛國我心如鐵石
陰謀侵掠必然虛

Họa vận, kỳ thập
Giang sơn cẩm tú thuộc Nam cư,
Xác định tích thời tại bạ thư.
Vệ quốc ngã tâm như thiết thạch,
Âm mưu xâm lược tất nhiên hư.

Giang sơn gấm vóc Việt Nam mình,
Sách vở ngày xưa đã chứng minh.
Giữ nước, tâm ta như sắc đá,
Âm mưu xâm lược tất tan tành.

Thiền Sư Lê, Lý, Trần (900-1490)

Thiền Thi các đời Lê Lý Trần là các bài thơ tứ tuyệt hay thất ngôn bát cú bằng chữ Hán. Xem bài:

Thiền Thi Việt Nam Đời Lê Lý
Thiền Thi Việt Nam Đời Trần

Hàn Thuyên (1229-?)

Hàn Thuyên, tên thật là Nguyễn Thuyên (阮詮), làm tới chức Thượng thư Bộ Hình dưới thời Trần Nhân Tông. Hàn Thuyên được xem là người đầu tiên làm thơ Đường luật bằng tiếng Nôm với bài Văn Tế Cá Sấu bên dưới:

Bài Văn Tế Cá Sấu
Ngạc ngư kia hỡi mày có hay
Biển đông rộng rãi là nơi mày
Phú lương đây thuộc về thánh vực
Lạc lối đâu mà lại đến đây
Há chẳng biết rằng nước Việt xưa
Dân quen chài lưới chẳng tay vừa
Xuống nước giao long cũng phải chừa
Thánh thần nối dõi bản triều nay
Dấy từ Hải ấp ngôi trời thay
Võ công lừng lẫy bốn phương tĩnh
Biển lặng sông trong mới có rày
Hùm thiêng ra dấu dân cày cấy
Nhân vật đều yên đâu ở đấy
Ta vâng đế mệnh bảo cho mày
Hãy về biển đông mà vùng vẫy.

O crocodiles, do you know?
The vast Eastern Ocean is your domain,
While the Phù-Lương (Red) River is part of the sacred territory
Where you are forbidden to venture?
Do you not know that the inhabitants of the Việt country (nước Việt)
Are formidable fishermen?
Since the Hùng (kings), they have tattooed their body;
Even dragons fear them.
The celestial emperors have ruled down to the present dynasty
Which the Hải Ấp (the Trần home village) has acceded to the throne.
Its military exploits are famed in all four directions
And under its power the sea has calmed and the river become clear.
The tigers have fled the men who farm the land
Allowing all to live in peace.
In the name of the Emperor, I order you
To return to frolic in the Eastern Ocean.

English Translation by Ben Kierman in Việt Nam: A History from Earliest Times to the Present, Oxford University Press, 2017.

Giải nghĩa:
Ý tưởng bài nầy tương đối rõ ràng. Mở đầu, bài văn tế xác định rõ vị trí: Cá sấu thì ở ngoài biển khơi, nơi nầy là thánh vực, tức lãnh thổ nhà vua, cá sấu không ở được. Người Việt từ xưa đã quen nghề chài

lưới, giao long cũng phải sợ. Đất nước nầy nổi tiếng lừng lậy khắp bốn phương, đời sống thanh bình. Nay ta được lệnh ra báo cho mầy để biết mà hãy về biển đông.

Bản Văn Tế Cá Sấu bằng chữ Nôm tại đền thờ Hàn Thuyên

Bản Việt ngữ dưới đây lấy từ trang Soha trên Internet mới là bản phiên âm Việt ngữ của bản chữ Nôm tại đền thờ Hàn Thuyên.

*"Kia hỡi ngặc ngư **mày** có **hay**?*
*Bể Đông rộng rãi là nơi **mày***
Phú Lương đây thuộc về thánh vực
Lạc lối đâu mà lại tới đây
Phải biết rằng người Việt ta xưa
Vốn dân chài lưới có đâu vừa
Đời Hùng vẽ mình vua dạy bảo
Ngày đêm sông nước đảo long chừa
*Thánh thần đã dõi bấy chiều **nay***
*Đây từ hải ấp ngôi trời **hay***
Võ công vang dậy bốn phương tĩnh
***Bể bể sông sông** cũng nặng trong*
*Từ **nay** xa **dân dân** cày cấy*
Các vật đều yên đâu an đấy
*Ta vâng thánh thượng bảo ngay **mày***
*Về ngay biển **Đông** mà vùng vẫy".*

Độc giả thấy rõ khác biệt của 2 bản chữ quốc ngữ và cũng không cần biết chữ Nôm để nhận ra bản phiên âm nào đúng (so chữ Nôm với các chữ Việt cùng màu). Không có nguyên bản chữ Nôm, ta không thể xác nhận bản nào l à nguyên bản hay cả hai bản đều là sản phẩm của thời đại sau này.

Lê Thánh Tôn (1442 – 1497)

THƠ THẰNG MÕ
Mõ này cả tiếng lại dài hơi,
Mẫn cán ra tay chẳng phải chơi.
Mộc đạc vang lừng trong mấy cõi,
Kim thanh chuyển động khắp đôi nơi.
Trẻ già chốn chốn đều nghe hiệu,
Làng nước ai ai cũng cứ lời.
Thứ bậc dưới, trên, quyền cất đặt,
Một mình một chiếu thảnh thơi ngồi.
* *Theo Quốc Văn Giáo Khoa Thư Sơ Đẳng*

Đại ý. Thằng mõ là người đê hạ nhất trong làng, tuy vậy, có tiếng mõ rao khắp các thôn xóm, thì các người trong làng mới biết việc mà hội họp nhau lại. Bài thơ này khéo về lúc tả những cái rất hèn hạ mà chuyển thành những cái rất tôn trọng.

Giải nghĩa. *- Mẫn cán = nhanh nhẹn và chăm chỉ, - Mộc đạc = mõ gỗ. - Kim thanh = tiếng kêu vang. - Cứ lời = theo như lời mõ đã rao.*

Quốc Văn Tùng Ký AB 383 Quyển Thượng có bài chữ Nôm.

Lê Quý Đôn (1726–1784)

RẮN ĐẦU BIẾNG HỌC - Lê Quí Đôn*
Chẳng phải liu điu, vẫn giống nhà,
Rắn đầu biếng học lẽ không tha.
Thẹn đèn, hổ lửa, đau lòng mẹ,
Nay thét, mai gầm, rát cổ cha.
Ráo mép chỉ quen lời lếu láo,
Lằn lưng chẳng khỏi vệt năm ba.
Từ nay Châu, Lỗ, xin siêng học,
Kẻo hổ mang danh tiếng thế gia.
* *Theo Quốc Văn Giáo Khoa Thư Sơ Đẳng*

Giải nghĩa: *Rắn = cứng; Biếng = lười nhác; Liu điu = loại rắn, đây dùng nghĩa bóng nói người hèn hạ; Thẹn đèn, hổ lửa = ý nói học hành dốt nát, trông thấy đèn lửa mà thẹn thò, xấu hổ; Nay thét, mai gầm = ý nói không chịu học, làm cho cha phải quở mắng luôn; Vệt năm ba = nói phải đòntrên lưng, còn lằn; Châu, Lỗ = chỉ đạo Khổng, Mạnh, Khổng tử ở nước Lỗ, Mạnh tử ở nước Châu; Thế gia = nói một nhà ông cha đời trước làm nên danh giá.*

Ghi chú: Theo truyền thuyết, ông Lê Quí Đôn làm bài thơ này lúc ông hãy còn ít tuổi. Đầu đề có chữ "rắn", ông ứng khẩu làm ngay được, câu nào cũng ghép được tên một thứ rắn: liu điu, hổ lửa, mai gầm, rắn ráo, thằn lằn, hổ mang, thật tài tình.

Quốc Văn Giáo Khoa Thư Sơ Đẳng cho bài này của Lê Qúy Đôn. Tuy nhiên người ta không tìm thấy bài thơ này trong các bài viết của ông Lê Quý Đôn, mà Hồ Xuân Hương Thi Tập AB. 383 (AB.483 và AB. 398) lại có chép bài chữ Nôm bên dưới.

Hồ Xuân Hương (1772 - 1822)

Bà để lại hơn xx bài thơ chữ Hán và xx bài thơ chữ Nôm. Tôi không tìm được bài thơ nào của bà viết bằng chữ Hán rồi dịch ra Nôm.

渡華封
片帆無急渡華封峭
壁丹崖出水中
水勢每隨山面轉
山形斜靠水門通
魚龍雜處秋煙薄鷗
鷺齊飛日照紅
玉洞雲房三百六不
知誰是水晶宮

Độ Hoa Phong[1] - *Hồ Xuân Hương*
Phiến phàm vô cấp độ Hoa Phong,
Tiễu bích[2] đan nhai xuất thủy trung.
Thủy thế mỗi tùy sơn diện[3] chuyển,
Sơn hình tà khảo thủy môn thông.
Ngư long[4] tạp xử thu yên bạc,
Âu lộ[5] tề phi nhật chiếu hồng.
Ngọc động vân phòng tam bách lục[6]
Bất tri thùy thị Thủy Tinh cung[7].

Dịch nghĩa:
Lá buồm không vội vượt qua vũng Hoa Phong,
Vách đá đứng, sườn núi đỏ, giữa nước chỏi dựng lên.
Thế nước tuỳ chỗ theo mặt núi mà biến chuyển.
Hình núi nghiêng mình, nép tựa cửa lạch để nước thông qua.
Cá rồng lẫn lộn, khuất dưới từng hơi nước mỏng mùa thu.
Âu cò cùng bay trong ánh đỏ mặt trời chiều.
Cõi Tiên có ba trăm sáu động ngọc và phòng mây,
Đây không biết chốn nào là cung Thủy Tinh.

Dịch thơ:
Vịnh Hạ Long - Hồ Xuân Hương

Cánh buồm chẳng gấp vượt Hoa Phong,
Vách đỏ hai bên nước giữa dòng.
Thế nước đổi thay tùy mặt đá
Núi nghiêng nép tựa nước trôi thông.
Cá rồng ẩn núp trong hơi nước
Chim chóc cùng bay dưới nắng hồng.
Động ngọc phòng mây vô số kể
Ở đâu nào biết Thủy Tinh cung?

Chú thích:

3. Vũng Hoa-Phong là "vịnh Hạ-long" do lấy tên huyện xưa mà đặt ra, sau đổi làm Nghiêu-Phong (vào năm 1847 đời Thiệu-trị). Huyện này chủ-yếu gồm các đảo.
4. Tiễu-bích: núi cao chót vót, chơm chởm (theo *Hán-việt tự- điển* của Thiều Chửu).
5. Hình núi phản ánh dưới nước tùy theo thuyền di chuyển.
6. Ngư long: cá rồng chỉ chung các loài sống dưới nước. Tục-truyền xưa có rồng xuống ở đây, cho nên được đặt tên là Hạ Long.
7. Âu lộ: chim hải âu và cò, chỉ chung các loài chim.
8. Tam bách lục: ba trăm sáu, ý nói rất nhiều.
9. Thủy Tinh cung: cung-điện nơi cư-trú của Tiên ở biển.

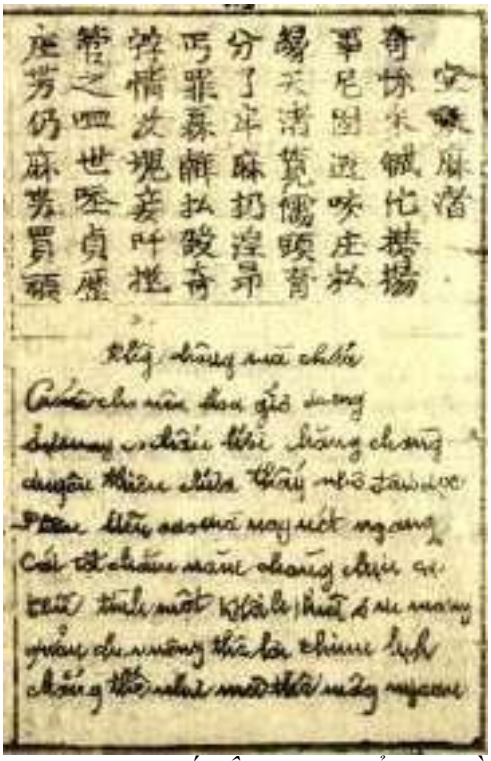

Nguồn: Xuân Hương Quốc Âm Thi Tuyển và Hồ Xuân Hương Thi Tập AB. 398.

Không Chồng Mà Chửa
Cả nể cho nên hóa dở dang
Nỗi lòng chàng có biết chăng chàng.
Duyên thiên[1] chưa thấy nhô đầu dọc

The Unwed Mother
Because I was too easy, this happened.
Can you guess the hollow in my heart?
Fate did not push out a bud

Phận liễu[2] sao đà đẩy nét ngang
Cái tội[3] trăm năm chàng chịu cả
Chữ tình[4] một khối thiếp xin mang
Quản bao miệng thế nhời chênh lệch
Chẳng thế, nhưng mà thế, mấy ngoan[5].

even though the willow grew.
He will carry this a hundred years
but I must bear the burden now.
Never mind the gossip of the world.
Don't have it, yet have it ! So simple.
Translation by John Balaban

Chú thích:

(1) Dùng lối chơi chữ Hán: Chữ Thiên 天 là trời nhô đầu lên thì thành chữ Phu 夫 là chồng.

(2) Chữ Liễu 了 là rõ hoặc hết, đồng âm với cây liễu chỉ người con gái, nếu thêm một nét ngang thì thành chữ Tử 子 là con. Hai câu này ý nói: Gái chưa chồng mà sao đã có con trong bụng?

(3)-(4) Tình và nghĩa gắn liền đặc tính truyền thống của tạ Hồ Xuân Hương nhấn mạng cái nghĩa, cái trách nhiệm mà người đàn ông nào đó thường vô tâm trước hậu quả để lại cho người phụ nữ.

(5) Tác giả đứng về phía người con gái mà dùng ý một câu ca dao: "Không chồng mà chửa mới ngoan; Có chồng mà chửa thế gian sự thường"!

Trong một xã hội bị trói buộc bởi Nho giáo, việc phụ nữ chửa hoang là điều tối kỵ nên mới có câu mỉa mai *"Không chồng mà chửa mới ngoan / Có chồng mà chửa thế gian sự thường"*. Là một nhà thơ nữ, Hồ Xuân Hương đã dũng cảm nói lên tâm sự của cô gáimang trong bụng một "khối tình" chỉ vì "cả nể" nhưng vẫn mạnh bạo mỉa mai sự nghịch lýchua chát của thân phận đàn bà: *"Không có nhưng mà có mới ngoan"*.

Trong bản dịch bài thơ *Vịnh người chửa hoang*, giáo sư John Balaban dùng tựa đề *The Unwed Mother*, trong đó "cả nể" được chuyển thể sang tiếng Anh thành "too easy"; "nỗi lòng" thành "the hollow in my heart" và "không có nhưng mà có mới ngoan" biến thành "don't have it, yet have it! So simple".

Cách chuyển thể của Balaban chỉ mới thoát ý về mặt ngôn từ. Ý nghĩa sâu xa của câu ca dao Việt Nam *"Không chồng mà chửa…"* chắc hẳn người đọc nước ngoài trong bối cảnh một nền văn hóa khác hẳn Việt Nam làm sao hiểu được sự mỉa mai của Hồ Xuân Hương. Câu kết *"Don't have it, yet have it! So simple"* của Balaban chắc chắn trở thành khó hiểu đối với người đọc bản dịch, nó không "đơn giản" (so simple) như lời của người dịch!

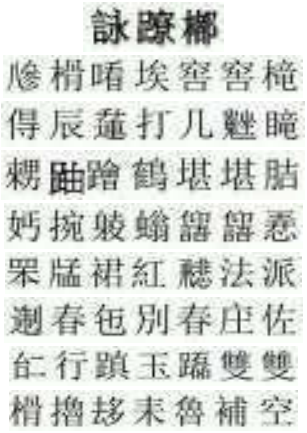

Vịnh Leo Đu - *Hồ Xuân Hương*

Tám cột khen ai khéo khéo trồng
Người thì lên đánh kẻ ngồi trông
Trai du gối hạc khom khom cật
Gái uốn lưng cong ngửa ngửa lòng
Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới
Hai hàng chân ngọc ruỗi song song
Chơi xuân đã biết xuân chăng tá
Cột nhổ đi rồi lỗ bỏ không.

Swinging

Praise whoever raised these poles
for some to swing while others watch.
A boy pumps, then arcs his back.
The shapely girl shoves up her hips.
Four pink trousers flapping hard,
two pairs of legs stretched side by side.
Spring games. Who hasn't known them?
Swingposts removed, the holes lie empty.

Translation by John Balaban

Bà Huyện Thanh Quan (1805-1848)

Bà Huyện Thanh Quan, tên thật là Nguyễn Thị Hinh để lại cho hậu thế 8 bài thơ chữ Nôm trong đó có bài *Qua Chùa Trấn Bắc* mà có người nói là của Bà Hồ Xuân Hương. Tôi không tìm được bài thơ chữ Hán nào của Bà, cũng như không tìm được nguyên bản thơ Nôm của các bài thơ khác.

Qua đèo Ngang *của Bà Huyện Thanh Quan được thể hiện bằng thư pháp chữ Hán và chữ Nôm trên cùng một tác phẩm - Ảnh: Bảo Toàn*
http://www.chuabuuminh.vn/PrintView.aspx?Language=vi&ID=7B400B

過昭昂 **Qua Đèo Ngang** - Bà Huyện Thanh Quan

_細岹昂俸唎斜
苦荄扦¾ 蘿扦华
林欽Û ; 憔註落
度扁滝助貝家汝
渃仱⁝i□□ 傷
茹痗□丐家« 踍
蹎等徠&渃
□趣情貞偺B 偺

Bước tới đèo Ngang bóng xế tà
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa
Lom khom dưới núi, tiều vài chú
Lác đác bên sông, chợ mấy nhà
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia
Dừng chân đứng lại, trời non nước
Một mảnh tình riêng, ta với ta

Nhân dịp phái đoàn của tổng thống Ngô Đình Diệm (nam Việt Nam) sang thăm Đài Loan năm 1959-1960, linh mục Nguyễn Văn Thích đã dịch bài thơ này sang chữ Hán tại bữa tiệc.

步到橫關日已斜
煙波間石石間花
樵歸岩下些些小
市集江邊箇箇多
杜宇心傷聲國國
鷓鴣魂斷思家家
停停佇望天山海
一片孤懷嗟我嗟

Bộ đáo Hoành Quan nhật dĩ tà,
Yên ba gian thạch, thạch gian hoa.
Tiều quy nham hạ, ta ta tiểu,
Thị tập giang biên, cá cá đa.
Đỗ vũ tâm thương, thanh quốc quốc,
Giá cô hồn đoạn, tứ gia gia.
Đình đình trữ vọng: thiên, sơn, hải,
Nhất phiến cô hoài, ta ngã ta.

Người viết mạn phép thay chữ ***thạch* 石 *đá*** với chữ ***diệp* 葉 *lá*** theo nguyên bản bài thơ.

Nguyễn Khuyến (1835–1909)
桂山詩集 • Quế Sơn thi tập
三元安堵詩歌 • Tam nguyên Yên Đổ thi ca

*Bài **Sơn Trà** được Nguyễn Khuyến viết bằng chữ Hán và tự dịch ra chữ Nôm. Bài thơ chữ Hán cần dịch nghĩa, nhưng bài chữ Nôm rất gần gủi với người Việt Nam.*

山茶 - 阮勸
春來客**賜**一山茶
醉裡朦曨不辨花
白髮蒼顏吾老矣
綠袍花笏子然耶
朝風祗恐穿嬌葉
暮雨偏疑落綠茄
久矣吾惟聞次鼻
絕無香信笑呵呵

Sơn Trà - *Nguyễn Khuyến*
Xuân lai khách tứ nhứt sơn trà
Túy lý mông lung bất biện hoa
Bạch phát thương nhan ngô lão hỹ
Lục bào hoa hốt tử nhiên da
Triêu phong chi khủng xuyên kiều diệp
Mộ vũ thiên nghi lạc lục gia
Cửu hỹ ngô duy văn thứ tỵ
Tuyệt vô hương tín tiếu kha kha

Rút từ Quế Sơn Tam nguyên thi tập (A.3160), Quế Sơn thi tập (A.469), Nam âm thảo (VHv.2381).

Dịch nghĩa: **Trà Núi**
Xuân đến có người khách cho ta một cây hoa sơn trà,
Trong cơn say mèm, mắt lờ mờ chẳng nhận rõ là hoa gì.
Tóc bạc, mặt xanh tiều tụy, ta đã già rồi sao!
Mặc áo bào xanh, tay cầm hốt hoa chính là ông đấy à

Gió sớm chỉ sợ xuyên qua lá (xỏ lá) mềm mại,
Mưa chiều e ngại làm rụng mất hoa cà xanh.
Gần đây ta chỉ nghe bằng mũi,
Tuyệt nhiên chẳng thấy một chút hơi thơm nào, phì cười khà khà.

排詩譯音:[illegible]茶
客 固 迻 朱 没[illegible]
醝濂 芾 固 辨 味划
眉 撑 [illegible]些 查佴 滯
鉑 襖 [illegible] 帝 啊逾 凄
只 [illegible]坊 □萝湄 朝
陡怍 屡 蝔查
[illegible]些 祗 杖朋 .:
啲 别 味 [illegible] 啃 啊

柳文堂藏板源 : 三元安堵詩歌.啓定十年三月吉日新刊.

Bài thơ Quốc âm[1]: **Khóm Trà**[2]
Khách[3] có đưa cho một khóm trà
Say nhèm [4] nào có bén mùi hoa
Mày xanh tóc trắng ta già nhỉ
Đai bạc áo lam bác đấy à
Gió sớm chỉ e phường xỏ lá [5]
Mưa chiều luống sợ lũ dơi già[6]
Lâu nay ta chỉ nghe bằng mũi
Đách biết [7] *mùi thơm* [8]*, một tiếng khà*

Nguồn : Tam Nguyên Yên Đổ Thi Ca (1926) Liễu Văn Đường tàng bản (trang 3b-4a)

Một bài chữ Nôm từ nguồn khác:

Bài thơ Quốc âm[1]:
Tạ Người Cho Hoa Trà[2]
Khách[3] có cho ta một chậu trà
Ta say ta chẳng biết rằng hoa
Răng long tóc bạc ta già nhỉ
Áo tía đay vàng bác đấy a
Mưa nhỏ những kinh phường xỏ lá [5]
Gió to lại sợ lúc rơi cà[6]
Xem hoa ta vẫn xem bằng mũi
Đếch[7] *thấy hơi thơm* [8]*, một tiếng khà*

Nguồn : Yên Đổ Thi Tập, Quốc văn tùng ký, *AB.383 digcoll_37467*

Chú Thích:

1. Quốc âm: tức chữ Nôm; phiên âm ra Việt ngữ.

2. Sơn trà: một loại hoa đẹp nhưng không có mùi thơm.

3. Khách: Người tặng hoa Sơn Trà cho cụ Tam Nguyên Yên Đổ Nguyễn Khuyến.

Cuối năm 1883, Nguyễn Khuyến được cử làm quyền Tổng đốc Sơn Tây thay cho Tổng đốc Nguyễn Đình Nhuận đã bỏ Sơn Tây lên Hưng Hóa chống thực dân Pháp, nhưng Nguyễn Khuyến từ chối. Sau đó Hoàng Cao Khải Kinh lược sứ Bắc Kỳ mời ông đến nhà dạy học, rồi Lê Hoan - Tuần phủ Hưng Yên tổ chức thi vịnh Kiều vào mùa xuân năm Ất Tị (1905), mời ông làm giám khảo.

Giai thoại kể rằng Chu Mạnh Trinh được giải nhất về thơ Nôm. Khi đọc bài *Vịnh Sở Khanh* của Chu đến câu: "*Làng **Nho** người cũng coi ra vẻ, Bợm **xỏ** ai ngờ mắc phải tay"* Nguyễn Khuyến đã phê: "*Rằng hay thì thật là hay, Nho đối với xỏ, lão này không ưa."* Chu Mạnh Trinh không bằng

lòng, nên nhân ngày Tết gửi tặng Nguyễn Khuyến một chậu sơn trà với dụng ý bảo Nguyễn Khuyến mờ mắt không thấy sắc đẹp. Nguyễn Khuyến làm bài thơ này gửi lại Chu Mạnh Trinh để mỉa mai.

Tuy nhiên, người tặng hoa Sơn trà cho Nguyễn Khuyến, có lẽ không phải là Chu Mạnh Trinh mà có thể là Hoàng Cao Khải. Cũng có thuyết nói người tặng hoa trà là Dương Lâm, em Dương Khuê. Nguyễn Khuyến không ưa Dương Lâm nên cố ý tặng một chậu hoa hữu sắc vô hương để chơi xỏ, ý nói Nguyễn Khuyến không có mắt nhìn người.

4. Say nhèm : chữ 濂 *nhèm* lấy âm từ chữ 而 (nhi) nên có thể phiên là *nhè*; một âm địa phương: *say mèm.*

5. Xỏ lá: chỉ những hành động thâm hiểm, đểu cáng. Bản chữ Hán "xuyên diệp" có hàm ý đả kích kẻ chơi trò "xỏ lá" tặng cây sơn trà.

6. Dơi già: Bản chữ Hán "lạc gia" tác giả tự dịch ra nôm là "dơi già" thay vì "rơi già", đồng âm ngụ ý chê người tặng hoa.

7. Đách biết啲别 : chẳng biết (*thoại ngữ* ít dùng trong *thi văn*).

8. Mùi thơm 味濈: chữ 濈 là biến dạng của *hương* 香

Thu Điếu - Nguyễn Khuyến

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.
Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.
Tựa gối, ôm cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

Nguồn : Yên Đổ Thi Tập, Quốc văn tùng ký, *AB.383 digcoll_37467*

Đại ý. Bài này tả cái cảnh một ông già, đang ngồi trong chiếc thuyền con mà câu cá ở dưới ao. Trời xanh, nước biếc, lá vàng rụng, gió hiu hiu thổi là cái cảnh mùa thu; tựa gối, ôm cần, khách vắng là cái cảnh nhàn hạ.

Giải nghĩa. - *Trong veo = trong suốt. - Làn = gợn nước theo chiều gió đưa về một ngả nào. - Đưa vèo = lá rụng xuống mặt nước, gió thổi chạy nhanh như thuyền.* ■

(còn tiếp)

Phí Minh Tâm

Back to Contents

Giới Thiệu Các Thi, Nhạc, Nghệ Sĩ trong Vườn Tao Đàn Facebook của Vương Thanh

Thơ văn tranh nhạc cùng ca hát
Tao Đàn Facebook góp chung vui
Đây trang lưu niệm tình văn nghệ
Những đóa hoa thơm gửi tặng Đời

Mời độc giả bước vào vườn Tao Đàn FB của Vương Thanh và các bằng hữu. Thả hồn theo tiếng lòng hoài cảm, ngậm ngùi của nhà thơ **Phan Mạnh Thu** về tuổi thơ và quê hương với những vần thơ lục bát thật đẹp, thật mượt mà: "*Ra đi khuất mấy dặm ngàn / Thề xưa đành để trăng vàng lạnh rơi", "Sợ mai nhạt mất má hồng / Tìm trong cổ kính chẳng còn bóng xưa", "Chưa xa đã gọi cố nhân / Cung đàn lạc phím tơ ngân rã rời", "Vườn xưa nghe gió thở dài / Trong từng thớ đất cũng đầy niềm riêng".*

Lại mời thả "Bước Chân Qua" trang thơ **Mục Tú** để lắng nghe nỗi lòng chua xót qua dòng u lệ đầy thương cảm về My Nương và Trương Chi một thuở xưa nào : "*Thương My Nương giọt lệ sầu cô quạnh / Thà thiên thu mơ tiếng sáo nghê thường / Gặp mà chi tan giấc mộng yêu đương / Trương Chi hỡi muôn đời xin giấu mặt !*". Và nghe tiếng lòng ai đang thổn thức giữa canh thâu: "*Mang hết rừng thu về đốt lửa / Cũng không sưởi ấm được tin yêu".*

Rồi chúng ta lại ghé thăm nhà thơ **Dạ Vũ Nguyên Minh** ở cố đô Huế để nghe một khúc **Vô Âm** cho người yêu muôn thuở. Chỉ là đã là khúc vô âm nên nàng không thể nghe được, và nhà thơ đành chỉ ngậm ngùi: *"Em không là muối biển / Sao mặn chát lòng tôi ? / Đêm đâu là miên viễn / Sao đắng cả luân hồi ?".* Nhà thơ đau lòng và làm cho vầng trăng trên trời cao cũng đau theo: "*Nửa mảnh rơi chìm cuối vực sâu / Nửa treo vắt vẻo nhánh thương sầu / Tình chia thăm thẳm đường miên viễn / Nghiêng nửa bên nào - Trăng cũng đau !"*

Kế tiếp, chúng ta lại đi thăm nhà thơ **Thiên Di,** xem một video ca nhạc về **"Đời Cỏ Cây**" được phổ nhạc từ bài thơ cùng tựa. Một khúc sinh mệnh ca về đời sống của loài cỏ cây từ một mầm non, nghe rất sống động và mới lạ: *"lách bóng tối trồi lên / chiếc mầm non nhỏ xíu / vươn về phía ánh sáng / khao khát đón mặt trời..... đem trao hương mật ngọt / tặng ong bướm làm quà / nhờ phận duyên mai mối cây nở nhuỵ khai hoa*". Từ Đời Cỏ Cây nhà thơ lại hình dung "**em gầy như cỏ"** với những vần thất ngôn thật mượt mà: "*Em về nơi phố, phố đông người / Hương núi rừng xa vẫn một trời / Góc phố xôn xao em rạng rỡ / Vẫn gầy như cỏ núi hồn tôi".* Rồi nàng thơ lại mơ làm một **"cánh chim nhỏ**" để bay lượn giữa vòm trời cao rộng; lời thơ thảnh thơi, êm dịu, bát ngát tự do, xa lánh những nỗi muộn phiền nơi trần thế : *"…. Mùa thu đón lá phong / Mùa đông soi bóng nước / Bay lên miền sơn cước / Bay qua cánh đồng xanh / Bay trên ngọn sóng ghềnh / Dang vòng tay ôm gió / Ta làm cánh chim nhỏ / Hát mừng tia nắng mai …"*

Hôm nay, chúng ta tạm dừng chân nghỉ ngơi. Ngày mai lại đi tham quan tiếp.
Sáng hôm sau...
Bây giờ, chúng ta sẽ ghé thăm thi nhạc sĩ **Nguyễn Chinh** xem nhà nghệ sĩ này nằm mơ lúc ban ngày, mơ về một **tiêu khúc Tương Phi** : «*ta mơ giữa bạt ngàn lệ trúc / mộng về tiêu khúc hồ nghi / ôi huyết lệ bốn nghìn năm cũ / hằn trên da thịt trúc tương phi (*)* » Nhưng đó cũng chỉ là mơ, một giấc mơ liêu trai, đậm nét cổ thi. Còn giấc mơ, tưởng nhớ về Nhỏ trong « **Bài Cuối Đông Cho Nhỏ** » thì gần với hiện đại hơn. «.....*xa nhau rồi - chút tình xin khép lại / mùi hương xưa xin trả gió bay cao / trên tóc thả - mang hồn anh tê tái / chờ nắng về tô mắt nhỏ xanh xao. »*

Kế tiếp chúng ta lại đến nhà nhạc sĩ **Tống Hữu Hạnh** để thưởng thức những ca khúc trữ tình. Lắng nghe khúc nhạc **« Dường Như Là Xuân** » với tiếng hát ngọt ngào của ca sĩ Phương Dung « *Dường như ta vừa gặp mùa xuân trong mắt ai / Dường như hoa sắp nở ngập ngừng / Dường như trăng vừa nhập / vào thênh thang dáng ngày.....* » Ca khúc này ca ngợi mùa xuân và giai nhân, nhưng một bài « dường như » khác lại chua xót, ngậm ngùi. Hãy nghe « **Dường Như Chỉ Mới Hôm Qua** » với tiếng hát Tâm Thư trình bày: *« chim rớt trên đồi cao / hoa úa trong lòng nhau / Ôi. Xót xa chìm sâu / Đến mãi muôn ngàn sau »* Sau đó lại đến lời nhạc sĩ thương tiếc về **« Mối Tình Học Trò** » rồi sau cùng là thở than về thân phận của một kiếp người trong ca khúc **« Bọt Bèo Phận Tôi** » : « *Còn bóng tối cho ta ngồi hát / Lời mênh mông trên những ưu phiền.....Còn nước mắt cho ta ngồi khóc / Cuộc trăm năm xoay đời nổi trôi..... »*

Tiếp theo, chúng ta đến rạp hát của nhạc sĩ Lăng Lập để nghe những ca khúc tuyệt vời được phổ nhạc từ thơ của nhà thơ **Mỹ Hạnh.** Thơ MH ngôn từ bình dị, tự nhiên, ý lời trẻ trung, tươi mát. Bắt đầu với bản nhạc « **Hương Tóc Tình Yêu** » với sự trình diễn của nghệ sĩ Lê Thu Hiền cùng đoàn vũ công nhảy múa. Những lời thơ phổ nhạc ngọt ngào : « *Tóc mây em cột tơ trời / Cột thương, cột nhớ rối bời tình anh / Tóc em vương vấn ngày xanh / Thoảng hương bồ kết dỗ dành thời gian ».* Bước qua sân khấu khác đang trình diễn bài **« Tiếc Thu** » với lời nhạc nhẹ nhàng, tha thiết : « *Em giơ tay hứng lấy / Ánh sao rơi bên thềm / Lặng nhìn sao đang khóc / Nước mắt trôi vào đêm ».* Rồi sau đó tới khúc nhạc vô cùng nhí nhảnh, dễ thương **« Bốn Mắt** »: "Trời cho hai mắt / Anh lại ăn gian / Gặp trời thở than / Xin cho bốn mắt / Người thì tấm tắc / Bốn mắt oai ghê .....".

Và sau cùng, lại thả hồn theo dòng nhạc « **Mây Trôi Bềnh Bồng** »: "....Em dừng chân hôm ấy / Muốn được làm chủ nhà / Mà sao hôm lấp lánh / Chào cô tiểu thư xinh / Trăng bên khung cửa sổ / Cũng nhìn em rất tình / Trăng trôi trong đêm vắng / Soi chúng mình bên nhau / Em giờ xa xôi lắm / Hỏi phố có chờ trông? / Em thoảng qua trong gió / Cùng trăng đêm bềnh bồng. "

Giờ chúng ta sẽ đến thăm nghệ sĩ **Dung Nguyễn** ở Đông Hà để nghe nàng đàn hát những ca khúc trước 75 thật trữ tình. Những nhạc khúc như « **Khi Đã Yêu** » của cố NS Nguyễn Văn Đông, **« Xin Em Đừng Hỏi** », « **Chiều Trên Phá Tam Giang** » của NS Trần Thiện Thanh, «**Ngày Mùa »** của NS Văn Cao, « **Cô Nữ Sinh Đồng Khánh** » của NS Thu Hồ. Tất cả những nhạc khúc được Dung trình bày thật tuyệt vời, với những ngón tay ngà lả lướt trên dây dàn và tiếng hát kinh điển, ngọt ngào, truyền cảm, trong trẻo và êm dịu ...của nhà nghệ sĩ tài hoa.

Quay về Hoa Kỳ đi thăm nhà thơ **Azalea Nguyễn**, tác giả lời nhạc của ca khúc **« phai tàn** »với giai điệu Nhật bản của nhạc sĩ Lê Hữu Nghĩa, đã được trình diễn trên nhiều sân khấu với ca sĩ mặc kimono Nhật và đoàn vũ công ca múa. Lời nhạc rất Hay và ấn tượng : " *....Nắm tay nhau lòng dâng tình say Bước bên nhau hồn trôi ngàn mây, / Chung đời từ đây. / Ngày nào bao yêu dấu, / Sánh vai ta dạo bước vườn đào, / .....", "Tình xưa mất trong hồn, / Sầu như nấm mồ chôn. Lạnh lùng bước bên đời, Nhạt nhòa trên dấu môi…".*

Mời quý bạn thưởng thức tuyệt phẩm **"phai tàn".** Tiếp theo lại được xem những vần thơ nhớ Mẹ rất cảm động trong bài "**Thu Về Nhớ Mẹ**": "*Nhiều đêm thức giấc ngỡ ngàng, / Bàng hoàng cứ tưởng mẹ đang bên mình. / Cầu trời lâu tới bình minh, Ở thêm chút nữa bóng hình ôm con…"*

Giã từ Azalea Nguyễn, chúng ta đến thăm nhà thơ **Dòng Nước Xanh** và nghe ca khúc tuyệt vời "**Vang Câu Hò Vọng "** của nhạc sĩ Lê Trung Tín phổ thơ DNX, qua video rất nghệ thuật với tiếng hát

thanh thoát, ngọt ngào, truyền cảm của danh ca Uyên Di.

Lời thơ cũng rất là Đẹp: "*HÒ..Ơ.. / Câu hò vọng suốt mấy mùa / Vẫn không ngăn nổi buốt lùa đông sang / Câu hò vọng chốn nhân gian / Vẫn không ngăn nổi muôn vàn khổ đau..*" Tiếp đến chúng ta được nghe một ca khúc quỷ dị, kỳ bí, nữ thần của sự chết, nàng Covid trong nhạc khúc "**Hồn Vỡ"** với lời nhạc thật lạ lùng, kỳ dị : "*Nàng mang hồn vỡ vô lượng kiếp / Trãi khắp nhân gian mảnh oán sầu / Lòng biến quạ đen kêu thảm thiết / Rung chuyển trời cao trăng liêu xiêu ..... "*

Nhưng trước khi giã từ, nhà thơ muốn lưu lại ấn tượng thật đẹp, nên đã cho nghe những ca khúc thật ngọt ngào "**Ru Anh"** , "**Thu Dệt Cung Tơ**" của nhạc sĩ Lê Trung Tín phổ thơ tác giả. Đây những lời nhạc thật mềm mại, ngọt ngào : *"Trong em chỉ có vầng hoa nắng / Và trái tim anh để tôn thờ." " ....Thượng đế ban cho nỗi khổ đau / Và ban anh như phép nhiệm mầu" .*

Cùng với những lời ru Anh ngủ rất dịu dàng, ngọt như mật ong: *"Rừng đông thay lá tươi xanh / Nâng niu em xếp mộng lành ru anh / Nắng chiều cho dẫu mong manh / Kết thành chuỗi ngọc đan mành ru anh....."*

Sau những lời ru anh ngọt ngào còn âm hưởng bên tai, chúng ta lại tiếp tục cuộc hành trình đi thăm trang nhà của nhà thơ **Vương Anh Đào** với những áng thơ văn thật khó tìm mà tác giả chỉ gửi đặc biệt cho tập thơ Tao Đàn FB này. Mời nghe những vần lục bát bay bổng nhẹ nhàng:

"*Đàn ơi! gảy khúc lênh đênh / Tiếng lòng thổn thức chênh vênh mấy mùa / Bên song nước chảy gió lùa / Cành hoa trắng hỡi! phận đùa tả tơi..."* Và những vần thơ phiêu phiêu như lá vàng bay: "*Bâng khuâng nhặt chiếc lá vàng / Nghe thời gian đọng nhẹ nhàng bóng thơ"* trong áng thơ "Bằng chứng lá vàng".

Rồi chúng ta đi theo dòng suối văn "**Trên Đỉnh Phù Vân",** bềnh bồng như áng mây trôi, nhẹ nhàng như chiếc lá rơi theo làn gió bay về cuối trời. Dòng tâm sự trôi lãng đãng như đóa phù vân về kỷ niệm, bè bạn, nhân sinh, và kiếp người. Một áng tản văn tuy dài vài trang nhưng đọc như là một bài thơ chứa chan dòng tâm sự bềnh bồng như làn mây trắng phiêu du giữa vòm trời mênh mông.

Sau khi bay bổng lên cung mây với "**Trên Đỉnh Phù Vân**", và "**Người Em Vườn Thúy**" , chúng ta lại tiếp tục bay trên không qua thủ đô Paris với dòng sông Seine lãng mạn. Ghé vào thăm trang nhà nghệ sĩ, thư pháp gia **Văn Tấn Phước** xem Anh, vừa nhắp rượu xong, lại phóng bút viết dòng thư họa. Trên trang giấy trắng vốn không có gì, lại nở ra những dòng chữ đẹp lung linh, có khi mềm mại như hoa anh đào, có khi sắc như đao kiếm. Rồi nghe người nghệ sĩ tài hoa vui miệng hát nhạc khúc **"Thúy Đã Đi Rồi**" của nhạc sĩ Y Vân, giọng trầm ấm buồn buồn, rồi tới "**Khúc Thụy Du**" da diết và "**Áo Lụa Hà Đông**" ngọt ngào lãng mạn, và sau nữa là nhạc khúc "**Anh Hùng Vô Danh"** oai hùng do Anh phổ nhạc từ thơ của thi sĩ Đằng Phương Nguyễn Ngọc Huy. Rồi Anh lại ngâm thơ. Giọng trầm ấm, như

thấm men say, rượu nồng cognac, vang lên những vần thơ say đắm, dị kỳ trong "**Kỳ Nữ"** của Thi Sĩ Đinh Hùng, nhà thơ của tình sử liêu trai. Trước khi giã từ, Anh hát một ca khúc tràn đầy cảm khái nhân sinh. Nhạc khúc "**Hỏi Thầm Hạt Sương"** được Anh phổ nhạc từ thơ của thi sĩ Từ Nguyễn. Những lời thơ thật đẹp và đầy nỗi suy tư: "..... Ta hỏi mây lang thang / Bềnh bồng trên ngày tháng / Suốt một đời phiêu lãng / Có khi nào bâng khuâng? ..... / Ta hỏi ánh nắng vàng / Có bao giờ khắc khoải / Dặm đường xa có mỏi / Mà ngủ vùi hoàng hôn....."

Đến hôm sau, VT rời thủ đô ánh sáng Paris để trở về chốn thiên nhai. Còn hơn hai mươi nơi chưa có đưa bạn đọc đi chơi mà VT lại muốn bận rồi. Xin mời quý độc giả hãy tự mình đi dạo khắp nơi để tìm ra những đóa hoa thơ, hoa nhạc mới lạ, ngào ngạt dị hương, mỗi loài một vẻ, trong khu vườn Tao Đàn Facebook nho nhỏ, ấm cúng này. ■

Link vào vườn thơ "Tao Đàn Facebook" của VT: https://drive.google.com/file/d/1yLR1SQE7K1G-b6E5xReSzFkbNx1xSkdMD/view?usp=sharing

Vương Thanh

02.27.2023

Back to Contents

Back to Contents

Thư Tràng An - kính gửi Thầy!

VânLan

Kính Thưa Thầy,

Hôm nay chúng con đi tham quan Tràng An, cố đô Hoa Lư. Chúng con du thuyền trên dòng sông Sào Khê lịch sử. Đây là nơi Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân, và chọn Hoa Lư làm kinh đô. Bâng khuâng ngắm cảnh non nước hữu tình, tự hào nhìn giang sơn gấm vóc, con xúc động cảm nhận trong mình dòng máu cha ông. Thuở nào cờ lau phất phới, gió mây lồng lộng! Thuở nào bút thơ veo vút trời xanh…!

Photo by Vân Lan

Photo by Long Quang

Đặc biệt với con, niềm xúc động dâng trào khi chúng con tới Hành Cung Vũ Lâm. Kỳ lạ thay! Chốn sơn thủy thanh u này rạo rực trong con, bồi hồi con nghe "dòng sông hai lần chảy[1]" nơi mình!

Hành Cung Vũ Lâm được vua Trần Thái Tông khai lập và sau đó từng là căn cứ địa đời Trần, nơi lưu khí thế hào hùng của dân tộc qua hai cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông. Nhìn nhận ra quân Nguyên Mông quen cưỡi chiến mã và tinh nhuệ nơi thảo nguyên bằng phẳng, nhà vua đã dùng Hành Cung Vũ Lâm nơi địa thế núi rừng âm u hiểm trở, các nhánh sông quanh co, hang động bí ẩn làm căn cứ địa cho người Việt mình, vừa giấu được quân lương và quân lính, vừa đánh úp được quân thù! Dòng sông thứ nhất là dòng thăng trầm lịch sử mà cha ông giữ gìn và dựng xây sơn hà xã tắc. Cha con từng viết cho con:

"Lớn lên tô điểm giang sơn
Sao cho xứng với nước non anh hùng!"

(TMCS)

Tuy không xứng với câu thơ của cha, nhưng tinh thần của cha ông vẫn bình yên chảy nơi dòng sông ấy lòng con.

Photo: unknown source

Non xanh, nước biếc. Gió thanh thanh, mây lãng lãng. Nhịp chèo khua êm ả. Trong lòng con đồng vọng câu thơ Thầy:

Đồng vọng thiên thu
một chuyến đò
Không người qua bến,
lạnh hai bờ!
Chèo khua
đã động hồn thiên cổ
Ai gọi lưng mây,
nước lặng tờ!

(Minh Đức Triều Tâm Ảnh)

Dòng sông thứ hai, dòng sông Đạo, đưa con về đảnh lễ vua Trần Thái Tông và vua Trần Nhân Tông. Vua Trần Thái Tông khai lập Hành Cung Vũ Lâm, dựng chùa và tu hành nơi đây, góp phần khởi đầu dòng thiền Việt Nam tại Yên Tử. Vua Trần Nhân Tông đã xuất gia nơi đây. Con thong thả vãn cảnh chùa. Chốn u u tịch tịch thoáng vọng dư âm những áng cổ thi của Sơ Tổ Trúc Lâm mà Thầy từng dịch và giải thích[2]:

Vũ Lâm thu vãn

Hoạ kiều đảo ảnh trám khê hoành,
Nhất mạt tà dương thuỷ ngoại minh.
Tịch tịch thiên sơn hồng diệp lạc,
Thấp vân hoà lộ tống chung thanh.

(Vua Trần Nhân Tông)

Lòng khe vắt ngược bóng cầu hoa.
Ngấn nước, lung linh vệt nắng tà.
Lặng lẽ nghìn non, rơi lá đỏ.
Làn mây mơ mộng tiếng chuông xa…

(Minh Đức Triều Tâm Ảnh)

Nhờ đọc lời phân tích và giải thích của Thầy, con mới hiểu bài thơ ẩn giấu "cái chứng chỉ tập sự xuất gia" của Sơ Tổ khi đó.

Con xin phép Thầy trích một đoạn ngắn nơi đây để đọc lại:

> *"Chiếc cầu chạm vẽ nói lên thân thế hoàng gia của ngài. Cái thân thế ấy in ngược trên lòng khe như mộng, như ảo. Tuổi đã thu rồi, xế chiều rồi, chỉ còn vệt nắng cuối cùng lấp lánh nơi ngấn nước ngoài rìa bờ khe. Lặng lẽ nghìn non rơi lá đỏ. Sao lại nghìn non? Đứng ở điểm nào mà thấy cả nghìn non? Đây là tâm thấy chứ không phải mắt thấy. Nghìn non là vạn vật. Vạn vật đã âm thầm, lặng lẽ báo triệu sự vô thường, thu rồi, chiều rồi; "ngô đồng nhất diệp lạc" đã báo thu rồi – huống hồ cả nghìn non rơi lá đỏ? Còn chần chờ, lần lữa gì nữa? Gẫm lại việc nước còn đa đoan, bề bộn, nặng nề quá; chẳng khác gì đám mây kia, đầm nước, ướt nước không nhẹ nhàng bốc cao lên được; chỉ có việc chấp nhận tại thế, nằm đây mà mơ mà mộng tiếng chuông chùa xa mà thôi! Chưa xuất gia được đâu! Như vậy, thơ chính là tiếng nói u tịch, kín đáo của lòng mình; tâm cảnh tương quan, duyên khởi – không có ở đâu rõ ràng hơn thế!"*

(Minh Đức Triều Tâm Ảnh - Tìm Lại Chút Hương Non Xanh Mây Tía)

Chúng con kính tri ân cây bút của Thầy đã 'giãi bày' tâm tư sâu kín và giải thích những sự kiện lịch sử của dân tộc và cuộc đời của vị vua thiền sư thi sĩ Trần Nhân Tông. Thầy còn giải thích thêm có lẽ Ngài đã xuất gia năm 1299 chứ không phải năm 1294 như trong một số tư liệu. Tuy không biết chính xác, nhưng con cảm nhận Trúc Lâm Yên Tử có vị trí đặc biệt trong lòng con. Con quá may mắn - không những được đọc những giải thích về cuộc đời và thơ phú của vua Trần Nhân Tông trong các bài viết của Thầy, mà còn được Thầy ân cần kể chuyện và truyền cảm trong lớp Phật Học Căn Bản; nên khi đến đây, Hành Cung Vũ Lâm khiến con đặc biệt rung động!

Kính đảnh lễ Sơ Tổ Thiền Sư - Vua Trần Nhân Tông!

Photo by VânLan

Chắp tay từ Hành Cung Vũ Lâm con ngước nhìn ra Thuỷ Đình, phía sau là uy linh dãy núi... hình đại bàng tung cánh bay lên...[1]

Thầy… Thầy ơi, cánh phượng hoàng…!!

ta là chân nhân,
là cô rều bé mọn
là phượng hoàng, đỉnh núi lạ về chơi
cất cánh rợp giữa huy hoàng mộng triệu
rồi bay đi,
mất hút cõi con người!

(Minh Đức Triều Tâm Ảnh)

Với tất cả lòng thành kính nơi con! ▪

VânLan cảm bút!

Nắng vàng ươm nhẹ gót sen,
lòng nghe sóng vỗ hai dòng Sào Khê!

VânLan - Tràng An - tháng 12.

Chú thích

[1] Sông chảy hai lần, thơ Thầy - Minh Đức Triều Tâm Ảnh

[2] Tìm lại chút hương non xanh mấy tia, bài viết của Thầy - Minh Đức Triều Tâm Ảnh

Back to Contents

Giới Thiệu Sách Mới & Phỏng Vấn Nữ Sĩ Cao Mỵ Nhân
Về Tập Thơ "Chim Bay Mỏi Cánh"

Phương Hoa

Nữ sĩ Cao Mỵ Nhân (Ảnh nhiếp ảnh gia Nguyễn Ngọc Dung)

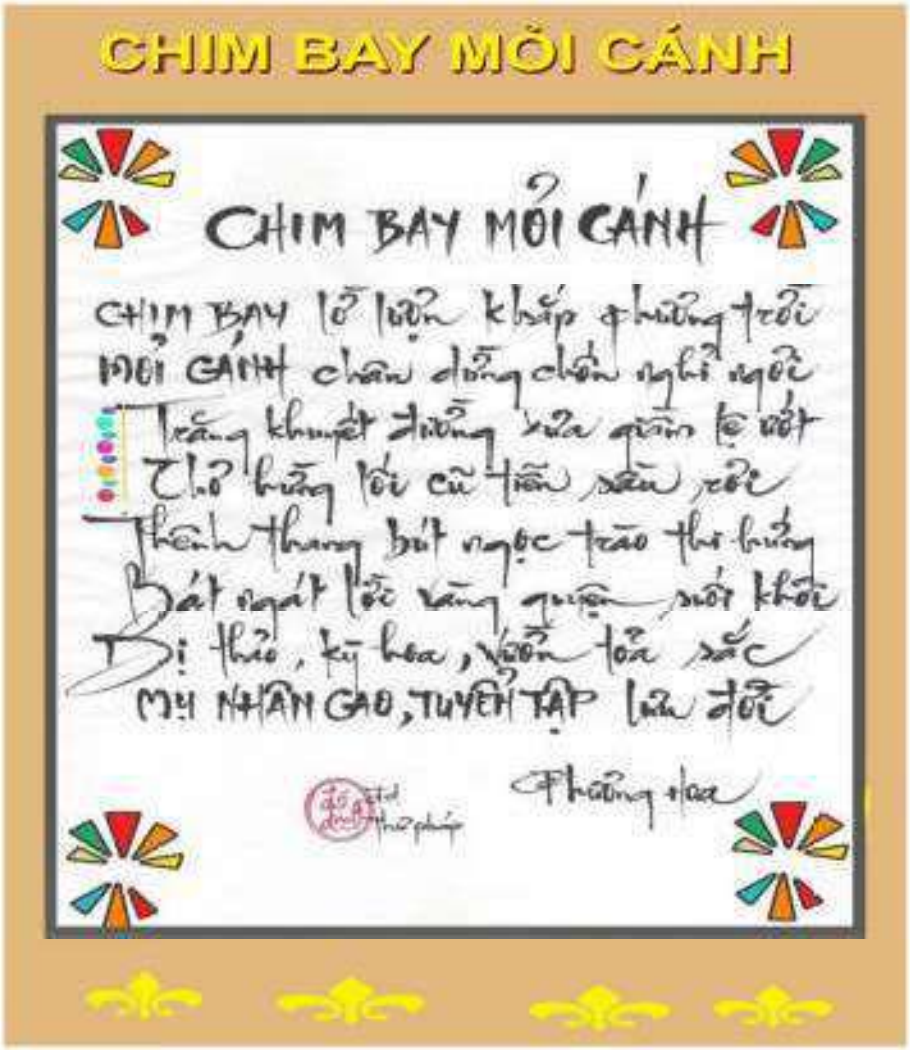

Ngày 17 tháng 10/2021, tại Hội Chợ Sách (Book Fair) ở Trung Tâm thương xá Eden, do Nhà Việt Nam tại Virginia và Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại tổ chức, "**Tuyển Tập THƠ Chim Bay Mỏi Cánh"** của nữ sĩ Cao Mỵ Nhân được giới thiệu lần đầu tiên. Đó là một Hội Chợ Sách thật quy mô, quy tụ nhiều văn thi sĩ quanh vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn và khắp các tiểu bang Hoa Kỳ. Khi ấy vì còn trong thời kỳ trốn tránh Covid -19, nhà thơ Cao Mỵ Nhân đã không thể bay qua miền Đông tham dự. Chị nhờ người viết đại diện đem sách qua cho nhà văn Hồng Thủy, Chủ Tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại Vùng Đông Bắc Hoa Kỳ (VBVNHN VĐB HK) nhờ ghi danh vào Hội Chợ Sách để "trình làng" cùng công chúng giúp chị.

Có rất nhiều đài truyền hình và ký giả các tờ báo ở Washington DC và vùng phụ cận tới quay phim, ghi hình, phỏng vấn, đưa tin ngày Hội Chợ Sách. "Tuyển Tập THƠ Chim Bay Mỏi Cánh" của nhà thơ Cao Mỵ Nhân đã được nhiều đài truyền hình khác nhau đến phỏng vấn những người đại diện cho tác giả Cao Mỵ Nhân: Cung Lan chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, nhà văn Hồng Thủy chủ tịch VBVNHN VĐB HK, và người viết, Phương Hoa. Mỗi người đều giới thiệu kỹ càng chi tiết về tập thơ còn nóng hôi hổi bay từ California sang Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn dự Book Fair. Thật ra, từ California "bay" qua DC dự Hội Chợ Sách không phải chỉ có tập thơ của nữ sĩ Cao Mỵ Nhân, mà còn nhiều tác phẩm khác của nhóm văn thơ California, bao gồm của người viết nữa. Phương Hoa tôi cũng mang theo 3 Tuyển Tập Truyện Ngắn "Yêu Nhau Mấy Núi, Thằng Nước Mắm, và Chung Một Ước Mơ" để giới thiệu tại Book Fair. Nhưng nội dung trong bài viết này, tôi chỉ nói về Tập Thơ Chim Bay Mỏi Cánh của nữ sĩ Cao Mỵ Nhân mà thôi.

Từ trái qua, các tác giả có sách tham dự tại Book Fair: Cung Lan, Phương Hoa, Hồng Thủy & Phương Hoa đại diện giới thiệu sách cho văn thi sĩ Cao Mỵ Nhân.

Vài tháng sau đó, Văn Thơ Lạc Việt cũng đã giới thiệu "Tuyển Tập THƠ Chim Bay Mỏi Cánh" của chị Cao Mỵ Nhân trong một buổi sinh hoạt thường kỳ, bao gồm tiệc sinh nhật quý II trong năm của thành viên, tại San Jose. Sau cuộc họp, các thành viên vui vẻ ra về với tập thơ "THƠ Chim

Bay Mỏi Cánh" nhưng vẫn còn cảm giác...thiêu thiếu, khi không được chính thi sĩ tác giả Cao Mỵ Nhân ký tên vào sách, mà là do chủ tịch Lê Văn Hải đại diện.

Trong khi chờ đợi nữ sĩ Cao Mỵ Nhân "xé rào Covid" để ra mắt sách tại Nam Cali - chưa biết đến bao giờ, vì Covid hiện vẫn tiếp tục lan tràn - người viết xin tạm giới thiệu đôi điều về tập thơ này cùng bạn đọc.

Trước hết, xin phép được tản mạn đôi chút về tác giả Cao Mỵ Nhân. Có lần tôi nói với nữ sĩ, "Chị là 'hàng hiếm' trong làng văn học Việt." Mặc dù chị đã khiêm nhượng dãy nảy chối từ, nhưng tôi không nói quá, hay vì quen biết với chị mà "áo thụng vái nhau." Vì sự thực đúng như vậy, những văn thi sĩ danh tiếng từng thời, mỗi người đều có biệt tài riêng, lập những kỳ tích riêng. Nhưng thật khó mà tìm ra một nhà văn nhà thơ khi còn nhỏ tuổi đã viết báo được trả tiền. 13 tuổi, cô bé Cao Mỵ Nhân đã có bài đăng trên tờ Liên Hiệp tại Hà Nội, tờ Tia Sáng, tờ Giang Sơn Hà Nội, và được mời cộng tác cho Trang Nhi Đồng của tờ Giang Sơn Hà Nội, chủ bút là Mộc Đình Nhân, vào năm 1953. Thêm vào đó, chị là một trong số không nhiều các nhà thơ nhà văn hiện tại còn nhớ và biết rõ về những văn thi sĩ nổi tiếng thời Việt Nam Cộng Hòa và cả thời tiền chiến.

Trong những lần trao đổi với tôi, và trong những bài viết đó đây của chị, tôi biết được rất nhiều điều thú vị. Chị Cao Mỵ Nhân đã có một chiều dài tham gia hoạt động về văn học Việt thật đáng nể. Chị gia nhập Thi Đàn Quỳnh Dao thời VNCH khi mới vừa 40, trong khi những bậc đàn chị như nữ sĩ Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội hay nữ sĩ Vân Nương đều đã gấp đôi niên tuế chị.

Nhà thơ thường kể tôi nghe về kỷ niệm ngày xưa, những lần chị tháp tùng nữ sĩ Mộng Tuyết đi thăm những bậc tài danh như quý cụ Giản Chi, Nguyễn Hiến Lê, Đông Xuyên, Bàng Bá Lân...mà tên tuổi những vị này tôi chỉ nghe qua sách vở, vì khi họ nổi tiếng tôi vẫn còn đâu trong bụng mẹ, hoặc chỉ mới chập chững những bước đi đầu đời.

Có nhiều chi tiết độc đáo chị Cao Mỵ Nhân thuật lại tôi nghe qua rồi nhớ mãi, vì nó giống chuyện đời xửa đời xưa, thời còn vua chúa. Như trong đám cưới nữ sĩ Vân Nương, chú rể là Luật Sư Lê Ngọc Chấn một Tri Phủ, sau này làm đại sứ VNCH ở Luân Đôn và Tunisie, và nhị vị phù rể là hai thi sĩ danh tiếng thời tiền chiến: Huy Cận và Xuân Diệu. Rồi chuyện trong đám cưới anh chị Cao Mỵ Nhân, đại tá Biệt Động Quân VNCH Cao Văn Uỷ, thì phù rể là nhạc sĩ Nguyễn Hiền và nhac sĩ Nhật Bằng rất nổi tiếng thời VNCH.

Chị còn kể về hai nhà văn tên tuổi Duy Lam và Thế Uyên, về những người bạn thiết như thi sĩTrần Dạ Từ và nhà văn Nhã Ca, nhà văn Thế Phong v.v Hơn thế nữa, chị Cao Mỵ Nhân còn biết rất rõ về những hậu duệ của Tự Lực Văn Đoàn. Cho nên nếu có ai hỏi, chị có thể kể vanh vách về dòng họ Nguyễn Tường, như Nguyễn Tường Tâm, con cụ Nguyễn Tường Cẩm, Nguyễn Tường Thiết, con cụ Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh), Nguyễn Lân, con cụ Nguyễn Tường Long (Hoàng Đạo) bác sĩ Nguyễn Tường Giang, con cụ Nguyễn Tường Lân (Thạch Lam)... mà mỗi lần nghe tôi chỉ biết há hốc vì khâm phục. Nữ sĩ Cao Mỵ Nhân quả đúng là một "nhân chứng sống" đã từng sống qua bốn chế độ: Cộng Sản Miền Bắc VN, Quốc Gia Việt Nam Cộng Hòa Nam Việt Nam, Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa sau 1975, rồi bây giờ thì ở trên đất nước tự do Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ.

Có ai đó đã viết một câu về tình yêu của nữ sĩ Cao Mỵ Nhân mà chị rất tâm đắc, "Người yêu thực sự của chị MỴ chỉ là THƠ thôi." Người viết cũng rất đồng ý với điều này. Đối với nhà thơ Cao Mỵ Nhân, thơ là tất cả. Chị có thể làm hàng chục bài thơ trong một đêm không ngủ và gửi cho tôi để đăng lên diễn đàn Văn Thơ Lạc Việt. Tôi mê chị nhất ở cái duyên dáng, cái nũng nịu, cái hờn giận dễ

thương, trong thơ, và trong cả đời thường. Chẳng hạn như chị viết mail mà tôi chưa kịp hồi âm, là chị trách móc, "PH ghét gì chị My hay sao vậy? Không thèm trả lời trả vốn chi hết? Chị My buồn lắm cơ! Giận rồi, không thèm chơi nữa đâu nha!"

Những lời giận hờn trách móc đáng yêu này như phát ra từ một cô bé mới lớn, ai nghĩ là của một nhà thơ nhà văn lão thành chứ! Có lẽ đó là cái vốn "Trời cho" nên thơ Cao My Nhân lúc nào cũng mượt mà thướt tha và nũng nịu. Như trong bài "Trái Tim Mầu Tím" của thi phẩm "Chim Bay Mỏi Cánh," Cao My Nhân đã bắt "chàng" tô trái tim máu đỏ tự nhiên bằng một mầu tím bất thường, nhưng lại là mầu tím trữ tình, một mầu tím hấp dẫn để cho ai kia phải quay quắt đến... nhận chìm cả tuổi thơ:

"Người tô tim sắc tím sim
*Khiến ta quay quắt nhận chìm tuổi thơ" (*Trái Tim Màu Tím tr. 34)

Tôi đã đọc hết 101 bài thơ trong Chim Bay Mỏi Cánh" của nữ sĩ Cao My Nhân với một sự thích thú khôn lường. Tôi hỏi chị, nguyên do nào mà mỗi tập thơ của chị đều giữ đúng 101 bài thơ, không hơn không kém. Câu trả lời của chị thật thú vị, đúng như người ta nói các nhà thơ hay "đi mây về gió" nên thường có ý tưởng khác người. Theo lời chị Cao My Nhân, "*Con số 101 đó có nghĩa là... trên trămvẫn còn tiếp nối, giống như chuyện "Nghìn Lẻ Một Đêm" vậy, vì chị muốn giữ cho dòng thơ "trên trămnăm vẫn tuôn chảy mãi không ngừng...*"

Tuy tựa đề tập thơ là "Chim Bay Mỏi Cánh" nhưng thơ trong tuyển tập thì chẳng những không thấy chút... mỏi mệt nào, mà trái lại, còn bừng bừng sức sống và bát ngát hương yêu.

Sau đây Phương Hoa (**PH**) xin chia sẻ cùng quý vị về những trao đổi rất thú vị của nhà thơ Cao My Nhân **(CMN**) cùng người viết, về Tập Thơ "Chim Bay Mỏi Cánh."

PH: *Thưa chị Cao My Nhân, khi thấy tựa đề tập thơ "Chim Bay Mỏi Cánh" của chị, em nghĩ chắc đây là tập thơ cuối cùng vì chị muốn gác bút dừng chân. Thế nhưng, từ đó đến nay chị vẫn sáng tác ào ào, có nhiều đêm chị làm tới 5, 6 bài thơ xướng họa liên tiếp, vừa nhanh lại vừa hay, mà những cây bút hậu bối như tụi em đây phải bái phục. Vậy chị làm ơn cho biết, tại sao chị lại chọn cái tựa đề này? Và nó có ý nghĩa gì với chị như thế nào ạ*?

CMN: Số là có vị bạn thân, nguyên thủ khoa khoá 14 Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, CMN đưa 3 tên sách, nhờ vị bạn lựa. Ông nói: "Chúng ta đã đi qua gần cả một chiều dài thế kỷ rồi, cô làm thơ đã cảm thấy mệt mỏi chưa, theo tôi, cô nên đặt tên cho sách thơ này là "CHIM BAY MỎI CÁNH." My tôi rất vui, vì bạn vàng đã chọn cho tựa đề mình ưng ý. Thế là tập thơ "Chim Bay Mỏi Cánh" thành hình.

PH: *Dạ, hay quá! Vậy là "tư tưởng lớn gặp nhau" rồi (Smile). Thưa chị, trong thi phẩm "Chim Bay Mỏi Cánh" có một điều rất đặc biệt, đó là nơi trang đầu có bản nhạc do Gs nhạc sĩ Thái Phamphổ tặng tác giả từ bài thơ "Nhặt Nắng Xuân"và em cũng đã được nghe giọng hát mượt mà của ca sĩ Thanh Hoài trình bày. (https://www.youtube.com/watch?v=XXtxVPQ9ZyY) Trong này có những câu thơ em rất tâm đắc như,"Anh rủ em nhặt nắng/Về hun khói liều tình/Ngọn lửa vàng hoang vắng/Sưởiấm thơ hồi sinh." Xin chị chia sẻ chị đã viết bài thơ này trong trường hợp nào, cảm hứng từ đâu mà cónhững lời thơ như đến từ tận trái tim?*

CMN: Giáo sư Phạm Thái đã ưu ái phổ nhạc bài thơ "Nhặt Nắng Xuân." Cám ơn Gs Thái đã chọn đúng bài thơ tác giả tâm đắc và đã hoàn thành ca khúc thật bay bổng. Thì đúng là những lời thơ

xuất phát từ tận cùng trái tim, với lý do rất thông thường: Viết cho ... người yêu tưởng tượng nào đó, nhờ điều tưởng tượng đó, mới làm được thơ tình chứ (Smile).

PH: *Wow! Sự tưởng tượng của nhà thơ rất có hồn, rất sống động, hèn chi chị đã làm nên lịch sử. Thưa chị CMN, em nhận thấy chị là một người luôn vui vẻ và yêu đời. Nhưng xuyên suốt tập thơ "Chim Bay Mỏi Cánh" lại có rất nhiều bài thơ tình buồn, chẳng hạn như "Ánh Nguyệt Tà" với "Nguyệt vẫn tròn như dạ nửa khuya/Buồn tênh mây hẹn bóng trăng thề," hay "Man Dại" cùng "Con rắn nào đã cuốn/Tình yêu trườn đi xa," và bài "Tan Cơn Mê Hoảng" có những câu, "Thoáng hơi gió thoảng sau lưng/Giật mình tỉnh mộng, mơ chừng ấy thôi" v.v...nghe thật xót xa, thật não nề. Xin chị "bật mí" chút xíu, đây có phải là những sáng tác chị muốn ngầm "nhắn gửi cho cố nhân" hay cũngchỉ là những sáng tác từ trong tưởng tượng?*

CMN: Đã làm thơ tình thì hình như phải viết những lời thơ thật buồn, thật não nuột. Thực tế, chỉ buồn chút thôi, nhưng tưởng tượng thêm cho khổ luỵ, xót xa, để được bạn đọc... thương cảm tác giả *(Smile*). Như những định luật cổ kim, chuyện vui thì dễ lấy nụ cười, nhưng chỉ trong thoáng chốc nụ cười liền bay theo gió, và khi chạm đến nỗi buồn thì nỗi buồn nó sẽ vương vấn mãi trong ta. Cho nên những câu chuyện tình với happy ending ít được người nhớ tới, nhưng "Romeo & Juliet" thì mãi mãi lưu truyền.

PH: *Dạ cám ơn chị My cho những chia sẻ rất là thú vị này. Câu hỏi sau cùng: Trong trang đầu của thi tập "Chim Bay Mỏi Cánh" chị đã ưu ái ghi dành tặng "Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại Vùng Đông Bắc Hoa Kỳ" và "Văn Thơ Lạc Việt." Chị có thể cho biết lý do*?

CMN: Thưa quý vị và thưa nhà thơ Phương Hoa, tôi ghi tác phẩm được dành tặng và cám ơn 2 cơ sở văn học tên tuổi ở hải ngoại nói chung và Hoa Kỳ nói riêng, "Văn Bút Vùng Đông Bắc Hoa Kỳ" và "Văn Thơ Lạc Việt" lý do rất đơn giản. CMN tôi hiện đang là thành viên của 2 cơ sở Văn Học và Thi Văn Đàn này. Phàm một người nào sinh hoạt ở một Hội, Đoàn nào, cũng muốn ghi nhận những việc đang làm của các cơ quan ấy. Tôi là một người trọng lẽ thuỷ chung ở đời, nên chuyện cám ơn Văn Bút Vùng Đông Băc Hoa Kỳ và Văn Thơ Lạc Việt rất hợp tình lý.

Hơn nữa, Thi phẩm "CHIM BAY MỎI CÁNH" của CMN tôi, được sự chia sẻ của Nhà Văn HỒNG THUỶ, Chủ Tịch VB/VĐBHK viết Tựa và nhà thơ Phương Hoa hội viên trung tâm Văn Bút nêu trên viết Bạt.

Thêm vào đó, Thi tập "CHIM BAY MỎI CÁNH" còn được nhà văn thi hoạ sĩ Phạm Thái giáo sư điện toán, Trưởng Ban Biên Tập VTLV, cùng nhà thơ Phương Hoa Phó Trưởng Ban Biên Tập, đã giúp cho các phần trình bày và in ấn cuốn thơ đó. Như đã nói ở trên, Giáo sư Phạm Hồng Thái còn là một nhạc sĩ tài hoa, ông cũng tặng tác phẩm CHIM BAY MỎI CÁNH bản nhạc "NHẶT NẮNG XUÂN" ông phổ từ bài thơ cùng tựa đề của CMN trong tuyển tập.

Tóm lại, nhờ Văn Thơ Lạc Việt yểm trợ kỹ thuật để Thi phẩm "CHIM BAY MỎI CÁNH" của CMN được hình thành, cùng sự hỗ trợ của Văn Bút Vùng ĐBHK trong các phần giới thiệu cùng hội viên VĂN BÚT VNHN để phổ biến tác phẩm này, qua 3 mục đích chính đáng: Kỷ niệm, quảng cáo, một chút đóng góp thực tại của tác giả. Cao Mỵ Nhân xin cám ơn VB/VĐBHK, VBVNHN, và VĂN THƠ LẠC VIỆT cùng tất cả bạn văn thơ đã đọc tập thơ nhỏ "CHIM BAY MỎI CÁNH" này của Cao Mỵ Nhân, xin gởi lời kính chúc vạn an.

PH: *Dạ cám ơn chị CMN. Những lý do trên chứng tỏ chị là một người rất trọng tình nghĩa. Xin cho hỏi thêm câu... chót chót: "Theo PH biết, thì ngoài việc sáng tác thơ... như vũ bão, chị còn viết rất nhiều những bài văn cũng hay không kém, đã được VTLV, Văn Bút, và các thi văn đàn khác phổ biến lâu nay. Vậy thì sau tập thơ này, chị có dự định xuất bản thêm tác phẩm nào nữa không? Nếu có, thì đó cũng sẽ là thơ hay sách truyện?*

CMN: Từ khi bắt đầu tập viết lách, CMN đã thích cả Thơ lẫn Văn xuôi rồi. Thế nên đã viết những bài truyện cổ tích, nhi đồng, đăng trên báo Giang Sơn Hà Nội kể từ 19/3/1953. Di cư vô Nam 1954, tập viết tuỳ bút, truyện ngắn gởi đăng các báo học sinh, văn nghệ. Qua Mỹ, bắt đầu từ 15/3/1992, tuần báo Saigontimes dành cho CMN viết mục CHỐN BỤI HỒNG, mỗi thứ sáu 1 bài cho tới bây giờ vẫn tiếp tục viết. Nhà xuất bản Sông Thu của Thi Sĩ THÁI TỨ HẠP đã xuất bản cho CMN cuốn "CHỐN BỤI HỒNG 1" năm 1994. Nên, nếu định in ấn thêm các truyện Văn Xuôi, CMN có thể xuất bản tiếp các cuốn truyện "Chốn Bụi Hồng" 2,3,4 v.v... Nhưng bây giờ trong thời đại công nghệ thông tin ngày càng cao, những tác phẩm in bằng giấy hình như có vẻ không thực dụng nữa, có lẽ CMN sẽ nhờ người giúp xuất bản theo dạng Ebooks, hoặc là chỉ... để dành làm kỷ niệm vậy (Smile).

PH: *Cám ơn nữ sĩ Cao Mỵ Nhân đã chia sẻ những tâm tình, những suy nghĩ rất độc đáo về văn học, và về tập thơ "Chim Bay Mỏi Cánh." Kính chúc chị luôn vui khỏe trẻ bình an, tiếp tục sáng tác đểcho đời thưởng thức những dòng thơ trữ tình và những áng văn đầy thú vị của chị.*

Lời kết, Tuyển tập THƠ "Chim Bay Mỏi Cánh" của nữ sĩ Cao Mỵ Nhân là một tác phẩm văn học tuyệt vời, mà với trình độ thơ hạn hẹp của một hậu bối, người viết cảm thấy mình không đủ ngôn ngữ để diễn tả cho đầy đủ và xứng đáng với giá trị của tập thơ. Độc giả phải tự mình đọc thì mới thưởng thức được hết những cái hay, lạ, và độc đáo trong tuyển tập.

Xin trân trọng kính giới thiệu Tuyển tập THƠ "Chim Bay Mỏi Cánh" của nữ sĩ Cao Mỵ Nhân cùng quý độc giả khắp nơi. ■

Link order sách từ Amazon*:* *https://www.amazon.com/s?k=chim+bay+moi+canh+-+cao+my+nhan&i=stripbooks&crid=1TAOLWWEPOPZE&sprefix=chim+bay+moi+canh+-+cao+my+nhan%2Cstripbooks%2C174&ref=nb_sb_noss*

PhƯƠng Hoa

Back to Contents

Một Mảnh Đời Xa Xứ

Nguyễn Thị Mắt Nâu

Ông Tú ngồi phệt xuống chiếc ghế da đã cũ - Lần đầu tiên ông khóc, khóc thật dễ dàng, và tiếng khóc bật ra uất nghẹn.

Cảnh vật xung quanh như cười cợt chế nhạo và đang ngắm nhìn ông. Vai ông rũ xuống, bao nhiêu nghị lực của một người hiền lương cứng cỏi như ông chảy tan thành nước mắt, nước mắt mặn chát như pha máu.

Ông góa vợ rất sớm, ở vậy, nuôi con tận tụy. Tính tình chất phác, ông chẳng bao giờ quản ngại mình là đàn ông để chăm sóc nâng niu con như một người mẹ.

Ngoài giờ đi làm, ông thu vén gia đình, nhặt nhạnh những bừa bãi của con gái không lời trách móc. Vân là con gái, biết bố thương, nên dù không có mẹ vẫn thấy được ấp ủ trong tình mẫu tử.

Khi Vân trở thành thiếu nữ, Ông Tú thường nhẹ nhàng bảo Vân:

- Bố không biết con gái thì cần những thứ gì, thành ra cần gì con cứ bảo cho bố biết.

Những lần như thế, Vân ôm vai bố cười chúm chím... Thế là ông hạnh phúc. Hạnh phúc chan hòa ngập hồn ông như nắng vàng ùa vào khung cửa vắng. Ông yêu con, yêu căn nhà bé nhỏ đầy kỷ niệm. Và hàng đêm nhìn lên hình vợ, ông thầm khấn :
- Cám ơn em đã để lại cho tôi một hình hài bé bỏng dễ thương trước khi sang cõi khác.

Những ngày tháng bình yên trôi êm trong căn nhà bé nhỏ. Vân dù lớn, nhưng với ông vẫn là con bé dại khờ chẳng biết điều gì. Thời gian trôi như thế...

Cho đến một ngày, Vân biết yêu, biết mộmg mơ bên khung cửa. Ngày ấy đối với ông ngập tràn kiêu hãnh, ông tơ tưởng đến bóng hình yêu kiều của vợ năm xưa, thì thầm nói nhỏ "Em ạ, con đã lớn". Và nghĩ đến tà áo cưới năm nào mà ông vẫn xếp trong góc tủ.

... Rồi mơ mộng Vân sẽ có một buổi nắng mai hồng rực rỡ, trong trắng, tinh khiết như mẹ nó ngày xưa.

Ông đem điều ấy tâm sự với con. Vân cười nũng nịu:

- Bố lại mơ mộng hão huyền rồi. Con không thể nào đẹp bằng mẹ, nhất là trong mắt bố.

Ông cãi ngay:

- Con lầm rồi, trong mắt bố con chính là hiện thân của mẹ. Mẹ và con, cả hai đẹp như nhau. Rất đẹp !!

Cuối năm sau, Vân lấy chồng. Nhìn Vân rộn ràng trong tà áo cưới. Màu nắng hồng như màu áo của con, cơn gió thổi qua, ông Tú run lên vì xúc động. Ông sung sướng và toại nguyện vì chồng Vân, một

chàng trai tử tế cùng trong sở và là con của bạn ông.....Như thế trách nhiệm đời ông đã hoàn toàn viên mãn.

Từ khi vợ mất ông tưởng sẽ chẳng bao giờ có niềm vui lớn và xôn xao hạnh phúc như thế này. Bao nhiêu năm bình thản, cái bình thản ông cố tình vun xới để che dấu, để ấp ủ yêu thương đứa con gái duy nhất mà ông yêu thương hơn bản thân, cho trọn vẹn.

Vân đã cho ông niềm an ủi, Vân là nguồn sống xoa dịu những tháng ngày quạnh quẽ cô đơn. Vân là chất xúc tác giúp ông vượt qua cơn bĩ cực cơ hàn trống vắng.

Những hôm trời mưa, tan sở, đón con về loay hoay bữa cơm chiều Những hôm Vân nóng sốt, đêm không ngủ đủ... Những biến cố thời cuộc, ôm con di tản, Vân sợ hãi khóc thét vì tiếng súng, vì đạn lựu cay sưng đỏ mắt ... Nhiều và nhiều lắm, kỷ niệm rất nhiều trong căn nhà hoang vắng hoangliêu, hình bóng Vân để ông khuây khỏa và có nghị lực sống qua ngày.

Đứa trẻ thơ ấy bây giờ đã lấy chồng. Hai vợ chồng lại bàn bạc cùng sống với ông - Ông thấy mình là người cha hoàn toàn hạnh phúc, mơ tưởng một ngày căn nhà có tiếng khóc trẻ thơ, một hình hài bé nhỏ lẫm chẫm như Vân thuở đó với tiếng cười giòn giã và ông lịm đi vì sung sướng...

... Thế mà giờ đây trong căn biệt thự đẹp của khu trung tâm người Việt trên xứ Mỹ Ông Tú chết nửa người trên cái ghế da ở góc phòng. Nước mắt ông trào nơi khóe mắt, giọt nước mắt già hiếm hoi, ràn rụa trên đôi má nhăn nheo. Tai ông còn lùng bùng câu quát to đanh thép tàn nhẫn của Vân lúc ban chiều khi đứa cháu ngoại kêu đau bụng:

- Bố ở nhà cho con bé ăn gì? Bố còn rày la cho con bé sợ bố có biết không. Bố đã làm những gì. Bố đừng tưởng bố nuôi con có nghĩa là biết nuôi cháu. Chuyện bố nuôi con ngày ấy xưa rồi, lạc hậu và cổ hủ, có thể nói là ngu dốt Xứ Mỹ này văn minh và nhiều nguyên tắc để bảo vệ trẻ em, bố đừng quên điều đó. Bố trông cháu thì trông cho tử tế... còn không, nói một tiếng "không" con sẽ đem đi gửi xứ này thiếu gì baby sit.

Quát xong, Vân hầm hầm lôi chồng con về phòng đóng cửa lại.

Lúc ấy tai ông Tú mờ đi, mặt tái lạnh, mắt mở lớn, mồm há hốc Trời ơi, ông chưa bao giờ tưởng tượng đứa con gái ông hết dạ thương yêu, hi sinh, cực khổ, dốc hết tâm tư sống đời gà trống, nuôi con khôn lớn, bây giờ chỉ vì con của nó, đứa con vàng ngọc sinh ra ở Mỹ, mà nó quát ông như quát một người nô bộc không hiểu biết.

Qua khe cửa, ông còn nghe vẳng tiếng Vân than thở cự nự với chồng:

- Thật là quái đản. Cái phòng, ai mượn vào đây dọn dẹp chứ, xáo trộn trật tự của người ta. Xứ này là xứ văn minh, tự do, nhưng đừng đem cái thói lầm cầm Việt Nam qua Mỹ. Quyển sách đang đọc vứt đầu giường, cớ sao phải xếp ở trên bản, mất công phải mở lại. Xứ này stress đã đủ rồi, đừng gây thêm stress nữa. Nghiệp ơi là nghiệp.

Sau đó là tiếng bực dọc dằn mạnh đồ đạc bên trong. Ông Tú ngồi thêm một lúc, lừ đừ đứng dậy về phòng, hai chân xụi xuống, nước mắt ông nhòa nhoẹt chảy xuống bộ ngực khô giả. Ông nấc lên uất ức, mở ngăn kéo bàn, dốc trọn ống thuốc ngủ vào mồm tu một hơi chai nước, miệng lẩm bẩm những lời đau thương đứt quãng:

- Xin lỗi, xin lỗi. Đáng lý tôi chẳng nên ở chung làm phiền con cháu. Cái thân già vô dụng đi dọn dẹp nhặt nhạnh mà làm gì. Tại sao tôi không biết thay đổi từ khi rời khỏi Việt Nam. Nhắm không đủ sức trông cháu như con nó nói, tại sao không thẳng thắn từ chối ngay tự ban đầu. Thật là kinh khủng, tuổi trẻ và cái văn minh hãnh tiến, ích kỷ của nơi xứ sở tự do, đầy đủ, phủ phê dư thừa vật chất này...

Ông nấc lên gọi vợ "Mẹ con Vân ơi, chờ tôi với"...

Hôm đưa ma, người quen của ông, nghe Vân phàn nàn phân bua về hành động nông nổi của bố mình với bạn bè lúc đứng cạnh chồng con, bên tràng hoa màu tím trên ngọn đồi đầy hoa hồng, nơi cô an táng bố:

- ... "Ông cụ ngày xưa đằm thắm lắm, ngờ đâu bây giờ xốc nổi.... Mới có một tí là đùng đùng tự tử.... Sang đây rồi là phước lớn... thế mà dại, không biết hưởng cho sướng thân già.... Tự tử là lại gây thêm nghiệp dĩ " !!!

Đời cua cua máy, đời cáy cáy đào
Nỗi đau thế hệ, hiểu làm sao bây giờ !!!? ■

(trích trong tập truyện "Người Cuối Chân Mây" của tác giả Nguyễn thị Mắt Nâu)

Nguyễn Thị Mắt Nâu

Back to Contents

THƯ GỬI BẠN

VÔ THẦN

NGUYỄN GIỤ HÙNG

Việt Báo (Nam California): *Một bài tạp bút đặc sắc của nhà văn Nguyễn Giụ Hùng viết về chuyện thờ phượng dân gian, đặc biệt tục cúng bái, thờ Thần của người dân Việt Nam, bắt nguồn từ tín ngưỡng phồn thực vốn bám rễ rất sâu xa trong lòng dân tộc.*

Nhân đọc bức thư của một người bạn gửi cho tôi than thở, trong đó có nhắc tới chữ "*atheist*", tôi chẳng hiểu mô tê gì về cái nghĩa của chữ này nên đành phải tra tự điển để hiểu rõ những điều người bạn tôi muốn nói. Cứ theo tự điển Anh-Việt thì nghĩa của chữ "atheist" là "*vô thần*".

"Thần" là từ ngữ thuộc về ý niệm nửa như trừu tượng, nửa như cụ thể, nửa như là đức tin thuần khiết, nửa như dị đoan, nửa như đơn sơ, nửa như phức tạp ... đã từng tạo nên nhiều cuộc tranh cãi và gây ra biết bao hệ lụy cho con người. Kẻ tin điều này, kẻ không tin điều kia, thật rối bời như một mối bòng bong. Đôi khi sự tranh luận, cãi cọ nhau về "Thần" nằm trong những thái cực của cực đoan để tạonên những chuyện nực cười không lối thoát, không có kết luận, đầu voi đuôi chuột, đánh nhau bể đầu, vô bổ, *chỉ vì muốn lấy cái hiểu biết hữu hạn của con người mà bàn tới cái vô hạn của Trời Đất.*

Biết cái khó khăn như thế nên tôi chỉ xin mạn bàn về "vô thần" theo chiều hướng tào lao thường lệ, nghe qua rồi bỏ. Trước hết phải hiểu "vô thần" theo cái *định nghĩa* nào đã chứ, vì một từ ngữ luôn có thể có nhiều định nghĩa với cách hiểu khác nhau tùy theo tình huống sử dụng nó.

Này nhé, cứ hiểu một cách đơn giản: "vô" là không có, "thần" là những ông Thần được thờ phượng. Có người cảm thấy sợ hãi hay bực mình nếu có ai nói mình là "vô thần". "Vô thần" có nghĩa là*không có ông thần nào để thờ phượng cả*, như ngay cả thần Tài cũng không có. Không có thần Tài, có nghĩa là ta không được giàu hay không muốn giàu, mà không được hay không muốn giàu thì có chi phải sợ nhỉ. Hay có cô nào đó, ngay cả thần Vệ Nữ (thần Ái Tình) cũng không có. Không có thần Ái Tình, nghĩa là cô ấy chẳng yêu ai hoặc không ai yêu cô ấy. Không yêu ai hay không ai yêu thì cũng đâucó chi mà phải sợ hay bực mình, có sợ chăng là sợ cái cảnh "*chồng mông mà gào*". Ngược lại, chẳng may mà cô ấy lại có thần Bạch Mi (trong Truyện Kiều) chiếu mệnh thì thật khổ một đời.

Cũng có thể hiểu "vô thần" theo cái định nghĩa là chẳng thờ ông thần nào cả. Theo cái suy nghĩ lẩm cẩm, nguỵ biện và tào lao của tôi thì "vô thần" chẳng có liên quan gì tới vấn đề *tâm linh cao cả* củacon người cả. Thần có thể là người, động vật, thực vật hoặc một vật thể nào đó được người đời tônvinh. Thần được tôn kính bởi đức độ hoặc quyền lực hoặc cả hai, hoặc vì một hay nhiều lý do linh thiêng nào khác nữa mà chỉ có ông thần mới biết. Và cũng có khi chính ông thần này cũng chẳng biếtlý do tại sao ông lại được thờ phượng mà chỉ có những người thờ phượng ông mới biết rõ mà thôi. Có những vị thần được hỏi tại sao người ta lậy ông, ông chẳng biết, hỏi người ta xin ông điều gì, ông cũng

chẳng hay, ông chỉ biết ngồi trên cao cười cười ăn oản chẳng khác chi những ông nghị gật. Đơn giản thế thôi. Cứ nghe vị hảo hán nào đó tả một cụ già:

Ban ngày cụ cứ như thần,
Ban đêm cụ cứ tần mần như ma.

Theo hai câu thơ ấy thì thần rất gần gũi với ta, nhưng có điều thần thì không biết "tần mần" như người và ma.

Nói về thần thì số lượng thần trên trái đất này nhiều vô kể. Mỗi nơi có một ý niệm khác nhau về thần nên thần cần được cấu tạo sao cho phù hợp với văn hóa, tập quán, ... sinh hoạt đức tin của người dân nơi ấy. Mỗi địa phương có một phong cách thờ phượng riêng cho mỗi vị thần của họ.

Thần là sản phẩm của con người, do đó thần chỉ có thể thể hiện được tính chất đặc thù của mình nằm trong giới hạn trí tưởng tượng của con người chứ thần không thể vượt lên cao hơn hay xa hơn được cái trí tưởng tượng ấy. Và cũng vì thần là sản phẩm của con người nên thần cũng có sinh tồn, naycòn mai mất như con người vậy. Thần cũng lên voi xuống chó, như khi còn được thờ phượng thì là thần, không còn được thờ phượng thì lại trở thành ma. Thần cũng nổi trôi để "*làm thần đất ta làm ma đất người*" (ca dao). Tuổi thọ của thần cũng phụ thuộc vào sự phát triển, tiến hóa của xã hội loài người,có những vị thần "chết" đi và cũng có những vị thần mới được "sinh ra" sau này. Muốn tăng tuổi thọ, thần cần phải biết uyển chuyển theo sự thay đổi, tiến hóa ấy cho kịp thời, kịp hoàn cảnh mới. Có nhữngvị thần chỉ được phát triển trong một khu vực nhỏ, có những vị thần được phát triển trong khu vực rộnglớn hơn và có ảnh hưởng sâu xa hơn để có khi trở thành tôn giáo như Nho giáo chẳng hạn, mà đức Khổng Tử đã trở thành giáo chủ.

Thần được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau và tên gọi cũng có thể khác nhau. Thi dụ, cứ như ở Việt Nam ta, thần ở trong làng xã thì gọi là Thành Hoàng hay Thần Hoàng, đất có Thổ Địa, sông có Hà Bá, núi có Sơn Thần, rừng có Chúa Ngàn… Thần có thể là cái cây (Linh Mộc), cục đá (Bà Đá), bình vôi, thần Lửa... hay sinh vật như chó (đến Cẩu Nhi), chim (Tiên), cá, rồng, rùa (Kim Quy), ngựa (Bạch Mã) ... và cũng có thể là những người hèn mọn như lão ăn mày hay người mõ làng... khi chết được hiển linh. Thần có thể là đàn ông, đàn bà hay trẻ con. Thần cũng có thể là những vị vua, hay những vị đại danh kiệt, hay những bậc danh thần có công lớn với dân với nước, hay đến từ huyền thoại,tổ nghiệp hay cũng có khi chỉ là những nhân vật rất ư là "tầm phào" mang tính dã sử như những vị thầnđược kể sau đây làm thí dụ:

- Bố của vua Đinh Tiên Hoàng là con *rái cá*. Mẹ của vua Đinh Tiên Hoàng tức vợ của sứ quân Đinh Công Trứ, ra suối tắm thì bị con rái cá hiếp mà mang thai, đẻ ra Đinh Bộ Lĩnh bơi lội rất giỏi. Saunày, Đinh Bộ Lĩnh thống nhất sơn hà lên ngôi Thiên tử lấy tên hiệu là Đinh Tiên Hoàng Đế, tự sánh mình ngang hàng với các vua đại Hán, đại Đường, đại Tống bên Tầu, mở nền tự chủ đầu tiên cho đất nước ta (theo Nam Hải Dị Nhân)

- Bố của ngài Mạc Đỉnh Chi (lưỡng quốc trạng nguyên) là con *khỉ lớn*. Khi mẹ của ngài Mạc Đỉnh Chi vào rừng kiếm củi thì bị con khỉ lớn hiếp mà mang thai, sau sinh ra ngài (theo Nam Hải Dị Nhân).

Con rái cá, con khỉ ấy cũng được dân làng thờ để trở thành thần.

Nếu ta đi sâu thêm vào chi tiết của những vị thần trên toàn đất nước thì kể sao cho hết. Cứ chỉ kể trong cái phạm vi nhỏ hẹp của thành phố Hà Nội không thôi, cũng có thể có cả trăm vị thần rồi (Bách thần Hà Nội).

Tôi xin mở dấu ngoặc ở đây, trong ca dao, ta cũng có những câu liên hệ đến thần, nhiều lắm, nhưng chỉ xin đơn cử vài câu:

Ở cho phải phải, phân phân,
Cây đa cậy thần, thần cậy cây đa.

Chanh chua anh để giặt quần
Người chua anh để làm thần gốc đa.

Ăn trái nhớ kẻ trồng cây
Ăn cơm nhớ Thần Nông cày ruộng.

Trên trời có ông sao Thần
Bốn mùa chỉ lối cho dân ăn làm

Sang xuân thần cúi lom khom
Là mùa trồng đậu dân làng biết chăng?
Bước sang tháng chín rõ ràng
Lưng thần hơi đứng là đang gặt mùa.

Con ông thánh cháu ông thần
Không tiền cũng hóa ra thân ăn mày.

Chùa làng hai mõ bốn chuông
Có ba tượng Bụt, có ông thần già.

Có thiêng mới gọi là thần
Đường ngang ngõ tắt chẳng cần hỏi ai.

Ăn ở thiện, có thiện thần biết,
Ăn ở ác, có ác thần hay.

Bị rách nhưng lại có vàng
Tuy rằng miếu đổ Thành Hoàng còn thiêng.

Bên cạnh ca dao còn có những tục ngữ cũng liên hệ đến thần như: *Đức trọng quỷ thần kinh, Ỷ thế ỷ thần, Buôn thần bán thánh, Cửa miệng có thần, Chước quỷ mưu thần, Xuất quỷ nhập thần,* v.v… và còn nhiều lắm.

Nay, nếu lan rộng thêm ra xa tới cả nhân loại thì ôi thôi khỏi nói, xin miễn bàn về cái số lượng ấy. Tôi xin tạm kể cho các bạn nghe, có lần tôi đi du lịch nước Ai Cập, người Ai Cập cổ xưa, cách đây cả năm nghìn năm, họ đã thờ rất nhiều vị thần rồi. Trước khi Ai Cập trở thành vương quốc, mỗi vùng có một gia đình thần riêng, được biết có tới 42 gia đình thần gồm có 126 vị thần gồm cha, mẹ và con. Ba hệ thần chủ yếu là hệ thần Mặt Trời, hệ thần Horus và hệ thần Osiris. Ngoài ba hệ thần chính này người Ai Cập còn sáng tạo ra nhiều vị thần khác như Bast nữ thần mèo, Bes thần mèo, Hathor nữ thần bò, Khnoum-Re thần thân người đầu cừu đực, Mout nữ thần diều hâu, Oupoaout thần chó, Sekhmet nữthần sư tử cái, Sobek thần cá sấu ... Cũng vì lòng tin vào những vị thần ấy mà tới bây giờ, trên đất nướcAi Cập, chúng ta mới có cơ hội được chiêm ngưỡng những công trình kiến trúc xây dựng những quần thể đền đài to lớn biết là bao, to lớn đến độ chúng ta ngày nay không thể tưởng tượng nổi làm sao người Ai Cập thời cổ đại đó có thể xây dựng nên được.

Ảnh hưởng hỗ tương của những vị thần ấy đã lan rộng ra cả một vùng thuộc nền văn minh Tây Á như Lưỡng Hà (giữa hai con sông Tiger và Euphrate), Babylone, Ba Tư, Palestine, Assyrie... và còn lan tràn chút ít sang cả đến Ấn Độ nữa. Vào vài thế kỷ trước công nguyên (hơn 300BC), những vị thần Ai Cập cũng ảnh hưởng một phần sang tới cả nền văn minh Hy Lạp, rồi kế tiếp tới văn minh La Mã trong thời kỳ họ chiếm đóng Ai Cập. Những ảnh hưởng đó được thể hiện rõ nét nhất là ở thành phố Alexandria do vua Alexander Đại đế (Alexander the Great) của Hy Lạp xây dựng trên bờ biển Địa Trung Hải (Mediterranean) thuộc phần đất phía bắc của Ai Cập. Và sau đó người La Mã, đã góp phần phát triển thành phố này lên tầm vóc quốc tế thời xưa, là một trong bốn trung tâm giao lưu văn hóa lẫn kinh tế, chính trị, tôn giáo của đế quốc La Mã và để ngày nay Alexandria trở thành một thành phố lớn thứ nhì của Ai Cập sau Cairo. Rồi cũng từ nơi đó, qua sự bành trướng thế lực của người La Mã, những

ảnh hưởng của thần Ai Cập lại có cơ hội lan tỏa tới Âu Châu. Tất nhiên là đi tới đâu thì những vị thần đều được biến cải, thay hình đổi dạng, tên tuổi cho phù hợp với văn hóa "bản địa" theo đúng tinh thần "*nhập gia tùy tục*" và cũng vì thế đôi khi ta không nhận diện ra được cái nét nguyên thủy của những vị thần ấy nữa. Như những vị thần được thờ phượng trên núi Olympic của Hy Lạp được đổi tên để thờ phượng dưới thời La Mã: Zeus thành Jupiter, Heka (thần hôn nhân) thành Junon, Poseidon (thần biển) thành Neptune, Aphrodite (thần ái tình) thành Venus, Hermette (thần buôn bán) thành Mercure.

Nếu tiếp tục nói thêm về những vị thần của những vùng đất tôi đã có dịp đi qua như nền văn minh cổ của Trung Hoa, Nhật Bản, Nam Dương, Thái Lan ở Á Châu; như nền văn minh Maya, Aztec ở Trung Mỹ; như nền văn minh Andes ở Nam Mỹ v.v... thì tất hẳn còn nhiều điều lý thú. Nói tới những phần đất này tôi sực nhớ tới những vị thần đã được thờ phượng một cách hết sức khác nhau tùy theo từng địa phương. Như khi tôi đi thăm đảo Bali của Nam Dương, người ta thờ thần bằng hoa, không có một thứ gì khác ngoài hoa. Ngược lại khi tôi đi thăm một số đền đài ở Mexico hay Trung Mỹ, Nam Mỹthì được biết có nơi, ngày xưa, hàng năm người ta giết trẻ con hay trinh nữ xinh đẹp để cúng dâng thần,thật là dã man kinh khiếp.

Nay quay trở lại đất nước ta, nếu ghé thăm Đà Nẵng để xem "bảo tàng viện" văn hóa của người Chiêm Thành xưa (hay Chămpa, gọi tắt là Chăm, hay Chàm), ta sẽ thấy người Chiêm Thành cũng đã thờ nhiều thần lắm như thần Brahma (thần sáng tạo), thần Vishnu (thần bảo tồn), thần Siva (thần hủy diệt), thể hiện ba ngôi của thần Brahma của đạo Bà La Môn trong kinh Vệ Đà. Nhưng thần nổi bật hơn cả vẫn là thần Linga (thờ bộ phận sinh dục của đàn ông) và thần Yoni (thờ bộ phận sinh dục của đànbà) và cả những hình tượng khi ghép chúng khớp lại với nhau. Ngay cả kiến trúc đền đài của người Chiêm Thành cũng đều mang hình dạng của thần Linga ấy.

Không phải chỉ có dân tộc Chiêm chịu ảnh hưởng Ấn Độ mới thờ thần Linga, mà ngay cả người Việt Nam ta cũng thờ nó dưới hình thức khác được gọi là *tín ngưỡng phồn thực* (phồn là nhiều, thực là nẩy nở), cầu mong sự sinh sôi nẩy nở nhiều người vì nước ta thuộc xứ nông nghiệp cần nhiều lao động nên trong dân gian ta mới có câu mong sao được đông con nhiều cháu như "*sinh năm đẻ bẩy*". Theo cuốn "Tìm Về Bản Sắc Văn Hóa Dân Tộc" của tác giả Trần Ngọc Thêm, trong nhiều vùng thuộc Phú Thọ, Hà Đông, Bắc Ninh, Sơn Tây, Hòa Bình trước đây, vào dịp hội làng, người ta rước tới 18 bộ sinh thực khí của đàn ông, và khi đám rước kết thúc, mọi người tranh nhau cướp những vật này về vì tin rằng nó sẽ đem lại may mắn cho cả năm. Trong dân gian ta có câu: "*Ba mươi sáu cái nõ nường, Cái để đầu giường, cái để gối tay"* là do những tục lệ phồn thực này chăng? Và ngư phủ ở Sở Đầm Hòn Đỏ, tỉnh Khánh Hòa, có tục thờ một kẽ nứt lớn trên một tảng đá mà dân gian gọi là "*Lỗ Lường"* (Lường do gọi trẹo từ tiếng chỉ bộ sinh dục của phái nữ), vị nữ thần phù hộ cho ngư dân được gọi là bà Lường, được thờ từ 200 năm nay cho tới bây giờ, ngày đêm khói nhang nghi ngút.

Trong ca dao của dân ta, loại thần này cũng được thể hiện qua những câu như sau:

- Văn chương chữ nghĩa bề bề
Thần "Đồ" ám ảnh cũng mê mẩn đời

(người miền Bắc Việt nam gọi "đồ" là bộ phận sinh dục của đàn bà.)

Văn chương chữ nghĩa bề bề,
Thần L… ám ảnh cũng mê mẩn người
Xót lòng mẹ góa con côi
Kiếm ăn lần hồi, l... lớn bằng mo.

Lại thêm nữa, có một lần tôi đi thăm Nhật Bản, tôi gặp một lễ hội, không biết tên là lễ hội gì. Dẫn đầu đoàn rước là những cô gái Nhật trẻ đẹp nõn nà, hớn ha hớn hở vác cái "của quý" của phái nam to lớn trên đường phố hướng tới một ngôi đền thờ. Khi họ tiến vào đền thờ thì hàng trăm cô gái xinh đẹp

xì xụp khấn vái cầu xin, họ cầu xin điều gì thì chỉ có Thần "của quý" ấy mới biết. Lễ hội này cũng to lắm, chẳng thua kém gì "hội làng Lim" ở tỉnh Bắc Ninh của ta đâu.

Tin vào thần là tin vào những sản phẩm của con người dựng nên, nên có người cho rằng tin cũng được mà không tin cũng không sao. Người xưa có câu dành cho một hạng lái buôn gọi là "*buôn Thần bán Thánh*". Phải chăng, mua hay không mua là tùy ở mình, *vắng mợ thì chợ vẫn đông*?

Thôi thì, nói đi thì cũng phải nói lại cho toại lòng nhau. Thờ phượng những vị thần trên quê hương ta là những nét đẹp văn hóa có tự nghìn xưa. *Những vị thần trên quê hương ta còn thì dân tộc ta còn*, tôi không nói ngoa. Này nhé, ông cha ta khi xưa cũng đã biết được giá trị và ý nghĩa sâu sắc của việc thờ phượng những vị thần. Ngay khi, ta chỉ nói về những vị Thần Hoàng trong làng xã không thôi, vào năm 1572, vua Lê Anh Tông cũng đã phải giao cho ông Nguyễn Bính (nguyên là Hàn lâm viện Đại họcsĩ) sưu tầm và soạn ra thần tích của những vị Thần Hoàng trong các làng xã để nhà vua ban sắc phong cho những vị thần ấy, và thần được chia ra làm 3 hạng, Thượng đẳng thần, Trung đẳng thần và Hạ đẳngthần. Đó là chưa kể đến những vị thần ở tầm mức có ảnh hưởng cao rộng hơn như bà Chúa Liễu Hạnh chẳng hạn.

Chúa Liễu Hạnh là cô gái quê, quê quán ở xã Vân Cát, Nam Định, tương truyền là con Trời, ba lần từ bỏ Thiên đình xin vua cha cho xuống trần gian để sống một cuộc đời bình dị với khát vọng về tự do, hạnh phúc. Bà được nhân gian tôn kính là Thánh Mẫu, là bà Chúa Liễu, là Mẹ (*Tháng tám giỗ Cha, tháng ba giỗ Mẹ*) (ca dao) (Cha đây là đức Trần Hưng Đạo). Đền thờ bà được thờ rải rác khắp nơi từ bắc chí nam. Ảnh hưởng của bà lớn đến nỗi vua Đồng Khánh phải tự nguyện xin làm đệ tử thứ bẩy tại điện Hòn Chén (Huế).

Những vị thần có tầm cỡ lớn như thế trên đất nước ta thì có nhiều lắm, kể ra cũng không xuể hết được. Tôi cũng xin nói thêm ở đây, trong văn hóa nước ta có đặc điểm rất độc đáo: đó là *truyền thuyết* và *người thực việc thực* lại rất gần nhau, gần đến nỗi đôi khi người ta thấy chúng hòa lẫn vào nhau, như truyền thuyết về Chúa Liễu Hạnh đã nói ở trên lại trở nên rất hiện thực. Tương truyền, bà Chúa Liễu Hạnh là tiên nữ đã từng cùng trạng Bùng tức trạng nguyên Phùng Khắc Khoan và tú tài Ngô xướng họa văn thơ trên lầu thơ, mà nơi ấy ngày nay là Phủ Tây Hồ, đền thờ Chúa Liễu Hạnh bên bờ Hồ Tây, khói hương nghi ngút quanh năm.

Trong dân gian ta có câu "*Con cóc là cậu ông Trời*". Chỉ một câu đó không thôi ta thấy cũng đủ nói lên cái tinh thần bình đẳng giữa người với người, giữa người dân với vua quan, giữa người với trời và giữa người với thiên nhiên của dân ta. Sự bình đẳng ấy cũng thể hiện rất rõ nét giữa người và thần. Thần mà lôi thôi, người cũng sẽ phạt thần và đuổi thần đi. Như ta có câu chuyện dân gian kể rằng khi vua Lý Thái Tổ còn là chú tiểu bé sống trong chùa, chú hay lên chính điện ăn vụng oản bằng cách moi ruột oản ra ăn, vỏ ngoài còn nguyên. Thần báo mộng mách cho sư, sư quở mắng chú. Chú tức giận viết bốn chữ "lưu tam thiên lý" sau lưng thần để đuổi thần đi. Thần lại báo mộng để từ giã sư. Sáng dậy, sư lên chính điện lấy nước rửa xóa bốn chữ ấy đi nhưng không làm sao rửa đi được cho tới khi chú tiểu nhổ nước miếng chùi đi thì mới hết. Đối với người thiểu số ở miền cao nguyên Trung Phần, sự ràng buộc được xác định rất rõ ràng, minh bạch về quyền lợi và trách nhiệm của thần đối với buôn bản.

Ấy đấy, mọi chuyện trên đời nó cứ rối bời lên như thế đó vì cái tính tào lao của mọi sự việc xẩy ra chung quanh ta, trong đó có việc "vô thần", "hữu thần", "đa thần", "độc thần". Tôi nói chuyện tào lao với các anh nên các anh đừng bận tâm suy nghĩ hay tranh cãi với tôi vì tôi đã xác định ngay từ đầu lá thư rằng đây chỉ là chuyện tào lao, đọc qua rồi bỏ.

Tôi xin kết thúc bức thư này bằng câu mà người bạn Mỹ của người bạn tôi nói với anh ta: "*No, I'm not an atheist, I'm a* non-believer!" Ai hiểu sao thì hiểu. Mỹ khôn thật. ■

Sách tham khảo:

- Nam Hải Dị Nhân (Phan Kế Bính)
- Tìm Về Bản Sắc Văn Hoá Dân Tộc (Trần Ngọc Thêm)

Back to Contents

Tình theo năm tháng vẫn đậm đà
Kỷ niệm ngày xưa khó phôi pha . . .

Dạt dào

(Bài thơ với âm D đi đầu)

Dịu dàng nàng đến bên tôi
Dáng hồng tha thướt mắt môi ngập ngừng
Duyên tiền định, dạ thuận ưng
Dường nghe chim hót bên rừng suối reo
Dù cho gian khổ gieo neo
Dìu nhau thiếp nguyện mãi theo chân chàng
Dặn lòng bền nghĩa đá vàng
Du dương ngày tháng mơ màng trôi qua
Dỗ dành an ủi tuổi già
Dần dà dựa dẫm bước qua nhịp cầu
Dễ nào quên nghĩa trầu cau
Dắt dìu sánh bước bên nhau trọn đời
Dặn dò tay nắm không rời
Dần cùng đi đến chân trời ước mơ
Dạo đường tơ cũ ngẩn ngơ
Dạt dào xao xuyến ý thơ dâng trào. ■

Nguyễn Ngọc Hà

Back to Contents

Một số thí dụ dùng từ kép với chữ "D"

Dong dỏng, duyên dáng, dí dỏm, dịu dàng, du dương, dạt dào, dè dặt, dò dẫm, do dự , dại dột, dụ dỗ, dặn dò, dễ dàng, dính dáng, dìu dắt, dai dẳng, dang dở, danh dự, dọn dẹp, dỗ dành, dần dà, dây dưa, dài dòng, dần dần.

★

Nàng *dong dỏng* cao, *duyên dáng*, *dí dỏm*, và *dịu dàng*, giọng nói lại *du dương*, lòng *dạt dào* thương cảm, nhưng rất *dè dặt* trước ngưỡng cửa của hôn nhân. Nàng *dò dẫm*, *do dự* mãi trước khi quyết định. Mẹ nàng luôn lo sợ con mình *dại dột*, bị *dụ dỗ*, nên thường *dặn dò* Nàng không nên để *dễ dàng dính dáng* vào những cuộc chơi phiêu lưu, không có ngày mai.

Khổ thay phần số Nàng trớ trêu, dù được mẹ hết lòng *dìu dắt*, nhưng sau một thời gian cầm cự *dai dẳng*, cuộc tình của Nàng cũng bị *dang dở*, *danh dự* bị tổn thương. Mẹ Nàng *dọn dẹp* để cất dấu tất cả những kỷ vật của chuyện tình buồn, và hết lời *dỗ dành*, an ủi con gái. Nàng đã *dần dà* nguôi ngoai, nhưng quyết từ nay không *dây dưa* với chuyện tình cảm, mà cũng không muốn ai kể lể *dài dòng* về nỗi bất hạnh cuả đời mình, để mọi thứ *dần dần* đi vào quá khứ. ■

NguyÍn Ngţc Hà

Back to Contents

Xuân của Đất Trời : Cao Hổ Cốt & Sâm, Nhung, Quế, Phụ

Nguyễn Thị Mắt Nâu

"Xuân đi xuân đến hãy còn xuân... Xuân đến xuân đi biết bao lần "...
Xuân chẳng bao giờ là cũ cả . Vì thế tuổi già, mãi mãi vẫn là xuân.

"Ngày xứa ngày xưa*":*
... Thời đó ở Việt Nam, nhà có người già mà được ai đem biếu lạng cao hổ cốt thì không gì quí hóa bằng - Chả là trong quan niệm cổ truyền của người Á đông "Ăn gì bổ nấy". Người ta quan niệm các tinh túy được rút từ các sừng hươu nai hay trong xương cốt mãnh thú như cọp đều là chất bổ, giúp tăng cường sức khỏe cho con người, nhất là người cao tuổi, già ốm, đau yếu.

Con người chế tạo ra nhiều loại cao, tức là đem cô đặc từ những tinh chất của con thú, để thành cao ban long, cao qui bản, cao bú dù ... và quí nhất là cao hổ cốt, là thứ cao cô đặc từ xương tủy, cốt lõi của con cọp.

Quá trình làm cao khá công phu: Bộ xương cọp đem về, hong vài ngày cho bớt mùi hôi, rồi ngâm, cạo, rửa cạo sạch thịt, sạch gân, đem tẩy với rượu trắng, rồi cưa, chặt, chẻ từng khúc nhỏ, phơi nhiều nắng, sau đó sao vàng với gừng, với lá trầu giã nhỏ, phun rượu ba xi đế... để khứ mùi gây gây, hoi hoi của cọp, rồi rang lên và hạ thổ, sau đó tiến hành nấu nhiều giờ lấy nước và cô đặc thành cao...
Cuối cùng đổ ra khay, chờ nguội, cắt thành từng lạng, gói giấy bóng kính đem vào sử dụng.

Người ta gọi cọp bằng nhiều tên: Cọp, Hổ, Hùm, Cọp Kễnh do tôn trọng cũng như sợ cọp, nên còn gọi là Ông Ba Mươi hay Ông Hổ. Họ quí cả móng vuốt cọp, và thường lấy đeo cho trẻ con, mong trẻ dễ nuôi, đỡ giật mình, an giấc, ổn định thần kinh....

Thời đó, một số người đi rừng, mua lại những bộ xương cọp về nấu cao hổ cốt và như thế mới yên tâm là cao hổ cốt thiệt, không bị pha chế xương trâu bò hay xương khác.

Ở nước ta, Hổ được tiếng là dữ dằn, hay đi lùng bắt các thú nuôi như trâu, bò, lợn, dê và bắt cả người.

Cọp, hổ, là mãnh thú được con người nể sợ, không chỉ ở nước mình (VN), mà còn ở Sundarban Ấn Độ và Bangladesh vùng vịnh Bengal.

Trong ngôn ngữ Pháp, đã diễn tả Ông Ba Mươi một cách dí dỏm hóm hỉnh rằng:
"Lũy mắm sốt bớp như ba bẩy bớp/ Lũy tí tí giôn, tí ti noa. Lũy hẩm lũy hực. Lũy măng giê toa. Lũy xực cả moa" . Tạm dịch : Nó giống con bò nhưng không phải con bò. Một tí vàng, một tí đen. Nó hẩm nó hừ. Nó ăn thịt anh, ăn thịt cả tôi .

- Trong văn chương cũ Việt Nam, hổ được nhắc đến trong nhiều trường hợp.
Câu chuyện "Hổ và Người", đuọc ghi trong các chương cổ tích, với tựa đề khác như "Trí Khôn của Loài người".... Mục đích cho thấy cái hữu dõng vô mưu của mãnh thú, thua trí khôn của thằng người bé nhỏ và láu cá". Đồng thời nói tại sao lông hổ có lằn đen lằn vàng.

- Hổ cũng được nhắc đến trong cuốn "Thần Hổ" của tác giả Tchya, người đã thuật lại linh khí của một con thú, không chỉ rành mạch về thể chất mà cả về tâm linh - Hổ thần, cai quản các con hổ trong vùng, có uy thế, uy quyền, có cảm ứng với các đối tượng qua thần khí và sắc khí của họ ... Hổ có trí nhớ dai, nhờ tính này, tìm được kẻ thù xưa , từng rình rập săn đuổi đánh, bắn, đến nỗi hổ bị tật nguyền... sau đó toại nguyện, vì máu được đánh đổi bằng máu, khiến danh từ Thần Hổ ám ảnh và đi vào trí óc người dân chất phác tại vùng thượng du Bắc Việt, và quanh vùng đã lập miếu thờ khắc hình Ông Ba mươi, dành cho dân kiếm cúi hay dân đi săn trong rừng, đến khấn xin thần hổ tha mạng. Không ai biết tên thật của người viết, và chỉ phân tích T.C.H.Y.A là "Tôi chẳng yêu ai".

- Truyện Thủy Hứ của Tàu, người ta cũng nhắc đến tính hung bạo của Hổ. Mãi sau nhờ Võ Tòng dùng tay không, đánh thắng hổ, được lưu truyền trong vở tuồng "Võ Tòng đả hổ" vào thập niên 30-40. Vở tuồng dân gian này có trình diễn ở rạp Quảng Lạc, ngõ Sầm Công, Hà Nội.

- Tại Sumatra, Nam Thái Lan và bán đảo Mã Lai, những thổ dân da đen cho rằng Hổ được đấng tối cao trao cho nhiệm vụ trả thù, hoặc trừng phạt những kẻ phạm những luật lệ cấm của bộ lạc.

- Dân tộc Medriq, tin Hổ là con của Thiên Lôi và nữ thần, nằm trong trung tâm trái đất. Do đó hổ là sự liên hệ giữa thần sấm sét và trần thế này.

- Tại Ấn Độ, các thần linh đều dùng hổ để cưỡi, như Jolishmatic (thần của linh dược), Aurkak (thần cai quản chu kỳ 30 năm), Shukra (thầy tu của quỷ dữ) ... Những vị cưỡi hổ gọi là Vahana. Khôngđâu kính nể hổ bằng dân vùng châu thổ bùn lầy Sundarbans, nơi hổ hoành hành nhất thế giới. Nơi hàng năm có hàng trăm người bị cọp vồ ăn thịt mà không một chương trình nào của chính quyền đứng ra bảo vệ thân mạng con người. Ấn Độ hy vọng được bảo vệ hổ, duy trì hổ sống sót. Xứ sở này, hổ làm người dân sợ hãi, nhưng không thù hận. Tuy không yêu thích, nhưng hổ được kính thờ, với lý do giản dị: được coi là thần linh ngự trị trên mảnh đất say mê và quyến rũ Ấn Độ.

- Hổ vùng Á châu, từ viễn đông Nga tới vùng Ararat, Thổ Nhĩ Kỳ, giáp Iran, vào đầu thế kỷ, được coi là vùng có nhiều hổ. Người ta ước tính có 40.000 bạch hổ (hổ trắng) gọi là Royal Bengal Tiger sống trong vùng. Muốn xem loại hổ này, xin đến Las Vegas, nước Mỹ, nơi có cặp hổ trắng được trưng bày. Hổ mà trưng bày cũng coi như "cá chậu, chim lồng", tựa như QLVNCH sau 1975 đem nhốt trong tù cải tạo.

- Trong cuốn "Linh Hồn của Hổ" (The Soul of Tiger) nhà nhân chủng học Jeffrey Mc Neely, và tâm lý gia Spencer Wachel kể lại rằng : Một con hổ Miến Điện ăn thịt người, bị bắn chết sau khi sát hại 24 người dân làng. Những thổ dân đã tụ quanh xác hổ, bày hương hoa cúng bái, cầu xin hổ tha tội đã giết hổ và chúc hổ bình an nơi chín suối.

Trong thơ văn, nhà thơ Thế Lữ của Việt Nam nhắc đến hổ trong bài thơ "Nhớ Rừng". Bài thơ nổi tiếng trong văn học mới, nhiều người thích, nhớ và thuộc nó -

Hổ nhớ Rừng là âm vang nhung nhớ điêu tàn, vọng lại sau kiệt quệ, bi ai, tuyệt vọng, vì nỗi suy thoái đau thương tưởng nhớ một thời quá khứ. Tiếc và nhớ thời oanh liệt trong hư không:

"Gặm một khối căm hờn trong cũi sắt/ Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua/
Nhớ cảnh sơn lâm với bóng cả cây già/ Nhớ tiếng suối gào ngàn, với giọng nguồn thét núi/ Nhớ những lúc khúc trường ca dữ dội/ Ta bước chân lên dõng dạc đường hoàng/ Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng/ Vờn bóng âm thầm lá gai cỏ sắc/
Trong bóng tối mắt thần khi đã quắc/ Là khiến cho mọi vật đều im hơi/
Ta biết ta chúa tể của muôn loài/ Của chốn thảo hoa không tên tuổi..."

Hình ảnh oai phong của chúa sơn lâm, tha thiết đến ủ ê, nung nấu hoang tàn...

Đó là Hổ trong thơ Thế Lữ. Là nỗi u tình trong trung trinh, vàng son tiếc nuối.

Tuy thân hình to lớn vạm vỡ, đồ sộ, nhưng hổ di chuyển rất nhẹ nhàng, bước chân không gây tiếng động, nhanh gọn, trong mọi địa hình địa thế nơi rừng sâu với những vằn vàng vằn đen chen nhau, đẹp mềm mại như tấm nhung di động, mỹ thuật tuyệt vời.

Người ta bảo những con hổ què, thường dữ và tàn ác hơn con hổ bình thường lành lặn. Cũng là tâm sinh lý chung của muôn loài, và chắc cũng không khác mấy với loài người; hoạn quan trong cung cấm thời phong kiến là một điển hình.

Nhưng dù thế nào, nấu xương hổ để làm cao hổ cốt, phục vụ sức khỏe con người, xem ra cũng ác. Cái lý lẽ "vật dưỡng nhân" là một quan điểm đặc thù của loài người, một loài luôn cho mình có quyền hưởng dụng trên tất cả muôn loài. Trái luật công bằng của trời đất, thượng đế , khi khai thiên lập địa.

Theo báo National Geographic Magazine, hổ được liệt vào loài dã thú, mãnh thú, đang lâm vào họa diệt chủng. Xương cọp khó mua lại càng hiếm. Số cọp hiếm hoi đếm chừng hai, ba trăm con. Chúng không ở rừng sâu nữa, mà lần ra ven rừng, bắt trâu bò, dê, lợn của dân để sống. Rồi lang thang lẻn về rình bắt người đi xem hát. Câu chuyện có ông bà nọ đốt đuốc chèo xuồng đi xem hát, đêm về bị cọp vồ, người ta đồn nhau, gọi tắt riết còn ba chữ "xem hát cọp"... Rình rập nhau để sống còn, là bản năng sinh tồn muôn đời của muôn loài.

Từ đó nảy sinh câu tục ngữ... hơi tục : "Qua truông, trẽ bòi cho khái" (Khái hay Ba mươi là tiếng người đường rừng ám chỉ cọp. Bòi là bộ phận sinh dục của phái nam).

Các cụ xưa muốn thử cao hổ cốt thiệt hay cao giả, bằng cách hòa cao đó trong chút rượu, bôi lên cọng của lá tre, xong thả trên mặt nước - chiếc lá quay mòng mòng là cao thiệt. Những kẻ bán cao giả, bôi trên lá tre một giọt Crésyl đậm đặc, thả vào nước, chiếc lá tre quay mòng mòng ... áng chừng như ẩn chứa cái mãnh lực của chúa sơn lâm vậy... Trò đời thật, giả chẳng biết đâu mà lần.

Các cụ ngày đó đo lường sức khỏe của nhau khi ngồi đánh tổ tôm, tứ sắc, xem lưng có còn thẳng không. Mắt còn tinh tường, không bị mỏi để nhìn rõ quân bài. Trong chiếu bài, các cụ khoe mỗi tối uống một chung rượu nhỏ như hột mít ngâm cao hổ cốt là khỏe khoắn không hề mỏi mệt. Rồi truyền miệng nhau, để chẳng biết hiệu quả bao nhiêu phần trăm, nghe cho vui chứ thời đó nào đâu có kiểm nghiệm lâm sàng hay thống kê này nọ lôi thôi.

Xương cọp thứ thiệt , có một số nhận định như sau: Xương ống chân trước có một rãnh dài gọi là phượng nhãn, còn xương quay của ống quyển chân sau, rất mỏng.

Trong bộ xương cọp, xương đầu và xương ống quyển (gọi là hĩnh cốt) là tốt nhất.

Người ta truyền nhau những thuyết Hình Ý tương ứng và cho rằng ngoại hình biểu lộ nội dung, nội tại... để áp dụng trong nhiều món thuốc Á Đông như:

1/. Cứt Dơi (Dạ minh Sa) : trị bệnh về mắt vì Dơi tinh mắt trong bóng tối (đúng ra dơi bay đêm nhờ radar). Máu Dơi, trị xây xẩm, vì dơi treo ngược đu bám trên cành cây.
2/. Mật Gấu trị bầm dập, vì gấu leo trèo, té ngã không sao cả.
3/. Thận hay cật Dê, hay thận Hải Cẩu: ăn cường dương vì chúng mạnh về sinh dục.
4/. Vi cá mập, ăn mạnh gân cốt
5/. Tổ yến (nước dãi chim yến): ăn bổ phổi
6/. Hải Sâm, Sò huyết: ăn bổ âm, bổ dương, và chúng mang hình dáng của bộ phận sinh dục người ... Rất nhiều món thuốc Á đông dựa trên lý thuyết này.

Thêm những món thuốc dựa trên biện chứng dịch lý như : Gạc nai non mới nhú, Nhung sừng mềm của loài hươu, nai. Chữ Nhung viết ghép với bộ thảo, với chữ nhĩ, miêu tả gạc nai trên vành tai. Nhung

là gạc non mới nhú sau khi sừng già cũ rụng đi, có chứa nhiều tinh túy của cây cỏ tùy thời điểm khi chúng ăn để tự bồi bổ : Nhung mọc ra vào tiết hạ chí, là nhất âm sinh, bổ âm huyết. Nhung mọc ra vào tiết đông chí là nhất dương sinh, bổ dương khí.

... Toàn là lý luận biện minh cho sự tham muốn hưởng thụ của loài người, một sinh vật ác nhất trong muôn lòai - Bản năng thú vật là khi đói mới sát hại nhau, khi Hổ no nê, Ông chui vào hang tối, hoặc nằm ngay bên bờ suối giữa thanh thiên bạch nhật, không màng việc rình mồi. Trong khi conngười no bụng (không đói) vẫn sát hại nhau, rồi đổ thừa thú tính.

Thời xưa chẳng cứ cao hổ cốt, cái gì mang lại thanh xuân hay những thức quí hiếm đều dành cho người giàu. Sự chênh lệch giữa người giầu, người nghèo biểu hiện trên nhiều phương diện, từ phẩm chất y trang y phục, đến bổ dưỡng trong ăn uống... Để người xưa đã dùng nhóm chữ Sâm Nhung QuếPhụ, miêu tả và hình dung thành phần giàu sang sống trong nhung gấm lụa là trong xã hội.

Sâm Nhung Quế Phụ, tuy đi liền bốn chữ, nhưng không phải là một, mà là tên của bốn loại đại bổ đời xưa dành cho người nhà giầu sứ dụng, hưởng thụ tối đa để khỏe, trẻ lâu, đẹp đẽ và tăng sinh lực.... Điều này có lẽ thời nào cũng vậy. Kẻ có tiền bao giờ cũng tìm đủ cách hưởng dụng, đoạt lấy những ưu tiên sống ở cuộc đời.

Vậy Sâm là gì? Nhung là gì? Quế là gì? Phụ là gì? Tại sao đi nguyên một nhóm chữ , mà đờigọi chung là "Sâm Nhung Quế Phụ" :

1. Vị thứ nhất, SÂM:

Là tên gọi khái quát một số thân cây thuộc loại thân thảo mà củ và rễ cây này được sứ dụng để làm thuốc từ rất lâu đời, và được coi là vị thuốc qui tại nhiều nước Á châu.

Sâm có nhiều chi họ khác nhau, thuộc nhiều chi nhánh khác nhau, nhưng cùng họ nhà sâm. Nhiều loại củ sâm hao hao giống hình người, đặc biệt là nhân sâm. Người ta dùng sâm ở dạng bột làm trà sâm, có ghi rõ trên bao bì là hồng sâm hoặc sâm trắng (sâm Hoa Kỳ, sâm Cao Ly). Sâm có tác dụng tẩm bổ, bao gồm cả sâm ở động vật như hải sâm, sâm đất. Sâm có nhiều loại:

- Nhân Sâm (Panax ginseng/ Asian ginseng): loại sâm được mô tả có sớm nhất và sứ dụng phổ biến nhất. Theo lịch sứ y học cổ truyền TQ, có từ 3000 năm trước công nguyên, được coi như thần dược trong "thần nông bản thảo" của vua Thần Nông.
- Đảng Sâm : Loại sâm mọc hoang và được đem gieo trồng ở Thượng Đẳng.
- Huyền Sâm : loại sâm có màu đen.
- Đan Sâm: loại sâm có màu đỏ.
- Bố Chính Sâm: loại sâm mọc hoang được sản xuất ở Bố Trạch. Mọc nhiều ở Quảng Bình, Phú Yên, mà xưa kia Hải Thượng Lãn Ông đã phối hợp với chất khác để trị ho, trị gày còm ốm yếu và ngày nay làm thuốc bổ khí, thông tiểu, hạ sốt.
- Sâm Cau, Sâm Đại Hành, Sâm Hoàn Dương, Sâm Mây, Sâm Ngọc Linh
- Sa Sâm: loại sâm mọc trên đất có pha cát.
- Thổ Nhân Sâm: sâm mọc trên đất
- Nam Sâm có hai loại - Bàn Long Sâm- Điền Thất nhân sâm
- Sâm Ấn Độ.
- Sâm Nhật Bản.
- Sâm Hoa Kỳ, còn gọi là sâm Bắc Mỹ.
- Sâm Tây Bá Lợi Á, còn gọi là sâm Siberi, sâm Liên sô.

- Sâm Đại Hàn, sâm Cao Ly.

2. Vị thứ hai, NHUNG:

Là chất non nằm trong sừng hươi (lộc non). Dùng làm quà rất quý. Nhung tuy béo và bổ, nhưng không phải ai cũng dùng được.

Nhung hươu có vị ngọt, mặn, tính ấm, không độc, bổ dưỡng, tốt cho người bệnh tim, suy nhược thần kinh. yếu thần kinh, đổ mồ hôi trộm, yếu sinh lý. Giúp người bệnh ngủ ngon, giúp tăng sức đề kháng, vết thương chóng lành, dùng dưới dạng bột, hoặc viên, hoặc ngâm rượu. Nhung ngâm mật ong sau 35 ngày thì dùng được. Uống Nhung trước bữa ăn, phục hồi cho phụ nữ sau khi sanh.

Các cụ xưa dọa trẻ con, và những người béo phì không nên dùng Nhung, sẽ nứt da nứt thịt vì tính bổ.

3. Vị thứ ba, QUẾ:

Y học đông phương xem Quế là một trong bốn vị thuốc quí.

Việt Nam là một trong những nước trồng nhiều Quế, quế nhìn như vỏ cây, nhấm vào lưỡi thì cay cay và thơm thơm. Tên khoa học của quế là Cinnamonum Loureirii. Thuộc họ Long não. Thân to và cao 10-20m, vỏ ngoài nứt nẻ, chia nhiều nhánh, mọc hoang trong rừng. Quế trồng bằng hạt hoặc chiết cành. Quế có hai loại Quế quan (quế thân), và quế chi (quế cành), quế chi dùng nóng.

Nhờ tính nóng, tính ấm, quế sứ dụng trong dân gian, chữa một số bệnh như cảm lạnh, không có mồ hôi, tê thấp, giảm lượng đường trong máu, tốt cho bộ tiêu hóa, trị vảy nến, mề đay, trúng hàn, trúng phong...

Ngày xưa cho quế là loại thân cây quí nên hay châm biếm mỉa mai, kỳ thị, ví von, khi thấy người con trai thân phận thấp kém nghèo hèn mà yêu cô con gái nhà quan hay nhà giầu cao quí hơn , với câu ví cay nghiệt "Đũa mốc mà chòi (trèo) mâm son".

Rồi trường hợp người con gái nhà giầu lấy chồng bị cho là thân phận thấp kém, nghèo hèn hơn, thì bắt đầu chép miệng than thở "Tiếc thay cây quế giữa rừng/ Để cho thằng mán thằng mường nó leo", như trường hợp công chúa Huyền Trân trong sứ Việt, đem gả cho anh chàng họ Chế vua Chàm để đổi lấy hai châu Ô, châu Rí mở mang bờ cõi về phía nam... Đây cũng cho thấy thân phận gái nước nam từ bao đời cũng chỉ dùng để đổi chác như một món hàng .... nhưng các cụ "già mồm" cho dân Chiêm là mán mường mọi rợ, mà quên rằng nước Chiêm trước khi bị xóa tên trên bản đồ (ác độc và quả báo), đã một thời vàng kim, mạnh mẽ, kiêu hùng.

Quế mọc khắp nơi, nhưng quế Thanh Hóa được coi là giá trị nhất, vì phong thổ của vùng này thích hợp.

4. Vị thứ tư, PHỤ (Phụ tử):

Là cây thuốc quí, thuộc dạng cỏ. Cao từ nứa mét đến 1 mét. Thân thẳng, có lông ngắn. Lá chia làm ba thùy, đường kính từ 5-7mm hình oval đứng dọc, răng cưa ở nứa trên. Hoa lớn, màu xanh tím, mọc thành chùm, dài 6-15cm. Bao hoa gồm 5 bộ phận. Quả có 5 cánh dài mỏng như giấy, hạt có vảy trên mặt. Phụ tứ có vị cay (tân), đắng (khổ), có độc, đại nhiệt thuần dương.

Theo bản thảo cương mục thì phụ tứ vị ngọt, rất nhiệt, rất độc. Người lạnh chân đắp phụ tứ cho chân ấm lại. Theo Y học Khải nguyên thì phụ (tứ) khí nhiệt và cay.Theo bản thảo kinh sơ, phụ tứ cay, nóng, hơi ngọt, đắng mà rất độc. Theo trung dược học, phụ (tứ) chủ trị các chứng vong dương, khí dương hư, hàn tý, âm thư. Không dùng cho người có thai. Trong sách Biệt lập, phụ (tứ) là cây thuốc hàng đầu gây ra trụy thai.

Cây mọc hoang ở Hoàng Liên Sơn, Hà Tuyên vùng tây bắc. Rễ củ rễ cái gọi là Ô Đầu. Củ con đã chế biến gọi là phụ tứ.

Có 4 loại phụ tứ: Diêm phụ tứ. Hắc phụ phiến. Bạch phụ phiến, Đạm phụ phiến.

Và phân thành hai loại đen, trắng. Hắc phụ tứ chữa phần trên, bạch phụ tứ chữa phần dưới thânĐấy, thể,

Sâm nhung quế phụ, bốn cây thuốc được cho là quí , vì chữa trị các chứng bệnh đời thường. Người nhà giầu xưa dùng nó để kéo dài tuổi xuân, tăng sinh lực, hưởng thụ tối đa cái hạnh phúc trong cõi trăm năm tạm bợ vô thường ....

Ngày nay y học tân tiến, dược phẩm bào chế sẵn sàng, sâm nhung quế phụ chỉ còn là cái bóng mờ của một thời dĩ vãng. Nhưng đã góp phần tô đậm một thời vang bóng, vì đã là những thứ được con người sử dụng duy trì sức khỏe và tuổi xuân nơi trần thế.

Mong các vị cao niên sống trên trăm tuổi.

Và XUÂN CỦA ĐẤT TRỜI muôn đời vẫn là Xuân ... Xuân thái lai. Xuân bất tận. ■

Nguyễn Thị Mật Nâu

Back to Contents

THƯ GỬI BẠN

DỌN NHÀ DỌN CỬA

NGUYỄN GIỤ HÙNG

Bây giờ nhắc lại chuyện "dọn nhà ... dọn cửa" trong những buổi "party" lúc về hưu thì chắc theo các anh cho tôi đang ngồi nói chuyện đời xưa. Dọn nhà dọn cửa thì có gì để nói nhỉ? Ai mà chẳng biết! Ấy vậy, đối với tôi thì lại khác đấy nhé, "khối" chuyện phải nói, phải kể, phải viết ra để than thở, thở than cùng với các anh.

Kể từ ngày tôi về hưu, bạn bè tới nhà ngồi chơi tán phét, nhậu nhẹt sao cứ triền miên. Mỗi khi nhà có "party" đông đảo, nhiệm vụ của tôi là cứ phải "*dọn nhà dọn cửa*", mệt "bá thở" chứ chẳng phải chơi đâu. Nếu không có những ngày như thế thì *cái chữ* hay *cái việc* "dọn nhà dọn cửa" đúng là xa lạ, nó không hề nằm trong tự điển ngôn ngữ của tôi, mà nếu có chăng thì nó chỉ nằm trong cái tự điển ngôn ngữ của "nhà tôi" (vợ tôi).

Tôi nhớ, có một lần, chúng tôi cho mượn nhà để "Hội Liếm Tem"[(1)] làm nơi ra mắt hội viên. Trước *ngày trọng đại* diễn ra mấy ngày, nhà tôi cứ lăng xăng và với cái giọng "sai bảo" ngọt ngào:

- Sáng nay em lo chuyện "đi chợ đi búa", anh ở nhà "dọn nhà dọn cửa", còn chuyện "làm vườn làm tược" thì để đến chiều hay ngày nào cũng được.

Nàng nói một hơi dài rồi tất tưởi ra đi.

Các anh ơi, cũng kể từ cái ngày về hưu ấy, tôi cứ tưởng là đã học được nhiều thứ lắm rồi, nào là rửa chén rửa bát, giặt quần giặt áo, nấu cơm đun nước, vân vân và vân vân, thế mà rút cuộc, hình như vẫn chưa học được là bao, đúng thật là "bể học mênh mông".

Tôi cứ ngồi suy nghĩ mãi về những điều nhà tôi nói. Không biết nàng "đi chợ đi búa" là thế nào nhỉ? Đi chợ thì đã biết qua, thế còn "đi búa" là đi đâu và làm gì thì tôi chưa biết. Định mở miệng hỏi thìlại sợ nhà tôi mắng khéo: "Thế mà cũng đòi làm ..." Nàng thường ngưng ngang ở đây vì có lẽ nàng cũng còn thương đến cái nghề nghiệp đã nuôi sống gia đình bao nhiêu năm nay. Phải nói thẳng ra ởđây, mỗi khi tôi làm điều gì hư, hay hỏng, hay không đúng ý nàng thì nàng liền phang ngay cho một câu: "Thế mà cũng đòi làm ... làm ..." dù rằng có khi câu mắng (yêu!) ấy lại chẳng liên quan gì đến cái nghề nghiệp nào cả. Thôi thì "đi búa" là đi đâu cũng mặc kệ, lỡ hỏi ra, tiếng "búa" lại dính líu tới cái búa cái kìm thuộc nghề nghiệp quen thuộc của mình thì quê quá.

Còn cái chuyện "dọn nhà dọn cửa" nhà tôi sai bảo thì phải làm ra sao đây nhỉ? Dọn nhà thì tôi cũng đã biết qua, dọn nhà là cái gì không nằm trong gầm giường thì nhét vào *gầm giường*, cái gì khôngở trong closet thì đút vào *closet*, cái gì không vừa gầm giường hay vừa closet hay cả hai nơi ấy đã đầy thì đem chúng ra ngoài *garage*. Những cái gì không thể dấu hay cất vào ba nơi ấy được thì lấy chăn

phủ lên ngụy trang. “Dọn nhà” là chỉ có bấy nhiêu việc, dễ mà. Còn cái chuyện “dọn cửa” thì tôi cứ phân vân mãi, nghĩ nát óc mà vẫn không ra. Hỏi thì không dám hỏi, làm thì không biết mình phải làmra sao? Chả nhẽ lại tháo cái bản lề đem cửa đi cất. Khó thật!

Lại còn cái chuyện “làm vườn làm tược” buổi chiều! Làm vườn thì tôi biết là trồng cây, tỉa lá, cắt cỏ, trồng hoa . . . Thế còn “làm tược” là nàng muốn làm gì đây nhỉ? Hay là nàng muốn chặt hết cây trong vườn đi cho gọn. Nếu như thế thì tôi hoan nghênh ngay đấy, cũng dễ, nhưng nếu như không phải chặt đi mà lại là trồng thêm thì thật nguy quá. Cho chắc ăn, tôi hãy cứ làm những gì mình biết và cứkéo dài nó ra cho đủ một ngày.

Rồi sang ngày thứ hai, cũng như hôm trước, sáng sớm, trước khi nhà tôi dời khỏi nhà để “đi chợ đi búa” nàng không quên dặn dò mọi thứ phải làm. Nàng dặn nhiều thứ quá đến nỗi tôi phải ghi xuống giấy. Cứ theo cái danh sách dài dằng dặc này thì kể như một ngày nghỉ ngơi "đi đoong" mất rồi. Thế cũng còn chưa đủ đâu đấy nhé, ngồi trong xe, trước khi lái ra chợ nhà tôi còn dặn với theo:

- “Quét tước” nhà cửa cho sạch sẽ đấy nhé. Ở nhà “làm lụng” cho tốt, em mua quà về thưởng. Thôi em đi, tí nữa em về!

Nghe nàng nói một hơi làm tôi chóng mặt, nhưng như chợt nhớ ra điều gì, tôi hốt hoảng chạy theo hỏi với:

- “Quét tước” là quét cái gì? “Làm lụng” là làm cái gì nữa mà phải tốt với xấu?

Nhà tôi cười cười nói vọng lại:

- Quét tước là quét hết, quét tuốt tuồn tuột!

Chưa giải thích thêm về hai chữ “làm lụng” là gì thì nàng đã rú ga chạy thẳng để lại phía sau tiếng rít của bánh xe trên mặt đường với làn khói khét cùng với anh chồng đang ngớ ngẩn nhìn theo.

Cứ theo lời vợ giải thích, quét tước là quét hết, quét tuốt tuồn tuột, chỗ nào có thể để lọt cái chổi vào là phải quét. Thế này thì cứ gọi quét đến mai, họp mặt xong rồi vẫn còn phải quét. Tôi biết đây là cái định nghĩa rất ư "bách khoa tự điển" của người đàn bà có uy quyền, nhất là uy quyền dành cho ông chồng đã về hưu, không cho ông có nhiều thì giờ rảnh rỗi để ngồi hàng giờ viết thư tán nhảm hay lén nhảy hàng rào sang nhà hàng xóm ngồi nghe các cô ngâm Kiều (với cái giọng nằng nặng):

Khi tựa gối khi cúi đầu,
Khi vò chín khúc khi chau đôi mày.
(xin đọc chữ “khi” thành “khỉ”)

Qua giọng ngâm của các nàng, nếu ai không biết truyện Kiều thì cứ tưởng là hai câu thơ ấy tả về bốn con khỉ mất rồi (Xin lỗi, chỉ viết cho vui).

Nghĩ đến thân phận mình, tôi chợt nhớ đến bốn câu thơ của vị đại trượng phu hảo hán nào đó:

Sung sướng thay phận đàn bà,
Đi đâu cũng được người ta làm chồng.
Đau đớn thay phận đàn ông,
Đi đâu cũng bị làm chồng người ta.

Cái kiếp “làm chồng” người ta quả thật không dễ dàng gì. Vợ đã nói thế nào thì nó phải là như thế, nó là một thứ chân lý bất biến, các ông chồng chỉ biết nghe và nhắm mắt thi hành. Thắc mắc là manh nha có tư tưởng xét lại, là phản động, phản cách mạng, là đi ngược với trào lưu tiến hóa của loài người và ... là ... là ... con “bú dù” (con khỉ) của cụ Nguyễn Du.

Tôi thất thểu bước vào nhà lòng đầy bâng khuâng, cứ tự trách mình tại sao lại ngớ ngẩn đi hỏi “quét tước” làm gì cho mệt cái thân. Có gì đâu, cứ cho “quét tước” là quét mặt bàn, bao nhiêu mặt bàn trong nhà tiện tay khi quét nhà, ta quét cho bằng hết. Nàng có hỏi thì cứ cắt nghĩa chữ "tước" có nghĩa là "bàn" theo tự điển tiếng Nga thời Nga hoàng là xong.

Con mèo quấn vào chân kêu "meo meo" vài tiếng thân thiện làm tôi thức tỉnh và cảm thấy thoải mái, dễ chịu. Tôi khẽ xoa đầu nó rồi xắn áo bắt tay vào việc, làm việc hăng say như cái máy mới được “rebuilt engine”.

Mọi thứ ngổn ngang trong nhà, kể từ ngày hôm qua, chúng đã có chỗ yên vị trong *gầm giường*, trong *closet* và ngoài *garage* cả rồi. Đến phần "quét tước" hôm nay thì cũng dễ thôi, cứ lùa rác vào những nơi nào ta có thể lùa vào được như gầm giường, gầm tủ chẳng hạn, vừa tiện lợi lại vừa có vẻ khoa học, còn kỳ dư chút ít thì hốt bỏ vào thùng rác. Chỉ có mỗi một nơi mà tôi cho là đáng ngại hơncả, đó là cái *nóc nhà*. Đã gọi là quét tuốt tuồn tuột thì không thể không kể đến cái nóc nhà được. Thú thật, khi còn trẻ thì tôi đâu có coi ra gì ba cái lẻ tẻ này, nhưng kể từ ngày về hưu, cái vườn sao như cứ rộng ra, cái nóc nhà sao như cứ cao lên và đặc biệt cái thang để trèo lên nóc nhà sao như cứ mỏngmanh đi. Hễ trèo lên được mấy nấc thang là tôi đã thấy cái cảm giác lành lạnh, tê tê, buồn buồn, bủn rủn như bị ai cù dưới lòng bàn chân mình vậy. Thôi vợ đã bảo làm thì ta cứ làm, dù có phải làm Lê Lai thì cũng xin liều mình cứu chúa. Chỉ có điều tôi sợ nhất là biết đâu cô hàng xóm đứng đâu đây nhìn thấy mình run rẩy trên cao, mỉm cười hóm hỉnh quay đi.

Thế còn "làm lụng" là làm gì đây? Làm vườn, làm nhà, làm cửa, ngay cả làm bếp thì nay tôi đã biết rành rọt cả rồi. Còn nào là biết ngay cả:

- "*đi làm đi ăn*" là đi làm rồi đi ăn.
- "*đi làm ăn*" là vừa đi, vừa làm, vừa ăn cùng một lúc.

Dễ hiểu quá mà!

Thế còn "làm lụng" là làm cái quái gì mà khi làm tốt thì lại được vợ thưởng quà. Cả cái cô hàng xóm vô duyên kia nữa, vừa nghe thấy nhà tôi hứa cho quà, cô ấy cũng đứng trước sân nhà mình cong cớn nói đỏng "Anh làm lụng tốt cho em, em cũng thưởng". Cứ nhìn nét mặt của cô, tôi cũng đoán nếu không đứng cách xa mấy cái sân thì cô đã xỉa xói, dí ngón tay vào trán tôi khi nói câu ấy rồi. Với tấm thân "to lớn đẫy đà làm sao" của cô thì chỉ cần một cái dí trán nhẹ thôi cũng đủ làm cho tôi bị bẹp dính vào tường, phải đợi vợ bóc ra đem về. "Làm lụng" là làm cái quái gì mà ghê thế nhỉ? Thôi, cứ để hạ hồi phân giải.

Các anh thấy không, tôi thật vất vả với những ngôn từ rắc rối của cuộc đời. Rắc rối như cô hàng xóm nhà tôi thường hay bị các bà dự "party" mắng: "Vừa ăn xong là *cắp đít* đi về". Thế là thế nào nhỉ? Cái gì ở trên đầu thì gọi là *đội*, ở trên vai thì gọi là *khiêng* hay *vác*, ở trên lưng thì gọi là *cõng*, ở nách thì gọi là *cắp*, ở trên tay thì gọi là *xách*. Còn tự mình "cắp đít" đi về, cô hàng xóm nhà tôi làm xiếc à? Cứ như các cụ ta thường hay nói *xách đít, cắp đít, vác đít* đi về, chắc là các cụ muốn nói đến cái nặng nhẹ, cái bề thế của nó chăng? [*Cười.*] Khó quá, tôi xin chịu thua, thua như mấy thằng Tây học tiếng Việt vậy.

Xin trở lại câu chuyện. Tối hôm ấy, không biết *cái đêm hôm ấy đêm gì* mà tôi cứ trằn trọc không sao ngủ được. Tôi nằm chờ đợi mãi mà không thấy nhà tôi hỏi han gì về kết quả tốt xấu của việc "làm lụng" đó và cũng chẳng thấy nhắc nhở gì về món quà nàng thưởng. Nửa định hỏi, nửa lại thôi. Mùi thịt bò kho thơm phức đang sôi trong nồi "slow cooker" trong bếp đưa tôi vào giấc ngủ, chập chờn lúc tỉnh lúc mơ. Có lúc tôi mơ thấy mình lò mò đi lục nồi thịt bò kho ăn vụng, lén lén lút lút như có lần giận vợ,dỗi cơm, nửa đêm bị vợ bắt quả tang đang lục nồi cơm nguội. Có lúc tôi mơ thấy mấy cô hàng xóm cúi xuống nhìn mình cười sằng sặc, văng cả nước bọt (nước miếng) vào mặt, sợ quá tỉnh dậy, tỉnh dậy rồi lại thiếp đi vào những cơn ác mộng.

Rồi chuyện gì mong đến đã đến: ngày ra mắt của "Hội Liếm Tem".

Một buổi sáng đẹp trời, bầu trời xanh ngắt không một bóng mây. Những bông hoa quỳnh (loại Mỹ) xen lẫn với những bông hoa hồng đang nở rộ ngoài sân. Tôi tỉnh dậy khi đồng hồ đủng đỉnh điểm 8 tiếng thảnh thơi. Nhà tôi đã đi đâu và vẫn còn để vương lại trên bếp vài thứ còn đương nấu dở dang.Tôi tự pha cho mình một cốc nước trà sâm bột uống cho lại sức. Vừa nhâm nhi cốc trà vừa ngắm nhìn hai con tò vò đang bay lượn quanh cái tổ chúng xây bên thành cửa sổ. Tôi thả hồn theo mấy vần thơ lãng mạn và nhớ tới vài câu *ca dao* của các cụ để lại cho hậu thế, mỗi khi đọc tới không thể nhịn cười:

Vô duyên, vô phúc!
Múc phải anh chồng già.

Ra đường người hỏi rằng cha hay chồng?
Nói ra đau đớn trong lòng,
Ấy cái nợ truyền kiếp, có phải chồng em đâu!
Bữa cơm múc nước rửa râu,
Hầu cơm, hầu rượu, hầu trầu, hầu tăm.
Đêm đêm dắt cụ đi nằm,
Than thân phận gái ôm lưng lão già.
Ông ơi, ông buông tôi ra,
Kẻo ai trông thấy, người ta chê cười.
Lấy chồng chẳng đáng mặt chồng,
Đêm nằm tơ tưởng ngỡ ông láng giềng.

Đang lâng lâng với những bài ca dao mộc mạc chân quê thì tôi chợt nghe thấy ngoài cửa:

- "Mu" (move) sang bên phải, "mu" sang bên trái một tí, tí nữa, tí nữa, được rồi, đâm thẳng vào. Lọt rồi!

Rồi những tiếng ì ạch, hổn hển vang lên lẫn với tiếng vui mừng. Té ra đó là tiếng của các ngài trong Ban tổ chức của "Hội Liếm Tem" đang khuân chiếc "NGÀ VOI" (ý nói vác việc chùa, việc không công) vào nhà. Tôi xớ rớ chạy ra thấy hai ngài Hội trưởng và Hội phó đang chân nam đá chân xiêu, lạng quạng, ngả nghiêng, xiêu vẹo, chậm chạp tiến từng bước một như người xuống tấn. Thấy hai ngài vất vả, *lòng chợt từ bi bất ngờ* (TCS), tôi muốn thò tay giúp sức, nhưng phân vân không biết phải giúp đầu nào nhẹ hơn, hình như đầu nào cũng nặng như nhau thì phải. Lại còn sợ mất lòng nhau, giúp ngài này thì sợ mất lòng ngài kia nên tôi cứ chạy luẩn quẩn vòng ngoài hỗ trợ tinh thần:

- Cố lên các anh ơi! Tới đến nơi rồi! Sắp tới rồi! ...

Và một điều không thể quên dặn hai ngài, nên tôi luôn nhắc nhở:

- Coi chừng trầy! Trầy! Trầy, trầy hết bây giờ.

Ngài Hội phó điên tiết hỏi:

- Trầy cái gì?

Sợ ngài Hội phó hiểu nhầm là tôi sợ trầy cái "ngà voi" nên tôi liền vội chỉ xuống chân:

- Sàn! Sàn! Cái sàn gỗ!

Tôi chưa kịp dứt lời thì ngài Hội trưởng thét lên:

- Mẹ!

Rầm! Thế là ngài ngã lăn đùng, hai vó chổng lên trời, nhưng hai tay vẫn kịp nâng cái "ngà voi". Tôi cứ phân vân trong lòng, chữ "Mẹ" ngài dùng là dành cho ai, cho tôi vì sợ trầy sàn gỗ, hay cho cái "ngà voi" quá nặng so với tuổi tác của ngài. Cuối cùng, chiếc "ngà voi" cũng được an vị nơi dành riêng cho nó, giữa nhà.

Hai ngài ngồi thở. Sau khi lấy lại sức, trên nét mặt hai ngài vẫn thấy có nét buồn buồn. Lại một lần nữa, tiếng "Mẹ" được phát ra. Hai ngài lầm bầm thều thào, phải lắng nghe lắm mới rõ:

- Nó chơi như thế thì chơi với ai.
- Chơi như "xê" ấy!

À ra hai ngài đang nói về kết quả trận bóng rổ của Laker và Detroit đang chiếu trên TV. Nay thì tôi đã biết chữ "Mẹ" của ngài Hội trưởng đã dành cho ai và cũng hiểu tại sao bỗng nhiên ngài ngã bổ chổng, bổ nhào: Laker thua!

Câu chuyện rủ rỉ rù rì ấy chẳng được bao lâu, ngài Hội phó đã bắt đầu "kéo gỗ" (ngủ). Kỳ này ngài Phó kéo gỗ một mình nên dù ngài có thua cũng vẫn được ăn cơm vua theo đúng tinh thần:

Kéo cưa lừa xẻ,
Ông thợ nào khỏe
Thì ăn cơm vua.

Ngài Hội trưởng thảnh thơi ra vuốt đuôi mấy con mèo con ngoài vườn.

Thời giờ thấm thoắt trôi nhanh. Các hội viên đã lục tục, kẻ trước người sau, kéo đến họp mặt. Ban tổ chức lo phần ẩm thực. "Mâm cỗ" đã đầy ăm ắp được mọi người xúm vào bầy biện trang hoàng. Ôi "mâm cỗ" và cái "ngà voi" rực rỡ làm sao. Trong khi đó, mọi người quên đi cái nóng nực, ai nấy đều tay bắt mặt mừng hàn huyên trò chuyện vang cả góc trời, rung cả góc nhà.

Thế rồi cuộc vui nào cũng phải có lúc tàn. Sau vài giờ họp mặt, các "quý khách" cũng bắt đầu lục tục ra về.

Những bịch rác lớn ở lại, mối ưu tư lớn nhất của gia chủ. Thế là hôm nay tôi lại có dịp làm công tác ngoại giao với những ông, những bà và những cô hàng xóm để cho gửi nhờ đám rác này vào thùng rác của họ.

Nói đến chuyện gửi rác, tôi chợt sực nhớ vào mấy tháng trước, cũng nhân có buổi họp mặt bạn bè đông đảo ở nhà tôi. Vì rác nhiều quá nên đành phải đem gửi nhờ sang những nhà hàng xóm. Và cũng vì đám rác này, tôi mới khám phá ra một điều, văn hoá đấy nhé, khiếp chưa: mỗi thùng rác, nó đều chứa đựng bóng dáng của *văn hoá*, của *chủng tộc*, của *đời sống sinh hoạt* hàng ngày khác nhau trong đó. Nhờ có đi gửi rác sang nhà ông hàng xóm liền vách, tôi mới biết ông bà ta là người Việt Nam mà trướcđây cứ tưởng là Chinese vì ngoài cái mùi "seafood", đầu tôm đuôi cá để lâu ngày, lại thêm cái vỏ chai nước mắm hiệu "ba con cua" hay "con mực" gì đó. Và từ hôm ấy, mỗi khi gặp gia chủ hàng xóm, tôi chào anh chào chị chứ không chào "hai" (Hi) hay "ba" theo kiểu Mỹ một cách máy móc vô duyên như trước nữa.

Có vị thiền sư nói: "*Trong thùng rác có bóng dáng của bông hồng, và trong bông hồng có bóng dáng của thùng rác. Rác là phân bón cho cây hồng trổ bông và trong bông hồng có hình bóng của thùng rác vì cái tính vô thường của nó. Khi hoa hồng tàn thì nó trở lại thùng rác như lá rụng về cội vậy"* Vị thiền sư nói như thế không sai vì ông nhìn thùng rác qua tính "nhất nguyên" của triết lý Đông phương hay triết lý "bất nhị" của nhà Phật. Với tôi, còn hơn thế nữa, thùng rác còn mang cả "*văn hoá, chủng tộc*" nữa đấy. Khiếp chưa!

Cũng như những lần trước, lần họp mặt này, tôi cũng không thể không đem gửi rác sang nhà hàng xóm. Ông bà hàng xóm, kể từ ngày biết nhau cùng là người Việt cả nên đối xử với nhau thật là thân thiện theo đúng tinh thần đồng hương, tinh thần làng xóm tối lửa tắt đèn có nhau. Khi tôi vừa ngỏ ý muốn gửi mấy bao rác thì ông bà vui vẻ chấp thuận ngay. Ông niềm nở:

- Xin ông cứ tự nhiên, hàng xóm với nhau cả mà. Nếu thùng đựng rác nhà tôi đầy rồi thì ông cứ tự tiện đổ rác vào thùng "recycle", mà nếu thùng "recycle" có đầy nữa thì đổ sang thùng "cây xanh", hai thùng ấy lớn đựng được nhiều rác lắm. Ông hăng hái nói một hơi.

À ra thế, các anh ơi, là ra thế đấy! Tinh thần thực dụng của ông hàng xóm nhà tôi thật đầy sáng tạo, dám nghĩ dám làm, dám làm vì không sợ bị phạt. Phải chi ông còn ở Việt Nam, tổ dân phố đã bình bầu cho ông được bằng "tiên tiến" về sáng kiến này rồi.

Còn các cô hàng xóm thì sao? Thôi thì cũng đủ loại cả đấy, cô Mộng béo tròn ở đầu ngõ, cô Đẹt gầy tong gầy teo ở cuối ngõ, còn ba cô xinh đẹp ở đối diện nhà tôi thon thả làm sao. Như đã nói với cácanh ở trên, tôi đã khám phá ra sự hiện diện của *văn hoá* lẫn *chủng tộc* trong thùng rác, lần này lại tìm được một khám phá mới trong ấy, đó là *chế độ ăn uống*. Nhìn vào thùng rác của cô đầy đà đầu ngõ thì lúc nào cũng đầy ăm ắp không còn chỗ nào mà ních; cô cuối ngõ gầy teo thì thùng rác chỉ toàn thấy rauvới cỏ, trống tuếch trống toác tha hồ mà nhồi, mà nhét, mà tống rác vào; còn ba cô thon thả trước nhà thì thùng rác lúc nào cũng ở bậc trung trung, nó cũng thon thả như ba cô ấy nên tôi chỉ có thể "*nhờ"* được một mớ. Và các cô lúc nào cũng luôn hớn hở "welcome". Nhưng kể cũng tội, có hôm, các cô hàng xóm cứ đứng ôm thùng rác đợi tôi sang đổ rác nhờ. Tôi không sang, các cô tiu nghỉu, đứng lườm nguýt nhau rồi bỏ vào nhà. [Cười!]

Thôi tôi xin ngừng câu chuyện kể lể lòng vòng, tào lao thiên địa ở đây với những sự việc đầy hư cấu, *viết cho vui* theo đúng tinh thần tưởng tượng của nhà văn Jules Verne và theo đúng tinh thần của cụ Nguyễn Du:

Lời quê chắp nhặt dông dài
Mua vui cũng được một vài trống canh. (Câu này thì không bảo đảm)

Khi có thêm kinh nghiệm về "về hưu" nào nữa, tôi sẽ xin kể các anh nghe sau nhé.

* * *

Xin gửi các anh trích đoạn bài hát "nhái lời" (*Gia tài của mẹ* - TCS):

. . .
Gia tài của vợ để lại cho ta,
Gia tài của vợ một khối việc nhà
. . .
Dạy cho con biết quý vợ nhà
Dạy cho con biết như người cha
Con biết như người cha, vui việc nhà. ■

(trên NET - vô danh)

Nguyễn Giụ Hùng.

8- Xin mời đọc bài "Hội Liếm Tem" sẽ gửi đăng sau.

Back to Contents

Thơ Hoàng-Tâm Hilton

Thất Thập Cảm Tác

Ngày xưa "thất thập cổ lai hy"
Gối mỏi, lưng đau, hết thích gì
Chống gậy ra vào, đời vô vị
Mắt mờ, tai lãng, sống vui chi...?

Ngày nay thất thập chuyện bình thường
Còn đi du lịch khắp muôn phương
Càn Khôn Thập Linh chuyên cần tập
Thân khoẻ, tâm an, đời lên hương. ■

Hoàng-Tâm Hilton
11-12-12

On Turning Seventy

In the old days so few lived to seventy
Knees worn, back ached, and so listless.
Poor eyesight, poor hearing, and a cane
Life had become so meaningless.

But today turning seventy is common
We can travel anywhere that we dare
Practice Integral Tai Chi with a flair.
Life is beautiful with a healthy body and peaceful mind. ■

Hoàng-Tâm Hilton

Bát Thập Cảm Tác

Thời xưa "bát thập đắc hi hi"
Mỗi ngày còn sống, mừng hơn gì
Ngồi trên sập gụ nhìn con cháu
Lưng còm má hóp, chẳng còn chi.

Thời nay bát thập là chuyện thường
Lái xe, lướt mạng, bay muôn phương
Đại dịch thì lên Zoom mở lớp
Giúp người vui, khỏe, thêm sắc hương. ■

Hoàng-Tâm Hilton

11-12-22

On Turning Eighty

Before, one laughed at reaching eighty
Feeling proud with each passing day.
Watching grandkids while sitting in bed
Back bent, cheeks sunken, all in decay

But now, turning eighty is quite normal
One still drives, surfs the web, and flies.
Teaches classes on Zoom during the pandemic
Improving health, harmony, and peoples' lives. ■

Hoàng-Tâm Hilton

The Past is Prelude
The Future Will Always Come
So Will Ninety and Beyond.

TDL

Back to Contents

Thơ Nguyễn Thị Mắt Nâu

Sỏi Đá Đùa Nhau

Thói đời sỏi đá đùa nhau
Trò chơi cắc cớ vỡ đầu người ta
Tục ngữ thì bảo rằng là
Trâu bò húc mãi... muỗi chết ba cánh đồng

Thân phận thấp bé ruổi rong
Gạt dòng nước mắt nhủ lòng ra đi
Sau biến cố còn lại gì
Là cái chủ nghĩa chẳng nghĩ chi giống nòi

Ai về phố thị mà coi
Đời sống nhốn nháo cuộc đời tối đen
Mấy mươi năm vẫn thấp hèn
Không thể ngẩng mặt bon chen với đời

Thế giới đầy những tả tơi
Dân nghèo trong nước sống đời bể dâu
Phô trương thì đứng hàng đầu
Đó là cá tính từ lâu quen rồi

Thật giả toàn nói những lời
Chỉ là sáo ngữ cho đời thăng hoa
Se sua gấm vóc lụa là
Cho kịp hiện đại xa hoa đỡ buồn

Gái dùng sắc đẹp đi buôn
Trai dùng tiền để khoe khôn đủ trò
Hai bên tài sắc quanh co
Cùng nhau hưởng thụ để cho đỡ buồn

Đời người sao mãi thê lương
Trăm năm thấp thoáng gió luồn qua khe. ■

Nguyễn Thị Mắt Nâu

Back to Contents

ThÖ Dã Thäo

TÂM SỰ

ANH cô đơn, **EM** cô đơn,- Chúng ta cô đơn
Anh sầu gia cảnh – Em buồn thế sự quạnh hiu
Chúng ta gặp nhau – Không màu mè lời óng chuốt
Chúng ta quen nhau - Đời nghe như đỡ tiêu điều

ANH cô đơn, **Em** cô đơn – Chúng ta cô đơn
Thuốc chưa đả tật – Rượu chưa ngọt lịm bờ môi
Hai ta nhìn nhau – Quanh ta sa mạc vô cùng
Tay đan trong tay – Lòng như dậy sóng xa xôi

ANH cô đơn , **EM** cô đơn – Chúng ta cô đơn
Em lầu khuê các – Đài trang sống cảnh ngục tù
Anh là cơn bão - Ngụp lặn đam mê gió bấc
Làm sao tìm nhau - Đường xa giăng tít mây mù

ANH cô đơn, **EM** cô đơn – Chúng ta cô đơn
Vũ trường gác điếm – Em xa lạ như nai ngoan

Hiền hoà ngơ ngác - Hồn phiêu lãng trên phím đàn
Anh giòng thác lũ – Đưa em về mộng trần gian

ANH cô đơn, **EM** cô đơn – Chúng ta cô đơn
Em tương tư mộng - Những bước chân quen đã tới
Gõ nhẹ cửả tim – Anh lẳng lặng bước vào đời
Hôn khẽ lên em - Hạnh phúc giản dị anh ơi

ANH cô đơn, **EM** cô đơn – Chúng ta cô đơn
Tình yêu hạt sương – Treo lung linh đầu ngọn cỏ
Tình yêu khói nhạt – Làm em cay mắt nhung mơ
Bao giờ anh hiểu - Một đời em sống bơ vơ

ANH cô đơn, **EM** cô đơn – Chúng ta cô đơn
Phố nào qua ngang - Rừng chiều lá vàng thắp sáng
Công viên lạnh lẽo - Ghế buồn chờ đợi bóng ta
Anh nâng tay em – Nghe muà thu tình lai láng

ANH cô đơn, **EM** cô đơn – Chúng ta cô đơn
Anh đưa em về - Căn phòng xa lạ hơi nhau
Anh hôn thật nhẹ - Lưng êm óng mướt hương hoa
Tội tình em khóc – Rã rời anh chợt xót xa

YÊU MUỘN

« Từ nay nghiên bút buồn chôn kín
Thư phòng khép lại nỗi niềm riêng »

Đường Em đi chất ngất nỗi thương đau
Lối Anh về lỡ làng duyên phận bạc
Tình Anh – Tình Em, giọt sầu luân lạc
Đưa ta về chuyến đò đời trăm năm

Em đã khóc trong vòng tay Anh ấm
Em đã buồn trong thở dài hơi Anh
Em chơ vơ trong phiền muộn đêm canh
Em võ vàng trong mắt Anh đau khổ

Em đã sống trong tim Anh bia mộ
Mượn vay tình để quên hết tháng năm
Yêu Anh chưa trọn nghĩa sâu thâm
Trả Anh về kẻ đầu đời yêu dấu

Tình không đẹp khi mộng đời đã thấu
Tình thêm sầu khi gắng gượng yêu nhau
Khóc đi Anh, khóc mãi đến ngàn sau

Người xưa ấy, bóng ma hoài đeo đuổi

Em sẽ về bước chân hoang dun rủi
Hồn du mục như bão tố cuồng phong
Đường mây trôi trong nắng ấm duỗi rong
Rồi cũng qua chuyện tình buồn ngày cũ
Anh góa bụa như vườn xanh tàn nụ
Thư phòng buồn nhốt chút rán chiều hôm
Đêm trắng sâu trong mòn mỏi cô đơn
Khóc cho hết nước mắt tình xưa đó

Thôi Anh nhé, đời như không, như có
Anh và Em như sông nhánh ngược xuôi
Tình cay đắng nên tình nhớ khôn nguôi
Yêu Anh lắm như tình yêu thứ nhất

Tim về khép trong nỗi buồn chất ngất
Chén rượu nồng đã chẳng uống cùng nhau
Trái oan tình không chia chác mà đau
Bức tình thư trả nốt về dĩ vãng. ■

Dã Thäo PARIS – (TÌNH CỦA CỎ)
(Xứ CAM – Tháng 5/1988)

📖
BUỒN THEO DĨ VÃNG

Mười năm tình cũ một giòng thơ

ANH cô đơn, **EM** cô đơn – Chúng ta cô đơn
Đường vui đã hết – Ra về lòng ngơ ngác buồn
Hai ta chia tay – Lòng bịn rịn tình chưa dứt
Mỗi người tâm sự -Đêm nay nằm nghĩ nhau luôn

ANH cô đơn, **EM** cô đơn – Chúng ta cô đơn
Còn gì cho Anh ? Khi đời Em đã lỗi hẹn ?
Còn gì cho Em ? Khi đời Anh đã đóng khung ?
Còn gì cho nhau ? Khi tình ta không trọn vẹn

ANH cô đơn, **EM** cô đơn – Chúng ta cô đơn
Em về làm thơ - Ngậm giọt tình mà cay đắng
Anh sầu viễn xứ - Ôm gối mộng nhớ thiết tha
Chúng ta cô đơn - Một đời như bãi tha ma…■

***Dã Thäo*, PARIS / TINH CỦA CỎ**
(Viết cho những năm, tháng cô đơn) 21/11/1989

Thơ gửi cho Em nghĩa ơ hờ
Thơ Anh nhắc lại bao nuối tiếc
Nụ hôn ngày ấy nhớ vu vơ

Từ đấy ngơ ngẩn những đêm thâu
Tim ta vụng dại nặng trĩu sầu
Thương Anh giòng lệ chia đôi bến
Buồn mình nuốt ngược những biển dâu

Em về an phận nỗi trống không
Mười năm xơ xác với bềnh bồng
Mười năm tự hỏi dư hương cũ
Có còn đọng lại trong mắt trong

Anh bảo tình Anh vẫn ngất ngây
Làn hương thoang thoảng mộng tháng ngày
Nhớ Em da diết hoài sững sốt
Yêu Em toàn vẹn nỗi đắng cay

Dư âm ngày cũ đã phai phôi
Đường đi chung bước cũng hết rồi
Métro chờ đợi tàn năm tháng
"Luc Xâm" vàng lá giọt ly bôi

Trùng trùng biển nhớ một lần yêu
Mười năm, ồ nhỉ lắm tiêu điều
Thở dài xa xót tình giao cảm
Khoảng cách chia đời ngại bao nhiêu !

Chiếc hôn mềm ướt mười năm qua
Em anh ngoan ngoãn lắm thật thà
Dễ thương vóc hạc hồn xanh mướt
Ám ảnh Anh rồi mộng cỏ hoa

Đừng nhắc đừng quên hỡi cố nhân
Gặp gỡ nhau chi tiếc bội phần
Dung nhan năm trước xin Anh giữ
Hoa đào gió lạc cánh bâng khuâng…■

***Dã Thäo*, PARIS /NHẶT LÁ TIM RƠI**
24/7/1992 (gửi DVAH một lúc lạc lối phiêu bồng)

INVICTUS

Dans les ténèbres qui m'enserrent
Noires comme un puits où l'on se noie
Je rends grâce aux dieux, quels qu'ils soient
Pour mon âme invincible et fière

Dans de cruelles circonstances
Je n'ai ni gémi ni pleuré
Meurtri par cette existence
Je suis debout, bien que blessé.

En ce lieu de colère et de pleurs
Se profile l'ombre de la Mort
Je ne sais ce que me réserve le sort
Mais je suis, et je resterai sans peur.

Aussi étroit soit le chemin
Nombreux, les châtiments infâmes
Je suis le maître de mon destin
Je suis le capitaine de mon âme. ■

William Ernest Henley – 1843-1903
(Ce poème fut pour Mandela un soutien et une source d'inspiration durant sa longue captivité)

BẤT KHUẤT

Mặc những tối tăm đang chằng chịt vây bủa
Như giếng đen thâm thẳm bị nước trấn chìm
Tạ ơn Trời bất phân thần thánh linh thiêngLinh hồn
Ta mãi ngạo kiêu và bất khuất

Trong tình huống nào có nghiệt oan bức uất
Ta vẫn không than, không gào khóc bao giờ
Dẫu có dập bầm bởi cuộc sống xác xơ
Ôm thương tích, nhưng chân ta hoài đứng thẳng

Giữa không gian đầy thịnh nộ, nhiều trắc ẩn
Bóng Tử Thần có rình rập hiện quanh Ta
Không cần biết định số nào gắn cho Ta
Ta luôn tồn tại trong hiên ngang thách thức

Mặc lối ta đi có cùng đường eo bức
Dù đa doan ô nhục, roi vọt bẫn đầy
Sỡ hữu dời mình, ôm định mệnh trong tay
Linh hồn riêng kia trọn đời ta thủ lĩnh ■

(Thơ của William Ernest Henley 1843- 1903)
Bài thơ nầy đã là nơi an trú tinh thần và nguồn cảm hứng cho những ngày dài tù ngục của cựu Tổng Thống MANDELA

Dã Thảo, sưu tầm và phỏng dịch – 25/01/2010

Back to Contents

Thơ **Nguyễn Ngọc Hà**

Hình được lấy từ Internet

Bồi hồi nhớ lại mùa Xuân của những năm về trước,
với dư âm còn lảng vảng quanh đây . . .

Xao Xuyến Xuân Xưa

Xuân của đất trời ở quê cha
Cành mai chậu cúc vui cửa nhà
Gió Xuân mát dịu lòng rộn rã
Hương xuân ngào ngạt chim hót ca
Bướm khoe sắc thắm vờn hoa lá
Dáng Xuân xao xuyến "mộng dưới hoa"
Duyên may xui gặp trang nho nhã
Tình Xuân phơi phới vốn đậm đà
*

Tết về bánh mứt được bày ra
Người người nô nức ôi vui quá
Pháo nổ dòn tan trước cửa nhà
Trẻ con áo mới khoe Ba Má
Khoanh tay đến chúc thọ Ông Bà
*

Quên làm sao được Tết quê ta
Cơm gia đình thịt kho dưa giá
Các cụ hàn huyên cạnh chén trà

Cười ngắm mai vàng cúc đại đóa
Quê hương ta đó, Tết chan hòa!

G. Nguyễn Ngọc Hà

Ngày 1 tháng 2, 2023
(nhớ về Tết quê hương)

Back to Contents

Thơ Lê Diễm Chi Huệ

Xuân Mộng

Xuân về ươm hạt huyền mơ
Bướm vàng rong ruổi lượn lờ cánh hoa
Khúc tâm chợt vỡ chan hoà
Hồn hoang lạnh rũ ngự toà Như Lai
Ngàn năm đá khóc đêm dài
Thương bao cuộc lữ trượt dài huyễn mê
Âm thiên văng vẳng vọng về
Hương trầm quyện suối Tào Khê ngạt ngào
Mắt huyền vương khói lao xao
Chạnh dòng thiên cổ má đào liêu xiêu! ■

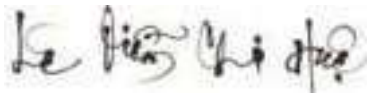

Đêm Quạnh

Sương gió mênh mông đêm quạnh vắng
Nguyệt mờ soi dáng rọi ngoài hiên
Xiêm áo so le nằm u rũ
Chiếu chăn buốt lạnh giữa đông tàn
Trà khuya lạc bóng người tri kỷ
Mây nước im lìm phủ tịch liêu
Đàn ai trẩy khúc sầu tê tái
Một cánh chim non lịm giữa trời. ■

Back to Contents

Thơ Yên Sơn

Tâm Sự Với Biển

Yên Sơn

Trên biển vắng, cơn mưa chiều lạnh rát
Ngày buông tay cùng mây nước ơ hờ
Tôi trơ trọi như vỏ sò trên cát
Lăn thản nhiên theo vạt sóng xô bờ.

* * *

Em đã đến như thuỷ triều bất chợt
Hát bài tình yêu mát cả cõi lòng
Khi thu muộn lá trên cành thưa thớt
Khuya sớm đi, về không cả đợi mong
Và cứ thế tình bềnh bồng mấy độ
Niềm tin yêu làm sống lại hoang tàn
Tan biến trong nhau như đôi chồng vợ
Bỗng dưng một ngày đối mặt ly tan.

* * *

Em xa tôi, tôi về đây với biển
Lật từng trang ký ức mỗi ngày qua
Có nhiều lúc thấy lòng mình tê điếng
Cố dặn lòng… tình cũng đã phôi pha
Tôi cố ngăn không để tình bi luỵ
Trải lòng mình theo sóng nước mông mênh
Em bỏ đi mang cả lòng chung thuỷ
Còn lại trong tôi là những miếu đền. ■

Yên Sơn

Tôi Nói Với Tôi

Yên Sơn

Thu đi lá cũng vàng khô
Riêng tôi đứng lại ngẩn ngơ với chiều
Cả một đời xuôi ngược
Đến lúc phải buông tay
Chiếc lá trên dòng nước
Bềnh bồng cùng mây bay
Biết bao nhiêu mộng ước
Đã một thời gian nan
Mà không thể với được
Ước mơ đã úa vàng
Biết không ai có thể
Sửa lỗi lầm cho ai
Nên chẳng cần trì níu
Cho những điều phôi phai
Không quay nhìn dĩ vãng
Không trông đợi tương lai
Hạnh phúc và đau khổ
Vui, buồn là hôm nay
Thế nhưng… nói rất dễ
Thực hành quả chua cay
Và thời gian ngạo nghễ
Trôi qua với tháng ngày
Nỗi buồn như nước mắt
Không lăn chảy một mình
Giọt nầy tiếp giọt khác
Nỗi buồn thì mông mênh. ■

Yên Sơn

Back to Contents

Thơ Haiku Vân Lan Thanh Trà Tiên Tử

Summer

On the lotus pond,
Flowers leaning on seed pods,
Goodbye to summer.

Vân Lan
Thanh Trà Tiên Tử

Autumn

Apples and roses
Shine in afternoon colours,
Autumn whispers soft.

Vân Lan
Thanh Trà Tiên Tử

Winter

Rain pours, no respite,
Shivering trees shed brown leaves,
Winter has arrived.

Vân Lan
Thanh Trà Tiên Tử

Spring

Cold winter retreats,
Dew glistens on waking buds,
Spring's time has arrived.

Vân Lan
Thanh Trà Tiên Tử

Back to Contents

Thơ Phạm Xuân Lương

Xin được chia sẻ với quý thi hữu bài thơ cực ngắn song ngữ do Tiến Sĩ Dương Đức Nhự viết tặng chúng tôi nhân ngày tốt nghiệp Ed.D., 11 tháng 5, năm 1990 tại University of Houston, thấm thoắt đã 33 năm.

Phạm Xuân Lương

HỈ CHÚC PHẠM QUÂN

Học hải vô nhai lãng mãn thiên Ngưỡng quân đốc chí ngũ dư niên.Kình ngư việt hải vô an thủy
Kháo ngạn thùy tri đảm phụ duyên. ■**MỪNG ANH PHẠM**

Bể học mênh mông sóng ngập trời,Phục anh dốc chí mấy năm rồi.
Cá kình vượt biển nào yên ổn, Tới bến nhờ công của bạn đời. ■

May, 11, 1990
Dương Đức Nhự

CONGRATULATIONS, DR. PHAM

Learning is a boundless ocean with engulfing waves..
We put off our hats before your will of iron.
Like a giant fish, you can brave the billows with great effort
The credit for your success goes to your wife's support. ■

Translated from Vietnamese by Lee Pham

Back to Contents

Thơ Tâm Minh Ngô Tằng Giao

The Land Of Stories-Books

At evening when the lamp is lit,
Around the fire my parents sit;
They sit at home and talk and sing,
And do not play at anything.

Now, with my little gun, I crawl
All in the dark along the wall,
And follow round the forest track
Away behind the sofa back.

There, in the night, where none can spy,
All in my hunter's camp I lie,
And play at books that I have read
Till it is time to go to bed.

These are the hills, these are the woods,
These are my starry solitudes;
And there the river by whose brink
The roaring lions come to drink.

I see the others far away
As if in firelit camp they lay,
And I, like an Indian scout,
Around their party prowled about.

So, when my nurse comes in for me,
Home I return across the sea,
And go to bed with backward looks
At my dear Land of Story-books. ■

Robert Louis Stevenson
(1850-1894)

Vùng Sách Truyện

Khi trời tối đèn đêm đã thắp
Bố mẹ tôi ngồi nhắc chuyện qua,
Bên nhau cười nói hát ca
Bập bùng ánh lửa trong nhà thảnh thơi.

Bò dưới đất tôi chơi súng giả
Trong màn đêm bóng ngả ven tường,
Lần quanh dấu vết trong rừng
Vùng sau ghế dựa tưởng chừng nguy nan.

Tôi ở đó tối tăm ai thấy
Trong lều săn lấy sách đọc chơi,
Ngả lưng vui thú tuyệt vời
Tới giờ đi ngủ mới rời sách ra.

Này đồi núi, rừng già đẹp đẽ,
Này thiên nhiên quạnh quẽ trời sao;
Dưới dòng cuồn cuộn sóng trào
Dừng chân uống nước hổ gào bến sông.

Xa muông thú nằm trong rừng dại
Như vây quanh lửa trại hẹn hò,
Tôi tên da đỏ rình mò
Quanh bầy thú dữ khẽ bò lặng im.

Khi chị vú vào tìm bắt ngủ,
Vượt biển sâu tôi ủ rũ về,
Ngoái nhìn lòng dạ tái tê
Nơi Vùng Sách Truyện đam mê tuổi hồng. ■

Tâm Minh Ngô Tằng Giao
chuyển ngữ.

The Peddler Of Flowers

I came from the country
With flowers,
Larkspur and roses,
Fretted lilies
In their leaves,
And long, cool lavender.

I carried them
From house to house,
And cried them
Down hot streets.
The sun fell
Upon my flowers,
And the dust of the streets
Blew over my basket.
That night
I slept upon the open seats
Of a circus,
Where all day long
People had watched
The antics
Of a painted clown.

Amy Lowell
(1874-1925)

Người Bán Hoa Dạo

Tôi từ vùng quê ra
Mang theo gánh hàng hoa,
Hoa hồng, hoa phi-yến,
Hoa huệ đẹp thướt tha
Phô muôn cánh kiêu xa,
Hoa lan-hương mặn mà.

Tôi chở gánh hoa tươi
Đến khắp cửa nhà người,
Xuôi phố phường nóng nực
Đi rao bán mọi nơi.
Muôn tia sáng vừng dương
Rơi trên những cánh hoa,
Bụi đường bay nhạt nhòa
Vương trên gánh phong sương.
Đêm đó tôi ngả lưng
Ngủ ngoài trời chập chờn
Trên ghế rạp xiếc lạ,
Nơi mà suốt ngày qua
Thiên hạ cười hể hả
Coi chú hề giễu trò
Mặt vẽ đủ màu hoa.

Tâm Minh Ngô Tằng Giao
(chuyển ngữ)

Old Age

The seas are quiet when the winds give o'er;
So calm are we when passions are no more.
For then we know how vain it was to boast
Of fleeting things, so certain to be lost.
Clouds of affection from our younger eyes
Conceal that emptiness which age descries.

The soul's dark cottage, battered and decayed,
Lets in new light through chinks that Time has made:
Stronger by weakness, wiser men become
As they draw near to their eternal home.
Leaving the old, both worlds at once they view
That stand upon the threshold of the new. ■

Edmund Waller
(1606-1687)

Tuổi Già

Biển yên khi gió qua rồi;
Lòng ta thanh thản khi rời đam mê.
Phù du sự vật khoe chi
Mất còn thoáng chốc, giữ gì trong tay.
Tuổi xanh tình cảm giăng mây
Về già mới thấy là đầy hư vô.

Mảnh hồn suy thoái âm u,
Mở ra chào ánh sáng lùa qua khe
Do thời gian mới rọi về:
Mạnh hơn sau những bước đi yếu mềm,
Con người khôn lớn thêm lên
Theo dòng đời cuốn gần bên mộ phần.
Lìa xa tăm tối dương trần
Bên kia đời mới vui chân bước vào. ■

Tâm Minh Ngô Tằng Giao
(chuyển ngữ)

LE TRAIN DE LA VIE

La vie est comme
un voyage dans un train:
On monte et on descend,
il y a des accidents,
à certains arrêts,
il y a des surprises,
et à d'autres,
il y a une profonde tristesse.

Quand on nait
et qu'on monte dans le train,
nous rencontrons des personnes et nous croyons qu'elles resteront avec nous pendant tout le voyage:
ce sont nos parents!
Malheureusement la vérité est toute autre.
Eux ils descendent dans une gare et ils nous laissent sans leur amour et leur affection, sans leur amitié
et leur compagnie.
En tous cas, il y a d'autres personnes qui montent dans
le train et qui seront pour nous très importantes: ce sont nos frères et nos soeurs, nos amis
et toutes les personnes merveilleuses
que nous aimons.

Certaines considèrent le voyage comme une petite

promenade. D'autres ne trouvent que de la tristesse pendant leur voyage. Il y a d'autres personnes toujours présentes
et toujours prêtes à aider
ceux qui en ont besoin.
Certains quand ils descendent laissent une nostalgie pour toujours… D'autres montent
et descendent tout de suite
et nous avons tout juste
le temps de les croiser…
Nous sommes surpris que certains passagers que

nous aimons s'assoient dans un autre wagon et que

CHUYẾN XE CUỘC ĐỜI

Cuộc đời xem khác gì đâu
Tựa như đáp một chuyến tàu dạo chơi:
Lên tàu rồi lại xuống thôi,
Đôi khi tai nạn ít người tránh qua,
Ở vài trạm nghỉ diễn ra
Bất ngờ bao chuyện thật là ngạc nhiên,
Ở vài trạm khác tiếp liền
Trào dâng một mối muộn phiền khôn nguôi.
Khi ta mới sinh ra đời
Coi như vừa bước lên nơi toa tàu
Và ta gặp gỡ cùng nhau
Đôi người kề cận có đâu xa gì
Tưởng rằng trong suốt chuyến đi
Cận kề nhau mãi chẳng lìa nhau ra:
Đó là cha mẹ của ta!
Nhưng mà sự thật khác xa, thật buồn
Song thân ta sẽ xuống luôn
Xuống nơi ga nọ không còn trở lui
Để ta ở lại ngậm ngùi
Hết còn được sống bên người yêu thương
Mất nguồn tình cảm dịu dàng
Gia đình mái ấm lỡ làng than ôi.
Nhưng dù sao tới nhiều nơi
Cũng toa tàu đó bao người bước lên
Với ta quan trọng vô biên:
Đó là anh, chị hay em của mình
Đó là bạn hữu thân tình
Và bao người khác chân thành khôn vơi
Những con người thật tuyệt vời
Mà ta yêu quý khó rời xa thay.
Có người cùng đáp tàu này

Coi như một buổi ngắn ngày dạo chơi
Có người chỉ thấy chán đời
Buồn vương theo gót suốt nơi hành trình.
Bao người khác ở cạnh mình
Luôn luôn hiện diện nhiệt tình chứa chan
Tâm từ tỏa rạng ánh vàng
Giúp ai cần đến,
sẵn sàng, quản đâu.
Có người khi bước xuống tàu
Để niềm nhung nhớ
giăng sầu triền miên…
Bao người lên xuống liền liền

Khiến ta

pendant ce temps nous laisse voyager seuls.
Naturellement, personne peut nous empêcher de les chercher partout dans le train.
Parfois, malheureusement, nous ne pouvons pas nous asseoir à côté d'eux
car la place est déjà prise.
Ce n'est pas grave…
le voyage est comme ca:
plein de défis,
de rêves, d'espoirs, d'adieux…
mais sans retour.

Essayons de faire le voyage de la meilleure facon possible.
Essayons de comprendre
nos voisins de voyage
et cherchons le meilleur
en chacun d'entre eux.
Rappelons-nous qu'à chaque moment du voyage un de nos compagnons peut vaciller
et peut avoir besoin de notre compréhension.
Nous aussi pouvons vaciller et il y aura toujours quelqu'un pour nous comprendre.
Le grand mystère du voyage est que nous ne savons pas quand on descendra du train pour toujours.

Nous ne savons pas non plus quand nos compagnons de voyage feront la même chose.
Même pas celui
qui est assis juste
à côté de nous.

Moi je pense que je serai triste de quitter le train… j'en suis sûr!
La separation avec tous les amis que j'ai rencontrés dans le train sera douloureuse; laisser mes proches seuls sera très triste.
Mais je suis sur
qu'un jour ou l'autre j'arriverai
à la gare centrale
et je les reverrai tous arriver avec un bagage qu'ils n'avaient pas quand ils sont montés dans le train.
Par contre, je serai heureux d'avoir contribué
à augmenter et à enrichir
leur bagage.
Nous tous mes amis,
faisons tout le possible

thoáng thấy cạnh bên nhất thời…
***T**a ngỡ ngàng đến nghẹn lời*
Có khi hành khách là người thân ta
Ta thương yêu thật thiết tha
Lại ngồi toa khác cách xa với mình
Khiến cho suốt cuộc hành trình
Để ta cô độc, bóng hình đơn côi.
Tất nhiên không có một ai
Cản ta kiếm họ khắp nơi trên tàu.
***Đ**ôi khi ta thấy lòng đau*
Muốn ngồi bên họ có đâu dễ dàng
Vì nơi đó thật bẽ bàng
Có người chiếm ngụ và đang tâm tình.
***K**hông can chi, chớ bất bình…*
Ở đời bao cuộc hành trình giống nhau:
Đong đầy thách đố trước sau
Tràn niềm hy vọng, thắm màu mộng mơ
Rồi qua giai đoạn tạ từ
Không quay trở lại kể như mãn đời.
***C**húng ta phải cố gắng thôi*
Hãy làm cho chuyến dạo chơi của mình
Thật êm ả, thật tốt lành
Cố thông cảm khách đồng hành cạnh ta
Trong từng người cố tìm ra
Những điều tốt nhất để ca ngợi người.
***N**hớ rằng mỗi phút tàu trôi*
Đồng hành có thể tâm thời đảo chao
Họ cần giúp đỡ xiết bao
Cần niềm thông cảm dạt dào của ta.
***C**húng ta nào có khác xa*
Tâm chao đảo cũng diễn ra nhiều thời
Và luôn luôn cũng có người
Nói câu an ủi, thốt lời cảm thông.
***N**hưng điều màu nhiệm vô cùng*
Là ta không biết suốt trong chuyến tàu

Rằng mình sẽ xuống lúc nào
Rời tàu vĩnh viễn, có đâu ngồi hoài.
***V**à ta cũng chẳng được hay*
Bạn đồng hành đó ngồi ngay cận kề
Cũng xuống tàu, cũng ra đi
Nào hay biết trước khác gì mình đâu.
Dù cho kẻ đáp cùng tàu
Ngồi ngay bên cạnh bao lâu nay rồi.
***C**ó điều chắc chắn lòng tôi*
Sẽ buồn day dứt khi rời tàu kia!
***N**ão lòng thay lúc chia ly*
Với bao bạn quý cùng đi chuyến tàu;
Thật đau xót biết là bao
*Để người thân lại t**rong bầu cô liêu.***
***N**hưng tôi tin chắc một điều*
Cuộc hành trình của tôi theo tàu này
Mãi rồi cũng phải có ngày

pour faire
un bon voyage
et essayons de laisser
un bon souvenir de nous
au moment
où nous descendrons du train.
À ceux qui font partie
de mon train,
je souhaite un bon voyage! ■

(Anonyme)

Tới nhà ga chính! Tại đây sẽ ngừng!
Bao hành khách từng đi chung
Giờ tôi lại gặp họ cùng đến ga
Với hành trang lạ vô bờ
Họ chưa từng có khi xưa lên tàu.
***L**òng tôi trái lại vui sao*
Thấy mình đóng góp phần nào trong đây
Khiến hành trang họ giờ này
Đã thêm phong phú lại đầy thăng hoa.
***B**ạn thân thương khắp gần xa,*
Chúng ta hãy cố tối đa sức mình
Cùng làm cho cuộc hành trình
Muôn phần trọn vẹn, tốt lành, êm xuôi.
Và ta cố gắng mãi thôi
Để lưu kỷ niệm đẹp nơi lòng người
Cùng chung tàu trong dòng đời
Khi mình rời bến thốt lời chia ly.
***A**i cùng tôi đáp tàu kia*
Tôi thành tâm chúc: "Chuyến đi an bình!" ■

Tâm Minh Ngô Tằng Giao
(Chuyển ngữ – Mùa Vu Lan 2008)

Back to Contents

Thơ Võ Thị Như Mai

VÕ THỊ NHƯ MAI

Nguyên quán: Mỹ Chánh, Hải Chánh, Hải Lăng, Quảng Trị
Sinh ra và lớn lên tại Đà Lạt
Làm giáo viên cấp 1 tại Tây Úc từ 2003 đến nay.

Tác phẩm xuất bản:

- Thơ: Tản Mạn Thơ, Bên Kia Tít Tắp Đại Dương, Vườn Cổ Tích, Để Cho Ngày Ngắn
- Tác phẩm dịch: Tứ Tuyệt Covid 19, Nhẫn Trăng, Nắng Tháng Ba, Thế Giới Những Giấc Mơ.

RẰNG

Rằng lời nói khẽ như gió thoảng
Như bàn chân bước nhẹ trong chiều
Như tứ đinh hương phập phồng gặp gió
Như mỏng mảnh cánh chuồn đắm nắng vẫn vơ bay

Rằng bảng lảng đông mặn nồng cọ heo may
Trong im lặng nghe côn trùng rỉ rả
Xào xạc nghiệp duyên giăng mắc như mây
Tỉnh giấc mơ mật ngữ cuộn dâng đầy

Rằng sóng bạc phủ ráng chiều dai dẳng
Khà đêm im thơm ngát sen hồng
Thiên hạ lim dim trăng rụng xuống cánh đồng

THÁNG TƯ

Tháng tư có hoa loa kèn
Nở trắng một trời Dalat
Bạn vày vò chi suối thác
Cho sầu ngập ngụa tôi mang

Thời thế nào muốn đa đoan
Ai ngờ ai đi bỏ xác
Ai ngờ ai mãi lưu lạc
Giữa đất trời mà càu nhàu

Tháng Tư nỗi buồn qua ngõ
Dừng lại một thoáng heo may
Tháng tư vầng trăng vẫn tỏ

Vô vi lạc sư chân không diệu pháp

Rằng tĩnh lặng úa màu tim đạm bạc
Khâu áo nâu minh triết ngộ tịch thiền
Tu ở tâm an cư kiết hạ huyền
Thân bụi bặm dấu rêu hằn ủy mị

Rằng sáng lặng trưa câm rằng hàng mi em cong
Rằng vớt mảnh trăng khuya trót rụng xuống cánh đồng
Ai nỡ đánh rơi tơ vương tình bồi hồi
Rạng rỡ thiên hà lồng lộng phía hừng đông. ■

VÕ THỊ NHƯ MAI

TRỞ VỀ HUẾ

Trở về Huế một chiều trong xanh
Nghe bình yên ngập tràn phố xá
Đường chân trời thêu nỗi nhớ anh
Nhấp nháy vì sao quen mà lạ

Đừng hỏi em yêu Huế ra sao
Và nghĩ về anh nhiều thế nào
Huế không anh, Huế còn tươi tỉnh
Hoa vẫn cười khi mắt em cay

Những tấm lòng tâm hồn đong đầy
Dành hết cho em đêm Gác Trịnh
Nốt nhạc ngân lên buổi sum vầy
Tạm biệt, làm sao tâm thanh tịnh

Tạm biệt, niềm thương thầm kín này
Tiếng thở dài ngậm đoá môi say
Thành bài ca quê hương luyến láy
Thành áng mây nâng đoá sen gầy

Trở về Huế mà chưa thăm Huế
Ra ngoài làng mà chưa thăm quê
Ngước lên trời kìa ánh trăng thề
Nói với anh chờ ngày hạnh ngộ. ■

VÕ THỊ NHƯ MAI

VẸN NGUYÊN CHÙM THẠCH THẢO

Sẽ có một ngày em mang tặng anh
Vẹn nguyên chùm thạch thảo
Cánh mỏng kết trăng ghim ngực áo
Soi xuyên một kiếp đoạ đày

Tháng tư quê người bối rối
Chắp tay đứng giữa thanh thiên
Thì thầm câu kinh sám hối
Hồn oan tức tưởi muộn phiền

Cũng muốn dệt vần thơ mượt
Loa kèn hoa bưởi hoa xoan
Lời đâm sâu triệu vết xước
Bên tai tiếng súng bàng hoàng

Cũng muốn dệt vần thơ say
Này ngon này giòn này gió
Cũng muốn dệt thơ để đó
Người qua nhặt lấy và hôn

Tháng tư có hoa tulip
Bật ra sáu tháng giá băng
Mảnh đất đạn bom ức hiếp
Vươn lên sức sống vĩnh hằng

Tôi đứng sau ô cửa khép
Khóc ngất một chiều tháng tư
Hoa cỏ lắng nghe khép nép
Giọt sương rơi xuống ngọt lừ. ■

VÕ THỊ NHƯ MAI

VỀ LÀNG

Ở nơi ấy có những ngôi làng
Lặng lẽ thắp bạt ngàn đốm lửa
Dệt bức tranh tình yêu chan chứa
Cho chúng mình gọi hai tiếng .. làng ơi!

Anh nắm tay em ghé rừng Đông Dương
Ngắm trầm ná, trâm bầu, tắc kè, chồn, sóc
Đợi Câu Hoan qua thiên tai nước ngập
Thăm Hiệp Từ Đường trang trọng, hiển linh

Đến xứ Cùa nâng bát nước chè xanh
Mới yêu sao quê nhà nắng giòn tươi buổi sớm
Chợ phiên Cam Lộ, mùng ba, chị áo quần thắng thớm
Má hây hây hồng, kìa thoáng bóng người thương

Về quê hương anh mạch nguồn Hải Lăng
Bến Ô Lâu em anh ngồi giặt áo
Chuyến đò xuôi chở trầu cau thơm thảo

Tím sông Swan ngậm mặt trời

Đem về tặng anh bận rộn biển khơi
Làn da trặm trịa gió sương đựng đầy túi nhớ
Dòng thời gian ruổi rong
Trên cánh đồng lúa mì điểm hoa dại nở
Một mình em tìm, nhặt nhạnh hạt từ tâm

Một mình em và những long đong
Của tột cùng nỗi cô đơn lữ thứ
Của giả vờ mạnh mẽ chẳng bao giờ tư lự
Giả vờ vui khi có kẻ gièm pha ganh ghét tội tình

Em biết rằng phải gác qua mọi chuyện chúng mình
Đất nước đớn nửa đời xa quê hươngCả một trời
nhớ thương quay quắt Anh khêu bếp lửa lòng,
Hạt vui buồn em gieo trồng
Rơm rạ bén duyên

Em mong sớm được mang tặng anh
Vẹn nguyên chùm thạch thảo. ■

VÕ THị NHƯ MAI

Kết duyên tình đôi trai gái nết na

Lịch sứ sang trang, sá gì nắng gió phong ba
Khi đồi cát chang chang, khi ruộng mùa rốn lũ
Mỗi hạt gạo thấm gian lao đắng cay mới xông xênh trù phú
Chợt nhói lòng, bản tin làng, máu xé Trung Đông

Một ngày mưa buồn cậu anh đã ra đi
Mợ thần thờ, gánh rau, chiều, một bóng
O gõ chuông, thơm nén nhang, nhuộm đêm lồng lộng
Dăm năm sau, ai còn? Trạo chuyện ngày xưa

Về thôi em, ba mạ già như sông
Chảy tràn qua miền trăm thương ngàn nhớ
Lũy tre làng đong đưa nhịp thở
Đón chúng mình về, sóng sánh, mùa chao! ■

VÕ THị NHƯ MAI

MỸ CHÁNH QUA KÝ ỨC TUỔI THƠ

I.
Đó là trận lụt của năm tám mươi ba
Anh cõng bà nội lên tra
O ngồi co ro trên cái tủ
Người ta đồn
thuyền chở ba mẹ nhấn chìm trong lũ
may mà sau dông
cả hai lạnh, môi thâm, ào ạt vào nhà
Ba ngày đêm bão vần vũ kéo qua
Anh lật thùng phuy nấu một nồi cơm nhão
Chờ khi trời ráo
Đâu thân chuối làm ghe
qua dì dượng xem chừng
Đài phát thanh thị xã rè rẹt không ngừng
Bao kẻ trôi sông, mấy người mất tích
Mỗi năm đến mùa bão cứ dòm lên lịch
Vái ông trời, cho Mỹ Chánh lặng yên

II.

III.
Đó là những cô gái đang thời tươi trẻ
Tóc mượt, mắt long lanh, đáo để duyên ngầm
Các chàng trai hàng xóm ngờ nghệch yêu thầm
Không hay mỗi đêm
Dăm người già ra xua tay đuổi chó
"Mấy thằng khỉ gió
Chúng nó lại đi gò"
Đợi hoài thành âu lo
Các cô xuống đò
Ngậm ngùi về làm dâu làng khác

IV.
Đó là một chiều gió bạt
Cậu mượn thuyền chở bé đi chơi
Mê mải vớt lục bình, mưa rơi
Chèo hoài, chưa thấy đâu là bến

V.
Đó là tô canh hến

Đó là những ngày thần tiên
Lội sình qua kênh thăm cô giáo ốm
Con Mai ròm
nẹo mình bên hông
tay cầm miếng cốm
sợ rơi tõm xuống bùn
Hình như nó vẫn ròm *
Thằng Chiến tổ trưởng
Năm nào cũng nhận phần thưởng
Giờ lang thang ca khản cổ khắp làng
Thằng Tân ngày xưa nhút nhát chẳng ai màng
Đang làm giáo sư bên Pháp
Sau những ngày bão táp
Cùng thằng Bứu nhặt me
Ăn có bao nhiêu, ném cả sau hè
Rồi cười như nắc nẻ
Là bún bò mụ Rác
Là cháo vạt giường chị Rê
Là chén chè kê
Hay mấy dái mít non
O Hai trộn chung với ruốt

VI.
Đó là những đêm đốt đuốc
Rước chị Hằng xuống quê
Là những lần hội họ, họp nhánh phái, đắp đê
Là khi Chánh –Tiên, Luận – Hà có con trai con gái
Làng quê giờ này xôn xao mùa gặt hái
Càng nao lòng, nẫu ruột nhớ xa xăm. ■

VÕ THỊ NHƯ MAI

Back to Contents

Thơ Phạm Doanh

Hình như đời mất thăng bằng

Hình như đời mất thăng bằng,
Càng ôm kinh điển
Càng gần lối mê.
Người ôn lại
sư……
……
……..
nước Tề,
Cười tên thái giám giở nghề quốc sư.
Tâm can còn lúc đau nhừ,
Còn nghe hồi trống trường thu mất bài.
Người về xé mảnh Tú Tài,
Đập nghiên, bẻ bút,
thở dài …
…
thở dài …
biệt tăm. ■

Phạm Doanh

Cái tâm bất toại

Màn mưa giăng chuỗi hạt dầm,
Gió về trong tiếng thì thầm cỏ hoang.
Ngang trời mây xóa nắng vàng,
Bước trầm tư bỏ địa đàng phía sau.
Một vùng tâm khảm nát nhàu,
Con đường vô định bụi ngầu vết chân.
Cuộc đời chắc đã bao lần,
Để niềm nghi hoặc xám dần vành môi.
Hình như trong mỗi con người,
Cái tâm bất toại có thời sơ sinh,
Mang theo vào cuộc đăng trình,
Đến hay không đến, vô tình chẳng hay.
Ngẩng đầu hứng hạt mưa bay,
Trên bờ sông vắng chiều nay lỡ đò. ■

Phạm Doanh

Những chiều mây phủ

Có những chiều mây phủ xám đồi,
Làn sương, khói thuốc đọng trên môi.
Miền buôn, bản Thượng buồn hiu hắt,
Ngồi ngắm bàn tay, thấy lỡ rồi.
Nơi chốn bạt ngàn đời lữ thứ,
à bao chuyện cũ vẫn chưa nguôi.
Chiều qua trên đỉnh, đời mưa gió,
Có phải từ nay biết ngậm ngùi. ■

Phạm Doanh

Ta từ đâu, ta về đâu?

Ta từ vô ý đất trời,
Ngẫu nhiên cha mẹ, vào đời láo lơ.
Năm mươi năm lẻ đến giờ,
Trong từng hơi thở nghi ngờ bản thân.
Cuối đường viễn mộng phù vân,
Ngẫm ra mọi chuyện chỉ ngần ấy thôi.
Bụi tro, tro bụi tái hồi. ■

Phạm Doanh

Có ngậm ngùi thêm cũng thế thôi

Có ngậm ngùi thêm cũng thế thôi,
Hoàng hôn đã khuất phía sau đồi.
Sương lam giăng phủ miền cô lạnh,
Chợt thấy con người thật nhỏ nhoi .
Bỏ lại đằng sau vùng kỷ niệm,
Chỉ còn chua chát đọng trên môi.
Thế thôi, áo mỏng, Đường thăm thẳm,
Tiếc nữa làm chi … đã muộn rồi. ■

Phạm Doanh

Bao giờ có lại một Quang Trung?

Bao giờ có lại một Quang Trung?
Cho đất nước ta lại lẫy lừng.
Giặc Bắc không còn cười ngạo nghễ,
Người Nam thôi hết hận không cùng.
Mang ngàn lính Việt như voi cọp,
Diệt vạn quân Tàu tựa dế giun.
Căm lại ngọn cờ trên đất tổ,
Ngàn năm thơm tiếng cháu con Hùng. ■

Phạm Doanh

Có điều gì xa lạ

Có điều gì xa lạ
Cứ quyện lấy trí óc tâm hồn ta
Sao giấc ngủ chập chờn mệt mỏi quá
Căn phòng đèn thắp sáng
Mà chừng đâu đây lãng đãng những bóng ma

Ngày tháng đã qua có bao giờ trở lại
Chân cầu vẫn im lìm để dòng nước mãi trôi xa
Mà bàn tay còn tiếc nuối
Giữ làm sao được thời gian mà cứ cố hoài
Kỷ niệm đã chia phôi
Đã cho đi thì gửi theo cả tiếng thở dài

Ngoài kia
Trời thấp thoáng ánh ban mai …■

Phạm Doanh

Back to Contents

TÀ DƯƠNG

Dặm dài hoảng hốt bóng tà dương
Lê gót chân đau nửa đoạn đường
Lá rụng gió lùa run rẩy tiếc
Hoa rơi mưa phủ luyến lưu thương
Ngả lưng đêm xuống đen cơn mộng
Chợp mắt ngày lên trắng giọt sương
Tình nghĩa còn nhau xin giữ lại
Nơi nào giao điểm mối tơ vương. ■

Phan Khâm

🕮

Bài họa 1: CHIÊU DƯƠNG

Song thưa thấp thoáng bóng chiêu dương
Trăng cũ mờ phai cuối dặm đường
Mê lộ bon chen bừng tỉnh mộng
Hồng trần quay quắt chợt buồn thương
Nắng vàng man mác mùa sang hạ
Mây trắng bâng khuâng tóc điểm sương
Gác nhỏ hắt hiu tình vỡ vụn
Tặng người chút nghĩa vẫn còn vương. ■

Nguyễn Thị Ngọc Dung

🕮

Bài họa 2: HIỆN TẠI

Lên thuyền xuống ngựa bến Tần Dương
Lữ khách dừng chân dũ bụi đường
Cố cựu đồng bào tâm khắc khoải
Bà con núm ruột dạ thân thương
Một trời chinh chiến còn vang vọng
Nửa kiếp hình hài đã khói sương
Nào muốn từng đêm buồn giọt lệ
Chút tình! Khổ nỗi vẫn còn vương. ■

Nguyễn Phú Long

🕮

Bài họa 11: NỖI VẤN VƯƠNG

Lặng lẽ bên trời bóng tịch dương
Người ơi từ độ biệt Thiên Đường
Ai còn khắc khoải nuôi thù hận
Tôi vẫn âm thầm ngậm luyến thương!
Đâu nữa đôi bờ vai ngọc nữ
Còn đây một mái tóc pha sương!
Thời gian dẫu có là dâu bể
Khó xóa trong lòng nỗi vấn vương! ■

Hồ Công Tâm

🕮

Bài họa 12: HỒN QUÊ

Cách biệt quê nhà mấy đại dương
Lìa xa đất Tổ mái Tông Đường
Quê nhà ngàn dặm lòng mong đợi
Đất khách muôn trùng dạ nhớ thương
Lang bạt giang hồ nơi gió cát
Ngao du lãng tử chốn phong sương
Gửi vần thơ họa tình huynh đệ
Man mác hồn quê bao vấn vương. ■

Ngô Văn Giai

🕮

Bài họa 13: BÊN MỘ LIỆT SĨ PHẠM HỒNG THÁI

Nắng xế chiều thu viếng Ngũ Dương
Hoàng hoa man mác cảnh Thiên Đường
Hát Long cuồn cuộn niềm nhung nhớ
Hồng Thái chất chồng nỗi luyến thương
Hảo hán sá gì nơi cát bụi
Anh hùng chẳng quản chốn phong sương
Nghiêng mình tưởng niệm người thiên cổ

Bài họa 3: **GÁI LIÊU TRAI**

Điêu tàn miếu cổ tiếng thùy dương
Người ngọc hiện trong khóm hải đường
Bóng xế khóc than tình tuyệt vọng
Trăng tà cười cợt cuộc tang thương
Canh khuya em đến nương theo gió
Buổi sáng em về quyện với sương
Mang mối tình si vào mộ lạnh
Đi rồi thoảng lại chút hương vương. ■

Lý Hiểu

📖

Bài họa 4: **ÁNH DƯƠNG**

Man mác chiều buông nhạt ánh dương
Chồn chân lữ khách vượt cung đường
Ve ngân tha thiết mang niềm nhớ
Hạc vọng bồi hồi gợi nỗi thương
Thoáng ánh mây tan tim lợt thắm
Vụt làn gió lướt tóc pha sương
Hành trang tiếp bước chia cay ngọt
Ấm một tình thơ mãi vấn vương. ■

Trần Lệ Khánh

📖

Bài họa 5: **HAI NỬA HỒN TÔI**

Nửa mảnh hồn trôi cuối đại dương
Nửa kia bỏ lại buổi lên đường
Nửa đem rượu nhạt vùi cơn nhớ
Nửa lấy thơ sầu rịt vết thương
Nửa cảnh tha hương còn buốt giá
Nửa trời cố lý vẫn mù sương
Nửa trăng mòn mỏi từng đêm vắng
Nửa bóng thời gian mãi vấn vương. ■

Nguyễn Vô Cùng

📖

Đau xót lòng trần giọt lệ vương. ■

Lê Ngọc Phái

Ngũ Dương: Tục truyền ngày xưa có 5 vị tiên hiện hình trong năm con dê đến giúp cho xứ Quảng Châu thái bình thịnh vượng. Để nhớ 5 vị Tiên trên, thuở trước dân địa phương gọi Quảng Châu là Ngũ Dương.

Hoàng Hoa: Là Hoàng Hoa Cương nơi an nghỉ ngàn thu của 72 liệt sĩ Trung Quốc và liệt sĩ Phạm Hồng Thái.

Hát Long: Là Hát Long Giang nơi nhà cách mạng Phạm Hồng Thái trầm mình tự vận ở Quảng Châu.

📖

Bài họa 14: **THIÊN TAI**

Ai gây thịnh nộ với trùng dương
Bão lụt vỡ đê nước ngập đường
Của cải tiêu tan bao khổ hải
Sinh linh chết choc qua tang thương
Nồi kê chưa chin đời tay trắng
Giấc mộng vừa tàn cảnh gió sương
Thế giới gọi kêu lòng bác ái
Cùng nhau chia sẻ nỗi sầu vương. ■

Lê Ngọc Kha

Năm 2005 nhiều thảm họa thiên tai xãy ra trên thế giới.

📖

Bài họa 15: **HOÀI MONG**

Vẫn nghe trầm bổng tiếng du dương
Mang những hoài mong suốt chặng đường
Lãng đãng vờn mây hình ảnh nhớ

Bài họa 6: **CẢNH KHUA**

Lầu khuya tiếng sáo mãi du dương
Huyền diệu trăng mơ lạc xuống đường
Phố chợ đang chờ làn náo nhiệt
Chuông chùa còn vọng tiếng tân thương
Bàn tay nhẫn nại cùng năm tháng
Mái tóc nghẹn ngào với gió sương
Giữa chốn thị thành chân hối hả
Vì đời lặn lội bụi trần vương. ■

Linh Đàn

Bài họa 7: **BIỂN CHIỀU**

Chiều tà lại tối ngắm trùng dương
Một bóng kim ô tỏa mấy đường
Hướng bắc mơ hồ mây diễm ảo
Phương nam huyền hoặc lửa bi thương
Sau lưng thuyền đợi dâng nguồn cảm
Trước mặt triều xô dãn vạt sương
Biển có vì ai thăm thẳm nhớ
Ba mươi năm chẵn vẫn sầu vương. ■

Cao Mỵ Nhân

Bài họa 8: **CHIỀU TRÊN BẾN VẮNG**

Chiều nhạt nhòa theo bóng tịch dương
Thuyền trôi trên sóng, sóng đưa đường
Mái chèo gác lại chờ cơn gió
Tay lái neo vào đợi bến thương
Chiếu rượu hoài hương tình nồng ấm
Vườn thơ viễn xứ nghĩa dày sương
Nhấp nhô nhô nhấp đời xuôi ngược
Nợ nước tình thi mãi vấn vương. ■

Hạ Thái Trần Quốc Phiệt

Bài họa 9: **TIỄN BIỆT**

Mơ hồ theo gió bóng người thương
Đêm dài nuốt lệ hoen bờ mắt
Ngày vắn say tình bạc mái sương
Có phải cành vàng thơm lá ngọc
Cũ càng chút nghĩa mãi còn vương. ■

Trần Quế Sơn

Bài họa 16: **LÊNH ĐÊNH**

Con thuyền tách bến vượt trùng dương
Sóng nước mênh mông suốt chặng đường
Xoải cánh chim di tìm tổ ấm
Bềnh bồng chiếc lá chở niềm thương
Ước mơ tơ dệt hồn dâng mộng
Hoài vọng đan sầu lệ đẫm sương
Ly cách cuộc đời hai lối rẽ
Lòng còn lưu luyến mảnh tình vương. ■

Đỗ Thị Minh Giang

Bài họa 17: **CẢM TÀ DƯƠNG**

Lời mời tác giả xướng "Tà Dương"
"Bát cú thất ngôn" một hướng Đường
Bút xuống nhẹ nhàng chan- chứa mến
Vần gieo êm ả ngạt- ngào thương
Thở than độc bóng dầm mưa nắng
Đòi đoạn cô đơn quyện gió sương
Nuối-tiếc nghĩa tình tim nức nở
Ai sầu ai thảm lệ ai vương? ■

Ngô-Phủ

Bài họa 18 : **CHIỀU NHÌN QUA BIỂN**

Tiển biệt cùng nhau dưới rặng dương
Lá vàng reo rụng lấp con đường
Giọt hồng pha sắc giăng mong nhớ
Sợi trắng lộng màu nhuộm tiếc thương
Gió nắng quay cuồng tung cát bụi
Cỏ cây mê hoảng đắm trời sương
Người đi kẻ ở mơ hay thật
Cuộn chặt sầu đau thắt vấn vương. ■

Ngọc Tuyết

📖

Bài họa 10: **NỖI BUỒN LY BIỆT**

Chiều xuống, trần gian nhạt ánh dương
Con thuyền viễn xứ đã lên đường
Người đi lòng chẳng màng lưu luyến
Kẻ ở hồn còn mang nhớ thương
Khuya sớm thẩn thơ hình với bóng
Tháng ngày dầu dãi gió cùng sương
Có ai hiểu thấu buồn ly biệt.
Hy vọng trùng phùng mãi vấn vương. ■

Trùng Dương Cao Xuân Yến

Chiều nhìn qua biển Thái Bình Dương
Đất mẹ ngùi xa vạn dặm đường
Sóng nước muôn trùng xanh nuối tiếc
Tầng mây "vân cẩu" trắng tang thương
Hồn quê man mác vờn hơi gió
Chiếc nhạn mơ hồ lẫn bóng sương
Tội chú dã tràng xe cát mãi
Mệt nhoài trọn kiếp, nợ còn vương… ■

quang hà

📖

Bài họa 19: **LẼ ĐỜI**

Ngày đêm qua lại lẽ âm dương
Vội vã chi cho loạn bước đường
Lá rụng hoa tàn theo lẽ đạo,
Chồi đâm nụ nở chạnh lòng thương.
Bình tâm quên hẵn phiền tam chướng,
Trầm vọng lo gì chuyện gió sương.
Thanh thản sáng chiều tâm chính niệm,
Mong quên đau khổ với sầu vương. ■

Githéa Hoàng Hy

Thơ Họa tiếp theo

KIẾP DÃ TRÀNG

Họa

Xe cát biển ơi! Kiếp dã tràng
Cả đời duyên nợ chốn trần gian
Giận hờn phút đó còn lưu luyến
Thương nhớ giờ đây đã xóa tan
Chân yếu sóng xô nào ngại khó
Lưng còng nước cuốn chẳng từ nan

TIẾNG QUỐC NÃO LÒNG

Họa

Tiếng quốc bi thương khiến đoạn tràng
Duyên lành sống với cõi nhân gian
Vì chưng kẻ ác gây nhà hoại
Tại bởi loài hung phá nước tan
Xây tổ nghìn năm nghìn vất vả
Chăm người vạn kiếp vạn gian nan

Mãi hoài suốt tháng ngày như thế
Theo bóng thời gian cứ vội vàng

Phan Khâm

Đâu rồi chốn cũ đêm gào khóc
Lòng mãi xót xa tủi đá vàng

Phương Hoa

CHUỖI NGỌC TRÀNG

Họa

Cổ tự trăng treo chuỗi ngọc tràng
Sáng ngời đạo hạnh giữa không gian
U tình kiếp trước thôi bôi vẽ
Chân lý đời nay lại hợp tan
Hì xã bởi hoài mong tĩnh lặng
Suy tư thành cứ phải gian nan
Mười phương Chư Phật an nhiên hỏi
Sóng gió sao tâm vẫn vững vàng.

Cao Mỵ Nhân

Back to Contents

Thơ Hương Cau Cao Tân

Bà Huyện Thanh Quan

2.1 Buổi Chiều Lữ Thứ *Bà Huyện Thanh Quan*	**2.1 An Afternoon at A Travelling Inn** *by Wife of Head of Thanh Quan District* *Translated into English by Hương Cau CaoTân*
Chiều trời bảng-lảng bóng hoàng-hôn, Tiếng ốc xa đưa lẫn trống ồn. Gác mái, ngư ông về viễn phố, Gõ sừng, mục tử lại cô thôn. Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi, Dặm liễu sương sa khách bước dồn. Kẻ chốn trang-đài, người lữ-thứ, Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?	The evening sky fades in with the dusk that is approaching The distant horn's echoes mixed with the guard station's drum rolling. Putting away the oar's blade, the fisherman goes back to distant home, Knocking at the ox's horns, the herdsman comes to the village alone. In sweeping winds, lone birds pass thousands of ochna plants tiringly, Under falling dew, a traveller strides through miles of willow trees quickly. One is in the boudoir comfortably, the other, at a travelling inn, lonely, With whom can one share the conversations after long separation joyfully?

The Tale of Kieu

Chương 14 - Câu 1227 đến câu 1370 (Kiều gặp và thề nguyền với Thúc Sinh)	**Chapter 14 - Verse 1227 to verse 1370** Translated into English by Hương Cau Cao Tân (Kiều met and vowed with Thúc Sinh)
1227. Lầu xanh, mới rủ trướng đào, Càng treo giá ngọc, càng cao phẩm người.	1227. Kiều started hanging her peach curtain at the Green Tower, The harder to have her, the higher her price and reputation were.
1229. Biết bao bướm lả, ong lơi, Cuộc say đầy tháng, trận cười suốt đêm. 1231. Dập dìu lá gió, cành chim, Sớm đưa Tống Ngọc, tối tìm Tràng Khanh.	1229. So many people came who searched for and tried to court her, There were months of drinking feasts, nights full of laughter. 1231. Like leaves welcoming the winds, branches escorting birds always, She found Tràng Khanh at night, and saw Tống Ngọc off in the day.
1233. Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh, Giật mình, mình lại thương mình xót xa. 1235. Khi sao phong gấm rủ là, Giờ sao tan tác như hoa giữa đường?	1233. At night when she became sober from the drinking slumber, She was startled, feeling more self-pity while thinking it over. 1235. Why, when she was at home she was honoured and protected, Now she was like a trodden flower on the road, totally wretched.
1237. Mặt sao dày gió dạn sương, Thân sao bướm chán, ong chường bấy thân? 1239. Mặc người mưa Sở, mây Tần, Những mình nào biết có xuân là gì!	1237. Her face had become thickened by enduring the winds and the dew, Her body felt the boring bodily assaulting routine, nothing new! 1239. She became mindless of lovemaking, the Sở rains and the Tần clouds, She let them pour love in, but her mind was totally out!
1241. Đòi phen gió tựa, hoa kề, Nửa rèm tuyết ngậm, bốn bề trăng thâu. 1243. Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu, Người buồn, cảnh có vui đâu bao giờ!	1241. Many times of catching summer winds and watching spring flowers, She admired shining moon, and viewed half-curtained snow in winter. 1243. Each scene she watched seemed coated with a layer of sorrow, When your heart is in sorrow, what you see will not be out of sorrow!
1245. Đòi phen nét vẽ, câu thơ, Cung cầm dưới nguyệt, nước cờ trong hoa, 1247. Vui là vui gượng kẻo là, Ai tri âm đó, mặn mà với ai?	1245. Other times she tried painting and playing poem composition, Or moonlight music playing, or under-the-flower chess competition. 1247. The fun she had felt was strained and for pretentious compensation, No soulmate friends, with whom could she now show her true passion?
1249. Thờ ơ gió trúc, mưa mai, Ngẩn ngơ trăm nỗi, giùi mài một thân. 1251. Nỗi lòng đòi đoạn xa gần, Chẳng vò mà rối, chẳng dần mà đau!	1249. Ignoring pretty scenes of summer apricots, spring winds on bamboos, Hundreds of thoughts were in her mind, yet she had no one to talk to. 1251. Her mind was busy thinking high and low, of things far and close, Mind entangled for no reason, heart without beaten yet in deep sorrow.

1253. Nhớ ơn chín chữ cao sâu, Một ngày một ngả bóng dâu tà tà.	1253. She remembered her parents' merits, shown by nine lofty actions, That they became older, like sunrays on mulberries they'd be fallen.
1255. Dặm ngàn, nước thẳm, non xa, Nghĩ đâu thân phận con ra thế này!	1255. That they were living at the place of distant mountains so far away, Never could they suspect that her destiny would be like this strayed!
1257. Sân hòe đôi chút thơ ngây Trân cam, ai kẻ đỡ thay việc mình?	1257. Kiều remembered her two naïve siblings still living with her parents, Wondering who would be offering foods to them in her replacement.
1259. Nhớ lời nguyện ước ba sinh, Xa xôi ai có thấu tình chăng ai?	1259. Then she remembered the vows she had made with her lover, Wondering if Kim, so far away, empathized with her situation ever?
1261. Khi về hỏi liễu Chương đài, Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tay.	1261. When he would be back inquiring of her like Miss Liễu's lover did, She was then no longer available but already married, that was it!
1263. Tình sâu mong trả nghĩa dày, Hoa kia đã chắp cành này cho chưa?	1263. She hoped that her sister's love would compensate for his loyalty, Had the flower branch been grafted to the tree fully and completely?
1265. Mối tình đòi đoạn vò tơ, Giấc hương quan luống lần mơ canh dài.	1265. Kiều was troubled because of her entangled mind about loving, At night, she dreamed about her country while the night was passing.
1267. Song sa vò võ phương trời, Nay hoàng hôn, đã lại mai hôn hoàng.	1267. Inside the silk-curtained room, missing her home country by herself, She was sad of evenings, one followed by another, nothing else!
1269. Lần lần thỏ bạc ác vàng, Xót người trong hội đoạn tràng đòi cơn!	1269. Watching the moon faded at dawn or the yellowed sun in the evenings, To be a member of Poor Fate Association means many times of pitying.
1271. Đã cho lấy chữ hồng nhan, Làm cho, cho hại, cho tàn, cho cân!	1271. If Heaven had granted a woman some form of beauty, Suffering immensely and evenly for it in life would it be her destiny.
1273. Đã đày vào kiếp phong trần, Sao cho sỉ nhục một lần mới thôi!	1273. If Heaven had sent a woman into a destiny of errant life, Then somehow she would be dishonoured at least once in her lifetime!
1275. Khách du bỗng có một người, Kỳ Tâm họ Thúc cũng nòi thư hương.	1275. Among the brothel patrons, who came and lived as inhabitants, There was Kỳ-Tâm of Thúcs who was one of scholar descendants.
1277. Vốn người huyện Tích, châu Thường, Theo nghiêm đường mở ngôi hàng Lâm Truy.	1277. Whose place of origin was Tích district of Thường Division, Who accompanied his father, opening a shop in Lâm Truy region.
1279. Hoa khôi mộ tiếng Kiều nhi, Thiếp hồng tìm đến hương khuê gửi vào.	1279. Hearing Kiều's reputation of being the top of the brothel beauties, He formally sent his red card to her place to call on her properly.
1281. Trướng tô giáp mặt hoa đào, Vẻ nào chẳng mặn, nét nào chẳng ưa?	1281. When he met the beauty face-to-face in her silk-curtained room, Which colour was not irresistible, which feature not favoured in full?
1283. Hải đường mơn mởn cành tơ, Ngày xuân càng gió càng mưa càng nồng.	1283. Kiều was like a cherry-apple flower on a branch so freshly tender, Under the winds, sun, and rains would she become even prettier!
1285. Nguyệt hoa, hoa nguyệt não nùng, Đêm xuân ai dễ cầm lòng được chăng?	1285. Kiều and Thúc were completely infatuated with each other, For such lovemaking Kiều could not hold back the feelings of hers.
1287. Lạ gì thanh khí lẽ hằng, Một dây một buộc ai giằng cho ra.	1287. It was common to love each other, being of same beat for two hearts, One had the string, one wanted to tie, who could take them apart?
1289. Sớm đào tối mận lân la, Trước còn trăng gió sau ra đá vàng.	1289. They gradually formed a habit of visiting frequently each other, They flirted at first, and eventually became husband and wife together.
1291. Dịp đâu may mắn lạ dường, Lại vừa gặp khoảng xuân đường lại quê.	1291. By chance, they were in luck having a golden opportunity, That Thúc's father, at the time, had to come back to his home country.
1293. Sinh càng một tỉnh mười mê, Ngày xuân lắm lúc quên về với xuân.	1293. Thúc, for each ten times being drunk of her, was only once sober, It was like spring time always for the many times Thúc visited her.
1295. Khi gió gác, khi trăng sân, Bầu tiên chuốc rượu, câu thần nối thơ.	1295. Be wind cooling on upper storey, at night, enjoying moon admiring, Or be drinking heavenly wine, or playing serial poem composing.
1297. Khi hương sớm, khi trà trưa, Bàn vây điểm nước, đường tơ họa đàn.	1297. He enjoyed scent burning in mornings, afternoon tea drinking with her, Go game were they playing, music were they harmonizing together.
1299. Miệt mài trong cuộc truy hoan, Càng quen thuộc nết càng dan díu tình.	1299. They devoted and indulged themselves totally in pleasure seeking, The more they knew each other, the more in love were they becoming.
1301. Lạ cho cái sóng khuynh thành, Làm cho đổ quán xiêu đình như chơi.	1301. It was no strange that such glances from a woman of beauty, Could tilt one's shop, or break apart a temple so easily.

1303. Thúc Sinh quen thói bốc giời, Trăm nghìn đổ một trận cười như không.	1303. Thúc Sinh was of the habit of spending money without counting, He spent thousands of taels of silver just for her laughter like nothing.
1305. Mụ càng tô lục chuốt hồng, Máu tham hễ thấy hơi đồng thì mê. 1307. Dưới trăng quyên đã gọi hè, Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông.	1305. The Mistress also cared more for Kiều's makeups and dressings, Being a greedy person, money was only what Mistress was craving. 1307. At night, swamp hens were calling, signaling the coming of summer, At wall corners, pomegranate flowers were blooming all over.
1309. Buồng the phải buổi thong dong, Thang lan rủ bức trướng hồng tắm hoa. 1311. Rõ màu trong ngọc trắng ngà! Dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên.	1309. When Kiều had a day of idling so slow and so pleasant, She prepared orchid scented water for her shower inside rose curtains. 1311. Thúc Sinh saw Kiều's pearly ivory white body without stains ever, It was just like a casting statue, no other body was as perfect as hers.
1313. Sinh càng tỏ nét càng khen, Ngụ tình tay thảo một thiên luật Đường. 1315. Nàng rằng: "Vâng biết ý chàng. Lời lời châu ngọc hàng hàng gấm thêu.	1313. The more Sinh had watched, the more admiring he had become, Feeling inspired, he praised her romantically by composing a poem. 1315. Kiều said: "Becoming aware of your intention and your thinking, Your ideas and words are so pearly, so beautiful is your writing.
1317. Hay, hèn, lẽ cũng nối điêu, Nỗi quê nghĩ một hai điều ngang ngang. 1319. Lòng còn gửi áng mây Hàng, Họa vần xin hãy chịu chàng hôm nay."	1317. Good or bad, by custom, I should rhyme-compose this poem of today, But I have been troubled by home country longing in some ways. 1319. Because my heart is still with home clouds floating so far away, So the rhyme-composing will have to be done on another day."
1321. Rằng: "Sao nói lạ lùng thay! Cành kia chẳng phải cỗi này mà ra?" 1323. Nàng càng ủ dột thu ba, Đoạn trường lúc ấy nghĩ mà buồn tênh:	1321. Sinh said: "So strange! You sound so strange in your talking, Is this branch not from this root by a caring and tender upbringing?" 1323. On hearing this, her eyes seemed to be in misery and clouded over, The more she thought of fate, the more it made her feel sadder.
1325. "Thiếp như hoa đã lìa cành, Chàng như con bướm lượn vành mà chơi. 1327. Chúa xuân đành đã có nơi, Vắn ngày thôi chớ dài lời làm chi."	1325. Kiều said: "I am like a parted flower, already fallen on the ground, And you, a butterfly, are only flying and playing all around. 1327. You, King of Spring, have been married with someone already, Happy days are short; therefore, lengthy words are said uselessly!"
1329. Sinh rằng: "Từ thuở tương tri, Tấm riêng riêng những nặng vì nước non. 1331. Trăm năm tính cuộc vuông tròn, Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông." 1333. Nàng rằng: "Muôn đội ơn lòng, Chút e bên thú bên tòng dễ đâu. 1335. Bình Khang nấn ná bấy lâu, Yêu hoa yêu được một màu điểm trang.	1329. Sinh said: "Since the day of our knowing about each other, I have been thinking privately about us as a couple together. 1331. If we are to establish for ourselves a hundred year affair, Then the source is checked to know if the river is from somewhere." 1333. Kiều said: "A thousand thanks for your heart of sincerity, But for either side of yours and mine, there are some difficulties! 1335. You've lingered in the brothel, Bình Khang Village, for some time, Your love could well only be for the beauty shade on the outside.
1337. Rồi ra lạt phấn phai hương, Lòng kia giữ được thường thường mãi chăng? 1339. Vả trong thềm quế cung trăng, Chủ trương đành đã chị Hằng ở trong.	1337. Then when I have become old and my beauty is fading away, Could your love be sustained totally until the end of our days? 1339. Because, in the moon's castle and stately mansion, There is the Moon Queen who controls each and every function.
1341. Bấy lâu khăng khít dải đồng, Thêm người, người cũng chia lòng riêng tây. 1343. Vẻ chi chút phận bèo mây, Làm cho bể ái khi đầy khi vơi.	1341. You two have been together for so long without problem, Adding me, you might divide her privately deserved love portion. 1343. I am nothing, just a water fern in aimless floating, How dare I make your ocean of love for her to be fluctuating!
1345. Trăm điều ngang ngửa vì tôi, Thân sau ai chịu tội trời ấy cho? 1347. Như chàng có vững tay co, Mười phần cũng đắp điếm cho một vài.	1345. If your household becomes troublesome because of me. To bear that heinous guilt after death, who else would it be? 1347. If somehow you are able to hold the real power at home, The best you can protect me is not in all things, but only some.
1349. Thế trong dầu lớn hơn ngoài, Trước hàm sư tử, gửi người đằng la. 1351. Cúi đầu luồn xuống mái nhà, Giấm chua lại tội bằng ba lửa nồng.	1349. If your authority is unfortunately less than that of hers, Then into the lion's mouth of hers you have sent me, the plant, over. 1351. When I bend my head to submit myself to the first wife's power, Her jealousy could be as bad as brothels' sufferings three times over.

1353. Vả trên còn có nhà thông,
Lượng trên trông xuống, biết lòng có thương?
1355. Sá chi liễu ngõ hoa tường?
Lầu xanh lại phó ra phường lầu xanh.

1357. Lại càng dơ dáng, dại hình,
Đành thân phận thiếp, ngại danh giá chàng.
1359. Thương sao cho vẹn thì thương,
Tính sao cho vẹn mọi đường thì vâng."

1361. Sinh rằng: "Hay nói đè chừng!
Lòng đây lòng đấy chưa từng hay sao?
1363. Đường xa chớ ngại Ngô Lào,
Trăm điều hãy cứ trông vào một ta.

1365. Đã gần chi có điều xa?
Đá vàng đã quyết, phong ba cũng liều."
1367. Cùng nhau căn vặn đến điều,
Chỉ non thề bể nặng gieo đến lời.

1369. Ni non đêm ngắn tình dài,
Ngoài hiên thỏ đã non đoài ngậm gương.

1353. There is still your father at the rank above that of yourself,
Would he be so empathic looking down, and would that help?
1355. If he regards me as a willow on the road, or as a wall flower,
Then I'd be, from the brothel, sent back to same brothel to suffer.

1357. It would be much more shameful, considering my situation,
It can't be helped with my fate, but I worry about your reputation.
1359. How to love such as to make everything work and fine,
If you can manage things perfectly, I'll be much obliged!"

1361. Sinh said: "You talk as if you are still in doubt about me,
Your heart and my heart, has yours not known mine with certainty?
1363. Even when it is like travelling to the Ngô and Lào countries,
Worry not about long trips, just leave everything to me.

1365. We are together now, how can the separation be happened?
We are determined to be steadfast, enduring violent confrontations."
1367. They talked with each other to the bottom of many things,
They called on mountains and oceans as witnesses for vow exchanging.

1369. Love is long, time is short, and the whole night was spent in confiding
The moon outside was halfway on western mountains in its setting.

Chương 15 - câu 1371 đến câu 1472
(Thúc Sinh chuộc Kiều - Quan huyện chủ lễ cưới Kiều)

1371. Mượn điều trúc viện thừa lương,
Rước về hãy tạm giấu nàng một nơi.

1373. Chiến hòa sắp sẵn hai bài,
Cậy tay thầy thợ mượn người dò la.
1375. Bắn tin đến mặt Tú bà,
Thua cơ, mụ cũng cầu hòa, dám sao.

1377. Rõ ràng của dẫn tay trao,
Hoàn lương một thiếp thân vào cửa công.
1379. Công tư đôi lẽ đều xong,
Gót tiên phút đã thoát vòng trần ai.

1381. Một nhà sum họp trúc mai,
Càng sâu nghĩa bể càng dài tình sông.
1383. Hương càng đượm lửa càng nồng,
Càng sôi vẻ ngọc càng lồng màu sen.
1385. Nửa năm hơi tiếng vừa quen,
Sân ngô cành biếc đã chen lá vàng.
1387. Giậu thu vừa nảy chồi sương,
Xe bồ đã thấy xuân đường đến nơi.

1389. Phong lôi nổi trận bời bời,
Nén lòng e ấp tính bài phân ly.
1391. Quyết ngay biện bạch một bề,
Dạy cho má phấn lại về lầu xanh.

1393. Thấy lời nghiêm huấn rành rành,
Đánh liều Sinh mới lấy tình nài kêu.
1395. Rằng: "Con biết tội đã nhiều,

Chapter 15 - Verse 1371 to verse 1472
Translated into English by Hương Cau Cao Tân
(Thúc Sinh redeemed Kiều - District mandarin hosted Kiều's wedding)

1371. On pretext of bringing Kiều on a summer vacation and going out,
Thúc brought her out and hid her in a secret place for now.

1373. Thúc prepared for both options of court submission and negotiation,
He employed lawyers and officials, using acquaintances in action.
1375. He then sent messages to Madame Tú for negotiation,
Being inferior to him, she had no choice but accepting his suggestions.

1377. Thúc then publicly gave over the amount for Kiều's official ransom,
To the government he submitted the official letter of redemption.
1379. Both inside and outside matters were completely taken care for her,
In a moment Kiều, the angel, was released and suffered no longer.

1381. They were united as those in the story of the matching bamboo trees,
The greater their loyalty was, the deeper their love was to be.
1383. As their fate was firmly set, the fire of love was getting brighter,
Kiều's complexion became whiter, her cheeks turned rosier!
1385. After half a year of having had becoming familiar with each other,
The green corn yard was dotted with leaves that were yellower.
1387. The autumn flowers were blooming as white as the faint dew,
His father rode back home to see Thúc and received his news.

1389. Old Thúc raised a thunderstorm in a fit of his anger,
He set aside his hesitance, planning the division of Thúc and her.
1391. He determinedly announced his one and only solution,
"That being from the brothel, she is to go back to same profession."

1393. Listening to his father's unshakably stern words of decision,
Young Thúc ventured to plead with him using method of emotion.
1395. Saying: "I know that my guilt is much and heavy,
Worthy to suffer strict punishments, if that will make you pleased.

Dẫu rằng sấm sét búa rìu cũng cam.

1397. Trót vì tay đã nhúng chàm,
Dại rồi còn biết khôn làm sao đây.
1399. Cùng nhau vả tiếng một ngày,
Ôm cầm ai nỡ dứt dây cho đành.

1401. Lượng trên quyết chẳng thương tình,
Bạc điên thôi có tiếc mình làm chi."
1403. Thấy lời sắt đá tri tri,
Sốt gan ông mới đơn quì cửa công.

1405. Đất bằng nổi sóng đùng đùng,
Phủ đường sai lá phiếu hồng thôi tra.
1407. Cùng nhau theo gót sai nha,
Song song vào trước sân hoa lạy quì.

1409. Trông lên mặt sắt đen sì,
Lập nghiêm trước đã ra uy nặng lời:
1411. "Gã kia dại nết chơi bời,
Mà con người thế là người đong đưa.

1413. Tuồng chi hoa thải hương thừa,
Mượn màu son phấn đánh lừa con đen.
1415. Suy trong tình trạng nguyên đơn,
Bề nào thì cũng chưa yên bề nào.

1417. Phép công chiếu án luận vào,
Có hai đường, ý muốn sao mặc mình:
1419. Một là cứ phép gia hình,
Hai là lại cứ lầu xanh phó về."

1421. Nàng rằng: "đã quyết một bề,
Nhện này vương lấy tơ kia mấy lần.
1423. Đục trong thân cũng là thân.
Yếu thơ vâng chịu trước sân lôi đình!"

1425. Dạy rằng: "Cứ phép gia hình!
Ba cây chập lại một cành mẫu đơn."
1427. Phận đành chi dám kêu oan,
Đào hoen quện má liễu tan tác mày.

1429. Một sân lầm cát đã đầy,
Gương lờ nước thủy, mai gầy vóc sương.
1431. Nghĩ tình chàng Thúc mà thương,
Nẻo xa trông thấy, lòng càng xót xa.

1433. Khóc rằng: "Oan khốc vì ta!
Có nghe lời trước, chí đà lụy sau.
1435. Cạn lòng chẳng biết nghĩ sâu,
Để ai trăng tủi hoa sầu vì ai?"

1437. Phủ đường nghe thoảng vào tai,
Động lòng lại gạn đến lời riêng tây.
1439. Sụt sùi chàng mới thưa ngay,
Đầu đuôi kể lại sự ngày cầu thân:

1441. "Nàng đà tính hết xa gần,
Từ xưa nàng đã biết thân có rày.
1443. Tại tôi hứng lấy một tay,
Để nàng cho đến nỗi này vì tôi."

1397. I have committed an offence by a bad oversight,
I have been foolish, how can I now become wise.
1399. Though we have been a couple even for just one day,
Neither one would have the heart to separate and part way.

1401. If my father does neither forgive nor exercise his mercy,
Suffering a naughty child reputation by dying is to be borne by me."
1403. Agitated by Thúc Sinh's firm and steadfast determination,
Old Thúc angrily submitted to the court an application for litigation.

1405. Their life was no longer normal; everything was turned upside down.
Since the District Court had sent a summons to be carried out.
1407. The couple followed the city clerks to the court together,
Side by side into the courtyard they were both to kneel over.

1409. They could see a black iron face when looking up to the dais,
The mandarin loudly wanted a precedent to be set right.
1411. Saying: "This man is a foolish playboy by his very nature,
And the woman is a person who is loose in actions and in characters.

1413. She is nobody, a discarded flower, or only an excessive scent
Who has employed a coat of beauty to cheat naïve men.
1415. Considering the applicant's details explained in his application,
It is clear neither of the defendant's sides is in a stable situation.

1417. To judge this case appropriately according to current law,
There are two options to choose from and to be called for;
1419. The first is, according to law, using its application of punishments,
Secondly, she is sent back to the brothel, and is clear of all actions."

1421. Kiều said: "I have decided to have a marriage properly,
Not like a spider caught in entangled webs many times so miserably.
1423. Brothel or not, being dirty or clean, I am still a married person,
My feeble body is now ready to be submitted to the law's punishment."

1425. The mandarin then ordered: "It is to be done according to law!
Beating her, a flower, by sticks, is the punishment to be called for."
1427. Daring not to cry out for the injustice she suffered,
Kiều, with wetted cheeks, knitted eyebrows, strained to suffer.

1429. The yard became dusty because of her rolling over,
A suffered figure, it was hard to recognize that it was really her.
1431. Witnessing all that, Thúc Sinh had pity on her,
Looking on from far away, the more he felt hurt all over.

1433. He cried out: "She is suffering the injustice because of me!
Had I listened to her, she would not have suffered unnecessarily.
1435. Because I was not thinking hard and deep enough for her,
Now because of whom she feels sad about and has to suffer?"

1437. His lamentation reached the mandarin's ears incidentally,
He called Thúc in to have a word with him in his privacy.
1439. Sobbing, Thúc was not hesitant in his story telling,
He started narrating everything about how things were happening:

1441. He said: "Kiều has had everything figured out from the very beginning,
That for her there would be a day of reckoning.
1443. It is because I have acted so selfishly and foolishly,
The misery she suffered today, it's all because of me."

1445. On hearing these words, the mandarin felt pity for her,

1445. Nghe lời nói cũng thương lời,
Dẹp uy mới dạy cho bài giải vi.
1447. Rằng: "Như hẳn có thế thì,
Trăng hoa song cũng thị phi biết điều."

1449. Sinh rằng: "Chút phận bọt bèo,
Theo đòi vả cũng ít nhiều bút nghiên."
1451. Cười rằng: "Đã thế thì nên!
Mộc già hãy thử một thiên trình nghề."

1453. Nàng vâng cất bút tay đề,
Tiên hoa trình trước án phê xem tường.
1455. Khen rằng: "Giá đáng Thịnh Đường!
Tài này, sắc ấy, nghìn vàng chưa cân!

1457. Thật là tài tử giai nhân,
Châu Trần còn có Châu Trần nào hơn?
1459. Thôi đừng rước dữ cưu hờn,
Làm chi lỡ nhịp cho đàn ngang cung.

1461. Đã đưa đến trước cửa công,
Ngoài thì là lý, song trong là tình.
1463. Dâu con trong đạo gia đình,
Thôi thì dẹp nỗi bất bình là xong."

1465. Kíp truyền sắm sửa lễ công,
Kiệu hoa cất gió đuốc hồng điểm sao.
1467. Bày hàng cổ xúy xôn xao,
Song song đưa tới trướng đào sánh đôi.

1469.Thương vì hạnh trọng vì tài,
Thúc ông thôi cũng dẹp lời phong ba.
1471. Huệ lan sực nức một nhà,
Từng cay đắng, lại mặn mà hơn xưa.

Chương 16 - Câu 1473 đến câu 1606
(Kiều khuyên Thúc Sinh - Hoạn Thư giận Thúc Sinh)

1473. Mảng vui rượu sớm cờ trưa,
Đào đà phai thắm, sen vừa nẩy xanh.
1475. Trướng hồ vắng vẻ đêm thanh,
E tình nàng mới bày tình riêng chung:

1477. "Phận bồ từ vẹn chữ tòng,
Đổi thay nhạn yến đã hòng đầy niên.
1479. Tin nhà ngày một vắng tin,
Mặn tình cát lũy, lạt tình tao khang.

1481. Nghĩ ra thật cũng nên dường,
Tăm hơi ai dễ giữ giàng cho ta?
1483. Trộm nghe kẻ lớn trong nhà,
Ở vào khuôn phép nói ra mối giường.

1485. E thay những dạ phi thường,
Dễ dò rốn bể, khôn lường đáy sông!
1487. Mà ta suốt một năm ròng,
Thế nào cũng chẳng giấu xong được nào

Becoming less stern, he started resolving the matter.
1447. Saying: "If that is truly such a case,
Then though she is amorous, she knows of sensible ways."

1449. Sinh said: "Though she has the fate of a water-fern,
She was lucky enough to have a chance to read, write, and to learn."
1451. The mandarin smiled: "If so, then this is what she can do,
Composing a poem titled 'Cangue' for me just to prove."

1453. Kiều obeyed, held the brush, and started writing a composition,
The paper was submitted to the mandarin's table for examination.
1455. He praised: "This is better than Tang Dynasty's period even,
This talent, that beauty, then a thousand taels is not a match even!

1457. Talented man, beautiful woman, a well matched couple indeed,
I can see no other marriage that can have a better fit!
1459. Old Thúc, do not bear or create more reasons for anger,
Causing not the breaking up of the love between him and her!

1461. Since you have brought this case to us the right authority,
Externally it is legality, internally, just emotion, as far as I can see.
1463. They are, after all, your son and daughter-in-law of the family,
Suppressing your anger is to conclude the matter accordingly."

1465. The mandarin quickly ordered that they hosted an official wedding,
Where the palanquin was fast moving and torches were glittering.
1467. The wedding included two rows of busy musicians and drummers,
The procession carried both of them to the house of hers.

1469. Since she was loved by her behaviour, respected by her talents,
Old Thúc then put aside his own anger and dissatisfaction.
1471. Their home was now full of the fragrance of unification,
Suffering previous bitterness, they now enjoyed more contentment.

Chapter 16 - Verse 1473 to verse 1606
Translated into English by Hương Cau Cao Tân
(Kiều advised Thúc Sinh - Hoạn Thư was upset at Thúc Sinh)

1473. So they enjoyed the fun of morning wine and afternoon chess playing,
Now peach flowers were fading, lotus plants were just budding.
1475. One night when they confided in each other in their room privately,
Kiều explained the situation lest things might happen undesirably.

1477. She said: "Since I became your wife, fulfilling my spousal duty,
Wild geese then swallows have come, a year is passing completely.
1479. The longer you stay, the less news your people are relayed,
They may fear you favour second wife than the first as of the day.

1481. I think that is what we should be worried about,
Since nobody will try to keep the news from leaking out.
1483. I hear that your first wife is really somebody,
Who keeps family customs, and who speaks carefully and logically.

1485. We should be aware of such extraordinary people like her,
Fathoming rivers is easier than fathoming one's heart and character.
1487. It has been almost a whole year since we were together,
It is impossible not to have our situation uncovered.

1489. Bấy chầy chưa tỏ tiêu hao,
Hoặc là trong có làm sao chăng là?
1491. Xin chàng kíp liệu lại nhà,
Trước người đẹp ý, sau ta biết tình.

1493. Đêm ngày giữ mức giấu quanh,
Rày lần mai lữa như hình chưa thông."
1495. Nghe lời khuyên nhủ thong dong,
Đành lòng sinh mới quyết lòng hồi trang.

1497. Sáng ra gửi đến xuân đường,
Thúc ông cũng vội giục chàng ninh gia.
1499. Tiễn đưa một chén quan hà,
Xuân đình thoắt đã đổi ra cao đình.

1501. Sông Tần một giải xanh xanh,
Lôi thôi bờ liễu mấy cành Dương quan.
1503. Cầm tay dài ngắn thở than,
Chia phôi ngừng chén hợp tan nghẹn lời.

1505. Nàng rằng: "Non nước xa khơi,
Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm.
1507. Dễ mà bọc rẻ giấu kim,
Làm chi bưng mắt bắt chim khó lòng!

1509. Đôi ta chút nghĩa đèo bòng,
Đến nhà trước liệu nói sòng cho minh.
1511. Dù khi sóng gió bất tình,
Lớn ra oai lớn, tôi đành phận tôi.

1513. Hơn điều giấu ngược giấu xuôi.
Lại mang những việc tày trời về sau.
1515. Thương nhau, xin nhớ lời nhau,
Năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy.

1517. Chén đưa nhớ bữa hôm nay,
Chén mừng xin đợi bữa này năm sau!"
1519. Người lên ngựa, kẻ chia bào,
Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san.

1521. Dặm hồng bụi cuốn chinh an,
Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh.
1523. Người về chiếc bóng năm canh,
Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi.
1525. Vầng trăng ai xẻ làm đôi,
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.
1527. Kể chi những nỗi dọc đường,
Buồng trong này nỗi chủ trương ở nhà:

1529. Vốn dòng họ Hoạn danh gia,
Con quan Lại bộ tên là Hoạn thư.
1531. Duyên đằng thuận nẻo gió đưa,
Cùng chàng kết tóc xe tơ những ngày.

1533. Ở ăn thì nết cũng hay,
Nói điều giảm buộc thì tay cũng già.
1535. Từ nghe vườn mới thêm hoa,
Miệng người đã lắm, tin nhà thì không.

1537. Lửa tâm càng dập càng nồng,
Trách người đen bạc, ra lòng trăng hoa:

1489. We have not received any news from your first wife since,
I fear there might be some undesirable things that are brewing.
1491. Please come back home to visit your wife instantly,
Firstly to please her, secondly to know the intention she has for me.

1493. If you are trying to keep it a secret for days and nights,
Putting that off from day to day is neither good nor right."
1495. Having had listened to Kiều's wise advice told so leisurely,
Hesitant yet Sinh agreed to go seeing his wife in his home country.

1497. Thúc Sinh informed his father about that in the morning,
Old Thúc also urged him to return home for a due visiting.
1499. Kiều and Thúc Sinh planned to share the farewell cup and bidding,
Thúc started quickly from his father's house to the place of parting.

1501. It looked lushly green alongside the banks of Tần River,
Swaying willow branches seemed to bid farewell to the loving traveller.
1503. They were holding hands, lamenting soft and loud with each other,
Drinking was paused; speaking was choked by the parting of the other.

1505. Kiều said: "Remember that you are there, I am here, so far away,
If the chief wife is pleased then I would be fine, that's the way.
1507. Wrapping a needle in a bag without exposing it is impossible,
Catching birds while blindfolding ourselves is the same impossible!

1509. A rather fragile bonding is now attaching the two of us together,
On reaching home, please tell everything straight and clearly to her.
1511. Even if she becomes upset and raises a storm up,
Boss is boss, servant is servant, and I can accept and endure as such.

1513. It is better like that than trying to hide the obvious things away
To do so will certainly bring heinous misfortune to us someday.
1515. If you love me then remember everything I am saying now,
Hurry not to come back here, staying a year or so around.

1517. Drink the parting cup today; remember all that is happening,
Uniting cup on same day next year for which shall we be waiting!"
1519. Thúc Sinh mounted his horse, Kiều let go of his hem portion,
The autumn's maple colour had been painted on distant mountains.

1521. Red dust clung onto the saddle of the strenuously tiring traveller,
When she looked, he was already behind many green mulberry layers.
1523. Kiều came back to stay alone in her boudoir throughout the nights,
Thúc Sinh was travelling a thousand of miles away out of sight.
1525. Who had divided the moon so there would be half each way,
Half was shining on a lonely pillow, half on him thousand miles away?
1527. Not counting the hardship Thúc had to endure along the way,
There was his first wife, the official one of his home of the day.

1529. She was a descendant of Hoạns, the prominent and famous family,
Was daughter of Minister of Interior, who was called Hoạn Thư Lady.
1531. Her married life had been good and been smooth sailing,
She had been together with her spouse since the day of their marrying.

1533. Hoạn Thư's behaviour and conduct were always within reason,
Binding people with words, she was a real person to be reckoned.
1535. Since she heard her husband got a new wife, a new flower,
Talks were plenty, yet there were no confirmation from him, ever.

1537. The more she suppressed her feelings, the more she became angry
With the man who changed heart, betraying the rule of loyalty.

1539. "Ví bằng thú thật cùng ta, Cũng dong kẻ dưới mới là lượng trên.	1539. "Had he told the truth to me, completely and truthfully, Being tolerant towards the inferior, that is the first wife of superiority.
1541. Dại chi chẳng giữ lấy nền, Hay chi mà rước tiếng ghen vào mình? 1543. Lại còn bưng bít giấu quanh, Làm chi những thói trẻ ranh nực cười!	1541. It would be foolish not to keep the base of good reputation, It is not good to be reputed a jealous wife in action. 1543. He even tries to hide the truth and to keep it from being uncovered, What can he gain by doing as such! Only a laughable childish manner.
1545. Tính rằng "Cách mặt khuất lời, Giấu ta ta cũng liệu bài giấu cho! 1547. Lo gì việc ấy mà lo, Kiến trong miệng chén có bò đi đâu?	1545. If he plans for an excuse of our being far away from each other, You want to hide, being hidden from it you will get in reverse order! 1547. I should not worry much about that trivially unimportant affair, Since the ant in the bowl cannot crawl away except within there.
1549. Làm cho nhìn chẳng được nhau, Làm cho đầy đọa cất đầu chẳng lên! 1551. Làm cho trông thấy nhãn tiền, Cho người thăm ván bán thuyền biết tay."	1549. I will make them not being able to see each other, Will ill-treat them so that they cannot lift up their heads from under, 1551. To let them know that, right in this life, by turning disloyal too early, He will learn what stuff I am made of justly and accordingly!"
1553. Nỗi lòng kín, chẳng ai hay, Ngoài tai để mặc gió bay mé ngoài. 1555. Tuần sau bỗng thấy hai người, Mách tin, ý cũng liệu bài tâng công.	1553. Hoạn Thư managed to keep her intention privately and well-hidden, She closed her ears to the vicious rumours that were in circulation. 1555. The week after, two persons leaked news of the second wife to her, Who intended to gain from her the merits of some big favours.
1557. Tiểu thư nổi giận đùng đùng: "Gớm tay thêu dệt ra lòng trêu ngươi! 1559. Chồng tao nào phải như ai, Điều này hẳn miệng những người thị phi!"	1557. Hoạn Thư then displayed a terrible fit of her extraordinary anger, "So despicable is the heart of fabricating stories to anger others, 1559. My husband is never just a common folk like others, This must be coming from the wicked mouths of some gossipers!"
1561. Vội vàng xuống lệnh ra uy, Đứa thì vả miệng, đứa thì bẻ răng. 1563. Trong ngoài kín mít như bưng. Nào ai còn dám nói năng một lời!	1561. She immediately used her status to execute a stern order, That one person to be slapped and some teeth pulled off the other. 1563. Inside thoughts, outside actions, all was kept as a clamped oyster, Nobody dared to think about, let alone any word to be uttered!
1565. Buồng đào khuya sớm thảnh thơi, Ra vào một mực nói cười như không. 1567. Đêm ngày lòng những dặn lòng, Sinh đà về đến lầu hồng xuống yên.	1565. She was coming in and out of her room in a manner of so pleasant, And the way she moved and talked as if nothing had happened. 1567. Hoạn Thư nurtured and kept her anger towards Thúc Sinh secretly, The latter had just dismounted and come to her room recently.
1569. Lời tan hợp, nỗi hàn huyên, Chữ tình càng mặn chữ duyên càng nồng. 1571. Tẩy trần vui chén thong dong, Nỗi lòng ai ở trong lòng mà ra.	1569. The couple talked about their separation and their health situation, Their love talks were heartier and more abundant in action. 1571. They both enjoyed the welcoming feast greatly and leisurely, And they both kept their thoughts to themselves secretly and cleverly.
1573. Chàng về xem ý tứ nhà, Sự mình cũng rắp lân la giãi bày. 1575. Mấy phen cười nói tỉnh say, Tóc tơ bất động mảy may sự tình.	1573. When Thúc Sinh tried to sound out the attitude of his wife, He had almost opened his heart and explained to her a few times. 1575. But seeing that Hoạn Thư was still the same being drunk or sober, He refrained himself from explaining to her the second wife matter.
1577. Nghĩ đà bưng kín miệng bình, Nào ai có khảo, mà mình đã xưng? 1579. Những là e ấp dùng dằng, Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi.	1577. He thought that when you have kept the matter so secretly, Why on earth you, without cause, have to disclose the story voluntarily? 1579. So he was indecisive about the decision intermittently, alternately, Pulling a vine might shake the woods unnecessarily, dangerously.
1581. Có khi vui miệng mua cười, Tiểu thư lại giở những lời đâu đâu. 1583. Rằng: "Trong ngọc đá vàng thau, Mười phần ta đã tin nhau cả mười.	1581. Sometimes when the couple talked humourously to each other, Hoạn Thư always talked idly with no sign of suspicion from her. 1583. She said: "Since we have tried and trusted each other already, And we have come to believe in each other totally and completely.
1585. Khen cho những chuyện dông dài, Bướm ong lại đặt những lời nọ kia. 1587. Thiếp dù vụng chẳng hay suy, Đã dơ bụng nghĩ, lại bia miệng cười!"	1585. It is wicked of them, who invented some stories for smearing, Stories related to the silly matter of your second wife's taking. 1587. If I have not been prudent in my reasoning and in my thoughts Then I am easily thought of a fool and becoming a laughing stock."

1589. Thấy lời thủng thỉnh như chơi, Thuận lời chàng cũng nói xuôi đỡ đòn. 1591. Những là cười phấn cợt son, Đèn khuya chung bóng, trăng tròn sánh vai.	1589. Her talking was so cool and made him think she was not suspecting, He then resolved the matter by going along with her in his talking. 1591. They enjoyed the love talks and flirtatious moments of much laughter, Those of shadow sharing at night, moonlight walking happily together.
1593. Thú quê thuần hức bén mùi, Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô. 1595. Chạnh niềm nhớ cảnh giang hồ, Một màu quan tái, mấy mùa gió trăng.	1593. Thúc had become accustomed to the country's forms of enjoying, Now wells were yellowed with parasol tree leaves, autumn was coming. 1595. He recalled the time he had been living in the land of strangers, He missed the place once but he missed Kiều many times over.
1597. Tình riêng chưa dám rỉ răng, Tiểu thư trước đã liệu chừng nhủ qua: 1599. "Cách năm, mây bạc xa xa, Lâm Truy cũng phải tính mà thần hôn."	1597. He had not yet dared to tell Hoạn Thư his hearty concern about going, She had correctly guessed his intention by her subtle opening. 1599. She said: "You have already been one year away from your father, It's time to go back to Lâm-Truy so your father can be looked after."
1601. Được lời như cởi tấc son, Vó câu thẳng ruổi nước non quê người. 1603. Long lanh đáy nước in trời, Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng.	1601. Having had obtained her permission was like a burden was taken, He mounted on the horse and went without any sign of hesitation. 1603. The blue sky was sparkling on the surface of water of rivers, Clouds were like built castles, sunrays made mountains yellower.
1605. Roi câu vừa gióng dặm trường, Xe hương nàng cũng thuận đường quy ninh.	1605. His horse had just vanished on the road in a distant, Hoạn Thư already got in her carriage to visit her own parents.

Back to Contents

Thơ Cao Mỵ Nhân

TA CHỜ NGƯỜI SUỐT CẢ CHIỀU SƯƠNG

Xưa Kinh Kha trước lúc lên đường
Còn đợi một người, nên vấn vương
Chẳng phải Kinh Kha hờn bạo chúa
Ta chờ người suốt cả chiều sương

Mới hay hiệp sĩ khi thương nhớ
Cung kiếm u hoài vọng cố nhân
Quân tử lỡ thời nên lỡ vận
Cả cười, tha thứ bạn tri âm

Ngồi nhìn mây trắng lên vời vợi
Ta biết người đang mộng viễn hành
Đã bảo Kinh Kha buồn rũ rượi
Bao nhiêu tân khách, thiếu mình anh

Thì thôi, chuyện vặt, người yêu mến
Quăng chén hồ trường, đến với ta
Chí lớn đừng vơi theo lệ nến
Đời nay sao có một Kinh Kha?

Cao Mỵ Nhân

ĐỂ DÀNH. CAO MỴ NHÂN

Để dành chi tấm thân em
Muốn tan thành nước ưu phiền sóng mây
Lặng lờ chim soải cánh bay
Đừng lên cao nữa, xuống đây tự tình

Nửa đời vẫn chửa hồi sinh
Đắm chìm trong nỗi tuyệt tình của anh
Một trời nước bạc long lanh
Xin thôi hai chữ để dành kiếp sau

Hôm qua biển cuối, giang đầu
Từ đi ấm lạnh phai mầu thời gian
Ô hay em vẫn quan san
Chưa nghe hơi thở anh than vãn buồn

Để dành chi buổi hoàng hôn
Đong đầy nước mắt cho hồn thơ dâng
Tan theo tất cả phù vân
Còn đây một chút lỡ lầm đấy thôi...

Cao Mỵ Nhân

THƠ XƯỚNG HỌA – CAO MỴ NHÂN – PHƯƠNG HOA

TRĂNG NGUYÊN TIÊU. - CAO MỴ NHÂN

(Xướng)

Đêm nguyên tiêu trở lại
Ngôi chùa buồn trên non
Nghe tiếng người van vái
Trăng rằm giêng thật tròn

Hồi chuông rơi như nước
Chảy ngập ngừng dưới trăng

ĐÊM NGUYÊN TIÊU

(Xướng)

Hằng Nga nheo mắt lại
Vén tơ mây đầu non
Anh thì thầm tinh quái:
Thèm thơm lên môi tròn

Nguyên Tiêu chườm bóng nước
Vằng vặt một hồ trăng

Tưởng những lời thề ước
Hẹn nhau suốt trăm năm

Em nghe hoài bài pháp
Sư giảng đã quen tai
Tiếng mõ dồn gấp gáp
Trang kinh lạc đơn sai

Anh ở đâu anh hỡi
Trầm hương toả chập chờn
Rằm tháng giêng vời vợi
Đến chùa vẫn cô đơn

Trăng nguyên tiêu lãng đãng
Đèn nến cũng bơ vơ
Bóng mình in thấp thoáng
Anh đang đợi ...trong thơ

Cao Mỵ Nhân **(HNPD)**

5 - 2 – 2023

📖

NỖI ĐÊM. CAO MỴ NHÂN
(Xướng)

Nỗi đêm buồn lạ, buồn lùng
Nhớ anh điệp điệp, trùng trùng quá thôi
Nửa khuya tan giấc xuân vời
Tưởng đâu lãng đãng bên trời ảo hư

Bài thơ buông thả hững hờ
Vầng trăng rằm mới lững lờ nguyên tiêu
Sáng như đôi mắt Thuý Kiều
Ngó lên mây lặng, thấy điều gian truân

Từ đi vong quốc mấy lần
Mà không vơi được một lần phù sinh
Đêm rơi thảng thốt riêng mình
Tiếng anh, hay giọng cuộc tình liêu trai
Thẹn thùng em từ khước:
Chờ đi nào! Sang năm!

Lên chùa thầy giảng pháp
Chuông mõ hoà bên tai
Tâm phàm đang bão táp
Đâu nhớ điều đúng sai

Anh nghiêng đầu: Tình hỡi!
Hơi thở như mây vờn
Tay ngà lén dí mũi
Cửa Phật đừng bông lơn!

Bước chân về lơ đãng
Dắt tay cười vu vơ
Trời Nguyên Tiêu hừng sáng
Tình bơi dòng sông thơ…

Phương Hoa ***- Rằm Tháng Giêng, Quý Mão, 2023***

📖

ĐÊM THÂU
(Kinh họa cùng chị Cao Mỵ Nhân)

Đêm thâu tỉnh giấc, lạ lùng
Lòng dâng nỗi nhớ muôn trùng khôn thôi
Tình Xuân chừ đã xa vời
Hồn hoang lạc giữa khung trời thực mơ

Lúc bên nhau quá ơ hờ
Để vườn thanh bướm lượn lờ hao tiêu
Thuở xưa Kim Trọng nàng Kiều
Bao nhiêu e ấp bấy điều chuyên truân

Ly hương từ độ bao lần
Ước mong duyên nợ tấn tần hồi sinh
Giọt sầu loang loáng tim mình
Tìm xem những lá thơ tình thư trai

Thốt lời dang dở sầu ai
Vẫn anh với nỗi đêm dài ... văn chương
Trao nhau đôi nửa thiên đường
Hãy tìm cho được một phương đi về ...

Rancho Palos Verdes 5- 2 - 2023

Cao My Nhân

Tương tư bởi bóng hình ai
Bút ngà theo mực trải dài từng chương
Dù cho đôi ngả đôi đường
Luôn mơ ngày kẻ tha phương tìm về.

Phương Hoa - Đêm Nguyên Tiêu - Xuân Quý Mão, 2023

Back to Contents

Thơ **Phương Hoa**

THẾ HỮU VĂN ĐÀN

THẾ HỮU ngày càng rộn tiếng vang
Xum xuê hoa lá chốn **VĂN ĐÀN**
Bao nhiêu tác phẩm ngời mây biếc
Là bấy cung tơ tỏa nắng vàng
Xuân đến dáng mai khoe diễm lệ
Hè về bóng phượng gọi đài trang
Tứ thời bát tiết hương ngào ngạt
Bốn biển năm châu đến hợp đoàn. ■

Phương Hoa ***- FEB 17, 2023***

*

MỐI TƯƠNG TƯ

(Toán Thi)

Không giờ đối diện góc trời thu
Nửa mảnh hồn hoang lạc cõi mù
Nhất mối tương tư lòng hỗn độn
Nhị thời khắc khoải trí mờ lu
Tam phiên nhớ nét môi mềm dịu
Tứ khắc mơ về tiếng ái nhu
Ngũ ngoạt, tình ơi, sao đếm xuể
Lục niên vời vợi lấy chi bù? ■

PhÜÖng Hoa ***– FEB 14, 2023***

NỖI LÒNG CÔ GÁI LẤY CHỒNG HÀN

Lên thuyền với vạn niềm đau
Phất phơ ánh sáng cành lau trĩu buồn
Tim hồng oằn oại vấn vương
Lệ tuôn hoà sóng như dường mưa sa

Thẩn thờ tựa mái rèm hoa
Lặng nhìn dòng nước kinh qua ngọn sầu
Hải âu biệt xứ về đâu
Thê lương mây khóc giữa bầu trời xanh

Nhớ nhung buồn hận riêng mình
Gia vong quốc phá cuộc tình vỡ tan
Rồi đây trướng gấm màn loan
Quyên sầu chôn chặt hành trang mộ lòng

Bơ vơ thân phận má hồng
Hoa vùi liễu dập chờ mong ngày về
Lạ nhà lạ nước lạ quê
Thân Kiều bán rẻ muôn bề đớn đau. ■

Phương Hoa

*

ƠN TỪ MẪU

Một đời vì trẻ chỉ tương rau
Gia đạo lo tròn vẹn trước sau
Nghĩa Mẹ nước nguồn khôn sánh nổi!
Công Người núi thẳm há so đâu!
Sinh thành vất vả bao gian khó
Dưỡng dục nhọc nhằn lắm bể dâu
Từ Mẫu biển trời con khắc cốt
Giữ tròn đạo hiếu báo ân sâu. ■

Phương Hoa ***–Viết cho ngày Mother's Day, 2023***

Back to Contents

Thơ Vương Thanh

Thiên Nhai Vô Đề Ca

Thời gian vô thủy
Không gian vô cùng
Tấm hình hài nhỏ bé
Trong vũ trụ bao la
Ta như là hạt bụi
Nhẹ trôi trong dải Ngân hà…

Ngắm vầng trăng đêm trường
Nguyệt quang lạnh lẽo thê lương
Thương người thiếu phụ trên cung vắng
Sống giữa băng sương
Cô đơn ai hiểu tấc lòng
Vạn năm, mộng ước một người thương
"Thiên nhược hữu tình, thiên diệc lão"
Nhân sinh bao nỗi đoạn trường
Một kiếp tơ vương…

Gió thu lành lạnh
Lá vàng bay bay
Chạnh mối bi hoài
Ngẩng đầu hỏi với trời cao
"Ta từ đâu đến, lại sẽ về đâu ?"
Hư không thinh lặng
Tiếng vọng buồn man mác giữa đêm thâu
Thời gian cuồn cuộn qua mau
Tuổi hai mươi mới đó ngày nào
Chừ nay tóc đã pha mầu khói sương...
Nâng chén rượu, đối gương mời uống
Vẫn là ta phóng đãng giữa trần ai
Thiên nhai vang chuỗi cười dài
Nào ai tri kỷ, tại hà phương ?
Cùng ta dốc cạn sầu trường thiên thu !...■

Vương Thanh

Back to Contents

Thơ Kim Oanh

Hạ Thất Thủ!

Anh biết! Xuân mùa mơn man ngõ
Đón gió reo trăng tỏ hương lay
Dìu dặt ru trầm khúc bên tai
Đan gối mộng cơn say điệp khúc

Anh biết! Bỗng trời giăng mây đục
Phượng rũ buồn gục chết sáng nay
Hạ nung trời chẳng chút nương tay
Giấc mơ kiệt ai bày oan nghiệt

Anh biết! Nỗi tủi hờn thấu triệt
Ve ngậm ngùi rên xiết kêu than
Đau thương thay tuổi mộng rụi tàn
Tương lai ngỡ ngàng âm vang cũ

Anh biết! Thành phố vùi trong lũ
Tràn tuôn dòng lôi cuốn niềm tin
Hy vọng vơi phút chốc biến hình
Hạ thất thủ muôn nghìn đau nhức

Anh biết! Mơ ngày mặt trời thức
Gió giao mùa dựng dậy hạ yêu
Xóa âm u bóng tối tiêu điều
Huy hoàng ánh quang thiều muôn lối. ■

Kim Oanh
4/2016

Tết Võ Vàng!

Bên hiên vẫn đóa hoa còn vàng cánh
Gió nhẹ nhàng mơn trớn chiếc lá xanh
Sao hắt hiu một bóng nép sau mành
Trong góc tối quẩn quanh nhiều nỗi nhớ…

Quá khứ ngừng trôi trôi về một thuở
Con đường xưa rạng rỡ nét xuân sang
Đua theo mùa chim ríu rít hót vang
Mình hòa nhịp râm ran lời dấu ái…

Xuân đến xuân đi xuân âm ỉ mãi
Ước nguyện dòn son sắt mỏng dần phai
Hương quyện gió lệch quay chiều hướng khác
Tết võ vàng hồn tan nát nào hay…■

Kim Oanh

VÀNG HOA

Én về chợt báo mùa xuân
Líu lo vườn trúc đón mừng ca vang
Bướm mơn man nụ mai vàng
Vuốt ve hương gió tóc nàng thơm hoa
Xinh xinh má thắm mặn mà
Nắng thêu áo lụa đôi tà vờn lay
Bao giờ tay được trong tay
Mộng cùng tri kỷ dệt đầy nguồn thơ
Bao giờ tình vẹn ước mơ
Đêm Giao Thừa đến cùng chờ đón xuân
Đó đây xa hóa ra gần
Giao hòa trời đất pháo lân rộn ràng
Khởi đầu năm mới bước sang
Phố phường nở rộ mùa vàng áo hoa. ■

Kim Oanh

Nỗi Buồn Tháng Tư

Không biết vì sao tôi hay buồn
Khi tháng Hè về lệ mãi tuôn
Nhớ phút chia tay cùng ước thệ
Của Người lặn lội chốn sơn khê

Tôi biết vì sao tôi hay buồn
Mỗi tháng Tư về nhuộm đau thương
Quê Hương xa khuất trong trời nhớ
Thương Người Chiến Sĩ dãi dầu sương

Tôi không là người Lính chiến đâu
Tháng Tư sao dạ lắm cồn cào
Tim se sắt nhói từng hơi nhịp
Ruột đứt rã rời tháng Tư đau. ■

Kim Oanh
30/4/2013

Back to Contents

Tartuffe

https://www.pdfdrive.com/tartuffe-e161028260.html

(Continued until the End)

CONTENTS

Introduction
Translator's Note
Molière's Preface, March 1669

Tartuffe
1
Notes 109
First Appeal to the King 118
Second Appeal to the King 121
Third Appeal to the King 123

Tartuffe

(Act III-V)

Cast of Characters[1]

MME. PERNELLE, mother of Orgon
ORGON, husband of Elmire
ELMIRE, wife of Orgon
DAMIS, son of Orgon
MARIANE, daughter of Orgon and beloved of Valère
VALÈRE, beloved of Mariane
CLÉANTE, brother-in-law of Orgon and brother of Elmire
TARTUFFE, a hypocrite
DORINE, maid and confidante of Mariane
M. LOYAL, a beadle
an OFFICER of the court
FLIPOTE, maidservant of Mme. Pernelle
The play takes place in Paris.

1. See the note on the names of characters on page 109.

Act III

Scene 1

DAMIS, DORINE

Damis
All right! Come on, lightning, strike me! Or maybe I should just bash my head against the wall! Don't try to stop me—I'm no fool!

Dorine
Calm down: all your father did was talk about it. Not everything that's proposed is done—there's a long way between starting a plan and finishing it.

Damis
I've got to stop that upstart in his tracks and tell him a thing or two.

Dorine
Slow down! Let Elmire help you with your father and that fellow. She's got some influence over Tartuffe. He agrees with everything she says; for all I know he's a little bit in love with her. Let's hope so! That would be a great help. After all this fuss

she'll have to send for Tartuffe so she can find out what he
thinks of this marriage that disturbs you so much and warn him
that if he encourages these plans, there will be unpleasant consequences.
I haven't been able to see him; his valet says he's
praying and that he'll be coming here soon. So leave, please,
and let me wait for him.

Damis
I could stay for the whole conversation.

Dorine
Certainly not. They must be alone together.

Damis
I won't say a word to him.

Dorine
Don't be silly; I know how excitable you are—you'd just spoil
everything. Leave.

Damis
No. I want to watch. I promise I won't become angry.

Dorine
What a nuisance you are. Here he comes! Go away. [*Damis hides.*]

Scene 2

TARTUFFE, DORINE

Tartuffe [*Seeing Dorine.*]

Laurent, put away my hair shirt and my lash, and pray constantly
for Heaven's instruction.[1] If someone comes to see me,
say that I have gone to visit those in prison, to distribute the little
alms money that I have.

Dorine
What an affected show-off!

Tartuffe
What do you want?

Dorine
To tell you . . .

Tartuffe [*He pulls a handkerchief from his pocket.*]
O Heaven! I beg you, take this handkerchief before you say
another word.

Dorine
What?

1. See the note on this sentence on page 112.

Tartuffe
Cover your bosom, which I may not see. Souls are harmed and
sinful thoughts are generated by such sights.

Dorine
Are you tempted that easily? Are you so preoccupied by the
flesh? How come you're so hot? I'm not aroused that quickly; I
could see you stark naked from head to toe without being the
least bit tempted.

Tartuffe
A bit more modesty in your speech, Miss, or I shall leave immediately.
Dorine
No, no, I'll leave you alone; I only have a couple of words to tell you. Madame is coming down here and begs you to allow her to speak to you for a moment.
Tartuffe
Aha! Yes, very willingly.
Dorine [*To herself.*]
He mellows pretty quickly! I think my suspicions were right.
Tartuffe
Will she come soon?
Dorine
I think I hear her—yes, here she is in person; I'll leave you two together.

Scene 3

ELMIRE, TARTUFFE

Tartuffe
May Heaven in all its mercy assure your health in soul and body, and may it bless your days. This is the wish of the most humble of those inspired by sacred love.
Elmire
Thank you for those pious wishes. Now, let's sit down and be a bit more comfortable.
Tartuffe
Are you feeling somewhat better after your illness?
Elmire
Much better; the fever has broken.
Tartuffe
My own prayers do not have enough merit to attract Heaven's mercy, but I have not ceased praying for your return to health.
Elmire
Such zeal was unnecessary.
Tartuffe
No one can pray too much for your well-being; I would gladly give my own health for yours.

Elmire
That's pushing Christian charity very far; I thank you for your kindness.
Tartuffe
I do far less for you than you deserve.
Elmire
I wanted to talk to you privately about a certain matter, and I am very glad that no one is listening.
Tartuffe
I too am delighted; how sweet it is, Madame, to be alone with you. I have prayed many times for such an opportunity; only now has Heaven granted my desires.

Elmire
Well, now, I hope our conversation will let me know everything that's in your heart.
Tartuffe
And I hope only to show you my whole soul, and to assure you that I am not objecting to all your admiring visitors because of malice, but rather because of an irresistible passion and an overwhelming . . .
Elmire
I understood as much, and I know that you are concerned about my welfare.
Tartuffe [*He grasps the tips of her fingers.*]
Yes indeed, Madame, and my passion is such . . .
Elmire
Ouch! You are holding me too tightly.

Tartuffe
It is an excess of zeal, Madame. I have no intention of harming you, and indeed I would rather . . . [*He puts his hand on her knee.*]
Elmire
What is your hand doing there?
Tartuffe
I was fingering your skirt: the fabric is very soft.
Elmire
Please stop, I beg you; I am very ticklish. [*She pulls her chair back, and Tartuffe moves his forward.*]
Tartuffe
My word! What elegant embroidery! Such wonderful work is being done these days; I've never seen anything better made.
Elmire
Quite. Now, let's talk about our situation. I understand that my husband wants to break his promise and give his daughter to you. Is this true?
Tartuffe
He said a couple of words about it, but Madame, to tell the truth, this is not the happiness for which I yearn; I see elsewhere more delightful charms that would give me all the joy I desire.
Elmire
That is because worldly things don't attract you.
Tartuffe
The heart inside my bosom is not made of stone.

Elmire
Yet I think of you as devoted only to Heaven and untempted by anything here on earth.
Tartuffe
The love that draws us to eternal beauty does not stifle love of this world. Those perfect objects made by our Creator easily arouse our senses. His virtues are brilliantly reflected in yours; He has endowed you with extraordinary graces: beauty that startles the eyes and ravishes the heart. O perfect creature, I

cannot see you without admiring the Author of nature, without feeling ardent love for the most beautiful portrait that He has ever painted. At first I feared that this secret passion was a clever temptation of the Evil One, and I even tried to avoid you, thinking you might be an obstacle to my salvation. But at last, most adorable beauty, I recognized that such love need not be sinful, that I could reconcile it with decency, and I surrendered to it. I dare, with great audacity, to offer you my heart, but I rely on your great kindness and not my own weak efforts. You are my hope, my good, my peace. My suffering or my salvation depends on you; your sole decree determines my happiness if you wish it, my sorrow if that is what you want.

Elmire

Such gallantry is, to tell the truth, rather surprising. You should, I think, have strengthened your heart somewhat more and thought more carefully about your intentions. A pious man like you, whom everyone calls . . .

Tartuffe

Ah! Pious one may be: one is still a man. The heart, seeing such celestial charms, is captivated and is incapable of reason. Perhaps what I have said seems unexpected, but after all, I am a man, not an angel; and if you fault this admission that I have made, blame your unearthly beauty, which provoked it. As soon as I saw it, you became the mistress of my being. Your inexpressibly sweet glances overwhelmed my stubborn heart, conquered all fasting, weeping, prayers; your beauty became the object of all my former vows. My eyes and my tears have told you this a thousand times; to explain myself more clearly now, I must speak. If you are benevolent enough to acknowledge the suffering of your unworthy slave, if your kindness were willing to console me, to condescend to my inadequacy, I would offer, O marvel of delight, unparalleled devotion. Your reputation is not at risk; you need fear no disgrace because of me. All those men about town whom the ladies adore—they boast about their conquests and talk nonsense, they brag about their affairs and pollute the altar on which they have sacrificed their hearts. But men like me burn with hidden passion, and we keep our secrets safe; we take as good care of our reputation as we do of others'. Those who accept our hearts find love without scandal, pleasure without risk.

Elmire

I understand you; you've presented your argument quite clearly. But aren't you afraid that I might be in the mood to describe this gallant ardor to my husband and that, when he learns about the love you've described, he might want to rethink his affection for you?

Tartuffe

I know that you are infinitely kind, that you are quite willing to overlook my audacity, to forgive this human weakness, these violent expressions of a passionate love, and that you'll understand—as I see you can—that one is not blind and that a man is flesh and blood.

Elmire
Others might behave differently, of course, but I want to demonstrate my discretion. I'll say nothing of all this to my husband, but in return I ask something of you: encourage the marriage of Valère and Mariane; give up the unjust desire to enrich yourself at the expense of others and . . .

Scene 4

DAMIS, ELMIRE, TARTUFFE

Damis [*Leaving the little closet in which he had hidden.*]
No, Madame, no, this must be known. I was here; I heard everything. I think Heaven itself must have made it possible; at last I can confront the arrogant traitor who usurped my position, and take revenge for his hypocrisy and insolence. Now I can reveal him to my father and show him the soul of this double-dealer who was making love to you!

Elmire
No, Damis: all he has to do is to behave better and try to be worthy of my generosity. Don't challenge me; I made a promise. I'm not inclined to make trouble. Real women laugh at such foolishness; they don't bother to tell their husbands about it.

Damis
You may have your reasons to react this way. I have my own reasons for reacting differently. Spare him—what a joke! His hypocrisy and insolence infuriate me and have made trouble in the family. This cheat has taken advantage of my father for much too long; he has frustrated me as well as Valère. Father must be made to recognize this traitor for what he is, and Heaven has now given me a way to do that. I'm grateful to Heaven for what it has done; all this is too useful for me to ignore. If I neglect this opportunity, I deserve to have it taken away.

Elmire
Damis . . .

Damis
No, thank you, I'll trust myself. I'm as happy as I can be; nothing you can say could persuade me to abandon the pleasures of revenge. I'm not going to wait any longer to put an end to all this; now I have just what I need to do that.

Scene 5

ORGON, DAMIS, TARTUFFE, ELMIRE

Damis [*To Orgon, who has entered.*]

We're going to delight you, Father, with news of something that has just happened that will really surprise you. All your kindness has been rewarded, and this gentleman here has repaid you handsomely. He has just demonstrated how much he respects you: by doing his best to dishonor you. I've just caught

him here making scandalous propositions to Madame, who is so generous, and whose desire for discretion is so strong, that she wanted to keep this from you. Well, I can't allow his audacity to go unrecognized, and I think that failing to tell you about it is a crime.

Elmire

Well, I believe that one should not trouble one's husband with such trifles. Honor doesn't depend on reporting silliness like this; all that's necessary is to defend oneself against it: at least that's my opinion. You wouldn't have said anything, Damis, if I'd had any influence on you. [*Elmire leaves.*]

Scene 6

ORGON, DAMIS, TARTUFFE

Orgon

Oh Heavens! Can I believe my ears?

Tartuffe

Yes, my brother, I am a wicked man, a guilty one, a miserable sinner, full of vice, the worst scoundrel who ever lived. Every moment of my life has been corrupt; it is a history of crime and filth; I see now that Heaven wants to mortify me with this punishment. I will not deny committing any crime I'm accused of.
Believe what you have been told; give way to your anger; drive me from your home as if I were a criminal. I would suffer less shame than I deserve.

Orgon [*To Damis.*]

You traitor! How dare you tarnish his purity with such lies?

Damis

What? Does his hypocritical confession deceive you?

Orgon

Shut up, you damned wretch.

Tartuffe

Ah! Let him speak; you are wrong to accuse him. You would do better to believe him. Why be so lenient with me? Do you really know what I'm capable of doing? Do you trust me and think I'm a good man because of what you see? No, no, you are letting appearances deceive you; I am much less than one thinks; I am considered a righteous man, but the truth is that I am worthless. [*To Damis.*] Yes, dear son, call me a traitor, monster, sinner, thief, murderer—accuse me of even worse things; I won't contradict you. I have earned those titles, and I am willing to kneel beneath the weight of this shame, which is the result of my criminal life.

Orgon [*To Tartuffe.*]

My brother—it's too much. [*To his son.*] Will you stop now, you traitor?

Damis

What? Were his speeches so seductive that . . .

Orgon

Shut up, you good-for-nothing! [*To Tartuffe, who is kneeling.*]
Dear brother, stand up, I beseech you! [*To his son.*] Brute!

Damis
He can . . .
Orgon
Shut up.
Damis
I'm going mad! What, should I . . .
Orgon
If you say one more word, I'll break your arm.
Tartuffe
In the name of God, my brother, don't let yourself be carried away. I prefer to suffer the harshest penalty rather than to have him feel the slightest scratch.

Orgon [*To his son.*]
Ingrate!
Tartuffe
Leave him in peace. If I must plead for him on both my knees . . .
Orgon [*To Tartuffe.*][2]
Come—are you joking? [*To his son.*] Scoundrel! Don't you see how good he is?
Damis
Then . . .
Orgon
Stop!
Damis
What? I . . .
Orgon
Stop, I said. I know your motives for attacking him all too well. Everyone—wife, children, servants—hates and resents him. All of you are brazenly doing everything you can to take this holy man from me. But the more efforts you make to send him away, the more efforts I'll make to hold on to him. And I'll hurry to marry my daughter to him just to show up the arrogance of this family.
Damis
You'll force her to accept him?

2. Reports of early performances indicate that at this moment Orgon fell to his knees and embraced the kneeling Tartuffe, and that they rose as Damis began to speak.

Orgon
Yes, ingrate, and I'll do it tonight just to spite you. Ha! I defy you all; you'll see that you must obey me, that I'm the master here.[3] Come on, apologize, you mischief-maker; kneel at his feet and ask for his forgiveness.
Damis
Who, me? From this scoundrel whose pretenses . . .
Orgon
Ah! You defy me? You insult him? A stick! A stick! [*To Tartuffe.*] Don't try to stop me. [*To his son.*] Right, leave now, and don't you dare to come back.
Damis

Yes, I'll leave, but . . .

Orgon

Hurry up! Out of here. I'm taking away your inheritance and giving you my curse.

3. See the note on this sentence on page 114.

Scene 7

ORGON, TARTUFFE

Orgon

To insult such a holy person!

Tartuffe

Dear Heaven! Pardon him for the pain he has given me! [*To Orgon.*] If you could imagine how dreadful it is to see someone trying to defame me to my dear brother . . .

Orgon

Alas . . .

Tartuffe

Just the thought of this ingratitude is pure torture to me . . . The horror . . . My heart is so heavy that I cannot speak; I feel as if I'm about to die.

Orgon [*He runs, weeping, to the door through which he chased his son.*] Wretch! I'm sorry that I held back and didn't destroy you on the spot. Dear brother, please calm yourself; don't become angry.

Tartuffe

I beg you, let us stop talking about this. I see what troubles I have brought upon this house; dear brother, I think I must leave.

Orgon

What? Are you joking?

Tartuffe

Everyone hates me, and I see all too well that they doubt my loyalty.

Orgon

What difference does that make? Do you see me paying attention to them?

Tartuffe

They won't stop doing it, and the stories you reject now may one day seem believable.

Orgon

No, dear brother, never.

Tartuffe

Oh, my brother, a woman can very easily dominate her husband.

Orgon

No, no.

Tartuffe

Let me leave quickly so that I can remove all cause for complaint.

Orgon

No, you'll stay: my life depends on it.

Tartuffe
Ah well, then I shall have to mortify myself. But, if you insist . . .

Orgon
Ah!
Tartuffe
Right, we'll say no more. But I know what must be done. One's reputation is a delicate matter, and to prevent anyone from gossiping or taking umbrage, I shall avoid your wife, and you will not see me . . .
Orgon
No. To spite them, you must visit her frequently. Infuriating people is my greatest joy. I want you to be seen with her at all hours of the day. And that's not all: I'll defy them further by making you my heir, right now, fair and square, and I'll give you all that I have. A true and honest friend, whom I will have for my son-in-law, is dearer to me than son, wife, family. Will you accept what I offer?
Tartuffe
In all things may Heaven's will be done.
Orgon
The poor fellow! Come, we'll write the document and let the others choke on their envy.

Act IV

Scene 1

CLÉANTE, TARTUFFE

Cléante
Yes, everyone is talking about it. Trust me when I tell you that what people are saying doesn't reflect well on you. I'm glad I met you, Monsieur, so that I could tell you exactly what I think. I haven't investigated everything that people are saying; I'll assume it's true and start with what I believe is the worst part. Granted that Damis didn't behave well and that people are accusing you falsely, wouldn't a true Christian forgive him and stifle his instinct for revenge? Is this incident a reason to let a father drive his son away? I must tell you—speaking frankly—that everyone is scandalized by this; if you believe what I've told you, you should make peace between the two of them and not push things to extremes. Let go of your resentment, sacrifice it to God, and reconcile the son and his father.
Tartuffe
Alas! I would love to; I feel no bitterness toward him. I pardon him; I do not accuse him of anything. With all my heart I'd like to help him, but that would not be in the best interests of Heaven. If he comes back, I will have to leave. After his unbelievable performance, any relations between us would be scandalous. God knows what people would think! They would assume that I was being devious, that, knowing I'm guilty, I'm simply pretending to be charitable so that I could catch him and

force him to be silent.

Cléante

No phony excuses, please, Monsieur; they are quite threadbare. Has Heaven made you responsible for its interests? If it wants to punish the guilty, does it need your help? Leave vengeance to God. Instead you should remember His insistence that we forgive the sins of others, and not substitute human legalisms for God's commands. Come on! Can a foolish concern for what people think keep you from the glory of a noble act? No, no: let's do what Heaven commands and not let other worries distract and confuse us.

Tartuffe

I've already told you that my heart forgives him, and that is what Heaven commands. But after today's shocking insults, Heaven does not command that I live with him.

Cléante

Does it command you to obey his father's capricious act and to accept the gift of a fortune that the law forbids you to claim?

Tartuffe

Those who know me will not believe that I act out of self-interest. Worldly goods have no attraction for me; I'm not dazzled by their deceitful appearance. If I have decided to accept the gift his father wishes to give me, it's only, I assure you, because I fear it may fall into unworthy hands, that those who share it will use it for some criminal purpose, and not—as I will—for the glory of the Lord and the welfare of my neighbor.

Cléante

Come, come, Monsieur, don't let excessive scruples persuade you that the rightful heir could behave that way. Let him have his inheritance and run the risk himself without your interference. And consider: if he were to misuse it, that would be better for you than being accused of trying to take it from him. I'm surprised that you had no misgivings about permitting this; does religious zeal include the precept that one should defraud the rightful heir? And if Heaven does teach you that there is an invincible obstacle to living with Damis, shouldn't you, as a virtuous man, withdraw honorably rather than allow the family's son to be driven out on account of you? Believe me, Monsieur, that would give your rectitude . . .

Tartuffe

It is, Monsieur, three-thirty. A pious duty requires me to go upstairs; please excuse me now.

Cléante

Ah!

7

Scene 2

ELMIRE, MARIANE, CLÉANTE, DORINE

Dorine [*To Cléante.*]

Dear Monsieur, please help us with Mariane. She is horribly

unhappy; the arrangements that her father made for this evening have pushed her to despair. Here he comes. We're all so upset. Please work with us; somehow or other, we must stop this terrible plan.

Scene 3

ORGON, ELMIRE, MARIANE, CLÉANTE, DORINE

Orgon

Ah! I'm delighted to see you all together. [*To Mariane.*] I'm carrying a contract that will please you, and you know already what it says.

Mariane [*Kneeling.*]

Please, Father, in the name of Heaven, release me from my misery, from my vows of filial piety, from the obedience that could push me to confess to Heaven that the life you gave me is now a torment. If you must take away my hopes and forbid me to marry the man I love, I beseech you, on my knees—save me from being given to someone I abhor; don't force me to a desperate act by insisting on your power.

Orgon [*He feels himself weakening.*]

Come, be strong, my heart: no human weakness.

Mariane

Your affection for him doesn't hurt me. Let it shine, give him everything you own, and if you need more, give him what is mine as well. I consent willingly; I surrender all that I have to you. But don't give *me* to him; instead let me enter a convent and live under its discipline for the rest of my days.

Orgon

Oh yes, women become very religious when their fathers challenge their romantic ideas! Stand up! The more your heart rejects him, the more meritorious it will be to accept him. You want to mortify yourself: you can do so in this marriage. Stop irritating me!

Dorine

But what . . .

Orgon

Quiet, you! You can gossip with your cronies, but I forbid you to say another word here.

Cléante

If you would permit a word of advice . . .

Orgon

Brother, your advice is the best in the world, well thought out, admirable. But excuse me for not taking any of it.

Elmire [*To her husband.*]

I don't know what to say when I see all this; your blindness astonishes me. He must have intoxicated you and warned you well since you spring this on us now.

Orgon

With respect, Madame, I know what I have seen. As for that

scoundrel my son, I know how you spoil him. You were afraid to condemn him for playing a trick on this poor fellow; well, you were too calm to be believable. You should have been more upset.

Elmire

Does a foolish declaration of love really threaten a woman's honor? Must we glare and insult people when they say such things to us? As far as I'm concerned, statements like his make me laugh; I dislike making a fuss about them. I prefer quiet good manners; I don't want to be one of those screeching prudes who defend their honor with claws and teeth and insist on scratching faces. Heaven keep me from such behavior! A virtuous woman doesn't need to act like a spitfire; a cool rejection is quite enough to discourage a lover.

Orgon

Well, I know what happened, and I won't change my mind.

Elmire

I must say, I continue to be amazed by your stubbornness. Would you change your mind if I showed that we are all telling the truth?

Orgon

Showed?

Elmire

Yes.

Orgon

Nonsense.

Elmire

How so? If I could prove it without a doubt?

Orgon

Empty talk.

Elmire

What a man! At least answer me. I am not asking you to trust us. But what if you were in a place where you could see and hear everything, what would you say about your righteous man then?

Orgon

In that case, I would say . . . I would say . . . I would say nothing; such things are impossible.

Elmire

You've accused me of telling untruths long enough. I want you, without moving one inch, to be a witness to what I have said.

Orgon

Right. I'll take you at your word. Let's see how clever you are and whether you can keep your promise.

Elmire

Ask him to come here.

Dorine

He's very clever; it may not be easy to trick him.

Elmire

No, it's easy to be fooled by what we want; our vanity is always ready to betray us. [*Speaking to Cléante and Mariane.*] Have him

come here, and you go away.

Scene 4

ELMIRE, ORGON

Elmire [*To Orgon.*]
Come here and get underneath this table.
Orgon
What?
Elmire
You have to hide.
Orgon
Why under the table?
Elmire

Oh good Heavens, just do it. I have a plan, and you'll be the judge. Hide, I tell you, and when you're under there, make sure that no one sees or hears you.
Orgon
I must say I'm putting up with a lot; remember, if there are any difficulties, you'll have to get out of them by yourself.
Elmire
I don't think you will have anything to complain about. [*To Orgon, who has hidden under the table.*] I warn you: I'm going to start in a very strange way; don't let yourself be shocked. No matter what I say, let me say it; I'm doing it to convince you, as I promised. To get that hypocrite to take off his mask, I'll have to act very sweetly, play up to his lecherous advances, let him behave brazenly. I'm doing it only for you, and I'm doing it to trap him—I'll pretend to encourage him until you're convinced, and I'll stop the moment you ask me to. You'll be the one to put an end to his crazy passion as soon as you think he has gone far enough—you'll save me from any more shame once you have seen what you need. You'll protect your interests; you'll be the master, and . . . Here he comes. Don't let him see you.

Scene 5

TARTUFFE, ELMIRE, ORGON

Tartuffe
I was told that you wanted to see me here.
Elmire
Yes, I have something a bit private to tell you. But close that door before I say more, and look everywhere to be sure no one can overhear us. We don't need more incidents like the one that just happened. I've never been so startled in all my life; what Damis did terrified me on your behalf. You saw how I tried to disrupt his scheme and calm him down. I must say that I was so dismayed that I couldn't think of how to contradict him. But happily all ended well, and the situation is much better now. Everyone so respects you that the storm has blown over. My husband cannot possibly take offense: indeed, to put a stop to any malicious gossip, he wants us to be together as much as possible. That's why I'm able to be here alone with you without

fear of scandal and to reveal, perhaps a bit too quickly, a heart that's receptive to your passion.

Tartuffe

Such words are difficult to understand, given the way you spoke just a few moments ago.

Elmire

Oh, did what I said then trouble you? How little you know of a woman's heart if you didn't understand why my reaction was so lukewarm! Modesty is always fighting with desire. No matter how much love persuades us, we always feel a tiny bit of shame. So we start by pushing our lover away, but anyone can see that our hearts have yielded. We say one thing and mean another; rejecting is really a promise of something else. I'm admitting all this because my modesty has given up the fight. But since I've begun to speak freely—would I have tried to restrain Damis, would I have listened so carefully to your offer of love, would I have behaved as I did if your proposition hadn't pleased me? And when I pushed you to reject that marriage, shouldn't that have hinted at my own interests, my distress that this wedding would force me to share a heart that I wanted for my own?

Tartuffe

It is, dear Madame, a delight to hear such words from someone whom one loves. The honey that trickles through me is one that the mouth has never tasted. My only concern is the joy of pleasing you; my heart is blessed by your confessions. But I hope you will allow that heart to feel a bit uncertain of its happiness. You might simply be trying—honorably—to break off the proposed marriage. Let me be frank: I cannot trust those delicious words you have spoken unless you give me some evidence that you really mean them; your behavior must assure me of your feelings.

Elmire [*She coughs to warn her husband.*]

What? Do you want to move so quickly, to have me reveal all my affection at once? I have tortured myself by making this confession; isn't that enough for you? Will you only be satisfied by my complete surrender?

Tartuffe

The less merit one has, the less one dares to hope. Words alone, in these matters, are little reassurance. We may imagine all sorts of good fortune; we must enjoy it before we believe in it. Since I do not believe I deserve your kindness, I cannot believe the happiness I dare to dream of. Indeed, I cannot believe anything, dear Madame, until actions themselves convince me.

Elmire

Lord! Your love is tyrannical; it insists on what it wants so violently! I feel overwhelmed! Come on—can't I prepare properly? Couldn't you give me a moment to breathe? Is it right to push me like this, to demand what you want the moment you want it? You risk jeopardizing your good reputation when you take advantage of it.

Tartuffe

But if you welcome my advances, why refuse more direct proofs?

Elmire

How could I consent without offending Heaven, of which you speak so often?

Tartuffe

If it's only Heaven that stands between us, that's easy for me to deal with; that should certainly not make you hold back.

Elmire

But Heaven's laws are so frightening!

Tartuffe

Let me chase away your foolish fears, Madame; I know how to dismiss such scruples. It's true that Heaven forbids certain pleasures [*A villain speaks these lines.*], but it's possible to make bargains. Depending on what's needed, there are ways to accommodate our consciences and to justify bad acts by the purity of our intentions. I can be your teacher, Madame; you have only to let me be your guide. Satisfy my desire; never fear, I'll answer for it all and take your sin on my shoulders.—You have a bad cough, Madame.

Elmire

Yes, it's torturing me.

Tartuffe

May I offer you a bit of licorice?

Elmire

It's a stubborn cold; I fear there's no remedy for it.

Tartuffe

That certainly is a shame.

Elmire

Yes, more than I can say.

Tartuffe

In the end, I assure you, it's easy to dismiss your scruples. I promise complete secrecy; only when others make a fuss can there be any harm. Something is scandalous only when it is known; sin that no one knows is no sin.

Elmire [*Having coughed again.*]

Well, I see I must surrender, and let you have your way. I can't expect you to be content with less. I give in. I'm sorry that things have gone so far, that I must yield despite myself. But since you insist on it, since you won't believe what I have said, and require more convincing proof, I'm forced to make you happy. If doing so carries with it some guilt, so much the worse for the one who forces me; surely I am blameless.

Tartuffe

Yes indeed, Madame; I am responsible, and the act in itself . . .

Elmire

Please open that door, and look to be sure that my husband isn't in the hall.

Tartuffe

What need to be so careful? He is, between us, a man you can lead by the nose; he's proud of our relationship, and I've persuaded him to see everything and to believe nothing.

Elmire
Never mind that; please take a good look.

Scene 6

ORGON, ELMIRE

Orgon [*Climbing out from under the table.*]

What an abominable man! I can't believe it! I'm overwhelmed!
Elmire
What? You're coming out so soon? Don't be silly. Go back under; it's not yet time to come out. Just wait to the end to be sure of what you see; don't trust your suspicions.
Orgon
No. Nothing more wicked ever came out of Hell.
Elmire
Goodness, don't be too quick to believe. Go slowly; let yourself be thoroughly convinced; wait to be sure you haven't misunderstood.
[*She hides her husband behind her.*]

Scene 7

TARTUFFE, ELMIRE, ORGON

Tartuffe

Everything is as I had hoped: I looked everywhere, no one is there, and my delighted soul . . .
Orgon [*Stopping him.*]
Slowly now! Your desire pushes you much too fast; don't become so excited so quickly. Oh, oh, you virtuous man, you want to bless me! How quickly your soul yields to temptation! You'll marry my daughter and seduce my wife! I always wondered what the truth was; I always suspected that you'd change your tune. But I've seen quite enough: I'm satisfied; I don't need to see any more.
Elmire
This is not the way I wanted things to happen, but I was driven to behave this way.
Tartuffe
What? Do you think? . . .
Orgon
That's enough, not another word. Get out of here immediately.
Tartuffe
My plan . . .

Orgon
Your comments are worthless here; leave at once.
Tartuffe
You're the one who has to leave, you, who pretend to be the master. The house belongs to me. I'll make that known, and I'll prove that you have no recourse, no way to challenge me with these cowardly tricks. You can't injure me. I have the power to resist; to face down your claims; to avenge Heaven, which you have attacked; to make you sorry you tried to throw me out.

Scene 8

ELMIRE, ORGON

Elmire
What is he saying? What does he mean?
Orgon
I don't know; this is no laughing matter.
Elmire
What?
Orgon
I see how wrong I was; I should never have made that gift.
Elmire
Gift?
Orgon
Yes, it's signed and sealed, and there's something else that worries me.
Elmire
What's that?
Orgon
I'll tell you in a moment. Right now I've got to be sure that my little box is upstairs.

Act V

Scene 1

ORGON, CLÉANTE

Cléante
Where are you going?
Orgon
Damn! I don't know!
Cléante

I think you and I should talk about the best thing to do in the circumstances.
Orgon
That little box is on my mind; I'm more worried about it than about anything else.
Cléante
What's in that mysterious box?

Orgon
Argas, that friend for whom I feel so sorry, secretly gave it to me as he was escaping; he said it contained papers on which his life and his possessions depend.
Cléante
Then why did you let someone else have it?
Orgon
It was on my conscience. I went to that traitor to confide in him; he persuaded me that I should let him guard the box so that if Argas were investigated, I'd be able to deny having done him a favor: that way, telling a lie wouldn't be on my conscience.

Cléante
As I understand it, you're in trouble. Let me speak candidly:
you don't seem to have taken your responsibility for the box
and the secret seriously enough. Promises like that have significant
consequences. You'll have to approach Tartuffe more tactfully,
so that his hold on you doesn't become stronger.
Orgon
Damn! To hide deceit and wickedness under such a fine
appearance of piety! And I welcomed him as a poor beggar
who had nothing . . . That's it! I'm finished with all these virtuous
souls; I'll avoid them like the plague and become worse
than any devil.
Cléante
Come on! You've blustered enough! You always exaggerate;
you lack judgment; you throw yourself from one extreme to the
other. You see that you were wrong, that phony piety took
advantage of you: but why correct one mistake by rushing into
another that's even worse? Just because you've known one
scoundrel, do you think that everyone else is just as bad? Here's
a knave who deceived you brazenly by pretending to be a pious
ascetic; do you think everyone is like him, that there are no
truly religious people? Let freethinkers have foolish ideas like
those; you should distinguish between mere appearances and
true virtue. Avoid taking impostors too seriously, but don't
insult real commitment. If you insist on leaning too far to one
side or the other, try to err on the side of generosity.

Scene 2

DAMIS, ORGON, CLÉANTE

Damis
Father, is it true that this rogue is threatening you? That he's
forgotten all the benefits he has received? Is that arrogant coward—
who deserves to be punished—using your gifts against
you?
Orgon
Yes, Son, it's true. No one has ever suffered as I do.
Damis
I'll cut off his ears; we can't ignore his insolence. I must free
you of him at once; I must kill him.
Cléante
There speaks a brave little lad; come on, calm down. We live
under the rule of law; we can't take violence into our own
hands.

Scene 3

MME. PERNELLE, MARIANE,
ELMIRE, DORINE, DAMIS,
ORGON, CLÉANTE

Mme. Pernelle

What's all this? I've been hearing terribly strange stories.
Orgon

Unheard-of things have happened, which I've seen with my own eyes. Just look at what my good deeds have cost me. I eagerly welcomed a miserable man, housed him, considered him my brother, loaded him with gifts, promised him my daughter and all my possessions. And meanwhile this traitor, this wretch, tried to seduce my wife; and as if that hadn't been enough, he's taking advantage of my benevolence to threaten me. He wants to ruin me by using the gifts I foolishly gave him; he wants to drive me from my house and reduce me to the condition in which I found him.

Dorine
The poor fellow.

Mme. Pernelle
My son, I cannot possibly believe that he would have done such a vile deed.

Orgon
Pardon?

Mme. Pernelle
Worthy folks are always envied.

Orgon
What in the world do you mean by that remark, Mother?

Mme. Pernelle
That people carry on in strange ways here, and everyone knows how much he is hated.

Orgon
What does hate have to do with what you have heard?

Mme. Pernelle
When you were a little boy I told you this a hundred times: virtue is always a target—envious people may die; envy doesn't.

Orgon
But what does that lesson have to do with what is happening today?

Mme. Pernelle
People have been saying ridiculous things about him.

Orgon
I tell you I saw it all with my own eyes.

Mme. Pernelle
Spiteful gossipers tell dreadful stories.

Orgon
You're pushing me to extremes, Mother. I tell you I saw this brazen behavior with my own eyes.

Mme. Pernelle
Nothing in this world can deflect the venom of malice.

Orgon
What you are saying makes no sense at all. I tell you I saw what I saw, myself, with my own eyes. Do I have to box your ears to make you listen?

Mme. Pernelle
My Lord! You know how often appearances can be deceptive; you mustn't always believe what you see.

Orgon
I can't stand this.
Mme. Pernelle
Everyone is a victim of false suspicion, and sometimes even good deeds are misinterpreted.
Orgon
Am I to believe that he tried to seduce my wife simply out of Christian charity?
Mme. Pernelle
If you are going to accuse someone, you have to have a good reason and be absolutely sure of what you know.
Orgon
Damn it all! Be absolutely sure? So I was supposed to wait until I saw him . . . I was about to say something indecent.
Mme. Pernelle
It's true that he can be overzealous, but I cannot possibly bring myself to believe that he tried to do the things he is said to have done.
gon
Look here! If you weren't my mother, I don't know what I'd do.
Dorine
Turn about is fair play, Monsieur: you didn't want to believe, and no one believes you.
Cléante
We're wasting time with this foolish talk; we should be using it to stop this wretch who's threatening us all.
Damis
How far do you think he'll dare to go?
Elmire
This lawsuit seems ridiculous. Who could take it seriously? Isn't his ingratitude all too obvious?
Cléante
Don't be too sure; he has the means to prove you wrong. Even a flimsy scheme can trap people when a clique supports it. I'll say it again: with the resources he has, he shouldn't be confronted directly.
Orgon
True enough, but what to do? I'm infuriated when I think about this traitor's arrogance.
Cléante
I really wish that there could be some way to reconcile the two of you.
Elmire
If I'd known the weapons he held, I would never have provoked him, and my . . .

Orgon
What does that man want? Go and find out right away! I'm in no condition to see anyone.

Scene 4

M. LOYAL, MME. PERNELLE,
ORGON, DAMIS, MARIANE,
DORINE, ELMIRE, CLÉANTE

M. Loyal

Good morning, my dear sister; please allow me to speak to Monsieur.

Dorine

He has company with him; I doubt that he would be able to see someone.

M. Loyal

I do not wish to intrude. I believe that my mission, rather than causing him any discomfort, will please him.

Dorine

Your name?

M. Loyal

Just tell him that I have come on behalf of Monsieur Tartuffe, on a matter that will, he says, be gratifying.

Dorine

There's a soft-spoken man who comes, he says, from Monsieur Tartuffe on a matter that will, he says, be gratifying.

Cléante

We'll have to see this man and find out what he wants.

Orgon

Maybe he has come to settle our differences. How should I treat him?

Cléante

Don't let him see that you're angry, and if he speaks about coming to some arrangement, you must listen to him.

M. Loyal

Greetings, Monsieur. May Heaven vanquish those who wish to harm you; my wish is that all may go well for you.

Orgon

This affable introduction makes me feel better; perhaps there can be some accommodation.

M. Loyal

Your family has always been dear to me, and I was a servant of your honorable father.

Orgon

Monsieur, I am ashamed that I do not recognize you and ask you to forgive me for not knowing your name.

M. Loyal

My name is Loyal; I am from Normandy, a beadle, who has for forty years honorably filled that position, thanks be to God. With your permission, Monsieur, I have come with a court order to dispossess . . .

Orgon

What! You have come . . .

M. Loyal

Monsieur, calm yourself; it's only an order to leave the premises, you and your family, put your furniture out, make room

for someone else without delay, as the situation requires . . .

Orgon

Me? Leave the premises?

M. Loyal

Yes, Monsieur, if you please. As everyone knows, the house now belongs entirely to our good Monsieur Tartuffe. He's the owner of all your holdings, by virtue of a contract that I have here. It's properly executed; it cannot be challenged.

Damis

What unbelievable insolence! I've never seen anything like it.

M. Loyal

Monsieur, I have no business with you; I address myself to this gentleman. He is reasonable and calm, and since he knows the way a respectable man should behave, I am sure he will not oppose the law.

Orgon

But . . .

M. Loyal

Monsieur, I know that you would not obstruct justice for anything in the world and that, being an honorable person, you will permit me to carry out the orders I have been given.

Damis

Get yourself and your staff of office out of here.

M. Loyal

Monsieur, please tell your son to keep quiet or leave. I should hate to have to make note of all this and add it to my testimony.

Dorine

This Monsieur Loyal seems to be a pretty disloyal fellow to me!

M. Loyal

I am always perfectly civil to the well-to-do; I was only willing to do this because I wanted to please you and save you from someone who might have less affection for you and would treat you less gently.

Orgon

And what could be worse than telling honest folks that they must leave their home?

M. Loyal

We're giving you time—I won't require you to comply until tomorrow. All I'll do is spend the night here with ten of my men—no fuss, no scenes. Just for the sake of formalities, please give me your keys. I won't disturb you or allow anything inappropriate to happen. But tomorrow you must be quick to empty everything out, right to the last spoon. My people will assist you—I've brought strong men to help you haul everything out of the house. No one could be more generous, in my opinion, and since I'm treating you so kindly, I hope you'll respond as you should and not make any difficulties for me.

Orgon

I'd gladly give a hundred pieces of gold—if I had any—for the pleasure of punching this fellow in the snout.

Cléante

Let it be; don't make matters worse.

Damis
I'm itching to attack this insolent fellow.

Dorine
Since you're so strong and handsome, Monsieur Loyal, I doubt that a few good thwacks with a stick would do you much harm.
M. Loyal
It's quite easy to punish such disrespectful talk, Miss, and laws apply to women as well as to men.
Cléante
Enough of all this, Monsieur; please give me the summons, and leave us alone.
M. Loyal
Until tomorrow. May Heaven bless you all!
Orgon
May it curse you and the one who sent you!

Scene 5

ORGON, CLÉANTE, MARIANE, ELMIRE, MME. PERNELLE, DORINE, DAMIS

Orgon

Well, Mother, now do you see that I was right? What just happened confirms what I told you. Now will you acknowledge his treachery?
Mme. Pernelle
I'm speechless; I can't believe my ears!
Dorine
Don't complain or blame him. His pious wishes have come true. He cares for the welfare of others; he knows that worldly wealth often corrupts, and out of pure charity he has taken it from you to save you.
Orgon
Once again: be quiet!
Cléante
Let's see whether we can get some useful advice.
Elmire
Go—tell everyone about the way this traitor lied to us. Behavior like that must surely void any contract. Once people know how he betrayed us, no one will let him succeed.

Scene 6

VALÈRE, ORGON, CLÉANTE, ELMIRE, MARIANE, MME. PERNELLE, DAMIS, DORINE

Valère

Monsieur, I'm deeply sorry to disturb you now, but in the present circumstances I feel I must. A very close friend who knows my concern for you has told me a state secret; something has happened that means you'll have to flee. That villain who

took such advantage of you has denounced you to the King, accusing you of treason, and has given him that box that you had hidden. I don't know what crime you are accused of, but a summons against you has been sworn and Tartuffe himself is ordered to come with the officer who is to arrest you.

Cléante

So this is his weapon! That's how he thinks he can claim all your possessions!

Orgon

Animals: that's what men are!

Valère

Any delay may be fatal. My carriage is waiting at the door to take you away, and here are a thousand pieces of gold. Lose no time. This is an explosive situation; the only way to defend yourself is to run from it. I promise to lead you to a safe place, and I'll go with you all the way.

Orgon

Oh Lord! How grateful I am for your kindness! I'll have to thank you properly at another time; I hope Heaven will allow me to recognize your generosity properly. Good-bye, take care of yourselves . . .

Cléante

Go quickly, Brother; we'll think about what to do.

Last Scene

THE OFFICER, TARTUFFE, VALÈRE, ORGON, ELMIRE, MARIANE, MME. PERNELLE, DORINE, CLÉANTE, DAMIS

Tartuffe

Just a moment, Monsieur, just a moment, not so fast. You won't need to go far to find a place to stay. You are a prisoner, by order of the King.

Orgon

So, you snake in the grass; you kept this blow for last. Is this the way you'll destroy me? Is your treachery complete? Is this the final touch?

Tartuffe

Your insults cannot annoy me; Heaven has taught me to endure all for its sake.

Cléante

Admirable restraint!

Damis

Listen to him shamelessly taking the name of Heaven in vain!

Tartuffe

All that ranting fails to disturb me; I simply want to do my duty.

Mariane

You can surely be proud of what you are doing—this act is a credit to you.

Tartuffe
Any act on behalf of the person who sent me here can only be honorable.
Orgon
But have you forgotten that my generosity pulled you out of your misery, you ungrateful wretch?
Tartuffe
Yes, I know what help it might have given me, but the wishes of the King are my first obligation. The justifiable urgency of that sacred duty stifles any gratitude in my heart, and to that duty I would sacrifice even more powerful demands: friends, wife, family, even myself.
Elmire
Fraud!
Dorine
How neatly he dresses up his treachery in pious words.
Cléante
But if this religious zeal that you claim and boast about is so perfect, how is it that Orgon found you making love to his wife? Why did you wait to denounce him until his own honor forced him to chase you out? I'll say nothing at this point about the fact that he gave you all his wealth, but why are you still willing to accept it when you claim he is a traitor?
Tartuffe [*To the officer of the court who has come with him.*]
Monsieur, stop all this nonsense, please, and get on with the orders you have been given.

The Officer
Yes, we have waited too long; you've reminded me to do my duty. My orders, which I will execute, require you to follow me immediately to the prison that has been assigned to you.
Tartuffe
Who? I, Monsieur?
The Officer
Yes, you.
Tartuffe
Why to prison?
The Officer
I am not obliged to give you an explanation. Monsieur [*To Orgon.*], please calm yourself. We live under a king who is the enemy of fraud, a king who is guided by moderation and intelligence, who knows all his subjects, who is never deceived by impostors. Mere acquaintance does not influence him; he knows what the truth is and understands what is happening; he sees to it that honorable men are properly recognized. He loves virtue, but he recognizes the reality of wickedness; a rogue like this might set traps but could never deceive him. The King knows this man's heart; when Tartuffe came to accuse you, he simply revealed his own treachery. Someone else had reported this charlatan's long train of abuses, his cowardly ingratitude and disloyalty. The King let things go this far simply to see how far they would go and to demonstrate

conclusively how firmly he could act. Here and now he takes all the documents that this traitor claims are his and nullifies the contract that puts your wealth in his hands. Moreover, in recognition of the zeal you exercised on your monarch's behalf in the past, he pardons you for accepting the secret information that your friend gave you. The King rewards good deeds, sometimes when it's least expected; he prefers to remember the good than to focus on error.[1]

Dorine
May Heaven be praised!

Mme. Pernelle
I can breathe again.

Elmire
What a wonderful outcome!

Mariane
Who could have dared to expect it?

Orgon [*To Tartuffe.*]
There you are, you traitor . . .

Cléante
Dear brother—stop. Don't stoop to indignity. Leave that miserable person to his misfortune; don't add to his remorse. Pray that he'll turn toward virtue, that he'll change his way of life and reject his vices, and that our great monarch will moderate his strict justice. Go to the King; acknowledge his magnanimity, and thank him for his kindness toward you.

Orgon
Yes, well said; let's go gratefully to the King to praise his generosity. And once we have begun to pay our debt to him, let's think of someone else's happiness and reward Valère's devotion and sincerity by celebrating his marriage to Mariane.

The End

1. See the note on this speech on page 115.

Notes

Note on the names of characters in *Tartuffe*

We meet the characters before the curtain goes up, each (save three) defined by his or her relationship with the other characters. Mme. Pernelle, mother of Orgon; Orgon, husband of Elmire; Elmire, wife of Orgon; Damis, son of Orgon; Mariane, daughter of Orgon and beloved of Valère; Valère, beloved of Mariane; Cléante, brother of Elmire; Tartuffe, a religious hypocrite; Dorine, companion and maid to Mariane; M. Loyal, a beadle; an officer; Flipote, servant of Mme. Pernelle. A perfectly ordinary list—except for the names. It's true that the consonants and vowels in Flipote and Pernelle invite us to think these names are meant to be comical; Mariane is quite conventional, and Valère sounds enough like *valiant* in French

to be an appropriate name for a young lover. But what about Orgon, Elmire, Damis, Cléante, and Tartuffe? It's highly unlikely that these were names given at a baptismal font in the Paris of Louis XIV.

Stepping back from *Tartuffe* and looking at *The Misanthrope, The School for Wives, The Doctor Despite Himself,* and *The Miser,* we see the same pattern of names: some recognizably French, others clearly from some other idiom. To the audience in the theater of 1669, the source was obvious: these non-French names are Greek or pseudo-Greek, taken directly from the classics or copied from the novels and poems of the *Précieux* and the *Précieuses,* the highly educated nobles and gentlefolk of both sexes who considered themselves arbiters of society, manners, education, and language.

Notes: Names of Characters

England, Spain, and Italy had had equivalents—the Euphuists in England, the Gongorists in Spain, the Della Cruscans in Florence—but these had not had the influence of the *Précieuses* in France. Parisian society was captivated by the elegance and refinement of the learned ladies whose letters and novels, derived from Greek histories and drama (some of which, like *Artamène, ou Le Grand Cyrus* by Mme. de Scudéry, extended to several volumes), were impatiently bought, diligently read, and enthusiastically imitated. So the playgoers in the theater of the Palais Royal or at Versailles recognized the names in Molière's comedies as soon as they heard them.

The name they did not recognize was Tartuffe. Some scholars believe that the name came from the Italian *tartufo,* or truffle: bulgy and subterranean, a fungus attached to the roots of noble trees like oaks and beeches. Others think Molière simply invented it. In either case, it was an announcement to the audience that this character emerged from a context different from that of the elegant and learned *Précieux.*

Characters in twentieth- and twenty-first-century drama have the same names as we in the audience have. In some cases, dramatists have deliberately started with a real person—*Einstein on the Beach, Nixon in China, The Madness of King George III*—and have invented or extrapolated to create new insights into the conventional understanding of these protagonists. In other plays, less obviously tied to historic figures, the names are those we hear every day. The hero of *Death of a Salesman* is Willy; James, Edmund, and Mary are the principal characters in *A Long Day's Journey into Night;* Shaw's characters include Barbara, Charles, Andrew, Eliza, Freddy, Henry, and Alfred.

Then what was Molière doing when he chose names that reminded his audience of the Greek and Roman classics and of the elaborations of the *Précieux*? The performance history of

Tartuffe answers the question. First performed in 1664—and immediately banned, revised, performed, and banned again in 1667—it was finally presented in February 1669, and only then was it allowed to continue. With Molière himself playing Orgon, it enjoyed the longest run and the largest box-office receipts of any of Molière's plays.

Religious hypocrisy was an inflammatory topic at that time. It was one thing to present a comedy that criticized the follies or even the vices of the time; it was another to appear to censure the behavior of prelates and their noble supporters who were highly placed political figures. The names allowed Molière to claim that he was writing a general comedy, to put some distance between the characters on the stage and those who might have been their models.

Censorship in the Western world today poses no threat to comedians; writers can afford to name names and point fingers on television, on radio, in the theater, and in the movies. Would a comedy like *Tartuffe* be written today? In what circumstances might playwrights in Paris, London, and New York choose names for their characters that would disguise or dilute the criticism they were making of contemporary figures or morals? By being explicit, what has been lost or gained?

Act I, scene 2: Dorine: "She's nothing compared to her son [Orgon].....In the recent 'troubles' he was known as a levelheaded man who backed his king courageously."

"Troubles" is a tactful reference to almost a decade of civil war in France, a period of intrigue and shifting political and familial loyalties. The first manifestation of these troubles was called the Fronde (Uprising) of the Parlement (1648–1649). Anne of Austria, mother as well as regent for her son Louis XIV, and her chief minister, Cardinal Mazarin, decreed that the crown would raise revenue by stopping the pay of all magistrates of the high court for four years. In return, the Parlement presented a document severely limiting the power of the crown.

Members of the Parlement, led by the Prince of Condé and Armand de Conti (one of Molière's patrons), were arrested; riots ensued; and royal troops besieged Paris until an agreement was reached with the Parlement in 1649.

But the nobles resented the power of Anne of Austria and Cardinal Mazarin and in 1650 began a second Fronde. The Prince of Condé, in alliance with the king of Spain, again provoked battles elsewhere in France and riots in Paris that drove Anne of Austria, the young Louis XIV, and Cardinal Mazarin out of the city for almost two years. Long negotiations re-established royal power, although real domestic peace was not finally confirmed until 1658.

Molière's major plays were written after 1653, when Paris was once again free to enjoy the theater, the court could indulge in elaborate balls and spectacles, the literary ladies and their salons could meet for untroubled conversation, and the loyal

bourgeoisie, from whose ranks the King increasingly drew his most important ministers, could begin to profit from their financial security and social status. Such was Orgon's situation in the world until Tartuffe came into his life and his household.

Act III, scene 2: Tartuffe: "Laurent, put away my hair shirt and my lash."

When at last Tartuffe appears, this is how he introduces himself. Thus far the audience has seen him only indirectly: Dorine described a glutton who boasts of his social standing; Orgon described a man so tenderhearted that he grieves over a squeezed louse; Mme. Pernelle said that Heaven sent him to Orgon's house; Mariane said she would rather die than marry him; Damis called him an oaf. Where do the hair shirt and the lash fit into this kaleidoscopic portrait?

Although some monks and priests in seventeenth-century Paris may have used hair shirts and lashes, Tartuffe—a layman, plump, with rosy lips—is highly unlikely to have used such stringent methods of self-discipline. Molière assumes that his audience will know this is a pose; he also assumes that his audience knew where to place Tartuffe in the landscape of religious controversies that engaged the court, the clergy, and the laymen of his day.

Louis XIV ruled by "divine right"; his political advisors were cardinals and priests as well as laymen. All capitals are places for cabals (Molière uses this term freely in his plays), power and pressure groups that included nobles and merchants, priests and laity, the discreetly virtuous as well as the doctrinaire reformers. A number of these zealots belonged to the Confraternity of the Holy Sacrament, a semisecret organization whose members included priests and dukes, some of whom were closely allied with the royal family. Its mission was to care for the poor and to correct the immorality and religious laxity of the times. Lay members occasionally took it upon themselves to join households and become confessors and directors of conscience; some may also have served as conduits of information between the court, the clergy, the nobility, and the prosperous families with which these laymen were connected. Tartuffe, adopted by Orgon's family, might have hoped to be taken for a member of this prestigious confraternity.

Religion and the secular world were tightly entwined in the reign of Louis XIV. Cardinals Richelieu and Mazarin had been prime ministers for Louis XIII, and Mazarin continued in that role for Louis XIV. Bossuet, one of the most rigorous and persuasive of preachers, had succeeded in detaching the King's mistress from him, and although Louis reinstated her officially in his household, the jostling between the worldly and the rigorous factions of the church and its supporters did not entirely subside. When *Tartuffe* was finally performed in 1669, religious cabals and intrigues were still potent, and characters like Tartuffe were quick to take advantage of the moral uneasiness

of the times. Tartuffe, then, was an all-too-recognizable figure. Molière was painting with a very broad brush: Tartuffe—glutton and prude, lecher and ostentatious puritan—had no single model in the court or the city. He was the sum of all religious hypocrites; the hair shirt and the lash (never again mentioned) are disguises that reveal rather than hide his character.

Act III, scene 6: Orgon: "You'll see that you must obey me, that I'm the master here."

Mariane is told she must abandon her beloved; Dorine is told she must be quiet; Elmire is told that sin is no disgrace. Orgon and Tartuffe believe that men are the masters; we do not. The women in *Tartuffe,* as in many of Molière's plays, are in fact those who move the plot along, who straighten out the complications, who avert the bad results of foolish decisions.

In some circles of the French bourgeoisie and the nobility, the seventeenth century was an era of powerful women. Anne of Austria, the wife and then the widow of Louis XIII, was the regent of France in name and in fact until her death; her political and religious expectations and decisions stirred up controversies and smoothed them over. Louis XIV's wife and his mistresses continued this pattern of influence. The *Précieuses*—the learned ladies who set the tone for language and amorous behavior—attracted the attention of courtiers and authors, painters and musicians, grammarians and leaders of armies. For Molière, these learned ladies were sometimes the object of comedy, even mockery, but in the more serious plays—*Tartuffe, The Misanthrope, The Miser, The School for Wives*—the women are as significant as the men, and often even more powerful.

Their power is the power of common sense. In Act III, scenes 4 and 5, Elmire says, "All [Tartuffe] has to do is to behave better and try to be worthy of my generosity..... I'm not inclined to make trouble. Real women laugh at such foolishness; they don't bother to tell their husbands about it .....Honor doesn't depend on reporting silliness like this; all that's necessary is to defend oneself against it: at least that's my opinion." Damis, Elmire's hot-tempered stepson, is ready to attack Tartuffe; Orgon is ready to beat Damis with a stick; Valère, willfully misunderstanding Mariane, rejects her. Elmire and Dorine will have none of this; theirs are the voices of moderation.

There were, of course, extravagant women in as well as outside of Molière's plays. Their contemporaries recognized the ridiculous and pretentious ladies of *Les Précieuses Ridicules* and *Les Femmes Savantes* and their equivalents who slavishly and indiscriminately copied the modes of speech and behavior of authors and leaders of society like Mme. de Scudéry, Mme. de Sévigné, and Mme. de Lafayette. Opinionated and stubborn old women, saucy and meddling maids who irritate their masters and mistresses—stock figures in comedy and daily gossip everywhere—were equally well known. But Molière's job was to hold up a mirror to all of society. It's important to see,

reflected in that mirror, the temperate, wise, quiet, and effective women: they too were a recognized and important part of his world.

Act V, Last Scene: The Officer: "The King rewards good deeds."

The court and the theater were, at times, one and the same during the reign of Louis XIV. When the king greeted ambassadors from foreign countries, the receptions were as thoroughly stage-managed and costumed as any theatrical performance. Kings were expected to dazzle their subjects as well as to govern them; like the signing of peace treaties, royal marriages and births were occasions to transform Versailles, the Louvre, and the Palais Royal into spaces for elaborate performances of comedies, tragedies, ballets, and farces, accompanied by music and enhanced by theatrical machinery.

Notes: Act V, Last Scene

Molière was not an invisible playwright. The King knew him, had commissioned many of Molière's plays, and had, shortly before the first performance of *Tartuffe,* served as godfather to Molière's first son. More, the King had performed in some of Molière's plays, had made suggestions for an addition to one of them, and had paid for the costumes, the musicians, and the theatrical machinery necessary for plots that included disguises, betrayals, and revelations at the last minute. He would have recognized the King's officer, appearing like a deus ex machina to resolve the drama, as a device that fit easily into a familiar pattern of comedy and stagecraft.

Nonetheless, this ending seems abrupt, unexpected, even unsatisfactory. At the beginning of the eighteenth century, the play was translated into English by a certain M. Medbourne, who explained that he had "render'd [it] into English, with much addition and advantage." Those additions and advantages were changes that allowed the other characters—Dorine and Laurent, Cléante and Elmire, Valère and Mariane—to construct a counterplot in which to trap Tartuffe without recourse to the sudden appearance of the King's emissary.

Although Medbourne thought that Molière's ending required "addition and advantage," it is possible that Molière's audiences disagreed because they recognized a second drama being enacted at the end of this comedy. In the almost five years since Molière had first presented *Tartuffe,* it had been repeatedly banned by the archbishop of Paris despite the tacit and explicit approval of Louis XIV himself, who saw the first performance and found it entertaining. Molière had written a preface to the play and two appeals to the King, explaining that he meant no disrespect to the Church and intended only to criticize those who disgraced it by behaving like hypocrites. But it required the personal intervention of the King before the play

could open in February 1669. The unexpected appearance of the King's officer, the long speech in praise of the King—"a king who is the enemy of fraud, a king who is guided by moderation and intelligence, who knows all his subjects, who is never deceived by impostors," who recognized "the zeal [Orgon] exercised on [his] monarch's behalf"—this abrupt reversal that saves Orgon served also as Molière's tribute to the King, his friend, who had at last allowed his play to be seen.

First Appeal
Presented to the King
Concerning the comedy of *Tartuffe*

SIRE:

Since the task of comedy is to reform men while amusing them, I thought that, given the work I do, I could do nothing better than to attack by caricature the vices of my age; and since hypocrisy is, without doubt, one of the most common, the most harmful, and the most dangerous of these, I thought, SIRE, that I would render no small service to all the honorable men of your kingdom if I were to make a comedy that would discredit the hypocrites and present all the artificial gestures that these worthy folk display, all the hidden deceptions of these counterfeit saints who want to entrap men by their spurious zeal and compromising morals.

I wrote this comedy, SIRE, as carefully as I could and with all the circumspection that the delicate nature of the topic required; and to preserve the honor and respect owed to those who are truly devout, I was at pains to distinguish them from the character that I was presenting. I included nothing that might appear equivocal; I omitted anything that could confuse good with ill and used, in this portrait, only the colors and the essential characteristics that reveal the true and accomplished hypocrite.

Nonetheless, my precautions were useless. People have, SIRE, taken advantage of your sensitivity to religious affairs and have attacked you in the only place where you might be vulnerable—that is, your respect for sacred matters. The tartuffes, disguised, were clever enough to find favor with

YOUR MAJESTY, and those who were its originals suppressed the copy, however innocent it may have been and however recognizable some may have found it.

As strong a blow as this suppression of my work might have been, my distress was nonetheless softened by the way in which YOUR MAJESTY explained himself; and truly, SIRE, this removed all cause for complaint, since YOUR MAJESTY had the goodness to state that he found no cause for complaint in the comedy that I had been forbidden to present to the public.

But, despite this gracious statement by the world's greatest

and most enlightened king, despite the approval of the Pope's emissary and the greater number of our prelates who all, in the private readings that I presented to them, agreed with YOUR MAJESTY'S sentiments, despite all this, I say, we have seen a book written by the curé of . . .[1] that noisily challenges these honorable opinions. Despite what YOUR MAJESTY may have said, despite the opinions of the Pope's emissary and the prelates, my comedy, said he without having seen it, is as diabolic as is my brain; I am a demon clothed in flesh and dressed like a man, licentious, an apostate worthy of extraordinary punishment. Burning my book in public is not sufficient expiation—that would let me off too easily. The charitable zeal of this gallant gentleman does not stop there: he wishes to deny me God's mercy; he has absolutely decided that I should be damned. This book, SIRE, was presented to YOUR MAJESTY, and YOUR MAJESTY can without doubt understand how distressing it is for me to see myself exposed daily to these insults, the damage that such calumny does to me if indeed it must be tolerated, the need I have to clear myself of these fabrications and to show to the public that my comedy is nothing but what one might wish it to be. I will not describe, SIRE, what I might need to restore my reputation and to demonstrate to all the innocence of my work; enlightened kings like yourself need no instruction or requests; they see, as God sees, what is necessary, and they know better than we do what we should receive. It is enough to put my interests in YOUR MAJESTY'S hands, and I await, with much respect, anything that YOUR MAJESTY should please to command.

1. This is a reference to Pierre Roullé, the curé of Saint-Barthélemy.

SECOND APPEAL

Presented to the King in his camp outside the city of Lille in Flanders, by DE LA THORILLIÈRE and DE LA GRANGE, HIS MAJESTY'S comedians, and colleagues of M. MOLIÈRE, concerning the ban, dated 6 August 1667, that forbade the presentation of *Tartuffe* until HIS MAJESTY should give a new order.

SIRE:
It is a very daring thing for me to importune a great monarch at the time of his glorious conquests; but, given my situation, where, SIRE, could I find protection other than where I have come to seek it? And whom might I enlist to counter the forces that overcome me, if not the source of power and authority, the just dispenser of orders, the sovereign judge and the master of all things?
My comedy, SIRE, cannot enjoy the benefits of YOUR MAJESTY'S kindness. In vain did I produce it under the title of *The Impostor* and disguise the character as a man of the world. In

vain did I give him a little hat, a great wig, a big collar, a sword, and lace all over his jacket; soften his behavior; and carefully omit anything that I thought would give the shadow of an excuse to the well-known originals of the portrait I wished to paint: all that was of no avail. The cabal armed itself simply because of what it suspected of the play. They found a way to take by surprise those who, in other respects, boast that they cannot be thus taken. No sooner had my comedy been presented than it was struck by a blow from a force that commands respect; and at that moment all that I could do to save myself from the violence of this tempest was to say that YOUR MAJESTY had had the kindness to allow the performance and that I had not thought it necessary to seek permission from others, since it was only YOUR MAJESTY who might have forbidden it.
I do not doubt, SIRE, that those whom I depict in my comedy have pressed YOUR MAJESTY quite hard and have once again drawn into their party many worthy people who are the more easily deceived because they judge others to be like themselves. Those folks have the skill to dress all their schemes in fine colors. No matter what they may seem to be, it is not God's interests that move them; they have shown this clearly enough by allowing certain comedies to be produced so often without saying a word against them. Those comedies attack piety or religion, which concerns them very little—but this one attacks them and shows them on the stage; that is what they cannot bear. They cannot forgive me for revealing their pretenses to all the world, and certainly none of them will fail to tell YOUR MAJESTY that my comedy has scandalized everyone. But the truth, SIRE, is that all of Paris has been scandalized only by the prohibition, that the truly scrupulous have found the play useful, and that many are surprised that persons so known for probity should have deferred to others who ought to disgust everyone and who are so opposed to the true piety that they themselves profess.
I await with respect YOUR MAJESTY'S decision on this matter, but it is certain, SIRE, that I must no longer think of writing comedies if the tartuffes win the day, that they will feel justified in persecuting me more than ever and will find more to say about the most innocent things that I might write.
Deign in your kindness, SIRE, to protect me from their venomous rage, and may I, when you have returned from your glorious campaign, be capable of giving you some relief from the weariness of your conquests and of entertaining the monarch who makes all Europe tremble.

THIRD APPEAL
PRESENTED TO THE KING
5 FEBRUARY 1669

SIRE:

A highly respected physician, one of whose patients I have the honor to be, promises and undertakes, in the presence of a

notary, to keep me alive another thirty years if I can persuade YOUR MAJESTY to grant him a request. I told him that I do not ask such a promise of him and that I would be satisfied if he would simply have the kindness not to kill me. His request is to be granted a canonical position in the royal chapel at Vincennes, made vacant by the death of . . .
Dare I ask this favor of YOUR MAJESTY on the very day of the resurrection of *Tartuffe,* resurrected by your kindness? Thanks to that kindness I have been reconciled with the faithful and, by this one, I will be with the physicians. Perhaps this shows me too much kindness at one time, but perhaps it is not beyond the power of YOUR MAJESTY, and I await, with respectful hope, a response to my appeal.

Roger W. Herzel
is Professor Emeritus in the Department of Theater and Drama at Indiana University, Bloomington. His research specialization is Molière. He is the author of *The Original Casting of Molière's Plays* and of articles in a number of journals including *PMLA, Modern Language Notes, Seventeenth Century French Studies,* and *Theatre Survey.* He contributed the entries on Molière and sixteen other seventeenth-century French actors to the *Oxford Encyclopedia of Theatre and Performance*. His article on the original cast of Molière's *The Misanthrope* was awarded the William Riley Parker Prize of the Modern Language Association (1980). Professor Herzel was Editor of *Theatre Survey,* the journal of the American Society for Theatre Research, from 1980 to 1990, and Director of Graduate Studies at Indiana University from 1986 to 1997.

Prudence L. Steiner
took her Ph.D. at Harvard University, where she served as Lecturer and Director of the Harvard Extension School Writing Program. Between 1953 and 1954 Dr. Steiner studied at the Sorbonne in a program for the training teachers of French as a foreign language. Because the instructors believed that teaching French required a full knowledge of French history and culture, she attended plays—Molière, Racine, Corneille, Marivaux, Victor Hugo, Jean Anouilh, Paul Claudel, and others—at the Comèdie Française, the Théâtre National Populaire, and other theaters in Paris. From this Dr. Steiner developed a continuing interest in and enthusiasm for the classical French theater of which Molière is one of the first and most important creators. Also available from Hackett is her translation of Voltaire's *Philosophical Letters* (2007).

Back to Contents

Letters from Vincennes

By

Thomas D. Le

The Big and Not-So-Big Questions

Time

McTaggart's *The Nature of Existence, Volume 1* (NE 1)

Chapter 2. Reality and Existence

Having gone over a copious catalog of definitions of terms: **proposition, assumption, assertion, belief, property.** and **quality**, leading to substantive concepts of **facts** and **truth** in the last segment, I want to pause to ruminate on them and internalize them before moving forward. The reader who has already done so is ahead of the game. Still, it doesn't hurt to review the text below in blue.

Hence, this segment shall be at one repetitious and, hopefully, enlightening, due to privileging a review of key concepts and worrisome thoughts that defy clear understanding without which no progress toward an understanding what **truth** means is possible. I am worried by the epistemological concepts **Propositions, beliefs, properties, relation, facts, truth,** given that without a thorough understanding of these terms, any argument shall be vacuous, vitiated, and unconvincing.

For purposes of reviewing and refreshing, I have retained from the last segment (in Firmament January 2023) a little more than a skeleton of definitions of terms complete with section numbering as an aid to memory, and encourage the reader to review the entire text, if needed.

Why is this necessary?

In an era of rampant lies normalized by certain politicians and hypocrisy exemplified by Molière's *Tartuffe* (begun in the preceding issue of Firmament and ended with this issue), it devolves on us alert readers to arm ourselves against noxious ideas if our sanity and intellectual independence are to be preserved.

You will notice that I linger longer on the concepts and definitions of **fact** and **truth** without them life would be a waste of time. Speaking of time, do you know what it is?

I shall leapfrog to the scientists, mainly but not exclusively theoretical physicists, because they are vitally concerned with time, as exemplified by the late great theoretical physicist Steven Hawking, whowrote the bestseller book *A Brief History of Time.* We will never forget the philosophers. In the new segment in black print below, we will witness the titanic debate about time between the greatest philosopher and the greatest scientist of the twentieth century. *De la discussion jaillit la lumière*.

Literally, from discussion the light springs. Two heads are better than one is the preferred English equivalent.

Let's review the concepts below together.

1.2.1. Definitions of Assumption

The University of Louisville Library (n.d.), on its web page titled **Critical Thinking and Academic Research: Assumptions,** displays the following quote:

> An assumption is an unexamined belief: what we think without realizing we think it. Our inferences (also called conclusions) are often based on assumptions that we haven't thought about critically. A critical thinker, however, is attentive to these assumptions because they are sometimes incorrect or misguided. Just because we assume something is true doesn't mean it is. (Para. 1)

Wiktionary defines ***Assumption***, variously but not exhaustively, as follows:

1. The act of taking for granted, or supposing a thing without proof; a supposition; an unwarrantable claim.
   *Their **assumption** of his guilt disqualified them from jury duty.*
2. The thing supposed; a postulate, or proposition assumed; a supposition.
3. (logic) The minor or second proposition in a categorical syllogism.

1.2.2. Definitions of Assertion:

Wiktionary:

1. The act of asserting; positive declaration or averment.
2. Something which is asserted; a declaration; a statement asserted.
   *You're a man of strong **assertions**!*
3. A statement or declaration which lacks support or evidence.
   *That's just a bare **assertion**.*
4. Maintenance; vindication
   *the **assertion** of one's rights or prerogatives*

1.2.3. Recapitulation of concepts

The following table summarizes McTaggart's ideas:

	True/False	*Existent*	*Real*
1. Propositions	Yes	No	Yes
2 . Beliefs	Yes	Yes	Yes
3 Assumptions	Yes	Yes	Yes
4. Assertions	Yes	Yes	Yes

1.3. Section 9. (p. 10). But first, he asked, "What makes a belief true?" If my reading is correct,

(1) Objectively, it's conformance with the *objective* truth regardless of the knower. He cited the example of him asserting that the table is square. The only thing that makes his assertion true is that the table *is* square.

Take his following example:

"*The only belief* (italics added) which can be made true by the coherence, or completeness, or systematic nature, of any belief M, is *the belief* (italics added) that the belief M is coherent, or complete, or systematic." (Para. 1)

Let's try to simplify this statement by reducing it to an equation:

Belief 1 can be made true of belief 2 by X = *belief 1* is true if belief 2 is X

where belief 1 is the simple belief in the original statement, belief 2 is belief M, and X is "coherent, or complete, or systematic."

(2) Subjectively, a belief is true if it works for me (i.e., McTaggart because it's his example), or it's self-evident to me (him), or it gives me (him) satisfaction. However, characteristics or criteria of truth cannot make a belief true. He said, "The only beliefs that are made true by any relation to the knowing subject are beliefs about that subject." In other words, a belief is true in so far as the relation itstands to the subject's characteristics is true. Again, the only belief that can be made true is the belief that the belief M did work for him. or was self-evident to him, or gave him satisfaction.

1.4. Section 10. (p. 11)**.** This section introduces a new concept, ***Fact***. Truth as a characteristic of belief is defined by McTaggart as a relation "in which the belief stands, and which is a relation of correspondence to a Fact." And Fact is either the *possession* by "anything" (which in his terms, are *substances* and *characteristics*) of a *quality,* or the *connection* that *relates* "anything" to "anything." A fact exists if the thing it is a fact about exists. (Para. 1)

We have here important concepts to understand well: **Belief, relation, correspondence,** and most of all, **fact, and truth.** We will try in the following discussion.

He hastened to admit that *relation* and *correspondence* (both being characteristics) are undefinable. While he wouldn't define the notions of *relation* or *correspondence* by calling them undefinable*,* other philosophers have grappled with the concepts and formulated theories of about them. The entry *Relations (philosophy)* in Wikipedia distinguishes ***properties*** and ***relations***.

Regarding the concept of *correspondence* philosophers came up with several *correspondence theories of truth* and many more different theories of truth.

1.4.1. Definitions

Definitions of terms delimit the boundaries within which they apply and are a sine qua non toknowledge, which allows us to evaluate theories and the arguments that support them as well as those that undermine them.

1.4.1.1 Propositions

Stanford Encyclopedia of Philosophy:

> The term **'proposition**' has a broad use in contemporary philosophy. It is used to refer to some or all of the following: the primary bearers of truth-value, the objects of belief and other "propositional attitudes" (i.e., what is believed, doubted, etc.[1]), the referents of *that*-clauses, and the meanings of sentences...
>
> Propositions, we shall say, are the sharable objects of the attitudes and the primary bearers of truth and falsity. This stipulation rules out certain candidates for propositions, including thought- and utterance-tokens, which presumably are not sharable, and concrete events or facts, which presumably cannot be false.

The Semantic Foundations of Logic Volume 1: Propositional Logics

> **Propositions.** A *proposition* is a written or uttered sentence which is declarative and which we agree to view as being either true or false, but not both.

1.4.1.2 Beliefs

Stanford Encyclopedia of Philosophy

> "[**B**]**elief"**...refer[s} to the attitude we have, roughly, whenever we take something to be the case or regard it as true. To believe something, in this sense, needn't involve actively reflecting on it...
>
> Most contemporary philosophers characterize belief as a "propositional attitude". Propositions are generally taken to be whatever it is that sentences express...
>
> A *propositional attitude*, then, is the mental state of having some attitude, stance, take, or opinion about a proposition or about the potential state of affairs in which that proposition is true —a mental state of the sort canonically expressible in the form "*S A* that *P*", where *S* picksout the individual possessing the mental state, *A* picks out the attitude, and *P* is a sentence expressing a proposition.

1.4.1.3 **Properties**

Stanford Encyclopedia of Philosophy:

> **Properties** are those entities that can be *predicated* of things or, in other words, *attributed* to them. Thus, properties are often called *predicables*. Other terms for them are "attributes", "qualities", "features", "characteristics", "types". Properties are also ways things are, entities that things *exemplify* or *instantiate*

Internet Encyclopedia of Philosophy:

Properties are also known as 'attributes', 'characteristics', 'features', 'types' and 'qualities'. The question of whether properties are a fundamental category of entities or whether qualitative similarity and difference is determined by the existence of something else has been a feature of philosophical debates since ancient times. (See Section 9.)

1.4.1.4 **Quality**

Wikipedia:

A **quality** is an attribute or a property characteristic of an object in philosophy,

Encyclopaedia Britannica

quality, In philosophy, a **property** that applies to things taken singly, in contrast to a **relation**, which applies to things taken in pairs, triples, etc. The distinction drawn by Galileo and John Locke between primary and secondary **qualities** is motivated by the fact that modern science seems to reveal that unaided sensory perception gives false or incomplete information about the intrinsic qualities of physical objects. In this view, primary qualities, such as shape, quantity, and motion, are genuine properties of things that are describable by mathematics, whereas secondary qualities, such as odour, taste, sound, and colour, exist only in human consciousness.

Stanford Encyclopedia of Philosophy:

Primary and Secondary Qualities in Early Modern Philosophy

Many philosophers maintain there is a significant difference between primary and secondary qualities but disagree about its foundation. It may be plausible that we perceive things as having a small number of basic qualities which are determinates or degrees of the following: size, figure, extension, duration, motion, position, color, taste, odor, sound, heat, coldness, and tactual qualities such as hardness, softness, roughness and smoothness. The first six (to which solidity and number are sometimes added) are called "primary"; roughly speaking, they are saidto be real objective properties of objects and to be distinctly known. The remaining, called "secondary", are said to be in some way—metaphysically, epistemically, linguistically— derivative, less than fully real, or otherwise metaphysically feeble; or misleading, subjective, ambiguous, or otherwise not perspicuous. The lists map the extension of the division and the doctrine explains its basis.

1.4.1.5 Relation

Wikipedia:

Relations are ways in which things, the relata, stand to each other. Relations are in many ways similar to properties in that both characterize the things they apply to. Properties are sometimes treated as a special case of relations involving only one relatum. In philosophy (especially metaphysics), theories of relations are typically introduced to account for repetitions of how several things stand to each other...

> The three types [of relations] are (1) spatial relations, which include geometry and number, (2) relations of cause and effect, and (3) the classificatory relations of similarity and difference that underlie knowledge. Similar classifications have been suggested in the sciences, mathematics**,** and the arts.

Stanford Encyclopedia of Philosophy:

> [L]et's distinguish between the "degree" or "adicity" or "arity" of **relations**... **Properties** are "one-place" or "monadic" or "unary" because properties are only exhibited by particulars or other items, e.g., properties, individually or one by one. Relations are "many-place" or " - adic"or " - ary" (where because they are exhibited by particulars only in relation to other particulars. A "2-place" or "dyadic" or "binary" relation is exhibited by one particular only in relation to another. A "3-place"or "triadic" or "ternary" relation is exhibited by one particular only in relation to exactly two others. And so on. Some examples. The relation that stands to whenever is *adjacent* to is binary. This is because it takes two things to be adjacent to one another. The relation that stands to and whenever is *between* and is ternary because it takes three things for one to fall between the other two.

1.4.1.6 Fact

Stanford Encyclopedia of Philosophy:

> What might a **fact** be? Three popular views about the nature of facts can be distinguished:
> A fact is just a true truth-bearer,
> A fact is just an obtaining state of affairs,
> A fact is just a *sui generis* type of entity in which objects exemplify properties or stand in relations.

Wiktionary:

> 1. Something actual as opposed to invented.
> *In this story, the Gettysburg Address is a **fact**, but the rest is fiction.*
> 2. Something which is real.
> *Gravity is a **fact**, not a theory.*
> 3. Something concrete used as a basis for further interpretation.
> *Let's look at the **facts** of the case before deciding.*
> 4. An objective consensus on a fundamental reality that has been agreed upon by a substantial number of experts.
> *There is no doubting the **fact** that the Earth orbits the Sun.*
> 5. Information about a particular subject, especially actual conditions and/or circumstances.
> *The **facts** about space travel.*

Wikipedia:

> A **fact** is a datum about one or more aspects of a circumstance, which, if accepted as true and proven true, allows a logical conclusion to be reached on a true–false evaluation...

Generally speaking, facts are independent of belief and of knowledge and opinion...

Facts are different from theories, values, and objects...

The term *fact* also indicates a *matter under discussion* deemed to be true or correct, such as to emphasize a point or prove a disputed issue; (e.g., "... the *fact* of the matter is ...")...

Alternatively, *fact* may also indicate an allegation or stipulation of something that may or may not be a *true fact*,... (e.g., "the author's facts are not trustworthy").

Fact may also indicate findings derived through a *process of evaluation*, including review of testimony, direct observation, or otherwise; as distinguishable from matters of inference or speculation... This use is reflected in the terms "fact-find" and "fact-finder" (e.g., "set up a factfinding commission").

Facts may be checked by reason, experiment, personal experience, or may be argued from authority. Roger Bacon wrote "If in other sciences we should arrive at certainty without doubt and truth without error, it behooves us to place the foundations of knowledge in mathematics."...

1.4.1.7 Truth

Wikipedia:

Truth is the property of being in accord with fact or reality... In everyday language, truth is typically ascribed to things that aim to represent reality or otherwise correspond to it, such as beliefs, propositions, and declarative sentences...

Truth is usually held to be the opposite of falsehood.

Some philosophers view the concept of truth as basic, and unable to be explained in any terms that are more easily understood than the concept of truth itself... Most commonly, truth is viewed as the correspondence of language or thought to a mind-independent world. This is called the *correspondence theory of truth*.

Correspondence theory centres heavily around the assumption that truth is a matter of accurately copying what is known as "objective reality" and then representing it in thoughts, words and other symbols... Many modern theorists have stated that this ideal cannot be achieved without analysing additional factors.

Merriam Webster: **truth**

1. a (1) **:** the body of real things, events, and facts **:** actuality
   (2) **:** the state of being the case **:** fact
   (3) often capitalized **:** a transcendent fundamental or spiritual reality

b **:** a judgment, proposition, or idea that is true or accepted as true , truths of thermodynamics
c **:** the body of true statements and propositions
2. a **:** the property (as of a statement) of being in accord with fact or reality
b chiefly British **:** true sense 2
c **:** fidelity to an original or to a standard

true

1. a(1): being in accordance with the actual state of affairs: true description
(2): conformable to an essential reality
(3): fully realized or fulfilled: dreams come true
b: ideal, essential
c: being that which is the case rather than what is manifest or assumed: the true dimension of the problem
d: consistent: true to character
2. a: properly so called: true love, the true faith. the true stomach of ruminant mammals
b (1) : possessing the basic characters of and belonging to the same natural group as a whale is a true but not a typical mammal
(2): typical: the true cats

Internet Encyclopedia of Philosophy

Truth. Philosophers are interested in a constellation of issues involving the concept of truth. A preliminary issue, although somewhat subsidiary, is to decide what sorts of things can be true. Is truth a property of sentences (which are linguistic entities in some language or other), or is truth a property of propositions (nonlinguistic, abstract and timeless entities)? The principal issue is: *What is truth?* It is the problem of being clear about what you are saying when you say some claim or other is true. The most important theories of truth are the Correspondence Theory, the Semantic Theory, the Deflationary Theory, the Coherence Theory, and the Pragmatic Theory. They are explained and compared here. Whichever theory of truth is advanced to settle the principal issue, there are a number of additional issues to be addressed:
i. Can claims about the future be true *now*?
ii. Can there be some algorithm for finding truth – some recipe or procedure for deciding, for any claim in the system of, say, arithmetic, whether the claim is true?
iii. Can the predicate "is true" be completely defined in other terms so that it can be eliminated, without loss of meaning, from any context in which it occurs?
iv. To what extent do theories of truth avoid paradox?
v. Is the goal of scientific research to achieve truth?

Collins Dictionary:

truth
(noun) in the sense of **reality**
1. The truth about something is all the facts about it, rather than things that are imagined or invented; the quality of being true, genuine, or factual.
Is it possible to separate truth from fiction?
I must tell you the truth about this business.

Synonyms: reality, fact(s), real life, actuality

2. (noun) in the sense of **truthfulness**
If you say that there is some truth in a statement or story, you mean that it is true, or at least partly true; the quality of being true, genuine, or factual
There is no truth in this story.
Is there any truth to the rumors?
Synonyms: truthfulness, fact, accuracy, honesty.

3. (noun) in the sense of **fact**
a proven or verified fact, principle, etc.
It's a universal truth that we all die eventually.
Synonyms: fact, law, reality, certainty, maxim, verity, axiom, truism, proven principle.

true

1 (adjective) in the sense of *correct*
in accordance with the truth or facts: Everything I had heard about him was true.
Synonyms: right, accurate, exact, precise, valid, legitimate, factual, truthful, veritable, bona fide, veracious

2 (adjective) in the sense of *actual, real or genuine*

I allowed myself to acknowledge my true feelings.
Synonyms: actual, real, natural, pure, genuine, proper, authentic

New Segment

Time Is Controversial

Now that we have reviewed the definitions of key terms, we can move forward to what some/many scientists say about time.

Many scientists as well as philosophers think time is an illusion, a social construct, subjective, or mind-dependent. Carl Rovelli, renowned theoretical physicist, wrote *The Order of Time* to expound the same theme.

Kuhn (2022) commented on time in the following terms:

> Why is time controversial? It feels real, always there, inexorably moving forward. Time has flow, runs like a river. Time has direction, always advances. Time has order, one thing after another. Time has duration, a quantifiable period between events. Time has a privileged present,only now is real. Time seems to be the universal background through which all events proceed, such that order can be sequenced and durations measured. (para.1)

> The question is whether these features are actual realities of the physical world or artificial constructs of human mentality. Time may not be what time seems — this smooth unity without parts, the ever-existing stage on which all happenings happen. (para. 2)

In the next section, *Is time physical?* Kuhn, in his public television series "Closer to Truth," interviewed philosophers and scientists, most of whom believed time is illusory. He cited the philosopher Huw Price, of Cambridge University, who claimed the three basic properties of time: a present that's special, the flow of time and its direction are just mental constructs that are not objectively real.

Einstein's general theory of relativity posits time as a fourth dimension in the spacetime manifold in which neither the three dimensions of space nor time is absolute, but relative.

On this view, space can be warped and light can be bent by gravity as in what is called gravitational lensing, which the Hubble Space Telescope can detect. Galaxies that are very far away have their light distorted by closer clusters whose tremendous gravity acts like a giant magnifying glass allowing the more distant ones to be observed. Space, whether warped or not by gravity, can contain wormholes that theoretically act like as a shortcut that allows travel between two distant regions of space.However, as Steven Hawking said, the laws of relativity and quantum mechanics conspire to make construction of time machines impossible.

Time is measured by clock; the most accurate uses the oscillations of an atom of Cesium 133, which vary one second in about every 300 million years. That clock feeds time to every computer, cell phone, GPS device, etc. in the United States. It was built and is being maintained by the Department of Commerce's National Institute of Standards and Technology (NIST) in Boulder, CO. Scientists define asecond using the frequency of this atomic clock. That frequency is 9,192,631,770 hertz (or cycles/oscillations per second).

Time is also relative. Time is slower in environments closer to strong gravity and motion, more easily perceptible at great speed, according to Einstein's special theory of relativity. Thus, the clock, even the atomic clock, "ticks" more slowly on the ground than on top of a mountain, and as the clock travels closer to the speed of light, time slows down accordingly. This slowing down is called *time dilation*, and gives rise to the twin paradox, according to which the astronaut twin returns to earth after a long space travel younger than his earthbound brother. The effects of gravity on time clocks requires the GPS satellites in higher orbits of approximately 20,000 km to adjust for the difference to avoid giving wrong directions and distances to people on earth. Even the International Space Station in lower orbitof approximately 400 km can detect minute slowdown of the clock.

The atomic clock described above "ticks" at various rates depending on its environment, i.e., it ticks more slowly in space than down on Earth. An experiment was carried out in 1971 in which two commercial jets carrying four identical and synchronized cesium beam clocks were one traveling eastwards and the other traveling westward and circling the earth twice. The idea was to compare the gain and loss of time in comparison with a clock located at the United States Naval Observatory. The authors were J.C. Hafele of Washington University at St. Louis, Missouri and R.E. Keating of the TimeService Division of United States Naval Observatory in Washington, DC. As *predicted* by general relativity, the clocks traveling eastward should have lost 40 +/- 23 nanoseconds, and the ones moving westward should have gained 275 +/- 21 nanoseconds (Hafele & Keating, 1972). In a followingarticle, the authors published the *observed* relativistic time lost of 59 +/- 10 nanoseconds for the clocks flying eastward and gains of 273 +/- 7 nanoseconds for the clocks flying westward. The authors also remarked that the cesium beam clocks differ among themselves in their frequency, in extreme cases as much as 1 μsec per day. Such differences had to be figured in the calculations. Those differences

notwithstanding, the experimenters concluded that these observed results of gains and losses are unambiguous evidence of time dilation on macroscopic clocks consistent with the prediction of the relativity theory.

Einstein's general theory of relativity gives us the concept of the "block universe," where the past, present and future are all there. Time, therefore, is tenseless. There is no change and no causality.

On the other hand, a number of philosophers and physicists don't buy this hypothesis. To British physicist Julian Barbour, change is real because we can see it, e.g., in a succession of events. Out ofthis perception our brain constructs time as passing, flowing. He concluded that change is real, but timeis not. I find it easy to accept that change is real, but that if "our brain constructs time as passing, flowing," it merely means time is subjective. The question is, does subjective equate to illusory? I think the jury is still out on this question.

The final position is that both time and change are real.

The British physicist and Anglican priest John Polkinghorne rejected the notion of the block universe, which is consistent with the general theory of relativity. To him, the world is constantly changing and becoming.

We have arrived at a crucial point, where I suspect with caution, humility, and a nagging sense of insufficient knowledge, that diverse opinions about time remind me of the diverse opinions of observers of an elephant. Time is such a vast topic that it will continue to baffle and mystify.

Certain philosophers talk about subjective or psychological time just as physicists refers to physical time, which they define and measure with atoms as a social construct. They call it illusory just as someone may define a unicorn and call it mythical.

Debate about Time between Henri Bergson and Albert Einstein

Nathan (2021) related that more than a hundred years ago, the greatest French philosopher of the twentieth century Henri Bergson, and the greatest physicist of the twentieth century Albert Einstein had met at the venerable *Société française de philosophie (French Society of Philosophy)* on April 6, 1922 to discuss the concept of time. Bergson, who was twenty years older than the physicist, already had an illustrious reputation. On the other hand, with the revolutionary theory of relativity, Einstein had shaken the physical world. During the debate he declared that there is no such thing as philosophical time. "*Il n'y a donc pas un temps des philosophes*." (There isn't therefore a philosophical time).

According to Canales (2015), whom Nathan cited in the bibliography along with the works of other authors, Einstein's remark about philosophical time is "incendiary." (p. 5, para. 2). Bergson had argued that Einstein's theory belongs to epistemology rather than physics. But the physicist doubled down, insisting there are but two times, physical (or objective) and psychological (or subjective) time.Bergson countered that time cannot be reduced to physics alone, and if interpreted objectively time has philosophical implications that transcend theoretical physics. He favored intuition over the intellect, and advocated for the é*lan vital* (vital impulse), which is essential for artistic and literary creations, a domain that science has little to say. In fact, Bergson had followers among the writers such as GertrudeStein, T.S. Elliot, William Faulkner.

Bergson's Book *Duration and Simultaneity*

After the debate with Einstein, which the physicist had won in the eyes of history, Henri Bergson wrote a book titled in its English translation *Duration and Simultaneity*, in which the French word *durée* (duration) is construed as time.

The book was introduced by Professor Emeritus Herbert Dingle, physicist and philosopher of science, who began teaching natural philosophy at King College in 1938, and continued teaching history and philosophy of science at University College London in 1945 until retirement in 1955, according to Wikipedia.

In a long introduction, Herbert Dingle severely criticized Einstein's special theory of relativity (STR). The point of contention is "asymmetrical aging," better known as twin paradox, clock paradox or clock problem. He castigated the physicists for their theories adorned with mathematical formulas, for their ability to command the attention of the world, ignoring the fact scientists are a community with rigorous standards of accountability. We note that science without mathematics and measurements is quasi indistinguishable from philosophy. Even Bergson used math formulas, and modern philosophers of science don't shy away from formulas in their arguments.

As soon as a new scientific theory is proposed, swarms of interested scientists immediately begin picking it apart, testing it, trying to falsify or confirm it, and continually debating it publicly or privately. A scientific theory bears the burden of describing, explaining, and predicting. The predictive power of the scientific theory is one of its *raison d'être.* Even accepted theories continue to have dissenters and critics who try to demolish, modify, or improve them. Dingle continued his quixotic crusade against STR by writing journal articles and letters to the editor. But other scientists found him unconvincing, and ignored him.

One crucial thing to remember when judging the role of science is not that it is infallible (it makes mistakes too), but that it is useful in everyday life. It's science that uncovers the mysteries of the universe thereby facilitating technology and engineering in their applications.

In Chapter 1 of his book, Bergson (1922) discussed Half-Relativity, in which he mentioned the Michelson-Morley experiment, conducted between April and July 1887, which used the interferometer to test the presence of the luminiferous ether, through which light was supposed to propagate. If the luminiferous ether exists, it should produce a drag on light. Albert A. Michelson and Edward W. Morley were both at Case Western University in Cleveland, Ohio. The experiments to test the presence of luminiferous ether continued throughout the twentieth century and into the twenty-first with more sophisticated instruments. The original interferometer is an apparatus consisting of four metal arms at right angle from each other; (1) a light source at the end of one arm; (2) a half-silvered mirror called beam splitter located at the center to direct the light beam from the source along (3) two adjacent perpendicular arms at the ends of which a mirror serves to send the light beam back to (4) an observing scope located on the end of the fourth arm. The interferometer was placed on a stone block floating ina trough of mercury in the basement to eliminate vibrations. The purpose is to compare the speed of light with and without the ether. If the luminiferous ether is stationary, one of the two light beams would be subject to a drag. Michelson found little drag so little as to be negligible. Therefore, a null result. Other experiments performed in different countries over almost a hundred and fifty years came up with similar results.

Bergson expounded his idea about simultaneity. How to synchronize clocks that are far apart? Through the ether. But the ether does not exist as shown Michelson-Morley experiment. Written in 1922, the book could not have included the results of experimentation conducted in 1971 by Hafele and Keating described above. Bergson himself died on 4 January 1941. However, he gave a fairly thorough treatment complete with mathematical formulas borrowed from science in this chapter.

Chapter Two is about Complete Relativity, about STR. Bergson retained the theory's time dilation, length contraction, and the breakup of simultaneity. He then developed his argument for the reciprocity of motion by way of the non-existent ether. He argued that this ether, though non-existent, serves as an artifact to make the math work. I'm in no position to contest this contention, but it sounds suspicious. Most well-known criticisms focus on the reciprocity of motion. If one observer/clock A is stationary and her counterpart A' is in motion, say, on a moving train, there is no way to tell for certain which one is mobile, which is immobile. In other words, A could affirm she stands still and A' is moving. Likewise, A' is equally sure that she is the one who stays put, and that A is moving. Relativity theory says both are correct in their frame of reference, provided motion is uniform, without acceleration. If so, one can claim there are no moving clocks and hence, no time dilation or length contraction. Such an argument is spurious, though. As a matter of fact, A is stationary and A' is on a moving train.

***

The discussion of time comes in Chapter 3. Instead of downgrading time as illusory, Bergson recognized it as central to our "inner life." It's psychological time all of us experience every day.

> There is no doubt but that for us time is a first identical with the continuity of our inner life. What is this continuity? That of a flow or passage, but a self-sufficient flow or passage, the flow not implying a thing that flows, and the passing not presupposing states through which we pass; the *thing* and the *state* are only artificially taken snapshots of the transition; and this transition, all that is naturally experienced, is duration (*durée*) itself. It is memory, but personal memory external to what it retains, distinct from the past whose preservation it assures; it is memory within change itself, it is a memory that prolongs the before into the after keeping them from being mere snapshots appearing and disappearing in a present ceaselessly being reborn. (Chapter 3, p. 44).

In the above passage Bergson recognized time as lived by us every day. We sense time flowing and passing. But the things that flow and the states that pass occur only as "snapshots of the transition" in our consciousness. And that transition is "*durée*" (duration), is time, a backdrop against which the life we live unfolds. It is memory, history, if you will, that is preserved amid constant change of the "now" that is constantly is being reborn, but existing outside what actually happened. Bergson was talking about psychological time, the kind that Einstein was referring to in the debate with the philosopher.

Let's delve further into Bergson's thought in light of McTaggart's theory. That time is continuity implies time just is without beginning or end, i.e., is tenseless. "In our inner life" implies in "our" consciousness, completely subjective. Bergson didn't say anything about time outside of our consciousness. Do change and time exist outside of human consciousness? Are they real? McTaggart did elaborate upon reality, being, and existence. This is an ontological question to investigate. It is obvious that change is real. From the hypothesized Big Bang till now the Universe bears witness to change.
The birth of elements that form stars, galaxies, planets, Earth, life, and eventually humans testify that change is real without human agency. Likewise, if time exists outside human consciousness, we don't

know it except through our thoughts, which are the products of mind, which in turn is the product of our brain. Here, we are confronted with the Cartesian mind-body dualism. But that is a question for a philosophy of mind. When a human dies his brain also dies. End of the story? No, Plato believed the soul lives on. Where? That's another question for philosophy and theology to tackle.

Is Bergson's inner life real? If it's real, it isn't illusory. Within our consciousness, Bergson didn't discuss chronological age and biological age. Neurologists, psychologists and biologists ought to have something to say about these. Outside of our consciousness (?) there is geological time that we earthlings experience and which accounts for the age of rocks, fossils of dinosaurs and plants. Perhaps geologists, archaeologists, and paleontologists among others would be a source of information about this kind of time. An objection may be raised that nothing exists outside of our consciousness, but that's a question for philosophers of mind, theologians, and perhaps neurologists, and neuro- psychologists.

Bergson claimed that "Time is transition," i.e.
, changes from one state to the next without an agent to witness it. Transition also implies passing from one thing or state to another. That amounts to McTaggart's B-series where time consists of "before" and "after," i.e., time is tenseless. Time is "*durée*" (duration), i.e., it has extent, length, and lasts, again is tenseless. Transition also implies motion; and motion is convincingly treated by Einstein's STR.Motion, like gravity, affects time as in time dilation and space as in length contraction.

To Bergson time as memory or history that exists outside things, events and states of the world, as a background, a stage where the "players" act, exist, and ultimately exit. What if the "actors" exit for good? Would it be the end of the universe as we know it? McTaggart would have characterized that time as tenseless. But memory exists only in our consciousness. And history too is arguably, at least partly, subjective. That's again an ontological question.

Let's pause here to absorb what we've discovered about Bergson's book so far. Chapter 3 is about time, just what we've been wanting to learn from the greatest French philosopher in the twentieth century. Although Henri Bergson was eclipsed after his debate with Albert Einstein in 1921, his thoughts are still worthwhile whether we agree with him or not. Let's note the French philosopher Gilles Deleuze, active during the second half of the twentieth century, re-discovered him. ■

(To be continued)

Thomas D. Le
5 May 2023.

Back to Contents

Bibliography - The Big and Not-So-Big Questions

Age of the universe. (2021, July 11). In *Wikipedia*. Retrieved July 15, 2021 from
https://en.wikipedia.org/wiki/Age_of_the_universe

Anderson, E. (2017). *The Problem of Time: Quantum Mechanics versus General Relativity.* [eBook Edition], Springer. Retrieved May 31, 2022 from **https://www.pdfdrive.com/the-problem-of-time-quantum-mechanics-versus-general-relativity-e185955505.html**

Anthropic principle. (2021, July 2). In *Wikipedia*. Retrieved July 28, 2021 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Anthropic_principle**

Aspen Institute. (2015, July 10). *New Theories on the Origin of Life with Dr. Eric Smith.* [Video]. YouTube. Retrieved July 3, 2021 from **https://www.youtube.com/watch?v=0cwvj0XBKlE**

Barrow, J.D. & Tipler, F. J. (1986). *The Anthropic Cosmological Principle*. [eBook edition]. Clarendon Press. Retrieved July 19, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/the-anthropic-cosmological-principle-e183647017.html**

Big Bang. (2021, June 29). In *Wikipedia*. Retrieved June 30, 2021 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Big_Bang**

Big Bounce. (2021, June 14). In *Wikipedia*. Retrieved July 20, 2021 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Big_Bounce**

Big History. (2021, June 29). In *Wikipedia*. Retrieved June 30, 2021 from ***https://en.wikipedia.org/wiki/Big_History***

Big Rip, (2021, July 15). In *Wikipedia*. Retrieved July 30, 2021 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Big_Rip**

Blackburn, S. (2018). *On Truth*, [eBook edition], Oxford University Press. Retrieved January 4, 2023 from **https://www.pdfdrive.com/on-truth-d187537547.html**

Boccardi, E. (2015). "Turning the Tables on McTaggart". *Semantic Scholar*. Retrieved July 20, 2022 from **https://www.semanticscholar.org/paper/Turning-the-Tables-on-McTaggart-Boccardi/af248ba64fcca43634f4fcd5b024a02390488cf8**

Bolton, M. (2022). "Primary and Secondary Qualities in Early Modern Philosophy". *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved January 15, 2023 from **https://plato.stanford.edu/entries/qualities-prim-sec/**

Bostrom, N. (2002). *Anthropic Bias. Observation Selection Effects in Science and Philosophy*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved July 17, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/anthropic-bias-observation-selection-effects-in-science-and-philosophy-studies-in-philosophy-e156691550.html**

Brown, C.S. (2007). *Big History: From the Big Bang to the Present.* [eBook edition]. The New Press. Retrieved July 4, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/big-history-from-the-big-bang-to-the-present-e194403518.html**

Brumfiel, G. (2014, November 3). "New Clocks May End Time as We Know It." *npr Morning Edition.* Retrieved April 23, 2023 from **https://www.npr.org/2014/11/03/361069820/new-clock-may-end-time-as-we-know-it**

Buchanan, E. (1962). *Aristotle's Theory of Being*. [eBook edition]. University, Mississippi Retrieved May 10, 2022 from **https://book4you.org/book/1249682/d4470d**

Buonomano, D. (n.d.). *Your Brain Is a Time Machine: The Neuroscience and Physics of Time.* [eBook edition]. Retrieved April 25, 2023 from

Canales, J. (2015). *The Physicist and the Philosopher: Einstein, Bergson, and the Debate That Changed our Understanding of Time.* [eBook edition]. Princeton University Press. Retrieved October 13, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/the-physicist-the-philosopher-einstein-bergson-and-the-debate-that-changed-our-understanding-of-time-e157932307.html**

Carlo Rovelli. (2021, October 17), In *Wikipedi*a, Retrieved October 19, 2021 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Carlo_Rovelli**

Carroll, S. (2010). *From Eternity to Here: The Quest for the Ultimate Theory of Time.* [eBook edition]. Dutton. Retrieved June 30, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/from-eternity-to-here-the-quest-for-the-ultimate-theory-of-time-e162012397.html**

Carroll, S. (2016). *The Big Picture*: *On the Origin of Life, Meaning and the Universe Itself.* [eBook edition]. Oneworld Publications. Retrieved June 30, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/the-big-picture-on-the-origins-of-life-meaning-and-the-universe-itself-e158259011.html**

Categories of Being. (2022, May 3). In *Wikipedia*. Retrieved May 11, 2022 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Category_of_being**

Chernyakow, A. (2006)**.** *The Ontology of Time: Being and Time in the Philosophies of Aristotle, Husserl and Heidergger.* Springer. [eBook edition]. Retrieved October 13, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/the-ontology-of-time-being-and-time-in-the-philosophies-of-aristotle-husserl-and-heidegger-e175862163.html**

Christian, D. (2004). *Maps of Time:An Introduction to Big History.* [eBook edition]. University of California Press. Retrieved July 4, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/maps-of-time-introduction-to-big-history-d158504984.html**

Christian, D. (2008). *Big History: The Big Bang, Life on Earth, and the Rise of Humanity.* [eBook edition]. Retrieved July 2, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/big-history-the-big-bang-life-on-earth-and-the-rise-of-humanity-e12062963.html**

Chronology of the universe. (2021, June 29). In *Wikipedia*. Retrieved June 30, 2021 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Chronology_of_the_universe**

Commonwealth Club of California. (2020, February 28). *Brian Greene: Mind, Matter And The Search For Meaning*. [Video]. YouTube. Retrieved June 30, 2021 from **https://www.youtube.com/watch?v=Ti1bniNNCmc**

Conseil économique social et environnemental.(2017, September 19). *"L'ORIGINE DE LA VIE" -* Hubert REEVES, conférence exceptionnelle. [Video]. YouTube. Retrieved June 22, 2021

from **https://www.youtube.com/watch?v=X1yJsJxB82Y**

Coope, U. (2005), *Time for Aristotle: Physics IV.10–14*, [eBook edition]. Clarendon Press Oxford. Retrieved September 1, 2021 from **https://epdf.pub/time-for-aristotle-oxford-aristotle-studies.html**

Copernicus Center for Interdisciplinary Studies. (2019, March 24). *Daniel Everett, How Language Began: The History of Humanity's Greatest Invention [reupload]*. [Video]. YouTube. Liveright Publishing Corporation. Retrieved June 4, 2021 from **https://www.youtube.com/watch?v=1ALWRbmAwzY**

Cordero, N-L. (2004). *By Being, It Is : The Thesis of Parmenides.* [eBook edition]. Parmenides Publishing. Retrieved , April 27, 2022 from **https://www.pdfdrive.com/by-being-it-is-the-thesis-of-parmenides-e157986438.html**

Correspondence Theory of Fact. (2022, October 22). In *Wikipedia*. Retrieved January 3, 2023 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Correspondence_theory_of_truth**

Costa, D. (n.d.). "Persistence in Time" In *Internet Encyclopedia of Philosophy.* Retrieved September 1, 2021 from **https://iep.utm.edu/per-time/**

Craig, W.M. & Smith, Q. (2008). *Einstein, Relativity, and Absolute Simultaneity*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved July 22, 2022 from **https://book4you.org/book/498934/7c1702**

Cummings. R. (n.d..). *The Girl in the Golden Atom*. [eBook edition]. Retrieved July 18, 2022 from **https://www.pdfdrive.com/the-girl-in-the-golden-atom-d185154768.html**

Dark Energy. (2021, June 26). In *Wikipedia*. Retrieved July 2, 2021 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Dark_energy**

Dark Matter. (2021, June 26). In *Wikipedia*. Retrieved July 2, 2021 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Dark_matter**

Davies, P. (1995). *About Time: Einstein's Unfinished Revolution.* [eBook edition]. Simon & Schuster Paperbacks. Retrieved May 5, 2022 from **https://b-ok.cc/book/703367/03b6a5?dsource=recommend**

Davies, P. (2006). *The Goldilocks Enigma: Why Is the Universe Just Right for Life?* [eBook edition]. Houghton Mifflin Company. Retrieved July 19, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/the-goldilocks-enigma-why-is-the-universe-just-right-for-life-d158368729.html**

Deppe, S. (2016). The Mind-Dependence of the Relational Structure of Time (or: What Henri Bergson Would Say to B-theorists), *KRITERION – Journal of Philosophy*.https://doi.org/10.1515/krt-2016-300209. Retrieved April 18, 2023 from **https://www.degruyter.com/document/doi/10.1515/krt-2016-300209/html**

Discovery Science. (2019, June 29). *Stephen Meyer: Fine-Tuning and the Origin of the Universe.* [Video]. YouTube. Retrieved July 12, 2021from **https://www.youtube.com/watch?v=GQ7GBZm087Y**

Dodd, J. (2008, orig. 2000). *An Identity Theory of Truth*. [eBook ediiton]. Palgrave Macmillan. Retrieved January 4, 2023 from **https://www.pdfdrive.com/an-identity-theory-of-truth-d190079513.html**

Dowden, B. (n.d.). "Time". In *Internet Encyclopedia of Philosophy.* Retrieved September 1, 2021 from **https://iep.utm.edu/time/**

Dowden, B. & Swartz, N. (n.d.. "Truth". Internet Encyclopedia of Philosophy. Retrieved January 16, 2023 fr **https://iep.utm.edu/truth/**

Einstein Forum. (2018, November 12). *How Language Began. Homo erectus and the Origin of Language.* [Video]. YouTube. Retrieved June 4, 2021 from **https://www.youtube.com/watch?v=1hVijQZLEeM&t=1875s**

Emery, N. (2020). "Time". In *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved September 1, 2021from **https://plato.stanford.edu/entries/time/**

Englebretson, G. (2006).*Bare Facts and Naked Truths: A New Correspondence Theory of Truth*. [eBook Edition] Ashgate Publishing Limited. Retrieved January 3, 2023 from **https://www.pdfdrive.com/bare-facts-and-naked-truths-a-new-correspondence-theory-of-truth-e181054469.html**

Epstein, R.L. (1990). *The Semantics Foundation of Logic. Volume 1:Propositional Logics*. SPRINGER-SCIENCE+BUSINESS MEDIA, B.V. [eBook edition]. Retrieved January 10, 2023 **https://www.pdfdrive.com/the-semantic-foundations-of-logic-volume-1-propositional-logics-e166072103.html**

Everett, D.L. (2017). *How Language Began: The Story of Humanity's Greatest Invention.* [eBook edition]. Liveright Publishing Corporation. Retrieved June 4, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/how-language-began-the-story-of-humanitys-greatest-invention-e199784005.html**

Evident one9teen. (2019, December 6). *The Fine Tuning of the Universe | Intelligent Design - Dr. Frank Turek.* [Video]. YouTube. Retrieved July 12, 2021 from **https://www.youtube.com/watch?v=U5om87mchGs**

Fact. (2922, November 2022). In *Wikipedia*. Retrieved January 3, 2023 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Fact**

Feynman, R., Leighton, R.B. & Sands, M., (2006, orig. 1963), *The Feynman Lectures on Physics, New Millennium Edition*.[eBook edition]. Basic Books. Retrieved April 24, 2023 from **https://www.pdfdrive.com/the-feynman-lectures-on-physics-vol-iiiiii-the-new-millennium-edition-d187899034.html**

Folger, T. (2007, December 19). "Newsflash: Time May Not Exist". *Discover Magazine*. Retrieved May 12, 2022 from **https://www.discovermagazine.com/the-sciences/newsflash-time-may-not-exist**

Frederick, S. (2017, August 22). Fine-Tuning. *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved July 18, 2021 from **https://plato.stanford.edu/entries/fine-tuning/**

Future of an expanding universe. (2021, July 11). In *Wikipedia*. Retrieved July 13, 2021 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Future_of_an_expanding_universe**

Glanzberg, M (2018). "Truth". *Stanford Encyclopedia of Philosophy.* Retrieved January 3, 2023 from **https://plato.stanford.edu/entries/truth/**

Gasperini, M. (2008). *The Universe Before the Big Bang: Cosmology and String Theory.* [eBook edition]. Springer-Verlag. Retrieved June 1, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/the-universe-before-the-big-bang-cosmology-and-string-theory-d158498383.html**

Gewerth, A. (1953). "Aristotle's Doctrine of Being." *The Philosophical Review*, Vol. 62, No. 4 (Oct, 1953). 577-589. Retrieved May 10, 2022 from **https://book4you.org/book/1319466/2ea890**

Gorbunov, D. S. & Rubakov, V. A. (2011). *Introduction to Theory of the Early Universe: The Hot Big Bang, 2nd Ed.* [eBook edition]. World Scientific Publishing Co. Pte. Ltd. Retrieved May 31, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/introduction-to-the-theory-of-the-early-universe-hot-big-bang-theory-d162207165.html**

Green, M. (2014). "Speech Acts". *Stanford Encyclopedia of Philosophy.* Retrieved December 28, 2022 from **https://plato.stanford.edu/archives/win2017/entries/speech-acts**

Gribbin, J. (2017, orig. 1993). *In the Beginning: After COBE and Before the Big Bang*. [eBook edition]. Venture Press. Retrieved July 18, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/in-the-beginning-after-cobe-and-before-the-big-bang-e157062592.html**

Haasparanta, L. & Koskinen, H. J., eds. (2012). *Categories of Being: Essays in Metaphysics and Logic*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved May 11, 2022 from **https://www.pdfdrive.com/categories-of-being-essays-on-metaphysics-and-logic-e188638353.html**

Hafele, J.C & Keating, R,F. (1972, July 14). Around-the-Worlds Atomic Clocks: Predicted Relativistic Time Gains. Science, Volume 177, Issue 4044 , Retrieved May 1, 2023 from https://www.science.org/doi/10.1126/science.177.4044.168

Hafele, J.C & Keating, R,F. (1972, July 14). Around-the-Worlds Atomic Clocks: Predicted Relativistic Time Gains. Science, Volume 177, Issue 4044. Retrieved May 1, 2023 from https://www.science.org/doi/10.1126/science.177.4044.168

Hawking, S. (1993). *Hawking on the Big Bang and Black Holes (Advanced Series in Astrophysics and Cosmology, Vol 8)*. [eBook edition]. World Scientific Publishing Co. Pte. Ltd. Retrieved June 1, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/a-brief-history-of-time-e193703119.html**

Hawking, S. (1998). *A Brief History of Time*. **[**eBook edition]. Bantam. Retrieved May 20, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/a-brief-history-of-time-e193703119.html**

Hawking, S. (2018). *Brief Answers to the Big Questions.* **[**eBook edition]. Retrieved May 20, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/brief-answers-to-the-big-questions-d196864263.html**

Hawking, S. & Molodinow, L. (2010). *The Grand Design*. **[**eBook edition]. Bantam. Retrieved June **22,** 2021 from **https://www.pdfdrive.com/stephen-hawking-the-grand-designpdf-d55020535.html**

Herbert Dingle. (2023, February 11), In *Wikipedia*. Retrieved May 3, 2023 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Herbert_Dingle**

Heat death of the universe. (2021, July 30).In *Wikipedia*. Retrieved July 30, 2021 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Heat_death_of_the_universe**

Heisenberg, W. (1958). *Physics and Philosophy: The Revolution in Modern Science.* **[**eBook edition]. Harper & Brothers Publishers. Retrieved May 31, 2002 from **https://www.pdfdrive.com/physics-and-philosophy-the-revolution-in-modern-science-e185068815.html**

Hunter, J. (n.d.). "Time Travel". *Internet Encyclopedia of Philosophy.* Retrieved September 1, 2021 from **https://iep.utm.edu/timetrav/**

Inflation (cosmology). (2021, July 12). In *Wikipedia*. Retrieved July 15, 2021 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Inflation_(cosmology)**

Inflationary epoch. (2021, May 7). In *Wikipedia*. Retrieved July 20, 2021 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Inflationary_epoch**

Ingthorsson, R.D. (2016). *McTaggart's Paradox.* [eBook edition]. Routledge. Retrieved October 7, 2022 from **https://u1lib.org/book/3618897/a1ce73**

Jaffe, A. (2018). Is Time an Illusion. *Natur*e 556, (304-305). Retrieved April 24, 2023 from **https://www.nature.com/articles/d41586-018-04558-7**

James R. Killian, Jr. Lecture Series. (2015, November 10). *Language: The Cognitive Revolution - Noam Chomsky.* [Video]. YouTube. Retrieved June 22, 2021 from **https://www.youtube.com/watch?v=0hzCOsQJ8Schttps://www.youtube.com/watch?v=0hzCOsQJ8Sc**

Kahn, C. (2009). *Essays on Being*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved May 11, 2022 from **https://www.pdfdrive.com/essays-on-being-d187989985.html**

Kelly, M. (n.d.)."Phenomenology and Time-Consciousness". In *Internet Encyclopedia of Philosophy.* Retrieved September 1, 2021 from **https://iep.utm.edu/phe-time/**

Kennedy, J. B. (2003). *Space, Time and Einstein: An Introduction*. **[**eBook edition]. Acumen Publishing Limited. Retrieved June 22, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/space-time-and-the-texture-of-reality-brian-greenepdf-d52141980.html**

Kirk, G.S., Raven, J.E. & Schofield, M. (1983, orig. 1957). *The Presocratic Philosophers, 2nd Ed*. Cambridge University Press.

Kirkham, R.L.(2001, orig, 1992). *Theories of Truth: A Critical Introduction*. [eBook Edition]. The MIT Press. Retrieved January 3, 2023 from **https://www.pdfdrive.com/theories-of-truth-a-critical-introduction-e183707329.html**

Kuhn, R. L. (2022, August 26). *The Illusion of Time: What's Real?*. Space.com, Retrieved March 23, 2023 from **https://www.space.com/29859-the-illusion-of-time.html**

Künne, W. (2003). *Conceptions of Truth*. [eBook Edition]. Oxford University Press. Retrieved January 3, 2023 from **https://www.pdfdrive.com/conceptions-of-truth-d191702904.html**

Lederman, L. (2006. orig. 1993). *The God Particle: If the Universe Is the Answer, What Is the Question.* **[**eBook edition]. Houghton Mifflin Company. Retrieved July 12, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/the-god-particle-if-the-universe-is-the-answer-what-is-the-question-e194075715.h**

Le Poidevin, R. & Murray, M. (eds.) (1993). *Philosophy of Time*. **[**eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved May 7, 2022 from **https://www.pdfdrive.com/the-philosophy-of-time-d186430007.html**

Le Poidevin, R. **(**ed.**)** (1998). *Questions of Time and Tense*. **[**eBook edition]. Clarendon Press. Retrieved May 4, 2022 from **https://book4you.org/book/2039145/bea57b**

Le Poidevin, R. (2017). *The Images of Time: An Essay on Temporal Representation*. **[**eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved October 21, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/the-images-of-time-an-essay-on-temporal-representation-d184483895.html**

Le Poidevin, R. (2019). The Experience and Perception of Time. In *Stanford Encyclopedia of Philosophy***.** Retrieved October 20, 2021 from **https://plato.stanford.edu/entries/time-experience/**

Library of Congress. *The Emergence of Life: On Earth (Session 1)***.** [Video]. YouTube. Retrieved July 5, 2021 from **https://www.youtube.com/watch?v=-DqigTtmGVM**

Library of Congress. (2017b, March 2). *The Emergence of Life: On Earth* (Session 2). [Video]. YouTube. Retrieved July 5, 2021from **https://www.youtube.com/watch?v=JjKj7wn60sI**

Library of Congress. (2017c, March 2). *The Emergence of Life: Elsewhere & Closing Remarks (Session 3).* [Video]. YouTube. Retrieved July 5, 2021from **https://www.youtube.com/watch?v=JjKj7wn60sI**

Lerner, E. J. (1991). *The Big Bang Never Happened*. Vintage Book. [eBook edition]. Retrieved July 9, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/the-big-bang-never-happened-d31616635.html**

LSE Philosophy. (2016, July 27). *Carlo Rovelli: "Why Physics needs Philosophy"*. [Video]. YouTube. Retrieved October 5, 2021 from **https://www.youtube.com/watch?v=IJ0uPkG-pr4**

Lynch,M. (2002). *The Nature of Truth: Classic and Contemporary Perspectives*. [eBook Edition]. The MIT Press. Retrieved January 3, 2023 from **https://www.pdfdrive.com/the-nature-of-truth-classic-and-contemporary-perspectives-e158558163.html**

MacBride, F. (2020). "Relations". *Stanford Encyclopedia of Philosophy.* Retrieved January 3, 2023 from **https://plato.stanford.edu/entries/relations/**

Manning, L, Cassel, D. & Cassel, J.-C.. (2013). "St. Augustine's Reflections on Memory and Time and the Current Concept of Subjective Time in Mental Time Travel". *Behavioral Sciences.*

3, 232–243. Retrieved October 20, 2021, from **https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC4217622/**

Marx, W. (1977). *Introduction to Aristotle's Theory of Being as Being.* [eBook edition] **https://book4you.org/book/5889233/03fbdc**

McAndrew, A . (2003). "The Big Bang Is not a Myth". *Alec's Evolution Pages.* Retrieved July 9, 2021from **http://www.evolutionpages.com/big_bang_no_myth.htm**

McLure, R, (2004), *The Philosophy of Time: Time before times***. [**eBook edition]. Routledge. Retrieved October 8. 2021 from **https://epdf.pub/the-philosophy-of-time-time-before-times-routledge-studies-in-twentieth-century-.html**

McNeill, D. (2012). *How Language Began: Gesture and Speech in Human Evolution*. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved June 4, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/how-language-began-gesture-and-speech-in-human-evolution-d163303442.htm**

McTaggart, J. E.(1908),The Unreality of Time. *Mind*, New Series, Vol. 17, No. 68 (Oct., 1908), pp. 457-474. Published by: Oxford University Press on behalf of the Mind Association. Stable URL: **http://www.jstor.org/stable/2248314** .

McTaggart, J.E.M. (1921) *The Nature of Existence*. Vol I. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved Jul 11, 2022 from **https://epdf.pub/the-nature-of-existence-vol-1.html**

McTaggart, J.E.M. (1927) *The Nature of Existence*. Vol 2. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved Jul 11, 2022 from **https://epdf.pub/the-nature-of-existence-vol-2.html**

Mental state. (2022, December 27). In *Wikipedia*. Retrieved December 29, 2022 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Mental_state**

Merricks, T. (2007). *Truth and Ontology.* [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved January 4, 2023 from **https://www.pdfdrive.com/truth-and-ontology-d159096120.html**

Meyer, U. (2013), *The Nature of Time*. Oxford University Press. [eBook edition]. Retrieved October 18, 2021, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/the-nature-of-time-d189004390.html**

Michelson-Morley experiment. (2023, April 24). In *Wikipedia*. Retrieved May 5, 2023 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Michelson%E2%80%93Morley_experiment**

Moskowitz, C (2013, April 26). Controversially, Physicist Argues Time Is Real. *Live Science.* Retrieved April 24, 2023 from **https://www.livescience.com/29081-time-real-illusion-smolin.html**

Mulligan, K. and Corriea. F. (2020). "Facts". *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved January 3, 2023 from **https://plato.stanford.edu/entries/facts/**

Nathan, M,J. (2021, February 22). Does anybody really know what time it is? *Hist Philos Life Sci.* 2021; 43(1): 26. doi: 10.1007/s40656-021-00381-y. Retrieved April 26, 2023 from **https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC7899069/**

Newman, A. (2004). *The Correspondence Theory of Truth; An Essay on the Metaphysics of Predication.*. [eBook Edition]. Cambridge University Press. Retrieved January 3, 2023 from **https://www.pdfdrive.com/the-correspondence-theory-of-truth-an-essay-on-the-metaphysics-of-predication-d188726392.html**

New Scientist. (2020. April 10). *Carlo Rovelli: The nature of time*. [Video]. YouTube. Retrieved October 7, 2021 from **https://www.youtube.com/watch?v=NrjFE_Rd2OQ**

Noica, C. (), *Becoming within Being*. [eBook edition]. Marquette University Press. Retrieved May 11. 2022 from **https://book4you.org/book/847198/fdd482**

Owens, J. (1978, orig.1951). *The Doctrine of Being in the Aristotelian Metaphysics. 3rd ed.* [eBook edition]. Pontifical Institute of Mediaeval Studies. Retrieved May 10, 2022 from **https://www.pdfdrive.com/doctrine-of-being-in-the-aristotelian-metaphysics-d162144333.html**

Panek, R. (2011). *The 4 Percent Universe: Dark Matter, Dark Energy, and The Race to Discover the Rest of Reality.* [eBook edition]. Houghton Mifflin Harcourt. Retrieved July 2, 2021 from h**ttps://www.pdfdrive.com/the-4-percent-universe-dark-matter-dark-energy-and-the-race-to-discover-the-rest-of-reality-e158339952.html**

Penn State. (2007, July 3). What Happened Before The Big Bang?. *ScienceDaily*. Retrieved July 20, 2021 from **www.sciencedaily.com/releases/2007/07/070702084231.htm**

Pross, A. (2010). *What is Life? How Chemistry becomes Biology.*[eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved June 22, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/what-is-life-how-chemistry-becomes-biology- e184595930.html**

Rasmussen, J. (2014), *Defending the Correspondence Theory of Truth.* [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved January 4, 2023 from **https://www.pdfdrive.com/defending-the-correspondence-theory-of-truth-d157788079.html**

Ray, C. (1991). *Time, Space and Philosophy: Philosophical Issues in Science*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved October 10, 2021 from **https://epdf.pub/time-space-and-philosophy.html**

Reale, G. (1987). *A History of Ancient Philosophy: 1. From the Origins to Socrates.* State University of New York Press.

Redshift. (2021, July 10). In *Wikipedia*. Retrieved July 15, 2021 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Redshift**

Rescher, N. (1975). *A Theory of Possibility*. [eBook edition]. Oxford Basil Blackwell. Retrieved December 29, 2022 from **https://www.pdfdrive.com/foundations-of-speech-act-theory-philosophical-and-linguistic-perspectives-d157200268.htm**

Relations (philosophy). (). In *Wikipeda*. Retrieved January 3, 2023 from

Roark, T. (2011). *Aristotle on Time: A Study of the Physic*s. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved September 1, 2021from **https://epdf.pub/aristotle-on-time-a-study-of-the-physics.html**

Robert, J. & Matton, P. (2004). *Du Big Bang au Village Planetaire*. [eBook edition]. Éditions MultiMondes. Retrieved June 1, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/du-big-bang-au-village-planetaire-e185519076.html**

Ross, W.R. (1936). *Aristotle's Physics*. [eBook edition]. Oxford at the Clarendon Press. Retrieved October 26, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/aristotles-physics-e161913368.html**

Rovelli, C. (2014). *Seven Brief Lessons on Physics,*.[eBook edition]. Penguin. Retrieved October 18, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/seven-brief-lessons-on-physics-d177768018.html**

Rovelli, C. (2018). *The Order of Time*. [eBook edition]. Riverhead Books. Retrieved October 18, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/the-order-of-time-e187552996.html**

The Royal Institution. (2017, November 22). *The Big Picture: From the Big Bang to the Meaning of Life - with Sean Carroll.* [Video]. YouTube. Retrieved July 10, 2021 from **https://www.youtube.com/watch?v=2JsKwyRFiYY**

The Royal Institution**.** (2018, Jun 13). *The Physics and Philosophy of Time - with Carlo Rovelli.* [Video]. YouTube. Retrieved October 7, 2021 from **https://www.youtube.com/watch?v=-6rWqJhDv7M**

The Royal Institution. (2019, December 19). *What is Life? Paul Nurse.* [Video]. YouTube. Retrieved July 3, 2021 from **https://www.youtube.com/watch?v=_z-SUo2wP4I**

The Royal Institution. (2020, March 5*).What Happened At The Beginning Of Time? - with Dan Hooper.* [Video]. YouTube. Retrieved July 16, 2021 from **https://www.youtube.com/watch?v=dB7d89-YHjM**

Ryan, J.(tr) (1960). *The Confessions of Saint Augustine*. [eBook edition]. Doubleday,. Retrieved June 22, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/the-confessions-of-saint-augustine-image-books-by-saint-augustine-and-translated-e157058700.html**

Sachs, J. (n.d.). "Aristotle: Motion". In *Internet Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved May 11. 2022 from **https://iep.utm.edu/aristotle-motion/**

Savitt, S. (2021). "Being and Becoming in Modern Physics". In *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved May 7. 2022 from **https://plato.stanford.edu/entries/spacetime-bebecome/**

Schrodinger, E. (1967). *What is life? : the physical aspect of the living cell ; with Mind and matter ; &* Autobiographical sketches. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved June 22, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/what-is-life-the-physical-aspect-of-the-living-cell-with-mind-and-matter-autobiographical-sketches-e157900534.htm**

Second (2022, May 3). In *Wikipedia*. Retrieved May 12, 2022 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Second**

"Serway, R, (2011). *College Physics, Ninth Edition*. [eBook edition]. Brooks/Cole. Retrieved October 19, 2021 from **https://pdfroom.com/books/college-physics-9th-edition/9qXgeRae26P**

Simons Institute. (2015, December 9).*Why Only Us: Language and Evolution*. [Video]. YouTube. Retrieved June 4, 2021 from **https://www.youtube.com/watch?v=ycC5oZqNXsk**

Smolin, L. (2013). *Time Reborn: From the Crisis in Physics to the Future of the Universe*. [eBook edition]. Houghton Mifflin Harcourt. Retrieved April 24, 2023 from **https://www.pdfdrive.com/time-reborn-from-the-crisis-in-physics-to-the-future-of-the-universe-2013-d188038859.html**

Speech Acts. In *Wikipedia* . Retrieved December 28, 2022 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Speech_act**

Stenger, V. J. (2011). *The Fallacy of Fine-Tuning: Why the Universe Is Not Designed for Us*. [eBook edition]. Prometheus Books. Retrieved May 23, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/the-fallacy-of-fine-tuning-why-the-universe-is-not-designed-for-us-e185931530.html**

TED . (2012, April 23). *Why is our universe fine-tuned for life? | Brian Greene.* [Video]. TED. Retrieved April 23, 2021 from **https://www.youtube.com/watch?v=bf7BXwVeyWw&list=TLPQMTIwNzIwMjGKpSFpb4Ie_A&index=2**

Textor, M. (2021, May 12). "States of Affairs". . *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved Jamuary 3, 2023 from **https://plato.stanford.edu/entries/states-of-affairs/**

Thomasson, A. (2004, June 3). "Categories". *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved May 11, 2022 from **https://plato.stan""ford.edu/entries/categories/**

Time. (2021, August 5). In *Wikipedia*, Retrieved September 1. 2021 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Time**

Tooley, M, (1997). *Time, Tense and Causation*. [eBook edition]. Clarendon Press. Retrieved January 21, 2022 from **https://www.pdfdrive.com/time-tense-and-causation-d184119699.html**

Truth, (2022, December 29), In *Wikipedia*. Retrieved January 4, 2023 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Truth**

Turetzky, P. (1998). Time. [eBook edition]. Routledge. Retrieved January 27, 2022 from **https://b-ok.cc/book/1045828/2a23e3**

Ultimate fate of the universe. (2021, July 10). In *Wikipedia*. Retrieved July 15, 2021 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Ultimate_fate_of_the_universe**

Unger, R,M, and Smolin L. (2016). *The Singular Universe and the Reality of Time: A Proposal in Natural Philosophy*.[eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved December 18, 2022 from **https://www.pdfdrive.com/the-singular-universe-and-the-reality-of-time-a-proposal-in-natural-philosophy-e157920169.html**

University of Glasgow. (2020, October 6). *The Evolution of Language: From Speech to Culture |*

Gifford Lectures 2019 | Prof Mark Pagel | Pt 1. [Video]. YouTube. Retrieved June 4, 2021 from **https://www.youtube.com/watch?v=VOZe09ME9Dw**

University of Lousville Library (n.d.), *Critical Thinking and Academic Research: Assumptions.* Retrieved December 24, 2022 from **https://library.louisville.edu/ekstrom/criticalthinking/assumptions**

Weinert, F,(2013) . *The March of Time: Evolving Conceptions of Time in the Light of Scientific Discoveries* [eBook edition]. Springer. Retrieved October 17, 2021 from **https://pdfroom.com/books/the-march-of-time-evolving-conceptions-of-time-in-the-light-of-scientific-discoveries/j9ZdYea8dV4**

Wondrium. (2018, August 7). *What Is Time? | Professor Sean Carroll explains the theories of Presentism and Eternalism*. [Video]. YouTube. Retrieved October 8, 2021 from **https://www.youtube.com/watch?v=MAScJvxCy2Y**

World Science Festival. (2014, October 13). *A Matter of Time*. [Video]. YouTube. Retrieved November 6, 2021 from **https://www.youtube.com/watch?v=G8FnFjqiAWs&t=1690s**

World Science Festival. (2020, January 17). *The Richnesss of Time*. [Video]. YouTube. Retrieved June 30, 2021 from **https://www.youtube.com/watch?v=1FJWvEbeBps&t=1538s**

World Science Festival.(2020, July 30). *WSU: Space, Time, and Einstein with Brian Greene.* [Video]. YouTube. Retrieved June30, 2021 from **https://www.youtube.com/watch?v=Ti1bniNNCmc**

Wrenn, C. (2015). *Truth*. [eBook Edition] Polity Press. Retrieved from **https://www.pdfdrive.com/truth-d195171341.html**

YPO, (2019, March 8). *Carlo Rovelli – The Illusion of Time – YPO EDGE 2019*. [Video]. YouTube. Retrieved November 6, 2021 from **https://www.youtube.com/watch?v=AumrYDQIuEc&t=727s**

Back to Contents

Critical Thinking

by Thomas D. Le

Note: Much I want to do fresh research for the April 2023 segment of Critical Thinking, I simply couldn't find the time. I decided to leave the following text alone for your benefit. You can reread it to refresh your memory on a number of useful concepts. I apologize for the inconvenience.

TDL

Propaganda (continued)

Conditions for the Existence of Propaganda

Let's begin by briefly recapitulating the internal and external characteristics of propaganda we include for clarification only. I have preserved the original structure of the exposition complete with page numbers of ease for reference. This review is motivated by the need to refresh the reader's memory of the complex topics before new materials are presented.

1. The Internal Characteristics of Propaganda

1.1. Knowledge of the Psychological Terrain. (p. 33ff.)

1.1.1 Knowledge of the target of propaganda is essential.

1.1.2 Never make a direct attack on established clichés, patterns, myths.

1.1.3 Propaganda must attach itself to existing ideas, feelings, myths, tendencies, attitudes stemming from the environment of society: schools, churches, workplaces, families, and so on...

1.1.4 Finally, propaganda must pay attention to what is best in a man and make it serve for the good of all.

1.2. Fundamental Currents in Society. (p.38ff.)

Propaganda must reflect fundamental currents of the society it seeks to influence.

1.3. Timeliness. (p. 43ff.)

This characteristic is the very opposite of the preceding one. It is concerned with the daily happenings reported in the news and whose interest is short-lived.

1.4. Propaganda and the Undecided. (p. 49ff.)

The issue of the undecided boils down to just one thing called foci or centers of interest. An individual who cares little in his group life, or his family life, reacts vigorously to his profession because his profession is his center of interest.

1.5. Propaganda and Truth. (p. 52ff.)

The propagandist is concerned with truth, or better yet, accuracy of facts. The popular notion is that propaganda is a bunch of tall tales, of lies.

We thus have two contradictory attitudes, which can be explained as follows: (1) the first is the domain of *facts* that holds: "Truth pays off"; (2) the second is the realm of *intentions* and *interpretations* that asserts: "Falsehood also pays off." This is a point to remember when analyzing propaganda.

1.6. The Problem of Factuality. (p. 53ff.)

It's well-known fact that in advertisements, veracity and truthfulness are key to a product's success.

1.7. Intentions and Interpretations. (p. 57ff.)

Ellul says this is the realm of lies. No proof need be required, furnished, or assessed. An event can be interpreted in wildly different ways depending on the interpreters... Even experts don't agree among themselves on current facts.

In war, truth is the first casualty.

2. The External Characteristics

2.1. The Individual and the Masses. "Modem propaganda reaches individuals enclosed in the mass and as participants in that mass, yet it also aims at a crowd, but only as a body composed of individuals." (Ellul, 1962, p. 6).

2.2. Total Propaganda. "Propaganda must be total. The propagandist must utilize all of the technical means at his disposal-the press, radio, TV, movies, posters, meetings, door-to-door canvassing... Each medium contributes its own strength, its own way of penetration, so that using the totality of means achieves maximum effectiveness.

2.3. Continuity and Duration* of *Propaganda. "Propaganda must be continuous and lasting--continuous in that it must not leave any gaps, but must fill the citizen's whole day and all his days; lasting in that it must function over a very long period of time." (p.17). Propaganda must be relentless and allows no time for the individuals to seek outside points of view.

2.4. Organization of Propaganda. There must a central administrative organization such as a Ministry of Propaganda or Information with adequate material and manpower resources to generate, coordinate, and impart direction of the propaganda enterprise.

2.5. Orthopraxy. The aim of modern propaganda is no longer to change minds, modify opinions, or win converts, but to provoke action desired by the propagandist.

Ellul (p. 31) also emphasizes two great motivators, the conditioned reflex and the myth.

I have no doubt that to the Vietnamese the myth of "con rồng cháu tiên" (*offspring of the Dragon, scions of Immortal*s) commands an immediate and mighty metaphysical, emotional and spiritual power.

3. Categories of Propaganda

Ellul distinguishes several classes or categories of propaganda: (1) political and sociological, (2) agitation and integration, (3) vertical and horizontal, and (4) rational and irrational.

3.1 Political Propaganda (p. 62ff.). A large number of propaganda campaigns have a political aim. We can talk about Soviet propaganda, Nazi propaganda, Chinese propaganda, the F.L.N. (Front de Libération Nationale) in Algeria, French propaganda, etc.

We might add that in a democracy such as the United States, political propaganda abounds in time of election, when candidates vie with each other to reach their bases by spending enormous amounts contributed by supporters on round-the-clock advertising.

Political propaganda is either *strategic* or *tactical.*
`

3.2 Sociological propaganda.(p. 62ff.) Ellul admits that sociological propaganda is difficult to grasp and, hence, rarely discussed. Sociological propaganda aims for "interpenetration of ideology by means of its sociological context." (p. 63) The individual or the masses are exposed to the surrounding ideology and spontaneously adapt and "internalize" it unconsciously over time. No propagandist needsto mount a sociological propaganda campaign.

Sociological propaganda manifests itself in the usual means such as movies, advertising, education, publishing, social service, the "Reader's Digest," and so on.

To illustrate how sociological propaganda is unconscious (p. 67).

One phenomenon surprising to Ellul (p. 69) is the emergence of the "agitators," acknowledged by American sociologists. The "agitator" turns out to be a "nationalist" who incites public opinion. Ellul asserts that he's a "true" prophet of the American Way of Life (sic), which is anti-Communist, anti-Semitic, anti-Black, and xenophobic.

At the conclusion of this section, Ellul argues that "the more conscious the sociological propaganda is, the more it tends to express itself externally," namely to export its influence abroad,.

3.3 Propaganda of Agitation

Just as political propaganda must be distinguished from sociological propaganda, so propaganda of agitation must be kept separate from propaganda of integration.

Propaganda of agitation (agitprop) (p.71ff.) monopolizes our attention in this distinction because of its spectacularly explosive effect.

The West doesn't engage in propaganda of agitation, but pursues propaganda of integration, since it is the established order against which "the others" direct their propaganda of agitation, which is inessence propaganda of revolution.

Propaganda of agitation tries to extract the most energy, enthusiasm and sacrifice from the individual, who is taken out of everyday routine to achieve results that were thought impossible.

Propaganda of agitation achieves its goals easier among the illiterate, the less educated or informed, such as the Africans, the lower classes, the proletariat. (p. 74)

3.4. Propaganda of integration (p 74 ff.)

Ellul states that integration propaganda is characteristic to Western civilization, though he concedes it did not exist before the twentieth century. As Western countries prosper, they demand uniformity, and adherence to society's truths, stereotypes, beliefs, and myths from the entire population. Integration propaganda is more subtle and takes longer to work. It aims to make an individual behave in conformity with accepted social norms and adapt to future socio-political developments.

After a period of agitation and subversion to overcome the enemy, successful revolutionary countries must switch to integration propaganda to consolidate the new order.

The difficulty of managing the transition from agitation to integration is further illustrated in the case of Hitler.

The only two examples of successful transition from agitation and subversion to integration and affirmation Ellul cites with approval were the cases of North Vietnam and China. North Vietnam employed both agitation and integration simultaneously.. Mao pursued both propaganda efforts along similar lines.

3.5. Vertical Propaganda (p. 80ff.)

A distinction must be made between the categories of *Vertical* and *Horizontal Propaganda.* Vertical propaganda is a top-down phenomenon in which a central power in its inner sanctum conceives, plans, organizes, and manages the entire propaganda enterprise.

However, because the effect of vertical propaganda is temporary, it requires frequent repetition.

3.6. Horizontal Propaganda (p. 81ff.)

This category is of recent vintage. Two forms exist: the Chinese propaganda (study/self-criticism -- *học tập*/*kiểm thảo*?) and group dynamics in Human Relations. This type of propaganda works best withmicro groups. However, there is an *animateur* or director of discussion (akin to a facilitator). H

This horizontal propaganda works slowly because the individuals have to arrive at the conclusion themselves.

3.7. Rational versus Irrational Propaganda. (p. 90ff.)

Ellul makes a distinction between rational and irrational propaganda, and between rational and irrational advertisements. Propaganda and information to support it go hand in hand. One normally believes factual information. If such information is known, the propaganda it supports will likely be believed, regardless of who the propagandist is.

This section of the book has the following points:

(1) Propaganda appealing to the emotions and passions tend to disappear nowadays.
(2) Propaganda now resembles information.
(3) In order to motivate the propagandee, the propagandist presents factual information, logical reasoning, rigorous rational support, which will be replaced by irrational motivators such as a myth or a vision.
(4) Both propaganda and the supporting information should not be excessive in quantity, for an abundance of facts, statistics, or data eliminate the individual's capacity to judge and form opinions. Information overload drowns the individual and prevents him or her from behaving as desired.
(5) Information is like a spider web that imprisons and hypnotizes the individual into inaction, and stymies clear and rational thinking as well as experience and ability to choose.
(6) The more information is developed, the more it determines what an individual should be.
(7) The individual is not free in the face of what is given him as truth.
(8) The individual's opinion is formed not from personal choice or experience but from the information received.
(9) Rational propaganda creates an irrational situation, thus remains propaganda, i.e., a situation where an individual is shaped by a society that deprives him of himself.

Ellul's *Propaganda*

Chapter II

Conditions for the Existence of Propaganda (pp. 88-126)

This chapter deals with the question, Why and how propaganda exist?

Ellul remarked that propaganda today differs from that of the past by invoking how the Greeks and the Romans made their propaganda. The obvious fact is that modern science has made modern propaganda possible to the extent that without the media made available by technology modern propagandawouldn't exist.

Several contributory factors have to exist before massive propaganda appear and thrive. Technology, transportation, mass media, research findings in psychology and sociology, political factors, revolutions such as the Russian Revolution and the Chinese Revolution, wars such as World War I and II and the Cold War, all provided the impetus for mass propaganda to develop and grow. Ellul argued that "And in this way propaganda has become a permanent feature in nations that actually despise it, such as the United States and France." (p. 89). I think it is debatable whether France and the United States "despise" propaganda, given that both countries want externally to reach a worldwide audience, friend or foe, to promote their image, and sully their enemy's image, and internally a domestic audience for economic and political reasons.

In addition, doctrines and men are decisive factors in fostering propaganda. According to Ellul (p. 89), certain doctrines make propaganda the center of political life, rather than an accessory to it. Leninism as developed by Mao is a doctrine of propaganda infused with Marxism. In Nazi Germany Hitler and Goebbels were master propagandists of Nazism.

However, such factors as discussed briefly above still need a catalyst to develop, and that is favorable sociological conditions, to which we now turn.

1. The Sociological Conditions

1.1 *Individualist Society and Mass Society* (p. 90)

Arguing that propaganda requires society to possess both individualist and mass aspects, Ellul clarified that although individualist society, who values freedom of choice by breaking away from small groups, and a mass society, who tends to reduce the individual to "a cypher," are at odds with each other, they are actually mutually dependent. As the individuals free themselves from family, clan, community, they find themselves in the middle of the mass society, which is made up of individuals as an organic but unstructured whole, Thus, one can't exist without the other. As Ellul put it, "Precisely because the individual claims to be equal to all other individuals, he becomes an abstraction and is in effect reduced to a cipher." (p.90)

The individuals thus freed from small groups should now find themselves masters of their own destiny, but they are actually helpless against the superior forces of society without guidance from any source. They begin to join with others like themselves to form professional, political, social, even military, groupings all with their own creeds. Such individuals are more impervious to propaganda. I think what makes such individuals within groups resistant to propaganda is not that they have liberated themselves from family or community and somehow have acquired strength of immunity, but that they have belonged to structured organisms as a protective shield. Such is the case with the peasantry, who have never not broken free of their familiar milieu. Ellul cited the case of Lenin, who found the peasantry difficult to integrate into the revolution, and Goebbels, who recognized that the only way to reach the peasants was to dissolve their social milieu. (p. 93). It is safe to say by analogy that Mao had succeeded to mobilize his peasant society because he was using his ideology, which is propagandistic in practice, to break up the family units of the peasantry by demolishing the traditional family patriarchal structure. With the family support system thus weakened, individuals joined up with peers under the guidance of the party directed by Mao and his followers.

According to Ellul (p. 93), propaganda can develop only in a mass society, not in a decaying individualist society, where the individuals are alienated because their familiar moorings in small groups such as family, church, community have been severed by industrialization and modernization, and more. Here theorists don't agree. It stands to reason that mass society is therefore the only extant organization left in which propaganda can develop.

This chapter contains several concepts that the reader needs to master before evaluating his claims: mass society, masses, crowds, mass media, and mass culture.

Mass society

Ellul (p.93) argued that propaganda can develop only in mass society. What is **mass society**? This is the key topic that requires the perspective of many theorists scrutinizing it under a large variety of angles. In this way we

will benefit from their expert judgments before we can formulate our own. Hence, an abundance of verbatim quotes, unadulterated by hasty and faulty generalization.

ENCYCLOPEDIA.COM

> **mass society** (as discussed at length in an article on mass society)
> "Mass society" is best understood as a term denoting a model of certain kinds of relationships that may come to dominate a society or part of a society. Terms like "mass production" and "mass communication" refer to activities that are intended to affect very large numbers of people who are seen,for these purposes, as more or less undifferentiated units of an aggregate or "mass." Similarly, a "mass society" is one in which many or most of the major institutions are organized to deal with people in the aggregate and in which similarities between the attitudes and behavior of individuals tend to be viewed as more important than differences. Societies or institutions organized in this way are said to have a "mass character," and the life of individuals in such societies is said to be governed primarily by "mass relations."

Wikipedia

> **Mass society** is a concept that describes *modern society as a monolithic force and yet a disaggregate collection of individuals.* It is often used pejoratively... to refer to a society in which bureaucracy and *impersonal institutions* have replaced some notion of traditional society, *leading to social alienation*.
>
> In a sense, *all societies are mass societies*, but the term typically refers to a (sic) developed countries that possess a mass culture and large-scale social, political and economic institutions which structure daily life for the majority of people...In modern times the term has taken on more importance and broader scope with the advent of mass media and the internet.
>
> ...Various conservative theorists developed concepts of mass society in which *it replaces aristocracies with the "tyranny of the majority" or "mob rule"* and José Ortega y Gasset, for instance, lamented *the decline of high culture*. Marxist accounts, such as those of the Frankfurt School, critiqued the prevailing forms of *mass society as one dominated by a culture industry that served the interests of capitalism*.
>
> Mass society as *an ideology can be seen as dominated by a small number of interconnected elites who control the conditions of life of the many, often by means of persuasion and manipulation*... This indicates the politics of *mass society theorists* – they are *advocates of various kinds of cultural elite who should be privileged and promoted over the masses, claimingfor themselves both exemption from and leadership of the misguided masses*.

Britannica

> **mass society,** concept used to characterize modern society as *homogenized but also disaggregated*, because it is *composed of atomized individuals*. The term is often used pejoratively to denote a modern condition in which traditional *forms of human association* have broken down and been replaced by *conformist or even totalitarian forms of collective behaviour.*
>
> *The idea of mass society originated in the conservative reaction to the French Revolution* (1787–99). For critics such as Hippolyte Taine, the real significance of the Revolution lay not inthe constitutional changes it brought about but in the deep social upheaval it caused. For these thinkers, the Revolution undermined traditional institutions such as the Roman Catholic Church

and thus weakened the social bonds that held French society together. The Revolution, they argued, had not established liberty but, on the contrary, had allowed collective despotism free rein by weakening intermediary associations and communities. According to critics ranging from Edmund Burke to Hannah Arendt, the Revolution was significant in part because it allowed ordinary people—the "swinish multitude," in Burke's view—to enter politics. What was most problematic, however, was the manner in which they entered politics: not through institutional channels but in the form of dissenting crowds or mobs. According to the French psychologist Gustave Le Bon, the empowerment of revolutionary crowds marked "*the advent topower of the masses*." Crowd psychology, developed most famously by Le Bon, described the crowd as driven by pre-rational passions or impulses, acting as a single entity under thedirection of a leader or blindly following its own whims. Crowd mentality was conceived as a contagious—and dangerous—form of popular enthusiasm. *Crowd psychology influenced the later development of mass society theory*. In fact, many social scientists used the concepts of crowd and mass interchangeably.

Similar themes emerged from the popularization of mass society theory in the mid-20th century. After World War II, social scientists and philosophers such as William Kornhauser and Erich Fromm turned to the concept of mass society in an effort to explain the conditions that made possible the transformation of the democratic Weimar Republic into the totalitarian Third Reich. Others, such as the *American sociologists Robert Nisbet and C. Wright Mills, sought to diagnose the apathy, alienation, and general malaise they thought were afflicting modern societies*.

Mass society theory was based on the thesis that modernity had severely eroded the social fabric. In mass society, individuals are at once subsumed in the social totality and estranged from one another. Individuals belonging to the mass are detached or atomized. This separation does not preserve the uniqueness of each individual but, on the contrary, contributes to a process of *social homogenization or leveling.* Thus, the condition of alienated individuals should not be confused with individual autonomy.

The same social processes that isolate people in a mass society—t*he division of labour*, for instance—also *make them highly dependent on others*. Unlike in the communities of old, however, this dependence is highly impersonal. According to the German sociologist Theodor Geiger, technological advances created a society in which individuals are increasingly dependent on people they either do not know or do not care about. With the decline of intermediary institutions, the argument continued, *individuals are deprived of their social ties and are subject to manipulation by the state through mass communication and mass mobilization.* Theorists of mass society, however, *disagreed on the principal cause of social disaggregation, some seeing it as rapid urbanization, others as booming population growth or an alienating model of industrial production (see mass production*).

Theories of mass society can be distinguished in terms of the kind of threat they associate with it. One form of criticism, often labeled "aristocratic," warns of the threat to elites and to high culture. Viewed from this perspective, mass society (or, more precisely, mass culture) is

> characterized by *a growing uniformity in tastes and an egalitarian leveling that leaves no place for excellence.* A different, though often connected, criticism, often labeled "democratic," focuses on the *threat to individual freedom*. Critics of mass society can be found across the left–right ideological spectrum.
>
> *A minority of theorists*, including the French sociologist Gabriel Tarde, embraced *mass society as a means of bringing together people of different backgrounds, occupations, and classes* and giving them a sense of belonging to a single group. Similarly, the American sociologist Edward Shils rejected standard criticisms of mass society as based on a caricature; indeed, he lauded *mass society for its inclusiveness and its valorization of individuality*. Mass society, Shils argued, means precisely that *"the mass of the population has become incorporated into society" and that there is no longer any "outsider."*

Mass society according to Ellul, who held that the conditions that culminated in mass society in Western Europe obtained during the nineteenth century and the first half of the twentieth century. The first one is the fact that *society was becoming increasingly individualistic* and *the old organizational structures were disintegrating*. Out this state of affairs mass society emerged, with the following characteristics; (1) heavy population density, (2) weak local structures and organizations, (3) currents of opinions strongly felt, (4) strong collectives absorbing the individuals, (5) existing psychological unity, and (6) uniform material life.

In addition, despite differences of training, situation and environment, men of mass society have similarities: (1) same preoccupations, (2) same interest of technology, (3) same mythical beliefs, and (4) same prejudices.

The above detailed exposition calls forth the concept of the **mass man,** the average, typical, ordinary man, the prototype of mass society. Let's peruse the definitions of the mass man as offered by different sources.

Merriam Webster Dictionary

> **mass man**
> an average, typical, or ordinary man **:** a prototype of the mass society especially when regarded as lacking individuality or social responsibility, as drawing his stereotyped ideas from the mass media, and as easily manipulated by economic, social, or cultural elites.

Dictionary.com

> **mass man**
> a hypothetical common man, especially one held to be typical of a mass society, to be characterized by the absence of unique values or distinct personality traits, to lack a sense of personal or social responsibility, and to be readily manipulated by the techniques developed by mass media.

Collins Dictionary

> **mass man**
> a hypothetical common man, esp. one held to be typical of a mass society, to be characterized by the absence of unique values or distinct personality traits, to lack a sense of personal or social responsibility, and to be readily manipulated by the techniques developed by mass media.

We have expanded Ellul's judgment about mass society and its important component, the mass man. As a result. we have acquired a broader view of the field than was possible had we not explored it further afield. And we

have a great deal of material to absorb. Let's allow ourselves some time to review and reflect on what we have learned to get the maximum benefit from it.

We will continue with the other concepts in the next segment. ■

(To be continued)

Thomas D. Le

20 April 2023

Bibliography

Allen, M. (2004). *Smart Thinking: Skills for Critical Understanding and Writing.* [eBook edition].**https://www.pdfdrive.com/category/112**

Argument. (2020, July 1).In *Wikipedia.* Retrieved July 11, 2020 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Argument**

Banaji, N.R. and Greenwald, A. G. (2013), *Blindspot: The Hidden Biases of Good People.* [eBook edition]. Delacroix Press. Retrieved April 18, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/blindspot-hidden-biases-of-good-people-e189362587.html**

Barclay, D. A. (2018). *Fake News, Propaganda, and Plain Old Lies:How to Find Trustworthy Information in the Digital Age*. [eBook edition]. Rowman & Littlefield. Retrieved July 18, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/fake-news-propaganda-and-plain-old-lies-how-to-find-trustworthy-information-in-the-digital-age-e157179037.html**

Baudouin, B. (2014). *Le grand livre de la connaissance de soi De Confucius à Bergson.* [eBook edition]. Presses du Chatelet. Retrieved April 2, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/le-grand-livre-de-la-connaissance-de-soi-de-confucius-%C3%A0-freud-d157871281.html**

Bennett, B. (2012), *Logically Fallacious: The Ultimate Collection of Over 300 Logical Fallacies.* [eBook edition]. Ebook.com. Retrieved January 6, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/logically-fallacious-the-ultimate-coll-of-over-300-logical-fallacies-d196168785.html**

Bernays, E (1928). *Propaganda:* [eBook edition]. Retrieved October 26, 2021 from https://www.pdfdrive.com/propaganda-edward-l-bernays-whale-d7878425.html

Bernays, E (2004, first published 1928). *Propaganda: Comment manipuler l'opinion en democratie.* [eBook edition]. Ig publishing. Retrieved October 26, 2021 from **https://pdfroom.com/books/edward-bernays-propaganda/vxdzZ9NEdRV**

Bias. (2021, January 12). In *Wikipedia.* Retrieved January 12, 2021 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Bias**

Browne, M.L. and Keely, S.M. (2007). *Asking the Right Questions, 2nd ed*. [eBook edition]. Upper Saddle River, NJ: Retrieved September 25, 2020 from **https://epdf.pub/asking-the-right-questions-a-guide-to-critical-thinkinga2a9c31b91f7f935fe474f2153bbf2ff81430.html**

Caverni. J.P, Fabre, J.M. & Gondalez, M. (Eds.).(1990). *Cognitive Biases.* [eBook edition]. North-Holland, Amsterdam. Retrieved January 18, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/cognitive-biases-e185159458.html**

Cederblom, J. and Paulsen, D. (2001). *Critical Reasoning*. 6th ed. [eBook edition]. Thomson Wadsworth. Retrieved January 18, 2020 from **https://epdf.pub/criticalreasoning862ad392a127bfdeac2d97158bde312b86664.html**

Center for Critical Thinking. (2021, February 17). *Critical Thinking for Today's Student*s. [Video]. YouTube. Retrieved May 19, 2021 from **https://www.youtube.com/watch?v=hzf8Emtn2Ig**

Chastenet, P. (2021). Jacques Ellul et la propagande. *Cahiers de Psychologie Politique*, (38). Retrieved April 17, 2022 from https://doi.org/10.34745/numerev_1398.

Cialdini, R. (2004). Influence et manipulation: Comprendre et maitriser les mecanismes et les techniques de persuasion. [eBook edition]. First Editions. Retrieved September 22, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/influence-et-manipulation-comprendre-et-ma%C3%AEtriser-les-m%C3%A9canismes-et-les-techniques-de-persuasion-d175328434.html**

Cialdini, R. (2007, first published 1998), *Influence: The Psychology of Persuasion*.[eBook edition]. Harper Collins ebooks. Retrieved September 22, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/influence-the-psychology-of-persuasion-d60375002.html**

Clunan, A., Lavoy, P.R. & Martin, S (eds.). (2008). *Terrorism, War, or Disease?: Unraveling the Use of Biological Weapons.* [eBook edition]. Stanford Security. Retrieved August 7, 2022 from **https://book4you.org/book/21749535/0aef87**

Cognitive bias. **(**2021, January 9). In *Wikipedia.*Retrieved January 12, 2021 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Cognitive_bias**

Cohen, S. (2009). *Critical Thinking Unleashed*. [eBook edition]. Rowman & Littlefield Publishers, Inc. **https://epdf.pub/critical-thinking-unleashed.html**

Crews-Anderson, T. (2007). *Critical Thinking and Informal Logic*. Humanities- Ebooks.co.uk **https://epdf.pub/critical-thinking-and-informal-logic.html**

Crowd Manipulation. (2022, December 16). In *Wikipedia*. Retrieved January 16, 2023 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Crowd_manipulation**

Culture Industry, (2022, November 21), In *Wikipedia*. Retrieved January 19, 2023 from

https://en.wikipedia.org/wiki/Culture_industry

Defining Propaganda I. (n.d.). *American Historical Association.* Retrieved August 2, 2022 from **https://www.historians.org/about-aha-and-membership/aha-history-and-archives/gi-roundtable-series/pamphlets/em-2-what-is-propaganda-(1944)/defining-propaganda-i**

DelViscio, J. (2020, July 20)A Nixon Deepfake, a 'Moon Disaster' Speech and an . Information Ecosystem at Risk. *Scientific American. Computing,* July 20, 2020. Retrieved September 12, 2020 from **https://www.scientificamerican.com/article/detecting-deepfakes1/utm_source=newsletter&utm_medium=email&utm_campaign=tech&utm_content=link&utm_term=2020-07-21_top stories&spMailingID=68049344&spUserID=NDQzNDc1MDA2MjYzS0&spJobID=1923085879&spReportId=MTkyMzA4NTg3OQS2**

Deweese-Boyd, I. (2016). Self-Deception. *Stanford Encyclopedia of Philosophy.* Retrieved January 12, 2020 from **https://plato.stanford.edu/entries/self-deception/**

Dunning–Kruger effect. (2020, July 7)**.** In *Wikipedia.* Retrieved July 18, 2020 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Dunning%E2%80%93Kruger_effect**

Eberhardt, J, L. (2019). *Biased : uncovering the hidden prejudice that shapes what we see, think, and do.* [eBook edition]. Viking, Retrieved April 18, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/biased-uncovering-the-hidden-prejudice-that-shapes-what-we-see-think-and-do-e195301338.html**

Edward Bernays. (2021, September 21). In *Wikipedia.* Retrieved October 29, 2021 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Edward_Bernays**

Ellul, J. (1954). *La Technique ou l'enjeu du siecle*. [eBook edition]. Retrieved April 14, 2022 from **https://book4you.org/book/4113994/9c8b68**

https/monoskop.org/images/4/44/ellul_jacques_-_1954/la_technique_ou_lenjeu_du_siecle(OCR_05).pdf

Ellul, J. (1962). Propagandes. [eBook edition]. Retrieved April 14, 2022 from **https/monoskop.org/images/8/84/ellul_jacques_-_1962/propagandes.pdf**

Ellul, J. (1964).
. [eBook edition]. Retrieved April 16, 2022 from **https://www.pdfdrive.com/the-technological-society-e183821254.html**

Ellul, J. (1965). *Propaganda: Formation of Men's Attitude*. [eBook edition]. Retrieved April 14, 2022 from **https://www.pdfdrive.com/ellul-jacques-propaganda-e147929461.html**

An Essay on Criticism. (2020, September 2). In *Wikipedia.* Retrieved July 18, 2020 from **https://en.wikipedia.org/wiki/An_Essay_on_Criticism**

Ewan,S. (1996). *PR!: A Social History of Spin.* [eBook edition]. Retrieved October 22, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/pr-a-social-history-of-spin-e189942551.html**

Fallacy. (2021, January 11). In *Wikipedia.* Retrieved January 22, 2021 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Fallacy**

George Grant (philosopher). (2022, March 18). In *Wikipedia.* Retrieved April 15, 2022 from **https://en.wikipedia.org/wiki/George_Grant_(philosopher)**

Groarke, L. (2017). Informal Logic. *Stanford Encyclopedia of Philosophy.* Retrieved July 12, 2020 from **https://plato.stanford.edu/entries/logic-informal/**

Guéguen, N. (2002). *Psychologie de la Manipulation et de la Soumission*. [eBook edition]. Dunod. Retrieved July 24, 2021 from **https://epdf.pub/psychologie-de-la-manipulation-et-de-la-soumission.html**

Gula, R. (2002). *Nonsense: A Handbook of Logical Fallacies,* [eBook edition]. Axios Press. Retrieved January 22, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/nonsense-a-handbook-of-logical-fallacies-d157118347.html**

Halpern, D. (2003). *Thought and Knowledge: An Introduction to Critical Thinking, Fourth Edition*. [eBook edition]. Lawrence Erlbaum Associates, Publishers. **https://epdf.pub/queue/thought-and-knowledge-an-introduction-to-critical-thinking.html**

Handelman, S. (2009). Thought Manipulation. [eBook edition]. Praeger. Retrieved July 24, 2021 from **https://epdf.pub/thought-manipulation-the-use-and-abuse-of-psychological-trickery.html**

Harrington, A., Marshall, B.I, & Müller. H.P. (eds.) (2006). *Encyclopedia of Social Theory*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved January 17, 2023 from **https://www.pdfdrive.com/encyclopedia-of-social-theory-d188594414.html**

Hart, C. (2013). *High Price A Neuroscientist's Journey of Self-Discovery That Challenges Everything You Know About Drugs and Society*. [eBook edition]. HarperCollins Publishers. **https://www.pdfdrive.com/high-price-a-neuroscientists-journey-of-self-discovery-that-challenges-everything-you-know-about-drugs-and-society-d196267373.html**

Henderson, L. (2018). The Problem of Induction. *Stanford Encyclopedia of Philosophy.* Retrieved January 4, 2021 from **https://plato.stanford.edu/entries/induction-problem/**

Herf, J.(2006). *The Jewish Enemy: Nazi Propaganda during World War II and the Holocaust.* [eBook edition]. The Balknap Press of Harvard University Press . Retrieved April 23, 2022 from **https://www.pdfdrive.com/the-jewish-enemy-nazi-propaganda-during-world-war-ii-and-the-holocaust-d186147277.html**

History of Propaganda.(2022, March 24) In *Wikipedia*. Retrieved April 22, 2021 from **https://en.wikipedia.org/wiki/History_of_propaganda**

Hitchcock, D. (2018), Critical Thinking. *Stanford Encyclopedia of Philosophy.* Retrieved July 12, 2020 from **https://plato.stanford.edu/entries/critical-thinking/**

Holiday, R. (2017). *Trust Me I'm Lying: Confessions of a Media Manipulator*. [eBook edition]. Portfolio / Penguin. Retrieved July 18, 2020 from **https://www.pdfdrive.com/trust-me-im-lying-confessions-of-a-media-manipulator-d193260698.html**

Hoggan, J. (2009). *Climate Change Cover-Up: The Crusade to Deny Global Warming*. [eBook edition]. Greystone Books. Retrieved January 19, 2022 from **https://www.pdfdrive.com/climate-cover-up-the-crusade-to-deny-global-warming-d193181626.html**

Holyoak, K. & Morrison. R. (2005). *The Cambridge Handbook of Thinking and Reasoning.* [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved January 4, 2021 from **https://epdf.pub/queue/the-cambridge-handbook-of-thinking-and-reasoning.html**

Horkheimer, M. & Adorno, T.W. (authors) Noerr, G.S. (ed.) .(2002). *Dialectic of Enlightenment: Philosophical Fragments.* [eBook edition]. Stanford University Press, Retrieved January 20, 2023 from **https://www.pdfdrive.com/dialectic-of-enlightenment-d18744342.html**

Howard, J.(2019). *Cognitive Errors and Diagnostic Mistakes: A Case-Based Guide to Critical Thinking in Medicine.* [eBook edition]. Springer. Retrieved January 21, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/cognitive-errors-and-diagnostic-mistakes-a-case-based-guide-**critical-thinking-in-medicine-d187170033.html

IPCC Sixth Assessment Report. (2022, January 17). In *Wikipedia.* Retrieved January 20, 2022 from **https://en.wikipedia.org/wiki/IPCC_Sixth_Assessment_Report**

Kirby, G. R., Goodpaster, J. R. & Levine, M. (1999), *Critical Thinking.* [eBook edition]. **https://epdf.pub/critical-thinking-uop-custom.html**

Konrad Kellen. (2022, January 12). In *Wikipedia.* Retrieved April 24, 2022 from https://en.wikipedia.org/wiki/Konrad_Kellen

Jacques Ellul. (2022, April 8). In *Wikipedia.* Retrieved April 13, 2022 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Jacques_Ellul**

Le Bon, G. (2009, orig, 1986). *The Crowd: A Study of the Popular Mind.* [eBook edition]. the Floating Press. Retrieved January 15, 2023 from **https://www.pdfdrive.com/the-crowd-a-study-of-the-popular-mind-e174363701.html**

Lie. (2021, September 7). In *Wikipedia.* Retrieved October 27, 2021 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Lie**

List of cognitive biases. **(**2021, January 9). In *Wikipedia.* Retrieved January 11, 2021 from **https://en.wikipedia.org/wiki/List_of_cognitive_biases**

List of fallacies. (2021, January 21). In *Wikipedia.* Retrieved January 22, 2021 from **https://en.wikipedia.org/wiki/List_of_fallacies**

List of paradoxes. (2021, January 21). In *Wikipedia.* Retrieved January 22, 2021 from **https://en.wikipedia.org/wiki/List_of_paradoxes**

Lyu, S.(2020, July 20). Deepfakes and the New AI-Generated Fake Media Creation-Detection Arms Race. *Scientific American. Policy & Ethics.* July 20, 2020. Retrieved September 12, 2020 from **https://www.scientificamerican.com/article/detecting-deepfakes1/utm_source=newsletter&utm_medium=email&utm_campaign=tech&utm_content=link&utm_term=2020-07-21_topstories&spMailingID=68049344&spUserID=NDQzNDc1MDA2MjYzS0&spJobID=1923085879&spReportId=MTkyMzA4NTg3OQS2**

Marcel, G. (n.d.). *Man Against Mass Society*. [eBook edition]. Gateway Editions. Retrieved January 20, 2023 from **https://docviewer.xdocs.net/view.php**

Mass Society. (2023, January 9), In *Wikipedia*. Retrieved January 15, 2023 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Mass_society**

McInerny, D.Q. (2004). *Being Logical*. [eBook edition] . Random House. Retrieved October 22, 2020 from **https://www.academia.edu/38188103/Being_Logical_A_Guide_to_Good_Thinking?email_work_card=view-paper**

McKeon M. (n.d.). Argument. In *Internet Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved July 11, 2020 from **https://www.iep.utm.edu/argument/**

Merriam-Webster. (n.d.). Propaganda. In *Merriam-Webster.com dictionary*. Retrieved October 25. 2021 **https://www.merriam-webster.com/dictionary/propaganda**

Merriam-Webster. (n.d.). Propagate. In *Merriam-Webster.com dictionary*. Retrieved October 25. 2021 **https://www.merriam-webster.com/dictionary/propagate**

Milgram experiment. (2021. June 13). In *Wikipedia.* Retrieved July 26, 2021 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Milgram_experiment**

Moore, B. N., & Parker. (2009). *Critical Thinking, 9th edition*. [eBook edition]. McGraw-Hill. Retrieved September 2, 2020 from **https://epdf.pub/queue/critical-thinking-9th-edition-5ea7abda5e079.html**

Mulnix, J. W. (2010). Thinking Critically about Critical Thinking. *Educational Philosophy and Theory.* Retrieved August 18, 2020 from **https://www.academia.edu/678248/Thinking_Critically_about_Critical_Thinking**

Nadler, G. & Chandon, W, J. (2004). *Smart Questions: Learn to Ask the Right Questions for Powerful Result*s. [eBook edition]. Jossy Bass. **https://www.pdfdrive.com/smart-questions-learn-to-ask-the-right-questions-for-powerful-results-d161229615.html**

Parkin-Gounelas, R. (2012). *The Psychology and Politics of the Collective: Groups, Crowds and Mass Identifications.* [eBook edition]. Routledge. Retrieved January 17, 2023 from https://www.pdfdrive.com/search?q=The+Psychology+and+Politics+of+the+Collective%3A+Groups%2C+Crowds+and+Mass+Identifi+cations&pagecount=&pubyear=&searchin=&em=&more=true

Pohl, R.F. , ed. (2004). *Cognitive Illusions.A Handbook on Fallacies and Biases in Thinking, Judgement and Memory.*[eBook edition]. Psychology Press. Retrieved March 28. 2020 from **https://www.pdfdrive.com/cognitive-illusions-a-handbook-on-fallacies-and-biases-in-thinking-judgement-and-memory-d184523053.html**

Pohl, R,D. (ed.). (2016). *Cognitive Illusions: Intriguing Phenomena in Judgement, Thinking .and Memory.*[eBook edition]. Psychology Press. Retrieved April 18. 2021 from **https://www.pdfdrive.com/cognitive-illusions-intriguing-phenomena-in-judgement-thinking-and-memory-d158178910.html**

Pope, A. (n.d.). *An Essay on Criticism*. [eBook edition]. Project Gutenberg. Retrieved June 18, 2021 from **http://www.gutenberg.org/files/7409/7409-h/7409-h.htm**

Pratkanis, A.R. & Aronson. *Age of Propaganda: The Everyday Use and Abuse of Propaganda*, Revised Ed. [eBook edition]. University of California, Santa Cruz. Retrieved July 18, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/age-of-propaganda-the-everyday-use-and-abuse-of-propaganda-e195129684.html**

Propaganda.(2022, April 11). In *Wikipedia*. Retrieved April 22, 2022 from h**ttps://en.wikipedia.org/wiki/Propaganda**

Propaganda: The Formation of Men's Attitudes. (2021, October 30). In *Wikipedia*. Retrieved April 13, 2022 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Propaganda:_The_Formation_of_Men%27s_Attitudes**

Public Relations. (2021, October 27) In *Wikipedia*. Retrieved October 30, 2021 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Public_relations**

PSW Science. (2017, March 6). *PSW 2370 Particles and Nature of Nothing | David Kaplan*. [Video] YouTube. Retrieved June 17, 2022 from **https://www.youtube.com/watch?v=-4Mz4OGVC_U**

Que sais-je? (n.d.) Retrieved July 28, 2020 from **https://www.quesaisje.com**

Que sais-je? (2020, January 3). In *Wikipedia*. Retrieved July 16, 2020 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Que_sais-je%3F**

Ramage, J, Callaway, M., Clary-Lemon, J., & Waggoner, Z. (2009). *Argument in Composition*. [eBook edition]. West Lafayette, IN: Parlor Press. **https://epdf.pub/argument-incomposition4589685156eef64fa4cfd9b5206eaa3a97066.html**

Reader's Digest. (2022, October 16). In *Wikipedia*. Retrieved October 19, 2022 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Reader%27s_Digest**

Ross. H. (2014). *Everyday Bias : Identifying and navigating unconscious judgments in our daily lives.* [eBook edition]. Rowman & Littlefield. Retrieved April 18, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/blindspot-hidden-biases-of-good-people-e189362587.html**

Rudinow, J. & Barry, V.E. (2008). *Invitation to Critical Thinking, 6th edition.* Belmont, CA, Thomson Wadsworth. [eBook edition]. Retrieved September 24. 2020 from **https://epdf.pub/invitation-to-critical-thinking-sixth-edition.html**

Ruggero, V.R, (2012). Beyond Feelings: A Guide to Critical Thinking, 9th edition. [eBook edition]. New York, NY: McGraw-Hill. Retrieved September 25. 2020 from **https://epdf.pub/beyond-feelings-a-guide-to-critical-thinking-ninth-edition-pdf-5eccdcf9c1e76.html**

Russell, S.J. and Norvig, P. (2010). *Artificial Intelligence: A Modern Approach, 3rd ed.* [eBook edition]. Prentice-Hall. **https://epdf.pub/artificial-intelligence-a-modernapproach0ca11e5ddcabfa8e49892b6b1640c27014202.html**

Salmon, M. H. (2013). *Introduction to Logic and Critical Thinking, 6th ed.* Australia:Wadsworth Cengage Learning. [eBook edition]. **https://epdf.pub/introduction-to-logic-and-critical-thinking-6th-edition-pdf- 5eccf695f0c38.html**

Self-similarity, (2020, May 19). In *Wikipedia.* Retrieved July 11, 2020 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Self-similarity**

Shabo, M. E. (2008). *Techniques of Propaganda and Persuasion*. [eBook edition]. Prestwick House, Inc.. Retrieved March 12, 2022 from **https://www.pdfdrive.com/techniques-of-propaganda-and-persuasion-e196250258.html**

Shaw, J. (n.d). T*he Memory Illusion: Remembering, Forgetting, and the Science of False Memory.*[eBook edition]. Rh Books. Retrieved March 28, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/the-memory-illusion-remembering-forgetting-and-the-science-of-false-memory-d156659567.html**

Sparkman, R,B. (1978). *The Art of Manipulation*. [eBook edition]. The Dial Press. Retrieved July 24, 2021 from **https://epdf.pub/queue/art-of-manipulation.html**

Snider, A. C. (2006). *Influencing through argument.* International Debate Education Association, [eBook edition]. **https://epdf.pub/influencing-through-argument.html**

Spin (propaganda) (2021, June 25). In *Wikipedia*. Retrieved October 30, 2021 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Spin_(propaganda)**

Stanley, J. (2015). *How Propaganda Works*. [eBook edition]. Princeton University Press. Retrieved July 19. 2021 from **https://www.pdfdrive.com/how-propaganda-works-e166908680.html**

Swathridge. C. (2014). *The Oxford Guide to Effective Argument and Critical Thinking.* [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved January 22, 2021 from **https://www.pdfdrive.com/oxford-guide-to-effective-argument-and-critical-thinking-d177810963.html**

Torches of Freedom. (2021, August 2), In *Wikipedia*. Retrieved October 29, 2021 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Torches_of_Freedom**

Vaughn, L. (2008), *The Power of Critical Thinking.* [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved August 6, 2020 from **https://epdf.pub/queue/the-power-of-critical-thinking-effective-reasoning-about-ordinary-and-extraordin.html**

Very Short Introductions. (2020, July 25). In *Wikipedia*. Retrieved July 26, 2020 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Very_Short_Introductions**

Walton, D. (2006). *Fundamentals of Critical Argumentation.* [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved August 6, 2020 from **https://epdf.pub/fundamentals-of-critical-argumentation-critical-reasoning-and-argumentation.html**

Walton, D. (2007). *Dialog Theory for Critical Argumentation.* [eBook edition]. Amsterdam: John Benjamins Publishing Company. Retrieved August 6, 2020 from **https://epdf.pub/dialog-theory-for-critical-argumentation-controversies.html**

Yu, F.T.C. (1964). *Mass Persuasion in Communist China*.[eBook edition]. Frederick A. Praeger,

Retrieved January 25, 2023 from
https://epdf.pub/queue/mass-persuasion-in-communist-china.html

Back to Contents